KHÓA HƯ LỤC

GIẢNG GIẢI

LỜI ĐẦU SÁCH

Quyển Khóa Hư Lục Giảng Giải này ra đời do lòng nhiệt tình, tâm tha thiết mong muốn có một "pho sách Phật giáo Việt Nam" thật sự Việt Nam của chúng tôi. Bao nhiêu năm rồi, chúng tôi ao ước những tư liệu Phật giáo Việt Nam còn sót lại được dịch ra chữ quốc ngữ để cho người sau có phương tiện tham khảo học tập. Rất hân hạnh được các vị Thiều Chửu, Đào Duy Anh, Nguyễn Đăng Thục, hòa thượng Thanh Kiểm và Viện Văn Học đã dịch bộ Khóa Hư Lục. Nương chú giải của quý vị trên, chúng tôi dễ dàng nhiều trong khi giảng giải tập sách này. Quý vị là ân nhân lớn giúp chúng tôi thực hiện được sở nguyện từ lâu.

Sách Phật giáo Việt Nam vốn dĩ nghèo nàn lại bị mất mát, cần bảo tồn và làm tăng trưởng thêm, chúng tôi cố gắng giảng giải và in ra, hầu mong thêm lớn phần nào cho pho sách Phật giáo Việt Nam. Giáo hội Phật giáo

Việt Nam mà không có một pho sách Phật giáo Việt Nam, đây là một thiếu sót lớn. Trước kia Tổng hội Phật giáo Bắc Kỳ nhờ trường Viễn Đông Bác Cổ giúp đỡ đã in được pho sách Phật giáo Việt Nam lấy tên là Việt Nam Phật Điển Tùng San để phát hành. Song pho sách này vẫn bằng chữ Hán, tài liệu còn hạn chế và ít người đọc được.

Theo quan niệm chúng tôi, "pho sách Phật giáo Việt Nam" là gom góp các quyển sách, văn thơ... của các bậc tôn túc, các hàng đạt đạo người Việt Nam đã viết còn lưu lại, để thấy tinh thần người xưa tu hành đạt đạo và thâm hiểu Phật giáo như thế nào, cho chúng ta, hàng hậu học có chút tự hào về tổ tiên mình và học hỏi theo các ngài.

Quyển Khóa Hư Lục chúng tôi dùng giảng giải là bản in năm 1943 của Tổng hội Phật giáo Bắc Kỳ. Muốn người nghe và người đọc dễ lãnh hội, chúng tôi thay đổi thứ tự những đề mục trong sách chữ Hán, những phần dễ để trước, phần khó để sau, cốt hướng dẫn độc giả nhận được yếu chỉ Thiền tông. Mong thực hiện được bản hoài, chúng tôi không ngại tài đức cạn mỏng, mạnh bạo làm một việc có thể quá sức. Chắc rằng còn lắm điều sai sót, mong quý vị cao minh tha thứ và chỉ giáo cho.

Thiền viện Thường Chiếu 23-04-1996

THÍCH THANH TỪ

TRẦN THÁI TÔNG
ÔNG VUA THIỀN SƯ
(1218 - 1277)

Trần Thái Tông tên Trần Cảnh, con thứ của Trần Thừa, sanh năm Mậu Dần niên hiệu Kiến Gia thứ tám (1218) triều Lý. Gia thế ở hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường (nay là xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định); đời ông cha làm nghề đánh cá. Nhờ có công dẹp loạn, họ Trần dần dần có thế lực từ đời Lý Cao Tông. Trần Cảnh mới có tám tuổi được Lý Chiêu Hoàng nhận làm chồng và truyền ngôi cho, lấy hiệu là Thái Tông.

Năm Thái Tông lên hai mươi tuổi, Lý Chiêu Hoàng mười chín tuổi đang là hoàng hậu, bị Trần Thủ Độ ép Thái Tông giáng Chiêu Hoàng làm công chúa, lấy chị bà là Thuận Thiên vợ Trần Liễu (anh ruột Thái Tông) làm hoàng hậu. Lý do vì Thủ Độ nôn nóng Thái Tông có con để kế thừa, mà Chiêu Hoàng chậm con, chị bà

đang mang thai. Trần Liễu phẫn uất nổi loạn tháng giêng năm Bính Thân (1236).

Do nhiều nỗi khổ và lòng ray rứt bất an, lúc mười giờ đêm ngày mồng ba tháng tư năm 1236, vua Thái Tông bỏ ngai vàng, trốn lên núi Yên Tử đi tu. Vua đem theo một số tùy tùng, nói đi để nghe dư luận dân gian, biết rõ sự thật cho dễ bề trị nước. Sang sông, đoàn người đi về phía đông. Bấy giờ vua mới nói rõ ý định đi tu với các người tùy tùng và bảo họ trở về. Mọi người đều ngạc nhiên và khóc lóc. Vào khoảng sáu giờ sáng hôm sau vua đến bến đò Đại Than ở núi Phả Lại. Trời sáng, sợ có người nhận ra, vua lấy vạt áo che mặt mà qua đò, rồi theo đường tắt lên núi. Đến tối, vua vào nghỉ trong chùa Giác Hạnh, đợi sáng lại đi. Khó khăn trèo núi hiểm, lội suối sâu, con ngựa đã yếu không thể lên núi được nữa, vua phải bỏ ngựa vịn vào các tảng đá mà đi. Khoảng hai giờ trưa mới đến chân núi Yên Tử. Sáng hôm sau, vua lên thẳng đỉnh núi và vào tham kiến thiền sư Trúc Lâm (có lẽ là thiền sư Đạo Viên).

Thấy Trẫm, Quốc sư mừng rỡ. Người ung dung bảo Trẫm:

- Lão tăng ở chốn sơn dã đã lâu, xương cứng mặt gầy, ăn rau răm, nhai hạt dẻ, uống nước suối, vui cảnh núi rừng đã quen, lòng nhẹ như đám mây nổi, cho nên mới theo gió mà đến đây. Nay bệ hạ bỏ địa vị nhân chủ mà nghĩ đến cảnh quê mùa rừng núi, hẳn là muốn tìm cầu gì ở đây cho nên mới đến, phải không?

Trẫm nghe lời thầy hỏi, hai hàng nước mắt ứa ra, liền thưa với thầy rằng:

- Trẫm còn thơ ấu, đã sớm mất mẹ cha, trơ vơ đứng trên sĩ dân, không có nơi nào để nương tựa. Lại nghĩ rằng sự nghiệp đế vương đời trước hưng phế bất thường, cho nên mới vào đây, chỉ muốn cầu thành Phật, chứ chẳng muốn tìm gì khác.

Thầy đáp:

- Trong núi vốn không có Phật, Phật ở trong tâm ta. Nếu tâm lắng lặng trí tuệ xuất hiện, đó chính là Phật. Nếu bệ hạ giác ngộ được tâm ấy thì tức khắc thành Phật ngay tại chỗ, không cần đi tìm cực khổ ở bên ngoài.

(Bài tựa sách Thiền Tông Chỉ Nam)

Hôm sau, Trần Thủ Độ đem các quan lên núi Yên Tử đón vua về kinh. Bài tựa Thiền Tông Chỉ Nam, Thái Tông viết:

Thấy Trẫm, Trần Công thống thiết nói:

- Tôi chịu lời ủy thác của tiên quân, phụng sự nhà vua trong việc làm chủ thần dân. Nhân dân đang mong đợi bệ hạ như con đỏ trông đợi cha mẹ. Huống chi ngày nay các vị cố lão trong triều đều là họ hàng thân thích, sĩ thứ trong nước ai nấy đều vui vẻ phục tùng, đến đứa trẻ lên bảy cũng biết nhà vua là cha mẹ dân. Vả lại Thái Tổ vừa mới bỏ tôi mà đi, hòn đất trên nấm mồ chưa ráo, lời dặn dò bên tai còn văng vẳng, thế mà bệ hạ đã lánh vào chốn núi rừng ẩn cư để cầu thỏa lấy ý chí riêng của mình. Tôi dám nói rằng bệ hạ vì sự tự tu cho riêng mình mà làm vậy thì được, nhưng còn quốc gia xã tắc thì sao? Nếu để lời khen suông cho đời sau thì sao bằng lấy ngay thân mình làm người dẫn đạo cho thiên hạ? Bệ hạ nếu

không nghĩ lại, quần thần chúng tôi cùng thiên hạ sẽ xin cùng chết cả trong ngày hôm nay, quyết không trở về.

Trẫm nghe Thái sư và các quần thần bô lão đều không chịu bỏ Trẫm, cho nên mới đem lời Thái sư mà bạch lại với Quốc sư, Quốc sư cầm tay Trẫm mà nói:

- Phàm làm đấng nhân quân, thì phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, và tâm thiên hạ làm tâm của mình. Nay thiên hạ muốn đón bệ hạ về, bệ hạ không về sao được? Tuy nhiên sự nghiên cứu nội điển xin bệ hạ đừng phút nào quên.

Bởi vậy Trẫm với mọi người trong triều mới trở về kinh, miễn cưỡng mà lên lại ngôi báu. Ròng rã trong mười năm trời, mỗi khi có cơ hội việc nước nhàn rỗi, Trẫm lại tụ họp các bậc kỳ đức để học hỏi đạo thiền. Các kinh điển của các hệ thống giáo lý chính, không kinh nào là Trẫm không nghiên cứu. Trẫm thường đọc kinh Kim Cang, một hôm đọc đến câu "ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", buông kinh xuống chiêm nghiệm, bỗng hoát nhiên tự ngộ...

Thái Tông là ông vua chăm học, trong bài tựa kinh Kim Cang Tam-muội ông viết:

Trẫm lo việc chăn dân, mỗi lúc gian nan thường lăn lóc trong công việc, quên cả sớm chiều. Công việc thì có hàng vạn thứ mà thì giờ nhàn rỗi không có được bao lăm. Siêng công việc, tiếc ngày giờ, Trẫm cố học hành thêm. Chữ nghĩa thì chưa biết được bao lăm, cho nên ban đêm đến giờ khuya vẫn còn phải thức để đọc sách; học sách Nho rồi còn học kinh Phật.

Thái Tông quả là ông vua cần mẫn hiếu học, không buông mình theo dục lạc.

Chẳng những thế, Thái Tông lại là ông vua anh hùng. Năm 1257 giặc Mông Cổ xâm lăng đất nước. Thái Tông đích thân tham gia chỉ huy nhiều trận, có mặt ở cả mọi nơi nguy hiểm, khiến quân sĩ đều nức lòng chiến đấu. Kết quả quân ta đã đánh tan quân xâm lược, giặc Mông Cổ tháo thân chạy về Vân Nam vào đầu năm 1258. Đây là ông vua vừa đạo đức vừa anh hùng, làm sáng rỡ những trang sử oai hùng của dân tộc Việt Nam.

Sau cuộc chiến, đất nước thái bình, Trần Thái Tông nhường ngôi cho con năm 1258, lên làm Thái thượng hoàng. Từ đây Thái Tông vừa làm cố vấn cho con, vừa lo nghiên cứu tu thiền. Đến lúc vua Trần Thánh Tông đủ sức đảm đang việc nước, ông lui về lập am Thái Vi ở vùng rừng núi Vĩ Lâm cố đô Hoa Lư để an dân lập ấp và tu hành.

Thái Tông bệnh, nhân nuôi bệnh cha, Thánh Tông thưa:

- Chân không và ngoan không là đồng hay khác?

Thái Tông bảo:

- Hư không là một, chỉ vì tâm mình mê ngộ nên có chân và ngoan. Ví như phòng nhà mở cửa thì sáng, đóng cửa thì tối, sáng tối chẳng đồng mà phòng nhà là một.

Hôm sau, quốc sư Đại Đăng vào thăm hỏi:

- Bệ hạ bệnh chăng?

Thái Tông nói:

- Tứ đại là bệnh, cái này xưa nay sanh tử không can hệ, mà dính kẹt trong bệnh hoạn sao?

Khoảng mấy hôm sau, Thái Tông lặng thinh không nói, đuổi hết kẻ hầu hạ, đem việc nước dặn dò Thánh Tông. Thánh Tông muốn nhờ hai quốc sư Phù Vân (Đạo Viên) và Đại Đăng nói pháp xuất thế cho Thái Tông nghe. Thái Tông gằn giọng bảo:

- Đến trong đây, bớt một mảy tơ dường trên thịt khoét thương, thêm một mảy tơ như trong mắt để bụi. Ba đời chư Phật bốn mắt nhìn nhau, sáu đời tổ sư thoái thân có phần. Dù Phù Vân nói huyền, Đại Đăng thuyết diệu đều là lời thừa, có ích gì đối với cái này?

Nói xong, ngài lặng lẽ thị tịch, nhằm mùng một tháng tư năm Đinh Sửu niên hiệu Bảo Phù thứ năm (1277), thọ sáu mươi tuổi.

Ngài còn lưu lại những tác phẩm:

1. Thiền Tông Chỉ Nam
2. Kim Cang Tam-muội Kinh Chú Giải
3. Lục Thời Sám Hối Khoa Nghi
4. Bình Đẳng Lễ Sám Văn
5. Khóa Hư Lục
6. Thi Tập.

BÀI TỰA
THIỀN TÔNG CHỈ NAM

Chánh văn:

Trẫm thầm nghĩ: Phật không có nam bắc, mọi người đều có thể tu cầu. Tánh có trí ngu, đồng sẵn giác ngộ. Vì vậy, phương tiện dẫn dụ đám người mê, để sáng tỏ đường tắt sanh tử, là kinh điển của đức Phật chúng ta. Đặt mực thước cho đời, làm mô phạm người sau, là trọng trách các bậc thánh trước (Tổ). Cho nên Lục Tổ nói: "Những bậc thánh trước (Tổ) cùng Đại sư (Phật) không khác." Nên biết giáo pháp của Phật nhờ các bậc thánh trước truyền bá ở đời. Nay Trẫm đâu thể không lấy trách nhiệm các bậc thánh trước làm trách nhiệm của mình, giáo pháp của Phật làm giáo pháp của mình.

Vả lại, thuở Trẫm còn niên thiếu có chút ít hiểu biết, vừa nghe lời dạy của thiền sư thì tâm tư

lóng lặng, bỗng dưng thanh tịnh; nên để tâm nơi nội giáo, tham cứu Thiền tông, dốc lòng tìm thầy, chí thành mộ đạo. Tuy ý hồi hướng đã nảy mầm, mà cơ cảm xúc chưa thấu suốt.

Năm mười sáu tuổi, Thái hậu đã chán cõi đời, Trẫm nằm rơm gối đất, khóc ra máu mắt, đau đớn nát lòng; ngoài nỗi đau buồn này, đâu rảnh nghĩ việc khác. Chỉ vài năm sau, Thái Tổ hoàng đế cũng băng hà. Lòng thương mẹ chưa nguôi, nỗi xót cha càng thống thiết, buồn thảm tràn trề khó bề dẹp được. Trẫm nghĩ: Công cha mẹ đối với con, nuôi nấng vỗ về không thiếu điều gì, dù con phải xương tan thịt nát vẫn chưa đủ đáp đền trong muôn một. Huống nữa, Thái Tổ hoàng đế khai cơ lập nghiệp rất đỗi gian nan, trị nước giúp đời càng hệ trọng. Người đem đất nước giao cho ta khi còn thơ ấu, khiến ta ngày đêm canh cánh không chút thảnh thơi. Ta lòng riêng tự bảo: Trên đã không còn cha mẹ để tựa nương, dưới ngại chẳng xứng lòng dân mong đợi. Phải làm sao đây? Ta suy đi nghĩ lại: Chi bằng lui về ở chốn núi rừng, tìm học Phật pháp để hiểu rõ việc lớn sanh tử, lấy đó đền đáp công ơn cha mẹ, chẳng hay hơn sao? Thế là chí Trẫm đã quyết định.

Đêm mùng ba tháng tư năm Bính Thân, niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình thứ năm (1236), Trẫm đổi y phục đi ra khỏi cửa cung, bảo tả hữu rằng: "Trẫm muốn đi dạo để ngầm nghe lời dân, biết được chí dân, mới hiểu thấu nỗi khó khăn của họ."

Bấy giờ tả hữu theo Trẫm không quá bảy tám người. Giờ Hợi đêm ấy, Trẫm cưỡi một ngựa lặng lẽ ra đi, sang sông thẳng về hướng đông, mới nói thật lòng cho tả hữu biết. Tả hữu ngạc nhiên, tất cả đều khóc. Giờ Mẹo hôm sau, đến bến đò Đại Than bên núi Phả Lại, sợ có người biết, Trẫm lấy áo che mặt qua sông, đi tắt theo đường núi. Đến tối vào nghỉ chùa tăng Giác Hạnh, đợi sáng lại đi. Leo trèo lặn lội, núi hiểm suối sâu, ngựa mỏi mệt không thể tiến lên được; Trẫm bèn bỏ ngựa vin vách đá mà lần bước, đến giờ Mùi mới tới sườn núi Yên Tử. Sáng hôm sau, Trẫm trèo thẳng lên đỉnh núi, tham kiến vị đại Sa-môn quốc sư Trúc Lâm. Quốc sư vừa thấy Trẫm mừng rỡ, ung dung bảo:

- Lão tăng ở lâu nơi sơn dã, xương cứng mặt gầy, ăn rau đắng cắn hạt dẻ, uống nước suối dạo cảnh rừng, lòng như mây nổi theo gió đến đây. Nay bệ hạ bỏ ngôi nhân chủ, nghĩ đến nơi quê hèn rừng núi, chẳng hay bệ hạ mong cầu điều gì mà đến đây?

Trẫm nghe nói hai hàng nước mắt tự tràn, đáp lại Sư rằng:

- Trẫm còn thơ ấu vội mất hai thân, bơ vơ đứng trên sĩ dân không chỗ nương tựa. Lại nghĩ sự nghiệp các bậc đế vương đời trước, thạnh suy không thường, cho nên Trẫm đến núi này chỉ cầu làm Phật, chứ không cầu gì khác.

Sư bảo:

- Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ ở trong tâm. Tâm lặng mà biết gọi là chân Phật.

Nay bệ hạ nếu ngộ tâm này thì tức khắc thành Phật, không nhọc tìm cầu bên ngoài.

Bấy giờ ông chú Trần Công - người em họ mà tiên quân gửi gắm đứa con côi, sau khi tiên quân bỏ thế gian và quần thần, Trẫm phong làm Thái sư tham dự quốc chính - nghe tin Trẫm trốn đi, ông liền sai tả hữu đi mọi nơi dò tìm tung tích, rồi cùng người trong nước lên đến núi này. Gặp Trẫm, ông thống thiết nói:

- Thần nhận sự ủy thác của tiên quân, tôn bệ hạ làm chúa thần dân. Lòng dân trông đợi ở bệ hạ như con nhỏ mong đợi cha mẹ. Huống nữa, ngày nay các cố lão trong triều đều là bề tôi thân thuộc, dân chúng sĩ thứ ai cũng vui vẻ phục tùng. Cho đến đứa bé lên bảy cũng biết bệ hạ là cha mẹ dân. Vả Thái Tổ bỏ thần mà đi, nấm đất trên mồ chưa khô, lời dặn dò còn vẳng bên tai. Mà nay bệ hạ trốn lánh vào núi rừng, ẩn cư để mong thỏa mãn chí mình. Như thần nghĩ, bệ hạ tính kế tự tu thì có thể được, còn quốc gia xã tắc thì sao? Chỉ để lời dạy suông cho đời sau, chi bằng đem thân mình làm gương trước cho thiên hạ. Bệ hạ nếu không nghĩ lại, chúng thần cùng người trong thiên hạ đồng chết ngay hôm nay, quyết chí không trở về.

Trẫm thấy Thái sư cùng các cố lão quần thần không có ý bỏ Trẫm, liền đem lời này tỏ bày với Quốc sư. Quốc sư cầm tay Trẫm bảo:

- Phàm làm đấng nhân quân, phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm của

thiên hạ làm tâm của mình. Nay thiên hạ muốn đón bệ hạ trở về, bệ hạ không về sao được. Song phần nghiên cứu nội điển, mong bệ hạ đừng xao lãng.

Vì thế, Trẫm cùng mọi người trở về kinh, miễn cưỡng lên ngôi. Khoảng hơn mười năm, những khi được rảnh rỗi, Trẫm tập họp các vị kỳ đức để tham cứu thiền, hỏi đạo và các kinh Đại thừa... đều nghiên cứu qua. Trẫm thường đọc kinh Kim Cang đến câu "ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", trong khoảng để quyển kinh xuống ngâm nga, bỗng nhiên tự ngộ. Liền đem sở ngộ này viết thành bài ca, để tên là "Thiền Tông Chỉ Nam". Năm này, Quốc sư từ núi Yên Tử về kinh, Trẫm mời ở chùa Thắng Nghiêm, trông coi việc ấn bản các kinh. Trẫm đem tập sách này trình Sư, Sư xem qua liền tán thán rằng:

- Tâm chư Phật ở trọn nơi đây, sao không nhân khắc in các kinh, khắc in luôn để dạy kẻ hậu học?

Trẫm nghe lời này, sai thợ viết chữ chân phương, ra lệnh khắc bản in. Chẳng những để chỉ đường mê cho hậu thế, mà còn muốn tiếp nối công lớn các bậc thánh nhân đời trước. Vì thế tự làm lời tựa này.

Giảng:

Qua các tư liệu về Phật giáo Thiền tông đời Trần, chúng ta được biết đường lối tu thiền đời Trần bắt đầu từ vua Trần Thái Tông. Ngài là người lãnh đạo đất nước,

đồng thời là một ông vua Thiền sư. Nói đến Thiền tông đời Trần chúng ta cần nhìn tổng quát trước, rồi đi vào phần chi tiết sau.

Về đời Trần, các nhà nghiên cứu sử có những phê bình khác nhau, vì đứng từng góc độ khác nhau. Trên góc độ Khổng giáo, các vua đời Trần có lỗi là trong thân tộc cưới gả lẫn nhau, làm mất đi tinh thần luân lý đạo đức. Nhưng nếu nhìn qua góc độ Phật giáo Thiền tông thì các ngài ở địa vị vua mà có thể tu hành đạt đạo, rất xứng đáng để chúng ta học hỏi. Đặc điểm của các thiền sư đời Trần là các ngài hiểu đạo, nói được và thực hành được. Ngày nay noi gương các ngài, không phải chúng ta chỉ biết lý thuyết suông mà phải thực hành cho được những điều đã học. Hơn nữa trong hoàn cảnh làm vua đang cai trị đất nước, chống ngoại xâm, hoàn cảnh hết sức khó khăn bận rộn mà các ngài vẫn nghiên cứu Phật giáo và vẫn tu được. Chúng ta hiện giờ dù bận rộn bao nhiêu cũng không thể so bì được, trái lại còn phải thành tâm kính bái các ngài. Đó là điều chúng tôi muốn nêu ra để tất cả thấy rõ tinh thần người xưa như thế nào và chúng ta ngày nay không thể sánh bằng.

Nói về vua Trần Thái Tông, trước hết chúng ta phải hiểu qua lịch sử của ngài, phần này chúng tôi có ghi trong quyển Thiền Sư Việt Nam:

Trần Thái Tông, ông vua Thiền sư (1218-1277).

Trần Thái Tông tên Trần Cảnh, con thứ của Trần Thừa, sanh năm Mậu Dần niên hiệu Kiến Gia thứ tám (1218) triều Lý. Gia thế ở hương Tức Mặc,

phủ Thiên Trường (nay là xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định); đời ông cha làm nghề đánh cá. Nhờ có công dẹp loạn, họ Trần dần dần có thế lực từ đời Lý Cao Tông. Trần Cảnh mới có tám tuổi được Lý Chiêu Hoàng nhận làm chồng và truyền ngôi cho, lấy hiệu là Thái Tông.

Như vậy vua Trần Thái Tông lên ngôi năm tám tuổi, còn nhỏ chưa biết cai trị đất nước, chú là Trần Thủ Độ thay quyền làm nhiếp chính. Tuy Thái Tông ở địa vị vua, nhưng chỉ có danh mà chưa có thực.

Năm Thái Tông lên hai mươi tuổi, Lý Chiêu Hoàng mười chín tuổi đang là hoàng hậu, bị Trần Thủ Độ ép Thái Tông giáng Chiêu Hoàng làm công chúa, lấy chị bà là Thuận Thiên vợ Trần Liễu (anh ruột Thái Tông) làm hoàng hậu. Lý do, vì Thủ Độ nôn nóng Thái Tông có con để kế thừa, mà Chiêu Hoàng chậm con, chị bà đang mang thai. Trần Liễu phẫn uất nổi loạn tháng giêng năm Bính Thân (1236).

Đây là hành động mà các sử gia Nho học phê phán rất nhiều.

Theo sử, năm vua Trần Thái Tông được hai mươi tuổi, bà Lý Chiêu Hoàng mới mười chín tuổi bị giáng xuống làm công chúa, lại đem chị bà là vợ Trần Liễu làm hoàng hậu, do đó có rối loạn trong nội bộ. Đoạn sử này dẫn đến bài học hôm nay: Tựa Thiền Tông Chỉ Nam.

Sách vở đời Trần rất nhiều, song những tư liệu còn sót lại không có bao nhiêu. Thí dụ như bài

Tựa Thiền Tông Chỉ Nam còn lại đây, tức là có quyển sách Thiền Tông Chỉ Nam mà nay đã thất lạc. Bài tựa này bằng chữ Hán đích thân vua Trần Thái Tông viết, chúng tôi dịch ra tiếng Việt.

Trẫm thầm nghĩ: Phật không có nam bắc, mọi người đều có thể tu cầu. Tánh có trí ngu, đồng sẵn giác ngộ. Vì vậy, phương tiện dẫn dụ đám người mê, để sáng tỏ đường tắt sanh tử, là kinh điển của đức Phật chúng ta. Đặt mực thước cho đời, làm mô phạm người sau, là trọng trách các bậc thánh trước (Tổ). Cho nên Lục Tổ nói: "Những bậc thánh trước (Tổ) cùng Đại sư (Phật) không khác." Nên biết giáo pháp của Phật nhờ các bậc thánh trước truyền bá ở đời. Nay Trẫm đâu thể không lấy trách nhiệm các bậc thánh trước làm trách nhiệm của mình, giáo pháp của Phật làm giáo pháp của mình.

Trong đoạn này, vua Thái Tông nêu lên trọng trách của ngài đối với Phật pháp, tương đương với chư tổ ngày xưa. Đức Phật dùng tất cả phương tiện để hướng dẫn mọi người, dù ở trình độ nào cũng có thể tiến tu. Nhưng đức Phật chỉ trụ thế có tám mươi năm rồi nhập Niết-bàn. Từ đó đến nay trên hai ngàn năm chúng ta biết được Phật pháp là nhờ chư tổ. Các ngài tiếp nối người trước chỉ dạy người sau, lần hồi đến chúng ta ngày nay. Nếu không có sự truyền bá đó thì chúng ta không biết đâu mà tìm hiểu và thấy được giáo lý của Phật. Khi xưa chư tổ lấy việc truyền bá chánh pháp làm trách nhiệm chính, nay nhà vua hiểu được Phật pháp phần nào thấy mình cũng có trách nhiệm như chư tổ ngày trước.

Lấy giáo pháp của Phật làm giáo pháp của mình tức là đức Phật dùng chánh pháp giáo hóa mọi người và mình đang được hấp thụ thì chánh pháp của Phật đã chuyển thành như của mình. Từ đó tiếp nối truyền cho người sau, đó là trọng trách của chư tổ, cũng là bản ý của nhà vua, ngài tự đặt trách nhiệm phải làm sao truyền bá chánh pháp đến mãi sau này.

Vả lại, thuở Trẫm còn niên thiếu có chút ít hiểu biết, vừa nghe lời dạy của thiền sư thì tâm tư lóng lặng, bỗng dưng thanh tịnh; nên để tâm nơi nội giáo, tham cứu Thiền tông, dốc lòng tìm thầy, chí thành mộ đạo. Tuy ý hồi hướng đã nảy mầm, mà cơ cảm xúc chưa thấu suốt.

Đây nói về vua Trần Thái Tông lúc còn bé, khoảng mười hai tuổi, hiểu biết chút ít, nhân nghe lời dạy của thiền sư, tâm ngài liền lóng lặng. So lại chúng ta ngày nay hiểu biết rất nhiều, rất đầy đủ mà nghe lời dạy của thiền sư, tâm mình có lắng được chút nào không? Do tâm ngài lóng lặng, nên liền an ổn thanh tịnh. Từ đó ngài phát tâm tìm hiểu nội giáo, nghiên cứu kinh điển và tham cứu Thiền tông. Ngài hết lòng tìm thầy và chí thành mộ đạo.

Tuy ý hồi hướng đã nảy mầm, mà cơ cảm xúc chưa thấu suốt. Thay vì hướng theo dục lạc thế gian, nhà vua xoay lại hướng về kinh điển của Phật và học hỏi nơi các thiền sư, nhưng chưa được sự chỉ dạy để mở sáng con mắt đạo.

Năm mười sáu tuổi, Thái hậu đã chán cõi đời, Trẫm nằm rơm gối đất, khóc ra máu mắt, đau đớn nát lòng;

ngoài nỗi đau buồn này, đâu rảnh nghĩ việc khác. Chỉ vài năm sau, Thái Tổ hoàng đế cũng băng hà. Lòng thương mẹ chưa nguôi, nỗi xót cha càng thống thiết, buồn thảm tràn trề khó bề dẹp được. Trẫm nghĩ: Công cha mẹ đối với con, nuôi nấng vỗ về không thiếu điều gì, dù con phải xương tan thịt nát vẫn chưa đủ đáp đền trong muôn một. Huống nữa, Thái Tổ hoàng đế khai cơ lập nghiệp rất đỗi gian nan, trị nước giúp đời càng hệ trọng. Người đem đất nước giao cho ta khi còn thơ ấu, khiến ta ngày đêm canh cánh không chút thảnh thơi. Ta lòng riêng tự bảo: Trên đã không còn cha mẹ để tựa nương, dưới ngại chẳng xứng lòng dân mong đợi. Phải làm sao đây? Ta suy đi nghĩ lại: Chi bằng lui về ở chốn núi rừng, tìm học Phật pháp để hiểu rõ việc lớn sanh tử, lấy đó đền đáp công ơn cha mẹ, chẳng hay hơn sao? Thế là chí Trẫm đã quyết định.

Năm mười sáu tuổi vua Trần Thái Tông mất mẹ, ngài diễn tả nỗi đau lòng rất là thống thiết, nào là *nằm rơm gối đất, khóc ra máu mắt, đau đớn nát lòng*. Vài năm sau cha ngài lại mất, *nỗi xót cha càng thống thiết, buồn thảm tràn trề khó bề dẹp được*. Cha mẹ mất sớm, mà chưa đền đáp được công ơn, ngài rất là buồn khổ.

Nhà vua lại nghĩ: *Thái Tổ hoàng đế khai cơ lập nghiệp rất đỗi gian nan.* Đây là lời tôn xưng ngài Trần Thừa lúc đó làm quan đời Lý, có công giúp vua dẹp loạn. Nay Trần Thái Tông lên ngôi nên tôn xưng cha là Thái Tổ hoàng đế. Nhà Trần vì có công cầm quân dẹp loạn, nên được nhà Lý trọng dụng cho ở trong cung và phong chức lớn. Do đó ngài Trần Cảnh được đem vào cung

để kế thừa ngôi nhà Lý. Vậy ngài Trần Cảnh lên ngôi là do công lao khai cơ lập nghiệp rất là gian khổ của ông cha. Nay được giàu sang quyền thế lãnh đạo cả đất nước, ngài nhớ công ơn cha mẹ sâu dày, dầu cho tan thân mất mạng cũng không đền đáp được. Giờ đây nhà vua còn nhỏ tuổi mà phải lãnh đạo toàn quốc không biết có đủ khả năng để đảm đang trách nhiệm hay không, nên ngài mới nghĩ:

Ta lòng riêng tự bảo: Trên đã không còn cha mẹ để tựa nương, dưới ngại chẳng xứng lòng dân mong đợi. Phải làm sao đây? Trên đã mất cha mẹ, dưới lại e không làm tròn bổn phận đối với dân, bây giờ phải làm sao? Ngài nghĩ ra kế duy nhất:

Ta suy đi nghĩ lại: Chi bằng lui về ở chốn núi rừng, tìm học Phật pháp để hiểu rõ việc lớn sanh tử, lấy đó đền đáp công ơn cha mẹ, chẳng hay hơn sao?

Ngài là vua mà suy gẫm như vậy, giúp cho chúng ta thêm một sức mạnh trên đường tu. Ngài không dám nghĩ mình gánh vác việc nước để đền ơn cha mẹ, mà nghĩ chỉ có đi tu, hiểu rõ việc lớn sanh tử mới đủ đền đáp công ơn cha mẹ. Ngài nhìn và hiểu Phật pháp rất sâu, nên ngài quyết định đi tu. *Thế là chí Trẫm đã quyết định.*

Đêm mùng ba tháng tư năm Bính Thân, niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình thứ năm, Trẫm đổi y phục đi ra khỏi cửa cung, bảo tả hữu rằng: "Trẫm muốn đi dạo để ngầm nghe lời dân, biết được chí dân, mới hiểu thấu nỗi khó khăn của họ." Bấy giờ tả hữu theo Trẫm không quá bảy tám người. Giờ Hợi đêm ấy, Trẫm cưỡi một ngựa

lặng lẽ ra đi; sang sông thẳng về hướng đông, mới nói thật lòng cho tả hữu biết. Tả hữu ngạc nhiên, tất cả đều khóc. Giờ Mẹo hôm sau, đến bến đò Đại Than, bên núi Phả Lại, sợ có người biết, Trẫm lấy áo che mặt qua sông, đi tắt theo đường núi. Đến tối vào nghỉ chùa tăng Giác Hạnh, đợi sáng lại đi. Leo trèo lặn lội, núi hiểm suối sâu, ngựa mỏi mệt không thể tiến lên được; Trẫm bèn bỏ ngựa vin vách đá mà lần bước, đến giờ Mùi mới tới sườn núi Yên Tử.

Khi đã quyết chí, ngài liền lặng lẽ ra đi lúc ban đêm. Từ trong cung cấm đi ra rất khó, nên ngài phải thay đổi y phục và dẫn theo một ít kẻ tả hữu, giả nói là đi để thầm nghe lời than oán của dân, để biết rõ nỗi khổ của họ. Thầy trò âm thầm ra đi, theo hướng đông đi thẳng về phía núi Yên Tử. Qua khỏi sông ngài mới nói thật với tả hữu là ngài đi lên núi tu, và cho tất cả trở về, mọi người đều khóc. Một mình một ngựa ra đi, sáng hôm sau ngài đến bến đò Đại Than, lấy áo che mặt qua sông, đi tắt theo đường núi. Nơi nào mệt mỏi, ngài dừng nghỉ, đến tối nghỉ lại chùa tăng Giác Hạnh[1], sáng lại ra đi. Leo trèo lặn lội, khi đến gần núi ngài phải bỏ ngựa theo vách đá mà lần bước. Đường đi hết sức khó khăn hiểm trở, ngài chịu bao nhiêu gian khổ như vậy cốt lên đến núi Yên Tử để học đạo, vì núi này được nổi danh là có nhiều thiền sư đắc đạo. Thế nên người tu muốn cho có công hạnh và thấu hiểu đạo đức thường phải lên núi Yên Tử tìm thầy. Lại nữa ngài là vua, muốn yên tu

[1] Chùa tăng Giác Hạnh: chùa của chư tăng, tên chùa là Giác Hạnh

cần phải trốn đi xa mới tránh khỏi bị phát giác và mời trở về triều đình. Núi Yên Tử cách xa thành Thăng Long mấy trăm cây số, một đoạn đường khá dài chắc không ai tìm đến được. Nhưng không ngờ vẫn có người tìm đến!

Sáng hôm sau, Trẫm trèo thẳng lên đỉnh núi, tham kiến vị đại Sa-môn quốc sư Trúc Lâm. Quốc sư vừa thấy Trẫm mừng rỡ, ung dung bảo:

- Lão tăng ở lâu nơi sơn dã, xương cứng mặt gầy, ăn rau đắng cắn hạt dẻ, uống nước suối dạo cảnh rừng, lòng như mây nổi theo gió đến đây. Nay bệ hạ bỏ ngôi nhân chủ, nghĩ đến nơi quê hèn rừng núi, chẳng hay bệ hạ mong cầu điều gì mà đến đây?

Sáng hôm sau nhà vua lên đến đỉnh núi gặp vị đại Sa-môn quốc sư Trúc Lâm. Sách khác để tên là quốc sư Phù Vân, có lẽ do ngài nói rằng: *Lão tăng ở lâu nơi sơn dã, xương cứng mặt gầy, ăn rau đắng cắn hạt dẻ, uống nước suối dạo cảnh rừng, lòng như mây nổi...* Mây nổi tức là phù vân, vì vậy sau gọi hiệu quốc sư là Phù Vân. Người tu ở núi rừng thì xương cứng mặt gầy, ăn rau đắng cắn hạt dẻ, mà lòng thênh thang không dính mắc như mây nổi. Đây là diễn tả tinh thần của quốc sư Trúc Lâm, lòng thênh thang không có gì trói buộc được. Nhìn lại chúng ta ngày nay, ăn chén bột chiều mà đã thở than, ở cảnh núi rừng mà lòng còn dính mắc, thật không xứng đáng chút nào!

Quốc sư lại nói tiếp: *Nay bệ hạ bỏ ngôi nhân chủ, nghĩ đến nơi quê hèn rừng núi, chẳng hay bệ hạ mong cầu điều gì mà đến đây?*

Trẫm nghe nói, hai hàng nước mắt tự tràn, đáp lại Sư rằng:

- Trẫm còn thơ ấu vội mất hai thân, bơ vơ đứng trên sĩ dân không chỗ nương tựa. Lại nghĩ sự nghiệp các bậc đế vương đời trước, thạnh suy không thường, cho nên Trẫm đến núi này chỉ cầu làm Phật, chứ không cầu gì khác.

Vua Thái Tông quyết chí đến đây *chỉ cầu thành Phật, chứ không cầu gì khác* giống như Lục Tổ thuở trước. Tại sao khi quốc sư hỏi, nhà vua lại khóc, *hai hàng nước mắt tự tràn,* chắc ngài có tâm sự uẩn khúc chi đây?

Trong sử, ở đoạn trước chúng ta được biết ông Trần Thủ Độ ép vua Thái Tông phải phế bỏ hoàng hậu Chiêu Thánh, giáng làm công chúa, lại ép lấy người chị của công chúa đang là vợ của Trần Liễu (anh ruột Trần Thái Tông), đem về làm hoàng hậu. Đối với người hạnh tốt biết đạo mà phải làm việc không hợp đạo lý này, nhà vua rất là đau đớn, không thể nào ngồi yên được. Nhưng ở đây với Quốc sư, ngài chỉ nêu lý do là vì mất mẹ mất cha, không nơi nương tựa và nghĩ mình không xứng đáng để cho muôn dân trông đợi, còn lý do thầm kín ngài nói ra không được, nên khi mở miệng là tràn nước mắt, đau đớn nát lòng. Đọc tới đây chúng ta mới thấm nỗi đau của ngài, làm vua mà bị ép buộc, không cãi lại được nên chỉ còn chuyện đi tu là tròn hơn hết, khỏi bị tiếng xấu, cũng khỏi bị nỗi khổ tâm ray rứt. Thế nên ngài quyết chí đi tu để đền ơn cha mẹ, xong bổn phận mình không bị ai phê bình chê trách.

Khi nghe nhà vua thưa như vậy, Quốc sư bảo:

Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ ở trong tâm. Tâm lặng mà biết gọi là chân Phật. Nay bệ hạ nếu ngộ tâm này thì tức khắc thành Phật, không nhọc tìm cầu bên ngoài.

Đây là câu chỉ thẳng không giấu giếm chút nào. Nhà vua lên núi để cầu làm Phật, mà Phật ở đâu? Phật không phải ở trong núi mà ở ngay nơi tâm. Tâm lặng lẽ mà hằng biết đó là chân Phật, Phật thật. Nhận được tâm này tức khắc thành Phật, nghĩa là ngay đó biết mình có Phật, chứ không phải liền thành Phật với đủ thần thông diệu dụng. *Không nhọc tìm cầu bên ngoài* là chỉ thẳng Phật nơi ngài rồi.

Qua câu chuyện đối đáp giữa vua Trần Thái Tông và Quốc sư, chúng ta thấy nỗi đau đớn của một ông vua phải bỏ ngai vàng lên núi xin tu và lời của vị quốc sư ngộ đạo, ngài không nói quanh co mà chỉ thẳng chỗ tột cùng cho người cầu đạo.

Nhà vua tưởng được an ổn tu hành, không ngờ lại gặp khó khăn.

Bấy giờ ông chú Trần Công - người em họ mà tiên quân gửi gắm đứa con côi, sau khi tiên quân bỏ thế gian và quần thần, Trẫm phong làm Thái sư tham dự quốc chính - nghe tin Trẫm trốn đi, ông liền sai tả hữu đi mọi nơi dò tìm tung tích, rồi cùng người trong nước lên đến núi này. Gặp Trẫm, ông thống thiết nói:

- Thần nhận sự ủy thác của tiên quân, tôn bệ hạ làm chúa thần dân. Lòng dân trông đợi ở bệ hạ như con nhỏ

mong đợi cha mẹ. Huống nữa, ngày nay các cố lão trong triều đều là bề tôi thân thuộc, dân chúng sĩ thứ ai cũng vui vẻ phục tùng. Cho đến đứa bé lên bảy cũng biết bệ hạ là cha mẹ dân. Vả Thái Tổ bỏ thần mà đi, nấm đất trên mồ chưa khô, lời dặn dò còn vẳng bên tai. Mà nay bệ hạ trốn lánh vào núi rừng, ẩn cư để mong thỏa mãn chí mình. Như thần nghĩ, bệ hạ tính kế tự tu thì có thể được, còn quốc gia xã tắc thì sao? Chỉ để lời dạy suông cho đời sau, chi bằng đem thân mình làm gương trước cho thiên hạ. Bệ hạ nếu không nghĩ lại, chúng thần cùng người trong thiên hạ đồng chết ngay hôm nay, quyết chí không trở về.

Vua Trần Thái Tông bị đặt trong thế bất khả kháng. Giả sử vua có quyết chí tu mà quần thần cùng các bô lão kéo lên núi đòi chết ngay tại đó nếu nhà vua không chịu trở về kinh, thử hỏi làm sao ngài yên tu cho được? Thật là điều kiện hết sức khó khăn.

Ông Trần Thủ Độ lên đến núi gặp được nhà vua nói thật thống thiết. Ông nhận sự ủy thác của tiên quân tức là của ngài Trần Thừa, tôn ngài Trần Cảnh lên làm chúa thần dân khi mới tám tuổi. Đến bây giờ nhà vua hai mươi tuổi được dân chúng tin tưởng trông đợi coi như cha mẹ. Lại nữa *ngày nay các cố lão trong triều đều là bầy tôi thân thuộc,* tức là chỉ những vị quan lớn tuổi trong triều ủng hộ nhà vua đều là dòng họ nhà Trần, còn tất cả người dân đều trông đợi phục tùng.

Vả lại Thái Tổ bỏ thần mà đi, nấm đất trên mồ chưa khô, lời dặn dò còn vẳng bên tai. Mà nay bệ hạ trốn

lánh vào núi rừng, ẩn cư để mong thỏa mãn chí mình. Lời ông Trần Thủ Độ rất tha thiết. Người anh là ngài Trần Thừa vừa mất, đất mồ chưa khô. Nhà vua mất mẹ lúc mười sáu tuổi, mất cha khoảng mười tám tuổi, đến năm hai mươi tuổi lại tính chuyện đi tu, nên nói đất trên mồ cha chưa khô.

Ông lại nói tiếp: *Như thần nghĩ, bệ hạ tính kế tự tu thì có thể được, còn quốc gia xã tắc thì sao?* Riêng nhà vua đi tu thì có thể được, nhưng trách nhiệm làm vua thì sao? Quốc gia xã tắc giao cho ai? Đây là một câu hỏi làm nhà vua rối trí.

Kế, ông lại trách: *Chỉ để lời dạy suông cho đời sau, chi bằng đem thân mình làm gương trước cho thiên hạ.* Nếu nhà vua đi tu, rồi đem những lời dạy của Phật và chư tổ ra nhắc nhở, thì ông Trần Thủ Độ cho đó là những lời dạy suông, không thực tế. Chi bằng làm vua, lấy thân mình, lấy tài đức mình làm gương để dạy dân, hướng dẫn dân, đó mới là cụ thể, mới là thực tế hơn. Nghe đến đây nhà vua rủn chí, thật là khó xử!

Ông lại nói thêm một câu cuối, khiến nhà vua phải chịu thua: Nếu bệ hạ không chịu về, *chúng thần cùng người trong thiên hạ đồng chết ngay hôm nay, quyết chí không trở về.* Câu nói quyết liệt này làm nhà vua không còn cách gì thoái thác được.

Đến đây vua Trần Thái Tông mới kể:

Trẫm thấy Thái sư cùng các cố lão quần thần không có ý bỏ Trẫm, liền đem lời này tỏ bày với Quốc sư. Quốc sư cầm tay Trẫm bảo:

- Phàm làm đấng nhân quân, phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình. Nay thiên hạ muốn đón bệ hạ trở về, bệ hạ không về sao được. Song phần nghiên cứu nội điển, mong bệ hạ đừng xao lãng.

Lời dạy của quốc sư rất là thấu đáo. Phàm làm vua *phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình*, nhà vua làm việc gì không vì quyền lợi riêng tư mà phải hợp với sự mong mỏi của người dân. *Lấy tâm thiên hạ làm tâm của mình*, lòng dân trông đợi điều gì, nhà vua phải làm sao cho dân được thỏa mãn, như vậy mới thật là một đấng minh quân, một vị vua chân chánh. *Nay thiên hạ muốn đón bệ hạ trở về, bệ hạ không về sao được.* Ý muốn của dân là đón nhà vua trở về, thì thôi vua phải trở về. *Song phần nghiên cứu nội điển, mong bệ hạ đừng xao lãng.* Quốc sư lại dặn dò, tuy về làm vua nhưng ngài nhớ đừng quên phần nghiên cứu kinh điển tu hành.

Vì thế, Trẫm cùng mọi người trở về kinh, miễn cưỡng lên ngôi. Khoảng hơn mười năm, những khi được rảnh rỗi, Trẫm tập họp các vị kỳ đức để tham cứu thiền, hỏi đạo và các kinh Đại thừa... đều nghiên cứu qua. Trẫm thường đọc kinh Kim Cang đến câu "ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", trong khoảng để quyển kinh xuống ngâm nga, bỗng nhiên tự ngộ. Liền đem sở ngộ này viết thành bài ca, để tên là "Thiền Tông Chỉ Nam".

Khi trở về kinh, ngài lên ngôi vua một cách miễn cưỡng, không có chút gì thích thú. Trong khoảng hơn

mười năm, từ hai mươi tuổi đến lúc ba mươi mấy tuổi, những khi rảnh rỗi ngài mời các thiền sư đầy đủ đức hạnh đến để hỏi đạo và tham cứu về thiền, ngài học và nghiên cứu qua các kinh điển Đại thừa. Khi đọc kinh Kim Cang đến câu *ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*, ngài để quyển kinh xuống, ngâm nga câu ấy tức là lặp đi lặp lại đôi ba lần, bỗng nhiên ngài ngộ. Tại sao ngài lặp đi lặp lại đôi ba lần? Vì ngài đã đọc kinh Pháp Bảo Đàn, biết Lục Tổ ngộ nơi câu này, nên khi đọc đến đây ngài chú tâm, để quyển kinh xuống và nhẩm đi nhẩm lại câu ấy, bỗng dưng ngài ngộ. Chỗ ngộ của ngài và chỗ ngộ của Lục Tổ giống nhau hay khác nhau?

Nói về Lục Tổ, có hai lần ngộ. Lần ngộ thứ nhất: Khi gánh củi đem ra chợ bán, Lục Tổ đi ngang một căn nhà nghe có người tụng kinh Kim Cang, đến câu *ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*, bỗng dưng ngài ngộ. Ngài mới hỏi người tụng: Kinh đó tên gì, phát xuất từ đâu? Được biết đó là kinh Kim Cang, do Ngũ tổ Hoàng Mai dạy thọ trì. Câu kinh ngài ngộ, nói cho đủ là: *Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.* Lục Tổ phát tâm đi tu, gửi mẹ già ở lại rồi thẳng đến Hoàng Mai tìm Ngũ Tổ. Gặp được Ngũ Tổ rồi, ngài ở công quả trong nhà trù cho đến tám tháng...

Lần ngộ thứ hai: Một đêm Ngũ Tổ bảo Lục Tổ lên thất và giảng kinh Kim Cang cho ngài nghe. Đến câu *bất ưng trụ sắc sanh tâm... ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*, Lục Tổ liền đại ngộ, mới nói lớn lên rằng:

Đâu ngờ tánh mình vốn tự thanh tịnh!
Đâu ngờ tánh mình vốn không sanh diệt!
Đâu ngờ tánh mình vốn tự đầy đủ!
Đâu ngờ tánh mình vốn không dao động!
Đâu ngờ tánh mình hay sanh muôn pháp!

Ngang đó Ngũ Tổ truyền y bát cho ngài làm vị tổ đời thứ sáu.

Như vậy Lục Tổ ngộ lần đầu ngài phát tâm đi tu, ngộ lần sau ngài được truyền y bát. Tuy cùng một câu kinh mà lần ngộ trước khác lần ngộ sau, lần trước gọi là giải ngộ hay tiểu ngộ, lần sau gọi là chứng ngộ hay triệt ngộ hay đại ngộ. Khi mới đi tu Lục Tổ đến với Ngũ Tổ, Tổ hỏi: Ông là người miền Nam quê mùa, đến đây cầu vật gì? Ngài đáp: Cầu thành Phật. Tổ hỏi: Người dân quê mùa như ông làm sao thành Phật được? Ngài đáp: Người tuy có Nam Bắc, nhưng Phật tánh không có Nam Bắc. Đây là Lục Tổ đã giải ngộ rồi, thấy rõ mình có Phật nên mới đối đáp được. Ngũ Tổ biết người này có khả năng nên mới bảo: Xuống nhà trù đi. Sau đó Lục Tổ có làm bài kệ *Bản lai vô nhất vật* v.v...

Giải ngộ là có khả năng biết được mình có Phật, biết được lý đạo rất thâm sâu, song phiền não chưa hết. Như ở Thiền viện đây thỉnh thoảng cũng có một ít người giải ngộ nhưng phiền não vẫn còn, chưa được triệt ngộ như lần thứ hai của Lục Tổ, tuy có khả năng thấy biết đúng như thật, nhưng hành chưa đúng, vì còn phiền não. Mới giải ngộ mà tưởng triệt ngộ là lầm. Trường hợp vua Thái Tông khi ngâm nga câu kinh,

bỗng nhiên tự ngộ, đây là tương đương với chỗ ngộ ban đầu của Lục Tổ. Nhà vua ngộ rồi biết mình có Phật, tin điều đó rõ ràng nên ngài viết quyển Thiền Tông Chỉ Nam, để nói lên sự thấy biết của ngài. Chúng ta phải hiểu chỗ ngộ này mới thấu được ý sâu xa của người tu Thiền, nếu không, nghe nói ngộ là quá hay rồi, mà sao lâu lâu cũng còn dở! Trong nhà Thiền thường nói tiểu ngộ thì nhiều vô số, lâu lâu ngộ một ít, còn đại ngộ thì đôi ba phen. Tiểu ngộ là sáng lên những vấn đề nhỏ, còn sáng lên việc lớn gọi là đại ngộ.

Nhìn rộng ra, trong kinh Kim Cang ngài Tu-bồ-đề hỏi Phật: *Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm sao hàng phục được tâm, làm sao an trụ được tâm?* Phật dạy: *Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.* Tức là muốn hàng phục tâm mình để thành tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì không nên trụ nơi sắc, không nên trụ nơi thanh hương vị xúc pháp (nghĩa là không nên trụ nơi sáu trần). Vậy phải làm sao? Nên không chỗ trụ mà sanh tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức là không nên dính mắc sáu trần mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thâm nhập được lý này nên vua Trần Thái Tông mới soạn thành bài Sáu Thời Sám Hối, đó là sám hối sáu căn. Thế nên trọng tâm của sự tu là đừng dính mắc sáu trần thì tâm an trụ, tâm an trụ tức là tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hiện nay tăng ni hay Phật tử thử trọn một ngày đừng dính sáu trần thì tâm có an không? Không dính

sáu trần thì tâm tự an rồi! Nếu còn chạy theo trần này dính mắc trần kia, như khỉ vượn buông nhánh này chụp nhánh khác thì tâm đâu có an. An trụ là không dính sáu trần, thì sáu trần đâu có quyền gì xâm phạm đến mình! Mình là mình nó là nó, mình ở đây, nó ở ngoài kia. Như sắc ở ngoài con mắt, mình ngó lơ thì không dính mắc, như tiếng người nói, mình nghe rồi buông đừng bám vào, thì sắc thanh đâu có xâm phạm đến chúng ta được. Chỉ vì mắt dính với sắc trần, tai dính với thanh trần... nên chúng ta bị sáu trần lôi kéo đắm chìm trong sanh tử đời đời kiếp kiếp. Ngay bây giờ đừng dính sáu trần thì tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức tâm Phật hiện ra. Trái lại nếu còn dính mắc thì tâm chúng sanh hiện ra. Dính mắc là chúng sanh, không dính mắc là Phật, Phật với chúng sanh gần kề nhau. Như vậy chúng ta thấy việc tu hết sức là đơn giản, không phải gian lao cực khổ gì.

Chỗ dạy tu của Lục Tổ khi trước và của vua Trần Thái Tông ở đây rất gần với nhau. Trong kinh Pháp Bảo Đàn, trọng tâm Lục Tổ dạy tu là phải ứng dụng ba cái Vô: một là Vô niệm vi tông, hai là Vô tướng vi thể, ba là Vô trụ vi bản.

Vô niệm vi tông tức là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi v.v... mà không khởi niệm chạy theo; chứ không phải ngồi một chỗ đè nó xuống thành vô niệm. Đối với sáu trần không có niệm chạy theo, pháp tu này rất gần với chỗ sáu căn không dính mắc sáu trần, vì khởi niệm mới dính mắc, phải không? Thế nên Tổ dạy vô niệm là chủ của sự tu.

Vô tướng vi thể là gì? Thể của muôn sự muôn vật là không có tướng. Thấy triệt theo tinh thần Bát-nhã thì các pháp tánh không, duyên hợp huyễn có. Sự vật có hình tướng là từ nhân duyên kết hợp, nên không có tự thể. Nói các pháp tánh không tức là không có tướng thật. Vậy muốn không dấy niệm chạy theo sáu trần, thì phải thấy sáu trần chỉ là giả tướng, là tướng không. Biết được tướng không là thấy được thể của các pháp.

Vô trụ vi bản (trụ là dính mắc). Không dính mắc sáu trần là gốc của sự tu. Nếu khéo tu từng ngày từng giờ đừng dính mắc sáu trần, thì tâm mình hoàn toàn thanh tịnh an ổn, Phật bảo đó là trụ tâm, đó là tâm Bồ-đề.

Như vậy chỗ nhìn của Lục Tổ khi trước và của ngài Trần Thái Tông sau này tuy cách mấy trăm năm mà đã có chỗ gần nhau. Cho nên người tu khi ngộ rồi, dù là trăm ngàn vị nhưng lời nói đều không sai biệt.

Đọc đoạn này chúng ta thấy ngài Trần Thái Tông tuy là vua mà đã giải ngộ được lý đạo, ngài đem chỗ sở ngộ viết thành bài ca Thiền Tông Chỉ Nam để chỉ dạy người sau. Điều này làm cho lòng tin chúng ta càng thêm vững mạnh. Nhưng rất tiếc là toàn quyển đã thất lạc, chỉ còn sót lại bài tựa.

Năm này, Quốc sư từ núi Yên Tử về kinh, Trẫm mời ở chùa Thắng Nghiêm, trông coi việc ấn bản các kinh. Trẫm đem tập sách này trình Sư, Sư xem qua liền tán thán rằng:

- Tâm chư Phật ở trọn nơi đây, sao không nhân khắc in các kinh, khắc in luôn để dạy kẻ hậu học?

Trẫm nghe lời này, sai thợ viết chữ chân phương, ra lệnh khắc bản in. Chẳng những để chỉ đường mê cho hậu thế, mà còn muốn tiếp nối công lớn các bậc thánh nhân đời trước. Vì thế tự làm lời tựa này.

Nhà vua trình quyển Thiền Tông Chỉ Nam cho Quốc sư xem, xem xong Quốc sư tán thán nói: *Tâm chư Phật ở trọn nơi đây,* tức là những lời diễn tả đó là đúng tâm chư Phật, sao không khắc in để chỉ dạy cho người sau? Do nghe lời này, nhà vua cho khắc bản in. Nhưng rất tiếc quyển sách đã mất, chúng ta chỉ biết được lời tựa. Qua lời tựa chúng ta thấy rõ vua Trần Thái Tông đã giải ngộ về Thiền và Giáo lúc ngài được hơn ba mươi tuổi. Từ chỗ ngộ đó ngài soạn viết rất nhiều sách để người sau học hiểu. Học về ngài chúng ta hiểu được tâm tư nguyện vọng tha thiết chỉ dạy người sau của ngài.

NĂM GIỚI

Chánh văn:

1. VĂN GIỚI SÁT

Phàm các loài sanh từ trứng, thai, ẩm, hóa, tánh vẫn đồng, thấy nghe hiểu biết đâu khác. Chỉ do tạo nghiệp kết oán, nên thọ tên khác hiệu khác. Ngày trước vốn loài người, nay sanh đàn giống khác nhau. Hoặc là bạn bè, hoặc là anh em. Thay đổi áo xiêm đai mũ, biến làm mai vảy cánh lông. Vợ quên chồng, chồng quên vợ, con trái cha, cha trái con. Đã thấy đổi đầu khác mặt, lôi về mổ bụng chặt chân. Luống lo tham sống sợ chết, lại không một lời kêu đau khổ. Ngươi giết nó, nó giết ngươi, hắn ăn mày, mày ăn lại hắn, hằng không ngày dứt, mải tạo oan trái. Kiếp kiếp trả nhau, đời đời thù nhau.

Người quay đầu liền đến quê nhà, kẻ phóng tâm hằng chìm địa ngục. Sách Nho dạy: "Thi ân bố đức."

Kinh Đạo dạy: "Ái vật hiếu sanh." Phật chỉ cấm sát là giữ giới, ngươi phải để ý tuân hành chớ phạm.

Kệ rằng:

Cánh lông mai vảy trọn hàm linh,
Sợ chết tham sanh nào khác tình.
Từ trước Thánh hiền lòng chẳng nỡ,
Đâu cam thấy chết vẫn tham sinh.

2. VĂN GIỚI TRỘM

Người làm nhân nghĩa là quân tử, kẻ làm trộm cướp là tiểu nhân. Người quân tử ôm lòng cứu giúp kẻ cô bần, đứa tiểu nhân thì tham lấy tài vật. Vật của người lấy làm của mình, mặc kệ nhiều người trách cứ, chỉ biết lợi ích cho mình. Đâu biết giàu sang tại trời, chỉ thả ý tham cầu. Thuốc chó, đào hầm, đục tường, khoét vách theo gót Sơn Dương tướng quân, tập làm lương thượng quân tử. Nghịch trời trái đất, dối pháp khinh hình. Khi sống thì pháp luật trừng trị, lúc chết bị Minh ty khảo tra.

Không những đống vàng khối ngọc, dầu rằng cọng cỏ mảy lông. Ngửi mùi hương sen trong ao mà Địa thần còn quở, cho vay lấy lời Diêm vương còn phạt. Lưới trời lồng lộng, làm thiện thì thoát, làm ác thì mang. Phép nước thênh thang, làm việc công thì khỏi, làm việc tư thì phạm.

Kệ rằng:

Đục vách đào tường ý chẳng thôi,
Trăm mưu ngàn kế khổ mong cầu.

Đời này ví được của người đấy,

Nào biết muôn phen kiếp ngựa trâu.

3. VĂN GIỚI SẮC

Lưng ong tóc mượt hay khiến tâm tánh say mê, sắc én mày ngài làm cho hồn phiêu phách lạc. Đưa mắt liếc chẳng phải dao mài mà ai không đứt ruột. Lưỡi uốn tựa sáo diều, mọi người đều phải lắng nghe. Người mê thì nghĩa thân sơ đều dứt, kẻ tham thì đạo đức tiêu tan. Trên thì phong giáo đắm chìm, dưới thì khuê môn tán loạn. Bất luận phàm phu, học giả đều say áo đẹp thích điểm trang. Kỷ cương quốc gia bị rơi chốn Tô đài, giới thể bị chôn vùi nơi dâm thất.

Thảy do phóng mắt đuổi theo bên ngoài, nên không xoay đầu nhìn lại bên trong. Cởi hết lụa là che thân chỉ bày làn da bọc thịt. Độc giác gần nữ am mà hoàn tục, Chân quân xa Thán phụ nên thăng thiên. Người chẳng theo sắc được năm thần thông, kẻ mê sắc thì mất các giới hạnh.

Kệ rằng:

Má thoảng hương mai, mặt nhụy đào,

Thấy rồi mắt dán, ý nao nao.

Thảy đều một đãy da hôi thối,

Thầm cắt ruột người chẳng dụng dao.

4. VĂN GIỚI VỌNG NGỮ

Tâm là gốc thiện ác, miệng là cửa họa phúc. Nghĩ một niệm thì hưởng ứng không sai, nói một lời

thì bóng theo chẳng lệch. Quân tử trọng lời như biện, cổ nhân ngừa nói như bình. Nói ra thì ngay thẳng công bằng, mở lời thì không cong queo tà vạy. Không nói đây hay kia dở, chẳng bàn mình phải người sai. Đâu dám khua môi múa lưỡi, cần phải giữ miệng gìn lời. Vả nghiệp của thân là nặng, song họa của miệng là trước. Chẳng những kẻ nói là vọng ngôn, còn khiến người nghe làm bậy.

Đời này bị người khinh rẻ, sau khi chết bị nghiệp kéo lôi. Hoặc kìm sắt kéo lưỡi cam chịu chua cay. Hoặc nước đồng sôi rót vào miệng lòng ôm đau đớn.

Kệ rằng:

Kề vai cười nói khua lưỡi môi,
Cứ mãi làm người vọng ngữ thôi.
Riêng ý cầu tài, mong người thích,
Sau cùng khó tránh nghiệp kéo lôi.

5. VĂN GIỚI RƯỢU

Người ưa uống rượu thì đức hạnh suy kém, lời nói nhiều lỗi lầm. Hơi nóng xông nát dạ dày, vị cay xuyên thủng gan ruột. Tinh thần rối loạn, tâm tánh hôn mê. Chẳng nghĩ đến cha mẹ, tội ngũ nghịch chuyên làm. Hoặc ồn náo nơi tiệm quán, hoặc say mèm ngoài đường sá. Khi trời mắng đất, hủy Phật chê tăng. Miệng lảm nhảm hát ca, thân trần trụi nhảy múa. Đã không tiếp Phật cúng dường, lại theo bọn mũ đen bất chánh. Tan thân mất mạng từ đó mà sanh, mất nước hại nhà do đây mà có.

Bỏ rượu thì ngàn điềm lành đồng tới, uống rượu thì trăm họa kéo về. Đại Vũ không uống rượu nên muôn họ đều theo. Thái Khang mê rượu nên năm con đều oán. Đâu chỉ hàng phong lưu phải răn, mà bậc đạt giả cũng cần phải tránh. Bao nhiêu người rạng rỡ trên đời, lại bị tối tăm trong rượu.

Kệ rằng:

Men bã một vò ủ nấu thành,
Bao nhiêu người trí mất thông minh.
Chẳng riêng tăng sĩ không gìn giới,
Mất nước, tan nhà từ đó sinh.

Giảng:

Trong bài Năm Giới, ngài Trần Thái Tông nhắc nhở người cư sĩ tại gia, nhưng đồng thời cũng ảnh hưởng rất lớn với người xuất gia. Ảnh hưởng ở hai mặt:

1. Năm giới là căn bản của người xuất gia, nếu thọ Sa-di, năm giới là đầu trong mười giới Sa-di, nếu thọ Tỳ-kheo, bốn giới đầu trong năm giới là tứ ba-la-di của Tỳ-kheo.

2. Người xuất gia lấy năm giới làm căn bản để hướng dẫn Phật tử tu hành, nếu chúng ta không hiểu rành thì sự hướng dẫn không đầy đủ. Thế nên năm giới là nền tảng của Phật tử tại gia, cũng là trợ duyên lớn cho người xuất gia. Vậy tăng ni và Phật tử học năm giới đều có lợi ích.

1. VĂN GIỚI SÁT

Phàm các loài sanh từ trứng, thai, ẩm, hóa, tánh vẫn đồng, thấy nghe hiểu biết đâu khác. Chỉ do tạo nghiệp kết oán, nên thọ tên khác hiệu khác.

Mở đầu, ngài Trần Thái Tông chỉ rõ tai hại của sự sát sanh. Trong bốn loài noãn sanh, thai sanh, thấp sanh và hóa sanh tuy hình tướng khác nhau song tánh vẫn đồng, thấy nghe hiểu biết không có khác. Chỉ do tạo nghiệp thiện ác sai biệt nên thọ tên khác, hiệu khác, tỷ dụ như tên người, tên súc sanh... nghiệp có sai biệt chứ thể tánh không khác.

Ngày trước vốn loài người, nay sanh đàn giống khác nhau. Như hiện giờ cùng làm người, nhưng kẻ tạo nghiệp thiện, người tạo nghiệp ác. Sau kiếp này, khi sanh trở lại, chúng ta hoặc làm người hoặc làm súc sanh, hay các loài khác. Chúng ta có phước làm người được đầy đủ sáu căn và đủ tất cả nhu cầu, các loài khác thiếu phước hơn phải sanh làm loài vật bị đọa đày khổ sở.

Hoặc là bạn bè, hoặc là anh em. Thay đổi áo xiêm đai mũ, biến làm mai vảy cánh lông. Trong đời này hoặc là bạn bè anh em, qua đời khác thay đổi hình thức cũ, có người biến thành loài rùa loài trạnh có mai, hoặc biến thành loài cá loài trăn có vảy, hay loài chim có cánh có lông... Tuy đời này cùng là người, song kiếp tới biến thành khác loại. Lúc ấy còn nhớ nhau không? Thế nên:

Vợ quên chồng, chồng quên vợ, con trái cha, cha trái con. Khi xưa là vợ chồng, đổi qua kiếp khác mang

hình thức khác nên quên nhau, cha con cũng không biết được nhau. Vì thế xảy ra những chuyện:

Đã thấy đổi đầu khác mặt, lôi về mổ bụng chặt chân. Vì thay đổi đầu mặt, đâu còn nhớ nhau nữa, nên khi xưa là người thân của mình, bây giờ sanh làm gà vịt, mình mổ bụng chặt chân không chút xót thương.

Luống lo tham sống sợ chết, lại không một lời kêu đau khổ. Nghe câu này thật là đau đớn! Con vật nào cũng tham sống sợ chết. Như khi gà vịt bị cắt cổ thì giãy giụa, hay bò lợn bị bắt đem làm thịt thì kêu la, chúng ta đâu có màng tới, chúng tham sống sợ chết, lại không một lời kêu đau khổ vì không biết nói cho người thấu hiểu. Chúng ta không biết nỗi đau đớn của chúng nên sẵn sàng giết không chút xót thương. Mình giết nó, nó oán hận mình. Vì vậy:

Ngươi giết nó, nó giết ngươi, hắn ăn mày, mày ăn hắn, hằng không ngày dứt, mải tạo oan trái. Kiếp kiếp trả nhau, đời đời thù nhau. Bây giờ chúng ta giết con vật, nó không giết được mình thì kiếp sau nó sẽ trả thù lại. Ngày nay mình ăn nó thì ngày sau nó ăn lại mình. Cứ ăn nuốt lẫn nhau mãi không có ngày thôi dứt nên oan trái đời kiếp nối tiếp luôn. Như người đập đầu bò, nó oán hận, khi được trở lại làm người, nó chỉ muốn giết lại người đã đập nó. Tại sao người lại muốn giết người? Vì hận đời trước đã gieo, kiếp này gặp lại chỉ muốn giết nhau. Vậy một khi gây oán hận cho ai thì sau này mình phải đền trả khó mà trốn tránh được. Như mình giết loài vật để được ăn ngon thích miệng, kiếp sau nó cũng giết lại mình để được ăn ngon thích miệng.

Người quay đầu liền đến quê nhà, kẻ phóng tâm hằng chìm địa ngục. Câu này có tính cách thiền. Nếu biết quay đầu trở lại liền đến quê nhà, tức là không để tâm đuổi theo dục lạc hay sáu trần thế gian, thì chúng ta thấy được cái chân thật của mình, đó là quê nhà muôn thuở. Quê nhà sẵn có của mình chỉ cần một phen quay đầu nhìn lại thì thấy, chứ không phải là xa. Còn kẻ phóng tâm hằng chìm địa ngục, nếu người nào hay phóng tâm chạy theo ngoại cảnh, đó là nhân chìm trong địa ngục. Trong câu hết sức gọn này chúng ta thấy rõ ràng hai mặt: một bên là người tỉnh biết quay đầu trở lại quan sát chính mình để dẹp bỏ những vọng tưởng điên đảo, đó là người trở về quê nhà; một bên là kẻ mê buông tâm chạy theo ngoại cảnh sáu trần, đó là nhân để chìm trong địa ngục.

Ngài Trần Thái Tông dẫn chứng:

Sách Nho dạy: "Thi ân bố đức." Kinh Đạo dạy: "Ái vật hiếu sanh." Phật chỉ cấm sát là giữ giới, ngươi phải để ý tuân hành chớ phạm.

Đoạn này nói đến ba phần. Nhà Nho dạy: Làm người phải *thi ân bố đức*, tức là đối với người và các loài vật chúng ta phải đem ân đức ban rải khắp tất cả. Kinh Đạo tức Lão giáo dạy: *Ái vật hiếu sanh*. Đối với loài vật mình phải biết thương và biết quý sanh mạng của nó, đừng giết hại nó. Như vậy nhà Nho với Lão giáo nói đơn giản mà hay. Còn Phật giáo dạy thế nào? *Phật chỉ cấm sát là giữ giới,* lời dạy tuy không văn chương nhưng rất cụ thể. Không nói thương quý, không nói ban ân bố đức, Phật chỉ bảo đừng giết. Lời nói thẳng, đơn giản

và thực tế, có tính cách bắt buộc. Thế nên khi vào đạo, giới đầu tiên là cấm sát sanh tức không được giết hại chúng sanh, đó là hiếu sanh, là thi ân bố đức rồi. Vì thế, *ngươi phải để ý tuân hành chớ phạm.* Phạm giới là có tội, phạm giới tức là sát hại chúng sanh.

Lời nói thực tế, không phải lời nói rỗng nói suông. Thế nên trong nhà Phật, chúng ta thấy dường như có sự khắt khe bắt buộc giữ giới. Sự thật vì muốn tâm chúng ta lương thiện, đầy đủ phước đức nên đức Phật cấm sát sanh, chúng ta sợ không dám làm những tội ác, đó là chúng ta ái vật hiếu sanh rồi.

Kết thúc, ngài Trần Thái Tông làm bài kệ:

Cánh lông mai vảy trọn hàm linh,
Sợ chết tham sanh nào khác tình.
Từ trước Thánh hiền lòng chẳng nỡ,
Đâu cam thấy chết vẫn tham sinh.

Những loài có cánh, có lông, có mai, có vảy, tất cả đều là hàm linh. Hàm linh là những chúng sanh có chứa sẵn tánh linh nơi mình, dù cho khác loại song đều sẵn một tánh linh. Tất cả đều tham sống sợ chết như nhau, kể cả loài người cũng vậy. Những bậc thánh hiền ngày xưa lòng không nỡ làm cho chúng sanh chết khi thấy chúng tham sống như mình. Chúng ta biết tham sống không muốn chết, các loài vật cũng vậy, nếu ép chúng chết, đó là tàn nhẫn, là ác tâm.

Đây là bài răn về giới sát. Nếu chúng ta không có tâm giết hại chúng sanh, đó là tâm thi ân bố đức,

thương vật hiếu sanh. Như thế chúng ta đã ngừa tránh được tội lỗi, không gây oan trái để phải đền trả và chịu khổ ở đời sau. Vì vậy đức Phật dạy, muốn đời này đời sau đều an vui thì chúng ta đừng sát hại chúng sanh.

2. VĂN GIỚI TRỘM

Giới trộm nói đủ là giới trộm cướp.

Người làm nhân nghĩa là quân tử, kẻ làm trộm cướp là tiểu nhân. Người quân tử ôm lòng cứu giúp kẻ cô bần, đứa tiểu nhân thì tham lấy tài vật. Vật của người lấy làm của mình, mặc kệ nhiều người trách cứ, chỉ biết lợi ích cho mình. Đâu biết giàu sang tại trời, chỉ thả ý tham cầu. Thuốc chó, đào hầm, đục tường, khoét vách theo gót Sơn Dương tướng quân, tập làm lương thượng quân tử, nghịch trời trái đất, dối pháp khinh hình. Khi sống thì pháp luật trừng trị, lúc chết bị Minh ty khảo tra.

Người biết nhân nghĩa, làm việc nhân nghĩa là người quân tử; kẻ trộm cướp làm những việc hại người lợi mình gọi là kẻ tiểu nhân. Vì thế theo tinh thần nhà Nho, *người quân tử ôm lòng cứu giúp kẻ cô bần*, nếu thấy ai nghèo khổ cô đơn thì sẵn sàng giúp đỡ; *đứa tiểu nhân thì tham lấy tài vật* của người, thấy ai có lắm của nhiều tiền thì dấy khởi tâm tham muốn giật lấy cho được. Qua hành động, chúng ta biết rõ tâm ai là quân tử, tâm ai là tiểu nhân. Như vậy mình cũng biết mình là quân tử hay tiểu nhân, không phải nhờ ai phán đoán.

Vật của người lấy làm của mình, mặc kệ nhiều người trách cứ, chỉ biết lợi ích cho mình. Kẻ tiểu nhân

lấy của người làm của mình rồi mặc ai trách cứ chê bai mắng nhiếc, miễn lấy được của thì thôi, nên nói chỉ biết lợi ích cho mình.

Đâu biết giàu sang tại trời, chỉ thả ý tham cầu. Theo nhà Nho, giàu sang là tại trời; theo nhà Phật, giàu sang là do nghiệp lành mà được. Kẻ tiểu nhân không biết nên buông thả ý mình, thấy cái gì là mong cầu cái ấy, không biết hạn chế, ngăn ngừa lòng tham rồi làm những việc tà quấy như *thuốc chó, đào hầm, đục tường, khoét vách theo gót Sơn Dương tướng quân, tập làm lương thượng quân tử.*

Sơn Dương tướng quân là chỉ một số tướng cướp thời xưa ở Trung Quốc, ẩn trên đất Sơn Dương. Còn lương thượng quân tử tức là người quân tử ở trên xà nhà (lương là cây kèo, là xà nhà). Gọi như vậy là do câu chuyện như sau:

Đời Hậu Hán có ông Trần Thực là người khá giả học thức. Một buổi tối gia đình đang tụ họp, ông nhìn lên xà nhà thấy chú ăn trộm nằm núp sẵn trên đó chờ đêm để xuống. Ông mới gọi tất cả con cháu đến rồi bảo:

- Con người bản tánh thiện, nghĩa là con người bất thiện vị tất vốn ác, vì tập nên thành thói xấu, thành kẻ lương thượng quân tử.

Người ăn trộm trên xà nhà nghe ông chủ nhà nói, biết là chỉ mình nên tuột xuống, rồi khúm núm kính sợ. Ông Trần Thực khuyên:

- Anh nên bỏ nghề này để làm người lương thiện.

Người ăn trộm xấu hổ, từ đó về sau bỏ nghề trộm. Và những người ăn trộm trong làng nghe câu chuyện Lương thượng quân tử cũng xấu hổ bỏ nghề luôn.

Nhờ lời khuyên dạy của ông Trần Thực mà trong làng không còn ai làm nghề trộm đạo. Còn chúng ta nếu thấy ăn trộm thì nói làm sao? Chắc sẽ bảo đó là kẻ tiểu nhân núp trên xà nhà, chứ đâu bao giờ nói là người quân tử! Nhưng nhờ gọi người ăn trộm là quân tử nên ông ấy xấu hổ đổi thái độ và quan niệm để trở thành người tốt.

Nghịch trời trái đất, dối pháp khinh hình. Khi sống thì pháp luật trừng trị, lúc chết bị Minh ty khảo tra. Kẻ trộm cướp là người nghịch với lòng trời, trái với ý đất, dối pháp luật, khinh những hình phạt. Khi sống thì bị pháp luật trừng trị, lúc chết bị Minh ty tra khảo. Chữ Minh (冥), theo chữ Hán nghĩa là tối, Minh ty tức là âm phủ.

Không những đống vàng khối ngọc, dầu rằng cọng cỏ mảy lông. Không phải lấy trộm một đống vàng, một khối ngọc mới mang tội ăn trộm, mà dù một cọng cỏ, một mảy lông, người không cho thì cũng không được lấy. Chúng ta thường có bệnh nói trộm cướp là phải cái gì to lớn như đống vàng khối ngọc chẳng hạn, còn trái cà trái ớt nhỏ xíu, đi ngang thấy hái bỏ vào túi không cần hỏi ai, tưởng là không có tội; nhưng dù vật nhỏ bao nhiêu cũng do công khó nhọc của người trồng, mình không xin người chưa cho thì không được quyền lấy.

Ngài dẫn tích xưa: *Ngửi mùi hương sen trong ao mà Địa thần còn quở.*

Đây là dẫn câu chuyện một ông Sa-di đi qua hồ sen, thấy hoa nở có mùi thơm, đứng lại nhìn và ngửi mùi sen thơm. Chợt có Địa thần xuất hiện quở:

- Tại sao ông ngửi trộm hương hoa sen của tôi?

Ông Sa-di nói:

- Tôi chỉ ngửi mùi hương, đâu có hại gì đến hoa của ông?

Địa thần bảo:

- Ngửi như vậy là đã phạm tội trộm rồi!

Ngay lúc đó có đôi ba người ào xuống hồ sen, kẻ hái gương người nhổ ngó. Ông Sa-di hỏi lại ông thần:

- Tôi chỉ ngửi một chút hương sen mà ông đã quở, còn những người kia bẻ gương móc ngó, sao ông không rầy?

Địa thần nói:

- Ví như có người mặc chiếc áo trắng, chỉ cần dính một điểm mực nhỏ đã thấy dơ rồi. Còn người mặc áo đen nếu dính cả bệt mực to cũng không thấy là dơ.

Ông thần nói tiếp:

- Cũng như vậy, vì ông là người tu thanh tịnh, nên ngửi lén một chút hương sen, ông đã nhơ rồi; còn các người kia là kẻ phàm tục, dù họ có làm những điều tội lỗi cũng như bệt mực phết lên chiếc áo đen không ai thấy, nên tôi không rầy.

Qua câu chuyện này, chúng ta thấy người tu là phải dè dặt tối đa, đừng nghĩ rằng người ta ăn trộm còn không sao, mình hái có trái cà trái ớt đâu có gì quan trọng!

Song thái độ người tu phải khác hơn, dù một chuyện nhỏ cũng phải tránh, vì mình là người trong sạch, một vết nhơ tuy nhỏ cũng làm nhơ mình rồi. Còn người đã nhơ sẵn thì một vết nữa cũng không thấm vào đâu.

Cho vay lấy lời Diêm vương còn phạt. Đến việc cho vay lấy lời cũng vậy, Diêm vương cũng rầy phạt, chứ không phải dễ. Như người tu ở chùa thỉnh thoảng ngân quỹ được rộng, cũng muốn cho vay lấy lãi mà không ngờ việc làm đó cũng bị quở rầy.

Lưới trời lồng lộng, làm thiện thì thoát, làm ác thì mang. Phép nước thênh thang, làm việc công thì khỏi, làm việc tư thì phạm. Lưới trời tuy nhìn không thấy, nhưng lồng lộng mênh mông, nếu làm lành thì không dính mắc lưới trời, còn làm ác nhất định mắc họa bị đọa đày, không sao tránh khỏi. Phép nước thênh thang rộng lớn, nếu làm việc công ích lợi cho mọi người thì không phạm tội, nếu vì tư tài tư lợi được mình hại người thì phạm tội, chứ không tránh được.

Kệ rằng:

Đục vách đào tường ý chẳng thôi,
Trăm mưu ngàn kế khổ mong cầu.
Đời này ví được của người đấy,
Nào biết muôn phen kiếp ngựa trâu.

Đục vách, đào tường là làm nghề trộm cướp, làm mãi không muốn thôi. Bày ra trăm mưu ngàn kế để mong cầu được tài lợi của người. Ví như đời này được hưởng, đâu có biết muôn kiếp phải làm trâu ngựa để đền trả.

Đừng nghĩ lấy của người hưởng hết là xong, hiện giờ tưởng như sung sướng, nhưng đời sau phải chịu khổ đau không biết bao nhiêu lần.

Vì vậy phải ngừa tránh chớ lấy của người, đó là giữ giới trộm cướp.

3. VĂN GIỚI SẮC

Giới sắc tức là giới tà dâm đối với người tại gia, còn với người xuất gia gọi là giới dâm dục.

Lưng ong tóc mượt hay khiến tâm tánh say mê; sắc én mày ngài làm cho hồn phiêu phách lạc. Đưa mắt liếc chẳng phải dao mài mà ai không đứt ruột. Lưỡi uốn tựa sáo diều, mọi người đều phải lắng nghe. Người mê thì nghĩa thân sơ đều dứt, kẻ tham thì đạo đức tiêu tan. Trên thì phong giáo đắm chìm, dưới thì khuê môn tán loạn. Bất luận phàm phu, học giả đều say áo đẹp thích điểm trang. Kỷ cương quốc gia bị rơi chốn Tô đài, giới thể bị chôn vùi nơi dâm thất.

Đoạn này nói tai họa của sắc đẹp.

Lưng ong tóc mượt hay khiến tâm tánh say mê, sắc én mày ngài làm cho hồn phiêu phách lạc. Đây diễn tả hình dáng của người đẹp. Đôi mày ngài, gương mặt đẹp khiến cho người nhìn phải hồn xiêu phách tán.

Đưa mắt liếc chẳng phải dao mài mà ai không đứt ruột. Lưỡi uốn tựa sáo diều, mọi người đều phải lắng nghe. Liếc mắt không phải dao mà người bị đứt ruột. Khéo nói khéo lựa lời êm dịu nên ai nghe cũng phải lắng tai.

Người mê thì nghĩa thân sơ đều dứt, kẻ tham thì đạo đức tiêu tan. Trên thì phong giáo đắm chìm, dưới thì khuê môn tán loạn. Người mê sắc thì nghĩa thân như cha mẹ, sơ như bà con láng giềng đều tan mất. Kẻ tham mê sắc dục thì đạo đức tiêu tan. Trên thì gia phong và giáo dục bị mất, trong gia đình riêng thì khuê môn tán loạn, chồng vợ bất hòa.

Bất luận phàm phu, học giả đều say áo đẹp, thích điểm trang. Kỷ cương quốc gia bị rơi chốn Tô đài, giới thể bị chôn vùi nơi dâm thất. Dù kẻ phàm phu tầm thường hay người học giả cao siêu đều say mê những chiếc áo đẹp, thích dáng điểm trang của người khác phái. Do đó kỷ cương quốc gia bị rơi nơi chốn Tô đài. Còn người tu mà đắm mê nhan sắc thì giới thể bị chôn vùi nơi dâm thất.

Tô đài là cái đài xây cất trên núi Cô Tô bên Trung Hoa. Ngày xưa, vua Ngô Phù Sai vì say mê sắc đẹp Tây Thi, ngày đêm vui chơi trên Tô đài, quên hết việc nước, nên về sau bị Việt vương Câu Tiễn kéo quân sang đánh, nước Ngô tan nát, vua Ngô phải chết.

Thảy do phóng mắt đuổi theo bên ngoài, nên không xoay đầu nhìn lại bên trong.

Mỗi giới đều có nhắc lại câu này. Đoạn trước nói *nếu xoay đầu liền đến quê hương*, ở đây nói *do phóng mắt đuổi theo bên ngoài...* Con người say mê sắc đẹp vì phóng tầm mắt đuổi theo những hình dáng bên ngoài, *nên không xoay đầu nhìn lại bên trong,* tức là không biết xoay trở lại quê hương mình.

Cởi hết lụa là che thân chỉ bày làn da bọc thịt. Độc giác gần nữ am mà hoàn tục, Chân quân xa Thán phụ nên thăng thiên. Người chẳng theo sắc được năm thần thông, kẻ mê sắc thì mất các giới hạnh.

Con người chỉ có dáng bên ngoài, *lụa là che thân,* rồi trang điểm cho đẹp đẽ. Nếu cởi tất cả những che đậy bên ngoài, thì ai cũng là da bọc xương thịt, có gì đâu mê say! Thế mà ngày xưa có một vị tiên Độc giác vì gần nữ am, tức là nhà của người nữ, mà bị hoàn tục. Ngày xưa có vị tiên Độc giác đi khất thực, một người nữ dâng cơm, ngài nhận. Nhận quen rồi lần lần có sự xúc chạm. Khi trước, mỗi lần nhận cơm xong ngài dùng thần thông đi. Sau vì sự xúc chạm, ngài mất thần thông trở thành người thế tục. Đây là câu chuyện trong Luật, chúng ta thường nghe nhắc đến vị tiên Độc giác được vua cúng dường.

Chân quân xa Thán phụ nên thăng thiên. Chân quân chỉ các đạo sĩ tu tiên, Thán phụ là người đàn bà bằng than. Thời Đông Hán có một đạo sĩ tu tiên tên Trương Đạo Lăng luyện được nhiều pháp thuật, thuốc linh đơn và phù chú, danh tiếng đồn khắp, số người theo học rất đông. Ông muốn thử học trò xem ai quyết chí tu, nên lấy than gọt thành hình người nữ và hóa làm một cô gái rất đẹp, rồi cho cô tới trêu ghẹo các đệ tử. Nếu người nào nắm tay cô gái thì tay bị nhuộm đen. Khi trình tay lên thầy xem, vị đệ tử nào tay bị dính đen thầy nói không xong rồi cho về nhà, người nào tay trắng sạch thầy cho học.

Ở đây nói Chân quân là một người học đạo tiên với Ngô Mãnh thời Tây Tấn, nhân không dính mắc phái nữ nên sau này được sanh cõi trời. Như vậy người chẳng theo sắc được năm thần thông, còn kẻ mê sắc thì mất các giới hạnh.

Kệ rằng:

Má thoảng hương mai, mặt nhụy đào,
Thấy rồi mắt dán, ý nao nao.
Thảy đều một đãy da hôi thối,
Thầm cắt ruột người chẳng dụng dao.

Má thoảng hương mai, mặt nhụy đào, đây tả dáng người nữ đẹp. *Thấy rồi mắt dán, ý nao nao*, thấy người đẹp thì mắt nhìn mãi không rời, trong lòng xao xuyến nao nao. *Thảy đều một đãy da hôi thối*, nhưng xét kỹ chỉ có dáng bên ngoài, thật sự nam hay nữ, ai cũng chỉ là một đãy da hôi thối. *Thầm cắt ruột người chẳng dụng dao*. Thế mà có người bị chết không cần dùng phương tiện, bị cắt đứt ruột không cần dùng dao.

Đây là lời nhắc nhở những ai có bệnh đắm mê sắc đẹp thì sẽ gặp hiểm nguy như vậy.

4. VĂN GIỚI VỌNG NGỮ

Tâm là gốc thiện ác, miệng là cửa họa phúc. Nghĩ một niệm thì hưởng ứng không sai, nói một lời thì bóng theo chẳng lệch. Quân tử trọng lời như biện, cổ nhân ngừa nói như bình. Nói ra thì ngay thẳng công bằng, mở lời thì không cong queo tà vạy. Không nói đây hay kia dở, chẳng bàn mình phải người sai. Đâu dám khua môi

múa lưỡi, cần phải giữ miệng gìn lời. Vả nghiệp của thân là nặng, song họa của miệng là trước. Chẳng những kẻ nói là vọng ngôn, còn khiến người nghe làm bậy.

Đoạn này giải thích về lỗi của vọng ngữ.

Tâm là gốc thiện ác, tâm là những ý niệm, nguồn của thiện và ác. *Miệng là cửa họa phúc*, họa từ miệng mà ra, nên phải dè dặt lời nói.

Nghĩ một niệm thì hưởng ứng không sai, chỉ khởi nghĩ một niệm là có sự hưởng ứng đúng như điều mình nghĩ, nghĩ xấu có hưởng ứng xấu, nghĩ tốt có hưởng ứng tốt rõ ràng. *Nói một lời thì bóng theo chẳng lệch*, một lời nói ra quả báo sẽ theo không sai chạy. Lời nói lành có quả lành, lời nói ác có quả ác theo ngay. Thế nên:

Quân tử trọng lời như biện, tức là người quân tử trọng lời nói như đinh đóng vậy. Biện là cái thành của chiếc giường, gồm những miếng gỗ nhờ đóng đinh nên cứng lại, ý nói người quân tử trọng lời nói như đóng đinh vào gỗ vậy. *Cổ nhân ngừa nói như bình*, người xưa ngừa miệng mình như bình. Cái bình nếu để đứng thì không đổ nước, để nghiêng thì đổ. Vì thế chúng ta luôn luôn ngừa lời nói, không phát ra những lời vô nghĩa hay những lời hại người.

Nói ra thì ngay thẳng công bằng, mở lời thì không cong queo tà vạy. Người quân tử đạo đức nói lời ngay thẳng đúng đắn, không tà vạy. Còn người thế gian thấy một đàng nói một ngả, hoặc nói bóp méo sự thật, đó gọi là nói cong queo tà vạy. Lời nói thẳng là không nói quanh co, có thế nào nói thế ấy.

Không nói đây hay kia dở, chẳng bàn mình phải người sai. Chẳng những người cư sĩ tại gia mà cả người xuất gia cũng phải học thuộc câu này. Khi năm ba huynh đệ họp lại thường bàn chuyện người này hay người kia dở, gọi là bàn chuyện thị phi. Chúng ta không nên nói chuyện hay dở của người, cũng chẳng bàn mình phải người sai, người nói lời thô lỗ vô phép, còn mình đối xử rất đẹp rất hay... Ít khi nào chúng ta nhận dở về mình và khen người hay khéo, lúc nào cũng cái ta trên hết. Cái ta hiện rõ ràng trong lời, cho nên ít nói là hơn hết.

Đâu dám khua môi múa lưỡi, cần phải giữ miệng gìn lời. Đừng múa lưỡi phô trương mình giỏi mình khôn, cần phải giữ miệng không nói lời sai quấy rỗng suông.

Vả nghiệp của thân là nặng, song họa của miệng là trước. Tuy nghiệp thân là nặng, song miệng cãi rầy trước rồi thân đánh đập sau làm khổ cho nhau. Ở thế gian nếu mỗi người biết giữ gìn miệng, thì trong nhà ít có cãi rầy đi đến đánh nhau. Vậy ai khéo giữ miệng thì sẽ tránh được tai họa này.

Chẳng những kẻ nói vọng ngôn, còn khiến người nghe làm bậy. Nếu mình nói dối nói sai, khiến người nghe tưởng thật, họ làm bậy theo, đó là lỗi tại mình.

Đời này bị người khinh rẻ, sau khi chết bị nghiệp kéo lôi. Hoặc kìm sắt kéo lưỡi cam chịu chua cay. Hoặc nước đồng sôi rót vào miệng lòng ôm đau đớn. Ai thường nói dối, hiện đời bị người khinh rẻ, sau khi chết nghiệp báo lôi vào địa ngục. Nơi đó kềm sắt kéo lưỡi cắt đi, thật là chua cay đau đớn. Lại bị đổ nước đồng sôi vào miệng,

cháy cả ruột gan. Như thế quả báo nói dối hiện đời đã xấu, đời sau lại càng khổ đau, nên phải ráng ngừa tránh.

Kệ rằng:

Kề vai cười nói khua lưỡi môi,
Cứ mãi làm người vọng ngữ thôi.
Riêng ý cầu tài, mong người thích,
Sau cùng khó tránh nghiệp kéo lôi.

Kề vai cười nói khua lưỡi môi, muốn dụ dỗ người nghe lời dối trá của mình thì phải kề vai nói cười thân thiết. *Cứ mãi làm người vọng ngữ thôi*, cứ như vậy mà làm người nói dối mãi. *Riêng ý cầu tài mong người thích*, mong được tài lợi về mình thì phải nói dối làm người ta ưa thích mới gạt được người. *Sau cùng khó tránh nghiệp kéo lôi*. Đến lúc chết, bị nghiệp lôi kéo vào địa ngục chịu những hình phạt khổ sở đau đớn vô cùng. Quả báo trong địa ngục là do vọng ngữ vậy.

5. VĂN GIỚI RƯỢU

Người ưa uống rượu thì đức hạnh suy kém, lời nói nhiều lỗi lầm. Hơi nóng xông nát dạ dày, vị cay xuyên thủng gan ruột. Tinh thần rối loạn, tâm tánh hôn mê. Chẳng nghĩ đến cha mẹ, tội ngũ nghịch chuyên làm. Hoặc ồn náo nơi tiệm quán, hoặc say mèm ngoài đường sá. Khi trời mắng đất, hủy Phật chê tăng. Miệng lảm nhảm hát ca, thân trần trụi nhảy múa. Đã không tiếp Phật cúng dường, lại theo bọn mũ đen bất chánh. Tan thân mất mạng từ đó mà sanh, mất nước hại nhà do đây mà có.

Người ưa uống rượu thì đức hạnh suy kém, lời nói nhiều lỗi lầm. Đây là điều cụ thể vô cùng. Uống rượu nhiều thì quên hết những điều hay lẽ phải, nên đức hạnh suy kém, lời nói không xét nghĩ nên dễ sanh lỗi lầm.

Hơi nóng xông nát dạ dày, vị cay xuyên thủng gan ruột. Uống rượu vào nóng quá làm cho dạ dày bị loét hư, vị cay của rượu làm gan ruột bị bệnh.

Tinh thần rối loạn, tâm tánh hôn mê. Đây là tai họa của rượu: đức hạnh suy kém, thân thể bệnh hoạn, tinh thần tối tăm, tất cả đều do uống rượu.

Chẳng nghĩ đến cha mẹ, tội ngũ nghịch chuyên làm. Khi say sưa rồi thì không nghĩ đến cha mẹ, vì vậy dễ sanh tội ngũ nghịch giết hại mẹ cha...

Hoặc ồn náo nơi tiệm quán, hoặc say mèm ngoài đường sá. Uống rượu quá nhiều, nơi quán tiệm thì nói năng ồn náo cãi vã qua lại. Hoặc say mèm đi không nổi nằm vật ngã bên lề đường.

Lúc say sưa thì *khi trời, mắng đất, hủy Phật, chê tăng*, không coi ai ra gì, cũng chẳng kể trời đất. *Miệng lảm nhảm hát ca* giống người mất trí, *thân trần trụi nhảy múa* ngoài đường, lũ con nít vây quanh reo cười chế nhạo. Chỉ vì rượu mà từ người tỉnh biến thành người điên. Thế mà người ta lại thích làm kẻ điên, không chịu làm người tỉnh!

Về phần đạo đức, *đã không tiếp Phật cúng dường, lại theo bọn mũ đen bất chánh*. Chẳng biết đến Phật cúng dường, lại theo bọn bất chánh làm nghề trộm cướp.

Tan thân mất mạng từ đó mà sanh, mất nước hại nhà do đây mà có. Tan thân mất mạng hoặc hư nhà mất nước cũng vì rượu.

Bỏ rượu thì ngàn điềm lành đồng tới, uống rượu thì trăm họa kéo về. Đại Vũ không uống rượu nên muôn họ đều theo. Thái Khang mê rượu nên năm con đều oán. Đâu chỉ hàng phong lưu phải răn, mà bậc đạt giả cũng cần phải tránh. Bao nhiêu người rạng rỡ trên đời, lại bị tối tăm trong rượu.

Nếu không uống rượu thì ngàn điều lành đồng tới, còn uống rượu thì trăm tai họa kéo về.

Đại Vũ không uống rượu nên muôn họ đều theo. Thái Khang mê rượu nên năm con đều oán. Theo sử Trung Hoa, vua Đại Vũ do không uống rượu nên muôn họ đều theo, còn ông Thái Khang vì mê rượu, nên năm người con đều oán trách bỏ ông.

Đâu chỉ hàng phong lưu phải răn, mà bậc đạt giả cũng cần phải tránh. Không những hàng nho nhã ngoài đời phải ngừa rượu, mà cả bậc đạt giả tức người tu hành có đạo đức cao cũng phải tránh uống rượu.

Bao nhiêu người rạng rỡ trên đời, lại bị tối tăm trong rượu. Người có danh tiếng giàu sang, rốt cuộc bị rượu làm cho tăm tối. Rượu là một tai họa rất lớn lao vậy.

Kệ rằng:

Men bã một vò ủ nấu thành,

Bao nhiêu người trí mất thông minh.

Chẳng riêng tăng sĩ không gìn giới,
Mất nước tan nhà từ đó sinh.

Rượu là gì? Chẳng qua là men trộn với nếp hoặc gạo, đổ vào vò ủ, rồi nấu thành rượu. Thế mà bao nhiêu người trí mất thông minh vì nó. Không phải riêng người tu sĩ uống rượu là phạm giới; mà tất cả người thế gian từ vua chúa đến quan dân nếu mê say rượu, vua chúa thì mất nước, quan dân thì tan nhà, tất cả đều do bệnh rượu.

Trong năm giới, giới uống rượu dường như nhẹ, mà thật là họa không thể lường. Vậy mỗi người phải cố gắng tránh rượu, tránh được là mình đã tiến một bước rất lớn, không gây lỗi lầm tai họa cho mình và người.

BỐN NÚI

Chánh văn:

Nguyên là, tứ đại vốn không, ngũ ấm chẳng có. Do không khởi vọng, vọng thành sắc, sắc tự chân không. Vọng ấy từ không, không hiện vọng, vọng sanh các sắc. Đã trái không sanh không hóa, mải làm có hóa có sanh. Không sanh hóa thì không hóa không sanh, có hóa có sanh nên có sanh có hóa. Hoặc sanh thánh hiền ngu trí, hoặc hóa vảy cánh lông sừng. Luôn luôn chìm đắm nơi bến mê, mãi mãi trôi lăn trong biển khổ. Mờ mờ mịt mịt nào biết nào hay, rối rắm lăng xăng chẳng tỉnh chẳng ngộ. Trọn là buông tâm chạy đi, đều không nắm mũi kéo về. Khiến đến qua lại sáu đường, xuống lên bốn núi. Bốn núi là: sanh, già, bệnh, chết. Nay lần lượt trình bày bốn núi để lại đời sau.

Kệ bốn núi:

Bốn núi cheo leo vạn khóm tùng,
Ngộ xong chẳng có, muôn vật không.
Mừng được ba chân lừa có sẵn,
Cưỡi lên thúc mạnh vượt cao phong.

NÚI THỨ NHẤT

Núi thứ nhất là tướng sanh.

Vì sai một niệm nên hiện đa đoan. Gá hình hài nơi tinh huyết mẹ cha, nương khí âm dương dưỡng nuôi thai nghén. Trong tam tài người đứng giữa, lại hàng chí linh của muôn vật. Chẳng luận kẻ trí người ngu, đều thuộc bào thai bao bọc; hỏi chi một người trăm họ, đều trong lò bễ mà ra. Hoặc mặt trời biểu hiện, vua thánh giáng sanh; hoặc các sao ứng điềm, tôi hiền xuất hiện. Văn chương quét sạch ngàn quân, võ lược chiến thắng trăm trận. Trai cậy phong tư ném quả, gái khoe sắc đẹp nghiêng thành. Một trận cười nghiêng nước, hai trận cười đổ thành. Đua danh khoe đẹp, tranh lạ đấu trân, xem ra thảy đều luân hồi, đáo để khó trốn sanh hóa.

Tướng sanh của người là mùa xuân của năm. Hanh thông đang độ tam dương, muôn vật rực màu tươi tốt. Một trời trong sáng, nơi nơi liễu thắm hoa hồng; muôn dặm phong quang, chốn chốn oanh kêu bướm lượn.

Kệ rằng:

Trời đất nấu nung vạn tượng thành,
Xưa nay không mống cũng không manh.
Chỉ sai hữu niệm quên vô niệm,
Liền trái không sanh nhận có sanh.
Mũi vướng các hương, lưỡi đắm vị,
Mắt mờ chúng sắc, tai mê thanh.
Lang thang làm khách phong trần mãi,
Ngày cách quê hương muôn dặm trình.

NÚI THỨ HAI

Núi thứ hai là tướng già.

Hình dung thay đổi, khí huyết đã suy, dáng gầy tuổi cao, ăn uống hay sặc thường nghẹn. Tóc xanh má đỏ đổi thành tóc bạc da gà, ngựa trúc áo hoa lại thành gậy cưu xe cói. Dẫu rằng mắt sáng như Ly Lâu cũng khó phân rành màu sắc, dù cho tai thính như Sư Khoáng cũng khôn nhận rõ âm thanh. Tiều tụy như cây liễu lúc thu về, điêu linh như đóa hoa khi xuân hết. Bóng chiều vừa muốn ngả non tây, dòng nước sắp chảy về biển đông.

Tướng già của người là mùa hạ của năm. Trời nóng chảy đá muôn vật đều khô, nắng bỏng sôi vàng trăm sông sắp cạn. Hoa tàn liễu úa, bờ lạch trong vườn há còn lưu giữ. Bướm lượn oanh bay, dưới lá đầu cành già sắp đuổi tới.

Kệ rằng:

Con người kiếp sống tợ phù âu,
Thọ yểu người trời chớ vọng cầu.
Bóng ngả nương dâu, chiều sắp đến,
Thân như bồ liễu tạm qua thu.
Phan lang thuở nọ còn xanh tóc,
Lữ Vọng ngày nay đã bạc đầu.
Cuồn cuộn việc đời thôi chẳng đoái,
Vầng ô gác núi, nước trôi xuôi.

NÚI THỨ BA

Núi thứ ba là tướng bệnh.

Tuổi đã già khọm, bệnh đến cao hoang. Chân tay mỏi mệt, mạch lạc khó thông, trăm lóng rã rời, nóng lạnh chẳng thuận. Tan mất tánh chân thường, sai lệch nguồn điều sướng. Ngồi đứng khó khăn, co duỗi đau đớn. Mạng dường ngọn đèn trước gió, thân như hòn bọt trên sông. Tâm sanh bóng quỷ lô nhô, mắt thấy không hoa lốm đốm. Hình hài gầy yếu, ai là Biển Thước thuốc thang; thân thể hao mòn, nào kẻ Lư Nhân cứu chữa. Bạn bè luống nhọc viếng thăm, anh em uổng sức nâng đỡ. Bệnh nặng bao tháng chẳng lành, nằm liệt nhiều tuần chưa khỏi.

Tướng bệnh của người là mùa thu trong năm. Gặp khi sương lạnh mới rơi, đến lúc cỏ cây đều héo. Rừng rậm sum suê, một trận gió vàng đã lơ thơ; núi biếc non xanh, móc ngọc mới sa liền trơ trọi.

Kệ rằng:

Âm dương trái vận vốn xoay vần,
Gieo rắc tai ương đến thế nhân.
Đại để có thân thì có bệnh,
Ví bằng không bệnh cũng không thân.
Linh đơn chớ cậy trường sanh thuật,
Lương dược khó mong được sống bền.
Sớm nguyện xa lìa ma cảnh giới,
Xoay tâm về đạo, dưỡng thiên chân.

NÚI THỨ TƯ

Núi thứ tư là tướng chết.

Bệnh càng trầm trọng, mạng sắp cáo chung. Tuổi thọ mong hưởng trăm năm, thân thế trở thành giấc mộng. Thông minh trí tuệ khó trốn lánh ngày đại hạn sắp sang, sức mạnh oai hùng đâu chống được khi vô thường đã đến. Thiếp thuận vợ trinh trở thành đau thương đứt ruột, anh nhường em kính vội nên ly biệt suốt đời. Vật mình lăn đất, vỗ trán kêu trời. Tường hoa nhà rộng có làm chi, ngọc đụn vàng kho rồi cũng bỏ. Dạ đài mù tối, luống nghe gió bấc vi vu; tuyền hộ then gài, chỉ thấy mây sầu ảm đạm.

Tướng chết của con người là mùa đông trong năm. Càn khôn ứng Thái Tuế tròn vòng, nhật nguyệt hướng Huyền Hiêu hội tụ. Âm tinh cực thịnh, khắp trời mưa tuyết bời bời; dương khí tan dần, nước tám đức đóng băng càng lạnh buốt.

Kệ rằng:

Cào đất đùng đùng trận gió hanh,
Lão ngư say tít, chiếc thuyền chành.
Bốn bề mù mịt mây sầm bóng,
Một dãy lô xô sóng cuộn ghềnh.
Theo lớp hạt mưa bay phấp phới,
Dồn nhau tiếng sét nổ đì đoành.
Giây lâu tan bụi, bên trời tạnh,
Trăng lặn lòng sông, đêm mấy canh?

(Ngô Tất Tố dịch)

Bão táp cuồng phong đất bụi bay,
Lão ngư say tít, chiếc thuyền lay.
Bốn bề mây phủ màu đen kịt,
Một dãy sóng gầm tiếng vang tai.
Sầm sập trận mưa ào ạt đổ,
Ì ầm xe sấm nổ vần xoay.
Tạm thời bụi lắng, chân trời sáng,
Trăng lặn lòng sông, canh mấy ai?

Giảng:

Bốn núi này là y cứ trong kinh, ngài Trần Thái Tông diễn tả cho chúng ta dễ hiểu. Trong Hán tạng, kinh Tạp A-hàm bài 1147 có nói về bốn núi. Tạng Pāli kinh Tương Ưng Bộ bài 136 (hòa thượng Minh Châu dịch) cũng nói về bốn núi.

Một hôm vua Ba-tư-nặc đi chinh phạt loạn quân ngoài biên giới, đánh thắng kéo quân về đến gần tinh xá của Phật, ông dừng quân lại, đích thân đến lễ Phật. Phật hỏi:

- Đại vương đi đâu về xem có vẻ nhọc nhằn?

Vua bạch:

- Con đi chinh phạt bọn ngoại xâm, vừa chiến thắng trở về.

Khi nói, nhà vua hiện ra kiêu khí của người thắng trận. Đức Phật hỏi:

- Này Đại vương, nếu có người ở phương đông đến thưa thế này: Tôi thấy một ngọn núi từ phương đông lăn lần lần về đây, lăn đến đâu nghiền nát cỏ cây người vật ở đó. Lại có một người phương nam tới cũng tâu: Đại vương, có một ngọn núi ở phương nam đang lăn về đây, tới đâu nó đều nghiền nát cây cỏ người vật. Lại phương tây, phương bắc, mỗi phương có một ngọn núi đang lăn về, lăn đến đâu cây cỏ người vật đều bị nghiền nát. Nếu có người báo bốn ngọn núi đang lăn về, tàn sát cây cỏ người vật... thì Đại vương sẽ cử đội quân nào để đi chinh phục chúng?

Nhà vua bạch:

- Dầu đội quân có tài trăm trận trăm thắng đi nữa cũng không thể nào chinh phục được bốn núi đó.

Phật bảo:

- Bốn núi đó là sanh, già, bệnh, chết. Dầu cho ai tài giỏi đến đâu, dũng mãnh đến đâu cũng không thắng được,

không chinh phục được sanh già bệnh chết, mà đều bị chúng nghiền nát.

Nghe như thế kiêu khí của nhà vua không còn nữa.

Đó là ý nghĩa bốn núi. Trong chúng ta ai cũng không khỏi bị bốn núi nghiền nát, chúng ta đang thấy nó lăn từ từ gần đến mình. Như hiện nay ba núi sanh, già, bệnh lăn tới tôi rồi, chỉ còn núi thứ tư, núi tử nữa là kết cuộc. Như vậy ai cũng bị bốn núi nghiền nát mà không hay, và cũng không ai chống lại được chúng. Thế nên người tu là muốn thoát bốn núi đó, không để chúng nghiền nát. Còn người thế gian bị nó nghiền mãi, sanh ra rồi lại bị nghiền nát, cứ như thế mà muôn đời muôn kiếp không biết bao nhiêu lần khổ đau. Từ ý nghĩa đó ngài Trần Thái Tông làm bài bốn núi.

Nguyên là tứ đại vốn không, ngũ ấm chẳng có. Do không khởi vọng, vọng thành sắc, sắc tự chân không. Vọng ấy từ không, không hiện vọng, vọng sanh các sắc. Đã trái không sanh không hóa, mải làm có hóa có sanh. Không sanh hóa thì không hóa không sanh, có hóa có sanh nên có sanh có hóa. Hoặc sanh thánh hiền ngu trí, hoặc hóa vảy cánh lông sừng. Luôn luôn chìm đắm nơi bến mê, mãi mãi trôi lăn trong biển khổ. Mờ mờ mịt mịt nào biết nào hay, rối rắm lăng xăng chẳng tỉnh chẳng ngộ. Trọn là buông tâm chạy đi, đều không nắm mũi kéo về. Khiến đến qua lại sáu đường, xuống lên bốn núi. Bốn núi là: sanh, già, bệnh, chết. Nay lần lượt trình bày bốn núi để lại đời sau.

Mở đầu, ngài diễn tả: *Nguyên là tứ đại vốn không, ngũ ấm chẳng có*. Đọc kinh Bát-nhã, chúng ta thấy rõ tứ đại không thật, năm ấm cũng không thật, nên nói tứ đại vốn không, ngũ ấm chẳng có.

Do không khởi vọng, vọng thành sắc, sắc tự chân không. Tức là do thể Không dấy niệm khởi vọng, từ vọng biến thành sắc chất, nên nói sắc chất gốc tự chân không, chứ không phải riêng có. Điều này những nhà khoa học hiện đại dễ tin, vì khi phân tích tột cùng sắc chất, họ thấy là chân không chứ sắc chất không có cái thể riêng. Tóm lại ngài nói do không khởi sắc, tức là từ không rồi dấy vọng thành sắc, sắc do vọng dấy từ chân không, nên không rời chân không.

Vọng ấy từ không, không hiện vọng, vọng sanh các sắc. Vọng đó là từ không, không hiện ra vọng, vọng sanh ra các sắc. Nay nói về tâm người tu, trong lúc chúng ta ngồi thiền, nếu không nghĩ gì, lúc đó là không hay là có? Không nghĩ gì thì thấy như không. Vừa dấy niệm là vọng, vọng cấu kết với hình sắc nên nhớ hình này hình kia, nội tâm chúng ta rõ ràng như vậy. Bên ngoài cũng thế, từ vọng hiện ra các hình sắc, nên:

Đã trái không sanh không hóa, lý đáng chân không là không sanh không hóa, nhưng vì trái với nó nên *mải làm có hóa có sanh*, nghĩa là sanh hóa liên tục.

Không sanh hóa thì không hóa không sanh, có hóa có sanh nên có sanh có hóa. Nếu đứng về mặt không sanh không hóa thì đó là thể, không có hóa sanh gì cả.

Lục Tổ thấy được thể đó ngài mới nói *Bản lai vô nhất vật*, không sanh không hóa thì có vật gì? Nay vì theo có hóa có sanh, nên mọi việc đều thành có sanh có hóa.

Hoặc sanh thánh hiền ngu trí, hoặc hóa vảy cánh lông sừng. Sanh hóa là sanh ra người thánh bậc hiền, hoặc kẻ trí người ngu sai biệt, hoặc hóa làm chim chóc, tôm cá, trâu bò... các loại.

Luôn luôn chìm đắm nơi bến mê, mãi mãi trôi lăn trong biển khổ. Vì sanh hóa nên cứ chìm đắm mãi nơi bến mê, lăn lộn trong biển khổ không ra khỏi.

Mờ mờ mịt mịt nào biết nào hay, rối rắm lăng xăng chẳng tỉnh chẳng ngộ. Như vậy chúng ta sống trong mờ mịt lăng xăng, không một phút giây thức tỉnh.

Trọn là buông tâm chạy đi, đều không nắm mũi kéo về. Buông tâm chạy đi là phóng tâm chạy theo ngoại cảnh, vì phóng tâm chạy đi nên hóa hóa sanh sanh liên miên không dừng. Trái lại nếu biết nắm mũi kéo về thì không sanh không hóa. Chúng ta bắt đầu nắm mũi kéo về được chưa? Cố nắm nhưng nó còn giãy quá. Nếu kéo được thì trở về không sanh không hóa.

Khiến đến qua lại sáu đường, khi đã sanh hóa thì lăn lộn trong sáu đường, *xuống lên bốn núi* sanh già bệnh chết. Sở dĩ có bốn núi, là vì chúng ta bỏ chân không, chạy theo vọng tưởng, từ vọng tưởng tạo thành sắc thân, rồi lăn lộn trầm luân trong biển khổ.

Ngài nói tổng quát *Kệ bốn núi:*

Bốn núi cheo leo vạn khóm tùng,
Ngộ xong chẳng có, muôn vật không.
Mừng được ba chân lừa có sẵn,
Cưỡi lên thúc mạnh vượt cao phong.

Bài kệ nghe như khó hiểu. *Bốn núi cheo leo vạn khóm tùng* là diễn tả sanh, già, bệnh, chết, cheo leo như ngọn núi cao. Tuy thế nếu *ngộ xong chẳng có, muôn vật không*, nếu ngộ được lý chân không, mới thấy muôn vật là không thật, chỉ từ vọng sanh. *Mừng được ba chân lừa có sẵn* tức là mừng được có sẵn con lừa ba chân. *Cưỡi lên thúc mạnh vượt cao phong*, cưỡi lừa ba chân chạy thẳng lên ngọn núi cao tuyệt. Có vô lý không? Cưỡi lừa bốn chân không biết có chạy nổi lên ngọn núi không, chứ lừa ba chân làm sao chạy được? Vì thế bài kệ này mỗi người hiểu mỗi cách.

Con lừa ba chân xuất xứ từ câu chuyện của ngài Dương Kỳ Phương Hội, đệ tử ngài Từ Minh. Sử Trung Hoa ghi rõ, có người tới hỏi ngài Dương Kỳ: Thế nào là Phật? Ngài đáp: Con lừa ba chân chạy tứ tung. Ngài Trần Thái Tông mượn câu chuyện đó, nói có sẵn lừa ba chân cưỡi chạy thẳng lên ngọn núi cao phong. Trong nhà Thiền, nói đến chỗ cứu cánh, đó là chỗ vô lý hay phi lý. Tại sao? Vì tất cả lý lẽ chúng ta bàn luận ở thế gian đều tương đối, có phải có quấy. Nếu ai nói phải thì cho là hợp lý, nói quấy là phi lý. Nhưng cứu cánh tuyệt đối là cái phi lý, tức là cái không suy lường được.

Thường người ta nói tu là làm lành, là giúp kẻ khổ, nhưng đối với chỗ cứu cánh, tu lại là buông, là bỏ, buông những niệm tưởng lành dữ, bỏ những tâm thiện ác. Lành dữ thiện ác đều buông sạch thì có lý hay phi lý? Từ cái phi lý mới đi đến chỗ cứu cánh được, còn nằm trong đối đãi thì chưa đến cứu cánh. Con lừa ba chân là chỉ cái phi lý. Đạt được cái phi lý mới lên tận ngọn núi cao phong. Trái lại nếu chưa đạt thì chưa lên được. Đó là ý nghĩa thâm sâu trong nhà Thiền.

NÚI THỨ NHẤT

Ngài diễn tả núi thứ nhất tức là tướng sanh.

Vì sai một niệm nên hiện đa đoan. Sai một niệm tức là từ thể chân không dấy động, có niệm phát ra thì sanh muôn mối. Thế nên chúng ta tu đến chỗ không còn một niệm mới là hết mầm sanh tử. Nếu còn một niệm là hiện đa đoan, tức là hiện đủ tất cả việc.

Từ hiện đa đoan mới lôi thần thức *gá hình hài nơi tinh huyết mẹ cha, nương khí âm dương dưỡng nuôi thai nghén.* Do hợp khí âm dương từ đó thai nghén thành hình.

Trong tam tài người đứng giữa, trong tam tài thiên địa nhân, người (nhân) ở giữa rất là quan trọng. *Lại hàng chí linh của muôn vật*, lại người là hàng chí linh của muôn vật.

Chẳng luận kẻ trí người ngu, đều thuộc bào thai bao bọc. Dù người ngu hay kẻ trí cũng từ trong bào thai ra. *Hỏi chi một người, trăm họ đều trong lò bễ mà ra.*

Lò bễ là của thợ trời, trăm họ cùng ở trong đó ra, không ai ở ngoài được.

Hoặc mặt trời biểu hiện vua thánh giáng sanh; hoặc các sao ứng điềm, tôi hiền xuất hiện. Tích xưa nói, mẹ nằm mộng thấy nuốt mặt trời, đó là điềm sanh con làm vua, hoặc thấy có vì sao rơi vào bụng thì sau sanh con là hiền thần.

Văn chương quét sạch ngàn quân, võ lược chiến thắng trăm trận. Dầu cho người văn chương hay quét sạch cả ngàn quân, hoặc võ giỏi đánh thắng trăm trận, cũng không thoát được cuộc sống chết của thế gian.

Trai cậy phong tư ném quả. Người nam cậy nét đẹp của mình làm thiên hạ mê say. Đây là dẫn câu chuyện xưa ở Trung Hoa, sách Tấn Thư nói: Ông Phan Nhạc lúc còn trẻ là người đẹp trai nhất ở thành Lạc Dương. Mỗi khi ra đường, các cô gái cầm trái cây ném vào xe ông, đi một vòng về thì xe đầy trái. Như vậy sắc đẹp được tán thưởng nhiều, gọi là *trai cậy phong tư ném quả.*

Gái khoe sắc đẹp nghiêng thành. Nguyên ông Lý Diên Niên đời Hán làm một bài ca trong đó có câu: *Nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc*. Nghĩa là một lần ngoảnh lại làm nghiêng thành, hai lần ngoảnh lại làm nghiêng nước. Đây là tả sắc đẹp tuyệt trần của người nữ.

Một trận cười nghiêng nước, hai trận cười đổ thành. Đời U Vương nhà Châu, hoàng hậu Bao Tự hiếm khi cười.

Vua làm đủ cách khiến cho nàng cười. Có người bày kế đốt lửa ở hỏa đài, đánh trống cho chư hầu tưởng có biến, kéo quân đến. Bao Tự ở trên lầu thấy quân các nước tất tả ngơ ngác nhìn nhau, lại lục tục kéo quân về, bất giác bật cười lớn. Thời gian sau, vua Châu lại sai đốt lửa lần nữa để Bao Tự cười. Khi giặc nổi loạn, vua đốt lửa chư hầu không ai kéo đến vì sợ bị lừa. Vua bị giặc bắt, nước mất nhà tan.

Đua danh khoe đẹp, tranh lạ đấu trân. Đấu trân là đem của báu mà so đấu nhau.

Xem ra thảy đều luân hồi, đáo để khó trốn sanh hóa. Dù đẹp dù tài thế mấy, rốt cuộc cũng luân hồi sanh hóa.

Tướng sanh của người là mùa xuân của năm. Tướng sanh tương tự như mùa xuân. Mùa xuân rất đẹp, tướng sanh cũng vậy.

Hanh thông đang độ tam dương, muôn vật rực màu tươi tốt. Tam dương là chỉ ba tháng mùa xuân dương khí mới sanh nên gọi là dương xuân hay tam dương. Mùa xuân muôn vật đều đẹp đẽ tươi tốt, đó là nói theo các nước có bốn mùa, theo miền Nam chúng ta thì không phải vậy.

Một trời trong sáng, nơi nơi liễu thắm hoa hồng, muôn dặm phong quang, chốn chốn oanh kêu bướm lượn. Đó là diễn tả cảnh mùa xuân.

Kệ rằng:

Trời đất nấu nung vạn tượng thành,
Xưa nay không mống cũng không manh.

Chỉ sai hữu niệm quên vô niệm,
Liền trái không sanh nhận có sanh.
Mũi vướng các hương, lưỡi đắm vị,
Mắt mờ chúng sắc, tai mê thanh.
Lang thang làm khách phong trần mãi,
Ngày cách quê hương muôn dặm trình.

Bài kệ này rất hay, vừa nói giáo lý vừa nhắc nhở chúng ta kiếp luân hồi.

Trời đất nấu nung vạn tượng thành,
Xưa nay không mống cũng không manh.

Muôn hình tượng trong thế gian do âm dương trời đất mà hiện, trước đó không có manh mối gì.

Chỉ sai hữu niệm quên vô niệm,
Liền trái không sanh nhận có sanh.

Con người từ vô niệm dấy lên thành hữu niệm, đó là sai lầm, vừa có niệm liền quên mất vô niệm. Vô niệm là không sanh, dấy thành hữu niệm nên nhận có sanh. Vì thế khi chúng ta nhắm mắt vừa có niệm giận liền đi trên đường đau khổ của sân, có niệm tham thì đi đường khổ của tham, nếu niệm tịnh được sanh về cõi tịnh. Trái lại, vô niệm thì hết sanh, tức vô sanh, thật là rõ ràng.

Mũi vướng các hương, lưỡi đắm vị,
Mắt mờ chúng sắc, tai mê thanh.

Mũi lưỡi mắt tai... bị các trần lôi kéo, nói đủ là sáu trần lôi kéo sáu căn làm chúng ta say mê suốt cả cuộc đời. Vì say mê nên:

Lang thang làm khách phong trần mãi,
Ngày cách quê hương muôn dặm trình.

Buồn làm sao! Cứ làm khách phong trần lang thang trong vòng luân hồi, càng đi càng xa quê hương, đi một đời là xa một dặm, đi trăm ngàn muôn kiếp thì xa trăm ngàn muôn dặm.

Nếu chạy theo sáu trần là chấp nhận lang thang làm khách phong trần. Trái lại, không dính mắc sáu trần là kẻ xuất trần thượng sĩ. Trong nhà Phật thường tán thán người xuất gia là bậc xuất trần thượng sĩ. Thử hỏi hiện nay chúng ta là kẻ xuất trần hay là khách phong trần? Tùy chúng ta lựa chọn, nhưng chọn rồi là phải thực hành. Hai câu kết này tôi thích nhất:

Lang thang làm khách phong trần mãi,
Ngày cách quê hương muôn dặm trình.

Đi ra là mỗi ngày một xa quê hương. Hình ảnh thật rõ ràng. Thí dụ quê hương chúng ta ở Đà Lạt, chỉ đi bộ thôi, mỗi ngày đi bộ xuống miền đông, dù đi dở cũng khoảng mấy mươi cây số. Đi năm này qua năm khác càng đi càng xa tít, quên cả đường về. Trái lại nếu đi chừng năm ba cây số, giật mình tỉnh lại, quay trở về thì rất gần. Nếu nhớ quê hương phải trở về sớm, đừng đi nữa!

NÚI THỨ HAI

Núi thứ hai là diễn tả tướng già.

Đọc bài này nghe thật buồn. *Hình dung thay đổi,* rất dễ thấy. *Khí huyết đã suy, dáng gầy tuổi cao, ăn uống hay sặc thường nghẹn.* Đó là diễn tả cảnh già rất cụ thể, nhất là như tôi đây chứng minh điều này rất rõ.

Tóc xanh má đỏ đổi thành tóc bạc da gà. Ngày trước tóc xanh má đỏ nay đổi thành tóc bạc da gà. *Ngựa trúc áo hoa lại thành gậy cưu xe cói.* Ngựa trúc áo hoa là theo sự tích xưa những đứa bé lấy cành tre làm ngựa chạy giỡn, gọi là ngựa trúc, chúng mặc áo bông gọi là áo hoa. Mặc áo hoa, cưỡi ngựa trúc là những trò vui của trẻ con, nay lại thành gậy cưu xe cói. Ngày xưa ai sống đến tám mươi tuổi, được nhà vua tặng cho cây gậy có hình chim cưu, vì chim cưu ăn không mắc nghẹn, để chúc người già ăn không nghẹn. Xe cói là dùng rơm hay cỏ lác buộc dưới bánh cho xe chạy êm để người già đi. Gậy cưu xe cói là chỉ tuổi già.

Dẫu rằng mắt sáng như Ly Lâu cũng khó phân rành màu sắc. Thuở xưa ông Ly Lâu mắt rất sáng, nhìn xa trăm bước vẫn thấy được cây kim hay hạt sạn nhỏ. Thuở trẻ mắt sáng như sao băng, nhưng khi già nhìn thấy lờ mờ. *Dù cho tai thính như Sư Khoáng cũng khôn nhận rõ âm thanh.* Sư Khoáng ở xa nghe tiếng âm nhạc có thể phân biệt được tai họa hay điềm lành sẽ xảy đến cho người chơi nhạc. Tai thính như Sư Khoáng nhưng đến tuổi già cũng khó phân rành được âm thanh.

Tiều tụy như cây liễu lúc thu về, điêu linh như đóa hoa khi xuân hết. Khi xuân hết, liễu rũ hoa tàn rơi từng cánh.

Bóng chiều vừa muốn ngả non tây, dòng nước sắp chảy về biển đông. Mặt trời sắp gác núi, nước chảy ra biển đông không trở lại.

Tướng già của người là mùa hạ của năm. Tướng già dụ như mùa hạ trong năm. Mùa hạ thì *Trời nóng chảy đá muôn vật đều khô, nắng bỏng sôi vàng trăm sông sắp cạn*. Chỉ sự nóng bức của mùa hạ.

Hoa tàn liễu úa, bờ lạch trong vườn há còn lưu giữ. Bướm lượn oanh bay, dưới lá đầu cành già sắp đuổi tới. Những gì vui thích tới đây sắp tàn không còn nữa.

Kệ rằng:

Con người kiếp sống tợ phù âu,
Thọ yểu người trời chớ vọng cầu.
Bóng ngả nương dâu, chiều sắp đến,
Thân như bồ liễu tạm qua thu.
Phan lang thuở nọ còn xanh tóc,
Lữ Vọng ngày nay đã bạc đầu.
Cuồn cuộn việc đời thôi chẳng đoái,
Vầng ô gác núi, nước trôi xuôi.

Phù âu là bọt nước, kiếp sống của con người như bọt nước. Thọ là sống lâu, yểu là chết sớm, thọ yểu ở cõi người cõi trời cũng đừng mong cầu. Dầu sanh cõi trời được sống lâu nhưng rồi cũng chết chứ không tránh khỏi.

Bóng ngả nương dâu chiều sắp đến,

Bóng mặt trời đã nghiêng về những bờ dâu, chiều sắp đến.

Thân như bồ liễu tạm qua thu.

Thân như cây bồ, cây liễu qua mùa thu thì xơ xác.

Phan lang thuở nọ còn xanh tóc,

Lữ Vọng ngày nay đã bạc đầu.

Phan lang là Phan Nhạc. Thuở nào tóc xanh đẹp như Phan Nhạc, nay nhìn lại đầu đã bạc như Lữ Vọng. Lữ Vọng tức là Khương Tử Nha, cũng gọi là Thái Công Vọng, hay Lã Thượng hay Lữ Thượng. Lúc chưa gặp Văn Vương, ông ngồi câu ở bến Bàn Khê, đầu tóc bạc phơ, sau Văn Vương mời ông ra giúp nước. Con người thuở trẻ đầu xanh khỏe mạnh bao nhiêu, nay đầu bạc yếu đuối bấy nhiêu!

Hai câu cuối nghe rất buồn:

Cuồn cuộn việc đời thôi chẳng đoái.

Đoái tức là nhìn lại, nghĩa là mọi việc trên đời cứ trôi qua không nhìn lại, cuối cùng không còn gì nữa.

Vầng ô gác núi, nước trôi xuôi.

Mặt trời lặn sau núi, không còn thấy nữa, nước ra biển đông, không biết bao giờ trở lại. Như vậy để thấy việc đời luôn trôi qua, thuở trẻ phô trương sắc tài, tuổi già đến dần dần, tất cả rồi sẽ mất.

NÚI THỨ BA

Núi thứ ba là tướng bệnh.

Tuổi đã già khọm, bệnh đến cao hoang. Đoạn này diễn tả cảnh già rồi bệnh. Cao hoang là huyệt trọng yếu nằm sâu trong lồng ngực. Bệnh đến cao hoang thì khó trị, gọi là bệnh nan y.

Chân tay mỏi mệt, mạch lạc khó thông, trăm lóng rã rời, nóng lạnh chẳng thuận. Khi bệnh thì trong thân phần nào cũng chống trái nhau không an ổn điều hòa.

Tan mất tánh chân thường, sai lệch nguồn điều sướng. Tâm tánh người bệnh rối loạn không còn bình thường nữa; nguồn điều hòa trong cơ thể không còn thông suốt, mà sai lệch đi rồi.

Ngồi đứng khó khăn, co duỗi đau đớn. Ngồi đứng đều thấy khó, co duỗi nghe đau đớn vì mang thân bệnh.

Mạng dường ngọn đèn trước gió, thân như hòn bọt trên sông. Mạng sống lúc bệnh giống như ngọn đèn trước gió, cơn gió mạnh thổi đến đèn tắt ngay. Thân bệnh như hòn bọt nổi, chỉ cần một lượn sóng dập vào thì bể nát. Đoạn này diễn tả tướng bệnh của thân.

Đây nói về tâm bệnh. *Tâm sanh bóng quỷ lô nhô, mắt thấy không hoa lốm đốm.* Khi bệnh trầm trọng thì tâm thấy những chuyện lăng xăng ma quái. Cho nên người già khi đau sắp chết, con cháu phải trông ngó chăm nom luôn luôn, nếu không thì nói nhảm, mắt thấy hoa đốm trong hư không.

Hình hài gầy yếu, ai là Biển Thước thuốc thang; thân thể hao mòn, nào kẻ Lư Nhân cứu chữa. Thân hình đã gầy yếu, có thầy thuốc nào đại tài như Biển Thước để cứu trị hay không? Theo sử tích, Biển Thước là tên vị danh y thời Huỳnh Đế thượng cổ Trung Hoa, sau dùng để gọi Tần Việt Nhân, là thầy thuốc giỏi nhất thời Chiến Quốc. Ông học được phương bí truyền của Trường Tang Quân, đem ứng dụng và hốt thuốc giỏi nhất vào thời đó; vì vậy nói đến thầy thuốc giỏi ở Trung Hoa ai cũng biết chỉ có Biển Thước. Tần Việt Nhân ở đất Lư nên cũng gọi là Lư Nhân.

Bạn bè luống nhọc viếng thăm, anh em uổng sức nâng đỡ. Vì đau nặng nên bạn bè luống nhọc đến thăm, anh em ra sức bồng đỡ.

Bệnh nặng bao tháng chẳng lành, nằm liệt nhiều tuần chưa khỏi. Bệnh lâu ngày không lành, người bệnh nằm chờ chết, cảnh tượng rất là buồn!

Tướng bệnh của người là mùa thu trong năm. Gặp khi sương lạnh mới rơi, đến lúc cỏ cây đều héo. Tướng bệnh được ví như mùa thu trong năm. Thu đến sương lạnh rơi, cỏ cây bắt đầu héo vàng.

Rừng rậm sum suê, một trận gió vàng đã lơ thơ; núi biếc non xanh, móc ngọc mới sa liền trơ trọi. Mùa thu gió tây thổi, lá cây trong rừng đều rụng hết. Mới khi nào núi biếc non xanh, giờ đây sương móc vừa sa, lá cây rơi rụng, cành cây chơ vơ, hòn núi trở thành trơ trọi.

Kệ rằng:

Âm dương trái vận vốn xoay vần,
Gieo rắc tai ương đến thế nhân.
Đại để có thân thì có bệnh,
Ví bằng không bệnh cũng không thân.
Linh đơn chớ cậy trường sanh thuật,
Lương dược khó mong được sống bền.
Sớm nguyện xa lìa ma cảnh giới,
Xoay tâm về đạo, dưỡng thiên chân.

Âm dương trái vận vốn xoay vần.

Khí âm dương không đúng thời tiết nên khiến có sự xoay vần bất thường.

Gieo rắc tai ương đến thế nhân.

Vì âm dương không điều hòa nên con người phải bệnh hoạn.

Đại để có thân thì có bệnh.

Tất cả người đời có thân đều có bệnh, chứ không riêng ai.

Ví bằng không bệnh cũng không thân.

Chi bằng đừng có bệnh cũng đừng có thân, nghĩa là không có thân thì không có bệnh. Chỉ có thân không tướng tức là pháp thân mới không bệnh. Còn nhục thân do tứ đại hòa hợp nhất định phải bệnh. Thế nên người tu muốn bỏ nhục thân để sống với pháp thân không tướng.

Linh đơn chớ cậy trường sanh thuật,
Lương dược khó mong được sống bền.

Dù có thuật trường sanh cũng không còn, dù có thuốc hay bao nhiêu cũng không sống mãi. Như các vị tiên ngày xưa luyện linh đơn và các thứ thuốc trường sanh, đâu có vị nào sống mãi đến ngày nay, sống dai lắm chỉ đến vài trăm tuổi là nhiều!

Sớm nguyện xa lìa ma cảnh giới.

Nếu biết không thoát được cái chết, thì mỗi người chúng ta phải sớm nguyện xa lìa cảnh giới ma, tức là cảnh giới sáu trần đang lôi kéo chúng ta.

Xoay tâm về đạo, dưỡng thiên chân.

Xoay tâm trở về với đạo để nuôi dưỡng thiên chân. Thiên chân là cái chân thật không còn sanh diệt, cái đó sẵn có muôn đời, không phải mới tạo nên. Nếu biết xoay tâm về đạo thì thiên chân hiện tiền.

NÚI THỨ TƯ

Núi thứ tư là tướng chết.

Bệnh càng trầm trọng, mạng sắp cáo chung. Tuổi thọ mong hưởng trăm năm, thân thế trở thành giấc mộng. Bệnh trầm trọng đến giờ sắp ra đi. Khi còn mạnh, ai cũng mong sống đến trăm tuổi, nên thường chúc nhau "sống lâu trăm tuổi", nhưng làm sao được. Cơn chết sắp đến, ôn lại cuộc đời, giống như giấc mộng, tất cả những gì mình tạo dựng được, nay chỉ là một giấc mộng thôi.

Thông minh trí tuệ khó trốn lánh ngày đại hạn sắp sang, sức mạnh oai hùng đâu chống được khi vô thường đã đến. Dù thông minh trí tuệ đến đâu, tới ngày chết

cũng không ai trốn khỏi. Dù anh hùng võ tướng, khi vô thường đến cũng phải bó tay không làm gì hơn.

Thiếp thuận vợ trinh trở thành đau thương đứt ruột, anh nhường em kính vội nên ly biệt suốt đời. Ở thế gian, khi có thê thiếp trinh thuận, đến lúc ra đi lại càng đứt ruột, vì càng thương càng khổ. Nếu vợ chồng bất hòa thì khi ra đi lại ít khổ hơn. Còn anh em hòa thuận kính yêu, khi sắp đi lại càng đau đớn vì ly biệt suốt đời. Người chết đi rồi, người sống ở lại thì sao?

Vật mình lăn đất, vỗ trán kêu trời. Tường hoa nhà rộng có làm chi, ngọc đụn vàng kho rồi cũng bỏ. Người ở lại thì than khóc, đau khổ vô cùng, không sao tả xiết. Người ra đi thì tường hoa nhà rộng, ngọc đụn vàng kho đều bỏ lại, đâu có mang theo vật gì!

Dạ đài mù tối, luống nghe gió bấc vi vu; tuyền hộ then gài, chỉ thấy mây sầu ảm đạm. Một mình ra đi vào chốn dạ đài, là nơi mù tối, gọi là âm ty, chỉ nghe gió bấc lạnh lẽo thổi vi vu. Tuyền hộ then gài tức là cửa huỳnh tuyền then gài đóng chặt, không cho trở lên nữa, không ai bênh vực tiếp cứu. Lúc đó nhìn đâu cũng chỉ thấy mây sầu ảm đạm, buồn bã làm sao! Vậy mà thế nhân không lo, chỉ nghĩ chuyện sống, không bao giờ nghĩ đến cái chết...

Tướng chết của con người là mùa đông trong năm. Tướng chết ví như mùa đông mây sầu ảm đạm.

Càn khôn ứng Thái Tuế tròn vòng. Càn khôn vũ trụ ứng với sao Thái Tuế, đây là chỉ sao Mộc, xoay quanh

mặt trời mười hai năm mới hết một vòng gọi là Thái Tuế. Cũng như con người sống mấy mươi năm rồi tử là một vòng, tử rồi lại sanh giống như sao đi một vòng rồi trở lại vậy. *Nhật nguyệt hướng Huyền Hiêu hội tụ.* Huyền Hiêu cũng gọi là sao Huyền Hao, ở phương bắc, gồm một chòm sao như: sao Hư, sao Nguy, sao Nữ, sao Tú. Sao Hư ở chính bắc, phương bắc màu huyền nên gọi là Huyền Hiêu, hiêu còn gọi là hao có nghĩa là hư hao, tức là nói ngôi sao xấu. Thế nên nói: Mặt trời mặt trăng ứng hiện, ngôi sao xấu Huyền Hiêu trở về chung họp. Vì vậy:

Âm tinh cực thịnh, khắp trời mưa tuyết bời bời; dương khí tan dần, nước tám đức đóng băng càng lạnh buốt. Nước tám đức là bát công đức thủy, tám đức gồm có: một là đức trong sạch, hai là đức thanh sanh mát, ba là đức ngọt ngào, bốn là đức mềm nhẹ, năm là đức thấm nhuần, sáu là đức an hòa, bảy là đức trừ đói khát, tám là đức nuôi lớn các căn. Câu này nói phần âm cực thịnh nên khắp trời mưa tuyết, khí dương tan dần nên nước tám đức bị đóng băng lạnh buốt.

Kệ rằng:

Cào đất đùng đùng trận gió hanh,
Lão ngư say tít, chiếc thuyền chành.
Bốn bề mù mịt mây sầm bóng,
Một dãy lô xô sóng cuộn ghềnh.
Theo lớp hạt mưa bay phấp phới,
Dồn nhau tiếng sét nổ đì đoành.

Giây lâu tan bụi, bên trời tạnh,

Trăng lặn lòng sông, đêm mấy canh?

Đây là bài dịch của Ngô Tất Tố rất hay, nhất là câu cuối: *Trăng lặn lòng sông, đêm mấy canh?* Trong bài kệ này chúng ta có thấy nói gì về chết đâu! Chỉ diễn tả hình ảnh tượng trưng một cách bóng bẩy thôi.

Cào đất đùng đùng trận gió hanh,

Lão ngư say tít, chiếc thuyền chành.

Đây nói người sắp chết giống như ngư phủ đang ở ngoài sông thả câu thả lưới xong, nằm ngủ say trên chiếc thuyền con. Bỗng một trận bão to gió mạnh đùng đùng thổi tới, thuyền của ông lắc lư chòng chành. Khi đó lại còn:

Bốn bề mù mịt mây sầm bóng,

Một dãy lô xô sóng cuộn ghềnh.

Theo lớp hạt mưa bay phấp phới,

Dồn nhau tiếng sét nổ đì đoành.

Vừa giông bão, vừa sấm sét, mưa ầm ì dồn dập tới, ông ngư phủ một mình trên chiếc thuyền con cảm nhận bao nhiêu nỗi kinh hoàng khủng khiếp. Đây mượn hình ảnh trận bão tố để diễn tả nỗi đau khổ của người sắp chết, bao nhiêu thứ hiểm nguy sợ sệt dồn dập tới, con cháu bên ngoài chỉ biết khóc thôi! Một mình mình chịu, không ai giúp được, không ai thế được cho mình! Giống như lão ngư phủ này một mình trên chiếc thuyền con chòng chành sắp lật úp, mà không ai cứu giúp, cuối cùng thì:

Giây lâu tan bụi, bên trời tạnh,

Trăng lặn lòng sông, đêm mấy canh?

Khi trời tạnh nhìn lại chiếc thuyền ông câu đâu rồi? Nó chìm tận đáy sông, cũng như mặt trăng lặn xuống lòng sông. Hỏi chừng nào gặp lại ông câu? *Đêm mấy canh?* Tức là bao giờ mới gặp lại? Đây là câu hỏi làm cho mình đau đớn! Khi tắt thở để vào quan tài, khiêng ra đặt dưới mộ rồi, thì từ giã tất cả, không bao giờ gặp lại. Vì thế câu *trăng lặn lòng sông, đêm mấy canh?* làm cho chúng tôi rất đau xót mà thích thú.

Bài kệ này dịch rất hay, nhưng có đôi chữ tôi chưa bằng lòng, tôi dịch lại như sau:

Bão táp cuồng phong đất bụi bay,

Lão ngư say tít, chiếc thuyền lay.

Bốn bề mây phủ màu đen kịt,

Một dãy sóng gầm tiếng vang tai.

Sầm sập trận mưa ào ạt đổ,

Ì ầm xe sấm nổ vần xoay.

Tạm thời bụi lắng, chân trời sáng,

Trăng lặn lòng sông, canh mấy ai?

Canh mấy rồi, hỏi thử xem ai có thể trả lời giùm!

Kết thúc, chúng ta thấy lối diễn tả bốn núi của ngài Trần Thái Tông rất hay, vừa khéo, vừa văn chương, người đọc không chán mà lại thấm nhuần giáo lý. Ngài là một ông vua cai trị muôn dân mà dành thì giờ làm

những bài nhắc nhở người sau như thế này, thật là một điều hiếm có, rất xứng đáng chúng ta bái phục. Hiện nay trong nhóm Phật tử, người nào làm việc nuôi bảy tám đứa con được no ấm đầy đủ là giỏi lắm rồi, đâu có thì giờ làm việc văn chương giảng dạy như vậy.

Qua cái nhìn của ngài Trần Thái Tông về cuộc đời, chúng ta biết rằng không bao giờ ngai vàng và tất cả sự giàu sang sung sướng quyến rũ được ngài. Nhìn lại chúng ta hiện giờ ở địa vị nghèo thiếu mà cái gì bỏ cũng không đành. Còn ngài ở ngai vàng mà không nhiễm, thật là hai bên khác nhau biết bao nhiêu! Ngài là một con người như chúng ta mà gan dạ, nhìn thấu lẽ sanh tử của cuộc đời. Chúng ta cũng là con người mà sao mê muội quá đỗi, không thấy thấu đáo như vậy. Thế nên chúng ta cố gắng bắt chước ngài để sửa để tu, đó là điều rất cần thiết cho đời mình.

NÓI RỘNG SẮC THÂN

Chánh văn:

Hết thảy các ngươi! Thân là gốc khổ, thể chất là nghiệp nhân, nếu tự cho nó là thật, cũng là nhận giặc làm con.

Các ông nên chín chắn xem, chỉ sắc thân này khi chưa vào bào thai thì nơi nào được có. Bởi do niệm khởi duyên hội, năm uẩn hợp thành, thể mạo vọng sanh, hình dung giả có. Quên thật quên gốc, hiện giả hiện dối, hoặc nữ hoặc nam, hoặc đẹp hoặc xấu. Trọn là buông tâm chạy đi, toàn không một bước trở về, chạy rong trên đường sanh tử, mất tuốt bản lai diện mục. Do đó giương mắt nhìn bên ngoài, ai biết xoay đầu ngó lại bên trong. Khi lại, sanh là hóa sanh; nơi đến, trong mộng nói mộng. Lăng xăng lộn xộn, vội vội vàng vàng, lấy giả làm chân, trái không đến sắc. Đầu sọ khô cài hoa giắt ngọc, túi da hôi ướp xạ xông hương, cắt lụa là che đậy

máu tanh, giồi son phấn át thùng phân thối. Trang sức như thế trọn là gốc nhớp. Không thể nơi đây tự thẹn, lại hướng trong ấy mến yêu.

Hết thảy các người! Giống hệt con rối, đều nhờ sợi tơ kéo rút, đùa đến đùa đi, cùng sanh một thứ, sau khi buông đi, thật là dáng chết. Tự khởi muôn việc tính toán, đều do lục tặc công phá. Chẳng lo già bệnh chết đến, chỉ thích sắc tài rượu thịt. Luống đua đầu lằng sừng ốc, cam chịu lợi ràng danh buộc. Trọn ngày dồn sức mong cầu, tối lại trở thành mộng tưởng. Chất chứa nghiệp dơ như giếng, chẳng biết tóc bạc như sương. Một hôm bệnh nặng trầm kha, trăm năm trọn về mộng lớn. Tim gan đau đớn dường thể oán thù, thân thể ốm gầy giống như quỷ đói. Còn muốn cầu đảo sống dai, nào biết sát sanh hại mạng. Chỉ mong đời sống dài như tùng bá, đâu ngờ thân thể ví tựa nhà xiêu. Hồn phách tuy về cõi quỷ, thi hài vẫn còn ở nhân gian, tóc lông răng móng chưa kịp tiêu, đàm dãi máu me đều chảy trước. Rữa nát thì máu mủ chảy trào, hôi hám ắt xông trời xông đất, đen nám chẳng dám nhìn, xanh bầm thật đáng tởm. Chẳng luận giàu nghèo đồng vào cõi chết, hoặc để trong nhà thì giòi đục tửa sanh, hoặc ném ra đường quạ ăn chó xé. Người đời đều bịt mũi đi qua, con hiếu thì lấy chiếu mền quấn giấu. Nhặt thu hài cốt, chôn cất thịt xương. Quan quách phó cho đóm lửa ma trơi nơi hoang dã, mả mồ giao cho muôn dặm núi sông. Khi xưa tóc đen má ửng, ngày nay xương trắng tro đen. Khi mưa

lệ rơi thì mây sầu thê thảm, lúc gió buồn thổi thì trăng sáng hắt hiu. Đêm vắng thì quỷ khóc thần sầu, năm dài thì ngựa giày trâu đạp. Lửa đom đóm lập lòe trong đám cỏ xanh, tiếng dế ngâm nỉ non cạnh hàng dương liễu. Bia ghi nửa chìm, rêu xanh phủ, tiều phu giậm mãi thành lối mòn. Dầu cho văn chương cái thế, giả sử tài sắc nghiêng thành, chung cuộc đâu có đường khác, cuối cùng cũng chỉ một lối đi. Mắt bị sắc dẫn trèo lên cây kiếm, tai theo tiếng lôi tiến lên núi đao, lỗ mũi ngửi toàn mùi hôi hám, trong lưỡi ăn sắt nóng nuốt hoài, thân khiếp sợ nước đồng sôi nóng giội, ý chua cay vạc dầu sôi nung nấu. Nhân gian trọn một trăm năm, trong địa ngục mới là sáng tối.

Nếu người tác gia đủ mắt, cần phải sớm gấp hồi quan. Chuyển thân nhảy khỏi vòng sanh tử, khoảng khảy tay cắt đứt lưới ái ân. Dù là nam hay nữ thảy đều tu được, dẫu rằng trí hay ngu trọn đều có phần. Nếu chưa đạt được Phật tâm Tổ ý, hãy trước nương trì giới tụng kinh. Đến lúc Phật cũng chẳng phải, Tổ cũng chẳng phải, thì giới gì trì, kinh nào tụng. Nơi sắc huyễn cũng là chân sắc, ở thân phàm cũng là thân Phật. Phá sáu thức làm sáu thần thông, dạo tám khổ thành tám tự tại.

Tuy nói thế ấy, mà mỗi người vào trong sắc thân rồi, bỏ đó thật khó thay!

Hết thảy các người! Chỉ sắc thân này lại làm sao giải thoát? Nếu chưa giải thoát, cần phải nghe đây:

Vô vị chân nhân thịt đỏ au,
Hồng hồng bạch bạch chớ lầm nhau.
Ai hay mây cuộn, trời trong lặng,
Sương biếc tầng không, một núi xanh.

Giảng

Ngài Trần Thái Tông đối với sắc thân con người có cái nhìn thấu đáo khác hơn người phàm tục chúng ta.

Hết thảy các người! Thân là gốc khổ, thể chất là nghiệp nhân, nếu tự cho nó là thật, cũng là nhận giặc làm con.

Đầu tiên ngài kêu gọi tất cả chúng ta phải thấy thân này là gốc khổ. Thông thường chúng ta nghĩ khổ từ nơi khác đưa lại, nhưng không biết gốc khổ từ nơi thân. Thí dụ như hiện giờ tất cả chúng ta làm lụng khó nhọc mới có cơm ăn áo mặc, vậy lo cơm áo làm việc nhọc nhằn là vì có thân, nên nói gốc khổ từ thân mà ra, song ít ai nghĩ tới điều này! *Thể chất là nghiệp nhân* tức là thể xác này từ nơi nghiệp mà có, do nghiệp đời trước lành hay dữ, nên mang thân hiện tại khổ hay vui, chứ không phải là sự ngẫu nhiên.

Nếu tự cho nó là thật, cũng là nhận giặc làm con. Thân do nghiệp tạo mà chúng ta lầm tưởng là thật, đó là chúng ta nhận giặc làm con. Tại sao? Vì thân là tướng vô thường đau khổ. Nếu cho tướng vô thường đau khổ là mình thật, đó là nhận khổ làm mình, cũng như nhận giặc làm con. Điều sai lầm này hầu hết chúng ta đều mắc phải. Ai cũng quý tiếc thân, nhưng càng quý tiếc

thì càng khổ, vì một ngày nào nó sẽ từ giã mình, lúc đó khổ vô cùng!

Các ông nên chín chắn xem, chỉ sắc thân này khi chưa vào bào thai thì nơi nào được có. Thử hỏi sắc thân chúng ta khi chưa vào thai thì nó ở đâu? Nó là cái gì? Như người ba mươi tuổi thì hỏi trước ba mươi mốt năm mình là cái gì? Ở đâu? Đều không biết! Nếu người sáu mươi tuổi chết rồi, hỏi năm sáu mươi mốt ở đâu, là cái gì? Thì nói làm sao? Như vậy trước khi chưa có, chúng ta không biết nó ở đâu, sau khi hoại rồi cũng không biết nó ra sao! Thế mà khi có nó thì bắt đầu bám giữ, bảo bọc nó, rốt cuộc càng lo bảo bọc, tạo điều kiện cho nó thỏa mãn, nó hoại càng sớm chứ không đi tới đâu!

Bởi do niệm khởi duyên hội, năm uẩn hợp thành, thể mạo vọng sanh, hình dung giả có. Chỗ này phải người tu sâu mới hiểu được. Tâm thể chúng ta là trong sạch, thanh tịnh, an ổn, không dao động. *Bởi do niệm khởi duyên hội, năm uẩn hợp thành*. Từ niệm khởi lên, theo duyên hội hợp mới kết thành năm uẩn, niệm thiện dấy lên thì sanh cõi lành, niệm ác dấy lên thì sanh cõi ác. Vậy gốc sanh tử là do niệm khởi, nhiều người không hiểu tưởng việc sanh tử do ai áp đặt buộc mình phải nhận. Như vậy cái thân không phải tự có, gốc từ niệm khởi mà thành. *Thể mạo vọng sanh, hình dung giả có*. Hình dung tướng mạo do vọng khởi thành hình, nên là hư giả không thật.

Trong nhà Phật nói, khi chết nếu chúng ta khởi niệm thiện được sanh cõi lành, khởi niệm ác phải đọa

đường dữ, nếu khởi niệm tịnh thì sanh về cõi tịnh. Vậy niệm khởi là duyên để sanh ở đời sau, khi gần chết niệm nào mạnh sẽ dẫn mình đi về cõi đó.

Quên thật quên gốc, hiện giả hiện dối, hoặc nữ hoặc nam, hoặc đẹp hoặc xấu. Quên thật quên gốc tức là quên bản thể thanh tịnh sáng suốt, rồi dấy niệm. Từ dấy niệm mới hiện ra tướng giả dối nên có thân nam thân nữ, hoặc đẹp hoặc xấu. Thế nhưng tất cả chúng ta khi mang thân nào lại bám vào thân đó cho là thật, rồi tự hào khi thấy mình đẹp, hổ thẹn khi thấy mình xấu, bao nhiêu khổ vui do đó mà sanh nên phải trầm luân mãi mãi. Thân này do niệm khởi hiện ra là tướng động, vì động nên vô thường sanh diệt. Mang thân vô thường sanh diệt mà tự hào mình đẹp mình xinh, quả thật là vô minh tăm tối.

Trọn là buông tâm chạy đi, toàn không một bước trở về, chạy rong trên đường sanh tử, mất tuốt bản lai diện mục. Trọn ngày chúng ta buông tâm chạy đi, tức là quên tâm thể thanh tịnh, lại rong ruổi chạy theo vọng niệm duyên hợp sáu trần. *Toàn không một bước trở về* là không có một niệm nào hướng về tâm thể thanh tịnh, suốt ngày mải duyên theo sắc, thanh, hương, vị... Sáng sớm thức dậy tìm thức ăn ngon là chạy theo vị, thích nhìn hoa đẹp là chạy theo sắc, muốn nghe lời hay là duyên theo tiếng... Như vậy chúng ta chạy theo sáu trần, không một bước trở về, không bao giờ quay lại tìm xem tâm thể thanh tịnh mình ở đâu, còn hay mất. Sáu trần là tướng vô thường sanh diệt, đuổi theo sáu trần tức là

chạy rong trên đường sanh tử. Đi trên đường sanh tử thì *mất tuốt bản lai diện mục*. Bản lai diện mục là mặt thật ngàn thuở xưa nay, đây là chỉ tâm thể thanh tịnh chưa động, chưa bao giờ sanh diệt. Vì dấy niệm chạy theo sáu trần, tức là chạy theo cái sanh diệt nên mất đi bản lai diện mục của mình. Đến đây chúng ta thấy ngài Trần Thái Tông nếu không phải là người ngộ đạo thì không làm sao nói được những câu như thế này!

Do đó giương mắt nhìn bên ngoài, ai biết xoay đầu ngó lại bên trong. Vì chúng ta chạy theo sáu trần, rong ruổi trên đường sanh tử, nên cả ngày giương mắt nhìn tướng hư dối bên ngoài, ít khi biết xoay đầu ngó lại bên trong, tức là ngó lại cái thật của chính mình.

Khi lại, sanh là hóa sanh; nơi đến, trong mộng nói mộng. Chúng ta có mặt trên cõi trần này đó là *khi lại, sanh là hóa sanh* tức là sự sanh do duyên hợp hóa ra chứ không có thật (không phải hóa sanh như chư thiên trên các cõi trời). *Nơi đến* tức là cõi chúng ta ở, *trong mộng nói mộng*, bởi vì chỗ mình đang ở đối với chúng ta là một thế giới vững chắc vô cùng, nhưng với con mắt của những vị đạt đạo, thế giới này cũng là tướng vô thường. Vì thế Phật bảo thế giới chúng ta đang ở có bốn tướng: ban đầu mới tạo dựng là Thành, ở một thời gian lâu gọi là Trụ, rồi nó hư hoại từ từ gọi là Hoại, cho đến một ngày tan nát ra là Không. Như vậy đối với chúng ta tuổi thọ thế giới dài, tuổi thọ con người ngắn, nên thấy thế giới là lâu bền, nhưng sự thật nó cũng là giả dối tạm bợ. Chúng ta giữ thân cũng là thân mộng, giữ cảnh cũng là cảnh mộng, không có cái gì bền lâu chắc thật.

Lăng xăng lộn xộn, vội vội vàng vàng, lấy giả làm chân, trái không đến sắc. Cả ngày chúng ta người nào cũng lăng xăng lộn xộn! Sáng sớm vội vàng ăn một ít cơm, rồi vác cuốc đi làm, đến trưa nghe đánh kẻng vội vác cuốc ra về, tắm rửa ăn trưa, rồi vội vàng đi ngủ. Cứ như thế mà lăng xăng suốt ngày, không có lúc nào bình an tỉnh táo! Nhất là ở thế gian, sáng vừa thức dậy hấp tấp sửa soạn ăn rồi đi làm, mãn giờ ở sở gấp gấp chạy về bất kể nguy hiểm, đến nhà sửa soạn ăn và nghỉ, thức dậy lại vội vàng đi đến sở, cứ như thế *lăng xăng lộn xộn, vội vội vàng vàng!*

Chúng ta mang thân giả, chấp cảnh giả, tưởng đó là thật. Trăm người như một cho rằng ta là thật, cảnh bên ta là thật, trong nhà Phật danh từ chuyên môn gọi là ngã và ngã sở, cho đó là thật, nên nói *lấy giả làm chân. Trái không đến sắc* tức là trái với thể thanh tịnh không tướng mạo, rồi đến với hình sắc có tướng mạo. Hình sắc là duyên hợp, vô thường, duyên hợp là giả dối, vô thường là tạm có, lại cho đó là thật, nên nói là trái không đến sắc.

Đến phần này ngài Trần Thái Tông nói về sự trau giồi trang sức trên thân người. *Đầu sọ khô cài hoa giắt ngọc, túi da hôi ướp xạ xông hương, cắt lụa là che đậy máu tanh, giồi son phấn át thùng phân thối.*

Đầu sọ khô cài hoa giắt ngọc tức là trên đầu ai cũng là một lớp da tóc bao bọc xương sọ, nếu lột lớp da ra thì chỉ là một cái sọ khô! Thế mà trên tóc lại cài hoa giắt ngọc làm đẹp để dễ coi. *Túi da hôi ướp xạ xông hương*, vì mang túi da hôi hám nên kiếm xạ hương xông ướp

cho thơm để dễ ngửi một chút, đó là cách đánh lừa thiên hạ, gạt lỗ mũi người. Nếu túi da mình thơm mùi hoa sen thì khỏi phải xông ướp xạ hương, vì nó đã tự thơm rồi. Nhưng vì túi da hôi hám nên buộc lòng phải ướp thêm hương. Thí dụ như sáng ngủ thức dậy, chúng ta phải rửa mặt súc miệng đánh răng cho sạch sẽ để bớt đi mùi hôi. Biết thân mình là một đãy da tanh hôi cho nên *cắt lụa là che đậy máu tanh*, vì máu để ra ngoài thì có mùi tanh nên phải kiếm lụa là che đậy lại cho kín đáo. *Giồi son phấn át thùng phân thối*, thân là thùng phân thối cần thoa son giồi phấn để che khuất cho dễ coi.

Đọc đoạn này chúng ta mới cảm nhận được tinh thần của ngài Trần Thái Tông. Trong triều đình, nhất là trong thâm cung có biết bao nhiêu là cung phi mỹ nữ trang sức lộng lẫy, nào là cài hoa giắt ngọc, ướp xạ xông hương, nào là mặc lụa là giồi son phấn..., thế mà ngài thấy tận gốc chỉ là đầu sọ khô, túi da nhớp, máu tanh hôi, thùng phân thối, chứ không có gì là đẹp đẽ mỹ miều! Thấy hiểu như vậy ngài có còn đắm mê những tướng giả dối đó hay không? Chắc là ngài đã chán đã tởm lắm rồi! So lại chúng ta ngày nay lại tìm những thứ trang sức đẹp đẽ, kiếm những hương thơm để xông ướp, thật là quá mê muội!

Trang sức như thế trọn là gốc nhớp. Không thể nơi đây tự thẹn, lại hướng trong ấy mến yêu. Các thứ trang sức đều là để che đậy thân nhớp nhúa thôi, không có gì là quý. Biết rõ bản chất thân người dơ xấu gớm ghê như vậy, phải tìm cách che đậy nó lại, sao không biết hổ thẹn, lại còn tự hào mến yêu nó nữa? Thật là mê lầm quá đáng.

Hết thảy các người! Giống hệt con rối, đều nhờ sợi tơ kéo rút, đùa đến đùa đi, cùng sanh một thứ, sau khi buông đi, thật là dáng chết. Như con rối chúng ta cho nó nhảy múa là do kéo rút sợi dây ở bên trong, chứ thật ra nó không có múa nhảy chi hết. Nếu buông sợi dây ra thì nó đứng xuôi xị, không còn cử động nữa, thật như dáng chết. Thân của chúng ta cũng giống như con rối vậy, nghĩa là thân này còn tinh thần nương tựa vào thì nó nhảy múa làm đủ động tác, đến khi tinh thần rời ra thì thể xác cứng đờ như một khúc gỗ, không có nghĩa gì.

Cuộc sống lăng xăng của chúng ta chẳng qua là do duyên hợp của cơ thể, giống như cái máy, khi ấn nút thì chạy nhảy lăng xăng, khi buông nút thì dừng lại. Thân chúng ta là kết tụ cả thể xác lẫn tinh thần làm tất cả các hoạt động, khi tinh thần rời thể xác, lúc đó như khúc cây khô, không nghĩa lý gì. Thân này còn gọi là cơ thể tức là máy thân, nó hoạt động như một cái máy vậy. Thí dụ như máy xe cần có xăng nhớt mới chạy được, không đòi hỏi loại xăng nhớt hảo hạng. Máy thân của chúng ta cũng vậy. Khi bao tử trống hoạt động không nổi, lúc đó chỉ cần vài chén cơm hay khúc bánh mì bỏ vào bao tử là máy chạy rồi, giả sử như cơm nguội hay bánh mì khô cũng được, không đòi hỏi phải có thức ăn thơm ngon bao tử mới chấp nhận. Sở dĩ chúng ta cực khổ làm thức ăn ngon đủ mùi vị là do cái lưỡi, đó chẳng qua là thỏa mãn cảm giác nhỏ mọn tầm thường, chứ không phải là điều cần thiết.

Tự khởi muôn việc tính toán, đều do lục tặc công phá. Chúng ta tính toán lăng xăng, tất cả đều do lục tặc

công phá. Lục tặc tức là sáu căn, khi tiếp xúc với sáu trần sanh ưa thích, như mắt thích sắc đẹp, tai thích tiếng hay, mũi thích mùi thơm, lưỡi thích vị ngon v.v..., nên các lo toan tính toán hằng ngày của chúng ta đều do sáu tên giặc này phá phách không cho chúng ta được yên ổn.

Chẳng lo già bệnh chết đến, chỉ thích sắc tài rượu thịt. Chẳng lo già bệnh chết đến, chỉ thích đắm theo sắc đẹp, tiền bạc rượu thịt. Cả ngày chỉ lo có bao nhiêu việc đó mà quên đi cái già bệnh chết đã chờ chực một bên mình.

Luống đua đầu lằng sừng ốc, cam chịu lợi ràng danh buộc. Trọn ngày dồn sức mong cầu, tối lại trở thành mộng tưởng. Luống đua theo những việc tạm bợ nhỏ nhoi như đầu con lằng con nhặng (con ruồi xanh), sừng con ốc sên. Đây chỉ cho chúng ta đua chạy theo những chuyện rất tầm thường nhỏ mọn, rồi cam chịu sự buộc ràng của danh lợi chứ không có ích gì! Trọn ngày cứ mong cầu hết điều này đến điều khác, mong cầu nhiều mà chưa được toại nguyện, nên tối ngủ những điều mơ ước biến thành cảnh mộng.

Chất chứa nghiệp dơ như giếng, chẳng biết tóc bạc như sương. Một hôm bệnh nặng trầm kha, trăm năm trọn về mộng lớn. Nghiệp xấu chứa chất nhiều như giếng sâu bao nhiêu cũng chưa đầy, không nhớ trên đầu tóc đã bạc như sương, tức là cái già đã đến, mà chỉ nhớ tạo nghiệp thôi. Tất cả chúng ta thấy cái mê muội của con người thật quá lắm, già chết đuổi gấp bên mình mà không bao giờ thức tỉnh, chỉ tạo nghiệp mãi mãi không dừng. Đến khi gặp cơn bệnh nặng nằm liệt trên giường không thể tới lui đi đứng được nữa, mới biết *trăm năm trọn về*

mộng lớn. Những tưởng tuổi thọ được trăm năm, nhưng khi sắp chết ôn lại cuộc đời giống như giấc mộng đêm qua. Những gì mình đã tạo, bao nhiêu danh lợi, bao nhiêu thân bằng quyến thuộc v.v..., khi sắp lâm chung nhớ lại đâu còn gì, chẳng qua là một giấc mộng lớn mà thôi.

Tim gan đau đớn dường thể oán thù, thân thể ốm gầy giống như quỷ đói. Còn muốn cầu đảo sống dai, nào biết sát sanh hại mạng. Chỉ mong đời sống dài như tùng bá, đâu ngờ thân thể ví tựa nhà xiêu. Đây tả cơn bệnh nặng, tim gan hành hạ mình đau đớn dường như oán thù, muốn cắt bỏ nó đi. Thân thể gầy ốm nằm liệt trên giường, giống như quỷ đói. Lại đi hỏi thầy bùa thầy pháp cầu cho hết bệnh, phải làm bò làm trâu cúng thì họ sẽ trị cho. Muốn được sống dai lại còn giết hại sanh mạng, đó là điều rất trái với lẽ thật. Chỉ mong đời sống của mình bền vững lâu dài như cây tùng cây bá sẽ xanh tươi mãi mãi; đâu ngờ thân thể khi sắp tàn ví tựa nhà xiêu, chỉ một cơn gió nhẹ thổi qua cũng đủ sập rồi.

Hồn phách tuy về cõi quỷ, thi hài vẫn còn ở nhân gian, tóc lông răng móng chưa kịp tiêu, đàm dãi máu me đều chảy trước. Rữa nát thì máu mủ chảy trào, hôi hám ắt xông trời xông đất, đen nám chẳng dám nhìn, xanh bầm thật đáng tởm. Khi tắt thở hồn phách đi về cõi quỷ, bởi vì khi sống không tạo duyên lành, không tạo nghiệp tốt, nên khi chết phải đi vào cõi quỷ hay cõi địa ngục. Khi hồn phách đi rồi thi hài vẫn còn ở nhân gian, chất cứng như tóc lông răng móng chưa kịp tiêu, còn chất nước như đàm dãi máu me đều chảy ra trước. Nếu thân chết

chưa kịp chôn thì sẽ rữa nát, máu mủ chảy trào, hôi hám xông trời xông đất, ai đi qua cũng phải bịt mũi đi mau, da đen nám chẳng dám nhìn, xanh bầm thật đáng tởm. Giả sử sắc đẹp như Tây Thi mà chết năm ba hôm chưa chôn, cũng chỉ là cái thây ma hôi thối. Khi sống dường như thân thuộc ruột rà, lúc chết lại sợ không dám đến gần nhìn kỹ, như vậy tình nghĩa gì, chỉ là tạm bợ mà thôi.

Chẳng luận giàu nghèo đồng vào cõi chết, hoặc để trong nhà thì giòi đục tửa sanh, hoặc ném ra đường quạ ăn chó xé. Người đời đều bịt mũi đi qua, con hiếu thì lấy chiếu mền quấn giấu. Dù giàu hay nghèo ai ai rồi cũng chết, nếu để trong nhà thì giòi đục tửa sanh, nếu bỏ ra ngoài đường thì quạ ăn chó xé, không được toàn thây. Mùi hôi thối xông lên, người đi ngang chịu không nổi phải bịt mũi, con hiếu thảo thương xót kiếm mền chiếu quấn kỹ che kín lại.

Nhặt thu hài cốt, chôn cất thịt xương. Quan quách phó cho đóm lửa ma trơi nơi hoang dã, mả mồ giao cho muôn dặm núi sông. Khi chôn cất xong rồi thì đêm đến thấy lửa ma trơi lốm đốm nơi hoang dã, mồ mả để mặc nằm đó không ai lui tới, một năm trở lại thăm một lần, đó là hiếu đễ lắm rồi.

Khi xưa tóc đen má ửng, ngày nay xương trắng tro đen. Khi mưa lệ rơi thì mây sầu thê thảm, lúc gió buồn thổi thì trăng sáng hắt hiu. Đây mới ôn lại, khi xưa tóc đen nhánh má ửng hồng, ngày nay thì xương trắng tro đen, xưa nay khác nhau biết là bao nhiêu! Nấm mồ nằm giữa đồng hoang gặp lúc mưa rơi như lệ, thì mây sầu

buồn thảm vô cùng, khi gió buồn thổi, thì trăng sáng hắt hiu cô quạnh. Khi sống con cháu đầy nhà, chết rồi ra nằm ngoài đồng vắng một mình, không ai lai vãng ngó ngàng, phó cho gió táp mưa sa.

Đêm vắng thì quỷ khóc thần sầu, năm dài thì ngựa giày trâu đạp. Lửa đom đóm lập lòe trong đám cỏ xanh, tiếng dế ngâm nỉ non cạnh hàng dương liễu. Bia ghi nửa chìm, rêu xanh phủ, tiều phu giậm mãi thành lối mòn. Khi đêm vắng nghe những âm thanh buồn bã như tiếng quỷ khóc thần sầu. Trải qua nhiều năm tháng, mồ mả bị ngựa giày trâu đạp, vì các chú mục đồng thả trâu ngựa đi ăn trong đám mộ. Trong đám cỏ xanh rậm rạp chỉ thấy lửa đom đóm chớp chớp lập lòe, hoặc nghe tiếng dế ngâm nỉ non dưới hàng dương liễu. Tấm bia ghi tên họ người mất lâu ngày bị chìm hết phân nửa dưới đất, phân nửa trên còn lại bị rêu xanh che phủ. Các chú tiều phu vạch cỏ đi, giậm mãi thành lối mòn cho người qua lại.

Dầu cho văn chương cái thế, giả sử tài sắc nghiêng thành, chung cuộc đâu có đường khác, cuối cùng cũng chỉ một lối đi. Dầu cho văn chương cái thế ai nghe cũng quý cũng trọng, dầu cho sắc đẹp nghiêng thành ai nhìn cũng mến cũng yêu, nhưng rốt cuộc rồi đi tới đâu? Cuối cùng chỉ đi tới cái chết, không có con đường nào khác!

Mắt bị sắc dẫn trèo lên cây kiếm, tai theo tiếng lôi tiến lên núi đao, lỗ mũi ngửi toàn mùi hôi hám, trong lưỡi ăn sắt nóng nuốt hoài, thân khiếp sợ nước đồng

sôi nóng giội, ý chua cay vạc dầu sôi nung nấu. Nhân gian trọn một trăm năm, trong địa ngục mới là sáng tối. Hằng ngày mắt chúng ta đắm đuối nhìn theo sắc đẹp, nên khi nhắm mắt, sức mê sắc đẹp dẫn chúng ta trèo lên cây kiếm, bị lưỡi kiếm cắt da xẻ thịt; tai mê đắm tiếng hay, nên khi chết, nghiệp lôi trèo lên ngọn núi đao; mũi dính mùi nên nó lôi mình đến chỗ tanh hôi nhơ nhớp; lưỡi thích vị ngon nên phải ăn những hòn sắt nóng; thân thích những xúc chạm vừa ý thì bị nước đồng sôi giội trên thân; còn ý ưa cay nghiệt với mọi người sẽ bị vạc dầu sôi nung nấu. Đây là nói các họa do sáu căn đắm luyến sáu trần, kết quả phải chịu những khổ đau như vậy! Ở nhân gian sống được một trăm năm chỉ bằng một ngày đêm trong địa ngục chịu những khổ đau dồn dập, ở địa ngục cả ngàn năm thì bằng ở nhân gian cả triệu năm, chịu khổ sao cho thấu. Nếu chúng ta đắm mê theo sáu trần tạo nghiệp hung dữ ác độc, thì phải đọa địa ngục chịu đau khổ không biết là bao lâu, nên cái vui quá ngắn mà cái khổ quá dài. Thế mà người đời đâu có sợ đâu có tỉnh, cứ đua tìm cho được những gì vui thích, quên đi cái khổ lâu dài phải chịu ở ngày mai.

Đoạn văn trên, ngài Trần Thái Tông diễn tả đời người chúng ta từ khi mới sanh ra đến lúc già, bệnh rồi kết cuộc là chết, sau khi chết sẽ chịu đau khổ như thế nào, ngài đều diễn tả đầy đủ cho chúng ta thấy rõ. Đến đây ngài mới đánh thức chúng ta:

Nếu người tác gia đủ mắt, cần phải sớm gấp hồi quan. Chuyển thân nhảy khỏi vòng sanh tử, khoảng khảy tay cắt đứt lưới ái ân. Nếu là người tác gia đủ con mắt sáng,

tác gia là người có trí tuệ thấy rõ được lẽ thật, có thể hướng dẫn chỉ dạy cho người khác, đủ con mắt sáng tức là đủ con mắt trí tuệ; *cần phải sớm gấp hồi quan*, hồi quan là xoay lại xem xét chính mình.

Chữ *hồi quan* có giá trị rất sâu đậm trong Phật giáo. Bởi vì chúng ta sống mà đuổi theo sáu trần, là chúng ta lệ thuộc bên ngoài, chạy theo cái vô thường sanh diệt. Khi bị lệ thuộc ngoại trần rồi, chúng ta lại bị chi phối bởi những tâm niệm tham sân si. Đuổi theo được là tham, không được thì lòng sân nổi dậy; rồi từ cái mê muội không thấy được lẽ thật, đuổi theo nắm bắt sáu trần, chúng ta gây tạo không biết bao nhiêu tội nghiệp, phải chịu bao nhiêu cảnh khổ ở ngày mai. Thế nên nếu là người trí tuệ sáng suốt, phải xoay lại nhìn xem thân này là thật hay giả, kế đó nhìn lại xem những tâm niệm mình là thật hay giả. Thấy rõ được bản chất không thật của thân và những tâm niệm rồi, chúng ta mới tìm được cái chân thật không niệm dấy khởi của mình, đó là cái chân thật bất sanh bất diệt, mà trong nhà thiền gọi là *bản lai diện mục*; trở về nơi đó chúng ta mới thoát được vòng sanh tử.

Vậy nếu chúng ta muốn nhảy khỏi vòng sanh tử, thì phải nhanh như khoảng khảy móng tay cắt đứt hết lưới ái ân. Ái là yêu mến, là quyến luyến, ràng buộc giữa người này với người kia, cho nên có yêu mến là có buộc ràng! Giả sử có hai người làm bạn với nhau, nếu mến nhau nhiều tức có sự buộc ràng. Huống nữa hai người khác phái yêu nhau, lại thêm con cái trói buộc làm sao gỡ nổi! Vậy nếu chúng ta quyết tâm nhảy khỏi vòng sanh tử thì phải cắt nhanh cho đứt hết lưới ái ân.

Dù là nam hay nữ thảy đều tu được, dẫu rằng trí hay ngu trọn đều có phần. Dù là người nam hay người nữ ai cũng tu được, dù là người trí hay người ngu cũng đều có phần, việc tu không dành riêng cho ai. Trên đường tu cửa mở rộng, ai cũng có thể tiến vào, nhưng với điều kiện là phải can đảm nhìn rõ lại mình, rồi phải cắt đứt hết những sợi dây ân ái buộc ràng.

Nếu chưa đạt được Phật tâm Tổ ý, hãy trước nương trì giới tụng kinh. Đến lúc Phật cũng chẳng phải, Tổ cũng chẳng phải, thì giới gì trì, kinh nào tụng. Nếu chúng ta chưa ngộ được tâm Phật, chưa thấu suốt được ý Tổ, thì trước phải ráng giữ giới và tụng kinh. *Đến lúc Phật cũng chẳng phải, Tổ cũng chẳng phải*, đó chính là lúc nhận ra bản lai diện mục tức là mặt thật xưa nay của mình. Đã là mặt thật xưa nay của mình thì đâu phải là của Tổ, đâu phải là của Phật, nói của Phật là trật, nói của Tổ là sai, cho nên nói Phật cũng chẳng phải, Tổ cũng chẳng phải, mà chính là bản lai diện mục của mình.

Sống được với cái đó rồi thì nói gì trì giới, nói gì tụng kinh. Tại sao? Vì sống với bản lai diện mục thì không có niệm khởi, không niệm khởi thì đâu có phạm giới. Có niệm thì có niệm thương niệm ghét, niệm danh niệm lợi, không có niệm thì còn gì phải trì giới. Còn tụng kinh là nhắc lại lời Phật để tỉnh giác, nếu đã sống với cái tỉnh giác thì nhắc lại lời Phật cũng là dư, cho nên tới đó rồi thì còn kinh gì mà tụng. Vì thế chúng ta phải hiểu thật rõ, đừng hiểu lầm, chưa tới chỗ mà không cần trì giới, không cần tụng kinh, đó là nói sai không đúng lẽ thật. Khi nào chúng ta hằng sống được

với bản lai diện mục rồi, chừng đó cũng không phải Phật, cũng không phải Tổ, nói gì là trì giới tụng kinh.

Nơi sắc huyễn cũng là chân sắc, ở thân phàm cũng là thân Phật. Khi ấy ngay trong sắc huyễn này cũng là chân sắc, ngay nơi thân phàm tục này cũng là thân Phật. Tại sao? Vì mê tưởng huyễn là thật nên bị huyễn mê hoặc, khi tỉnh rồi biết là huyễn, từ sắc huyễn thấy được cái chân thật nên gọi là chân sắc. Còn ngay thân phàm mà chúng ta tưởng là thật, nên thân này hoại diệt chúng ta đau khổ. Nếu ngay thân phàm này, chúng ta nhận ra bản lai diện mục, đó là thấy thân Phật, chứ không có đâu khác.

Phá sáu thức làm sáu thần thông, dạo tám khổ thành tám tự tại. Khi ngộ rồi thì phá sáu thức làm thành sáu thần thông. Như sáu căn mắt tai mũi lưỡi thân ý, do thức duyên theo sáu trần nên thành lục tặc. Khi sáu căn không còn vọng thức duyên theo sáu trần, thấy nghe mà không dính mắc, đó là phá lục tặc thành lục thông, hay là phá sáu thức thành sáu thần thông. *Dạo tám khổ thành tám tự tại*, tám khổ là sanh, già, bệnh, chết, ái biệt ly, oán tắng hội, cầu bất đắc và ngũ ấm xí thạnh khổ, tức là thân năm ấm này là khổ. Khi chúng ta mê thì có bốn cái khổ của thân: vô thường, khổ, vô ngã và bất tịnh. Trong kinh Niết-bàn dạy, khi ngộ được pháp thân thì được bốn tự tại là: thường, lạc, ngã, tịnh. Còn đối với tám khổ, được tám tự tại, kinh Niết-bàn dẫn tám tự tại là:

1/ Một thân hiện nhiều thân như số vi trần.

2/ Một thân vi trần trùm khắp cõi đại thiên.

3/ Thân Phật lớn đến cả các thế giới.

4/ Phật hiện vô số thân.

5/ Sáu căn hỗ dụng.

6/ Phật đạt được tất cả pháp mà như không được.

7/ Phật thuyết pháp một bài kệ trải vô số kiếp.

8/ Thân khắp các nơi như hư không.

Đây là tám tự tại khi đạt được pháp thân. Đoạn khác nói về Pháp giới thứ đệ, có tám tự tại là:

1/ Hay từ lớn mà thu lại nhỏ.

2/ Hay từ nhỏ mà hóa ra lớn.

3/ Hay nhẹ nhàng vượt đi trong hư không.

4/ Hay tự tại, nghĩa là tùy muốn đi trong không, xuống nước hay vào đất đều tự tại.

5/ Hay có chủ, tức là mình làm chủ tự tại đối với tất cả những cái bên ngoài.

6/ Hay đến xa, tức là vừa nghĩ là đến.

7/ Hay động, tức là mình làm cả thế giới chuyển động gọi là *lục chủng chấn động*, đó đều là do sức thần thông của mình.

8/ Tùy ý, nghĩa là tùy ý muốn làm gì cũng được.

Như vậy nếu chúng ta khéo tu thì từ lục tặc biến thành sáu thần thông, từ tám khổ biến thành tám tự tại. Đó là tự mình chuyển chứ không ai thay cho mình mà chuyển được, điều này hết sức rõ vậy.

Tuy nói thế ấy, mà mỗi người vào trong sắc thân rồi, bỏ đó thật khó thay! Tuy giảng nói như vậy, nhưng trên sự thật khi mang sắc thân này rồi muốn bỏ nó là chuyện không phải giản đơn, thật là cay đắng.

Hết thảy các người! Chỉ sắc thân này lại làm sao giải thoát? Nếu chưa giải thoát, cần phải nghe đây. Mỗi người chúng ta phải giải thoát sắc thân này, nhưng làm sao giải thoát? Nếu chưa được giải thoát, cần phải nghe bài kệ sau đây:

Vô vị chân nhân thịt đỏ au,
Hồng hồng bạch bạch chớ lầm nhau,
Ai hay mây cuộn, trời trong lặng,
Sương biếc tầng không, một núi xanh.

Bốn câu kệ này rất là thâm thúy.

Vô vị chân nhân là từ của tổ Lâm Tế. Một hôm tổ Lâm Tế ở trước hội chúng nói: *Các ngươi hãy nghe, nơi trước mặt các ngươi có vô vị chân nhân thường ra vào.* Vô vị chân nhân là người chân thật không có ngôi vị, không có chỗ nơi, vô vị chân nhân cũng tức là tên khác của bản lai diện mục, từ trong cửa mặt chúng ta ra vào. Như vậy ai cũng có vô vị chân nhân, từ khác là tâm thể thanh tịnh. Tâm thể này không tướng mạo, nên không chỗ nơi, không ngôi vị, đó là chân nhân, con người chân thật. Chân nhân ở ngay nơi thân thịt đỏ au này, nơi thân thịt máu mủ này không phải tìm kiếm nơi nào khác.

Hồng hồng bạch bạch chớ lầm nhau.

Hồng là đỏ, bạch là trắng. Ngay nơi thân thịt có những hình sắc hoặc đỏ hoặc trắng, đừng có lầm nó,

nghĩa là đừng mắc kẹt ở khối thịt đỏ au, mà phải thấy được vô vị chân nhân ở trong đó. Nếu thấy khối thịt đỏ mang màu sắc trắng hồng rồi có yêu có ghét đó là lầm, rồi chìm đắm trong cái lầm mà phải khổ.

Đến hai câu kết:

Ai hay mây cuộn, trời trong lặng,
Sương biếc tầng không, một núi xanh.

Có ai biết rằng khi mây cuốn hết chỉ có hư không hoàn toàn trong sạch. Bên trời mù sương đã tan, chỉ còn bầu trời trong, lúc đó ngọn núi xanh hiện sừng sững trước mắt chúng ta.

Trong bài kệ trên, hai câu đầu chủ yếu ngài Trần Thái Tông muốn cho chúng ta hiểu rõ ngay nơi thân thịt hôi hám bẩn thỉu của chúng ta có một cái chân thật sẵn ở trong ấy. Chúng ta đừng lầm những màu sắc của thân thịt này để rồi phải tạo nghiệp chịu khổ. Khi chúng ta hết lầm thân này, những ý niệm đen tối đã tan vỡ, lúc đó giống như mây bị cuộn đi chỉ còn một khoảng hư không trong sạch. Chúng ta nhìn nơi vùng sương mù đã tan rồi một ngọn núi xanh hiện ra rõ ràng. Ngọn núi xanh để chỉ cái gì? Sương mù để nói cái gì? Sương mù có thể là hình dáng của khối thịt đỏ au, hay của thân tứ đại, hay những tâm cuồng loạn của chúng ta. Khi những tâm niệm cuồng loạn đã lặng yên rồi, chúng ta sẽ thấy ngọn núi bất động sừng sững trước mắt. Ngọn núi là chỉ bản lai diện mục sẵn có tự thuở nào của chúng ta, hay nói cách khác là chỉ vô vị chân nhân sừng sững ở trước mắt.

Qua bài Nói Rộng Sắc Thân, chúng ta thấy vua Trần Thái Tông có cái nhìn rất thấu đáo, ngài diễn tả đầy đủ về con người phàm tục mà chúng ta đang mê đắm. Ngài tuần tự chỉ cảnh sanh già bệnh chết của con người và cuối cùng chỉ ra một lối đi, một lẽ thật để chúng ta biết mà tu, hầu vượt khỏi mọi mê muội lầm lẫn. Thoát khỏi các mê muội lầm lẫn, chúng ta sẽ đến chỗ giác ngộ an lành thanh tịnh.

Đọc bài này chúng ta thấy Trần Thái Tông tuy là vua ngồi trên ngai vàng mà ngài có cái nhìn tường tận về bản chất con người, không bị những tài sắc danh lợi quyến rũ đến phải mờ mịt như những vị vua khác.

RỘNG KHUYÊN PHÁT TÂM BỒ-ĐỀ

Chánh văn:

Ở đời cái quý tột chỉ là vàng ngọc mà thôi, nhưng xét kỹ chỗ quý tiếc ấy, chẳng bằng thân mạng. Ví như có người giàu sang được phong làm đại tướng, dùng vàng ròng làm giáp để che đỡ cho thân. Đến khi lâm chiến binh đao bị thua, hoặc cởi giáp ném gươm mà chạy, mong được thân mạng an toàn mà thôi, giáp vàng ròng đâu rảnh nghĩ tiếc. Mới biết, cái quý vàng ròng chẳng bằng cái quý thân mạng, đây là thật vậy.

Ngày nay thì không thế, trái lại quý vật kia mà khinh thân này. Chẳng biết thân này khó được có ba. Thế nào là ba?

1. Trong lục đạo chỉ có người là quý, đến khi nhắm mắt đi rồi, mờ mờ mịt mịt chẳng biết chỗ đến. Hoặc vào đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la chẳng được làm người. Đây là cái khó được thứ nhất.

2. Đã được làm người, lại sanh nơi mọi rợ, tắm thì đồng sông, ngủ thì chung giường, trật tự tôn ti không có, nam nữ lẫn lộn, chẳng được phong tục nhân thuần, chẳng nghe chư thánh giáo hóa. Đây là cái khó được thứ hai.

3. Đã được sanh nơi phồn thịnh mà sáu căn không đủ, thân thể tật nguyền, mù, điếc, câm, ngọng, què, thọt, còng, gù; miệng mũi hôi tanh, thân hình nhơ nhớp. Thầy chẳng được gần, chúng chẳng được thân. Tuy ở nơi phồn thịnh dường thể ở ngoài quê vắng. Đây là cái khó được thứ ba.

Nay đã làm người, được sanh nơi phồn thịnh lại đầy đủ sáu căn, đâu chẳng là quý sao? Người đời luôn luôn đuổi theo con đường danh lợi, luống nhọc xác tổn thần, đem thân mạng rất quý báu này làm tôi tớ cho tiền của đáng khinh. Sánh với người ăn bánh quên vợ, ngậm cơm quên môi nào có khác gì. Tuy thân mạng thật là quý trọng, vẫn chưa quý trọng bằng đạo tối cao. Cho nên Khổng Tử nói: "Sớm nghe đạo chiều chết cũng vui." Lão Tử nói: "Tôi sở dĩ có hoạn lớn, vì tôi có thân." Thế Tôn thuở xưa cầu đạo xả thân cứu cọp đói. Đâu chẳng phải ba bậc thánh nhân đều khinh thân mà trọng Đạo đó sao? Than ôi! Thân mạng thật là quý trọng còn phải xả để cầu Vô thượng Bồ-đề, huống là vàng ngọc, tiền của đáng khinh mà lại tiếc sao? Ôi trong ấp mười nhà vẫn có người trung tín, huống là cả thế gian há không có người thông minh sáng suốt hay sao? Đã nghe lời này, cần phải gắng học, chớ nên nghi ngờ chậm trễ.

Kinh nói: "một phen mất thân người, muôn kiếp chẳng được lại", thật là thống thiết. Cho nên Khổng Tử nói: "Người không chịu làm, tôi chẳng làm gì, cam đành thôi vậy."

Rõ ràng thời gian trăm năm, toàn ở trong sát-na, thân huyễn tứ đại đâu thể lâu dài. Mỗi ngày chìm đắm trong trần lao, mỗi lúc nghiệp thức càng mênh mông vô tận. Chẳng biết một tánh viên minh, luống theo sáu căn tham dục. Công danh cái thế cũng chỉ là một trường đại mộng, phú quý kinh nhân khó khỏi vô thường hai chữ. Tranh nhân tranh ngã rốt cuộc thành không, khoe giỏi khoe hay cứu cánh chẳng thật.

Gió lửa khi tan không già trẻ,

Núi sông bại hoại mấy anh hùng!

Đầu xanh chưa mấy lúc tóc bạc đã sớm điểm sương, ngày vui vừa đến thì ngày điếu cũng đi theo. Một bao máu mủ nhiều năm khổ luyến ân tình, bảy thước hình hài buông lòng tham mê tài bảo. Thở ra khó mong được hít vào, ngày nay không bảo đảm ngày mai.

Sông yêu chìm nổi lúc nào thôi,

Nhà lửa đốt thiêu bao giờ tắt?

Chẳng nguyện vượt ra lối nghiệp, chỉ vì chưa có công phu. Vua Diêm-la chợt truy tìm, Thôi tướng công há cho triển hạn. Ngoái đầu nhìn người thân chẳng thấy, đến đây rồi nghiệp báo tự mang.

Quỷ vương ngục tốt mặc sức khảo tra, cây kiếm núi đao khôn chống đỡ. Hoặc nhốt dưới ngọn núi lửa, hoặc giam trong núi Thiết Vi. Vào vạc dầu sôi muôn kiếp ngàn đời, bị chặt chém một đao thành hai khúc. Đói nuốt hòn sắt nóng, khát uống nước đồng sôi. Suốt ngày luôn chịu khổ đau, năm trăm kiếp chẳng thấy hình bóng. Trả xong tội nghiệp, trở vào luân hồi. Bỗng mất thân người khi trước, trở lại mang lấy đãy da. Đội lông mang sừng, hàm sắt dây yên, lấy thịt nuôi người, dùng mạng trả nợ. Sanh bị khổ dao bằm chày nện, sống bị nạn nước sôi lửa bỏng. Hằng chứa oán thù, thay nhau ăn nuốt. Khi đó mới hối hận, học đạo không nhân. Chi bằng ngày nay tu tập, chớ để đời này trôi qua.

Đức Phật Thích-ca trước bỏ hoàng cung đi thẳng vào núi Tuyết. Cư sĩ Bàng Uẩn đem gia tài đổ xuống biển sâu. Chân Vũ chẳng thiết ngôi vua chỉ cầu tu hành, Lữ Công đã làm thần tiên vẫn còn tham vấn. Tô Đông Pha thường gần Phật Ấn, Hàn Văn Công lại lễ Đại Điên, Bùi Công bị đoạt hốt nơi Thạch Sương, Phòng Tướng hỏi pháp ở Quốc Nhất. Diệu Thiện không nhận phò mã, thành Phật chẳng ngờ. Lục Tổ mới gặp khách, nghe kinh liền tỉnh ngộ. Đạo Thiền nếu không thú vị, hiền thánh sao chịu quy y. Hoa Lâm cảm hóa hai cọp theo luôn, Đầu Tử có ba con chim báo sáng. Lý trưởng giả giải kinh mà thiên trù dâng cơm, Tu-bồ-đề ngồi yên mà Đế-thích tán hoa. Đạt-ma một chiếc dép về Tây, Phổ Hóa rung chuông bay đi. La-hán đến tham vấn

với hòa thượng Ngưỡng Sơn, Nhạc đế quy y với thiền sư Tư Đại. Kính Sơn đến nay vẫn được Long vương thỉnh cúng, Tuyết Phong ngày xưa hay sai người gỗ phá non. Đây là những nguyên do để nghiệm biết, chớ tự khinh mà lui sụt.

Chồn hoang còn nghe Bá Trượng nói pháp. Loài ốc sò vẫn biết hộ kinh Kim Cang. Mười ngàn con cá nghe danh hiệu Phật được hóa làm con trời. Năm trăm con dơi nghe tiếng pháp thảy được làm hiền thánh. Mãng xà nghe sám hối được sanh thiên. Rồng nghe kinh mà ngộ đạo. Chúng là loài vật còn hay lãnh ngộ, huống là người sao chẳng hồi tâm.

Hoặc có người vùi đầu trong ăn uống, qua mất một đời. Hoặc có người trên đường tu hành lầm lẫn, mà không thức tỉnh. Đâu biết tánh giác Bồ-đề mỗi mỗi viên thành, nào hay căn lành Bát-nhã người người đầy đủ. Chớ luận đại ẩn tiểu ẩn, thôi phân tại gia xuất gia. Chẳng cuộc người tăng kẻ tục, chỉ cốt nhận được bản tâm. Vốn không có nam nữ, đâu cần chấp tướng. Người chưa rõ dối chia tam giáo, liễu được rồi đồng ngộ nhất tâm. Nếu hay phản chiếu hồi quang, đều được kiến tánh thành Phật.

Huống là thân người khó được, Phật pháp khó nghe. Nếu muốn vượt khỏi vòng quanh lục đạo, chỉ có con đường tắt nhất thừa. Cần tìm chánh kiến, chớ tin tà sư. Ngộ rồi mới là vào cửa, hành được mới hay thoát tục. Bước bước đạp đến đất thật, đầu đầu đều đội hư không. Khi dùng thì muôn cảnh toàn bày,

buông đi thì mảy bụi chẳng lập. Vượt đến chỗ không còn tương quan sanh tử, cơ liễu ngộ quỷ thần nhìn chẳng ra.

Là phàm là thánh đồng vào đường này, hoặc oán hoặc thân cùng chung một lỗ mũi. Thật ngộ như thế, còn kẹt giữa đường. Thôi nói tam huyền hướng thượng, cốt rõ một câu rốt sau. Hãy nói hiện nay cái gì là "một câu rốt sau"?

Non xanh chốn ấy nhìn trời rộng,

Sen đỏ nở rồi nghe mùi thơm.

Giảng:

Trong bài này ngài Trần Thái Tông khuyên chúng ta phải phát tâm Bồ-đề, tức là phải phát tâm cầu giác ngộ.

Ở đời cái quý tột chỉ là vàng ngọc mà thôi, nhưng xét kỹ chỗ quý tiếc ấy, chẳng bằng thân mạng. Ví như có người giàu sang được phong làm đại tướng, dùng vàng ròng làm giáp để che đỡ cho thân. Đến khi lâm chiến binh đao bị thua, hoặc cởi giáp ném gươm mà chạy, mong được thân mạng an toàn mà thôi, giáp vàng ròng đâu rảnh nghĩ tiếc. Mới biết, cái quý vàng ròng chẳng bằng cái quý thân mạng, đây là thật vậy.

Trước tiên ngài nói cái quý của thân mạng con người. Người thế gian không ai không quý vàng bạc, vàng bạc tuy rất quý, nhưng khi tai nạn đến với thân, người ta không còn quý vàng bạc nữa, chỉ nghĩ đến thân mà thôi. Thí dụ như một viên tướng ra trận mang giáp bằng vàng, khi thất trận phải bỏ chạy, giáp vàng nặng quá,

sợ bị giặc đuổi bắt chặt đầu, bấy giờ phải cởi giáp vàng ném đi, miễn chạy khỏi chết thì thôi. Như vậy thân mạng quý trọng hơn vàng.

Ngày nay thì không thế, trái lại quý vật kia mà khinh thân này. Nhưng thời nay có nhiều người đem thân để cầu được vàng bạc, nghĩa là xem nhẹ thân mà quý trọng vàng. Thí dụ như những người ăn trộm ăn cướp, dám đem thân đến chỗ hiểm nguy, có khi bị đánh bị giết, mà không lo sợ, miễn được vàng bạc thôi. Họ quý vàng bạc hơn thân mạng, đó là sai lầm, vì thân quý hơn vàng mà họ lại đem thân đổi lấy vàng!

Chẳng biết thân này khó được có ba. Thế nào là ba?

1. Trong lục đạo chỉ có người là quý, đến khi nhắm mắt đi rồi, mờ mờ mịt mịt chẳng biết chỗ đến. Hoặc vào đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la chẳng được làm người. Đây là cái khó được thứ nhất. Trong lục đạo, được thân người là một cái khó. Nếu lấy tiêu chuẩn Phật dạy để đối chiếu, khi con người mất thân này có dễ được lại thân người nữa hay không? Đức Phật nói: "Ai giữ tròn năm giới, bảo đảm được làm người." Nếu năm giới khuyết đi, nghĩa là chỉ giữ hai hay ba giới thì có thể mất thân người, nếu khuyết trọn vẹn thì hoàn toàn không được làm người. Như vậy trong năm giới, chúng ta thử kiểm lại xem có ai giữ trọn được chưa? Khuyết chừng một phần tư, một phần tám còn khả dĩ, nếu khuyết trọn vẹn hoặc ba, bốn phần thì thật khó trở lại làm người. Vì thế trong lục đạo, nhất là ba đường địa ngục ngạ quỷ súc sanh và đường thứ tư là a-tu-la, con người dễ rơi xuống,

còn hai đường người và trời ít được trồi lên. Trong sáu đường, mà bốn thua hai thắng, thì dễ gì đi con đường thắng, nên đa số mất thân này khó tìm lại được. Vậy được thân người là cái khó thứ nhất.

2. Đã được làm người, lại sanh nơi mọi rợ, tắm thì đồng sông, ngủ thì chung giường, trật tự tôn ti không có, nam nữ lẫn lộn, chẳng được phong tục nhân thuần, chẳng nghe chư thánh giáo hóa. Đây là cái khó được thứ hai. Nếu được làm người mà sanh vào những nơi không đầy đủ văn hóa, phải sống trong hoàn cảnh hỗn mang, không tôn ti trật tự, không phong tục nhân thuần, đó là cái khó thứ hai.

3. Đã được sanh nơi phồn thịnh mà sáu căn không đủ, thân thể tật nguyền, mù, điếc, câm, ngọng, què, thọt, còng, gù; miệng mũi hôi tanh, thân hình nhơ nhớp. Thầy chẳng được gần, chúng chẳng được thân. Tuy ở nơi phồn thịnh dường thể ở ngoài quê vắng. Đây là cái khó được thứ ba. Được thân người mà bị tật nguyền sáu căn không đầy đủ, chẳng được gần thầy, chẳng gần chúng bạn, đây là cái khó được thứ ba.

Như vậy ba cái khó được là:

1. Được thân người đối với lục đạo là khó.

2. Được thân người mà ở nơi phồn thịnh là khó.

3. Được thân người, ở nơi phồn thịnh mà không bị tật nguyền là khó.

Hiện giờ tất cả chúng ta có qua được ba cái khó đó chưa? Tương đối cũng qua được rồi, như vậy hạnh phúc

biết mấy mà không chịu hưởng, lại đi tìm hạnh phúc khác. Có khi vì tìm hạnh phúc mà bị tật nguyền khổ ải.

Nay đã làm người, được sanh nơi phồn thịnh lại đầy đủ sáu căn, đâu chẳng là quý sao? Chúng ta được làm người một cách trọn vẹn vượt qua ba cái khó rồi, thật là đáng quý.

Người đời luôn luôn đuổi theo con đường danh lợi, luống nhọc xác tổn thần, đem thân mạng rất quý báu này làm tôi tớ cho tiền của đáng khinh. Sánh với người ăn bánh quên vợ, ngậm cơm quên môi nào có khác gì. Người đời chạy theo danh lợi nên khổ nhọc thân xác, hao tổn tinh thần, đem thân quý báu làm tôi tớ cho tiền của đáng khinh, đó là sai lầm lớn. *Sánh với người ăn bánh quên vợ* đâu có khác, tức là chỉ người thấy lợi nhỏ mà quên tình nghĩa thiết tha. *Ngậm cơm quên môi* là nhớ cơm quên môi, cơm là tạm thời, môi là lâu dài, tức là chỉ cái ngu muội của con người, nhớ việc nhỏ mà quên việc lớn.

Tuy thân mạng thật là quý trọng, vẫn chưa quý trọng bằng đạo tối cao. Đoạn trên ngài Trần Thái Tông kết tội những người quý tài vật mà quên thân mạng, đó là kẻ ngu. Đến đây ngài nói thêm, thân mạng tuy quý, nhưng vẫn chưa bằng đạo tối cao. Thật vậy thân mạng rất quý nhưng đạo tối cao còn quý trọng hơn.

Cho nên Khổng Tử nói: "Sớm nghe đạo chiều chết cũng vui." Lão Tử nói: "Tôi sở dĩ có hoạn lớn, vì tôi có thân." Thế Tôn thuở xưa cầu đạo xả thân cứu cọp đói. Đâu chẳng phải ba bậc thánh nhân đều khinh thân mà trọng Đạo đó sao?

Khổng Tử nói: Sớm được nghe đạo chiều chết cũng vui, tức là quý đạo hơn thân. Còn Lão Tử nói: Có thân này là có hoạn lớn, nếu không có thân thì mới hết hoạn. Vậy hai vị thánh nhân đều coi thường thân mạng. *Thế Tôn thuở xưa cầu đạo, xả thân cứu cọp đói.* Đây là câu chuyện tiền thân của đức Phật. Thấy cọp đói, ngài thương nên lăn mình xuống hố cho cọp ăn, đó là xả thân cứu cọp đói. Người thế gian coi thân là quý, nhưng các bậc thánh thì khinh thân quý đạo, nên các ngài xả thân để cầu đạo. Chúng ta chẳng nghe người xưa nói: Tu là xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo đó sao! Nhưng ngày nay lại khác hơn, nhiều khi đi tu bỏ cái nghèo vào chùa để làm giàu, đó là xả bần cầu phú rồi. Xưa nói xả thân cầu đạo, nay lại nói xả đạo vị thân, nghĩa là coi thường đạo mà trọng thân hơn, đó là những điều lầm lẫn, thật trái với đạo nghĩa.

Than ôi! Thân mạng thật là quý trọng còn phải xả để cầu Vô thượng Bồ-đề, huống là vàng ngọc, tiền của đáng khinh mà lại tiếc sao? Đây là lời than. Thân mạng thật là quý còn phải xả để cầu giác ngộ, sao lại còn tiếc vàng ngọc tiền của là cái đáng khinh. Cho nên người tu mà còn tiếc tiền của bạc vàng là không đúng.

Ôi trong ấp mười nhà vẫn có người trung tín, huống là cả thế gian há không có người thông minh sáng suốt hay sao? Người xưa nói: Trong ấp có mười nhà, vẫn có một người trung tín, huống nữa cả thế gian này không có người nào sáng suốt thấy được lẽ thật này hay sao? Lẽ thật này là lẽ khinh tiền của, khinh thân mạng mà quý trọng đạo vậy, đây là lẽ thật ít người thấy được.

Đã nghe lời này, cần phải gắng học, chớ nên nghi ngờ chậm trễ. Kinh nói: "một phen mất thân người, muôn kiếp chẳng được lại", thật là thống thiết. Cho nên Khổng Tử nói: "Người không chịu làm, tôi chẳng làm gì, cam đành thôi vậy." Ngài Trần Thái Tông khuyên mỗi người chúng ta phải ráng tu hành, cần mẫn học tập, chớ có nghi ngờ làm chậm trễ con đường tu của mình. Trong kinh dạy: Một khi mất thân người, muôn kiếp không được trở lại. Thế mà chúng ta được thân người không cố gắng tu sao? Lời khuyên này thật là thống thiết. Khổng Tử dạy việc của mỗi người tự làm, nếu người không chịu làm, không chịu tu, dù cho bậc thánh nhân muốn giúp cũng không giúp được, nên cam đành thôi vậy, không biết làm sao hơn!

Rõ ràng thời gian trăm năm, toàn ở trong sát-na, thân huyễn tứ đại đâu thể lâu dài. Mỗi ngày chìm đắm trong trần lao, mỗi lúc nghiệp thức càng mênh mông vô tận. Thời gian tuổi thọ chúng ta tưởng là sống được trăm năm, nhưng cơ thể chuyển dời từng giây phút, từng sát-na, không phải đợi đến trăm năm mới thay đổi. Thân chuyển từng sát-na thì thân là huyễn hóa, tứ đại này làm sao bền vững lâu dài được. Mỗi ngày chúng ta chìm đắm trong bụi trần lăng xăng, tức là chìm đắm trong sáu trần, thì nghiệp thức càng mờ mịt, càng mênh mông vô tận, không biết đâu là manh mối. Cho nên chúng ta phải sớm lo tu hành để thoát khỏi trần lao nghiệp thức.

Chẳng biết một tánh viên minh, luống theo sáu căn tham dục. Chúng ta không thức tỉnh, không biết

rằng nơi mỗi người có một tánh tròn sáng, trong kinh thường dụ như hạt minh châu, gọi là tánh viên minh. *Luống chạy theo sáu căn tham dục*, tức là sáu căn đuổi theo sáu trần nên chúng ta bị sáu trần lôi kéo dẫn dắt đi không làm chủ được.

Công danh cái thế cũng chỉ là một trường đại mộng, phú quý kinh nhân khó khỏi vô thường hai chữ. Dù được công danh tột thế gian cũng chỉ là một trường đại mộng, dù cho giàu sang tột đỉnh người nghe phải giật mình, cũng khó thoát được hai chữ vô thường, tức là khó trốn được cái chết.

Tranh nhân tranh ngã rốt cuộc thành không, khoe giỏi khoe hay cứu cánh chẳng thật. Nếu chúng ta còn thấy nhân ngã là quý, là cao, thì còn tranh hơn thua với nhau. Nhưng nhân ngã rốt cuộc cũng thành không, giỏi hay cứu cánh đều không thật. Hai câu kệ sau đây cảnh tỉnh chúng ta:

Gió lửa khi tan không già trẻ,
Núi sông bại hoại mấy anh hùng!

Gió lửa tan rồi, tức là thân tứ đại rã tan, lúc đó không nói già nói trẻ nữa, già trẻ đều tan không có khác nhau. Khi cơn vô thường đến sông núi đều bại hoại, còn mấy kẻ anh hùng! Trong bài nói về bốn núi, dù cho những đội quân hùng mạnh đến đâu cũng không chống đỡ được bốn núi sanh già bệnh chết. Thế nên khi vô thường đến, anh hùng thế mấy cũng là vô nghĩa.

Đầu xanh chưa mấy lúc tóc bạc đã sớm điểm sương, ngày vui vừa đến thì ngày điếu cũng đi theo. Những câu này nghe xót xa làm sao! Xót xa cho thân phận của chính mình. Đầu xanh chưa bao lâu thì tóc đã điểm sương. Như hiện giờ, chư tăng ni tuy nói còn nhỏ nhưng đầu đã điểm sương, còn tôi tóc đã bạc như tuyết. Từ tóc xanh thành tóc bạc không có bao lâu. *Ngày vui vừa đến thì ngày điếu cũng đi theo.* Ngày vui là ngày sinh, nên nói mừng sinh nhật. Nhưng có sinh thì có tử, nên vừa mừng ngày sinh, lại sửa soạn lo ngày điếu, chứ có lâu đâu. Thế mà người đời chẳng nhớ, đến bảy mươi tuổi cũng lo ăn mừng sinh nhật, không nghĩ tới ngày điếu của mình.

Một bao máu mủ nhiều năm khổ luyến ân tình, bảy thước hình hài buông lòng tham mê tài bảo. Thở ra khó mong được hít vào, ngày nay không bảo đảm ngày mai. Trong kinh nói thân này là một đãy da máu mủ, nhưng chúng ta không nhớ; do bao máu mủ này mà phải nhiều năm khổ luyến ân tình vì thương vì ghét. *Bảy thước hình hài buông lòng tham mê tài bảo*, mang thân bảy thước (thước ta ngày xưa) mà không nhớ, chỉ lo ham mê tài bảo. *Thở ra khó mong được hít vào*, một khi thở ra tưởng như hít vào là dễ, nhưng đến lúc nghẹt thở muốn hít vào rất khó, cho nên không ai bảo đảm cuộc sống mình được lâu bền. *Ngày nay không bảo đảm ngày mai*, chúng ta cứ tính việc phải làm ở ngày mai, nhưng sự thật ngày mai chưa bảo đảm. Sống ngày nay biết ngày nay, còn ngày mai phải chờ xem, không biết có mặt mình hay không. Nói nghe buồn nhưng đó là một lẽ thật.

Đoạn này kết thúc bằng hai câu thơ:

Sông yêu chìm nổi lúc nào thôi,
Nhà lửa đốt thiêu bao giờ tắt?

Sông yêu dịch từ chữ *ái hà* trong nhà Phật. Chúng ta chìm đắm mãi trong sông yêu biển ái biết đến chừng nào thôi dứt? Nhà lửa tam giới thiêu đốt chúng ta đến bao giờ mới tắt? Hai câu kết này là lời nhắc nhở cảnh tỉnh chúng ta phải mau mau thoát khỏi sông yêu đang nhận chìm và nhà lửa tam giới đang thiêu đốt chúng ta.

Chẳng nguyện vượt ra lối nghiệp, chỉ vì chưa có công phu. Vua Diêm-la chợt truy tìm, Thôi tướng công há cho triển hạn. Sở dĩ chúng ta không thoát được lối nghiệp lại bị nghiệp dẫn vì công phu tu hành chưa có bao nhiêu. Nếu không thoát được nghiệp, một ngày kia vua Diêm-la cho lệnh truy tìm, Thôi tướng công cũng không cho triển hạn. Tướng công họ Thôi là chỉ quỷ vô thường trong nhà Phật.

Trong sử các thiền sư có câu chuyện quỷ vô thường tìm thầy Tri sự. Khi xưa ở một thiền viện, công việc quá bề bộn, thầy Tri sự siêng năng làm công tác không có thời giờ tu. Một hôm quỷ vô thường tới mời đi, Thầy hoảng hốt nói:

- Tôi làm Tri sự mấy năm nay không rảnh để tu, xin ông về tâu lại với Diêm vương hoãn cho tôi một tuần lễ, để tôi có thời giờ tu hành.

Quỷ vô thường nể tình về tâu lại, vua Diêm vương bằng lòng. Ngang đó thầy Tri sự buông tất cả việc và tu

gấp rút. Đến đúng kỳ hẹn, quỷ vô thường trở lại, tìm không ra thầy Tri sự nữa.

Bấy giờ thầy Tri sự ở đâu? Chúng ta cũng ráng tập như vậy, khi làm việc thì làm tận lực, lúc buông việc thì tu gấp, như vậy mới giỏi mới hay, nếu không chịu tu, tướng công họ Thôi cũng không triển hạn được.

Ngoái đầu nhìn người thân chẳng thấy, đến đây rồi nghiệp báo tự mang. Quỷ vương ngục tốt mặc sức khảo tra, cây kiếm núi đao khôn chống đỡ. Khi bị quỷ vô thường dẫn đi, quay đầu nhìn lại tìm người thân chẳng thấy một ai. Một thân một mình ra đi, còn ở nhân gian người thân đang khóc. Khi xuống đến Diêm đài, đã tạo nghiệp gì phải tự chịu nghiệp ấy, không có ai thay thế cho mình. Bị quỷ vương ngục tốt khảo tra, chịu đủ cực hình đau đớn, trèo lên cây kiếm núi đao, không thể nào chống đỡ được.

Hoặc nhốt dưới ngọn núi lửa, hoặc giam trong núi Thiết Vi. Vào vạc dầu sôi muôn kiếp ngàn đời, bị chặt chém một đao thành hai khúc. Đói nuốt hòn sắt nóng, khát uống nước đồng sôi. Suốt ngày luôn chịu khổ đau, năm trăm kiếp chẳng thấy hình bóng. Hoặc bị nhốt thiêu trong núi lửa, hoặc bị giam ép trong núi Thiết Vi. Có khi bị quăng trong vạc dầu sôi không biết bao lâu, hoặc bị dao chặt chém thành hai khúc. Đói thì nuốt hòn sắt nóng, khát uống nước đồng sôi, trải qua năm trăm kiếp chịu khổ đau trong địa ngục.

Trả xong tội nghiệp, trở vào luân hồi. Bỗng mất thân người khi trước, trở lại mang lấy đãy da. Đội lông

mang sừng, hàm sắt dây yên, lấy thịt nuôi người, dùng mạng trả nợ. Trả xong tội nghiệp lại trở vào luân hồi bị các dư báo: Trước là người nhưng tạo tội bị xuống địa ngục, trả xong quả báo còn các dư báo, mất thân người khi trước lại mang thân các loài vật. Hoặc làm thân trâu ngựa, hoặc làm lợn chó vịt gà, dùng mạng trả đền nợ cũ.

Sanh bị khổ dao bằm chày nện, sống bị nạn nước sôi lửa bỏng. Hằng chứa oán thù, thay nhau ăn nuốt. Khi sanh làm loài vật, hoặc bị dao bằm chày nện, hoặc bị nước sôi lửa bỏng. Làm thân bò lợn bị dao bằm thịt, làm thân dê nai bị chày nện cho mềm, làm gà vịt bị nhúng nước sôi... Khi xưa mình giết họ, họ oán hận mình, bây giờ họ giết mình, mình oán hận lại, cứ như thế mà chứa thù chất oán, ăn nuốt lẫn nhau mãi mãi không cùng.

Khi đó mới hối hận, học đạo không nhân. Chi bằng ngày nay tu tập, chớ để đời này trôi qua. Đến khi này mới hối hận tại sao trước kia chúng ta không cố gắng học đạo đến nơi đến chốn, nay không có cơ hội học đạo phải chịu khổ đau, có ăn năn cũng không kịp nữa. Chi bằng ngay bây giờ phải ráng tu tập chớ để đời này trôi qua. Đây là lời khuyên nhắc chúng ta phải mau mau thức tỉnh gắng tu, nếu không tu phải theo nghiệp chịu khổ vô cùng, hết kiếp này sang kiếp khác làm thân súc vật để đền trả nợ trước.

Đến đây ngài Trần Thái Tông dẫn những sự tích để chỉ việc học đạo rất là quý trọng.

Đức Phật Thích-ca trước bỏ hoàng cung đi thẳng vào núi Tuyết. Khi xưa đức Phật do thức tỉnh, ngài bỏ

cung vàng điện ngọc, ngôi cao quyền trọng, đi vào núi Tuyết tu khổ hạnh cho đến quên thân.

Cư sĩ Bàng Uẩn đem gia tài đổ xuống biển sâu. Ông Bàng Uẩn là một nhà Nho giàu có, khi hiểu đạo rồi, ông đem tiền của bạc vàng đổ xuống sông Tương, chỉ lo tu hành mà thôi.

Chân Vũ chẳng thiết ngôi vua chỉ cầu tu hành. Chân Vũ là một vị thái tử nước Trịnh Lạc đời Hán, khi sanh ra có nhiều điềm lạ. Lớn lên có chí trừ khử tà ma, vượt biển đông gặp thiên thần trao cho cây bảo kiếm. Chân Vũ tu luyện ở núi Đông Hải bốn mươi hai năm thành công, ngay ban ngày bay lên không, vâng lệnh Thượng đế trấn thủ phương bắc. Vốn tên là Huyền Vũ, sau đổi là Chân Vũ. Đây là một vị thái tử vì ham tu mà bỏ cả ngôi vua.

Lữ Công đã làm thần tiên, vẫn còn tham vấn. Đây là câu chuyện tiên. Lữ Công tức là Lữ Đồng Tân, trong sách có một bài viết Lữ Đồng Tân đầu Phật.

Lữ Đồng Tân quê ở Hà Dương, sinh khoảng Thiên Bảo nhà Đường, dòng họ làm quan, ông mấy phen thi tiến sĩ không đậu, chán nản dạo núi Hoa Sơn, gặp Hán Chung Ly là lang tướng nhà Tấn trấn loạn nơi đây, ông xin ở lại và học pháp dưỡng sinh. Chung Ly muốn độ Lữ Đồng Tân, trước dùng tài thí, một hôm Đồng Tân đứng hầu, Chung Ly lượm một hòn đá, lấy thuốc bôi vào liền thành vàng ròng tặng cho Tân, nói để đi đường bán xài. Tân hỏi:

- Cái này có hoại chăng?

Ly nói:

- Năm trăm năm mới hoại.

Tân liền ném đi nói:

- Khi khác làm lầm người.

Ly lại thử Tân bằng sắc đẹp, sai Tân vào núi hái thuốc, Ly hóa ra túp lều tranh có một cô gái đẹp, cô gái thấy Tân, vui mừng đón tiếp nói:

- Chồng tôi mất đã lâu, nay gặp quân tử mong không bỏ tôi!

Đoạn bước lại gần muốn nắm tay. Tân lấy tay gạt ra nói:

- Chớ đem cái đãy nhớp đến gần ta!

Người nữ ấy biến mất, hiện Hán Chung Ly. Hán Chung Ly liền dạy cho Tân thuật kim đơn và phép Thiên tiên kiếm. Từ đây Tân được dạo đi tự tại, làm thi rằng:

Triêu du Nam Việt, mộ Thương Ngô,
Tụ lý thanh xà đảm khí thô,
Tam nhật Nhạc Dương nhân bất thức,
Lãng ngâm phi quá Động Đình hồ.

Dịch:

Sớm chơi Nam Việt, xế Thương Ngô,
Trong áo thanh xà gan mật thô,
Ba buổi nhạc dương người chẳng biết,
Ngâm to bay thẳng Động Đình hồ.

Sau Tân đến yết kiến hòa thượng Long Nha, hỏi:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Long Nha đáp bằng bài kệ:

Hà sự triêu sầu dữ mộ sầu,
Thiếu niên bất học lão hoàn tu,
Minh châu bất thị Ly long tích,
Tự thị thời nhân bất giải cầu.

Dịch:

Chi phải sớm buồn với chiều buồn,
Thiếu thời không học, lão hối suông,
Minh châu nào phải Ly long tiếc,
Chỉ tại người đời chẳng biết cầu.

Tân nhân dạo núi Hoàng Long ở Nhạc Châu, thấy mây đỏ vòng quanh, nghi có dị nhân ở, liền vào chùa gặp thiền sư Hối Cơ Siêu Huệ đang thượng đường. Cơ biết có dị nhân thầm ẩn dưới tòa, liền to tiếng bảo:

- Trong chúng có người trộm pháp.

Tân ngang nhiên ra hỏi:

- Trong một hạt lúa chứa thế giới, trong nồi nửa thăng nấu núi sông, hãy nói ý chỉ này thế nào?

Cơ đáp:

- Quỷ giữ thây chết.

Trong đãy Tân vẫn có thuốc trường sinh, Tân nói:

- Trong đãy vẫn có thuốc trường sinh bất tử thì sao?

Cơ đáp:

- Dù trải tám muôn kiếp trọn là rơi trong không vong.

Tân bất bình ra đi, đến nửa đêm phi kiếm hại Cơ. Cơ đã biết trước, lấy pháp y trùm đầu ngồi tại phương trượng, kiếm đến bay quanh mấy vòng, Cơ lấy tay chỉ, kiếm liền rơi xuống đất. Tân đến tạ lỗi, Cơ nhân đó hỏi:

- Trong nồi nửa thăng thì chẳng hỏi, thế nào là trong một hạt lúa chứa thế giới?

Tân ngay lời hỏi này có tỉnh, bèn thuật kệ:

Hạo khước biều nhi toái khước cầm,
Như kim bất luyến hống trung câm,
Tự tùng nhất kiến Hoàng Long hậu,
Thủy giác tùng tiền thố dụng tâm.

Dịch:

Bẻ gãy chiếc bầu, đập nát đàn,
Hiện nay chẳng thích luyện kim đan,
Sau khi gặp được Hoàng Long đấy,
Mới biết từ xưa quấy dụng tâm.

Đây là câu chuyện thần tiên đi học Phật. Lữ Đồng Tân là thần tiên, còn đi tham vấn với thiền sư Hối Cơ ở Hoàng Long.

Tô Đông Pha thường gần Phật Ấn. Trong sử có ghi: Một hôm Sư (Phật Ấn) và đồ chúng vào thất, cư sĩ Tô Đông Pha đến thẳng thất, Sư nói:

- Trong này không có ghế ngồi, cư sĩ đến đây làm gì?

Đông Pha đáp:

- Tạm mượn thân tứ đại của Phật Ấn làm ghế ngồi.

Phật Ấn nói:

- Sơn tăng có một câu hỏi, nếu cư sĩ nói được thì mời ngồi, bằng nói chẳng được thì cởi ngọc đới để lại.

Đông Pha vui vẻ chấp nhận. Phật Ấn hỏi:

- Vừa rồi cư sĩ nói tạm mượn thân tứ đại sơn tăng làm ghế ngồi, chỉ như sơn tăng tứ đại vốn không, năm ấm chẳng có, cư sĩ đến chỗ nào ngồi?

Tô Đông Pha không đáp được, phải cởi dây ngọc đới để lại, Sư tặng cho lá y Vân Sơn, Đông Pha làm bài kệ:

Bách thiên đăng tác nhất đăng quang,
Tận thị hằng sa Diệu pháp vương,
Thị cố Đông Pha bất cảm tích,
Tá quân tứ đại tác thiền sàng.
Bệnh cốt nan kham ngọc đới vi,
Độn căn nhưng lạc tiễn phong ky,
Hội đương khất thực ca cơ viện,
Đoạt đắc Vân Sơn cựu nạp y.

Dịch:

Đèn trăm ngàn ngọn ánh sáng đồng,
Cả thảy hằng sa Diệu pháp vương,
Bởi thế Đông Pha đâu dám tiếc,
Mượn anh tứ đại làm giường thiền.
Bệnh xương khó chịu ngọc đới ràng,
Căn độn nên rơi máy nhọn tên,

Hiểu nên khất thực ca kỹ viện,
Nhận lãnh Vân Sơn áo nạp xưa.

Câu chuyện này cho thấy Tô Đông Pha là một nhà văn nổi tiếng, còn phải đến học với ngài Phật Ấn.

Hàn Văn Công lại lễ Đại Điên. Hàn Văn Công tức Hàn Dũ, là một nhà Nho nổi tiếng, người Xương Lê đời Đường, đậu tiến sĩ. Vì dâng biểu can vua Hiến Tông rước xá-lợi Phật vào cung, nên bị đày đi Triều Châu. Ở đây, Hàn Dũ có viết thư mời thiền sư Đại Điên ở chùa Linh Sơn phía tây Triều Châu đến tranh luận về đạo, cùng nhau đi lại nhiều lần, sau quy y Đại Điên. Vậy là một nhà Nho nổi tiếng cũng quy y với nhà thiền.

Bùi Công bị đoạt hốt nơi Thạch Sương. Bùi Công tức là tướng quốc Bùi Hưu đời Đường. Một hôm ông tới chỗ thiền sư Thạch Sương, ngài Thạch Sương thấy Bùi Công cầm cây hốt trong tay, ngài mới mượn cây hốt, cầm đưa lên hỏi:

- Cây hốt này ở trong tay vua gọi là khuê, ở trong tay Quan nhân gọi là hốt, bây giờ ở trong tay sơn tăng gọi là gì? Nếu nói được thì trả, nói không được thì giữ lại.

Bùi Hưu nói không được, ngài Thạch Sương giữ cây hốt lại, nên nói *Bùi Công bị đoạt hốt nơi Thạch Sương.*

Phòng Tướng hỏi pháp ở Quốc Nhất. Phòng Tướng tức là tướng quốc Phòng Huyền Linh, giúp vua Đường Thái Tông dấy nghiệp, làm đến chức tể tướng. Quốc Nhất tức là thiền sư Đạo Khâm, người huyện Côn Sơn

thuộc Tô Châu. Vua Đường Thái Tông mời ngài vào cung hỏi đạo, ban cho hiệu là Quốc Nhất thiền sư. Phòng tướng quốc vẫn tới hỏi đạo với thiền sư Quốc Nhất.

Diệu Thiện không nhận phò mã, thành Phật chẳng ngờ. Đây là câu chuyện công chúa Diệu Thiện không lập phò mã, chỉ chuyên lo tu hành và thành Phật Quan Âm.

Lục Tổ mới gặp khách, nghe kinh liền tỉnh ngộ. Lục Tổ nghe khách tụng kinh Kim Cang liền tỉnh ngộ...

Đạo Thiền nếu không thú vị, hiền thánh sao chịu quy y. Nếu đạo Thiền không có giá trị cao siêu, tại sao nhiều vị có tài, có địa vị cao ở thế gian đều phải theo học?

Hoa Lâm cảm hóa hai cọp theo luôn. Theo sử, ngài Hoa Lâm ở dưới hội của tổ Bá Trượng, là sư huynh của ngài Quy Sơn Linh Hựu. Khi đó ngài làm Thủ tọa, và sau vào núi tu, có hai con cọp theo hầu, cọp lớn tên Đại Không, cọp nhỏ tên Tiểu Không. Mỗi khi khách đến, hai con cọp chạy ra mừng, nhưng khách thấy cọp hoảng sợ, ngài bảo:

- Đại Không, Tiểu Không, có khách đến, ra sau đi!

Hai con cọp rón rén bước ra sau.

Đầu Tử có ba con chim báo sáng. Ở núi Đầu Tử có hai thiền sư nổi tiếng, vị đầu tiên là ngài Đại Đồng đệ tử ngài Vô Học Thúy Vi, vị sau là ngài Nghĩa Thanh, thuộc tông Tào Động. Đầu Tử có ba chim báo sáng không biết là chỉ vị nào, trong đây không nói rõ.

Lý trưởng giả giải kinh mà thiên trù dâng cơm. Lý trưởng giả tức là Lý Thông Huyền, đời Đường niên hiệu Khai Nguyên thứ bảy (719), ngài trước tác bộ Tân Hoa Nghiêm Kinh Luận bốn mươi quyển, do miệt mài viết kinh cho nên quên cơm, chư thiên đem cơm dâng cho ngài.

Tu-bồ-đề ngồi yên mà Đế-thích tán hoa. Câu chuyện này được nhắc lại nhiều lần. Ngài Tu-bồ-đề là một trong mười vị đại đệ tử của đức Phật, ngài là Giải Không đệ nhất. Một hôm ngài tọa thiền dưới chân núi, ngồi yên lặng, hoa trời rơi xuống rất nhiều. Ngài hỏi:

- Ai tán hoa đó?

Trời Đế-thích thưa:

- Tôi là trời Đế-thích.

Hỏi:

- Tại sao ông tán hoa?

Đáp:

- Thấy Hòa thượng thuyết pháp hay quá nên tôi tán hoa.

Hỏi:

- Ta chưa từng nói mà sao bảo thuyết pháp hay?

Trời Đế-thích thưa:

- Ngài không nói, tôi không nghe, đó là thuyết pháp.

Đạt-ma một chiếc dép về Tây. Đây nói về tổ Bồ-đề-đạt-ma từ Ấn Độ sang Trung Hoa giáo hóa. Sau thời gian chín năm, ngài an nhiên thị tịch, nhục thân

nhập tháp tại núi Hùng Nhĩ. Tống Vân (sứ giả Trung Hoa) đi sứ Ấn Độ trở về gặp ngài tại núi Thông Lĩnh tay xách một chiếc dép đi nhanh như bay trở về Ấn Độ (Tây Thiên). Vua nghe việc ấy ra lệnh mở cửa tháp, mở quan tài ra, quả nhiên quan tài trống không, chỉ còn một chiếc dép. Vua sắc đưa chiếc dép về thờ ở chùa Thiếu Lâm...[2]

Phổ Hóa rung chuông bay đi. Trong sử của ngài Lâm Tế, có ngài Phổ Hóa dường như là người điên nhưng thật không phải, cả ngày ra chợ ăn xin lang thang, nhưng ngài nói nhiều câu rất kỳ đặc. Khi sắp tịch, ngài nói với người ngoài chợ:

- Xin quý vị cho tôi chiếc áo dài.

Ngài Lâm Tế nghe nói sai đồ đệ sắm cho ngài chiếc quan tài. Ngài vác quan tài ra chợ nói:

- Lâm Tế cho tôi chiếc áo dài rồi, mai tôi tịch ở cửa Đông.

Ngày mai dân chúng chạy lại cửa Đông xem, ngài nói:

- Nay tôi chưa tịch, ngày mai tôi tịch ở cửa Tây.

Như thế hẹn đến ba ngày, mọi người đều chẳng tin. Đến ngày thứ tư, không ai theo xem nữa, ngài tự vào quan tài, mượn người đi đường đậy nắp lại. Khi hay tin, mọi người trong chợ chạy đến xem, giở quan tài ra không thấy thi hài ngài, chỉ nghe tiếng chuông rung xa dần trên hư không. Cho nên ở đây nói *Phổ Hóa rung chuông bay đi*.

---

[2] Theo Sử 33 Vị Tổ Thiền Tông Ấn Hoa

La-hán đến tham vấn với hòa thượng Ngưỡng Sơn. Trong sử ghi rõ có vị tăng người Ấn từ hư không đến. Ngưỡng Sơn hỏi:

- Vừa rồi ở đâu đến?

Tăng thưa:

- Ở Tây Thiên.

Sư hỏi:

- Rời Tây Thiên lúc nào?

Tăng thưa:

- Sớm mai.

Sư bảo:

- Sao mà chậm lắm vậy?

Tăng thưa:

- Vì còn dạo núi xem nước.

Sư bảo:

- Thần thông du hý thì chẳng không, Phật pháp của Xà-lê cần trao lại cho Lão tăng mới được.

Tăng thưa:

- Định sang Đông độ lễ Văn-thù, lại gặp Tiểu Thích-ca.

Bèn đem sách chữ Phạn bằng lá bối trao cho Sư, làm lễ rồi nương hư không mà đi.

Nhạc đế quy y với thiền sư Tư Đại. Thiền sư Tư Đại thường ngồi thiền trên núi Nam Nhạc, tức là ngọn núi ở phía nam. Ngài là Huệ Tư, còn gọi là Tư Đại. Một hôm ngài đang ngồi thiền, có một đoàn người đi ngang, dẫn đầu là một người rất oai vệ, ăn mặc như một

vị quan lớn. Khi đi ngang ngài, họ tính la to cho ngài sợ, ngài sẽ đứng dậy tránh đi, nhưng ngài vẫn ngồi thiền tự nhiên. Nhạc đế là vị đi đầu, tới bên ngài quỳ xuống thưa:

- Bạch Hòa thượng, nay con muốn quy y với Phật.

Ngài Tư Đại mới xả thiền làm lễ quy y. Buổi lễ xong, Nhạc đế thưa:

- Bạch Hòa thượng, con muốn tặng Ngài một vật để làm kỷ niệm, vì con là Nhạc đế, là thần lớn nhất ở núi này.

Vị thần năn nỉ mãi, ngài Huệ Tư không chấp nhận. Sau cùng thần nói:

- Ở xóm dưới chân núi có nhiều người chưa biết đạo, để con ám trợ họ lên quy y với Hòa thượng, ngài có bằng lòng không?

Ngài Huệ Tư bảo:

- Không được.

- Tại sao?

- Vì quy y là tự người thức tỉnh phát tâm, nếu do sức ám trợ là không đúng pháp Phật.

Thần hỏi:

- Vậy có cái gì để con đền ơn Ngài?

Ngài bảo:

- Ở trước chùa ta cây cối xơ xác, cạnh núi bên kia tùng bá sum suê. Nếu được, ông dời những cây bên đó qua giùm ta.

Nhạc đế nhận lời và dặn:

- Tối nay nếu nghe tiếng sấm sét, Hòa thượng bảo người trong chùa đừng kinh sợ, con sẽ dời cây cối.

Đúng tối hôm đó sấm sét ầm ầm nổ vang, sáng ra cây cối xơ rơ biến mất, chỉ có tùng bá sum suê. Đó là câu chuyện *Nhạc Đế quy y với thiền sư Tư Đại*.

Kính Sơn đến nay vẫn được Long vương thỉnh cúng. Có nhiều vị trụ trì ở Kính Sơn, nhưng đây là chỉ thiền sư Vô Chuẩn, tức là ngài Sư Phạm đời Tống được vua ban hiệu Phật Giám. Ngài trụ trì ở Kính Sơn, thường được long cung mời cúng dường.

Tuyết Phong ngày xưa hay sai người gỗ phá non. Tuyết Phong Nghĩa Tồn nói: Có những lúc tự có những người bằng gỗ lên núi phá rừng để xây cất chùa.

Đây là những nguyên do để nghiệm biết, chớ tự khinh mà lui sụt. Những sự tích được dẫn chứng cốt làm cho chúng ta sáng tỏ rằng những người có địa vị ở thế gian như những nhà Nho làm quan, hoặc những vị tu tiên, những vị thần đều hướng về Phật pháp, hướng về thiền, huống là những người thường. Như vậy chúng ta thấy giá trị của người tu thiền hết sức cao quý chứ không phải tầm thường.

Chồn hoang còn nghe Bá Trượng nói pháp. Loài ốc sò vẫn biết hộ kinh Kim Cang. Mười ngàn con cá nghe danh hiệu Phật được hóa làm con trời. Năm trăm con dơi nghe tiếng pháp thảy được làm hiền thánh. Mãng xà nghe sám hối được sanh thiên. Rồng nghe kinh mà ngộ đạo.

Chúng là loài vật còn hay lãnh ngộ, huống là người sao chẳng hồi tâm. Đoạn này ngài Trần Thái Tông muốn nói loài thú còn có thể nghe kinh tu tiến được, huống nữa là người sao chẳng lo tu.

Chồn hoang còn nghe Bá Trượng nói pháp[3]. Một hôm tổ Bá Trượng thuyết pháp dạy chúng. Sau thời pháp tất cả mọi người đều lui, chỉ còn một ông già ngồi mãi không đi. Tổ Bá Trượng thấy mới hỏi:

- Ông người ở đâu, vì sao mãn giờ mà không về?

Ông già thưa:

- Con không phải là người.

Tổ hỏi:

- Vậy ông là gì?

Thưa rằng:

- Con là chồn ở sau núi này. Khi xưa, một thời con đã làm Tỳ-kheo tăng, nhân có người học đạo đến hỏi: Bậc đại tu hành có rơi vào nhân quả không? Con đáp: Không rơi vào nhân quả. Vì trả lời sai lầm, con phải đọa làm thân chồn năm trăm kiếp. Giờ đây con đến nghe pháp, cầu xin Hòa thượng nói cho con một chuyển ngữ để con thoát kiếp chồn.

Tổ Bá Trượng bảo:

- Ông hỏi lại ta đi.

---

[3] Thiền Sư Trung Hoa - tập 1

Ông già đứng lên hỏi Tổ:

- Người đại tu hành có rơi vào nhân quả không?

Tổ đáp:

- Không lầm nhân quả.

Ngay đó ông tỉnh ngộ và thưa với Tổ:

- Ngày mai Hòa thượng đến phía sau núi, bên mé hang có xác con chồn, xin Hòa thượng cho làm lễ táng như một Tỳ-kheo tăng để giúp con.

Hôm sau tổ Bá Trượng dẫn chúng tăng ra sau núi chỗ mé hang, gặp xác con chồn vừa chết, bèn làm lễ thiêu như một Tỳ-kheo.

Câu chuyện này quan trọng nơi câu trả lời. Người học Phật pháp nông cạn, nghe chư tổ nói hoặc đọc trong kinh rồi hiểu lầm, khi có người đến hỏi đạo, mình nói sai nên phải đọa. Thế nên tu mà không hiểu thâm sâu lý đạo, rồi nói sai, đó là một họa lớn. Như nói: *Người đại tu hành*, tức là người tu hành đã ngộ đạo, *còn rơi vào nhân quả không?* Đa số nghĩ mình tu hành ngộ đạo rồi, đâu còn rơi vào nhân quả nữa, cho nên trả lời: *Không rơi vào nhân quả*. Một câu nói sai lầm phải đọa làm thân chồn năm trăm kiếp. Tại sao? Bởi vì trong giáo lý đạo Phật, nhân quả là nền tảng của pháp hữu vi, tức là của phần tu cơ bản còn trong đối đãi. Vậy trong đối đãi nhân quả là chân lý, cho nên đức Phật luôn luôn dạy mọi người phải hiểu thấu ý nghĩa nhân quả để ứng dụng trong đời tu và trong cuộc sống,

thế mới tiến bộ và mới là chánh tín. Nếu nói người đại tu hành không rơi vào nhân quả, đó là phủ nhận lý nhân quả, nên thành tội phải đọa làm chồn năm trăm kiếp. Đến khi ông già hỏi lại câu đó, Tổ trả lời: *Không lầm nhân quả*. Không lầm là thấy rõ, biết rõ nhân quả, thế là thoát khỏi kiếp chồn. Đối với nhân quả Phật dạy, người ngộ đạo thấy càng rõ, chứ đâu thể nói không rơi không mắc. Vậy một câu nói đúng chân lý cứu người thoát khỏi kiếp trầm luân, còn câu nói sai làm cho mình phải đọa.

Loài ốc sò vẫn biết hộ kinh Kim Cang. Tục truyền, thuở xưa có một người đi biển là một Phật tử chân thành, nên đem kinh Kim Cang theo đọc tụng dưới thuyền. Thuyền chìm, ai nấy bị trôi giạt, bộ kinh cũng bị trôi. Nhưng sau này có người chài lưới vớt được quyển kinh, thì thấy sò ốc bu quanh che kín nên quyển kinh không bị hư hoại. Như vậy loài ngu như sò ốc còn biết quý trọng và bảo vệ kinh.

Mười ngàn con cá nghe danh hiệu Phật được hóa làm con trời. Theo điển tích, mười ngàn con cá do nghe danh hiệu Phật mà được sanh lên cõi trời.

Năm trăm con dơi nghe tiếng pháp thảy được làm hiền thánh. Trong Tây Vức Ký, quyển hai có chép: Bờ biển nam có một cây khô có cái bộng lớn, trong bộng có năm trăm con dơi ở ẩn. Một nhóm thương lữ dừng dưới gốc cây, gặp lúc gió lạnh, nhóm lửa để hơ. Lúc đó có một khách buôn đọc tụng tạng A-tỳ-đạt-ma, dơi mê nghe kinh

nên khi lửa cháy táp tới vẫn cố chịu đựng, không bay đi nên phải bị chết thiêu, sau hóa kiếp làm người, được xuất gia học đạo, đồng chứng thánh quả. Nên nói dơi được làm hiền thánh.

Mãng xà nghe sám hối được sanh thiên. Mãng xà là con rắn lớn. Chuyện xưa nói vua Lương Võ Đế có một bà phi, ông rất thương quý, nhưng bà có nhiều tật xấu ác đố kỵ, nên khi chết hóa thành con rắn lớn về báo mộng cho nhà vua. Nghe như thế, nhà vua mời các cao tăng đến, xin các ngài soạn ra bài sám hối gọi là Lương Hoàng Sám, và đọc cho bà phi nghe. Nhờ nghe sám hối, mãng xà hết tội, được sanh lên cõi trời.

Rồng nghe kinh mà ngộ đạo. Trong kinh Pháp Hoa nói: Bồ-tát Văn-thù xuống long cung thuyết pháp, có Long nữ tám tuổi nhân nghe pháp mà ngộ đạo. Khi đức Phật nói kinh Pháp Hoa, Long nữ hiện thần thông cho mọi người thấy. Rồng là loài vật nghe kinh còn ngộ đạo thay!

Chúng là loài vật còn hay lãnh ngộ, huống là người sao chẳng hồi tâm. Đây là câu ngài Trần Thái Tông nhắc nhở chúng ta phải cố gắng tu học, tất cả loài chim chồn, sò ốc hay rắn rồng còn biết quý kinh, tu hành đạt đạo, huống nữa chúng ta là người mà không tu được hay sao? Thế mà có nhiều người nghĩ mình nghiệp nặng nên có mặc cảm tự ti, tự khi mình không thể tu nổi. Thật ra trong tất cả chúng sanh, loài người là trên hết, các chúng sanh kia còn có thể nghe kinh

ngộ đạo, loài người nghe kinh há không ngộ đạo được sao?

Hoặc có người vùi đầu trong ăn uống, qua mất một đời. Hoặc có người trên đường tu hành lầm lẫn, mà không thức tỉnh. Đâu biết tánh giác Bồ-đề mỗi mỗi viên thành, nào hay căn lành Bát-nhã người người đầy đủ. Chớ luận đại ẩn tiểu ẩn, thôi phân tại gia xuất gia. Chẳng cuộc người tăng kẻ tục, chỉ cốt nhận được bản tâm. Vốn không có nam nữ, đâu cần chấp tướng. Người chưa rõ dối chia tam giáo, liễu được rồi đồng ngộ nhất tâm. Nếu hay phản chiếu hồi quang, đều được kiến tánh thành Phật.

Đầu tiên ngài quở *hoặc có người vùi đầu trong ăn uống, qua mất một đời.* Nay đòi ăn món này, mai đòi món khác, nhưng phải làm mới có ăn, nên lo làm lo ăn mãi, hết tháng hết năm, đến tuổi già chết không biết đi về đâu. Suốt đời chỉ lo ăn uống, không làm được điều gì cao thượng hơn. Thí dụ như người đạp xích lô suốt buổi sáng mệt nhoài, tới trưa chiều kiếm được số tiền về nhậu một bữa cho ngon, sáng lại đi đạp xích lô nữa, cứ như thế qua hết một đời!

Hoặc có người trên đường tu hành lầm lẫn, mà không thức tỉnh. Có nhiều người hình thức người tu, xem như xuất gia học đạo, mà đi lầm đường lạc lối, không cố gắng tu hành để được giác ngộ, lại làm những điều mê tín dị đoan gây cho bao nhiêu người khác lầm theo, đó là đi đường mê mà không thức tỉnh.

Đâu biết tánh giác Bồ-đề mỗi mỗi viên thành, nào hay căn lành Bát-nhã người người đầy đủ. Tánh giác Bồ-đề ai ai cũng tròn sẵn, không có người nào thiếu. Căn lành Bát-nhã người người đều có đủ, không phải người có người không. Vậy mỗi người chúng ta ai cũng sẵn tánh giác, ai cũng đầy đủ trí Bát-nhã, đâu có ai thua ai, tại sao nói người tu được, mình tu không được, người giác mình mê? Điều này chúng ta phải nghĩ xét lại, đừng mặc cảm người là bậc thượng còn chúng ta là bậc hạ, chẳng qua là tỉnh sớm thì giác sớm, tỉnh muộn thì giác muộn mà thôi. Không ai trọn quyền hưởng tánh giác, cũng không ai vô phần. Hiểu rõ như vậy chúng ta đừng mặc cảm người có tánh giác mà ta không.

Chớ luận đại ẩn tiểu ẩn, thôi phân tại gia xuất gia. Theo bên Nho, đại ẩn là những người trí sĩ tại thành thị mà không ham danh lợi, ở yên tu hành. Tiểu ẩn là những người cũng trí sĩ nhưng ẩn nơi rừng hoang núi vắng, yên giữ ý chí của mình. Về mặt Nho giáo, đại ẩn hay tiểu ẩn đều có thể tu. Về mặt Phật giáo, xuất gia hay tại gia cũng đều tu được. Không phải dành riêng phần tu cho người xuất gia, còn cư sĩ là vô phần, hiểu như vậy là lầm. Tất cả chúng ta đều có tánh giác như nhau, ai cũng có quyền tu, cũng có quyền ngộ, chúng ta chớ có nghi ngờ. Đa số Phật tử hiện nay hay nghĩ: "muốn tu được giải thoát, được giác ngộ là phải xuất gia, còn tại gia không thể nào tu nổi", nghĩ như vậy là sai. Thật ra nếu xuất gia mà tâm phiền não không sạch, niệm thế gian chưa hết thì làm sao giải thoát, làm sao giác ngộ. Nếu là hình thức tại gia mà dứt hết

phiền não, buông sạch những niệm thế tục tham sân si thì cũng được giải thoát giác ngộ vậy. Hình thức chỉ là phần phụ, cốt yếu là dứt phiền não, sạch tham sân si, là chúng ta được giải thoát không nghi.

Chẳng cuộc người tăng kẻ tục, chỉ cốt nhận được bản tâm. Không hạn cuộc đây là tăng kia là tục, chỉ cốt tu và nhận được nơi mình bản tâm thanh tịnh chưa từng sanh diệt. Nhận được bản tâm rồi, tăng tục đều tu được đến chỗ an ổn giải thoát. Trái lại nếu không nhận được, dù tăng hay tục cũng trầm luân đau khổ.

Vốn không có nam nữ, đâu cần chấp tướng. Nhìn theo mắt phàm tục thì có kẻ nam người nữ rõ ràng, nhưng bản tánh thanh tịnh chẳng sanh chẳng diệt, không có nam, không có nữ. Nam nữ là giả tướng do nghiệp tạo thành. Thế nên trong kinh Pháp Hoa có đoạn ngài Văn-thù đưa Long nữ đến gặp Phật. Ngài Xá-lợi-phất nghi hỏi:

- Người nữ có năm chướng, tu không được thành Phật, vậy Long nữ là người nữ, lại là loài rồng, làm sao thành Phật?

Khi ấy Long nữ đem hạt châu dâng lên Phật, Phật liền nhận lấy. Long nữ hỏi:

- Tôi dâng hạt châu Phật nhận, việc đó chậm hay mau?

Ngài đáp:

- Rất mau.

Long nữ nói:

- Tôi thành Phật cũng mau như vậy.

Ngay đó Long nữ biến thành nam tử, đủ hạnh Bồ-tát liền thành Phật.

Như vậy Phật là chỉ cho tánh giác, tánh giác không có nam nữ, nam nữ chỉ là giả tướng thôi. Nếu chúng ta chấp tướng rồi sanh niệm phân biệt khen chê khinh trọng, là vì chúng ta không hiểu rõ. Thế nên đừng nói người nam tu được, còn người nữ nguyện tu cho đời sau chuyển nữ thành nam rồi tu tiếp. Còn chấp tướng là chưa nhận được tánh giác của mình. Nam nữ đều có quyền tu, có quyền giác ngộ. Thời đức Phật tại thế, tăng chứng A-la-hán, ni cũng chứng A-la-hán. Chuyện xưa kể khi nghe Phật sắp Niết-bàn, năm trăm vị Tỳ-kheo-ni xin Phật được Niết-bàn trước vì không thể nhìn đức Phật nhập Niết-bàn. Vị lãnh đạo ni chúng khi đó là bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề, tức là Kiều-đàm Di Mẫu. Phật cho phép, năm trăm vị về ngồi kiết-già nhập Niết-bàn. Nếu các vị không chứng A-la-hán thì làm sao sanh tử tự tại như vậy! Thế là tăng chứng A-la-hán, ni cũng chứng được. Trong nhà thiền, tăng ngộ đạo, ni cũng ngộ được. Ở Trung Hoa có các thiền sư ni như bà Thiết Ma, bà Liễu Nhiên và cô cư sĩ Linh Chiếu... Ở Việt Nam có ni sư Diệu Nhân v.v... Vì ai cũng có tánh giác nên tăng ni ai cũng có quyền ngộ đạo, nếu hẹn đến đời sau làm thân nam mới tu e muộn quá. Vậy chúng ta nguyện tu giác ngộ ngay đời này không chờ đến kiếp sau.

Người chưa rõ dối chia tam giáo, liễu được rồi đồng ngộ nhất tâm. Phần trên, ngài Trần Thái Tông phá chấp tăng tục, nam nữ, đến đây ngài phá chấp

tam giáo Phật Khổng Lão. Dù người tu theo giáo nào cũng đều có tánh giác, nếu hướng về tánh giác tu được nhất tâm là đạt đạo. Đừng phân chia đạo này đạo khác rồi chống đối lẫn nhau, gây ra bao nhiêu phiền não. Nếu biết tu thì đều giác ngộ.

Nếu hay phản chiếu hồi quang, đều được kiến tánh thành Phật. Phản chiếu hồi quang là bốn chữ rất hệ trọng đối với người tu thiền. *Hồi quang* là xoay ánh sáng trở về, *phản chiếu* là quay lại chiếu soi nơi mình. Trong kinh Phật cũng như trong sử các thiền sư có dạy, sở dĩ chúng ta muôn kiếp mê lầm là vì buông sáu căn rong ruổi theo sáu trần, đó gọi là phóng ra. Hiện giờ kiểm lại có ai không phóng ra chăng? Mắt thấy sắc khen đẹp chê xấu, tai nghe tiếng phân biệt dở hay, dù ai nói lén nói thầm cũng ráng lắng nghe cho kỹ, không chịu bỏ qua. Còn mũi ngửi mùi lạ liền tìm hiểu cho ra mùi gì v.v... Vì thế cả ngày sáu căn rong ruổi theo sáu trần, đó gọi là buông cho chúng chạy ra. Trái lại, nếu chúng ta xoay sáu căn trở về, tức là xoay cái chiếu trở về soi lại thân và tâm mình để tìm ra cái chân thật, đó gọi là hồi quang phản chiếu. Biết thật rõ, hiểu thật kỹ con người mình là cái gì, thân này là mình chăng, tâm suy nghĩ vọng tưởng là mình chăng, rồi tự mình giác ngộ.

Thế nên chúng tôi thường nhắc nhở tăng ni, người biết phản chiếu hồi quang đâu có rảnh nói chuyện thiên hạ, lúc nào cũng lo nhìn lại mình, nhìn những vọng tưởng của mình. Ai nói gì làm gì, đâu có phân biệt để khen chê. Người hay khen chê, hay nói chuyện

thiên hạ, chắc rằng người đó không có phản chiếu hồi quang, vì người tu nhiều thì đâu có rảnh. Như thiền sư Lại Toản, *lại* là lười biếng, tức là thiền sư Toản lười biếng. Ngài vào rừng núi cất am để tu, mỗi ngày chỉ bươi củ nần hoặc củ khoai mài đem về nướng hoặc luộc ăn. Vua Đường nghe hạnh của ngài, biết là người quyết chí tu nên sai sứ đến thỉnh ngài về triều. Sứ đến, đang nằm trên giường ngài ngồi dậy, không nói gì đến sứ, lại bên đống lửa bươi kiếm củ khoai mài lột ăn, khoai đang nóng nên nước mũi chảy ròng ròng. Sứ giả thưa:

- Thỉnh Sư vì con chùi mũi.

Ngài nói:

- Ta đâu có rảnh vì ông mà chùi mũi.

Thế thì ngài không nhớ để ăn, không rảnh để lau mũi, vậy ngài đang làm gì, vì sao gọi ngài là lười biếng? Nằm cả ngày lo phản chiếu hồi quang, có rảnh đâu để nhớ chuyện đói, chuyện ăn. Đến khi bị gọi dậy giật mình, nghe đói bụng ngài kiếm khoai ăn, sứ thì mặc sứ. Còn chúng ta nghe sứ nhà vua đến thì khúm núm đứng dậy chào hỏi. Như vậy chúng ta thấy người dồn hết tâm lực để phản chiếu hồi quang không rảnh nhớ chuyện bên ngoài.

Chúng ta tu là phải quan sát lại xem tâm niệm mình trong sạch hay không, cái gì chân, cái gì ngụy, luôn luôn thấy rõ mình mà không màng chuyện bên ngoài. Người nào thường phản chiếu hồi quang như vậy sẽ kiến tánh thành Phật không nghi. Tóm lại, ngài Trần Thái Tông muốn nói rằng tất cả mọi người ai cũng có thể tu được,

nhưng phải luôn luôn phản chiếu hồi quang thì sẽ thấy tánh thành Phật.

Huống là thân người khó được, Phật pháp khó nghe. Nếu muốn vượt khỏi vòng quanh lục đạo, chỉ có con đường tắt nhất thừa. Cần tìm chánh kiến, chớ tin tà sư. Ngộ rồi mới là vào cửa, hành được mới hay thoát tục. Bước bước đạp đến đất thật, đầu đầu đều đội hư không. Khi dùng thì muôn cảnh toàn bày, buông đi thì mảy bụi chẳng lập. Vượt đến chỗ không còn tương quan sanh tử, cơ liễu ngộ quỷ thần nhìn chẳng ra.

Đây là ngài nói đến chỗ cao siêu của đạo.

Huống là thân người khó được, Phật pháp khó nghe. Nếu muốn vượt khỏi vòng quanh lục đạo, chỉ có con đường tắt nhất thừa. Thân người khó được, mà chúng ta ngày nay đã được thân người, đó là điều hết sức quý. Phật pháp khó nghe, mà nay chúng ta được nghe pháp Phật, đó là điều quý thứ hai. Vậy chúng ta phải làm gì? Nếu muốn ra khỏi vòng quanh của lục đạo luân hồi, chỉ có con đường tắt nhất thừa. Trong kinh Pháp Hoa dạy nhất thừa tức là Phật thừa. Nhất thừa là chỉ tri kiến Phật, mỗi chúng sanh sẵn có, vậy ai cũng có tri kiến Phật, hay nói theo nhà thiền là có tánh giác, hay là bản lai diện mục, nếu xoay lại liền thấy liền được, nên gọi là con đường tắt. Không phải tu để đời này có phước sanh lên cõi trời, rồi tu nữa cho đến trăm ngàn muôn kiếp sau mới thành Phật, đó là con đường quanh. Vậy phải trở lại tìm cho ra tánh giác hay tri kiến Phật của mình, đó là con đường tắt nhất.

Cần tìm chánh kiến, chớ tin tà sư. Ngài khuyên người Phật tử cũng như tăng ni, khi tu cần phải tìm những bậc thầy có chánh kiến, chớ tin những thầy tà. Thầy chánh kiến có hai: chánh kiến đối với Phật pháp và chánh kiến đối với Thiền tông.

Có chánh kiến đối với Phật pháp tức là người thâm hiểu Phật pháp đúng như thật, không dạy thiên lệch một bên. Thí dụ như không dạy chúng ta chấp về hình thức sự tướng, cũng không dạy chấp về lý tánh, không nghiêng bên nào gọi là chánh kiến. Đạo Phật là đạo dạy chúng ta đi đúng trung đạo, nghĩa là không mắc kẹt bên này bên kia. Nếu kẹt một bên là thiên kiến, không phải chánh kiến.

Còn chánh kiến nhà thiền là chỉ những người đã giải ngộ hoặc đại ngộ, thấy được nơi mình có tánh Phật, hoặc nhận được bản lai diện mục của mình không còn nghi ngờ.

Được những bậc ngộ đạo chỉ dạy, mình mới tiến đến giác ngộ, đó là chánh kiến. Tà sư là những người dạy lệch, không đúng chánh pháp, như trong kinh Phật dạy thế này, người ở chùa lại dạy thế khác. Thí dụ trong chánh pháp, những bộ kinh dạy người sơ cơ như kinh Tứ Thập Nhị Chương, kinh Di Giáo, Phật cấm tăng không được coi tướng bói số v.v... Nhưng hiện nay khi có Phật tử vào chùa, thầy lại xem tướng bói số cho, đó là tà, trái lời Phật dạy. Thế nên chúng ta tu phải biết chọn lựa, nếu không rất dễ lạc đường tà, lạc đường rồi chúng ta nói tu mà rốt cuộc lại đi trong chỗ mờ mịt tối tăm.

Ngộ rồi mới là vào cửa, hành được mới hay thoát tục. Đây nói cao siêu hơn. Người tu thiền ngộ đạo rồi gọi là vào cửa. Như Lục Tổ nhân nghe một câu trong kinh Kim Cang, liền ngộ đạo. Ngộ rồi ngài đến chỗ Ngũ Tổ trình kệ, Tổ cho vào cửa. Từ đó về sau ngài cố gắng tu hành và ngộ một lần nữa mới là người thoát tục. Vì thế nếu có duyên tốt, chúng ta ngộ được tâm thể trong sáng hằng hữu nơi mình là được vào cửa của người tu thiền. Nhưng phải *hành được mới hay thoát tục*, tức là từ đó về sau chúng ta không còn bị những tướng giả dối bên ngoài chi phối, lại hằng sống với cái chân thật, đó là hành được, ngay đó là thoát tục. Hành được như thế thì:

Bước bước đạp đến đất thật, đầu đầu đều đội hư không. Người sống được với thể chân thật thì mỗi bước đi không rời bản tâm thanh tịnh, đến nơi nào đầu không bao giờ rời hư không, nghĩa là chân và đầu không rời thể chân thật. Nói cách khác, đến đâu lúc nào cũng không rời thể thật, mới gọi là thoát tục. Người được như vậy thì có diệu dụng:

Khi dùng thì muôn cảnh toàn bày, buông đi thì mảy bụi chẳng lập. Nghĩa là khi ứng dụng thì muôn cảnh toàn bày, bỏ đi thì không dính một mảy bụi. Khi xưa các ngài ngộ đạo rồi, sống được với thể chân thật thì trí tuệ rất nhạy bén, cần dùng phương tiện gì để tiếp độ chúng sanh, các ngài dùng không thiếu, nên nói khi dùng thì muôn cảnh toàn bày, khi không cần thì buông đi, không dính một mảy bụi, trong lòng

hoàn toàn thanh tịnh. Đó là diệu dụng của người đã sống được với đạo.

Vượt đến chỗ không còn tương quan sanh tử, cơ liễu ngộ quỷ thần nhìn chẳng ra. Người ngộ đạo như vậy mới vươn lên, vượt ra đến chỗ không còn vướng mắc sanh tử. Thật ra sanh tử là một lẽ đương nhiên, như chúng ta có thân chắc chắn phải có tử. Nếu ngộ đạo rồi không còn tương quan sanh tử, nghĩa là sao? Vì người ngộ đạo thấy rõ sanh tử do đâu mà có, nên nhân tạo sanh tử không còn chi phối được nữa, đó gọi là không tương quan sanh tử. Không phải ngộ đạo rồi thành tiên sống hoài như thế gian tưởng. Tuy có tử nhưng không bị nhân lôi kéo phải sanh trở lại, nên ngang đó làm chủ được sanh tử. Sống như vậy thì quỷ thần cũng không thấy được tâm. Cho nên nói *cơ liễu ngộ quỷ thần nhìn chẳng ra.* Tại sao? Quỷ thần thấy tâm mình là khi chúng ta có vọng tưởng. Tôi nói để quý vị kinh nghiệm, khi đi tới nơi nào gọi là linh thiêng, quý vị tưởng cái gì thì nó biết, còn hết tưởng thì nó không biết.

Thí dụ như chuyện cầu cơ, chúng ta khởi nghĩ cầu một người mất trở về, tưởng đến người nào thì quỷ thần thấy tâm mình nên nó gạt. Thật ra người mất đã đi thọ sanh nơi khác rồi, đâu còn lẩn quẩn ở đây để chúng ta cầu về. Như vậy quỷ thần thấy được tâm là khi chúng ta khởi tưởng, vọng tưởng là mầm dẫn chúng ta đi trong sanh tử đời sau. Trong kinh thường dạy khi gần nhắm mắt chúng ta phải nhiếp tâm niệm Phật, hoặc nhất tâm hướng về kinh điển, hoặc làm chủ được mình như tu Thiền, không khởi niệm. Thế là thoát được sanh tử hay

là tự do đi trong sanh tử. Niệm là nhân đưa mình đến sanh tử, vậy niệm là tướng quỷ thần nhìn thấy được.

Là phàm là thánh đồng vào đường này, hoặc oán hoặc thân cùng chung một lỗ mũi. Thật ngộ như thế, còn kẹt giữa đường. Thôi nói tam huyền hướng thượng, cốt rõ một câu rốt sau. Hãy nói hiện nay cái gì là "một câu rốt sau"?

Non xanh chốn ấy nhìn trời rộng,
Sen đỏ nở rồi nghe mùi thơm.

Đến đây ngài Trần Thái Tông nhắc lại chúng ta, người ngộ rồi luôn luôn sống với đạo, tâm không bị ngoại cảnh chi phối, đối với người ấy là phàm là thánh cũng đồng một đường, đường này không phải đường tử mà là đường không sanh tử. Nghĩa là thánh cũng tâm thể đó, phàm cũng tâm thể đó. Nhận ra tâm thể gọi là thánh, chưa nhận ra gọi là phàm. Thánh hay phàm đều có tâm thể, cho nên đồng một đường.

Hoặc oán hoặc thân cùng chung một lỗ mũi. Mỗi người có lỗ mũi riêng, tại sao nói: oán thân cùng một lỗ mũi? Vì nhà thiền thường dùng lỗ mũi để biểu trưng cho cái chân thật hiện hữu tối quan trọng của con người, ở ngay trước mắt mà không thấy. Chúng ta thấy mặt, thấy mũi của người khác mà không thấy rõ mặt mũi mình, nhìn kỹ chỉ thấy một chút ở đầu mũi thôi, nếu nhìn vào gương thì thấy bóng chứ đâu thấy lỗ mũi thật. Thế nên mũi ở trên mặt mà chúng ta không thấy, nó luôn luôn hiện hữu nhưng dường như ít khi thấy nó. Đối với thân này, mũi là mạch sống tối thượng, miệng ngừng ăn ngừng uống

được đôi ngày, nhưng mũi ngừng thở được bao lâu? Ngừng thở là tắt thở chết ngay. Cũng như vậy, tâm thể là cái chân thật hiện hữu, là thể tối thượng của con người, song chúng ta chưa bao giờ thấy biết. Đừng nghĩ rằng cái không thấy không biết là không có, nó luôn luôn hiện hữu, nhưng vì chúng ta không chịu hồi quang phản chiếu thì làm sao thấy được! Thế nên người tu muốn thấy cái chân thật của mình, tất phải hồi quang phản chiếu. Cái chân thật được tượng trưng như lỗ mũi, phải chịu khó nhìn xuống mới thấy, nếu ngó ra ngoài chẳng thấy nó đâu. Chúng ta phải hiểu cho thật kỹ những lời nhắc nhở này, bất cứ hạng người nào, dù kẻ thân hay người oán cũng đều có lỗ mũi, cũng đều có mạng sống chân thật như nhau, không phải người này có người kia không. Cho nên nói *cùng chung một lỗ mũi*, tức là ai cũng có mạng sống như nhau, mạng sống đó là tâm thể thanh tịnh hay tánh giác của mình.

Thật ngộ như thế, còn kẹt giữa đường. Ngộ đúng như vậy vẫn còn kẹt giữa đường, vì sao? Vì người ngộ đạo giống như người đứng xa nhìn thấy một ngọn núi, thấy thật rõ, biết ngọn núi cao thấp, có những tảng đá lớn nhỏ v.v... Thấy ngọn núi nhưng chưa phải là người đến núi. Người ngộ chưa phải là người đến nơi, nên nói còn kẹt giữa đường, thấy được mà chưa đến được. Ngài Trần Thái Tông nói những câu không phải con người thường nói được!

Thôi nói tam huyền hướng thượng, cốt rõ một câu rốt sau. Tam huyền tam yếu là cơ xảo của tông Lâm Tế, những điều này rất cao siêu. Giờ đây *cốt rõ một câu rốt sau*.

Hãy nói hiện nay cái gì là một câu rốt sau? Ngài liền làm hai câu thơ rất tài tình:

Thanh sơn đê xứ kiến thiên hoạt,
Hồng ngẫu khai thời văn thủy hương.

Dịch:

Non xanh chốn ấy nhìn trời rộng,
Sen đỏ nở rồi nghe mùi thơm.

Nếu người đứng dưới giếng nhìn lên, trời chỉ lớn bằng miệng giếng, đứng trên đất bằng nhìn, trời rộng hơn, nhưng khi lên đến ngọn núi, tức là vượt hết mọi ngăn che thì chúng ta nhìn trời càng rộng hơn nữa, nên nói *Non xanh chốn ấy nhìn trời rộng.*

Sen đỏ nở rồi nghe mùi thơm. Khi hoa sen chưa nở, tuy nhìn thấy hoa, nhưng chưa có mùi thơm. Khi hoa nở tròn đầy, hương mới cùng khắp.

Cũng như vậy, câu rốt sau là câu vượt lên trên tất cả những chướng ngại, như ngọn núi xanh cao ngất. Khi ấy chúng ta mới thấy tâm thể thênh thang rộng lớn. Nếu mới ngộ thôi thì chưa thưởng thức được cái cao siêu quý báu của nó, giống như hoa sen từ dưới bùn trồi lên khỏi mặt nước, có hình dáng nụ hoa, nhưng chưa có mùi thơm. Phải đợi hoa nở mới có mùi hương thơm ngát. Người tu cũng vậy, dù có tỉnh ngộ vượt ra khỏi vòng tầm thường, tưởng như mình đã tỉnh giác, nhưng còn phải tu hành một thời gian cho công phu viên mãn mới được quả xuất thế. Đừng nghĩ mình ngộ là được quả ngay, đó là không đúng. Vậy câu rốt sau có nghĩa là đạt đến chỗ cứu cánh viên mãn.

Nếu mới ngộ đạo là còn kẹt giữa đường, chỉ nên mừng phân nửa thôi; bao giờ đi đến tận nơi cuối cùng, mới mừng trọn vẹn. Hiểu như vậy mới khỏi lầm lẫn. Nhưng hiện nay có một số người hiểu lầm, khi có tỉnh ngộ thì nói hay quá, cái thấy của mình so lại với kinh điển đều trúng hết không sai chút nào, tưởng như mình là thánh cứ lo nói hoài, rốt cuộc thành thánh nói chứ không phải thánh thật, đó là bệnh mà những người tu sau này hay mắc phải. Thế nên khi tu thấy đạo rồi, chúng ta cần phải hành cho đến chỗ cứu cánh viên mãn.

Qua bài Rộng Khuyên Phát Tâm Bồ-đề, chúng ta thấy ngài Trần Thái Tông quả là một ông vua kỳ đặc, đang ngồi trên ngai vàng trị vì muôn dân mà tu được, ngộ được và cố gắng tu để giải thoát, thật quá hy hữu! Nhớ lại chúng ta là một thầy tu, một cô ni, có bận rộn chăng là chút việc làm vườn làm rẫy, có thấm vào đâu, chỉ lo chuyên tu thôi. Thế mà chúng ta tu không ra gì, nghĩ có hổ thẹn với nhà vua này không? Các cư sĩ Phật tử cũng vậy, nếu có bận rộn lo cho gia đình một vợ vài ba con, so với nhà vua lo cho muôn dân, người cư sĩ tại gia bận rộn bao nhiêu mà nói tu không được? Lỗi tại mình không quyết tu, nếu chúng ta quyết chí tu hành thì chắc chắn sẽ tu được.

Nói tóm lại, trong bài Rộng Khuyên Phát Tâm Bồ-đề, ngài Trần Thái Tông muốn khuyên mọi người phát tâm cầu giác ngộ, nên tuần tự giải bày hướng dẫn chúng ta:

1/ Trước tiên ngài so sánh vàng bạc của báu với thân mạng con người, chính thân người mới thật là quý.

Nhưng thế gian có nhiều người mê muội, quên thân để tìm vàng bạc. Thật ra vàng bạc chỉ là vật bên ngoài, chính thân này mới là gốc của sự sống, cho nên thân quý hơn vàng bạc.

2/ Kế đến, thân mạng tuy quý song so với đạo thì đạo còn quý hơn. Vì thân này có rồi phải hoại, đạo là bất hoại nên cao cả hơn. Như đức Phật Thích-ca khi xưa quên thân để cầu đạo. Bên Nho giáo có ngài Nhan Hồi, bên Lão giáo có ông Tử Cơ, cũng vì cầu đạo mà quên thân. Người xưa coi nhẹ thân mà quý trọng đạo.

3/ Sau đó ngài dẫn chứng làm sao biết đạo là quý. Như những người làm vua, làm quan, làm tướng vẫn đi hỏi đạo với các thiền sư. Như vậy nếu đạo không quý làm sao người đi cầu học.

4/ Cho đến các loài vật nghe đạo còn ngộ còn tu, huống nữa là con người không ham tu, không mộ đạo sao? Đây là ngài nhắc nhở đánh thức chúng ta, đã được làm người lại được học đạo, phải nỗ lực cố gắng tu hành, chớ để thiệt thòi.

5/ Cuối cùng ngài chỉ cho người tu muốn đạt được kết quả viên mãn, phải đi con đường tắt nhất, tức là phải hồi quang phản chiếu, chính mình là gốc để tìm ra đạo, không chạy ra bên ngoài. Biết hồi quang phản chiếu thì ai cũng có tánh giác như nhau, ai cũng có thể tu được, vì đạo là bình đẳng không có riêng tư. Nếu tu được, có ngộ chút ít cũng đừng tự mãn, vì đó mới là nửa đường, còn phải ráng đi cho đến chỗ cuối cùng. Như hoa sen từ dưới bùn ngoi lên khỏi bùn, trồi lên khỏi nước,

có nụ hoa và phải nở tròn tỏa mùi thơm ngát mới đầy đủ giá trị. Chúng ta cũng phải tu tiến như vậy cho đến chỗ cứu cánh viên mãn.

Tóm lại bài này nhắc nhở chúng ta, cả tăng và tục, ai cũng có thể tu được và ai cũng phải cố gắng hành được cho đến ngày đạo quả viên thành.

LUẬN VỀ THỌ GIỚI

Chánh văn:

Tịnh giới, tiếng Phạn gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa. Sở dĩ chư Phật ba đời được thành đạo không vượt ngoài giới. Nên nói: "Người có phá giới, được gọi là Tỳ-kheo, người không phá giới gọi là ngoại đạo." Đây là chỉ người có thọ giới cùng người không thọ giới vậy. Thọ giới rồi lại phá còn gọi Tỳ-kheo; huống là người thọ tất cả tịnh giới, lại kiên trì gìn giữ! Cho nên hiện tại Bồ-tát lấy đây (giới) mà độ sanh, vị lai người tu hành do đây (giới) mà giải thoát. Kinh nói: "Giới như đất bằng, muôn điều lành từ đó mà sanh. Giới như thuốc hay, chữa lành các bệnh. Giới như hòn ngọc sáng, hay phá mờ tối. Giới như chiếc thuyền, hay đưa người qua biển. Giới như chuỗi anh lạc, trang nghiêm pháp thân."

Người có tội phải sám hối, nếu không sám hối thì tội càng sâu. Một phen mất thân này, muôn kiếp chẳng được lại. Ngày nay tuy an, sáng mai khó bảo đảm.

Nên giữ giới pháp này, chóng qua sanh tử. Thờ Phật làm thầy, trước phải y theo giới luật. Cổ đức nói: "Qua sông phải dùng bè, đến bờ chẳng cần thuyền." Đây là cổ nhân dùng giới luật làm thuyền bè. Song người nay chẳng dùng thuyền bè qua sông, mà được đến bờ kia, thật ít thay!

Giảng:

Bài này tuy ngắn nhưng rất thiết yếu với cư sĩ tại gia và người xuất gia. Bởi vì người tu theo Phật trước tiên phải thọ giới. Tại gia thì thọ ngũ giới, xuất gia thì thọ thập giới hoặc nhiều nhất là hai trăm năm mươi giới của Tỳ-kheo tăng, hoặc là Bồ-tát giới. Vậy thọ giới là gì? Cần yếu trên đường tu thế nào? Đây ngài giải thích cho chúng ta nghe:

Tịnh giới, tiếng Phạn gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa. Đây là dịch âm. Ba-la-đề-mộc-xoa là chỉ cho giới luật. Giới luật là những điều răn cấm của đức Phật, từ người cư sĩ đến người xuất gia phải sống thế nào cho đúng, nên gọi đó là giới. Giới là răn cấm. Tại sao đức Phật lại răn cấm những điều đó? Là vì lòng từ bi, đức Phật răn cấm cho chúng ta thoát khỏi khổ. Tôi thí dụ như cha mẹ thương con nhỏ dại, sợ con trai hư nên không cho hút thuốc, uống rượu, cờ bạc, bỏ học v.v... Không cho tức là cấm. Vì thương, muốn cho con mai sau trở thành người tốt, người hay trong xã hội, nên cha mẹ cấm không cho làm những điều dở, điều xấu. Đức Phật nhìn chúng ta cũng như cha mẹ nhìn con thơ vậy. Nếu không cấm thì nó không sợ, không sợ thì nó khổ, nên Phật ra lệnh cấm. Người tại gia phải giữ năm điều, còn người xuất gia phải giữ mười điều,

hai trăm năm mươi điều chẳng hạn... Cấm tức là bắt buộc, mà bắt buộc để làm gì?

Nếu tại gia giữ được năm giới thì bảo đảm có được hai điều tốt là: nếu tại gia giữ tròn năm giới thì gia đình hạnh phúc, cuộc sống được an tịnh thanh nhàn; mai sau chết đi bảo đảm được trở lại làm người và được hạnh phúc. Như vậy vì muốn cho cuộc sống mình hạnh phúc trong hiện tại và cả mai sau, nên Phật bắt buộc chúng ta phải giữ giới.

Người xuất gia Phật bắt phải giữ mười giới, hai trăm năm mươi giới... để chi vậy? Vì người xuất gia không nghĩ, không muốn mình hạnh phúc như người thế gian, mà muốn được giải thoát ngay trong đời này và đời sau. Giải thoát ngay trong đời này tức là đời này sạch hết phiền não, giải thoát đời sau tức là đời sau thoát khỏi sanh tử, cho nên Phật bắt giữ giới nhiều hơn.

Tóm lại, vì thấy chúng ta còn mê muội, Phật muốn cho chúng ta an toàn trên con đường tu hành không trở ngại, nên bắt giữ những điều Phật thấy có hại gọi là giới. Giữ được những giới cấm thì cuộc đời mình an lành và mai kia cũng sẽ an lành. Do đó vì lòng từ bi, Phật bắt mình phải giữ giới.

Đây ngài dẫn: *Sở dĩ chư Phật ba đời được thành đạo không vượt ngoài giới.* Ba đời chư Phật được thành đạo đều phải do giới luật mà thành tựu kết quả giác ngộ viên mãn, chứ không phải ngẫu nhiên mà thành.

Nên nói: "Người có phá giới, được gọi là Tỳ-kheo, người không phá giới gọi là ngoại đạo." Câu này mới nghe quý vị hoảng hốt. Vì sao người có phá giới được gọi

là Tỳ-kheo, người không phá giới gọi là ngoại đạo? Câu sau ngài giải: *Đây là chỉ người có thọ giới cùng người không thọ giới vậy.* Người có thọ mới có phạm, có phạm mới gọi là phá giới. Người không thọ thì không phạm, không phạm thì không phá giới. Ngài kết luận:

Thọ giới rồi lại phá còn gọi Tỳ-kheo, huống là người thọ tất cả tịnh giới, lại kiên trì gìn giữ! Nghĩa là thọ giới rồi lỡ phạm còn gọi là Tỳ-kheo thay, huống là thọ giới rồi mà giữ được trong sạch hoàn toàn thì quý biết ngần nào!

Cho nên hiện tại Bồ-tát lấy đây (giới) mà độ sanh, vị lai người tu hành do đây (giới) mà giải thoát. Nghĩa là Bồ-tát trong thời hiện tại dùng giới pháp mà dạy, mà độ sanh, trong thời vị lai người tu hành cũng nhờ giới mà giải thoát. Như vậy lợi tha hay tự lợi đều phải dùng giới, chứ không cách nào khác. Thí dụ như chúng tôi giảng dạy cho Phật tử nghe, Phật tử hiểu đạo rồi phát tâm tu, thì chúng tôi phải dạy làm sao? Phải quy y Tam bảo và thọ năm giới. Như vậy dạy Phật tử thọ năm giới để tránh tội lỗi, để thoát khỏi những điều phiền não, mới được an lành, nên nói phải lấy giới để độ sanh. Chính chúng ta tu, muốn giải thoát cũng phải lấy giới làm căn bản.

Đây dẫn kinh. *Kinh nói: "Giới như đất bằng, muôn điều lành từ đó mà sanh. Giới như thuốc hay, chữa lành các bệnh. Giới như hòn ngọc sáng, hay phá mờ tối. Giới như chiếc thuyền, hay đưa người qua biển. Giới như chuỗi anh lạc, trang nghiêm pháp thân."* Như vậy phương tiện đưa chúng ta đến chỗ an lành,

đưa chúng ta thoát khỏi khổ đau đều gốc từ giới. Nghe như thế quý vị thấy có đúng không?

Ở đây tôi thí dụ như cư sĩ tại gia chỉ giữ năm giới là: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Nếu giữ trọn được năm giới, quý vị sẽ thấy bớt khổ nhiều. Vì không sát sanh thì không gây oán thù, không trộm cắp thì không bị người khinh bỉ và khỏi lo tù tội, không nói dối thì đâu có ai sợ mình lừa gạt và không mất uy tín với người khác, không tà dâm thì gia đình hạnh phúc, không uống rượu thì tránh khỏi chuyện say sưa...

Người giữ được năm giới là đã thoát khổ rất nhiều. Từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội, mình không khổ mà lại tăng thêm uy tín, còn nếu phạm thì mất hết uy tín với mọi người. Thí dụ như nếu phạm tội trộm cắp thì sợ bị bắt, sợ bị người đánh... Nếu phạm tội giết người lại càng sợ hơn, thấy ai cũng sợ, sợ người ta giết lại mình, sợ bị tù tội... Như vậy tất cả hành động đó làm cho mình bối rối lo sợ, mất cả uy tín của con người. Người tự cho mình là quân tử, là đứng đắn thì không bao giờ đi ăn trộm hay giết người, vì làm như vậy là giảm giá trị con người của mình, đồng thời bao nhiêu thứ khổ khác sẽ đến nữa. Vì vậy nên nói giới làm cho mình lành hết tất cả gốc bệnh khổ.

Người có tội phải sám hối, nếu đã thọ giới rồi lỡ có phạm phải sám hối. *Nếu không sám hối thì tội càng sâu.* Ví như bây giờ quý vị đã thọ giới không nói dối, nhưng vì làm ăn buôn bán, vì quyền lợi nên phải nói dối. Nói dối một lần rồi coi như phương tiện bỏ qua,

mai mốt lại phương tiện nữa, phương tiện mãi cho đến chết thôi. Cho nên lỡ nói dối một lần phải ăn năn hối hận, phải thành tâm sám hối, như vậy khả dĩ bệnh nói dối mới hết. Trong giới tu sĩ gần đây hay dùng chữ phương tiện để khi nói điều gì không có sự thật thì bảo: "Ôi phương tiện mà!" Nói phương tiện là để biện minh, bào chữa bệnh nói dối của mình. Cứ thế mãi, rốt cuộc mình trở thành người chuyên nói dối. Cho nên càng che chở hoặc tỏ ra mình là người không cố chấp, thì tội lỗi càng sâu. Vì vậy nếu lỡ làm lỗi, chúng ta phải ăn năn hối cải, không nên để nó tăng trưởng.

Vì chưa là thánh nên khi hứa trước Phật, chúng ta cũng cố gắng, nhưng gặp hoàn cảnh thúc bách, vì quyền lợi hoặc vì việc gì đó, có khi lại nói dối. Tôi nói thí dụ như ở trong chùa, việc này không phải lớn, nhưng lỡ khi nào mình đi làm bỏ quên cuốc ngoài rẫy, đến tối bị lấy mất. Sáng hôm sau, Tri sự thấy mất cuốc hỏi ai làm mất, vì không ai thấy nên mình nói không biết. Cầm cuốc đi làm mà nói "không biết" là nói dối. Nói không biết là phương tiện để khỏi bị rầy, vậy mai mốt sẽ nói không biết nữa. Mình nói không biết thì người ta sẽ nghi người khác. Nghi người khác là phiền tới người khác, vì vậy lỡ làm thì nhận lỗi, chịu tội, sám hối, để người khỏi bị họa lây, đó mới là người chân thật. Còn làm lỗi rồi chối bỏ để cho người hứng chịu, đó là có ý ác. Cho nên sự việc thấy dường như nhỏ mà không khéo sẽ gây họa lớn. Đây là nói việc nhỏ xíu trong đạo mà nhiều người hay "phương tiện" như thế. Phương tiện tức là che giấu lỗi lầm của mình. Như vậy là yếu đuối, là hèn hạ chứ không phải là phương tiện.

Một phen mất thân này, muôn kiếp chẳng được lại. Nếu lỡ mất thân này, muôn kiếp khó được trở lại làm người. Vì vậy được thân này là quý, được thân này là phải làm sao có lợi ích cho bản thân mình và cho mọi người.

Ngày nay tuy an, sáng mai khó bảo đảm. Câu này để nhắc cho những người hay hẹn: "Năm nay bận rộn quá tu không được, thôi hẹn sang năm đi". Hoặc có người nói: "Năm nay tôi bận quá, đang lo chuyện này chuyện kia, để sang năm rảnh việc rồi tôi tu."... Nhưng mà ngày nay sống thì mừng ngày nay, chắc gì ngày mai mình còn sống. Nếu hẹn ngày mai, rủi mai chết rồi thì sao, làm sao có thì giờ mà tu? Vì vậy việc tu không thể hẹn. Việc gì làm được lợi mình lợi người, phải làm ngay chớ có chần chừ, mai kia biết mình còn sống hay không?

Nên giữ giới pháp này, chóng qua sanh tử. Người nào khi thọ giới rồi khéo giữ giới, lần lần sẽ qua được con đường sanh tử.

Thờ Phật làm thầy, trước phải y theo giới luật. Ai là đệ tử Phật thì phải y theo giới luật của Phật dạy.

Cổ đức nói: "Qua sông phải dùng bè, đến bờ chẳng cần thuyền." Qua sông tức là khi cần vượt qua sông phải nhờ thuyền bè, đến lúc lên bờ rồi thì thuyền bè không cần thiết nữa. Nhưng không cần thiết là khi đã lên bờ, còn chưa lên bờ mà nói không cần thuyền bè là nhảy xuống sông tự tử, chứ không đi đến đâu hết.

Cho nên tu chưa đến nơi mà không giữ giới luật, cho giới luật là ràng buộc, mất tự do v.v... là họa vậy!

Chừng nào tới bờ kia là bờ giác ngộ rồi, lúc đó bỏ giới luật được, vì đã giác ngộ đâu còn mê mà phải giữ, còn giữa chừng là còn mê mà không giữ thì tạo tội, phải chìm. Hiện nay có một số tu sĩ, đã là Tỳ-kheo nữa, lại ngồi quán nhậu, nếu có ai thấy hỏi "Tại sao thầy tu mà còn uống rượu?" Bèn nói "Tôi phá cái chấp của thiên hạ, vì họ cứ khư khư chấp giới mãi, nên tôi phá chấp cho họ!" Phá chấp như thế là đúng hay sai? Như vậy là mình làm cho thiên hạ chìm trong sanh tử chứ không phải cứu họ.

Song người nay chẳng dùng thuyền bè qua sông, mà được đến bờ kia, thật ít thay! Ngài nói thật là chí lý. Người thời nay không dùng thuyền bè (tức giới luật) để qua sông đến bờ kia (bờ giác ngộ) thật là ít lắm thay! Người như vậy rất hiếm, nghĩa là phải nhờ giới luật trước mới đi tới giác ngộ sau. Giới luật không có mà đòi giác ngộ là chuyện không thể được.

Bài này ngài Trần Thái Tông muốn khuyến khích tất cả tăng ni và Phật tử, khi vào đạo đã lãnh thọ giới Phật thì phải ráng gìn giữ cho tròn. Đó là tự cứu mình, là đưa mình đến chỗ an vui hết khổ, không nên xem thường, xem thường là nguy, là tội lỗi.

LUẬN TỌA THIỀN

Chánh văn:

Phàm người học đạo chỉ cầu kiến tánh. Tuy thọ được tất cả tịnh giới, mà không tọa thiền thì định lực chẳng sanh, định lực chẳng sanh thì vọng niệm không diệt, muốn được kiến tánh, thật là khó vậy. Đức Phật Thích-ca vào núi Tuyết, ngồi ngay thẳng sáu năm, chim cáp làm tổ trên đầu, cỏ tranh mọc xuyên qua bắp vế, mà thân tâm thản nhiên. Tử Cơ ngồi tựa ghế, thân như cây khô, tâm tợ tro tàn. Nhan Hồi ngồi quên, tay chân rời rã. Đuổi thông minh, lìa ngu trí, đồng với đại đạo. Đó là các bậc thánh hiền trong tam giáo ngày xưa, đã từng ngồi định.

Song đi đứng nằm ngồi đều là thiền, không phải chỉ riêng ngồi. Nhưng vì đi thì cất bước, đứng thì nhọc nhằn, nằm thì mờ mịt mà yên tĩnh,

yên tĩnh thì cái nghĩ sanh, nghĩ sanh thì niệm khởi. Muốn dứt các niệm, nên tập ngồi thiền định. Nếu khi ngồi không dứt các niệm, tâm khỉ đua nhảy, ý vượn chạy rong, hoặc vọng tưởng mà biết tiền trần, hoặc vô ký mà quên tự tánh. Tựa giường, dựa vách, nhắm mắt che tròng ngủ gục, nước miếng chảy, đầu cúi, xương sống cong. Tuy giả danh là tọa thiền, mà ngồi dưới núi đen, trong hang quỷ. Cho nên thiền sư Hoài Nhượng nói "mài gạch muốn làm gương" là nói về người này vậy.

Vả lại, thiền có bốn thứ:

1. Tạo kế khác, ưa trên chán dưới mà tu, gọi là Ngoại đạo thiền.

2. Chánh tín nhân quả, cũng ưa trên chán dưới mà tu, gọi là Phàm phu thiền.

3. Rõ lý Sanh (nhân) không, chứng đạo thiên chân mà tu, gọi là Tiểu giáo thiền.

4. Đạt Nhân pháp đều không mà tu, gọi là Đại giáo thiền.

Nay người hậu học, cần lấy Đại giáo thiền làm chánh. Nơi đây tập tọa thiền dứt niệm, chớ sanh kiến giải.

Giảng:

Phàm người học đạo chỉ cầu kiến tánh. Đã nói về giới rồi, phải nói đến định. Định tức là tọa thiền. Ngài nói người học đạo phải cầu kiến tánh, tức nhận ra bản tánh thanh tịnh sáng suốt của mình, gọi là kiến tánh.

Tuy thọ được tất cả tịnh giới, mà không tọa thiền thì định lực chẳng sanh. Nghĩa là mình có được giới trong sạch là có phước, là tránh được phiền não, nhưng không tọa thiền thì sức định không mạnh.

Định lực chẳng sanh thì vọng niệm không diệt. Không có sức định thì vọng niệm không diệt, nó cứ lăng xăng làm cho tâm mình rối loạn không an. Bởi vậy có giới rồi kế đó phải tọa thiền để tâm được định. Tâm được định thì vọng tưởng mới dừng.

Muốn được kiến tánh, thật là khó vậy. Nếu vọng niệm chưa hết mà muốn được kiến tánh thật là khó. Bởi vì nếu tâm chưa dừng lặng mà muốn nhận ra được bản tánh thật là điều khó, không thể được. Cho nên đầu tiên là Giới, kế đó là Định. Định là nhờ sức tọa thiền. Nhờ tọa thiền tâm mới lặng. Tâm lặng thì tánh giác mới hiện tiền.

Đây dẫn chứng: *Đức Phật Thích-ca vào núi Tuyết, ngồi ngay thẳng sáu năm, chim cáp làm tổ trên đầu, cỏ tranh mọc xuyên qua bắp vế, mà thân tâm thản nhiên.* Đây là chỉ lúc đức Phật tu khổ hạnh sáu năm, chim làm tổ trên đầu, cỏ mọc qua bắp vế, mà ngài vẫn ngồi yên thiền định.

Tử Cơ ngồi tựa ghế, thân như cây khô, tâm tợ tro tàn. Tử Cơ là người học đạo tiên. Người tu tiên cũng ngồi thiền định cho tâm yên lặng, khô kiệt không còn rối loạn nữa.

Nhan Hồi ngồi quên, tay chân rời rã. Nhan Hồi là người tu theo Nho vẫn ngồi quên cả thân thể, buông thõng tay chân. Đây để chỉ tu theo Phật, Lão, Khổng đều phải nhờ thiền định.

Đuổi thông minh, lìa ngu trí, đồng với đại đạo. Đại đạo là chỉ tánh giác thanh tịnh. Muốn được tánh giác thanh tịnh thì đừng giữ thông minh, ngu trí. Thông minh là cái suy nghĩ lanh lợi, bén nhạy của thế gian, trong nhà Phật gọi là thế trí biện thông tức là trí thế gian, chưa phải là chỗ chân thật, chỗ giác ngộ. Vì vậy nên nói đuổi thông minh, lìa ngu trí mới đồng với đại đạo. Không nên phân biệt trí ngu, chỉ khi nào tâm thản nhiên thanh tịnh, lúc đó mới sống được với đại đạo.

Đó là các bậc thánh hiền trong tam giáo ngày xưa, đã từng ngồi định. Như vậy những bậc thánh, bậc hiền trong Phật giáo, Khổng và Lão vẫn ngồi thiền cho tâm được an định. Vì ngồi thiền mới có sức mạnh kìm chế được vọng tưởng, nếu không thì e không có khả năng chinh phục được nó.

Song đi đứng nằm ngồi đều là thiền, không phải chỉ riêng ngồi. Tuy ngài đề cao ngồi thiền, nhưng bây giờ ngài nói lại, trong nhà thiền không phải chỉ ngồi mới thiền, mà đi đứng nằm ngồi đều là thiền.

Nhưng vì đi thì cất bước, đứng thì nhọc nhằn, nằm thì mờ mịt mà yên tĩnh, yên tĩnh thì cái nghĩ sanh, nghĩ sanh thì niệm khởi. Ở đây nói mọi hành động đều là thiền, nhưng khi đi phải cất bước, cất bước thì có lăng xăng có động, mà động thì khó định. Đứng thì đứng lâu mỏi chân, cũng khó định. Nằm thì mờ mịt vì buồn ngủ, mà mờ mịt thì không có sức mạnh. Tuy nó hơi yên nhưng yên thì cái nghĩ dễ sanh, mà nghĩ sanh thì niệm khởi. Như vậy tuy đi đứng nằm đều được, nhưng không phải là thế ưu.

Muốn dứt các niệm, nên tập ngồi thiền định. Ngồi thiền là ưu hơn hết, bởi vậy bắt quý vị ngồi hai giờ là cái lý của tôi. Có ngồi nhiều rồi quý vị mới thấy kinh nghiệm tôi không sai. Nếu ngồi một giờ thì nửa giờ đầu rối bời, lúc hơi yên là hết giờ. Ngồi một giờ rưỡi thì nửa giờ đầu rối, nửa giờ kế hơi yên yên, nửa giờ sau vừa mới yên thì hết giờ. Ngồi hai giờ thì bỏ giờ đầu, còn giờ sau là giờ yên. Yên là sức mạnh. Ngoại trừ những người mới ngồi thì giờ sau là giờ chịu đựng, nhưng có chịu đựng rồi sẽ thắng. Còn người ngồi được lâu thì giờ sau mới yên, yên rồi sẽ thấy sức mạnh của thiền. Sức mạnh đó mới thắng được vọng tưởng, nếu không thì vọng tưởng cứ ào ào tuôn ra dừng không nổi. Bởi vậy, tu cần phải cố gắng chịu đựng mới thắng được, chứ không phải dễ dàng.

Nếu khi ngồi không dứt các niệm, tâm khỉ đua nhảy, ý vượn chạy rong, hoặc vọng tưởng mà biết tiền trần, hoặc vô ký mà quên tự tánh. Ở đây ngài nói, khi ngồi cốt dứt vọng niệm, mà vọng niệm không dứt thì

tâm ý chạy lăng xăng loạn động. Như đang ngồi ở thiền đường Trúc Lâm mà đi dạo chợ Đà Lạt, có khi chạy xuống Thường Chiếu, chạy khắp mọi nơi. Đó là tâm khỉ đua nhảy, ý vượn chạy rong.

Hoặc vọng tưởng mà biết tiền trần, hoặc vô ký mà quên tự tánh. Vọng tưởng và vô ký là hai bệnh của người ngồi thiền. Vọng tưởng nhớ lại cảnh này cảnh nọ, hoặc hình ảnh của những ngày qua, biết là biết theo cái bóng của những việc đã qua. Vô ký là chuẩn bị hôn trầm. Nếu ngồi mà tỉnh sáng, thì không lìa tánh giác. Có nhiều người không hiểu, ngồi cứ cầu cho thấy tánh. Cần thấy tánh làm gì? Chỉ cần tỉnh sáng không vọng tưởng là đủ rồi. Sao vậy? Vì tánh hiện đó chứ đâu, còn cầu thấy chỉ là bệnh. Cho nên vô ký quên tự tánh là khi mờ mờ mịt mịt quên cái tỉnh sáng của mình.

Đây nói những bệnh: *Tựa giường, dựa vách, nhắm mắt che tròng ngủ gục, nước miếng chảy, đầu cúi, xương sống cong.* Đó là những bệnh của người ngồi thiền còn lôi thôi. Ngồi thiền mà ngồi trong mùng tựa giường, vừa mỏi muốn dựa vách cho đỡ mỏi, hoặc nhắm mắt một hồi rồi gục lên gục xuống, hoặc ngồi đầu cúi, nước miếng chảy xuống, xương sống cong. Người tập tu thiền có những bệnh ở trên đây cần phải ráng sửa.

Tuy giả danh là tọa thiền, mà ngồi dưới núi đen, trong hang quỷ. Ngồi như vậy là giả danh ngồi thiền, vì bị mờ mờ mịt mịt đâu có thấy gì, mà quỷ thì ở trong bóng tối, nên nói là ngồi dưới núi đen, trong hang quỷ,

chứ không phải ngồi trong nhà Phật, trong nhà thiền. Như vậy ngồi thiền phải ngồi cho ngay thẳng, không nương dựa vào vật gì, mắt mở nhỏ, không nên nhắm, đầu đừng cúi quá, không cho nước miếng chảy, xương sống thẳng, đó mới đúng cách tọa thiền.

Cho nên thiền sư Hoài Nhượng nói "mài gạch muốn làm gương" là nói về người này vậy. Thiền sư Hoài Nhượng ở núi Nam Nhạc, một hôm ngài đi dạo núi chơi, thấy một vị sư ngồi thiền nghiêm chỉnh trên tảng đá, ngài liền đến hỏi:

- Ông làm ở gì đây?

- Dạ, con ngồi thiền.

- Ngồi thiền cầu làm gì?

- Cầu thành Phật.

Ngài im lặng trở về. Hôm sau ngài trở lại, đến bên tảng đá vị sư kia ngồi (vị sư này sau là Mã Tổ Đạo Nhất), lấy một viên gạch ngồi mài. Vị sư thấy lạ hỏi:

- Hòa thượng mài gạch để làm gì?

Ngài đáp:

- Ta mài gạch để làm gương.

Vị sư thắc mắc hỏi:

- Mài gạch sao thành gương được?

- Nếu mài gạch không thành gương được thì ngồi thiền đâu thể thành Phật được?

- Vị Sư giật mình hỏi lại:

- Ngồi thiền sao không thành Phật?

Ngài giải thích:

- Ông học ngồi thiền hay học ngồi Phật? Nếu học ngồi thiền, thiền không phải ngồi nằm. Nếu học ngồi Phật, Phật không có tướng nhất định. Nếu ông chấp ngồi là Phật tức là giết Phật...

Như vậy Phật không phải chỉ ngồi mới có. Nếu ngồi mới gọi là Phật, thì lúc đi, đứng là ai? Vì Phật đâu phải chỉ ngồi, có khi Phật đi khất thực, không ngồi thì không phải Phật sao? Ngài nói như vậy để đánh thức vị sư. Lại nữa, Phật là giác ngộ, giác ngộ thì không phải chỉ riêng ở trạng thái ngồi mà cả trong bốn oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi). Nếu chấp ngồi mới là Phật, đó là bệnh. Ở đây ngài muốn nói nếu tu thiền mà cố chấp ngồi để thành Phật, rồi ngồi gục lên gục xuống, không tỉnh không sáng, thì chẳng khác nào mài gạch muốn thành gương vậy!

Vả lại, thiền có bốn thứ:

1. Tạo kế khác, ưa trên chán dưới mà tu, gọi là Ngoại đạo thiền.

2. Chánh tín nhân quả, cũng ưa trên chán dưới mà tu, gọi là Phàm phu thiền.

3. Rõ lý Sanh (nhân) không, chứng đạo thiên chân mà tu, gọi là Tiểu giáo thiền.

4. Đạt Nhân pháp đều không mà tu, gọi là Đại giáo thiền.

Ở chỗ khác theo lời giải của ngài Tông Mật, có thêm cái thứ năm nữa là Tối thượng thừa thiền, đó là Thiền tông.

Tạo kế khác, ưa trên chán dưới mà tu, gọi là Ngoại đạo thiền. Tức là ưa ngồi thiền để có một cái gì bên ngoài tựa vào mình để được thành thánh thành thần, hoặc ngồi thiền để mong cầu có một sức mạnh thiêng liêng nào ở bên ngoài tựa vào mình, dầu sức mạnh đó có điện lực gì cũng thuộc về ngoại đạo thiền.

Chánh tín nhân quả, cũng ưa trên chán dưới mà tu, gọi là Phàm phu thiền. Nghĩa là nghe trong kinh Phật dạy, người tu được Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền thì được sanh trên các cõi trời Sắc giới... Vì ham sanh ở các cõi trời Sắc giới mà tu để chứng các thứ thiền đó, nên gọi là Phàm phu thiền. Tuy có tin nhân quả, nhưng kết quả chỉ sanh lên các cõi trời Sắc giới thôi.

Rõ lý Sanh không, chứng đạo thiên chân mà tu, gọi là Tiểu giáo thiền. Sanh không là rõ về thân con người không có ngã. Sanh không chỉ do cái nhân con người phá được ngã chấp, mà tu thiền chứng được đạo thì gọi là Tiểu thừa thiền hay Tiểu giáo thiền. Đây chứng được quả A-la-hán, giải thoát sanh tử.

Đạt Nhân pháp đều không mà tu, gọi là Đại giáo thiền. Người tu phá được chấp ngã chấp pháp, cả hai đều không mà tu thì gọi là Đại giáo thiền hay Đại thừa thiền.

Nay người hậu học, cần lấy Đại giáo thiền làm chánh. Nơi đây tập tọa thiền dứt niệm, chớ sanh kiến giải. Ngài khuyên người thời nay tu hành nên theo Đại giáo thiền, là thiền không còn chấp ngã, chấp pháp. Ngã là chỉ cho mình cho người, pháp là chỉ cho sự vật chung quanh. Cả hai đều không chấp gọi là Đại giáo thiền, cũng gọi là thiền Đại thừa. Pháp tu này mới giải thoát sanh tử cho mình và phát đại bi tâm cứu độ mọi người. Vì vậy ngài khuyên chúng ta nên học theo Đại giáo thiền này mà tu dứt niệm, không nên sanh kiến giải.

LUẬN VỀ GIỚI ĐỊNH TUỆ

Chánh văn:

Phàm tất cả người tu hành đều do hai việc: chán sanh, tử. Bỏ cha mẹ vợ con, xuất gia cầu đạo, phụng thờ đức Phật làm thầy. Noi theo đường tắt của chư Phật, chỉ có kinh mà thôi. Song trong kinh nói ra không ngoài giới, định, tuệ. Luận Giải Thoát nói: "Giới, định, tuệ gọi là đạo giải thoát." Giới là nghĩa oai nghi. Định là nghĩa chẳng loạn. Tuệ là nghĩa giác tri. Lấy giới để trừ ác cấu. Lấy định để trừ triền cấu. Lấy tuệ để trừ sử cấu. Cho nên dùng giống thiện này (giới định tuệ) mà theo đạo, gọi là: sơ thiện, trung thiện, hậu thiện. Giới là sơ thiện, định là trung thiện, tuệ là hậu thiện. Giới là sơ thiện là vì tinh tấn trì giới thành tựu bất thối nên mừng, vì mừng nên hớn hở, vì hớn hở nên cử động, vì cử động nên vui, vì vui nên tâm không định. Định là trung thiện là do thân cử động nên dừng, do dừng nên tâm trụ, do tâm trụ nên thấy biết như thật,

đây là trung thiện. Tuệ là hậu thiện là do thấy biết như thật nên chán ghét, do chán ghét nên lìa dục, do lìa dục nên giải thoát, gọi là hậu thiện.

Vì thế dùng giới trừ ác thú, dùng định trừ Dục giới, dùng tuệ trừ tất cả cõi. Nương theo giới định tuệ này mà tu, tức là đường tắt của chư Phật, chẳng phải xa vậy.

Giảng:

Bài này đặt nặng về người xuất gia hơn.

Ngài nói rằng, *Phàm tất cả người tu hành đều do hai việc: chán sanh, tử.* Hai việc nói chung là chán sanh tử. Tại sao vậy? Bởi vì có sanh ra thì phải có tử, muốn khỏi tử phải làm sao? Phải khỏi sanh. Vì vậy phải chán sanh mới được. Nhưng người thế gian lại chán tử, ưa sanh. Ngày ra đời gọi là sinh nhật, mời bà con ăn mừng, thết đãi rượu chè v.v... Còn ngày tử gọi là ngày gì? Ngày húy kỵ, là ngày kiêng sợ, như vậy người ta hay sợ chết lại thích sống. Thích sanh, mà có sanh phải có tử. Muốn có sanh mà sợ tử, không thể được. Nên người học đạo, hiểu đạo phải chán cả hai, chán tử mà cũng chán cả sanh. Đã sợ chết thì đừng sanh mới khỏi chết, nhưng thế gian chỉ chán một thứ làm sao được.

Bỏ cha mẹ vợ con, xuất gia cầu đạo, phụng thờ đức Phật làm thầy. Đây nói người xuất gia hơi lớn tuổi, chứ không phải nói những người còn nhỏ, người nhỏ chỉ bỏ cha mẹ thôi, còn người lớn phải bỏ cả cha mẹ vợ con để theo Phật, phụng thờ đức Phật làm thầy.

Phải *noi theo đường tắt của chư Phật.* Đường tắt đó là gì? *Chỉ có kinh mà thôi.* Kinh Phật dạy là đường tắt của chư Phật đã đi. Phật chỉ dạy, chúng ta phải noi theo đó. Bởi vậy nói rằng kinh là bản đồ do đức Phật ngày xưa đã đi qua, ngài vẽ lại cho chúng ta thấy, biết và noi theo để đi đến chỗ cuối cùng mà ngài đã đến. Như vậy kinh là lối chỉ cho chúng ta tiến theo con đường của Phật.

Song trong kinh nói ra không ngoài giới, định, tuệ. Luận Giải Thoát nói: "Giới, định, tuệ gọi là đạo giải thoát." Kinh Phật nói rất nhiều, nhưng chỉ có ba phần căn bản là giới, định, tuệ. Ba môn này gọi là tam giải thoát. Giới, định, tuệ là ba con đường đưa đến giải thoát. Vì vậy người nào muốn giải thoát sanh tử phải thực hành giới, định, tuệ.

Giới là nghĩa oai nghi. Oai nghi là hình tướng. Từ cách đi, đứng, nằm, ngồi, ăn nói của mình sao cho hợp với oai nghi. Người muốn cho tâm yên, trước phải có hình tướng điềm đạm trang nghiêm, nếu hình tướng còn lăng xăng thì tâm rất khó yên. Cho nên giới là để kìm chế cho hình tướng được nghiêm chỉnh. Vì vậy, giới Phật không cho Tỳ-kheo vừa đi vừa nhảy, không cho đi ngó bên này liếc bên kia. Đi phải nghiêm trang, đi từng bước, hoặc đi phải nhìn ngay ngó thẳng. Những cử chỉ đó tuy là hình thức nhưng giúp cho chúng ta nhiều để tâm ít loạn. Thế nên nói giới rồi mới nói đến định.

Định là gì? *Định là nghĩa chẳng loạn*. Nghe nói định chúng ta cứ tưởng có cái gì lạ, nhưng thật ra khi tâm không dấy niệm, không khởi nghĩ, đó là định. Quý vị

thử tìm xét lại có được bao nhiêu phút không dấy nghĩ? Hay hết việc này kéo đến việc kia, hết chuyện kia lại kéo ra chuyện khác, chuyện của năm trên năm dưới cứ tuôn ra liên miên không dừng nên tâm loạn động. Khi nào dừng được cái nghĩ, tâm yên lại là định. Bởi vậy, có nhiều vị hỏi tôi: Con tu biết chừng nào được định? Cần hỏi tôi điều đó không? Nếu có trả lời, tôi sẽ nói: Chừng nào tâm không loạn là được định, đó là chân lý. Vì không ai có thể trả lời thời gian chừng nào. Như vậy định nghĩa Định rất rõ rồi.

Tuệ là nghĩa giác tri. Giác tri tức là hiểu biết đúng như thật. Hiểu biết đúng như thật gọi là Tuệ.

Bây giờ ngài nói rõ công dụng của mỗi thứ:

Lấy giới để trừ ác cấu. Ác cấu là gì? Cấu là nhơ nhớp. Tam độc gọi là ác cấu. Tam độc là tham, sân, si. Nhờ giữ giới nên bớt tham, sân, si.

Lấy định để trừ triền cấu. Triền cấu là thập triền. Thập triền là: 1/ Vô tàm, 2/ Vô quý, 3/ Tật, 4/ Xan (khan), 5/ Hối, 6/ Thùy miên, 7/ Trạo cử, 8/ Hôn trầm, 9/ Sân phẫn, 10/ Phú.

Đó là âm chữ Hán, còn nghĩa:

- Vô tàm là không hổ, không biết xấu hổ.

- Vô quý là không thẹn, tức làm điều xấu mà không thẹn.

Vô tàm vô quý nói gọn là không hổ không thẹn. Đó là hai bệnh lớn, bệnh nặng. Người nào làm những

điều xấu điều trái mà không biết hổ thẹn gọi là người da chì mặt lạnh không thay đổi. Những người đó cứ lầm lỳ tiến tới, không bao giờ sửa đổi. Cho nên hổ thẹn là phương tiện tốt nhất để giúp cho con người vươn lên. Không hổ không thẹn là gốc của tội lỗi. Vì vậy khởi đầu của thập triền là vô tàm vô quý.

- Tật là tật đố, thấy ai hơn mình thì bực bội kiếm chuyện gièm pha, nói xấu. Không thích ai hơn mình, vì mình là số một. Còn có người nào bằng mình thì tâm cứ bực bội bất an.

- Xan là keo sẻn, xan tham rít rắm.

- Hối là hối hận, là tốt, sao đây lại cho là lỗi? Bởi vì hối hận có hai mặt, nếu làm lỗi rồi hối hận để xin lỗi, sám hối thì cái hối đó tốt, nó làm cho mình sửa bỏ được những sai lầm, tội quấy. Còn cái hối mà nhớ lại chuyện cũ đã xảy ra, thí dụ người ta nói một câu chỏi mình, mà lúc đó mình trả lời không hay, không vừa ý, đến lúc ngồi thiền cứ nhớ đi nhớ lại việc đó mà hối hận, rồi cố tìm câu trả lời cho hay; khi tìm ra được câu đáp lại, muốn xả thiền ngay để trả lời lại cho hả giận. Như vậy giờ ngồi thiền thành giờ loạn tưởng và cái hối đó là hối loạn tưởng, là bệnh.

Cho nên chúng ta phải hiểu cho rõ, cũng một chữ hối mà ở trường hợp này là tốt, trường hợp kia là xấu. Hối lỗi để sám hối, xin lỗi là tốt. Còn thấy mình kém thua, có những cái dốt rồi hối tức việc ấy sao không đúng như mình muốn, thì cái hối đó làm cho tán loạn trong tâm, nó là bệnh thuộc về triền cấu.

- Thùy miên là ngủ vùi, ngủ mê. Cứ nằm xuống là ngủ, có khi ngồi dựa cũng ngủ, đó là bệnh thùy miên. Khi ngồi thiền mà ngủ gọi là ngồi ở đâu? Ngồi ở núi đen, ngồi trong hang quỷ.

- Trạo cử tức là lăng xăng. Thí dụ như ngồi thì chân nhịp, tay gõ... Thân không yên, tâm cũng không yên, hết nghĩ chuyện này đến chuyện khác lăng xăng. Thân lăng xăng gọi là thân trạo cử, tâm lăng xăng gọi là tâm trạo cử. Người tu có khi thân trạo, có khi tâm trạo.

- Hôn trầm là ngủ gục.

- Sân phẫn có chỗ gọi là sân hận, dịch là giận hờn. Giận hờn người này, giận hờn người kia. Khi giận hờn ai thì ngồi thiền có yên không? Cứ nhớ chuyện giận mãi mà lòng bất an.

- Phú là che. Che đậy lỗi lầm. Làm quấy mà không chịu sám hối nhận tội, cứ che lỗi của mình, đổ thừa người này người nọ, đó là bệnh phú.

Mười điều này là thập triền, làm sao để trừ nó? Lấy định để trừ triền cấu, tức là lấy thiền định để trừ cái nhơ nhớp của thập triền. Triền là trói buộc, làm cho mình tối tăm mờ mịt.

Lấy tuệ để trừ sử cấu. Sử cấu là cấu nhớp của thập sử. Thập sử là: tham, sân, si, mạn, nghi, năm cái này gọi là ngũ độn sử, còn năm cái sau là thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến và giới cấm thủ kiến, gọi là ngũ lợi sử. Sử là sai khiến, là thúc đẩy mình phải làm, phải đi theo con đường đó gọi là sử. Trong mười sử này

chia làm năm cái độn và năm cái lợi. Năm độn sử là năm sử ngu si, nó rất mạnh, trừ rất khó. Năm lợi sử là năm sử khôn ngoan, lanh lẹ. Sử khôn ngoan tuy thấy dữ nhưng dễ trừ.

- Tham là tham lam. Như chúng ta có lòng tham, bất cứ tham cái gì, nó xúi giục mình chạy tìm kiếm. Thí dụ tham ăn, muốn được một món ăn ngon, trong viện không có, ngoài chợ Đà Lạt mới có, thì phải chạy ra Đà Lạt mua. Vậy có phải cái tham sai khiến không? Nhiều người phải khổ vì cái tham này.

- Sân nghĩa là nóng giận. Thí dụ đang ngồi trong nhà, nghe người ngoài đường kêu tên mình nói xấu, mình có ngồi yên không hay chạy ra để cãi lại? Tất cả sự việc đó đều sai sử mình tìm kiếm.

- Si tức si mê mờ ám.

- Mạn tức ngã mạn.

- Nghi là nghi ngờ, không có lòng tin cũng là bệnh lớn. Thông thường trong nhà thiền nói đa nghi thì đa ngộ, nhưng tại sao ở đây lại nói nghi là bệnh? Nói đa nghi đa ngộ là trong khi tu mình dồn tâm đến chỗ thanh tịnh, nếu có một nghi vấn gì chưa giải quyết được, vừa nhớ lại là giải quyết được ngay. Cái nghi đó làm cho mình ngộ được vấn đề chưa hiểu, còn cái nghi này là không biết rõ được gốc thật hư. Thí dụ khi mới tu, cái nghi đầu tiên là nghi Tam bảo, nghi Phật, nghi pháp, nghi tăng, mà nếu nghi Phật pháp tăng thì không thể tu. Hoặc giả nghi không biết mình tu nổi không, tu không biết có được gì không? Đó là những

cái nghi làm chướng sự tu của mình, nên nó nằm trong ngũ độn sử.

- Thân kiến là chấp thân hoặc thường còn, hoặc đoạn diệt.

- Biên kiến là chấp một bên, hoặc chấp có, hoặc chấp không.

- Tà kiến là nhìn hiểu theo những điều sai lầm mà cho là đúng.

- Kiến thủ kiến tức là chấp chặt sự hiểu biết sai lầm của mình.

- Giới cấm thủ kiến là làm theo lời răn cấm của ngoại đạo tà giáo. Có nhiều tà thuyết đặt ra những điều răn cấm không đúng mà mình lại chấp vào những điều đó.

Mười điều trên đây gọi là thập sử, làm mê hoặc, sai khiến mình chạy theo nó. Như vậy nhờ trí tuệ trừ được nó.

Cho nên dùng giống thiện này (giới định tuệ) mà theo đạo, gọi là: sơ thiện, trung thiện, hậu thiện. Giới là sơ thiện, định là trung thiện, tuệ là hậu thiện. Như vậy là ngài mới đưa chúng ta đến chỗ biết giới định tuệ là ba gốc lành đầu giữa và cuối.

Giới là sơ thiện là vì tinh tấn trì giới thành tựu bất thối nên mừng, vì mừng nên hớn hở, vì hớn hở nên cử động, vì cử động nên vui, vì vui nên tâm không định. Nghĩa là người nào luôn giữ giới được thanh tịnh thì có niệm mừng, vì mừng nên hớn hở. Cũng như đứa bé khi thấy ba má đi đâu xa về thì mừng nên hớn hở tung tăng.

Vì thế khi chúng ta giữ giới thanh tịnh thì có niệm mừng, vì mừng nên hớn hở dao động, tức là lăng xăng trong tâm. Vì dao động nên vui, vì vui nên tâm không định. Cho nên cái vui của giữ giới không được an định.

Định là trung thiện là do thân cử động nên dừng, do dừng nên tâm trụ, do tâm trụ nên thấy biết như thật, đây là trung thiện. Nghĩa là dừng cử động của thân, thân dừng thì tâm trụ, do tâm trụ nên thấy biết đúng như thật không còn lầm lẫn nữa.

Tuệ là hậu thiện là do thấy biết như thật nên chán ghét, do chán ghét nên lìa dục, do lìa dục nên giải thoát, gọi là hậu thiện. Như tôi thường nói, người thế gian thấy những gì có dáng vẻ bề ngoài rồi chạy theo, tưởng lầm nó đẹp thật, xấu thật. Người tu thấy rõ thân này là nhơ nhớp, vô thường, không có chủ tể tức không có ngã, thấy rõ như vậy không còn mến thích nó. Vì vậy nên chán ghét, lìa ngũ dục, vì lìa ngũ dục nên giải thoát, không còn bị các trói buộc của thế gian nữa.

Vì thế dùng giới trừ ác thú. Nhờ giữ giới nên tránh không sanh các cõi ác như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Dùng định trừ Dục giới. Vì nhờ sức định nên không bị sanh trong các cõi trời Dục giới.

Dùng tuệ để trừ tất cả cõi. Bởi vì định không sanh trong các cõi trời Dục giới, nhưng lại sanh trong các cõi trời Sắc giới, Vô sắc giới, nên phải nhờ có trí tuệ để trừ hết các cõi, không còn dính trong tam giới. Vì vậy tuệ là cái sau cùng.

Nương theo giới định tuệ này mà tu, tức là đường tắt của chư Phật, chẳng phải xa vậy. Nếu ai tu đúng theo giới định tuệ là đi đường tắt của chư Phật, thì kết quả thành Phật không phải là chuyện xa vời.

Qua những bài của ngài Trần Thái Tông, quý vị thấy ngài không những là người hiểu đạo trong phạm vi cư sĩ mà còn hiểu sâu xa đến những người xuất gia, tu hành muốn tiến đến giải thoát phải thế nào. Ngài cũng bàn luận chỉ vẽ rất rõ ràng. Như vậy chúng ta mới thấy ngài là một con người đang bị trói buộc bởi tất cả tài sắc danh lợi, mà ngài đã gỡ thoát ra được, thấy rõ hướng đi, chỉ vẽ lại cho người sau, đó là điều thật đáng quý. Bởi vậy càng đọc càng nghe, chúng ta càng hổ thẹn cho mình. Tại sao mình có nhiều điều kiện dễ tu hơn ngài, mà tu còn lơ mơ, chưa xứng đáng? Vì vậy mỗi người chúng ta nghe thấy gương người đi trước thì phải nỗ lực đi cho đúng, cho bằng chứ đừng thua. Đó là điều tôi mong tất cả hãy cố gắng.

LUẬN GƯƠNG TUỆ GIÁO

Chánh văn:

Tuệ sanh từ sức định. Nếu tâm định thì gương tuệ sanh, nếu tâm loạn thì gương tuệ diệt. Cũng như chiếc gương bằng đồng trước phải nhờ mài giũa, sau mới trong sạch soi sáng. Nếu chẳng mài giũa thì tỳ vết bụi nhơ phủ tối. Đã bị bụi nhơ phủ thì ánh sáng làm sao mà sanh? Cho nên trí tuệ do định hiện, định tuệ nương nhau không thể thiếu một.

Nếu mượn danh tọa thiền, tâm chưa được định mà gương tuệ sanh thì không bao giờ có. Tuy có tánh tuệ mà không tập tọa thiền, tự cho đã có tuệ thì cần tọa thiền làm gì? Người như thế, tuy có tuệ mà không gương thể. Nếu khi thiền định, tâm chưa được định mà muốn cầu tuệ, ví như sóng gió chưa dừng mà mong thấy bóng mặt trăng. Nếu tâm đã định lại sanh tà giải, cầu mong được tuệ, cũng như sóng gió đã lặng, bóng trăng lóng trong mà lại lấy

tay vớt trong nước muốn được bóng mặt trăng, khi nào được thấy.

Tổ sư nói: "Tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch". Lại nói:

Tịch tịch tỉnh tỉnh phải,
Tịch tịch vô ký sai.
Tỉnh tỉnh tịch tịch phải,
Tỉnh tỉnh loạn tưởng sai.[4]

Tỉnh tỉnh tịch tịch, tịch tịch tỉnh tỉnh là thuốc, vô ký loạn tưởng là bệnh. Nếu thân có bệnh phải nhờ thuốc đối trị, thân đã bình định còn gì phải trị. Nếu được như thế thì định tuệ thành tựu.

Giảng:

Tuệ sanh từ sức định. Nếu tâm định thì gương tuệ sanh, nếu tâm loạn thì gương tuệ diệt. Cũng như chiếc gương bằng đồng trước phải nhờ mài giũa, sau mới trong sạch soi sáng. Nếu chẳng mài giũa thì tỳ vết bụi nhơ phủ tối. Đã bị bụi nhơ phủ thì ánh sáng làm sao mà sanh? Cho nên trí tuệ do định hiện, định tuệ nương nhau không thể thiếu một.

---

(4) Trong chánh văn: Tịch tịch tỉnh tỉnh thị vô ký,
Tỉnh tỉnh tịch tịch thị loạn tưởng.
Nguyên bản của thiền sư Huyền Giác: Tịch tịch tỉnh tỉnh thị,
Tịch tịch hôn trầm phi.
Tỉnh tỉnh tịch tịch thị,
Tỉnh tỉnh loạn tưởng phi.
Có lẽ ở đây in sót mấy chữ.

Đây là đoạn đầu ngài Trần Thái Tông nói về gương trí tuệ. Trí tuệ từ đâu mà có? Tức là trí tuệ từ sức định, do định mà có tuệ. Nếu không có giới thì khó được định, nếu không có định không thể phát tuệ. Thế nên giới định tuệ có sự liên quan mật thiết, nếu thiếu một chúng ta khó thực hiện được trí tuệ cao siêu.

Nếu tâm định thì gương tuệ sanh, nếu tâm loạn thì gương tuệ diệt. Ở đây ngài thí dụ tuệ như cái gương. Gương sáng là nhờ đâu, tức nhờ trong sạch nên gương sáng. Nếu gương bị bụi phủ, hay bị những vết hằn trên mặt gương, chúng ta sẽ không thấy gương sáng được. Thí dụ tâm chúng ta loạn tưởng nhiều, đó là những bụi làm nhơ gương trí tuệ của mình. Vì vậy định là phương tiện để gương trí tuệ sáng. Muốn được sáng suốt, trước hết tâm phải an định, từ tâm an định mới phát ra trí tuệ. Nếu tâm không an định mà muốn được trí tuệ, không bao giờ có. Thế nên chúng ta phải ngồi thiền nhiều là phương tiện để tâm an định, từ tâm an định chúng ta mới có trí tuệ sáng suốt thấy được lẽ thật ở nơi mình và ở ngoại cảnh. Vì vậy, trí tuệ không phải tự có mà nhờ tâm an định mới phát ra.

Cũng như chiếc gương bằng đồng trước phải nhờ mài giũa, sau mới trong sạch soi sáng. Nếu chẳng mài giũa thì bụi nhơ phủ tối. Đây nói gương bằng đồng chứ không phải gương pha lê. Gương bằng đồng có khi chúng ta thấy nó sáng, có lúc thấy tối. Vì sao? Gương sáng là nhờ có mài giũa, do mài giũa cho hết tỳ vết để

gương được phẳng, có phẳng gương mới sáng, nhưng nếu không giữ để bụi bặm phủ lấp thì gương vẫn tối như thường. Vì vậy trước có công phu mài giũa, kế phải giữ gìn gương mới trong, gương trong thì được sáng. Gương trí tuệ của chúng ta cũng vậy, trước phải cố gắng dẹp bỏ vô minh phiền não, rồi gìn giữ không cho loạn tưởng. Hội đủ hai điều này thì trí tuệ chúng ta sẽ được sáng. Đó là ý nghĩa dụ trí tuệ như gương.

Đã bị bụi nhơ phủ thì ánh sáng làm sao mà sanh? Cho nên trí tuệ do định hiện, định tuệ nương nhau không thể thiếu một. Nghĩa là gương bị bụi nhơ phủ kín thì làm sao có ánh sáng. Cũng vậy, nếu tâm loạn tưởng thì trí tuệ không thể sanh. Trí tuệ sanh là do có sức an định. Nhưng ở đây nói theo lối nhìn của Nhị thừa, luôn luôn đặt trước có giới, sau có định, rồi mới có tuệ. Nếu nhìn theo tinh thần của Lục Tổ thì định tuệ bình đẳng. Định và tuệ không tách rời nhau, có định tức có tuệ, có tuệ tức có định. Tại sao vậy? Vì đối với Thiền tông chúng ta không phải đợi tâm an định viên mãn mới phát ra trí tuệ. Nếu vậy thì định trước tuệ sau, mà Thiền tông nói định và tuệ đồng thời, trong định có tuệ, trong tuệ có định, hai cái không tách rời nhau được.

Do đâu để chứng nghiệm điều này? Thí dụ hằng ngày chúng ta ngồi thiền thấy vọng không theo. Vọng dấy là động, mình biết nó, nó lặng xuống, thì cái biết vọng là tuệ, vọng lặng là định. Do đó không phải đợi

khi tâm an định hoàn toàn chúng ta mới có tuệ, mà chính khi nó đang dấy động chúng ta vẫn có trí tuệ thấy biết, không theo thì được an. Hiểu như vậy mới biết tinh thần Thiền tông mà Lục Tổ đã nói là định tuệ bình đẳng. Nếu vọng dấy lên chúng ta thấy thì cái thấy vọng để không theo đó là tuệ. Nhưng khi vọng lặng hết không còn nữa thì lúc đó tuệ đang ở đâu? Tuệ ở chỗ biết vọng đang yên. Như bây giờ không có vọng thì ai biết không vọng? Khi vọng dấy lên nó biết, khi không vọng nó cũng biết, thì cái biết trước là tuệ, cái biết sau cũng là tuệ. Hiểu cho thật kỹ mới rõ được ý nghĩa tu thiền. Nếu không hiểu cứ cố gắng kìm cho nó yên, khi nó yên lại hoảng hốt lên tưởng mình đâu mất rồi! Khi có vọng tưởng, mình còn thấy, bây giờ vọng lặng hết sao không thấy gì? Như vậy tưởng là mất sạch không còn tâm tri giác, nhưng không ngờ khi vọng yên rồi, thì thấy rõ vọng yên, mà thấy rõ vọng yên là cái gì thấy? Đó là trí tuệ thấy.

Thế nên tôi thường hay dẫn câu chuyện của vị tổ thứ mười tám ở Ấn Độ là tổ Già-da-xá-đa. Một hôm, ngài đi hóa đạo ngang qua một vùng nọ, có người Bà-la-môn tên Cưu-ma-đa-la (sau này là vị tổ thứ mười chín) thấy ngài bèn đến hỏi:

- Ngài tu theo đạo nào mà có đức hạnh đáng kính như thế?

Ngài nói:

- Tôi tu theo đạo Phật.

Người Bà-la-môn nghe ngài nói tu theo Phật, ông hoảng sợ, chạy về nhà đóng kín cửa lại. Tổ biết người này có duyên, về sau sẽ làm được Phật sự lớn, nên Tổ theo tới nhà. Đến nơi, thấy cửa đóng kín, Tổ bước lại gõ cửa, gõ mãi ông vẫn làm thinh. Sau cùng, ở bên trong ông nói vọng ra:

- Trong nhà không có người.

Tổ liền hỏi:

- Không có người, vậy ai trả lời đó?

Nghe Tổ nói như vậy, ông mới giật mình mở cửa ra đón Tổ.

Câu chuyện này nghe qua như chuyện đùa, nhưng có một ý nghĩa thâm trầm mà chúng ta không biết. Thường chúng ta cứ nghĩ khi vọng tưởng lăng xăng nghĩ việc này đến việc khác, lúc đó nói tâm mình đang nghĩ, đang suy tính, nhưng có một phút giây nào tâm lặng xuống không nghĩ suy nữa, lại hoảng hốt tưởng như mất mình. Cũng giống như người Bà-la-môn kia khi nghe tiếng gõ cửa lại trả lời không có người ở nhà. Quả là dốt! Đã lên tiếng mà nói không có người thì chỉ có người ngu dốt mới như vậy. Nhưng thật tình chúng ta cũng giống như ông Bà-la-môn kia. Khi tâm lăng xăng thì cho là có tâm, đến lúc tâm yên lặng nói không có tâm nữa, mất tôi rồi. Vậy ai biết tâm yên lặng, ai biết mất tôi? Đã biết nói "mất tôi" là có người biết nói, mà có biết nói tức có mình chứ có mất đâu? Nếu mất tôi thì không có cái biết, còn biết mất tôi là có mình

rõ ràng. Đó là việc rất tế nhị mà người tu có khi không hiểu, từ chỗ không hiểu mà tu ít lâu rồi hoảng sợ mình tu sai, sợ rơi vào không. Bởi vì khi không có vọng tưởng lại tưởng là không ngơ, nhưng không ngờ không vọng tưởng mà có "cái biết không vọng tưởng". Biết không vọng tưởng thì làm sao nói "không" được? Đó là ý nghĩa trong nhà thiền thường nói định tuệ không rời nhau. Tóm lại, khi định còn có cái biết mình an định đó là tuệ, nếu không có cái biết, làm sao biết lúc đó tâm an định. Chỗ này quý vị cần phải thấy rõ để khỏi lầm lẫn. Vì vậy định và tuệ không thể thiếu trong lúc chúng ta tu thiền.

Nếu mượn danh tọa thiền, tâm chưa được định mà gương tuệ sanh thì không bao giờ có. Câu *mượn danh tọa thiền*, nguyên chữ Hán là *giả danh tọa thiền*. Ở đây ngài muốn nói cho chúng ta hiểu rõ chữ Tuệ. Như trong kinh thường nói, mỗi chúng sanh đều có tánh giác hay đều có Phật tánh, tức là có trí tuệ sẵn nơi chúng ta, tuy có trí tuệ sẵn nhưng nếu tâm chưa an định thì trí tuệ không phát sanh được. Đây tôi phân tích cho quý vị hiểu rõ nghĩa hai chữ trí tuệ sanh và trí tuệ sẵn. Trí tuệ sẵn là trí tuệ thầm biết, lúc nào cũng hằng hữu nơi chúng ta, trí tuệ đó gọi là tánh tuệ. Tuy có tánh tuệ nhưng nếu không nhờ tọa thiền để tâm an định thì tánh tuệ không phát khởi mạnh nên không sanh tuệ. Như vậy là có tánh tuệ mà không có diệu dụng, không có hiện tướng của trí tuệ. Người tu thiền sẽ thấy rõ điều này. Vì vậy chúng ta thường nghe nói

tu thiền sẽ có giác ngộ, việc này không gì lạ. Vì trong khi tu, những gì chúng ta học hoặc đọc trong kinh chưa hiểu, lòng còn băn khoăn, thắc mắc, ôm ấp nghi ngờ, bất chợt một hôm nào đó ngồi thiền tâm được yên, bỗng dưng sáng ra, thông suốt được là do trí tuệ phát khởi hay trí tuệ sanh. Trí tuệ phát sanh này do tâm yên sáng, phát ra diệu dụng làm chúng ta hiểu biết cụ thể những vấn đề chưa hiểu. Do đó trí tuệ sanh là cái diệu dụng hay cái hiện tướng của trí tuệ sẵn hay tánh tuệ.

Cho nên nói: *Tuy có tánh tuệ mà không tập tọa thiền, tự cho đã có tuệ thì cần tọa thiền làm gì? Người như thế, tuy có tuệ mà không gương thể*. Nghĩa là tuy có trí tuệ sẵn mà gương thể của trí tuệ không hiện. Như cái gương bị bụi bặm phủ, nên tuy có gương mà không có ánh sáng của gương, phải nhờ lau bụi ánh sáng mới phát. Đây là trường hợp chỉ người tự ỷ mình có tánh tuệ không cần tọa thiền thì tuệ không phát sanh.

Nếu khi thiền định, tâm chưa được định mà muốn cầu tuệ, ví như sóng gió chưa dừng mà mong thấy bóng mặt trăng. Thí dụ như đêm rằm, chúng ta ở gần bờ hồ hoặc dòng sông, khi gió mạnh sóng to, dù có trăng nhưng nhìn xuống sông hồ, chúng ta thấy rõ bóng mặt trăng không? Vì có sóng, mặt nước không yên nên nhìn không thấy rõ bóng mặt trăng. Cũng như trường hợp trên, tuy biết mình có tuệ sẵn tức là có tánh tuệ,

nhưng vẫn phải ngồi thiền cho tâm được định thì trí tuệ mới phát sanh. Như khi sóng gió lặng thì đêm rằm nhìn xuống mặt hồ mặt sông, chúng ta sẽ thấy mặt trăng hiện đầy đủ.

Nếu tâm đã định lại sanh tà giải, cầu mong được tuệ, cũng như sóng gió đã lặng, bóng trăng lóng trong mà lại lấy tay vớt trong nước muốn được bóng mặt trăng, khi nào được thấy. Đây là trường hợp tâm được định lại khởi tà giải. Tà giải là hiểu không đúng chân lý hay hiểu thiên lệch một bên. Nếu khởi hiểu thiên lệch thì cái định bị xao xuyến. Thí dụ chúng ta nghe trong kinh Phật dạy, những người tu chứng A-la-hán có lục thông trong đó có Túc mạng thông là biết được quá khứ vị lai, nhớ được vô số đời trước và biết những đời sau. Vì vậy khi ngồi thiền tâm vừa được yên, chúng ta liền khởi nghĩ muốn được thần thông để biết quá khứ vị lai của mình của người, hoặc khởi niệm xuất hồn để đi du lịch chỗ này chỗ kia v.v... Khi khởi niệm tâm liền xao xuyến không còn yên nữa. Giống như đêm rằm, ở dưới dòng sông hay mặt hồ không có sóng, nhìn xuống thấy bóng mặt trăng vội đưa tay vớt bóng, đã không nắm bắt được lại làm xáo động mặt nước và mất bóng mặt trăng. Vì vậy khi tâm được định cứ để định, trí sáng cứ để sáng, tâm càng định trí càng sáng. Đến khi nào tất cả phiền não lậu tận sạch rồi thì tự sáng, biết được quá khứ vị lai; nếu khởi niệm muốn biết là lạc, là sai.

Đó là nói người tu thiền mà sanh tà giải thì từ đó trí tuệ mất luôn không còn hiện nữa. Vì vậy có nhiều người rất thích tu thiền, nhưng trong khi tu lại khởi những niệm sai lầm nên bị dẫn đi lạc hướng, rồi từ đó mất hết trí tuệ chân thật, là do không hiểu được gốc của sự tu.

Tổ sư nói: "Tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch." Lại nói:

Tịch tịch tỉnh tỉnh phải,
Tịch tịch vô ký sai.
Tỉnh tỉnh tịch tịch phải,
Tỉnh tỉnh loạn tưởng sai.

Tỉnh tỉnh tịch tịch, tịch tịch tỉnh tỉnh là thuốc, vô ký loạn tưởng là bệnh. Nếu thân có bệnh phải nhờ thuốc đối trị, thân đã bình định còn gì phải trị. Nếu được như thế thì định tuệ thành tựu.

Đây ngài dẫn lời của ngài Vĩnh Gia Huyền Giác trong bộ Vĩnh Gia Tập, để làm tiêu chuẩn cho người tu thiền đúng và sai. Đầu tiên nói *Tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch*. Tịch là lặng, chiếu là soi sáng. Lặng mà thường soi sáng, soi sáng mà thường lặng lẽ. Đó là trọng tâm của tu thiền.

Bây giờ dẫn câu nói rõ ràng về đúng và sai của người tu thiền. *Tịch tịch tỉnh tỉnh phải*, tức lặng lặng mà tỉnh tỉnh, đó là ngồi thiền đúng. Khi ngồi thiền tâm yên mà luôn luôn tỉnh sáng là đúng. Ngược lại,

tịch tịch vô ký sai. Vô ký tức không nhớ không biết. Lặng lặng mà không biết gì, đó là sai. Đây là cây thước để đo người tu thiền đúng và sai. Nếu ngồi thiền được yên tĩnh, tâm không dấy động mà vẫn tỉnh sáng, đó là tịch tịch tỉnh tỉnh, là đúng. Nếu ngồi yên tĩnh mà không biết mình đang làm gì, đó là vô ký, là sai. Đúng hay sai chỉ do lệch một chút đó. Nếu tịch mà tỉnh là đúng, tịch mà quên hết là sai.

Tỉnh tỉnh tịch tịch phải, tỉnh tỉnh loạn tưởng sai. Ngồi thiền mà luôn luôn tỉnh sáng, có gió thổi, có tiếng động đều nghe, ai đi qua trước mặt cũng thấy v.v... Tỉnh như vậy mà tâm vẫn lặng lẽ là đúng. Nếu tỉnh mà cứ nghĩ chuyện này chuyện kia luôn, là sai. Đây là tỉnh tỉnh mà loạn tưởng thì sai. Như vậy chúng ta hãy kiểm tra lại mình sai ở chỗ nào, chắc hầu hết là tỉnh tỉnh mà loạn tưởng. Đó là chưa đúng tinh thần thiền. Chúng ta phải nắm vững được điều này, để khi tu tự biết lúc nào đúng, lúc nào sai. Nếu không biết, nhiều khi cứ ngồi để mặc nó ra sao thì ra là không được, là đưa đến sai lầm.

Vì vậy người tu thiền cần phải học hiểu cho cẩn thận, không nên để sai lệch, vì nếu mình tu đã lệch rồi hướng dẫn người khác cũng sẽ lệch theo luôn. Thế nên trong kinh thường nói, thầy mù dẫn một đám mù, người đi trước mù, những người đi theo cũng mù luôn, rốt cuộc rơi xuống hố không ai cứu được. Bởi vậy muốn hướng dẫn người đi, trước chúng ta phải sáng; nếu mù thì không nên làm. Nhưng nhiều người có thiện chí tối đa, tuy mình còn mù mà cũng muốn dẫn người đi,

cho nên không sao tránh khỏi rơi vào những tệ nạn. Vì vậy chúng ta phải hiểu cho thật kỹ điều này.

Đây tôi chỉnh lại câu này trong quyển của ngài Trần Thái Tông, không biết do người xưa hay người sau này viết sai. Nguyên văn chữ Hán của ngài Huyền Giác là:

Tịch tịch tỉnh tỉnh thị,
Tịch tịch hôn trầm phi.
Tỉnh tỉnh tịch tịch thị,
Tỉnh tỉnh loạn tưởng phi.

Ở đây trong chánh văn lại nói: *Tịch tịch tỉnh tỉnh thị vô ký, tỉnh tỉnh tịch tịch thị loạn tưởng.* Hai câu này tôi cho là lầm, vì trong khi sắp bản in có thể sai, chứ nguyên bản chữ Hán của ngài Huyền Giác tôi đã đọc kỹ trong Vĩnh Gia Tập, nên tôi chỉnh lại cho quý vị so sánh để khỏi hiểu lầm bên chữ Hán.

Kết luận bài Luận Gương Tuệ Giáo, chủ yếu ngài Trần Thái Tông muốn khuyến khích tất cả chúng ta tu phải nhờ thiền định để phát sanh trí tuệ. Mặc dù trong kinh Phật dạy mỗi người chúng ta đều có tánh giác, tức là tánh tuệ đã sẵn, nhưng nó bàng bạc ở con người chúng ta. Vì vậy phải nhờ tọa thiền đúng cách, đúng pháp thì tánh giác mới phát khởi diệu dụng để thấy biết thân và cảnh đúng như thật được. Nếu không tọa thiền, chúng ta khó có được diệu dụng của tánh giác, nghĩa là trí tuệ không phát. Như vậy người tu thiền phải tránh hai bệnh:

1. Tự ỷ có tánh giác rồi cứ đi ngao du nơi này chốn nọ mãi mà không cần tọa thiền, vì nghĩ nó đã có sẵn cần gì phải tọa thiền cho mất thời giờ. Đó là bệnh. Tuy có tánh giác hay đã nhận ra mình có tánh giác, nhưng chưa có diệu dụng, nhờ tâm an định mới phát khởi diệu dụng. Muốn tâm an định phải nhờ tọa thiền. Vậy nên tánh giác tuy có nhưng nếu không tọa thiền thì cũng không phát khởi.

2. Tuy tọa thiền tâm được an định lại sanh tà giải, khi khởi niệm tà, tâm định liền mất lại rơi vào loạn tưởng. Cũng giống như người thấy bóng mặt trăng dưới hồ, vội đưa tay vớt, dầu có vớt suốt ngày cũng không nắm được bóng mặt trăng.

Phần cuối là nương theo ý Tổ dạy dùng làm thước để đo người tu thiền biết đúng hay sai. Nếu tọa thiền tâm yên lặng mà vẫn sáng suốt thấy nghe không lầm, gọi là tịch tịch tỉnh tỉnh là đúng với người tu thiền. Nếu khi tọa thiền tâm yên một lúc rồi quên hết không biết gì nữa, đó là tịch tịch mà vô ký. Đây là bệnh, vì vô ký sẽ đi đến hôn trầm. Như vậy vô ký và hôn trầm gần kề với nhau. Cho nên nói ngồi thiền mà nhắm mắt che tròng là ở trong hang quỷ. Vì khi mình mờ mờ mịt mịt rồi không biết gì hết, đó là sai lầm. Khi ngồi thiền rất tỉnh sáng mà không có vọng tưởng gọi là tỉnh tỉnh tịch tịch. Chữ Tịch nghĩa là Định, chữ Tỉnh nghĩa là Tuệ. Như vậy định và tuệ không rời nhau. Trí tuệ hằng sáng mà tâm vẫn an định đó là đúng. Nếu tỉnh mà loạn tưởng là sai.

Chúng ta hãy lấy đây làm cây thước đo để biết mình ngồi thiền đúng hay sai. Vì có người tu mà không được gần thầy hướng dẫn, nên tu mà không biết đúng hay sai, có lạc hay không lạc. Vì thế để nhắc cho quý vị hiểu rõ, trong khi tu chúng ta có thể nương những bài này tự làm thước đo để biết mình tu đúng hay sai không cần phải hỏi ai nữa cả.

LUẬN VỀ NIỆM PHẬT

Chánh văn:

Phàm niệm Phật là do tâm khởi. Tâm khởi thiện thì niệm thiện, khởi niệm thiện thì nghiệp báo thiện. Tâm khởi ác là niệm ác, sanh nghiệp ác thì ứng nghiệp ác. Như gương hiện ảnh, tợ bóng theo hình. Cho nên thiền sư Vĩnh Gia nói: "Ai vô niệm? Ai vô sanh?", là nghĩa này vậy.

Nay học giả muốn khởi chánh niệm để dứt ba nghiệp, cũng nhờ công niệm Phật. Thế nào là niệm Phật được dứt ba nghiệp? Vì khi niệm Phật thân ngồi ngay thẳng, không làm hạnh tà là dứt thân nghiệp. Miệng tụng chân ngôn, chẳng nói lời tà là dứt khẩu nghiệp. Ý gắng tinh tấn, chẳng khởi niệm tà là dứt ý nghiệp. Song người trí có ba bậc:

Bậc thượng trí thì tâm tức là Phật, chẳng nhờ tu thêm. Niệm tức là trần, chẳng cho một điểm.

Niệm trần vốn tịnh, nên gọi như như bất động, tức là thân Phật. Thân Phật tức là thân ta, không có hai tướng. Tướng tướng không hai, lặng lẽ thường còn, còn mà chẳng biết, đó là Phật sống.

Bậc trung trí ắt nương niệm Phật. Chú ý chuyên cần, niệm niệm chẳng quên, tự tâm thuần thiện. Niệm thiện đã hiện, niệm ác liền tiêu. Niệm ác đã tiêu, chỉ còn niệm thiện. Do niệm là ý niệm, nên niệm niệm diệt đó. Khi niệm diệt ắt về chánh đạo. Lúc mạng chung được vui Niết-bàn thường lạc ngã tịnh là Phật đạo vậy.

Bậc hạ trí thì miệng siêng niệm lời Phật, tâm muốn thấy tướng Phật, thân nguyện sanh về nước Phật. Ngày đêm siêng năng tu hành, không có thối chuyển. Sau khi mạng chung, tùy niệm thiện đó được sanh về nước Phật. Sau được chư Phật dạy bảo chánh pháp, chứng được Bồ-đề, cũng vào quả Phật.

Ba bậc trên sâu cạn chẳng đồng, chỗ được là một vậy. Song bậc thượng trí nói thì dễ mà hành thì khó. Người thời nay muốn theo gương học, toàn không có chỗ gá nương, trọn trông bờ rồi lui, rất khó đặt chân. Bậc trung trí nếu hay siêng tu như lời nói ở trên thì tức khắc thành Phật. Nếu như lậu chưa hết mà lâm chung, tùy quả báo kia trở lại thọ sanh ở đời, nhận quả báo thiện. Quả báo thiện đã hết, không có người đánh thức, trở lại rơi vào đường ác. Như thế đó cũng là khó vậy. Bậc hạ trí lấy niệm Phật làm nấc thang,

lấy tinh tấn làm cây thang, chú ý duyên lành, nguyện sanh về nước Phật. Siêng năng không lười biếng, tâm tánh thuần thục, sau khi mạng chung, tùy theo sở nguyện, được sanh về nước Phật. Đã sanh về nước Phật thân đó không bao giờ mất.

Người học thời nay, đã được thân người, ba nghiệp đồng có, mà chẳng dùng niệm Phật, cầu sanh về cõi Phật, đâu chẳng khó sao? Như muốn niệm Phật, tức lấy bậc hạ trí làm trước. Tại sao? Vì có chú ý vậy. Ví như xây đài ba tầng, mà chẳng dùng tầng dưới làm trước thì không thể có vậy.

Giảng:

Phàm niệm Phật là do tâm khởi. Tâm khởi thiện thì niệm thiện, khởi niệm thiện thì nghiệp báo thiện. Tâm khởi ác là niệm ác, sanh nghiệp ác thì ứng nghiệp ác. Như gương hiện ảnh, tợ bóng theo hình. Cho nên thiền sư Vĩnh Gia nói: "Ai vô niệm? Ai vô sanh?", là nghĩa này vậy.

Đây là mở đầu nói về niệm Phật, ngài nêu chủ yếu của niệm cho chúng ta thấy, niệm là tâm dấy khởi, tâm vừa dấy khởi nghĩ một cái gì đó là niệm. Dấy khởi nhớ danh hiệu Phật thì gọi là niệm Phật, dấy khởi nhớ chúng sanh thì gọi là niệm chúng sanh v.v... Dấy khởi nghĩ ác là niệm ác, dấy khởi nghĩ thiện là niệm thiện. Như vậy tất cả dấy khởi đều từ tâm mà ra, đó là chủ của nghiệp, cho nên trong kinh Phật thường nói tam nghiệp thân, khẩu, ý. Cái dấy khởi ở nội tâm mình là dấy khởi của ý nghiệp. Như vậy, khởi niệm là gốc của mọi thiện ác.

Niệm có thể chia làm ba thứ: niệm ác, niệm thiện và niệm tịnh. Niệm ác bị dẫn đi đường ác, niệm thiện được dẫn đến nơi lành, niệm tịnh được dẫn sanh cõi tịnh. Ba niệm đó đều là niệm hết. Như vậy chúng ta biết rõ do đâu chúng ta sanh đến đây. Tôi nói xa hơn, trong kinh thường dạy mười hai nhân duyên, đầu tiên là vô minh, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc v.v... Vô minh là mờ tối, do vô minh nên khởi nghiệp là hành. Từ có nghiệp nên dẫn thức đi thọ sanh. Từ thức mới có danh sắc, lục nhập v.v... Nếu tâm thể chúng ta yên lặng trong sáng bình tĩnh thì không có vô minh, nhưng khi vừa khởi nghĩ là đã quên mất cái tâm sáng rồi, mà quên tâm sáng là vô minh. Bởi vô minh nên mới khởi nghĩ ác, khởi nghĩ thiện, khởi nghĩ tịnh v.v... Những khởi nghĩ đó là động cơ dẫn mình đi. Vì vậy nên khi chúng ta sắp chết mà lúc còn tỉnh thì không có nghiệp ác nghiệp thiện hiện ra, nhưng khi vừa quên cái tỉnh là vô minh, tức lúc hôn mê nếu khởi nghĩ lành thì ngay đó có chư thiên hoặc thân nhân quyến thuộc dẫn đi chỗ an vui, đó là đường lành; nếu khởi nghĩ ác thì thấy ngưu đầu ngục tốt lấy roi gậy rượt đánh dẫn vào đường ác. Còn khởi nghĩ tịnh thì nhớ Phật, niệm Phật liền thấy Phật hay Bồ-tát hiện ra rước về Cực Lạc. Như vậy niệm có trong khi hôn mê là chủ yếu dẫn mình đi tùy theo niệm ác, niệm thiện hay niệm tịnh.

Cho nên trong nhà Phật dạy chúng ta, khi gần nhắm mắt nên thỉnh quý thầy quý cô cùng thân quyến đến hộ niệm, hoặc niệm Phật hoặc tụng kinh cho nghe để khi vừa quên cái tỉnh thì bắt đầu có niệm thiện dẫn đi.

Điều này hết sức quan trọng, vì vậy nên hộ niệm là ngay lúc đó, còn khi đã đi rồi thì thôi, bốn mươi chín ngày cũng là phụ. Chỉ ngay lúc lâm chung đang tranh tối tranh sáng, khi cái tối vừa che mất cái sáng thì tùy khởi niệm nào liền đi theo niệm đó. Vì niệm khởi là nghiệp, lúc đó thân không tạo, khẩu không tạo, chỉ có ý nên khi ý khởi niệm lành nhớ những người hiền hay nhớ cảnh tốt thì có người hiền cảnh tốt hiện ra, nhớ những người thù kẻ oán thì người thù kẻ oán hiện ra, nhớ Phật thì có Phật đến.

Niệm gọi là hành, vì khi quên mất thân này, quên mất sự sống này, rồi khởi niệm thiện ác và theo đó mà đi thọ sanh. Như vậy chúng ta mới thấy cái khởi niệm trong lúc này hết sức hệ trọng. Vì vậy có người đặt câu hỏi: "Tôi niệm Phật, khi chết Phật rước về Cực Lạc, còn quý thầy tu thiền chỉ buông niệm, không có niệm, khi chết ai rước và đi đâu?" Như vậy quý vị phải trả lời thế nào? Người niệm Phật được Phật rước vui quá, còn chúng ta tu thiền, nhất là đến chỗ vô niệm thì ai rước, chẳng lẽ đi lang thang hay sao? Đây là chỗ chúng ta phải hiểu cho thật rõ: Còn niệm là còn sanh, hết niệm là vô sanh. Còn rước là còn sanh, không ai rước là vô sanh. Vô sanh là gì? Là Niết-bàn. Mục đích chúng ta tu là đạt đến vô sanh, là Niết-bàn, nên tu đến vô niệm là được vô sanh. Ngay đời này nhập Niết-bàn còn hơn là về Cực Lạc phải mất thời giờ tu đến thời gian sau mới được vô sanh, được Niết-bàn. Như vậy là chúng ta tu tắt. Song có nhiều người không hiểu cứ nghĩ muốn tu để về sau hưởng, mà hưởng là phải có sanh mới hưởng,

không sanh làm sao hưởng, nên tưởng không ai rước rồi sẽ lang thang. Đó là hiểu lầm rồi đâm ra hoảng hốt!

Vì vậy chúng ta nên biết khi niệm dứt sạch yên tĩnh đó là Niết-bàn, là vô sanh, tự tại tự do không cần ai đón rước. Còn đón còn rước là còn lệ thuộc, còn bị sanh. Thế nên ngài Vĩnh Gia nói *Thùy vô niệm? Thùy vô sanh?* Thùy là ai. *Ai vô niệm? Ai vô sanh?* Người tu khi đã đạt đến chỗ vô niệm vô sanh rồi, lúc đó còn gì phải nói đi đâu, còn gì phải nói sanh tử, cho nên nói *Ai vô niệm? Ai vô sanh?* Còn niệm tự nhiên còn sanh nơi này nơi kia, khi niệm dứt rồi thì sanh tử không còn.

Các vị Bồ-tát không như chúng ta ưng nhập Niết-bàn sớm. Tại sao vậy? Bởi vì nếu trong đời này từ một phàm phu tăng, chúng ta tu được vô niệm rồi nhập Niết-bàn, như vậy chúng ta đã an trụ trong Niết-bàn của Thanh văn. Cho nên cần phải độ sanh đến khi nào tất cả chúng sanh đều được Niết-bàn rồi chúng ta mới nhập, đó mới gọi là Bồ-tát hạnh. Thế nên tuy các ngài đạt đến chỗ vô sanh, nhưng khi gần nhắm mắt các ngài khởi đại nguyện, nguyện đời sau làm những gì cho chúng sanh. Do khởi đại nguyện tức khởi niệm nên các ngài theo nguyện tiếp tục sanh để làm tròn bản nguyện, chứ không chịu ngang đó dừng nghỉ. Nếu dừng nghỉ thì không đầy đủ tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn. Vì vậy giả sử chúng ta tu đến hết đời này được yên, rồi muốn nhập Niết-bàn thì không độ được bao nhiêu người. Thế nên phải nguyện trở lại để độ chúng sanh, mà nguyện tức là khởi niệm, vì có niệm nên chỗ nào có duyên thì sanh ra để hóa độ đến khi đầy đủ

mới thành Phật, chứ không phải hết niệm liền thành Phật. Hiểu như vậy mới thấy rõ ý nghĩa của người tu, nếu không nhiều khi chúng ta tu rồi cứ hoang mang không biết sao cho trúng.

Nay học giả muốn khởi chánh niệm để dứt ba nghiệp, cũng nhờ công niệm Phật. Thế nào là niệm Phật được dứt ba nghiệp? Vì khi niệm Phật thân ngồi ngay thẳng, không làm hạnh tà là dứt thân nghiệp. Miệng tụng chân ngôn, chẳng nói lời tà là dứt khẩu nghiệp. Ý gắng tinh tấn, chẳng khởi niệm tà là dứt ý nghiệp.

Ở đây ngài nói *miệng tụng chân ngôn* nghĩa là niệm Phật cũng như chân ngôn, mà chân ngôn đây không phải là thần chú, vì chân là chân thật, ngôn là lời nói, lời nói chân thật là lời niệm Phật. Như vậy ngài giải thích niệm Phật là để dứt ba nghiệp: nghiệp thân, nghiệp khẩu và nghiệp ý. Làm sao niệm Phật dứt được nghiệp thân? Bởi vì khi niệm Phật thân ngay thẳng, yên tĩnh đó là dứt nghiệp ác của thân, miệng niệm danh hiệu Phật, chẳng nói lời tà là dứt nghiệp ác của khẩu. Ý gắng tinh tấn không cho nghĩ ác nghĩ bậy là dứt tà niệm, tà niệm dứt là dứt được ý nghiệp. Như vậy niệm Phật có công năng dứt được ba nghiệp, nhưng ở đây chúng ta phải hiểu cho rõ, không có nghiệp tạo ác nhưng còn có nghiệp tịnh, nên nói cõi Phật là Tịnh độ. Người muốn được sanh cõi tịnh thì phải có nghiệp tịnh, tức ý nghiệp thanh tịnh mới được sanh về cõi Phật. Vì vậy mới có câu: *Tam nghiệp hằng thanh tịnh, đồng Phật vãng Tây phương.*

Song người trí có ba bậc:

Bậc thượng trí thì tâm tức Phật, chẳng nhờ tu thêm. Niệm tức là trần, chẳng cho một điểm. Niệm trần vốn tịnh, nên gọi như như bất động, tức là thân Phật. Thân Phật tức là thân ta, không có hai tướng. Tướng tướng không hai, lặng lẽ thường còn, còn mà chẳng biết, đó là Phật sống.

Ngài chia niệm Phật làm ba bậc: thượng trí, trung trí và hạ trí.

Bậc thượng trí thì tâm tức Phật, chẳng nhờ tu thêm. Niệm tức là trần, chẳng cho một điểm. Nghĩa là sao? Tâm an tịnh trong sáng của chúng ta đó là Phật. An tịnh trong sáng tức là tịch tịch tỉnh tỉnh. Tâm ấy là Phật nhưng vừa dấy một niệm là đã có bụi, nên nói *niệm tức là trần, chẳng cho một điểm*, nghĩa là nó đang thanh tịnh trong sáng mà dấy niệm tức là có bụi, có bụi là đã mất cái thanh tịnh trong sáng ấy. Quý vị nhớ trong nhà thiền có câu: *Mạt vàng tuy quý, rơi vào mắt cũng bị xốn.* Đó là muốn nói mạt vàng là quý nhưng để rơi vào con mắt một tí cũng cảm thấy khó chịu, huống nữa là bụi bặm. Bụi bặm là dụ cho niệm thiện, niệm ác, còn mạt vàng dụ cho niệm tịnh, tức là niệm Phật. Đối với tâm thể thanh tịnh trong sáng là đủ, còn thêm một niệm tức là bụi. Thế nên người tu thiền phải buông hết tất cả niệm, vì còn có một niệm tức còn một điểm bụi, mà có bụi là chưa hoàn toàn trong sáng. Chỗ trong sáng đó gọi là *tâm tức Phật*, là tánh giác của chính mình.

Niệm trần vốn tịnh, nên gọi như như bất động, tức là thân Phật. Niệm trần tức là những niệm lăng xăng, nó vốn tịnh tức yên lặng nên gọi như như bất động. Lúc nó đã yên, không dấy niệm thì gọi là như như, là bất động, mà chính chỗ như như bất động là thân Phật.

Thân Phật tức là thân ta, thân Phật là pháp thân của chính mình chứ không phải báo thân hay ứng thân. Bởi vì cái như như bất động đó đâu có rời mình nên nói thân Phật là thân ta. *Không có hai tướng*, vì nó không rời mình nên không có hai tướng.

Tướng tướng không hai, lặng lẽ thường còn, còn mà chẳng biết, đó là Phật sống. Tất cả tướng đều không hai, nhưng tại sao lặng lẽ thường còn, còn mà chẳng biết, đó là Phật sống? Tôi thí dụ có một phút giây nào trong tâm quý vị không dấy một niệm mà mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, tất cả cảm giác đều nguyên vẹn, không mờ không thiếu, sáng rỡ rõ ràng mà tâm vẫn an tịnh, lặng lẽ như như, thì đó là Phật sống. Còn khởi niệm biết mình đang tịnh thì nó đã động rồi.

Các ngài sống không dấy niệm là sống thường sáng suốt, hằng giác, hằng tri gọi là Phật sống. Còn chúng ta vừa có niệm dấy lên là chạy theo nên tạo nghiệp và có luân hồi. Nếu vừa được yên một chút liền khởi niệm mừng là đã mất cái an tịnh. Như vậy ở đây chỉ cho chúng ta thấy được Phật pháp thân của chính mình. Những giờ phút yên tĩnh là giờ phút sống với Phật pháp thân, mà Phật pháp thân luôn hiện hữu chứ không vắng mặt lúc nào, đó gọi là bậc thượng trí. Niệm Phật như thế thì cả thiền và tịnh không hai.

Bậc trung trí ắt nương niệm Phật. Chú ý chuyên cần, niệm niệm chẳng quên, tự tâm thuần thiện. Niệm thiện đã hiện, niệm ác liền tiêu. Niệm ác đã tiêu, chỉ còn niệm thiện. Do niệm là ý niệm, nên niệm niệm diệt đó. Khi niệm diệt ắt về chánh đạo. Lúc mạng chung được vui Niết-bàn thường lạc ngã tịnh là Phật đạo vậy.

Đây là bậc trung trí niệm Phật. Trung trí niệm Phật thì niệm cách nào? Người trung trí niệm Phật thì *chú ý chuyên cần*, niệm niệm luôn nhớ Phật không bao giờ quên. *Tự tâm thuần thiện*, nhờ nhớ Phật mãi mãi nên tâm mình hoàn toàn thiện, không có niệm ác chen vào. *Niệm thiện đã hiện, niệm ác liền tiêu*, tức niệm Phật luôn luôn hiện tiền thì niệm ác phải tiêu, vì niệm không có hai. Khi chúng ta nghĩ thiện thì không có ác, khi nghĩ ác thì không có cái thiện. Nếu đi đứng nằm ngồi lúc nào cũng niệm thiện thì niệm ác theo đó tiêu hết.

Niệm ác đã tiêu, chỉ còn niệm thiện. Do niệm là ý niệm nên niệm niệm diệt đó. Nghĩa là có ý niệm thiện thì ý niệm ác không còn. Đã là ý niệm thì niệm niệm liên tục, niệm này dấy lên, niệm kia lặng xuống, nhưng chỉ có niệm thiện.

Người được như vậy *khi niệm diệt ắt về chánh đạo*. Những niệm đó được yên thì ắt về chánh đạo. Vì vậy trong kinh thường hay nói *niệm đến vô niệm*. Niệm này dấy, niệm kia diệt cho đến bao giờ không còn dấy niệm nữa, tức niệm đến vô niệm thì lúc đó là chánh đạo.

Lúc mạng chung được vui Niết-bàn thường lạc ngã tịnh là Phật đạo vậy. Về chánh đạo rồi thì lúc mạng chung được vui Niết-bàn, nghĩa là niệm đến vô niệm là được Niết-bàn. Niết-bàn thì có đủ bốn đức thường lạc ngã tịnh. Đầy đủ bốn đức đó là Phật đạo vậy.

Tóm lại, ở đây dạy dùng niệm Phật để diệt niệm ác, niệm ác diệt hết chỉ còn câu niệm Phật, niệm Phật mãi mãi đến bao giờ câu niệm Phật cũng lặng luôn đến vô niệm, là Niết-bàn thường lạc ngã tịnh. Như vậy cũng đi đến chỗ đạt đạo. Đây là bậc trung trí.

Bậc hạ trí thì miệng siêng niệm lời Phật, tâm muốn thấy tướng Phật, thân nguyện sanh về nước Phật. Ngày đêm siêng năng tu hành, không có thối chuyển. Sau khi mạng chung, tùy niệm thiện đó được sanh về nước Phật. Sau được chư Phật dạy bảo chánh pháp, chứng được Bồ-đề, cũng vào quả Phật.

Bậc hạ trí thì phải đủ ba điều kiện: miệng niệm danh hiệu Phật, tâm quán tưởng muốn thấy tướng Phật, thân nguyện được sanh về cõi Phật. Cả ba, thân khẩu ý đều có chỗ hướng về. Khẩu thì mượn danh hiệu Phật làm chỗ hướng, tâm thì mượn hình tướng Phật làm chỗ hướng, thân nguyện sanh về cõi Phật làm chỗ hướng. Như vậy miệng, thân và tâm đều có chỗ cho mình hướng về. Ở đây quý vị dạy niệm Phật phải ráng nhớ để thực hiện cho đúng. Thông thường chúng ta dạy niệm Phật cứ đưa xâu chuỗi bảo niệm cho nhiều chuỗi, niệm một đêm được mười chuỗi thì ghi sổ, đến khi nào đủ một muôn thì đem sổ lại thầy chứng cho. Như vậy chỉ niệm danh hiệu

suông thôi. Nhiều khi quý bà niệm rất nhanh, niệm liên tục cho xong, nhưng niệm như vậy chừng nào tâm mới yên? Còn ở đây bảo niệm phải có chỗ tựa, miệng niệm danh hiệu Phật, tâm phải nhớ Phật, thân nguyện sanh về cõi Phật. Phải hội đủ ba điều này thì thân khẩu ý mới thuần nhất được. Nếu chỉ có miệng niệm, còn thân, ý không có thì làm sao tâm yên. Vì vậy tuy niệm Phật mà khó có kết quả, là do mình thực hành không đúng. Nếu cả ba hợp tác thì lúc lâm chung sẽ theo niệm thiện được sanh về cõi Phật, về sau đủ điều kiện tu hành được quả Bồ-đề, cũng thành Phật quả. Tóm lại phải có đủ ba điều tín hạnh nguyện thì niệm Phật mới có kết quả. Đó là ý nghĩa ba hạng niệm Phật.

Ba bậc trên sâu cạn chẳng đồng, chỗ được là một vậy. Tuy có cao thấp khác nhau, sâu cạn khác nhau, nhưng khi được thành quả Phật thì không khác.

Song bậc thượng trí nói thì dễ mà hành thì khó. Bậc thượng trí nói tâm tức Phật nghe rất dễ, nhưng thực hành thật cay đắng. *Người thời nay muốn theo gương học, toàn không có chỗ gá nương, trọn trông bờ rồi lui, rất khó đặt chân.* Người thời nay nghe nói bậc thượng trí niệm Phật rất dễ, muốn noi theo đó tu học, nhưng không chỗ nương gá. Nói tức tâm tức Phật, biết nương gá vào đâu mà theo, nên "trọn trông bờ rồi lui", nghĩa là nhìn thấy bờ cao quá ngán không thể thực hiện được rồi thoái lui, cho nên "rất khó đặt chân". Vì vậy rất khó tiến trên con đường đó.

Bậc trung trí nếu hay siêng tu như lời nói ở trên thì tức khắc thành Phật. Nếu như lậu chưa hết mà

lâm chung, tùy quả báo kia trở lại thọ sanh ở đời, nhận quả báo thiện. Quả báo thiện đã hết, không có người đánh thức, trở lại rơi vào đường ác. Như thế đó cũng là khó vậy. Bậc trung thì niệm cho đến vô niệm, nhưng chưa được vô niệm liền tịch. Khi tịch mà chưa vô niệm thì đâu được Niết-bàn. Vì hạng trung trí không có nguyện vãng sanh, chỉ lấy niệm diệt niệm, đến vô niệm mới nhập Niết-bàn. Bây giờ không được vãng sanh thì do niệm thiện được sanh về cõi thiện. Nếu khi sanh về cõi thiện, ra đời không gặp thiện hữu tri thức nhắc nhở lại quên.

Vì vậy chúng ta thấy nhiều người ở hiện tại có phước, được làm quan to lại giàu có lớn, nếu vô phước thì đâu được như thế. Nhưng vì sao họ lại không lương thiện? Là vì xưa kia họ có lòng tốt, có hành động tốt nên được hưởng phước, khi hưởng phước họ không có duyên gặp thiện hữu tri thức nhắc nhở, nên hưởng hết phước rồi, gặp ai xúi làm điều ác thì làm theo, cho nên hết phước phải đọa trở lại đi trong đường khổ.

Điều này hết sức hệ trọng cần phải biết, là không nên hưởng hết phước và cần phải có thiện hữu tri thức nhắc nhở để mình tiến lên cho khỏi đọa. Quý vị thấy có những người giàu sang sung sướng mà bị bạn bè lôi vào chỗ ác, nhưng cũng có những người giàu sang sung sướng lại vẫn biết tu. Trong hai hạng người trên đều có phước, nhưng sao một người biết tu, còn một người lại làm ác? Đó là điều tôi muốn nhắc cho tất cả hiểu.

Phật dạy Phật tử làm lành, nhưng phải quy y Tam bảo. Tại sao phải quy y Tam bảo? Nghĩa là chúng ta phải

đối trước Phật Pháp Tăng, hứa nguyện đời đời hướng theo con đường Phật pháp để tu hành đến khi thành Phật mới thôi. Do có nguyện đó, nên quy y Tam bảo là duyên tốt để mình gieo trong đời này và mãi những đời sau được gặp thiện hữu tri thức nhắc nhở mình. Vì quy y không phải chỉ có Phật mà còn Pháp và Tăng. Tăng thì đâu chắc đời này nhập Niết-bàn mà còn đáo đi trở lại bao nhiêu đời nữa. Giả sử đời này có người quy y với tôi, nếu tôi chết đi và tái sanh trở lại thì người đó đã có duyên với tôi, nên khi gặp lại tôi dễ nhắc dễ độ họ. Đó là có thiện hữu tri thức nhắc nhở nên không quên, không mất giống lành. Còn những người đời này có phương tiện làm lành, nhưng không quy y Tam bảo, nên không gặp thiện hữu tri thức, vì vậy có ai xúi làm quấy làm ác thì họ làm theo, rồi tạo tội và phải đọa. Thế nên, duyên thiện hữu tri thức đời sau cũng rất thiết yếu. Đời này đã thiết yếu, đời sau lại càng thiết yếu hơn, cho nên Phật dạy người Phật tử phải nhớ quy y Tam bảo. Có quy y Tam bảo mới thành Phật tử. Thật ra nếu chúng ta làm lành, làm phước đều được hưởng phước, nhưng có khác là có người được hưởng phước mà không có thiện hữu tri thức nhắc nhở, còn người được hưởng phước lại có thiện hữu tri thức nhắc nhở, nên không quên duyên cũ và tiến lên mãi không dừng. Vì vậy nên nói rằng do mình hưởng hết phước mới thọ quả báo ở đời sau.

Như vậy quý vị mới thấy quy y Tam bảo là việc rất quan trọng đối với người mới phát tâm. Nhờ phát tâm quy y trước Tam bảo, chúng ta mới được nương theo Phật,

nương theo chánh pháp và có những bậc thầy làm thiện hữu tri thức chỉ dạy cho mình đường lối tu trong hiện tại, đến khi nhắm mắt đời sau gặp lại, do có duyên thầy trò nên sớm gặp được người nhắc nhở. Như vậy đời đời đi mãi trong chánh pháp cho đến kết quả cuối cùng là thành Phật mới thôi. Nếu không có người đánh thức, đời này nhiều khi hiểu đạo chút ít, nhưng đời sau trở lại có thể sẽ làm ác làm dữ.

Bậc hạ trí lấy niệm Phật làm nấc thang, lấy tinh tấn làm cây thang, chú ý duyên lành, nguyện sanh về nước Phật. Siêng năng không lười biếng, tâm tánh thuần thục, sau khi mạng chung, tùy theo sở nguyện, được sanh về nước Phật. Đã sanh về nước Phật thân đó không bao giờ mất. Như vậy bậc hạ trí có chỗ tựa vững chắc hơn, vì miệng niệm danh hiệu Phật, tâm nhớ hình tướng Phật, thân nguyện sanh về cõi Phật, nên khi nhắm mắt có chỗ quy hướng. Hướng về đó rồi, được sanh về nước Phật tiếp tục tu hành, không mất hột giống lành. Còn chúng ta nếu chưa được sanh về nước Phật, nhớ phải quy y Tam bảo để sanh nơi nào cũng được có thiện hữu tri thức nhắc nhở, tránh khỏi rơi vào đường ác.

Kết thúc lại, ngài nhắc nhở: *Người học thời nay, đã được thân người, ba nghiệp đồng có, mà chẳng dùng niệm Phật, cầu sanh về cõi Phật, đâu chẳng khó sao?* Người tu đời này nếu không dùng niệm Phật cầu sanh nước Phật thì việc tu cũng hơi khó. *Như muốn niệm Phật, tức lấy bậc hạ trí làm trước. Tại sao? Vì có chú ý vậy.* Nếu tu về niệm Phật thì phải tu theo bậc hạ trí,

vì có chỗ cho mình nhắm đến. *Ví như xây đài ba tầng, mà chẳng dùng tầng dưới làm trước thì không thể có vậy*. Như vậy trong ba cách niệm Phật, chỉ có cách dưới là dễ hơn hết, vì có chỗ tựa và bảo đảm đời sau sanh ra gặp Phật, ở nước Phật không thối chuyển, còn hai cách trên thì khó hơn.

Qua bài này tôi cũng muốn nói cho quý vị thấy rõ tinh thần Thiền tông đời Trần. Từ ngài Trần Thái Tông về sau, các ngài tu thiền mà không chống niệm Phật, tức không chống Tịnh độ. Ngược lại còn chỉ cho chúng ta cách tu Tịnh độ thế nào cho hợp lý, cho đúng pháp. Như vậy Tịnh độ và Thiền hòa hợp chứ không chống đối. Chúng ta thấy tinh thần các vị thiền sư đời Trần không những là ở trong pháp niệm Phật và pháp tu Thiền, mà còn dung hòa luôn cả Khổng giáo, Lão giáo, không chia rẽ, không đối nghịch. Lấy Thiền tông làm chỗ tựa để dung hợp Lão, Khổng thành một nhà. Đó là để cho chúng ta thấy người tu không đặt ai là kẻ thù, không thấy ai là người đáng cho mình chống đối, mà phải cùng chung hòa hợp để mình và mọi người đều tiến tu không thối chuyển.

Như vậy quan niệm rộng rãi bao dung của Thiền tông đời Trần chứng tỏ các ngài đã vượt qua chỗ riêng tư của mình, mà trong nhà Phật gọi là "cuộc", cuộc là chấp. Cũng như chúng ta ngồi trong nhà nhìn ra bốn phương, chúng ta chỉ thấy bốn phương qua cửa sổ, cửa cái mở. Nếu thấy qua cửa sổ, cửa cái thì cái thấy bị hạn chế, nên gọi là cuộc. Nếu chúng ta bước ra khỏi nhà, đứng ngoài trời nhìn bốn phương, thì chúng ta không bị vật gì ngăn cách, đó là thông.

Người tu khi đến chỗ thấy tâm mình tức Phật, thì ai không có tâm? Nếu ai cũng có tâm thì ai cũng có Phật. Dầu người tu theo Khổng giáo cũng có Phật, người tu theo Lão giáo cũng có Phật và chúng ta tu theo Phật cũng có Phật. Ai cũng có Phật thì đều giống nhau. Không thể ông Phật này khác ông Phật kia được, nếu khác thì không phải là Phật. Cho nên nói Phật Phật đạo đồng, Phật Phật không khác. Như vậy ai cũng có Phật tánh thì có ai đáng cho mình thù ghét đâu. Chẳng lẽ Phật lại ghét Phật, Phật thù Phật sao? Vì vậy đối với mọi người dù không tu theo đạo Phật, cũng thấy họ có Phật. Đã thấy họ có Phật thì không thể ghét họ được. Vậy muốn cho ông Phật mình sống trọn vẹn là Phật, thì thấy Phật nào mình cũng quý. Cho nên Bồ-tát Thường Bất Khinh nói một câu rất hy hữu: *Tôi không dám khinh các ngài, vì các ngài đều sẽ thành Phật.* Không dám khinh tức là phải trọng, phải quý. Còn thù ghét là không trọng không quý. Hiểu được chỗ này mới thấy tinh thần đạo Phật tràn khắp. Lâu nay chúng ta chỉ nói theo thế gian là tất cả nhân loại đều là đồng loại nên phải thương nhau. Nói như vậy nghe cũng tốt, nhưng chỗ này nếu nói theo Thiền tông thì nhân loại đều là Phật. Đã là Phật thì không dám khinh ai, không dám ghét ai. Nếu có thương có ghét thì ông Phật của mình đã ẩn mất.

Tôi nhắc cho quý vị biết rằng chúng ta tu không phải cố gắng, không phải dằn ép, không phải dẹp bỏ mà phải nhìn cho tường tận ai cũng có tánh giác. Mình biết mình có tánh giác hiện hữu, thì tánh giác của người cũng thật có hiện hữu, nhưng khác nhau chăng chỉ là một bên biết và tìm mọi cách khai thác được sáng tỏ,

còn một bên không biết thì có tánh giác mà vẫn để mờ mịt, tối tăm. Vì vậy mình không nên khinh khi ai, cũng không dám giận ai, vì người nào cũng đáng quý hết thì giận sao được. Có giận ghét là hết quý rồi. Như vậy sống trong đời này chúng ta mới thấy tâm mình bình đẳng đối với tất cả chúng sanh, nếu không thì sẽ phân biệt người này hay, kẻ kia dở. Từ cái phân biệt đó lại sanh ra nhiều bệnh chướng khác. Chỉ một câu của ngài Bồ-tát Thường Bất Khinh mà chúng ta tu suốt đời không xong. Thấy được như vậy thì sống trong cuộc đời không có phiền não, những cái xấu, cái dở chỉ là bụi che lấp gương, lau đi sẽ hết. Hiểu được ý này quý vị mới thấy được tinh thần của các vị thiền sư ngày xưa đối với mọi người, hoặc thấy tinh thần của các vị Bồ-tát nhìn chúng sanh một cách rộng mở bao dung, chứ không như cái nhìn phàm tục rồi gây phiền não cho nhau.

BÀI TỰA
KHOA NGHI SÁU THỜI SÁM HỐI

Chánh văn:

Tiện lợi việc đi lại dưới sông trên bộ, là nhờ xe, thuyền; tẩy sạch bụi nhơ nơi thân tâm, là do sám hối. Muốn tẩy sạch thân tâm mà không dùng sám hối, khác nào muốn tiện lợi qua lại mà chẳng dùng xe, thuyền. Thế mới biết công dụng sám hối rất là to. Cho nên kinh Đại Tập nói:

"Như áo nhơ hằng trăm năm, có thể trong một ngày giặt được sạch sẽ. Như thế, trong trăm ngàn kiếp đã tích tập các nghiệp chẳng lành, do nhờ lực Phật, khéo thuận tư duy, có thể trong một ngày hay một giờ, trọn hay tiêu diệt."

Vả lại, chúng sanh từ trước đến nay, tánh giác thanh tịnh tròn sáng, trong trẻo như hư không chẳng có mảy bụi. Do bọt vọng chợt dấy, cõi uế hiện thành,

năng và sở nương nhau, Phật với chúng sanh thấy hai. Căn tánh sai biệt, ngu trí phân chia, chỉ cho một cửa, khó được ngộ nhập. Vì thế, đức Phật chúng ta trí nguyện rộng lớn, mở cửa phương tiện, tùy lối chỉ đường về, đúng bệnh cho thuốc. Biết huyễn cấu của chúng sanh từ vọng mà sanh, khuyên họ một niệm kính thành quy y sám hối, khiến thân tâm thanh tịnh, trong sạch như xưa. Gió yên thì sóng lặng, bụi sạch thì gương sáng. Sao thế? Vì trước khởi tâm ác, như mây che mặt trăng, sau sanh tâm thiện, như đuốc sáng tan bóng tối. Ôi! Công dụng sám hối lớn lao há chẳng vậy sao?

Trẫm nhờ quyến thuộc nhà Trời, ở ngôi chí tôn, nên việc dân gian, quốc chánh phiền rộn. Phồn hoa dụ dỗ bên ngoài, thị dục mê hoặc ở trong. Miệng thì chán ngán vị ngon, thân phải đeo mang vàng ngọc. Thấy nghe đuổi theo thanh sắc, ở ăn toàn chốn gác đài. Lại nữa, thói đời khinh bạc, nhân pháp suy vi, học giả mù độn, căn lành kém mỏng. Ngày thì căn trần va chạm, lưới nghiệp kéo lôi; đêm thì mê ngủ che đậy, dây lười trói buộc. Ngày đêm dính mắc, đâu không phải là lỗi chuốc họa gây thù. Trẫm vì lẽ đó, ôm ấp trong lòng, thương cảm xen lẫn, quên ăn mất ngủ. Nhân khi việc triều rảnh rỗi, xem khắp Kinh, Luận và các văn nghi lễ, tuyển chọn pháp có được tự lợi lợi tha, dùng để chỉ dạy cho người. Trăn trở suy đi nghĩ lại, xưa tạo nghiệp trọn do sáu căn. Vì thế đức Phật Thích-ca khi chưa thành đạo, trước vào núi Tuyết sáu năm tu khổ hạnh, là do sáu căn đó vậy.

Phỏng theo ý ấy, lấy sáu căn phân làm sáu thời, mỗi thời lễ sám một căn. Chính Trẫm chế nghi văn sám hối này, gọi là Khoa Nghi Sáu Thời Lễ Phật Sám Hối.

Văn thì rườm rà, nói thì lời xa xôi. Nếu văn rườm rà thì người lười sám hối, lời xa xôi thì dễ sanh nghi. Cho nên không dùng lời phù phiếm dồn cho đầy quyển, cốt khiến người đọc tụng vui vẻ, người nghe thấy dễ ngộ. Mới mong những kẻ có lòng tin, ngày đêm phát tâm chí thành, theo khoa nghi này làm lễ sám hối. Đây là chẳng phụ chí nguyện tự lợi lợi tha của Trẫm.

Người sáng mắt thời sau, chớ xem nghi văn này mà phát cười. Tuy nhiên như thế:

Không nhân ngõ tía hoa cười sớm,

Đâu có hoàng oanh đậu liễu xanh.

Giảng:

Vua Trần Thái Tông soạn Khoa Nghi Sáu Thời Sám Hối rất là đầy đủ, thích hợp với giáo lý, với Thiền tông, nhưng chúng ta lại bỏ quên, không ai ngó ngàng đến. Ngài chia sám hối mắt một thời, tai một thời... đến ý một thời. Ngài muốn dành cho người rảnh rỗi chưa tu thiền được, mỗi ngày đêm chia ra sáu thời để sám hối thì sáu căn cũng được thanh tịnh. Tại các thiền viện, vì có những giờ ngồi thiền nên chúng ta chỉ dùng một thời sám hối để gỡ những dính mắc của sáu căn cho khi ngồi tu được an ổn, chứ không dùng sám hối làm trọng tâm tu;

ngồi thiền mới là trọng tâm, thế nên chúng tôi tóm tắt sáu thời chung thành một thời. Đây là lời tựa sáu thời sám hối nói lên sở nguyện của ngài.

Tiện lợi việc đi lại dưới sông trên bộ là nhờ xe thuyền, tẩy sạch bụi nhơ nơi thân tâm là do sám hối. Muốn tẩy sạch thân tâm mà không dùng sám hối khác nào muốn tiện lợi qua lại mà chẳng dùng xe thuyền. Thế mới biết công dụng sám hối rất là to. Cho nên kinh Đại Tập nói:

"Như áo nhơ hằng trăm năm, có thể trong một ngày giặt được sạch sẽ. Như thế trong trăm ngàn kiếp đã tích tập các nghiệp chẳng lành, do nhờ lực Phật, khéo thuận tư duy, có thể trong một ngày hay một giờ, trọn hay tiêu diệt."

Đây là đoạn mở đầu nói về công dụng của sám hối. Phật dạy, ai ai cũng có thể lầm lỗi nhưng biết sám hối thì lầm lỗi đó sẽ hết; trái lại nếu che giấu thì lỗi càng tăng. Nên sám hối có công dụng giúp chúng ta tiêu ma những nghiệp cũ và sạch những nghiệp mới. Có như thế sự tu hành của chúng ta mới tiến mau. Chứ nghiệp cũ còn tràn đầy, nghiệp mới lại tiếp tục tạo thì việc tu hành sẽ càng ngày càng lui sụt. Vì thế sám hối là một điều rất thiết yếu.

Tuy nhiên tôi cũng nói rõ, sám hối là kể lại những lỗi lầm, những sai sót chúng ta đã gây ra, những tội lỗi chúng ta thường vấp phải, để chúng ta nhớ rồi sửa và tránh. Nếu sám hối mà không biết mình nói gì, không hiểu mình làm gì thì lời sám hối không có giá trị.

Điều đáng buồn là lâu nay ở các chùa, Phật tử chúng ta mỗi nửa tháng đều sám hối, thật là đúng tinh thần Phật dạy, nhưng khi quỳ xuống đọc những lời sám hối, thí dụ như sám hối Hồng Danh quý vị đọc: *Như thị đẳng nhất thiết thế giới chư Phật Thế Tôn v.v...* Đọc một mạch xong không biết nói gì, vậy sám hối là sám hối điều gì? Đó là điều rất đáng tiếc. Đúng ra sám hối là chúng ta phải biết mình có lỗi gì, nay xin chừa cải những lỗi lầm đó... ôn đi ôn lại cho tâm trí ghi nhớ để mỗi khi gặp những việc đó, sực nhớ mới tránh được, chứ nói mà không biết rõ nói gì thì buổi sám hối làm sao có tác dụng? Đó là điều tôi thường hay buồn vì thấy dường như chúng ta làm cho có lệ chứ không phải để có một công dụng thật sự.

Khi nói về công dụng của sám hối, vua Trần Thái Tông dẫn kinh Đại Tập. Một ông vua bận rộn việc nước, việc dân lại có giờ nghiên cứu kinh điển như kinh Đại Tập, chưa hẳn các vị ở chùa có đọc đến nữa. Ngài thấy trong kinh Đại Tập dạy: Như chiếc áo nhơ hằng trăm năm không giặt nay đem ra giặt thì có thể trong một ngày được sạch liền. Cũng như vậy, trong trăm ngàn kiếp đã chứa nhóm các nghiệp chẳng lành, nay nhờ sức thần của chư Phật, *khéo thuận tư duy, có thể trong một ngày hay một giờ, trọn hay tiêu diệt.* Khéo thuận tư duy, thuận là thuận theo giáo lý, tư duy là suy nghĩ, thường trong nhà Phật hay dùng từ ngữ Chánh tư duy. Nhờ oai lực của Phật, nhờ suy nghĩ đúng chánh pháp, đúng theo lời Phật dạy nên có thể trong một ngày hay một giờ tất cả nghiệp sẽ tiêu diệt rất nhanh. Như vậy sám hối là phải có tư duy về lỗi lầm để chừa cải.

Vả lại chúng sanh từ trước đến nay, tánh giác thanh tịnh tròn sáng, trong trẻo như hư không chẳng có mảy bụi. Do bọt vọng chợt dấy, cõi uế hiện thành, năng và sở nương nhau, Phật với chúng sanh thấy hai. Căn tánh sai biệt, ngu trí phân chia, chỉ cho một cửa, khó được ngộ nhập. Vì thế đức Phật chúng ta trí nguyện rộng lớn, mở cửa phương tiện, tùy lối chỉ đường về, đúng bệnh cho thuốc. Biết huyễn cấu của chúng sanh từ vọng mà sanh, khuyên họ một niệm kính thành quy y sám hối, khiến thân tâm thanh tịnh, trong sạch như xưa. Gió yên thì sóng lặng, bụi sạch thì gương sáng. Sao thế? Vì trước khởi tâm ác, như mây che mặt trăng, sau sanh tâm thiện, như đuốc sáng tan bóng tối. Ôi! Công dụng sám hối lớn lao há chẳng vậy sao?

Đoạn này ngài đi từ lý đến sự. Lý là nói từ trước đến nay tất cả chúng sanh đều có *tánh giác, thanh tịnh tròn sáng, trong trẻo như hư không chẳng có mảy bụi,* thế nên Lục Tổ bảo *bản lai vô nhất vật*. Tánh giác đó không dính một mảy bụi nhưng nay *do bọt vọng chợt dấy*, vọng tưởng như hòn bọt, chợt dấy lên thì *cõi uế hiện thành*. Ta-bà là uế độ tức là cõi uế, cõi nhơ nhớp. Do bọt vọng tưởng dấy lên đưa đẩy chúng ta sanh vào những cõi khổ đau ô uế, rồi từ đó có năng sở đối đãi, có Phật có chúng sanh, thành thấy có hai bên. Như vậy sở dĩ có cõi, có người, có Phật, có chúng sanh đều do vọng tưởng. Rồi *căn tánh sai biệt, ngu trí phân chia, chỉ cho một cửa, khó được ngộ nhập*. Căn tánh có kẻ khôn, người khờ, nếu Phật chỉ dạy một môn thì mọi người khó tu được vì người thông minh mau hiểu mau nhận, người trì độn lại khó nhận hiểu.

Vì thế, đức Phật chúng ta trí nguyện rộng lớn, mở cửa phương tiện, tùy lối chỉ đường về, đúng bệnh cho thuốc. Bởi vậy nên đức Phật mới dùng trí nguyện rộng lớn của ngài mở nhiều cửa, lập nhiều phương tiện để hướng dẫn họ, tùy theo lối mà chỉ đường, người thấp chỉ đường thấp, người cao chỉ đường cao v.v... đúng các bệnh mà cho thuốc để mọi người đều hết bệnh, hết khổ.

Biết huyễn cấu của chúng sanh từ vọng mà sanh, khuyên họ một niệm kính thành quy y sám hối. Cấu là nhơ nhớp, huyễn là giả dối. Cái nhơ nhớp giả dối của chúng ta chỉ từ vọng tưởng sanh ra, nay khuyên nên một niệm thành kính quy y sám hối thì lần lần huyễn cấu hết, nhờ đó *thân tâm được thanh tịnh, trong sạch* như buổi ban đầu, tức là trở về tánh giác thanh tịnh tròn sáng.

Ngài giải thích: *Gió yên thì sóng lặng, bụi sạch thì gương sáng*. Hai hình ảnh: mặt biển khi gió dừng sóng lặng, mặt biển thênh thang; mặt gương khi sạch bụi thì gương trong sáng. Như vậy có gió mới dậy sóng, gió là dụ cho vọng tưởng, sóng dụ cho những huyễn cấu làm cho tâm mất thanh tịnh; bụi dụ cho vọng tưởng, bụi sạch gương sáng là chỉ tâm trong sáng như cũ. Tại sao? *Vì trước khởi tâm ác, như mây che mặt trăng*, chúng ta khởi tâm ác giống như mây đen che mặt trăng. *Sau sanh tâm thiện, như đuốc sáng tan bóng tối*, sau khởi tâm lành như cầm đuốc sáng, bóng tối liền mất. *Sau* là chỉ khi sám hối và chánh tư duy. *Ôi! Công dụng sám hối lớn lao há chẳng vậy sao?* Tức là công dụng sám hối rất là to lớn vậy.

Tiếp đến ngài nói: *Trẫm nhờ quyến thuộc nhà Trời, ở ngôi chí tôn, nên việc dân gian quốc chánh phiền rộn.* Thuở xưa, vua được gọi là Thiên tử tức là con Trời, vì thế gọi là quyến thuộc nhà Trời. Trong nước vua là trên hết nên nói là chí tôn. Vì được trên hết nên việc dân gian quốc chánh phiền rộn quá nhiều.

Phồn hoa dụ dỗ bên ngoài, thị dục mê hoặc ở trong. Ở ngoài bao nhiêu thứ phồn hoa dụ dỗ, ở trong thị dục mê hoặc. Làm vua đâu có thiếu vật gì, cái gì cũng tốt đẹp, cũng cám dỗ. *Miệng thì chán ngán vị ngon, thân phải đeo mang vàng ngọc.* Ăn đủ thức ngon, ăn mãi thành ngán. Đeo còng bằng sắt với còng bằng vàng có khác nhau không? Khác là khác sắt với vàng, nhưng đều là còng. Bị trói, bị xiềng bằng sắt, bằng đồng hay đeo mang vàng ngọc cũng tương tự nhau thôi nên ngài cảm thấy thân bị đeo mang vàng ngọc. *Thấy nghe đuổi theo thanh sắc, ở ăn toàn chốn gác đài.* Thấy nghe đều toàn là sắc là thanh, lúc nào cũng sắc đẹp tiếng hay, tiếng khen ngợi, tôn xưng...

Lại nữa, thói đời khinh bạc, nhân pháp suy vi, học giả mù độn, căn lành kém mỏng. Hoàn cảnh quá dư làm cho ngài khổ, nhìn lại tình đời khinh bạc, pháp luật trong đời không có ai theo, người học giả ngu ngơ không sáng, căn lành lại kém mỏng.

Ngày thì căn trần va chạm, lưới nghiệp kéo lôi, đêm thì mê ngủ che đậy, dây lười trói buộc. Những câu này rõ ràng là bệnh của chúng ta. Ngày thì mắt chạy theo sắc, tai chạy theo tiếng v.v... cứ như thế mà bị lưới

nghiệp trói, lôi kéo không thoát khỏi. Đêm thì mê ngủ che đậy, từ mê ngủ bị dây lười trói buộc. Tất cả chúng ta thích tỉnh hay thích mê? Đúng lý ai cũng thích tỉnh nên mới tu. Nhưng ngủ mê tức là không tỉnh, nếu có người đến gọi cho tỉnh, chúng ta có buồn không? Lẽ ra phải mang ơn người gọi vì đang mê được tỉnh là mừng, trái lại đang ngủ ngon bị gọi dậy mà nổi giận là thích mê. Muốn tỉnh mà thích mê, thật là một vòng lẩn quẩn! Giả sử ba giờ rưỡi mới thức mà có người gọi trước mười lăm phút, mình cũng hoan hỷ vì huynh đệ tốt, gọi mình tỉnh sớm, nếu gọi trễ lẽ ra phải buồn giận vì để mình mê dài. Nhưng hình như chúng ta thích dậy trễ hơn là dậy sớm, nên chúng ta là kẻ thích mê, bị dây lười trói buộc.

Tóm lại, ban ngày bị lưới ngũ dục hay lưới nghiệp sáu trần kéo lôi, ban đêm sợi dây của ma lười trói cột không lúc nào được thảnh thơi, được tự do. Người tu là người muốn tự do, muốn giải thoát tức nhiên phải gỡ lưới nghiệp và cắt sợi dây lười. Muốn ban ngày không dính sáu trần, phải chịu khó sám hối mỗi đêm để nhớ không cho sáu trần dính mắc. Ban đêm nên dậy sớm để tỉnh nhiều hơn, nghĩa là càng tỉnh càng hay.

Ngày đêm dính mắc, đâu không phải là lỗi chuốc họa gây thù. Ngày đêm đều dính mắc là nhân để chuốc họa gây thù, cột trói mãi không thể thoát khỏi.

Trẫm vì lẽ đó ôm ấp trong lòng, thương cảm xen lẫn, quên ăn mất ngủ. Một vị vua mà nói Trẫm vì lẽ đó tức là vì nghĩ đến sự mê muội và nỗi khổ đau của con người

ôm ấp trong lòng, cảm xúc thương xót họ đến quên ăn mất ngủ. Trong khi đó có người xuất gia dường như chưa nhớ như vậy, chỉ biết ăn ngon ngủ kỹ, ai khổ mặc ai, thật là thiếu lòng từ bi!

Nhân khi việc triều rảnh rỗi, xem khắp Kinh Luận và các văn nghi lễ, tuyển chọn pháp có được tự lợi lợi tha, dùng để chỉ dạy cho người. Khi việc triều đình rảnh rỗi ngài xem Kinh Luận, các khoa nghi lễ để tìm chọn những gì lợi ích cho mình, cho người để chỉ dạy người.

Trăn trở suy đi nghĩ lại, xưa tạo nghiệp trọn do sáu căn. Ngài suy nghĩ ngày trước chúng ta tạo nghiệp đều do sáu căn. *Vì thế đức Phật Thích-ca khi chưa thành đạo, trước vào núi Tuyết, sáu năm tu khổ hạnh là do sáu căn đó vậy.* Đức Phật hành khổ hạnh sáu năm là để tượng trưng cho sáu căn.

Phỏng theo ý ấy, lấy sáu căn phân làm sáu thời, mỗi thời lễ sám một căn. Chính Trẫm chế nghi văn sám hối này, gọi là Khoa Nghi Sáu Thời Lễ Phật Sám Hối. Ngài nói lý do chế ra khoa văn sám hối này. Vì xét kỹ con người có nhiều tội lỗi, nhiều mê muội nên bị khổ chồng chất kiếp kiếp đời đời. Xét như vậy rồi nghĩ thương thân phận mình. Câu *được tự lợi lợi tha* nghĩa là sám hối thế nào có lợi cho mình cho người. Có lẽ ngài cảm thấy mình tội lỗi nên trằn trọc tìm cách giải những tội lỗi trước kia, ngài tìm được khoa nghi sám hối này, ngài tự tu, ngài sám hối, đó là tự lợi, để người sau bắt chước tu theo đó là lợi tha. Như vậy ngài biết mình không trong sạch nên phải sám hối, rồi chỉ dạy cho người biết sám hối như ngài.

Văn thì rườm rà, nói thì lời xa xôi. Nếu văn rườm rà thì người lười sám hối, lời xa xôi thì dễ sanh nghi. Cho nên không dùng lời phù phiếm dồn cho đầy quyển, cốt khiến người đọc tụng vui vẻ, người nghe thấy dễ ngộ. Mới mong những kẻ có lòng tin, ngày đêm phát tâm chí thành, theo khoa nghi này làm lễ sám hối. Đây là chẳng phụ chí nguyện tự lợi lợi tha của Trẫm.

Đoạn này ngài nói về lời văn trong Lục Thời Sám Hối. Nếu ngài dùng văn chương thì có tính cách rườm rà, người ta sẽ lười sám hối. Còn dùng lời xa xôi, người nghe khó hiểu nên dễ sanh nghi. Vì thế ngài không dùng lời văn rườm rà phù phiếm mà dùng những lời bình dị khiến người đọc tụng nghe dễ hiểu nên vui vẻ, lại người ở chung quanh được nghe cũng dễ ngộ. Được như thế *mới mong những kẻ có lòng tin*, nghĩa là những ai tin lối tu hành sám hối, *ngày đêm phát tâm chí thành làm lễ sám hối*. Như vậy mới đúng chí nguyện tự lợi và lợi tha của ngài.

Để kết thúc, tôi dẫn nguyên văn chữ Hán:

Hậu chi minh nhãn giả, vô dĩ nghi văn kiến tiếu. Tuy nhiên như thị:

Bất nhân tử bách hoa khai tảo,
Tranh đắc hoàng oanh hạ liễu điều.

Hậu chi minh nhãn giả, là *người mắt sáng đời sau,* tức chỉ đời sau, những người ngộ đạo, đạt được lý thiền. *Vô dĩ nghi văn kiến tiếu,* chớ thấy nghi văn sám hối này mà cười. Vì người ngộ đạo rồi thấy nghi lễ sám hối cho là hình thức, yêu cầu quý vị chớ cười, tại sao?

Tuy hình thức như thế nhưng:

Không nhân ngõ tía hoa cười sớm,
Đâu có hoàng oanh đậu liễu xanh.

Hai câu thơ này trả lời rất khéo. *Bách* là con đường hẹp, *hoa cười sớm* là hoa nở sớm. Nếu bên những con đường hẹp không có hoa nở sớm thì *đâu có hoàng oanh đậu liễu xanh*. Đây là theo tinh thần ở Trung Hoa, vào mùa xuân hoa nở mới có chim hoàng oanh về đậu trên cành liễu.

Như vậy hai câu thơ trên nghĩa là không nhân hình thức nghi lễ này thì làm gì có cơ hội ngộ được bản tâm thanh tịnh, vậy đừng nghĩ hình thức là vô nghĩa, vô ích. Hình thức tuy ở bên ngoài nhưng nhờ nó mà cái cao siêu sáng suốt trong sạch bên trong hiện ra. Như vậy toàn bài kết thúc bằng hai câu thơ cho chúng ta thấy ý nghĩa rất là đầy đủ.

Tóm lại chúng tôi đã nhiều lần nhắc nhở: Sáu thời sám hối của vua Trần Thái Tông là then chốt của sự tu hành. Thế nên chúng ta mỗi đêm hằng sám hối theo sáu thời, để sáu căn khi tiếp xúc với sáu trần không dính mắc, không dính mắc là vô trụ, vô trụ thì tâm Bồ-đề hay tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác phát sanh.

KHÓA LỄ SÁU THỜI SÁM HỐI

Chánh văn:

Kệ Cảnh Sách Chúng Giờ Dần[5]

Phương đông tờ mờ sáng,
Mặt đất tối tan dần.
Tâm chạm trần cảnh dấy,
Mắt lòa sắc tưng bừng.
Xác thối đừng ôm mãi,
Đầu vùi, sớm ngưỡng lên.
Ân cần chuyên sáu niệm,
Hầu mong hợp cơ chân.

(Lễ Tam bảo ba lạy)

---

[5] Giờ Dần: 3g - 5g

DÂNG HƯƠNG BUỔI SÁNG

Cúi mong, phương tây mặt trăng vừa lặn, hướng đông vầng nhật hiện dần. Chiếu Phạm họp dòng thanh tịnh, cõi không lễ bậc Thánh hiền. Mong thấu lòng thành, kính dâng hương báu.

Hương này, trồng từ rừng giới, tưới bằng nước định, chặt từ vườn tuệ, vót bằng đao giải thoát. Chẳng do sức người rìu búa, hình thế xuất tự thiên nhiên. Đốt lên từ lò báu tri kiến, kết đài mây sáng rỡ. Khi bay khắp chốn ngạt ngào, tan ra đầy trời thơm phức. Vừa lúc rạng đông, thắp hương cúng dường.

Kệ Dâng Hương

Trầm thủy, rừng thiền hương sực nức,
Chiên-đàn, vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thẳm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.

Kệ Dâng Hoa

Đất tâm mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.

(Hiến dâng hương hoa rồi bạch)

Nguyện mây hương hoa này,
Khắp cả mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp, chư Bồ-tát,
Vô lượng chúng Thanh văn
Và tất cả Thánh hiền.
Vừa rời đài Quang minh,
Qua cõi nước vô biên,
Trong vô biên cõi Phật,
Nhận dùng làm Phật sự.
Xông khắp các chúng sanh
Đều phát tâm Bồ-đề.

(Lễ Tam bảo một lạy)

Tâu Bạch

Kính bạch: Mười phương Đại giác, ba đời Hùng sư, soi đuốc tuệ nơi đường tối, thả thuyền từ trong biển khổ.

Trộm nghe: Canh gà vừa qua, bóng thỏ mới lặn. Khói mù nơi sông núi chớm tan, xe ngựa xa gần đều chuyển động. Tiếng mai hoa trên lầu vừa tàn, chén trúc diệp trước song mới tỉnh. Mày liễu thập thò bày nắng sớm, mặt hoa e thẹn đọng sương mai. Gặp khi bừng sáng, thương kẻ ngu mê.

Trong đêm giấc mộng đã lờ mờ, sáng đến tâm hồn còn rộn rịp. Mắt tai đuổi theo thanh sắc, mũi lưỡi dính mắc vị hương. Nhà lửa hằng cam thiêu đốt, sông ái mãi chịu đắm chìm. Mặc dù sáng nay ông thức giấc, cũng như người đang ngủ đêm qua. Chẳng lo sanh già bệnh chết đuổi gấp, chỉ chăm vợ con tiền của buộc ràng.

Các Phật tử! Gốc thân chẳng bền, cành mạng khó yên. Mọi người trên đầu đội trời, khó khỏi mắt sáng rơi đất. Một sớm chợt sẩy tay, muôn kiếp thân khó được. Cần phải mau mau gieo giống lành, chớ có khư khư cầu quả ác. Người người sớm tỉnh, mỗi mỗi siêng tu. Chuyên tâm lễ Vô thượng Từ dung, chạm mắt thấy Đại quang minh tạng.

Đệ tử chúng con, kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ buổi sáng. ***(Lễ Tam bảo một lạy)***

SÁM HỐI TỘI CĂN MẮT

Chí tâm sám hối:

Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,

Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.

Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,

Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.

Nghiệp Căn Mắt là:

Nhân ác xem kỹ, nghiệp thiện coi khinh.

Lầm nhận hoa giả, quên ngắm trăng thật.

Yêu ghét nổi dậy, đẹp xấu tranh giành;
Chợt mắt dối sanh, mờ đường chánh kiến.
Trắng qua xanh lại, tía phải vàng sai;
Nhìn lệch các thứ, nào khác kẻ mù.
Gặp người sắc đẹp, liếc trộm nhìn ngang;
Lòa mắt chưa sanh, bản lai diện mục.
Thấy ai giàu có, giương mắt mải nhìn;
Gặp kẻ bần cùng, lờ đi chẳng đoái.
Người dưng chết chóc, nước mắt ráo khô;
Thân quyến qua đời, đầm đìa lệ máu.
Hoặc đến Tam bảo, hoặc vào chùa chiền;
Gần tượng thấy kinh, mắt không thèm ngó.
Phòng tăng điện Phật, gặp gỡ gái trai;
Mắt liếc mày đưa, đam mê sắc dục.
Không ngại Hộ pháp, chẳng sợ Long thần;
Trố mắt ham vui, đầu chưa từng cúi.
Những tội như thế, vô lượng vô biên;
Đều từ mắt sanh, phải sa địa ngục.
Trải hằng sa kiếp, mới được làm người;
Dù được làm người, lại bị mù chột.
Nếu không sám hối, khó được tiêu trừ;
Nay trước Phật đài, thảy đều sám hối.

(Lễ Tam bảo một lạy)

Chí Tâm Khuyến Thỉnh

Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật,
Và chư Bồ-tát, Thánh hiền tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).

Chí Tâm Tùy Hỷ

Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thềm thang Thập địa nguyện sớm lên,
Bồ-đề chân tâm không lui sụt.

Chí Tâm Hồi Hướng

Chúng con hồi tâm nương Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nhờ thắng nhân này thành Chánh giác.

(Lễ Tam bảo một lạy)

Chí Tâm Phát Nguyện

Một nguyện rộng mở sáng chánh kiến,
Hai nguyện lau sạch bụi trần mù,
Ba nguyện nhìn hình không đắm mến,
Bốn nguyện thấy sắc chẳng bận lòng.
Năm nguyện quên đầu cần kíp nhận,

Sáu nguyện mắt tuệ tự tròn đầy,
Bảy nguyện hiện nay sớm tỉnh mộng,
Tám nguyện hằng được sáng xưa nay.
Chín nguyện khi nhìn trừ mắt bệnh,
Mười nguyện chỗ thấy dứt không hoa,
Mười một nguyện trông xa mây chướng cuốn,
Mười hai nguyện chớp mắt nghiệp băng trong.

(Lễ Tam bảo một lạy)

Kệ Vô Thường Buổi Sớm

Đêm tối vừa rạng sáng,
Ánh dương dần hiện không.
Tóc bạc thầm tới điểm,
Má hồng dần đổi thay.
Chẳng biết tuổi xuân ngắn,
Vẫn tranh nghiệp quả hùng.
Thân như băng gặp nắng,
Mạng tợ đuốc gió đùa.
Chớ mải mê làm khách,
Quay về sớm chiếu soi.

(Lễ Tam bảo một lạy)

DÂNG HƯƠNG BUỔI TRƯA

Cúi mong, ánh dương rực rỡ, bầu trời chói chang. Nhìn lại ngày cứ trôi qua, đến Phật khấn cầu. Lòng tin tỏ bày dưới tòa báu, thắp nén hương trầm cắm lò châu.

Hương này, un đúc bởi tiên thiên, chẳng phải Bồng đảo châu sản xuất; ngát thơm quả đất, nào do chiên-đàn sanh ra. Danh phẩm hơn cả trầm tiên, mùi vị vượt xa lan xạ. Chỗ tỏa khói lành, bởi lửa tam-muội đốt; mây hương bủa khắp, vốn từ khí nhất nguyên tan. Mỗi mỗi trên đảnh đều thấu triệt, người người trong mũi thảy ngửi mùi.

Đây do Nghi sám hối, làm lễ dâng hương. Nay giờ Ngọ thắp hương cúng dường.

Kệ Dâng Hương

Trầm thủy rừng thiền hương sực nức,
Chiên-đàn vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thẳm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.

Kệ Dâng Hoa

Tâm địa mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.

(Hiến dâng hương hoa rồi bạch)

Nguyện mây hương hoa này,
Qua đầy mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp, chư Bồ-tát,
Vô lượng chúng Thanh văn
Và tất cả Thánh hiền;
Từ đài Quang minh dậy,
Qua vô biên thế giới,
Trong vô biên cõi Phật,
Thọ dụng làm Phật sự;
Khắp huân các chúng sanh,
Đều phát tâm Bồ-đề.

Cúng dường rồi, chí tâm quy mạng lễ mười phương Vô thượng Tam bảo. ***(Một lạy)***

Tâu Bạch

(Lại niêm hương quỳ bạch)

Kính bạch: Mười phương Đại giác, ba đời Hùng sư, chuyển sáu đạo thành sáu thần thông, nhiếp chín loài về chín phẩm.

Trộm nghe: Gà xóm gáy trưa, mặt trời đứng bóng. Vòm trời cao ánh dương vừa đến giữa, khắp nơi dương liễu bóng đứng ngay. Nắng rọi sân hoa vờn ngọc, gió đưa rặng liễu lay vàng. Long lanh rực rỡ

chiếu dao đài, lấp lánh chập chờn soi thềm ngọc. Lò nghê hương quyện, trời xanh vầng nhật chói chang. Gối tiên giấc nồng, trên gác tía ngày dài đêm ngắn. Hè cao độ thì chảy vàng nứt đá. Đông cực hàn thì sương phủ tuyết rơi. Nắng trưa bụi mù trong sạch, bóng xế mây tối quét tan. Đối cảnh tánh thiên rỗng suốt, ngay đó tâm địa sáng ngời. Nơi nơi thảy có quang minh, bước bước trọn không hắc ám.

Chư Phật tử! Mặt trời đúng Ngọ rồi phải xế, con người có thạnh ắt có suy. Thân thể chẳng bền lâu, giàu sang khó giữ mãi. Nhanh chóng như nước chảy trên sông, lẹ làng tợ mây qua đỉnh núi. Bình sinh chẳng tạo nhân lành, ngày khác ắt về đường khổ. Quyết khởi tin sâu, trừ sạch nghi ngờ. Sớm nở tâm châu chư Phật, chiếu phá thùng sơn chúng sanh.

Đệ tử chúng con kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ buổi trưa.

Tâu bạch rồi, chí tâm quy mạng lễ mười phương ba đời Vô thượng Tam bảo. ***(Một lạy)***

SÁM HỐI TỘI CĂN TAI

Chí tâm sám hối:

Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,

Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.

Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,

Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.

Nghiệp Căn Tai là:
Ghét nghe chánh pháp, thích lắng lời tà;
Mê mất gốc chân, đuổi theo ngoại vọng.
Sáo đàn inh ỏi, bảo khúc Long ngâm;
Văng vẳng mõ chuông, coi như ếch nhái.
Câu ví bài vè, bỗng nhiên để dạ;
Lời kinh câu kệ, không chút lắng tai.
Thoảng nghe khen hão, khấp khởi mong cầu;
Biết rõ lời lành, đâu từng ưng nhận.
Vài ba bạn rượu, năm bảy khách chơi;
Tán ngắn bàn dài, châu đầu nghe thích.
Hoặc gặp thầy bạn, dạy bảo đinh ninh;
Những điều hiếu trung, che tai bỏ mặc.
Hoặc nghe tiếng xuyến, bỗng nảy lòng dâm;
Nghe nửa câu kinh, liền như tai ngựa.
Những tội như thế, vô lượng vô biên;
Đầy ắp bụi trần, kể sao cho xiết.
Sau khi mạng chung, rơi ba đường ác;
Hết nghiệp thọ sanh, lại làm người điếc.
Nếu không sám hối, khó được tiêu trừ;
Nay trước Phật đài, thảy đều sám hối.

(Lễ Tam bảo một lạy)

Chí Tâm Khuyến Thỉnh

Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật,
Và chư Bồ-tát, Thánh hiền tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).

(Lễ Tam bảo một lạy)

Chí Tâm Tùy Hỷ

Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thềm thang Thập địa nguyện sớm lên,
Bồ-đề chân tâm không lui sụt.

(Lễ Tam bảo một lạy)

Chí Tâm Hồi Hướng

Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nương thắng nhân này thành Chánh giác.

(Lễ Tam bảo một lạy)

Chí Tâm Phát Nguyện

Một nguyện nghe tiếng liền ngộ đạo,
Hai nguyện nghe khổ sớm tu hành,
Ba nguyện nghe suốt khắp bốn phương,

Bốn nguyện nghe vui vô sanh tột.
Năm nguyện lời tà tai chẳng dính,
Sáu nguyện chánh ngữ chóng nghe rành,
Bảy nguyện tiếng pháp thường gần gũi,
Tám nguyện trống pháp cần lắng nghe.
Chín nguyện Quán Âm cùng tay nắm,
Mười nguyện Khánh Hỷ đồng nổi danh,
Mười một nguyện nhóm điếc thường phá chướng,
Mười hai nguyện hai tai hằng suốt thông.

(Lễ Tam bảo một lạy)

Kệ Vô Thường Thời Này

Chớp mắt vầng ô vừa mới mọc,
Quay đầu bóng nhật giữa vòm trời.
Trọn tham gỗ mục say mê ngủ,
Nào tỉnh bóng hòe đã đổi đời.
Phút chốc hoa tươi lần rơi rụng,
Dần dà mạng nấm thạnh rồi suy.
Mọi người sớm tỉnh xoay soi lại,
Tự khổ ruổi rong khắp nẻo đường.

(Lễ Tam bảo một lạy)

DÂNG HƯƠNG BUỔI MẶT TRỜI LẶN

Cúi mong, chân trời ráng hiện, khói tụ non xa. Thân đến đàn tràng thanh tịnh, đầu lễ Hiền thánh từ bi. Mong thấu lòng thành, kính đốt hương báu.

Hương này, danh cao ở Bồng đảo, phẩm lạ ở Lục dương. Nào phải trầm thủy dâng từ Lâm Ấp, chẳng như tô du cống hiến của Đại Tần. Mùi hơn xạ hương ở Phong huyện, vị quá Ô Tràng long não. Riêng chiếm giá cao bậc nhất, mùi thơm vượt hẳn các hương. Hương báu vừa bay, chiếu Phạm huân thành đàn thế giới; lò vàng mới đốt, xoay vần kết tụ thận lầu đài. Tìm đến, càn thành tan ảo hóa; ngửi mùi, địa ngục hết chua cay. Nay mặt trời lặn, thắp hương cúng dường.

Kệ Dâng Hương

Trầm thủy rừng thiền hương sực nức,
Chiên-đàn vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thẳm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.

Kệ Dâng Hoa

Tâm địa mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.

(Hiến dâng hương hoa rồi bạch)

Nguyện mây hương hoa này,
Khắp cả mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp, chư Bồ-tát,
Vô lượng chúng Thanh văn
Và tất cả Thánh hiền,
Vừa rời đài Quang minh;
Qua cõi nước vô biên,
Trong vô biên cõi Phật,
Nhận dùng làm Phật sự.
Xông khắp các chúng sanh,
Đều phát tâm Bồ-đề.

Cúng dường rồi, chí tâm quy mạng lễ mười phương Vô thượng Tam bảo. ***(Một lạy)***

Tâu Bạch

(Lại niêm hương quỳ bạch)

Kính bạch: Mười phương Đại giác, ba đời Hùng sư. Vung kiếm tuệ ở rừng tà, quạt gió từ vào nhà lửa.

Trộm nghe: Ráng đỏ phủ đầu non, mặt trời vừa gác núi. Đầu thành giọng ốc thổi buồn thiu, chày nện ngoài rèm nghe ảm đạm. Thuyền chài quay lại bến cất tiếng hát chiều, chim bay trở về rừng nhẹ nhàng vỗ cánh. Phờ phạc đàn cò đậu bãi cát, tiêu sơ bờ liễu dế ngâm sầu. Đồng rộng lập lòe vài

đóm lửa, trời cao lơ lửng trăng lưỡi liềm. Cửa phên hờ khép gà vào chuồng, đèn lửa chưa lên trâu lại ngõ. Lữ khách thúc ngựa chạy như tên bắn, thuyền về chèo gấp nhanh tợ thoi đưa. Thương thay kẻ mê lại vào đường tối. Ngày sáng trưng còn chẳng biết lối đi, đêm càng tối lối về nhà quên bẵng. Nhóm kia như người không đủ mắt, cảnh này quyết hẳn kẻ quên đường.

Các Phật tử! Phải nhớ vô thường nhanh chóng, chớ tham phù thế xa hoa. Cần kíp kéo mũi xoay đầu, chớ để buông tâm phóng chạy. Mỗi người soi sáng bên trong, không cho theo cảnh tìm ngoài. Nếu là tri âm, hãy mau tiến bước.

Đệ tử chúng con kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ mặt trời lặn. ***(Lễ Tam bảo một lạy)***

SÁM HỐI TỘI CĂN MŨI

Chí tâm sám hối:
Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,
Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.
Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.

Nghiệp Căn Mũi là:
Thường tham mùi lạ, trăm thứ ngạt ngào;
Chẳng thích chân hương, năm phần thanh tịnh.
Lan xông xạ ướp, chỉ thích tìm tòi;

Giới định hương huân, chưa từng để mũi.
Trầm đàn thiêu đốt, đặt trước Phật đài;
Nghển cổ hít hơi, trộm hương phẩy khói.
Theo dõi hương trần, Long thần chẳng nể;
Chỉ thích mùi xằng, trọn không chán mỏi.
Mặt đào má hạnh, lôi kéo chẳng lìa;
Cây giác hoa tâm, xây đi không đoái.
Hoặc ra phố chợ, hoặc vào bếp sau;
Thấy bẩn thèm ăn, ưa nhơ kiếm nuốt.
Chẳng ngại tanh hôi, không kiêng hành tỏi;
Mê mải không thôi, như lợn nằm ổ.
Hoặc chảy nước mũi, hoặc hỷ đàm vàng;
Bôi cột quẹt thềm, làm nhơ đất sạch.
Hoặc say nằm ngủ, điện Phật phòng tăng;
Hai mũi thở hơi, xông kinh nhơ tượng.
Ngửi sen thành trộm, nghe mùi thành dâm;
Không biết không hay, đều do nghiệp mũi.
Những tội như thế, vô lượng vô biên;
Sau khi mạng chung, đọa ba đường khổ.
Trải ngàn muôn kiếp, mới được làm người;
Dù được làm người, quả báo bệnh mũi.
Nếu không sám hối, khó được tiêu trừ;
Nay trước Phật đài, thảy đều sám hối.

(Lễ Tam bảo một lạy)

Chí Tâm Khuyến Thỉnh

Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật,
Và chư Bồ-tát, Thánh hiền tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).

(Lễ Tam bảo một lạy)

Chí Tâm Tùy Hỷ

Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thềm thang Thập địa nguyện sớm lên,
Bồ-đề chân tâm không lui sụt.

(Lễ Tam bảo một lạy)

Chí Tâm Hồi Hướng

Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nương thắng nhân này thành Chánh giác.

(Lễ Tam bảo một lạy)

Chí Tâm Phát Nguyện

Một nguyện ra hết tà khí loạn,
Hai nguyện nhận vào tuệ hương huân,
Ba nguyện đóng thành cửa vô lậu,

Bốn nguyện ho tan trần hữu duyên.
Năm nguyện lôi về đường Tam bảo,
Sáu nguyện ngáp nát xóm tứ sanh,
Bảy nguyện thở trừ chướng phiền não,
Tám nguyện ngửi được hoa giác tươi.
Chín nguyện thường thông giống các pháp,
Mười nguyện hằng lấp nhân ngũ tân,
Mười một nguyện kéo về dạo biển tánh,
Mười hai nguyện lôi ra khỏi bến mê.

(Lễ Tam bảo một lạy)

Kệ Vô Thường Thời Này

Cảnh giục trời gác núi,
Tấc bóng có tiếc chăng?
Chỉ chạy theo ý ngựa,
Tâm khỉ chịu dừng đâu?
Mặt trời mọc rồi lặn,
Thân nổi trở lại chìm.
Già đến ngu cùng trí,
Chết đi xưa và nay.
Chẳng khỏi vô thường đến,
Hạn lớn tránh được nào?
Mỗi nên đi đường chánh,
Chớ để vào nẻo tà.

Kệ Khuyên Chúng Buổi Hoàng Hôn

Cảnh giục nương dâu tối,
Non tây ô lặn rồi.
Ngày giờ đâu dừng mãi,
Già bệnh dễ kề người.
Chết đến ai hay giữ,
Hạn lại sao cấm ngăn.
Mọi người nên để mắt,
Hôn tán chớ vương tâm.

Kệ Tám Khổ

Sanh đến thành người thân khổ nhọc,
Già sang lụ khụ ý mê mờ,
Bệnh xâm thân thể đau khôn nhẫn,
Chết đọa ba đường nghiệp dễ lôi.
Ân ái xa lìa buồn khó tả,
Oán thù gặp lại giận không cùng,
Ngàn cầu chẳng được thêm phiền não,
Năm ấm tranh nhau đấu sức hùng.

(Lễ Tam bảo ba lạy)

DÂNG HƯƠNG BUỔI ĐẦU HÔM

Cúi mong, lửa đom đóm điểm không, đèn thuyền chài rọi nước. Bạn tịnh trên đàn đều tới, trong lò mới thắp tín hương.

Hương này, sản phẩm chẳng ở Lạc sơn, chủng loại không phải trầm thủy. Đâu bởi thần long dâng cúng, chính do Bồ-tát cất dành. Trong rừng Ngưu Đầu khó so bì, nơi vườn Kê Thiệt suy tôn bậc nhất. Gươm tuệ chặt, vót bằng đao giới rất mực thanh kỳ; nước định rửa, lửa tam-muội đốt mùi thơm ngào ngạt. Đâu chỉ đàn tràng ngửi được, mọi nơi khắp chốn đều thơm. Một nén hương xông nhiều đời nghiệp sạch. Nay buổi đầu hôm, đốt hương cúng dường.

Kệ Dâng Hương

Trầm thủy rừng thiền hương sực nức,
Chiên-đàn vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thẳm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.

Kệ Dâng Hoa

Đất tâm mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.

(Hiến dâng hương hoa rồi bạch)

Nguyện mây hương hoa này,
Khắp cả mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp, chư Bồ-tát,
Vô lượng chúng Thanh văn
Và tất cả Thánh hiền.
Vừa rời đài Quang minh,
Qua cõi nước vô biên,
Trong vô biên cõi Phật,
Nhận dùng làm Phật sự.
Xông khắp các chúng sanh
Đều phát tâm Bồ-đề.

Tâu Bạch

Kính bạch: Mười phương Đại giác, ba đời Hùng sư, mở rộng đèn tuệ chư Phật, soi khắp nhà tối quần sanh.

Trộm nghe: Kèn lầu vừa thổi, trống cấm mới truyền, nhà nhà đèn sáp sáng trưng, chốn chốn mỡ rồng cháy rực. Ngựa báu thôi hý ngoài ngõ tía, cá vàng ngưng nhảy dưới ao trong. Lưa thưa mặt nước đom đóm bay, lấp ló đầu non ngậm vầng nguyệt. Bên đài Phượng Hoàng say sưa tiệc rượu liên hoan, trước lầu Anh Vũ tham đắm mê hoa thủ lạc. Hoặc vịnh trăng cợt gió, hoặc thổi sáo đánh đàn.

Người người chăm chăm duyên trước mắt, kẻ kẻ đâu quên việc sau thân.

Các Phật tử! Phải tỉnh đường trước khó tiến tới, chớ tham gối cao mặc ngủ say. Lên giường khó bảo đảm xuống giường, đêm nay đâu thể biết đêm mai. Cửa đệ nhất nghĩa nên thẳng vào, nơi ba đường ác chớ tiến bước. Quay đầu nhận về gia hương mình, mở mắt chớ ham mộng phù thế.

Đệ tử chúng con kính tưởng giờ này, lấy làm khóa lễ đầu hôm. ***(Lễ Tam bảo một lạy)***

SÁM HỐI TỘI CĂN LƯỠI

Chí tâm sám hối:
Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,
Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.
Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.

Nghiệp Căn Lưỡi là:
Tham đủ mọi mùi, thích xét ngon dở;
Nếm hết các thứ, biết rõ béo gầy.
Sát hại sanh vật, nuôi dưỡng thân mình;
Quay rán cá chim, nấu hầm cầm thú.
Thịt tanh béo miệng, hành tỏi ruột xông;
Ăn rồi đòi nữa, nào thấy no lâu.
Hoặc đến đàn chay, cầu thần lễ Phật;

Cố cam bụng đói, đợi lúc việc xong.
Sáng sớm ăn chay, cơm ít nước nhiều;
Giống hệt người đau, gắng nuốt thuốc cháo.
Mắt đầy mỡ thịt, cười nói hân hoan;
Rượu chuốc cơm mời, nóng thay nguội đổi.
Bày tiệc đãi khách, cưới gả cho con;
Giết hại chúng sanh, vì ba tấc lưỡi.
Nói dối bày điều, thêu dệt bịa thêm;
Hai lưỡi bỗng sanh, ác khẩu dấy khởi.
Chửi mắng Tam bảo, nguyền rủa mẹ cha;
Khinh khi hiền thánh, lừa dối mọi người.
Chê bai người khác, che giấu lỗi mình;
Bàn luận cổ kim, khen chê này nọ.
Khoe khoang giàu có, lăng nhục người nghèo;
Xua đuổi tăng ni, chửi mắng tôi tớ.
Lời gièm thuốc độc, nói khéo tiếng đàn;
Tô vẽ điều sai, nói không thành có.
Oán hờn nóng lạnh, phỉ nhổ non sông;
Tán dóc tăng phòng, ba hoa Phật điện.
Những tội như thế, vô lượng vô biên;
Ví như cát bụi, đếm không thể cùng.
Sau khi mạng chung, vào ngục Bạt Thiệt;
Cày sắt kéo dài, nước đồng rót mãi.
Quả báo hết rồi, muôn kiếp mới sanh;

Dù được làm người, lại bị câm bặt.
Nếu không sám hối, khó được tiêu trừ;
Nay trước Phật đài, thảy đều sám hối.

(Lễ Tam bảo một lạy)

Chí Tâm Khuyến Thỉnh

Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật,
Và chư Bồ-tát, Thánh hiền tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).

(Lễ Tam bảo một lạy)

Chí Tâm Tùy Hỷ

Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thềm thang Thập địa nguyện sớm lên,
Bồ-đề chân tâm không lui sụt.

(Lễ Tam bảo một lạy)

Chí Tâm Hồi Hướng

Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nương thắng nhân này thành Chánh giác.

(Lễ Tam bảo một lạy)

Chí Tâm Phát Nguyện

Một nguyện ăn no vị vô thượng,
Hai nguyện nhả hết vị trần tanh,
Ba nguyện biện tài trừ các hoặc,
Bốn nguyện thích nói độ quần sanh.
Năm nguyện đọc hết kho vô tận,
Sáu nguyện sông pháp uống cạn khô,
Bảy nguyện sớm nhận Đại Ngu nói (thổ lộ),
Tám nguyện nhanh đồng Lâm Tế thanh (tiếng hét).
Chín nguyện lưỡi dài cùng Phật phủ,
Mười nguyện trong sạch như trời xanh,
Mười một nguyện thế gian không câm ngọng,
Mười hai nguyện địa ngục hết trâu cày (cày lưỡi).

(Lễ Tam bảo một lạy)

Kệ Vô Thường Thời Này

Ngày sáng mất rồi đêm tối đến,
Đường đêm mờ mịt lại mịt mờ.
Uổng công đốt đuốc cho người khác,
Chẳng chịu mồi đèn chính nhà mình.
Chầm chậm vầng ô vừa khuất núi,
Từ từ bóng thỏ biển đông lên.
Chết sống xoay vần đều như thế,
Sao chẳng quy y Phật Pháp Tăng.

DÂNG HƯƠNG NỬA ĐÊM

Cúi mong, đồng hồ canh ba chuyển, muôn tiếng nhạc lặng im. Chúng tăng hòa hợp trước nghiêm đàn, một nén hương thơm trùm pháp giới.

Hương này, trời đất sanh thành, công vun trồng chẳng phải một đời, do trăm thần bảo hộ mà được. Cội rễ tốt tươi, mãi nhờ mưa pháp thấm nhuần. Thể chất thanh cao, hằng được mây từ che mát. Giống lạ, chớ đem cây thường so sánh, mùi thơm nào phải kẻ phàm hay. Lư vàng nâng lên, mảnh mảnh vừa châm vào ngọn lửa, kết thành lọng báu tầng tầng, bay thẳng tận mây ngàn. Dùng làm lễ nghi trước Phật, mong nêu lòng tin kẻ phàm. Nay lúc nửa đêm, thắp hương cúng dường.

Kệ Dâng Hương

Trầm thủy rừng thiền hương sực nức,
Chiên-đàn vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thẳm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.

Kệ Dâng Hoa

Tâm địa mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.

(Hiến dâng hương hoa rồi bạch)

Nguyện mây hương hoa này,
Khắp cả mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp chư Bồ-tát,
Vô lượng chúng Thanh văn
Và tất cả Thánh hiền;
Vừa rời đài Quang minh,
Qua cõi nước vô biên,
Trong vô biên cõi Phật,
Nhận dùng làm Phật sự,
Xông khắp các chúng sanh,
Đều phát tâm Bồ-đề.

Cúng dường rồi, chí tâm quy mạng lễ mười phương Vô thượng Tam bảo. ***(Một lạy)***

Tâu Bạch

(Lại niêm hương quỳ bạch)

Kính bạch: Mười phương Đại giác, ba đời Hùng sư. Duỗi tay vàng tiếp độ quần sanh, phóng sáng ngọc soi cùng các cõi.

Trộm nghe: Giờ vừa sang Tý, đêm đã nửa rồi. Ngọn đèn đĩa bạc đã hầu tàn, đường sá trong thành đều lắng bụi. Mấy trận gió mây sanh muôn dặm,

một vầng trăng sáng rọi canh ba. Lưa thưa rừng trúc rây vàng, lấp lánh hoa sân vờn ngọc. Hạc oán lặng thinh nơi trướng tuệ, vượn buồn kêu mãi chốn rừng tùng. Xa xôi Sâm Đẩu trải Ngân hà, vắng vẻ quỷ thần khóc đồng nội. Cuốc kêu thống thiết, mộng điệp say mê. Thân huyễn lẻ loi trong rừng rậm, mộng hồn rong ruổi ngàn dặm trường. Cam chịu ma ngủ quấy rầy luôn, đâu biết đuốc trí hằng sáng rực. Ngoài nhà thần phách lạc hồn bay, trong hang quỷ tròng che mắt nhắm. Chỉ thích tham mê ngủ nghỉ, đâu biết nếm vị chân như. Ham ưa một giấc ngon đến sáng, nào ngại trăm năm cơn chết chờ.

Các Phật tử! Phải nhớ bốn rắn bức bách, chớ quên hai chuột gặm mòn. Luân hồi ba cõi chừng nào thôi, quanh quẩn bốn loài bao giờ hết? Đường vãng sanh nên bước, cần vin xe dẫn ra. Chỗ lao quan đó, quyết định đêm nay phá vỡ.

Đệ tử chúng con, kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ nửa đêm. ***(Lễ Tam bảo một lạy)***

SÁM HỐI TỘI CĂN THÂN

Chí tâm sám hối:

Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,

Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.

Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,

Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.

Nghiệp Căn Thân là:
Tinh cha huyết mẹ, chung hợp nên hình;
Năm tạng trăm hài, cùng nhau kết hợp.
Chấp cho là thật, quên mất pháp thân;
Sanh dâm, sát, trộm, bèn thành ba nghiệp.

Nghiệp sát sanh là:
Luôn làm bạo ngược, chẳng khởi nhân từ;
Giết hại bốn loài, đâu biết một thể.
Lầm hại cố giết, tự làm dạy người;
Hoặc tìm thầy bùa, đem về ếm đối.
Hoặc làm thuốc độc, để hại sanh linh;
Chỉ cốt hại người, không hề thương vật.
Hoặc đốt núi rừng, lấp cạn khe suối;
Buông chài bủa lưới, xuýt chó thả chim.
Thấy nghe tùy hỷ, niệm dấy tưởng làm;
Cử động vận hành, đều là tội lỗi.

Nghiệp trộm cắp là:
Thấy tài bảo người, thầm khởi tâm tà;
Phá khóa cạy then, sờ bao mò túi.
Thấy của Thường trụ, lòng dấy khởi tham;
Trộm của nhà chùa, không sợ thần giận.
Không những vàng ngọc, mới mắc tội to;
Ngọn cỏ cây kim, đều thành nghiệp trộm.

Nghiệp tà dâm là:
Lòng mê nhan sắc, mắt đắm phấn son;
Chẳng đoái liêm trinh, riêng sanh lòng dục.
Hoặc nơi đất Phật, chánh điện phòng tăng;
Cư sĩ gái trai, đụng chạm đùa giỡn.
Tung hoa ném quả, đạp cẳng kề vai;
Khoét ngạch trèo tường, đều là dâm nghiệp.
Những tội như thế, vô lượng vô biên;
Đến lúc mạng chung, đều vào địa ngục.
Gái nằm giường sắt, trai ôm cột đồng;
Muôn kiếp tái sanh, lại chịu tội báo.
Nếu không sám hối, khó được tiêu trừ;
Nay trước Phật đài, thảy đều sám hối.

(Lễ Tam bảo một lạy)

Chí Tâm Khuyến Thỉnh

Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật,
Và chư Bồ-tát, Thánh hiền tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).

(Lễ Tam bảo một lạy)

Chí Tâm Tùy Hỷ

Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.

Thềm thang Thập địa nguyện sớm lên,
Bồ-đề chân tâm không lui sụt.

(Lễ Tam bảo một lạy)

Chí Tâm Hồi Hướng

Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nương thắng nhân này thành Chánh giác.

(Lễ Tam bảo một lạy)

Chí Tâm Phát Nguyện

Một nguyện mạng căn chóng thành tuệ,
Hai nguyện thể tướng biến thành chân,
Ba nguyện gieo mình cầu đại pháp,
Bốn nguyện vào lửa ngộ thâm nhân.
Năm nguyện đốt thân đền Phật đức,
Sáu nguyện chẻ tủy đáp ơn thầy,
Bảy nguyện xin đầu trọn chẳng tiếc,
Tám nguyện móc mắt cũng là thân.
Chín nguyện thoa hương không ưa thích,
Mười nguyện cắt thịt chẳng sanh sân,
Mười một nguyện đời đời không đắm trước,
Mười hai nguyện kiếp kiếp lìa tục trần.

Kệ Vô Thường Thời Này

Muôn tiếng vừa im bặt,
Canh ba trống điểm hồi.
Chim cuốc kêu thảm thiết,
Giấc mộng mải mê say.
Cam trong hòe làm kiến,
Trở thành cá trên ao.
Không thể xem trăng mọc,
Chỉ luyến ái trong hoa.
Quên mất nhà muôn dặm,
Còn tham giấc ngủ thừa.
Chẳng biết thân là huyễn,
Mê muội đến bao giờ.

DÂNG HƯƠNG CUỐI ĐÊM

Cúi mong, sao Bắc đẩu chuyển về phương bắc, dải Ngân hà nghiêng hẳn về tây. Bên gối giấc mộng còn say, trên lầu tiếng sừng vừa dứt. Chúng Tỳ-kheo họp nơi chiếu Phạm, trước đức Phật dâng nén hương tin.

Hương này, giống từ cung nguyệt đem về, trong non rễ quấn chằng chịt. Dáng hình khác tục, thể chất phi phàm. Vượt xa Tước Đầu ở nước Ngô, cao hơn Quy Giáp ở Quế Lâm. Nơi đốt không dung lửa sân, khói bay bèn nhờ gió từ. Nào phải hương phàm hạ phẩm, hẳn là vị lạ thượng phương. Mỏng mỏng tơ bay kết thành điềm tốt, ngạt ngào khí lạ tụ hội duyên lành. Nghi ngút trước ngôi tòa báu, phảng phất ngoài bức rèm châu. Quay đầu tìm biết, quang minh ngay đó tự nhiên sanh. Thấy mặt ngửi huân, tịch diệt do đây chứng được. Nay lúc cuối đêm, đốt hương cúng dường.

Kệ Dâng Hương

Trầm thủy rừng thiền hương sực nức,
Chiên-đàn vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thẳm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.

Kệ Dâng Hoa

Tâm địa mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm.

Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.

(Hiến dâng hương hoa rồi bạch)

Nguyện mây hương hoa này,
Khắp cả mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp, chư Bồ-tát,
Vô lượng chúng Thanh văn
Và tất cả Thánh hiền;
Vừa rời đài Quang minh,
Qua cõi nước vô biên,
Trong vô biên cõi Phật,
Nhận dùng làm Phật sự,
Xông khắp các chúng sanh,
Đều phát tâm Bồ-đề.

Cúng dường rồi, chí tâm quy mạng lễ mười phương Vô thượng Tam bảo. ***(Một lạy)***

Tâu Bạch
(Lại niêm hương quỳ bạch)

Kính bạch: Mười phương Đại giác, ba đời Hùng sư, rót cam lồ cứu đàn đói khát, cầm thần châu gieo chỗ tối tăm.

Trộm nghĩ: Trùng thúc năm dạo, gà giục ba hồi. Bóng đuốc tiệc hoa vừa tàn lụi, dải sao Ngân hà

sắp lặn chìm. Giấc bướm lại quay về thế mộng, chuông chùa phá vỡ chốn âm u. Đầu non biếc ngậm nửa trăng mờ, mặt biển xanh vầng hồng chưa hiện. Vách cũ dế kêu từng chặp, đường quan vó ngựa nhịp đều. Đầu thành làn khói nhạt bao quanh, ngoài trời màn sương sớm che phủ. Chính là lúc đạo sĩ luyện tu, cũng là thời chư tăng hành đạo. Đường đời mờ mịt, quần sanh rối bời. Tuy sợ đang đêm ôm gối ngủ, chưa tỉnh trọn đời mở mắt mê.

Chư Phật tử! Nếu mặc suốt đêm theo dục lạc, bèn khiến trọn ngày chịu tâm mê. Đến nỗi trói buộc một đời, đều bởi tán hôn hai chữ. Vì ngươi mở thẳng một con đường, để lại mai sau tác gia ngắm. Nên biết, mạng người khó thường, chớ để thời này qua rỗng. Nhìn lấy Tịnh độ trước mắt, nhận ra trong tâm Di-đà. Nếu hay ưa vui gánh vác, liền được trong ấy hiện ra.

Đệ tử chúng con, kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ cuối đêm.

Tâu bạch rồi, chí tâm quy mạng lễ mười phương Vô thượng Tam bảo. ***(Một lạy)***

SÁM HỐI TỘI CĂN Ý

Chí tâm sám hối:

Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,

Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.

Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.

Nghiệp Căn Ý là:
Nghĩ vơ nghĩ vẩn, không lúc nào dừng;
Mắc míu tình trần, kẹt tâm chấp tướng.
Như tằm kéo kén, càng buộc càng bền;
Như bướm lao đèn, tự thiêu tự đốt.
Hôn mê chẳng tỉnh, điên đảo dối sanh;
Não loạn tâm thần, đều do ba độc.

Tội keo tham là:
Âm mưu ghen ghét, keo cú vét vơ;
Mười vốn ngàn lời, còn cho chưa đủ.
Của chứa tợ sông, lòng như hũ chảy;
Rót vào lại hết, nên nói chưa đầy.
Tiền mục lúa hư, không cứu đói rét;
Lụa là chất đống, nào có giúp ai.
Được người mấy trăm, chưa cho là nhiều;
Mất mình một đồng, tưởng như hao lớn.
Trên từ châu báu, dưới đến tơ gai;
Kho đụn chất đầy, chưa từng bố thí.
Bao nhiêu sự việc, ngày tính đêm lo;
Khổ tứ lao thần, đều từ tham nghiệp.

Tội nóng giận là:

Do tham làm gốc, lửa giận tự thiêu;
Quắc mắt quát to, tiêu tan hòa khí.
Không riêng người tục, cả đến thầy tu;
Kinh luận tranh giành, cùng nhau công kích.
Chê cả Sư trưởng, nhiếc đến mẹ cha;
Cỏ nhẫn héo vàng, lửa độc rực cháy.
Buông lời hại vật, cất tiếng hại người;
Không nhớ từ bi, chẳng theo luật cấm.
Bàn thiền tợ Thánh, trước cảnh như ngu;
Dầu ở cửa Không, chưa thành vô ngã.
Như cây sanh lửa, lửa cháy đốt cây.
Những tội trên đây, đều do nghiệp giận.

Tội ngu si là:

Căn tánh đần độn, ý thức tối tăm;
Chẳng hiểu tôn ti, không phân thiện ác.
Chặt cây hại mạng, giết gấu gãy tay;
Mắng Phật chuốc ương, phun trời ướt mặt.
Quên ơn quên đức, bội nghĩa bội nhân;
Không tỉnh không xét, đều do si nghiệp.
Những tội như thế, rất nặng rất sâu;
Đến lúc mạng chung, rơi vào địa ngục.
Trải ngàn muôn kiếp, mới được thọ sanh;

Dù được thọ sanh, lại mắc ngu báo.
Nếu không sám hối, đâu được tiêu trừ;
Nay trước Phật đài, thảy đều sám hối.

(Lễ Tam bảo một lạy)

Chí Tâm Khuyến Thỉnh

Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật,
Và chư Bồ-tát, Thánh hiền tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).

(Lễ Tam bảo một lạy)

Chí Tâm Tùy Hỷ

Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thềm thang Thập địa nguyện sớm lên,
Bồ-đề chân tâm không lui sụt.

(Lễ Tam bảo một lạy)

Chí Tâm Hồi Hướng

Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nương thắng nhân này thành Chánh giác.

(Lễ Tam bảo một lạy)

Chí Tâm Phát Nguyện

Một nguyện nguồn linh thường trong lặng,
Hai nguyện tạng thức dứt lăng xăng,
Ba nguyện khối nghi đều tan nát,
Bốn nguyện trăng định mãi tròn đầy.
Năm nguyện pháp trần không khởi diệt,
Sáu nguyện lưới ái lìa buộc ràng,
Bảy nguyện suy nghĩ hành Thập địa,
Tám nguyện nghe suốt bỏ tam thiên.
Chín nguyện tâm vượn thôi nhảy nhót,
Mười nguyện ý ngựa dứt cương yên,
Mười một nguyện mở lòng nghe Phật dạy,
Mười hai nguyện mến thích Tổ sư Thiền.

Kệ Vô Thường Thời Này

Tiếng pháp khua tan mộng thế trần,
Chuông chùa phá vỡ điếc ngu mông.
Còn ưa gối đầu trong tối ngủ,
Chẳng quản trời đông đã rạng ngời.
Mù mịt đêm dài thì có sáng,
Lờ mờ đường tối lại khó thông.
Ngày nay nếu chẳng siêng hành đạo,
Khi khác làm sao gặp Thế Tôn.

Giảng:

Kệ Cảnh Sách Chúng Giờ Dần

Phương đông tờ mờ sáng,
Mặt đất tối tan dần.
Tâm chạm trần cảnh dấy,
Mắt lòa sắc tưng bừng.
Xác thối đừng ôm mãi,
Đầu vùi sớm ngưỡng lên.
Ân cần chuyên sáu niệm,
Hầu mong hợp cơ chân.

Đây là bài cảnh sách buổi khuya thức dậy.

Phương đông tờ mờ sáng tức là khoảng bốn, năm giờ sáng, phương Đông hơi ửng một chút sáng. *Mặt đất tối tan dần,* trên mặt đất bóng tối tan dần.

Tâm chạm trần cảnh dấy, tâm xúc chạm với cảnh, cảnh liền dấy khởi. Đúng ra cảnh là cảnh, tâm là tâm, tại sao cảnh dấy khởi theo tâm? Như cây thông trước chùa, nếu khuya chúng ta không trỗi dậy nhìn thấy gió thổi rung rinh cành lá thì tự nó không có gì, nhưng khi nhìn gió thổi cành lá thông, chúng ta lại có ý niệm dấy lên theo cảnh. Vậy cây không có niệm khởi, khi tâm mình duyên nó bỗng dưng mình thấy cảnh có dấy động, cảnh dấy động là do tâm không phải tại cảnh. Thế nên nhiều người nhìn cảnh đêm trăng, ánh trăng bạc rọi xuống rặng thông xanh, cho là cảnh nên thơ. Cảnh là cảnh, nên thơ là tại tâm mình dấy động.

Mắt lòa sắc tưng bừng, mắt lòa vì bị che mờ nên thấy cảnh loạn tưng bừng. Cảnh loạn là tại mắt lòa, chứ cảnh là cảnh không có gì tưng bừng cả. Chữ lòa là nói mắt mê muội nên thấy cảnh có đẹp có xấu, có thích có chán. Hai câu trên cảnh tỉnh chúng ta, cảnh là cảnh, không có động, động là tại tâm, cảnh không đẹp xấu, đẹp xấu cũng do lòng người và con mắt lòa chấp.

Đến bốn câu sau ngài khuyên: *Xác thối đừng ôm mãi,* nghĩa là thôi thức dậy đi, đừng ôm xác thối ngủ nữa. Tại sao ngài nói xác thối? Lúc chúng ta ngủ mê, tất cả đều không sạch, thế mà chúng ta cứ thương xác thối, đến giờ thức dậy, kẻng đánh rồi mà còn nấn ná ôm nó để ngủ thêm chút nữa. *Đầu vùi sớm ngưỡng lên,* đầu vùi dưới gối ráng ngẩng lên một chút. Ngài khuyên ráng ngẩng đầu trỗi dậy, đừng ôm xác thối đắm chìm trong giấc ngủ say.

Ân cần chuyên sáu niệm,
Hầu mong hợp cơ chân.

Nên ân cần chuyên tu sáu niệm mới mong hợp với cơ chân thật. Chữ sáu niệm có hai ý:

1/ Trong kinh A-hàm, lục niệm là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên. Niệm Thiên nghĩa là nhớ tất cả công đức của người sanh lên cõi trời như là tu Thập thiện v.v...

2/ Đây cũng có thể là ngài khuyên những người tu Tịnh độ niệm lục tự Di-đà. Nhưng thường lục tự Di-đà người ta gọi là lục tự chứ ít khi nói lục niệm.

Vậy lục niệm là nhớ đến Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng), nhớ đến trì giới, bố thí và công đức của chư Thiên. Có thế mới hợp với cơ chân thật.

Tóm lại đây là lời khuyên trong giờ thức dậy, tức là giờ đánh kẻng thức chúng buổi sáng. Vậy người nào nghe đánh kẻng mà còn nằm thêm thì người chung quanh nhắc giùm *xác thối đừng ôm mãi* cho người đó tỉnh.

DÂNG HƯƠNG BUỔI SÁNG

Cúi mong, phương tây mặt trăng vừa lặn, hướng đông vầng nhật hiện dần. Chiếu Phạm họp dòng thanh tịnh, cõi không lễ bậc Thánh hiền. Mong thấu lòng thành, kính dâng hương báu.

Hương này, trồng từ rừng giới, tưới bằng nước định, chặt từ vườn tuệ, vót bằng đao giải thoát. Chẳng do sức người rìu búa, hình thế xuất tự thiên nhiên. Đốt lên từ lò báu tri kiến, kết đài mây sáng rỡ. Khi bay khắp chốn ngạt ngào, tan ra đầy trời thơm phức. Vừa lúc rạng đông, thắp hương cúng dường.

Cúi mong, phương tây mặt trăng vừa lặn, hướng đông vầng nhật hiện dần. Tức là mặt trăng vừa lặn, hướng đông mặt trời từ từ lên. Bài có những từ ngữ chữ Hán cần giải thích cho quý vị hiểu. Trong bài Nhật Sơ Chúc Hương, câu *Phục dĩ thiềm luân tây một, long chúc đông sanh* có dùng điển tích.

Thiềm luân là vầng thiềm, chỉ cho mặt trăng. Thiềm nói đủ là thiềm thừ là con cóc. Ngày xưa người ta

nhìn trong mặt trăng thấy có bóng đen giống con cóc. Truyền thuyết nói rằng: Thuở xưa có chàng Hậu Nghệ xin được thuốc trường sanh của bà Tây Vương Mẫu đem về, nhưng bị vợ là Hằng Nga ăn cắp uống đi rồi trốn lên mặt trăng hóa thành con cóc ở đó. Thế nên người ta nói Hằng Nga ở trên cung trăng và gọi mặt trăng là thiềm luân.

Mặt trăng cũng còn gọi là bạch thố hay ngọc thố. Bạch thố là thỏ trắng, ngọc thố là thỏ ngọc. Trong thiên Nghĩ Thiên Vấn của Phó Hàm có câu: *Nguyệt trung hà hữu? Đáp: Bạch thố đảo dược.* Nghĩa là: Trong mặt trăng có gì? Đáp: Có con thỏ trắng giã thuốc, hay cũng nói con thỏ ngọc giã thuốc.

Sự tích này ngày nay đã lạc hậu, hẳn là ít ai dùng rồi.

Chúc là ngọn đuốc, long chúc là ngọn đuốc rồng, chỉ mặt trời. Theo Sơn Hải Kinh nói: Phương bắc bầu trời có một nước không có ánh sáng mặt trời, có con rồng ngậm lửa phun như cây đuốc cháy sáng.

Chiếu Phạm họp dòng thanh tịnh. Phạm (Brahman) là thanh tịnh. Chư thiên do tu hạnh thanh tịnh được gọi là Phạm thiên, nên Phạm là chỉ hạnh thanh tịnh. Chiếu Phạm họp dòng thanh tịnh tức là trên chùa, trước bàn Phật trải chiếu, những người tu trong sạch họp lại, quỳ trên chiếu bắt đầu lễ Phật dâng hương.

Cõi không lễ bậc Thánh hiền. Mong thấu lòng thành, kính dâng hương báu. Trong cõi hư không, kính lễ tất cả bậc Thánh hiền ở mười phương, mong thấu suốt

được lòng chân thành của mình kính dâng hương quý báu này. Hương báu này là hương gì?

Hương này, trồng từ rừng giới, tưới bằng nước định, chặt từ vườn tuệ, vót bằng đao giải thoát. Hương cúng dường Phật là giới hương, định hương, tuệ hương, giải thoát hương. Vậy hương này không phải là hương thế tục mà là hương do giới, định, tuệ, giải thoát tạo thành.

Chẳng do sức người rìu búa, hình thế xuất tự thiên nhiên, đốt lên từ lò báu tri kiến. Hương này không phải do rìu búa chặt đem về xay ra rồi kết lại thành hương, hương này là hương sẵn có tự thiên nhiên, thắp lên từ lò báu tri kiến của chính mình.

Kết đài mây sáng rỡ, khi bay khắp chốn ngạt ngào, tan ra đầy trời thơm phức. Kết những đài mây sáng rỡ bủa khắp các nơi, hương bay đến đâu, mùi thơm đều ngạt ngào, lúc tan ra khắp cả trời đều thơm phức.

Vừa lúc rạng đông, thắp hương cúng dường. Chư tăng ni hay Phật tử đốt hương cúng Phật không phải chỉ nặng về hương thế gian, như hương trầm hay các mùi hương khác, mà đây là hương giới, định, tuệ, giải thoát, đó là hương quý nhất, không gì sánh được. Hương thế gian thuận theo gió, còn hương giới, định, tuệ, giải thoát, nơi nào cũng đến được nên dâng hương quý báu này cúng Phật.

Kệ Dâng Hương

Trầm thủy rừng thiền hương sực nức,

Chiên-đàn vườn tuệ đã vun trồng,

Đao giới vót thành hình non thẳm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.

Trầm thủy rừng thiền hương sực nức, là hương trầm thủy trồng trong rừng thiền, mùi thơm sực nức. Rừng thiền chỉ cho định. *Chiên-đàn vườn tuệ đã vun trồng,* là mùi thơm cây chiên-đàn trồng trong vườn trí tuệ. Vườn tuệ là chỉ cho tuệ. *Đao giới vót thành hình non thẳm,* dùng giới làm đao vót hương này giống như hình núi cao. *Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng,* hương này là hương định, hương tuệ, hương giới từ tâm phát ra nên cúng dâng Phật mãi mãi không cùng.

Trong Khoa Nghi Sám Hối, chúng ta dùng bài dâng hương này.

Kệ Dâng Hoa

Đất tâm mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.

Đất tâm mở ra, hoa nở rộn, tức là đất tâm vừa mở thì thấy hoa nở rộn rã bên ngoài. Hoa rộn rã nở từ đất tâm của mình so với trời mưa hoa thì hoa trời thơm không bằng nên nói: *Trời có mưa hoa vẫn kém thơm*. Hoa cúng Phật từ nơi tâm quý hơn là hoa trời rải xuống, vì hoa trời vẫn còn là hoa phàm tục nên thơm không bằng hoa từ đất tâm của chúng ta. *Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,* từng cành hoa, từng đóa hoa

dâng cúng Phật. *Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi,* hoa của đất tâm dầu gió nghiệp muôn đời thổi cũng không lay động, không rơi rụng, còn hoa thế gian chỉ vài hôm là rụng hết, đó là điểm đặc biệt.

Hiến dâng hương hoa rồi phát nguyện.

Nguyện mây hương hoa này,
Khắp cả mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp, chư Bồ-tát,
Vô lượng chúng Thanh văn
Và tất cả Thánh hiền.
Vừa rời đài Quang minh,
Qua cõi nước vô biên,
Trong vô biên cõi Phật,
Nhận dùng làm Phật sự.
Xông khắp các chúng sanh,
Đều phát tâm Bồ-đề.

Bài phát nguyện này nguyện mây hương hoa của mình dâng cúng sẽ bay *khắp cả mười phương cõi, cúng dường tất cả Phật,* tất cả Pháp, tất cả Bồ-tát, tất cả chúng Thanh văn và những vị Thánh hiền. Các ngài *vừa rời đài Quang minh qua vô biên cõi nước trong vô biên cõi Phật,* nhận dùng hương hoa này để làm Phật sự. Hương hoa này *xông khắp các chúng sanh đều phát tâm Bồ-đề.* Như vậy hương hoa này nguyện cúng dường tất cả chư Phật, chư Bồ-tát, cả pháp của Phật cho đến hàng Thanh văn hiền thánh, nói gọn là cúng dường tất cả

Tam bảo. Lại cũng cúng dường các vị Bồ-tát, từ đài Quang minh của các ngài, hóa thân làm Phật sự khắp vô biên cõi, các ngài nhận hương hoa này để làm Phật sự lợi ích cho chúng sanh. Lại nguyện hương hoa này xông khắp tất cả, chúng sanh nào nghe mùi hương hoa này đều phát tâm Bồ-đề.

Tóm lại, chúng ta thấy bài nguyện chia làm ba phần:

- Phần thứ nhất là nguyện cúng dường Tam bảo.

- Phần thứ hai là nguyện cúng dường tất cả những vị đi làm Phật sự.

- Phần thứ ba là nguyện hương hoa này xông ướp cho mọi người đều phát tâm Bồ-đề.

Tâu Bạch

Kính bạch: Mười phương Đại giác, ba đời Hùng sư, soi đuốc tuệ nơi đường tối, thả thuyền từ trong biển khổ.

Trộm nghe: Canh gà vừa qua, bóng thỏ mới lặn. Khói mù nơi sông núi chớm tan, xe ngựa xa gần đều chuyển động. Tiếng mai hoa trên lầu vừa tàn, chén trúc diệp trước song mới tỉnh. Mày liễu thập thò bày nắng sớm, mặt hoa e thẹn đọng sương mai. Gặp khi bừng sáng, thương kẻ ngu mê. Trong đêm giấc mộng đã lờ mờ, sáng đến tâm hồn còn rộn rịp. Mắt tai đuổi theo thanh sắc, mũi lưỡi dính mắc vị hương. Nhà lửa hằng cam thiêu đốt, sông ái mãi chịu đắm chìm. Mặc dù sáng nay ông thức giấc, cũng như người đang ngủ

đêm qua. Chẳng lo sanh già bệnh chết đuổi gấp, chỉ chăm vợ con tiền của buộc ràng.

Ngài tâu bạch: *Kính bạch mười phương Đại giác...* Đại giác là chỉ đức Phật. Hùng sư là thầy hùng, cũng là Phật. Trước điện thờ Phật thường khắc chữ Đại hùng bảo điện, tức là điện thờ bậc Đại hùng. Đức Phật đã thắng bao nhiêu trận giặc mà gọi ngài là Đại hùng? Hùng là anh hùng là người thắng giặc ngoài biên cương, còn Phật ngồi im lìm dưới cội bồ-đề sao lại gọi là anh hùng? Đó là một ý nghĩa chúng ta phải hiểu cho tường tận.

Trong kinh Pháp Cú, đức Phật dạy: *Thắng một vạn quân không bằng thắng chính mình, thắng mình mới là chiến công oanh liệt.* Ngoài mặt trận người thắng một vạn quân đáng gọi là anh hùng chưa? Là anh hùng. Song đức Phật bảo: *Không bằng thắng mình, thắng được mình mới là chiến công oanh liệt nhất.* Như vậy thắng người ngoài chưa phải thật anh hùng. Người yếu, chúng ta mạnh thì chúng ta thắng họ, nhưng thắng được chính mình mới thật là anh hùng. Tại sao? Từ xưa biết bao vị anh hùng phải chịu thua nữ sắc hay sự nóng giận của chính họ v.v... Thí dụ như Lữ Bố, một võ tướng ở Trung Hoa, được xem là anh hùng nhưng phải chịu thua sắc đẹp của Điêu Thuyền v.v... Nghĩa là không tự thắng được trước sự cám dỗ của nữ sắc. Chỉ có đức Phật, trước bao nhiêu cám dỗ nào tài sắc, nào danh lợi v.v..., ngài đều thắng hết, đó mới thật là anh hùng.

Thế nên đối với người tu, anh hùng là phải thắng mình. Tự thắng mình thiên hạ có thấy không? Hẳn là

khó thấy nên không được người đời kể công, không được ghi trong lịch sử, chỉ tự mình biết thôi. Thắng mình, nghe dường như dễ nhưng thật không phải dễ. Vì những ma quân ẩn núp khó thấy, gặp cơ hội liền hiện ra nên chiến thắng rất khó. Bao nhiêu người tu hành đã nghĩ rằng: Từ đây về sau giữ gìn đừng nóng giận, đừng tham lam v.v... Nhưng bất chợt có ai nói khích một câu, niệm giận ở đâu đùng đùng kéo đến kìm chế không kịp, thế là thua. Làm kẻ bại trận thì dễ, làm kẻ thắng trận thật gian nan! Lại như bình thường chúng ta tự nhủ phải giữ không để lòng tham dấy động, nhưng khi gặp sự quyến rũ của tài sắc danh lợi, bất chợt lòng tham dấy khởi, thế nên thắng được nó không phải là việc giản đơn.

Đối với người tu được đến nơi đến chốn rồi, trong kinh có câu: *Xuất gia giả, phi tướng tướng chi sở năng vi.* Nghĩa là người xuất gia không phải là tướng võ tướng văn có thể làm được. Tại sao? Tướng võ đánh thắng trận về thì được phong chức lại được người tán thưởng v.v...; còn thắng ma quân không ai tán thưởng, thắng trong im lìm nên khó khuyến khích chúng ta mạnh mẽ được. Viên tướng cố gắng thành công, khi về được thưởng, được lên chức, như vậy sự cố gắng đó do động cơ tham danh lợi thúc đẩy nên dễ làm. Lại nhiều người thắng người khác là do họ tức giận, họ hận thù nên họ hành động mạnh mẽ. Đó là tham sân thúc đẩy họ. Người xuất gia thành công là do động cơ thức tỉnh giác ngộ, không phải do tham sân. Người tu chỉ do trí tuệ mà thắng giặc ma quân nên việc làm hết sức khó. Tuy quan văn quan võ làm được nhiều điều hay giúp nước an dân, nhưng đối

với người học đạo thì chưa bằng. Vì người học đạo phải dùng hết khả năng, trí tuệ để chiến thắng mình, chiến thắng trong âm thầm, chỉ khi thành Phật mới được mọi người hoan hô, chứ còn là phàm tăng phàm ni thì chưa được. Vì hôm nay thắng chưa chắc ngày mai lại thắng, thắng trận nào mừng trận ấy chứ chưa phải là toàn thắng, nên không ai hoan hô mà cũng không dám khoe, vì e rằng hôm sau lại thua, người ta sẽ cười cho. Như thế tăng ni là chiến sĩ trong âm thầm, không ai biết, nhưng nếu làm được điều đó mới gọi là bậc Hùng sư.

Tóm lại lời tâu bạch này, mong đức Phật đem đuốc trí tuệ của ngài soi cho các chúng sanh đang trong đường tối tăm được biết lối ra, và cũng cầu xin ngài thả chiếc thuyền từ bi vào biển khổ cứu độ muôn loài.

Trộm nghe: Canh gà vừa qua, bóng thỏ mới lặn. Canh gà tức là canh tư. Canh tư vừa qua, mặt trăng mới lặn. *Khói mù nơi sông núi chớm tan, xe ngựa xa gần đều chuyển động.* Khuya khoảng ba giờ sương mù lần lần tan, thức giấc thì nghe xe ngựa ở các nơi bắt đầu chuyển động.

Tiếng mai hoa trên lầu vừa tàn, chén trúc diệp trước song mới tỉnh. Đây là dùng điển tích. Mai hoa, nói đủ là *mai hoa thanh* lấy từ chữ *Mai hoa dẫn* là tên một ca khúc cổ điển do ống sáo biểu diễn trong khi vui mừng chúc tụng. Ca khúc này nói đủ là *Giang thành mai hoa dẫn*. Trúc diệp là tên một thứ rượu, khi nấu có thêm gia vị của lá trúc nên gọi là *trúc diệp tửu*. Nói cho dễ hiểu là

tiếng sáo, tiếng nhạc trên lầu vừa tàn, chén rượu trước song mới tỉnh, tức là tiệc tùng vui ca nhạc vừa dứt.

Mày liễu thập thò bày nắng sớm, là chỉ những cây liễu ở trước chùa thập thò bày nắng sớm. *Mặt hoa e thẹn đọng sương mai.* Ngài diễn tả rất nên thơ, các đóa hoa trước sân còn đọng lại những hạt sương buổi sớm.

Gặp khi bừng sáng, thương kẻ ngu mê. Khi mình thức tỉnh mới thương những người còn đang ngu mê. *Trong đêm giấc mộng đã lờ mờ, sáng đến tâm hồn còn rộn rịp.* Trong đêm khuya ngủ mê nằm mộng, những cảnh mộng lờ mờ không rõ, sáng dậy thì tâm hồn còn nhớ, còn hiện ra những cảnh mộng đêm hôm nên tâm hồn còn rộn rịp. Đêm đã mê mà sáng cũng còn đeo đẳng cái mê đó!

Mắt tai đuổi theo thanh sắc, mũi lưỡi dính mắc vị hương. Khi sáng ra, mắt chúng ta đuổi theo sắc, tai đuổi theo thanh, mũi lưỡi dính mắc hương vị... Như buổi sáng mắt nhìn trước chùa thấy hoa nở thì khen hoa đẹp, thấy hoa tàn thì chê hoa rụng; lại nghe người chung quanh nói chuyện thì đuổi theo thanh; đến chuẩn bị làm bếp thì đuổi theo hương vị... Thế là sáng ra các căn luôn dính mắc các trần.

Nhà lửa hằng cam thiêu đốt, chúng ta bị thiêu đốt trong nhà lửa mà cam chịu chứ không chạy ra. Kinh Pháp Hoa nói: *Tam giới vô an du như hỏa trạch,* là ba cõi không an như trong nhà lửa, nhưng chúng ta không chịu chạy ra, bằng lòng vui chơi trong nhà lửa, khi nào bị đốt cháy sẽ hay. *Sông ái mãi chịu đắm chìm*,

thương con rồi đến thương cháu, thương chắt... hết một đời chìm trong sông ái, không ra khỏi.

Mặc dù sáng nay ông thức giấc, cũng như người đang ngủ đêm qua. Hiện giờ đã sáng rồi, thức dậy đi đây đi kia, làm các việc nhưng vẫn trong mê, không thức tỉnh thì chẳng khác người ngủ mê trong đêm hôm qua. *Chẳng lo sanh già bệnh chết đuổi gấp, chỉ chăm vợ con tiền của buộc ràng.* Sanh già bệnh chết đuổi gấp tới mà cứ lo làm sao có tiền của nhiều, vợ con no ấm; không nghĩ gì đến việc tu hành.

Các Phật tử! Gốc thân chẳng bền, cành mạng khó yên. Mọi người trên đầu đội trời, khó khỏi mắt sáng rơi đất. Một sớm chợt sẩy tay, muôn kiếp thân khó được. Cần phải mau mau gieo giống lành, chớ có khư khư cầu quả ác. Người người sớm tỉnh, mỗi mỗi siêng tu. Chuyên tâm lễ Vô thượng Từ dung, chạm mắt thấy Đại quang minh tạng.

Các Phật tử! Gốc thân chẳng bền, cành mạng khó yên. Thân là gốc không bền, mạng sống như cành lá, không yên ổn bền lâu.

Mọi người trên đầu đội trời, khó khỏi mắt sáng rơi đất. Ai đi đứng đầu cũng đội trời. Mắt sáng rơi đất chữ Hán gọi là *nhãn quang lạc địa,* chỉ cho cái chết. Toàn câu có nghĩa là đầu đội trời rồi cũng phải chôn dưới đất, không ai tránh khỏi.

Một sớm chợt sẩy tay, muôn kiếp thân người khó được. Thí dụ một người sáng trèo lên cây cao, lỡ trượt tay

rớt xuống thì xong một đời. Một phen sẩy tay là đã mất thân mạng rồi, không biết khi nào được thân người nữa.

Cần phải mau mau gieo giống lành, chớ có khư khư cầu quả ác. Chúng ta cần phải gấp tạo nhân lành, đừng ôm ấp giữ chặt quả ác. *Người người sớm tỉnh, mỗi mỗi siêng tu.* Khuyên mỗi người phải sớm tỉnh để siêng tu hành.

Chuyên tâm lễ Vô thượng Từ dung. Từ dung là hình dáng hiền lành của đức Từ phụ. Từ bi của Phật không ai bì nổi, không ai hơn được nên gọi là Vô thượng. Vô thượng Từ dung là chỉ đức Phật. *Chạm mắt thấy Đại quang minh tạng.* Lễ Phật rồi trước Phật mình thấy được kho Đại quang minh, tức là tâm thể sáng suốt sẵn có của chính mình. Ngoài thì chúng ta lễ Phật, nơi mình thì thấy được nguồn gốc sáng suốt muôn đời của mình.

Đệ tử chúng con, kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ buổi sáng. Tâu bạch rồi bắt đầu sám hối.

Ngài Trần Thái Tông chia sáu căn, mỗi căn sám hối một thời. Thời sáng là sám hối về mắt.

SÁM HỐI TỘI CĂN MẮT

Chí tâm sám hối:
Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,
Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.
Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.

Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay. Danh từ vô thủy trong nhà Phật thường dùng, nghe rất khó hiểu. Vô là không, thủy là trước. Kiếp không trước là kiếp nào? Vì trong nhà Phật không chấp nhận có ban đầu, nhân duyên trùng trùng điệp điệp kết hợp nhau không có mối đầu, nên nói là vô thủy. Như vậy tất cả chúng ta từ vô thủy kiếp tức là không biết bao lâu rồi, đến ngày nay.

Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.

Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm.

Bỏ quên tâm chân thật của mình nên không biết đạo chân chánh. Ai ai cũng có bản tâm chân thật nhưng quên đi không biết nên mới chạy theo đường ác tạo nghiệp luân hồi. Tất cả chúng ta hiện nay đang sống theo bản tâm hay là sống theo vọng tâm? Chúng ta chỉ sống theo vọng tâm suy tưởng mà quên mất bản tâm. Vọng tâm suy tưởng theo nghiệp hơn thua, được mất, phải quấy v.v... do đó không đi được con đường chánh mà rơi vào ba đường khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Sở dĩ rơi ba đường khổ là do sáu căn lầm lẫn.

Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau. Nếu không sám hối lỗi trước thì khó tránh khỏi hối hận về sau, nên phải thành tâm sám hối.

Nghiệp Căn Mắt là:

Nhân ác xem kỹ, nghiệp thiện coi khinh.

Nhân ác chúng ta xem kỹ mà nghiệp thiện lại coi khinh. Thí dụ một người lân cận chúng ta có điều xấu,

chúng ta nhớ rất kỹ từng chi tiết, có khi còn tô đậm nét thêm, còn điều tốt của họ chúng ta lảng qua không để ý. Đó là bệnh của con người đối với điều lành điều tốt thì xem thường, dễ quên, còn đối với điều dữ điều xấu lại chăm chú, nhớ dai. Bệnh đó gốc từ mắt.

Lầm nhận hoa giả, quên ngắm trăng thật.

Hoa giả là tất cả những gì có hình có sắc trên thế gian, đó đều là những tướng vô thường tạm bợ, có rồi mất, không lâu bền, nhưng chúng ta mê đắm trong giả tướng nên lầm nhận hoa giả, chạy theo giả tướng nên quên ngắm trăng thật. Trăng thật là chỉ cho thể chân thật sẵn có nơi con người cũng như ở ngoại cảnh. Nếu thấy rõ muôn pháp đều là duyên hợp, không có pháp nào thật, thì chúng ta không đắm mê theo cảnh tức là không nhận lầm hoa giả mà dễ thấy được cái thật của chính mình hay cái thật của ngoại cảnh.

Yêu ghét nổi dậy, đẹp xấu tranh giành,
Chợt mắt dối sanh, mờ đường chánh kiến.

Thấy đẹp thì yêu, thấy xấu thì ghét nên tranh cái đẹp, ghét cái xấu, cứ như thế mà yêu ghét nổi dậy cả ngày. Trong một thoáng một chớp, mắt đã sanh ra những mê lầm, nên cái thấy không còn đúng nữa. Khi đã kẹt trong đẹp xấu, hẳn không còn thấy được cái chân thật.

Trắng qua xanh lại, tía phải vàng sai.

Người nói màu tía đẹp, màu vàng xấu, người nói màu vàng đẹp, màu tía xấu rồi sanh ra cãi nhau. Cứ đem

màu này sánh với màu kia, thích màu nào thì khen màu đó đẹp, nếu ai chê thì không bằng lòng.

Nhìn lệch các thứ, nào khác kẻ mù.

Nhìn không đúng lẽ thật nên giống như người mù. Quý vị thấy ngoài đường hay trong chợ nhiều người cãi nhau thật đáng tức cười. Như vào hàng vải, người nói màu vàng đẹp, người nói màu trắng đẹp, người nói màu xanh đẹp v.v... mỗi người thấy mỗi màu đẹp khác nhau nên không ai bằng lòng ai. Vậy màu nào đẹp thật? Chẳng qua là mê chấp thôi. Vì nhìn lệch theo thói quen, không thấy đúng lẽ thật, không thấy đúng chân lý nên chẳng khác kẻ mù.

Gặp người sắc đẹp, liếc trộm nhìn ngang;
Lòa mắt chưa sanh, bản lai diện mục.

Thấy ai đẹp liền nhìn lén ngó trộm, nên mắt lòa đi, quên mất bản lai diện mục của mình.

Thấy ai giàu có, giương mắt mải nhìn;
Gặp kẻ bần cùng, lờ đi chẳng đoái.

Thấy ai ăn mặc sang trọng thì ngó chăm chỉ, còn ai ăn mặc rách rưới lôi thôi liền ngó lơ không để ý.

Người dưng chết chóc, nước mắt ráo khô;
Thân quyến qua đời, đầm đìa lệ máu.

Quý vị thấy, người dưng chết cũng là mất một mạng người, thân thuộc chết cũng là mất một mạng người. Tại sao người dưng chết lại tỉnh, lại dửng dưng,

không một chút tỏ ra buồn bã thảm sầu? Trái lại khi thân nhân chết thì đau khổ, khóc rũ rượi? Cả hai đều là người mà một bên xem trọng, một bên xem thường. Như thế để thấy chúng ta bị buộc ràng trong chỗ dòng họ thân quyến, mà không có tình thương nhân loại.

Hoặc đến Tam bảo, hoặc vào chùa chiền;
Gần tượng thấy kinh, mắt không thèm ngó.

Nhiều người vào chùa thấy tượng thấy kinh không để ý đến.

Phòng tăng điện Phật, gặp gỡ gái trai;
Mắt liếc mày đưa, đam mê sắc dục.

Nghĩa là Phật, tượng, kinh đều không để ý, chỉ để ý đến người thôi.

Không ngại Hộ pháp, chẳng sợ Long thần;
Trố mắt ham vui, đầu chưa từng cúi.

Đối với Long thần Hộ pháp, không sợ các ngài quở, cứ mê vui thôi.

Những tội như thế, vô lượng vô biên;
Đều từ mắt sanh, phải sa địa ngục.

Tội do mắt nhiều vô lượng vô biên, kể không hết, do mắt mê lầm nên sau khi chết phải rơi vào địa ngục.

Trải hằng sa kiếp, mới được làm người;
Dù được làm người, lại bị mù chột.

Trong kinh Phật dạy: Ai tạo nghiệp ác phải đọa địa ngục, nhân đó trả xong rồi còn dư báo, tức là quả báo thừa

của quá khứ, khi trở lại làm người, như nhân mắt tạo nghiệp thì mắt lại bị mù chột.

Nếu không sám hối, khó được tiêu trừ,
Nay trước Phật đài, thảy đều sám hối.

Mắt gây tội rất nhiều nên phải thành tâm sám hối thật tha thiết.

Chí Tâm Khuyến Thỉnh

Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật,
Và chư Bồ-tát, Thánh hiền tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).

Bờ kia là bờ giác. Phần khuyến thỉnh này là đem hết lòng thành thỉnh Phật, thỉnh Bồ-tát, thỉnh các vị tăng Thánh hiền, vì lòng thương xót tất cả chúng sanh mà độ họ được lên bờ giác.

Chí Tâm Tùy Hỷ

Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thềm thang Thập địa nguyện sớm lên,
Bồ-đề chân tâm không lui sụt.

Chúng ta được niềm vui là do thường gần gũi Tam bảo, gần gũi Phật, nên ngày đêm luôn thành kính sám hối. Sám hối để cầu điều gì? Nguyện sớm bước lên những nấc thang của hàng Thập địa. Thập địa là chỉ cho Thập địa Bồ-tát, gồm có:

1/ Hoan hỷ địa
2/ Ly cấu địa
3/ Phát quang địa
4/ Diệm huệ địa
5/ Nan thắng địa
6/ Hiện tiền địa
7/ Viễn hành địa
8/ Bất động địa
9/ Thiện huệ địa
10/ Pháp vân địa.

Nếu tiến thêm hai bước nữa là Đẳng giác và Diệu giác. Diệu giác là Phật. Như vậy qua Thập địa thì lên Đẳng giác rồi đến Diệu giác là thành Phật nên *thềm thang Thập địa nguyện sớm lên*.

Bồ-đề chân tâm không lui sụt. Chân tâm là tâm thể không bị sanh diệt, tâm thể này sáng suốt, giác ngộ gọi là tâm Bồ-đề.

Chí Tâm Hồi Hướng

Chúng con hồi tâm nương Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nhờ thắng nhân này thành Chánh giác.

Chí tâm hồi hướng là lòng chân thành hồi hướng của mình.

Chúng con hồi tâm nương Thánh chúng tức là xoay tâm mình về nương với Thánh chúng.

Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn là chí thành cúi đầu đảnh lễ đức Phật.

Nguyện đem công đức đến quần sanh, tất cả công đức tu hành nguyện đem đến cho tất cả quần sanh.

Nhờ thắng nhân này thành Chánh giác. Nương nhân thù thắng này, tức là nhân sám hối mà sau này được thành Chánh giác, nghĩa là thành Phật.

Chí Tâm Phát Nguyện

Một nguyện rộng mở sáng chánh kiến,
Hai nguyện lau sạch bụi trần mù,
Ba nguyện nhìn hình không đắm mến,
Bốn nguyện thấy sắc chẳng bận lòng.
Năm nguyện quên đầu cần kíp nhận,
Sáu nguyện mắt tuệ tự tròn đầy,
Bảy nguyện hiện nay sớm tỉnh mộng,
Tám nguyện hằng được sáng xưa nay.
Chín nguyện khi nhìn trừ mắt bệnh,
Mười nguyện chỗ thấy dứt không hoa,
Mười một nguyện trông xa mây chướng cuốn,
Mười hai nguyện chớp mắt nghiệp băng trong.

Nguyện thứ nhất là *rộng mở sáng chánh kiến* tức là nguyện sao cho cái thấy của mình luôn luôn đúng không sai chân lý.

Hai nguyện lau sạch bụi trần mù, nghĩa là tất cả những bụi trần che mờ nay đều lau sạch.

Ba nguyện nhìn hình không đắm mến, thấy tất cả hình sắc, mình không mê không đắm.

Bốn nguyện thấy sắc chẳng bận lòng, dầu thấy sắc đẹp lòng vẫn không vướng bận.

Năm nguyện quên đầu cần kíp nhận, nghĩa là chúng ta đã quên đầu phải mau nhận lại. Nguyện này có sự tích trong kinh Lăng-nghiêm. Một buổi sáng chàng Diễn-nhã-đạt-đa cầm gương soi, nhìn trong gương thấy đầu mặt đẹp đẽ, anh úp gương xuống, không thấy đầu mặt, anh hốt hoảng ôm đầu chạy la: "Tôi mất đầu, tôi mất đầu rồi!" Đó là mê hay tỉnh?

Chúng ta có giống như vậy không? Chúng ta cũng như chàng Diễn-nhã-đạt-đa, khi khởi nghĩ việc này việc kia lăng xăng thì cho là tôi đang nghĩ, tôi đang tính; bất chợt lúc nào quên không nghĩ tính, khi đó nói tôi mất rồi. Nghĩ tính chỉ là cái bóng duyên theo bóng dáng của sáu trần bên ngoài, không phải là thật, nhưng khi thấy nó, tưởng là tâm mình, đến khi mất nó tưởng như mất mình. Như chàng Diễn-nhã-đạt-đa điên là tại sao? Ôm cái thật mà chạy tìm cái giả. Tìm bóng là tìm cái giả. Chúng ta cũng thế, khi tâm không khởi niệm lăng xăng thì cái hiện tiền chân thật đầy đủ mà chúng ta lại quên, cứ cho là tôi đâu mất rồi. Đó là chúng ta chỉ biết cái bóng, cho cái bóng nghĩ lăng xăng là tôi, chứ không biết cái hiện tiền chân thật là tôi. Thế nên nguyện thứ năm này là nguyện từ lâu quên đầu, nay phải cần kíp nhận lại.

Sáu nguyện mắt tuệ tự tròn đầy là nguyện mắt trí tuệ của mình càng ngày càng tròn đầy.

Bảy nguyện hiện nay sớm tỉnh mộng. Cuộc sống của chúng ta hiện nay chỉ là một giấc mộng dài mấy

mươi năm, nào có gì đâu, phải ráng sớm thức tỉnh, đừng nghĩ đó là thật rồi lầm quên cái chân thật của mình.

Tám nguyện hằng được sáng xưa nay, nghĩa là nguyện hằng sáng suốt thấy được cái chân thật đã có tự thuở nào đến nay chưa bao giờ thiếu vắng, không bao giờ mất.

Chín nguyện khi nhìn trừ mắt bệnh, nghĩa là khi nhìn người, vật không bị vô minh, không bị những huyễn hóa che lấp làm cho mắt chúng ta bị mờ đi không thấy được rõ ràng.

Mười nguyện chỗ thấy dứt không hoa, nguyện thấy sự vật đúng như thật, không bị hoa đốm lăng xăng che mờ. Hoa đốm là do mắt lòa nên thấy không đúng sự thật.

Mười một nguyện trông xa mây chướng cuốn, nguyện nhìn ra xa những mây che đều tan mất, mắt mình thấy thông suốt.

Mười hai nguyện chớp mắt nghiệp băng trong, nguyện trong chớp mắt những nghiệp từ xưa đến nay che đậy đều được trong sạch như băng như tuyết, không còn chút nhơ bợn.

Kệ Vô Thường Buổi Sớm

Đêm tối vừa rạng sáng,
Ánh dương dần hiện không.
Tóc bạc thầm tới điểm,

Má hồng dần đổi thay.
Chẳng biết tuổi xuân ngắn,
Vẫn tranh nghiệp quả hùng.
Thân như băng gặp nắng,
Mạng tợ đuốc gió đùa.
Chớ mải mê làm khách,
Quay về sớm chiếu soi.

Đêm tối vừa rạng sáng, ánh dương dần hiện không là diễn tả thời gian trôi qua.

Tóc bạc thầm tới điểm, má hồng dần đổi thay. Tóc bạc len lén điểm trên đầu mỗi ngày một chút, chợt nhớ lại đầu đã muối tiêu, lâu nữa nhớ lại, đầu đã nhuốm bông lúc nào không hay. Má hồng cũng dần dần thay đổi, ngày xưa mặt hồng hào, nay khô lại, hiện những nếp nhăn.

Chẳng biết tuổi xuân ngắn, vẫn tranh nghiệp quả hùng. Không biết tuổi xuân ngắn ngủi, chỉ mải tranh nghiệp quả để thành kẻ anh hùng hảo hán, thành kẻ hay người giỏi. Đó chỉ là tạo nghiệp cho nhau.

Thân như băng gặp nắng. Băng, hay nói dễ hiểu hơn là nước đá. Nước đá để ngoài trời nắng, chỉ một chốc lát là tan hết. Thân này cũng như vậy, ngày nay đi lại lăng xăng, đến một hôm nào nó cũng tan hoại. *Mạng tợ đuốc gió đùa,* mạng như ngọn đuốc, gió thổi mạnh một lát sau nó tàn rụi.

Chớ mải mê làm khách, đừng mải mê làm khách phong trần rong ruổi trong tam giới lục đạo, lang thang nơi này nơi khác, không chịu trở về. *Quay về sớm chiếu soi,* quay về chiếu soi lại chính mình. Đó là tinh thần thiền. Thiền là quay lại chiếu soi nơi mình, không chạy theo cảnh; đuổi theo cảnh là làm khách. Biết xoay lại mình tức là tìm ra quê hương, trở về quê hương.

Lời nhắc nhở rất rõ ràng nên mỗi khi đọc tụng chúng ta phải nhớ để ráng tu.

DÂNG HƯƠNG BUỔI TRƯA

Cúi mong, ánh dương rực rỡ, bầu trời chói chang. Nhìn lại ngày cứ trôi qua, đến Phật khấn cầu. Lòng tin tỏ bày dưới tòa báu, thắp nén hương trầm cắm lò châu.

Hương này, un đúc bởi tiên thiên, chẳng phải Bồng đảo châu sản xuất; ngát thơm quả đất, nào do chiên-đàn sanh ra. Danh phẩm hơn cả trầm tiên, mùi vị vượt xa lan xạ. Chỗ tỏa khói lành, bởi lửa tam-muội đốt; mây hương bủa khắp, vốn từ khí nhất nguyên tan. Mỗi mỗi trên đảnh đều thấu triệt, người người trong mũi thảy ngửi mùi.

Đây do Nghi sám hối, làm lễ dâng hương. Nay giờ Ngọ thắp hương cúng dường.

Ánh dương rực rỡ, bầu trời chói chang. Dâng hương vào buổi trưa đúng Ngọ, ánh nắng chói chang cả bầu trời.

Nhìn lại ngày cứ trôi qua, đến Phật khấn cầu. Nhìn lại những ngày đã qua, ngày qua không dừng một chỗ. Ngày qua, tháng qua, năm qua, tuổi chúng ta theo thời gian không dừng lại. Cái chết gần kề nên đến Phật khấn cầu.

Lòng tin tỏ bày dưới tòa báu, đem lòng tin sám hối tỏ bày dưới tòa báu, tức là tòa đức Phật ngồi. *Thắp nén hương trầm cắm lò châu.* Đem nén hương trầm cắm trong lư hương châu ngọc, vì trên là tòa báu, dưới là lò châu để đối nhau.

Un đúc bởi tiên thiên, chẳng phải Bồng đảo châu sản xuất. Hương cúng dường Phật un đúc bởi tiên thiên. Tiên thiên đối với hậu thiên, tiên thiên là trước, hậu thiên là sau. Tức là mùi hương này un đúc sẵn từ thuở nào, không phải do nơi đảo Bồng Lai của các vị tiên sản xuất. Tục truyền chỗ tiên ở gọi là Bồng đảo hay Bồng Lai tiên cảnh. Theo truyền thuyết, những đảo thần tiên phần nhiều ở trên biển Bột Hải.

Ngát thơm quả đất, nào do chiên-đàn sanh ra, mùi thơm ngát của hương tỏa khắp quả đất, không phải do cây chiên-đàn tạo. Hương cúng dường Phật là hương từ tâm chúng ta, do giới định tuệ phát sanh, không phải hương từ đảo tiên đem lại, cũng không phải từ cây chiên-đàn ra.

Danh phẩm hơn cả trầm tiên, mùi vị vượt xa lan xạ, giá trị của hương này hơn cả hương trầm tiên ở nước ta có tiếng là rất thơm. Nó vượt hơn mùi thơm của hoa lan, hay xạ của loài chồn.

Chỗ tỏa khói lành, bởi lửa tam-muội đốt, hương giới định tuệ phát ra khói thơm tỏa khắp là do ngọn lửa tam-muội đốt. Tam-muội là chữ Phạn, Trung Hoa dịch là chánh định. *Mây hương bủa khắp, vốn từ khí nhất nguyên tan*, nghĩa là mùi hương này bủa khắp cả trời đất, nhưng không phải từ đâu đến mà chính từ tâm thể nhất chân bủa ra, phủ khắp.

Mỗi mỗi trên đảnh đều thấu triệt. Ngài nói tất cả chúng ta trên đảnh đầu đều thấu triệt mùi hương đó, tức là phải nhìn tường tận, tột cùng thể nhất nguyên hay

khí nhất nguyên. *Người người trong mũi thảy ngửi mùi*, ai ai ở trong mũi đều ngửi được mùi hương, đó là hương giới định tuệ từ thể nhất tâm ra. Ngài mượn hình tướng thắp hương cúng dường Tam bảo để nói lên tâm chúng ta là gốc phát ra giới định tuệ, giới định tuệ tức là mùi hương bủa khắp tất cả, không do các thứ cây cối hoặc loài vật sanh ra.

Đây do Nghi sám hối, làm lễ dâng hương, là do nghi lễ sám hối nên làm lễ dâng hương. *Nay giờ Ngọ thắp hương cúng dường.*

Kệ Dâng Hương

Trầm thủy rừng thiền hương sực nức,
Chiên-đàn vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thẳm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.

Kệ Dâng Hoa

Tâm địa mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm,
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.

(Hiến dâng hương hoa rồi bạch)
Nguyện mây hương hoa này,
Qua đầy mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật,

Tôn Pháp, chư Bồ-tát,
Vô lượng chúng Thanh văn
Và tất cả Thánh hiền;
Từ đài Quang minh dậy,
Qua vô biên thế giới,
Trong vô biên cõi Phật,
Thọ dụng làm Phật sự;
Khắp huân các chúng sanh,
Đều phát tâm Bồ-đề.

Cúng dường rồi, chí tâm quy mạng lễ mười phương Vô thượng Tam bảo.

Các bài này đã giảng trong bài trước.

Tâu Bạch
(Lại niêm hương quỳ bạch)

Kính bạch: Mười phương Đại giác, ba đời Hùng sư, chuyển sáu đạo thành sáu thần thông, nhiếp chín loài về chín phẩm.

Mười phương Đại giác, ba đời Hùng sư đã giảng trong bài trước. *Chuyển sáu đạo thành sáu thần thông.* Trong nhà Thiền, sáu căn mắt tai mũi lưỡi thân ý khéo tu cũng chuyển thành sáu thần thông: thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông v.v... Như vậy nguyện Phật thương giúp chúng ta chuyển sáu đạo thành sáu thần thông.

Nhiếp chín loài về chín phẩm. Chín loài là thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh, hữu sắc, vô sắc, hữu tưởng, vô tưởng, phi hữu tưởng phi vô tưởng. Hiểu theo tinh thần đạo Phật, chúng sanh trên thế gian này không phải chỉ có một loài thai sanh như con người hay các loài thú, mà còn có noãn sanh là sanh bằng trứng, thấp sanh là sanh chỗ ẩm ướt, hóa sanh tức không phải do ái dục mà là theo nghiệp hóa sanh, các loài chúng sanh có hình sắc, loài chúng sanh không hình sắc, loài chúng sanh có tâm tưởng, loài chúng sanh không tâm tưởng, rồi cuối cùng có loài chúng sanh không phải có tưởng không phải không tưởng, tức là loài chúng sanh này có tưởng rất là vi tế. Hữu sắc, vô sắc, hữu tưởng, vô tưởng, phi hữu tưởng phi vô tưởng, năm loài này do tu thiền mà được. Trong kinh Phật thường dạy những chúng sanh nào được định Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền thì sanh cõi trời Sắc giới, do đó trong cõi trời Sắc giới có Sơ thiền thiên, Nhị thiền thiên, Tam thiền thiên, Tứ thiền thiên, tu được Tứ thiền trong nhà Phật gọi là Phàm phu thiền, vì thiền đó còn luân hồi sanh tử. Những người tu quán về không tưởng, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ thì sanh cõi trời Vô sắc. Những chúng sanh tu thiền mà còn tư tưởng thì sanh cõi trời Hữu tưởng. Cõi trời đó không có hình tướng, chỉ còn tư tưởng. Còn những chúng sanh nào không còn tư tưởng thì gọi là sanh cõi Vô tưởng rồi tới Phi hữu tưởng phi vô tưởng là cao nhất. Qua khỏi chín loài này mới tới Diệt thọ tưởng định, chứng A-la-hán, đó là siêu xuất sanh tử.

Như vậy trên thế gian, theo con mắt nhà Phật, không phải chúng sanh nào cũng có thân nặng nề mấy mươi kg như chúng ta, chúng sanh ở cõi Vô sắc làm sao có tướng, hữu tưởng vô tưởng cũng không có tướng, phi hữu tưởng phi vô tưởng cũng vậy. Thế nên những hành tinh không thích hợp với con người, biết đâu lại thích hợp với những loài khác, chứ không phải chúng sanh nào cũng giống hệt chúng ta, nên không thể lấy con người làm tiêu chuẩn nghiên cứu. Nếu hiểu theo nhà Phật thì chắc rằng trên thế giới có nhiều cõi có những chúng sanh khác, như vô sắc thì mắt chúng ta đâu có thấy, hay là hữu tưởng, chỉ có tâm tưởng, chúng ta cũng không thấy... Nếu chúng ta muốn tìm biết hết trong vũ trụ này không biết chừng nào mới xong, chỉ mắt Phật mới thấy tường tận.

Chín phẩm tức chín phẩm Liên Hoa (cửu phẩm Liên Hoa) là nói theo tinh thần Tịnh độ. Sanh về Cực lạc có Thượng phẩm, Trung phẩm, Hạ phẩm. Mỗi phẩm chia làm ba. Thượng phẩm có Thượng phẩm thượng sanh, Thượng phẩm trung sanh, Thượng phẩm hạ sanh. Trung phẩm có Trung phẩm thượng sanh, Trung phẩm trung sanh, Trung phẩm hạ sanh. Hạ phẩm cũng vậy, có thượng, trung, hạ sanh. Chung tất cả là chín phẩm.

Trộm nghe: Gà xóm gáy trưa, mặt trời đứng bóng. Vòm trời cao ánh dương vừa đến giữa, khắp nơi dương liễu bóng đứng ngay. Ngài diễn tả rất cụ thể. *Gà xóm gáy trưa* là mười hai giờ trưa nghe gà gáy, *mặt trời đứng bóng. Vòm trời cao ánh dương vừa đến giữa, khắp nơi*

dương liễu bóng đứng ngay, dương liễu rọi bóng thẳng xuống không có nghiêng lệch.

Nắng rọi sân hoa vờn ngọc, gió đưa rặng liễu lay vàng. Cảnh rất nên thơ, nắng rọi xuống sân hoa rung rinh như vờn ngọc, gió đưa rặng liễu lung lay trong ánh nắng như lay vàng.

Long lanh rực rỡ chiếu dao đài, lấp lánh chập chờn soi thềm ngọc. Dao đài là chỗ ở của thần tiên, nghĩa là ánh nắng long lanh rực rỡ soi chiếu như chỗ ở của thần tiên, chập chờn lấp lánh rọi trên thềm giống như thềm ngọc.

Lò nghê hương quyện, trời xanh vầng nhật chói chang. Có hai loại nghê: một loại là loài thú giống như sư tử, một loại là cá kình (có bộ ngư ở bên). Thường các lư hương hay chạm hình sư tử hoặc hình cá kình. Lò nghê hương quyện tức là lò hương chạm hình sư tử quyện khói. Trong bầu trời xanh mặt trời soi sáng, ánh nắng chói chang.

Gối tiên giấc nồng, trên gác tía ngày dài đêm ngắn. Những vị thảnh thơi trưa nằm trên gác tía kê đầu trên gối ngủ một giấc say, đêm ngủ chưa đủ nên trưa ngủ tiếp. Đó là chỉ người thích ngủ trưa nhiều.

Hè cao độ thì chảy vàng nứt đá. Đông cực hàn thì sương phủ tuyết rơi. Đây là tả cảnh ở ngoài Bắc với Trung Hoa hay các nước khác. Còn ở miền Nam, hè cao độ chưa đến chảy vàng, nứt đá, đông chỉ có sương chứ không có tuyết. Đây là ngài tả sức nóng và lạnh của mùa hè và mùa đông.

Nắng trưa bụi mù trong sạch, bóng xế mây tối quét tan. Trưa nắng nên tất cả những mây mù đều không còn, bóng hơi xế thì mây tối đều tan hết.

Đối cảnh tánh thiên rỗng suốt, ngay đó tâm địa sáng ngời. Đối với sáu trần hay ngoại cảnh, tánh thiên là tánh sẵn có của chúng ta rỗng suốt, chính ngay lúc đó tâm địa mình được sáng ngời. Người tu khi đối cảnh phải có tánh sáng suốt, không bị ngoại cảnh ngăn trở, nghĩa là không dính mắc ngoại cảnh. Chúng ta hiện nay đối cảnh thì phàm tình dính mắc, đương thời thì vọng tưởng lăng xăng. Chúng ta phải tu như thế nào để được đối cảnh tánh thiên rỗng suốt, ngay đó tâm địa sáng ngời.

Nơi nơi thảy có quang minh, bước bước trọn không hắc ám. Nơi nào cũng thấy rõ ràng sáng suốt, mỗi bước đều không mờ mịt tối tăm, thế mới thật là người ngộ đạo.

Tóm lại, người thâm nhập được lý đạo thì đối cảnh tâm tánh rỗng suốt không bị dính kẹt, ngay khi đó tâm địa sáng ngời không bị phủ che, nơi nơi đều sáng rỡ, bước bước không mịt mờ. Trái lại, chúng sanh đối cảnh tâm luôn dính mắc, đương thời niệm khởi lăng xăng, nơi nơi đều mù tối, bước bước thảy rộn ràng. Mê và giác khác nhau như vậy. Nay thử nghiệm xem những người giác chút ít có được như thế này chưa? Nếu chưa được là điều đáng hổ thẹn, phải nên cố gắng. Chúng ta thường nói hành thiền, nghĩa là đi thiền, mỗi bước phải ở trong tỉnh giác. Nếu đi trong mê lầm đó là hắc ám chẳng phải hành thiền. Thế nên người tu phải luôn nhớ đi trong sáng suốt.

Chư Phật tử! Mặt trời đúng Ngọ rồi phải xế, con người có thạnh ắt có suy. Đó là ngài cảnh giác chúng ta, nhìn mặt trời thấy đúng Ngọ, một lát sau đã xế. Như vậy mặt trời lên cao rồi xuống thấp, có giữa trưa phải có xế chiều. Sự sống của chúng ta cũng vậy, thạnh rồi phải suy. Như hiện giờ quý vị hai mươi ba mươi tuổi, là lúc cơ thể thạnh nhưng rồi sẽ bốn mươi năm mươi, không dừng một chỗ mà luôn thay đổi. Biết rõ mặt trời có trưa có xế, thân người có thạnh có suy thì khi thạnh phải nghĩ đến lúc suy. Vậy chúng ta phải làm gì? Lo tranh cãi hơn thua hay là cố gắng tu hành không để thì giờ uổng phí?

Thân thể chẳng bền lâu, giàu sang khó giữ mãi. Thân chúng ta không bền lâu, rồi cũng sẽ mất; sự giàu sang ở thế gian cũng khó giữ mãi, duyên tốt thì giàu, duyên suy thì nghèo khó.

Nhanh chóng như nước chảy trên sông, lẹ làng tợ mây qua đỉnh núi. Sự đổi thay nhanh chóng như dòng nước chảy trên sông, lẹ làng như mây qua đỉnh núi. Chúng ta thấy mọi sự vật chuyển biến không dừng, thân chúng ta cũng vậy, chuyển từ trẻ lần đến già không dừng lại một phút giây nào, vậy chúng ta phải khéo lo liệu.

Ngài khuyên: *Bình sinh chẳng tạo nhân lành, ngày khác ắt về đường khổ.* Khi còn sống chúng ta bon chen giành giật không chịu tạo nhân lành, nên đến lúc nhắm mắt bảo đảm sẽ đi trong đường khổ không nghi.

Quyết khởi tin sâu, trừ sạch nghi ngờ. Vậy chúng ta phải quyết tâm khởi lòng tin sâu về lý vô thường của Phật dạy, trừ sạch hết nghi ngờ để cố gắng tu hành đến nơi đến chốn.

Sớm nở tâm châu chư Phật, chiếu phá thùng sơn chúng sanh. Hai câu này mang tính cách thiền. Sớm nở tâm châu chư Phật tức là phải khai mở tâm chân thật nơi mình, đừng để bị khuất lấp. Chiếu phá thùng sơn chúng sanh, thùng sơn là cái gì đen kịt và dẻo dai, chùi không ra, rửa không sạch. Quý vị có mang thùng sơn đó không? Có nhiều người than là cố gắng tu nhưng sao bỏ thói cũ không được, thói cũ là sơn đã dính chùi không ra. Thế thì ai cũng mang một thùng sơn đen kịt. Nay phải làm sao cho cái thùng thủng đi, sơn chảy hết ra, nhà thiền gọi là đập bể thùng sơn. Muốn cho thùng sơn bể chỉ có tâm chân thật của mình mở ra, thùng sơn mới bể. Trái lại nếu tâm chân thật nơi mình không mở thì thùng sơn không thể nào lủng đáy được. Do đó khi tu chúng ta phải cố gắng thâm nhập được tâm chân thật của chính mình. Tâm ấy còn gọi là Tri kiến Phật, nếu được phát triển thì thùng sơn phiền não tối tăm sẽ tan nát.

Đệ tử chúng con kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ buổi trưa.

Tâu bạch rồi, chí tâm quy mạng lễ mười phương ba đời Vô thượng Tam bảo.

Khải bạch xong bắt đầu sám hối.

SÁM HỐI TỘI CĂN TAI

Chí tâm sám hối:

Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,

Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.

Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.

Những câu này đã giảng trong bài trước.

Nghiệp Căn Tai là:
Ghét nghe chánh pháp, thích lắng lời tà;
Mê mất gốc chân, đuổi theo ngoại vọng.

Ghét nghe chánh pháp, ngồi nghe kinh một chút là muốn ngủ gục và nói: Cứ đem mấy điều luân lý nói hoài chán quá! Trái lại nếu ai ca hát hoặc nói đùa chơi v.v... thì chú tâm nghe không biết chán, lại còn nhớ nữa. Đó là bệnh của tai. Thế nên *mê mất gốc chân, đuổi theo ngoại vọng*. Vì thích lời tà nên quên mất gốc chân. Mê đây là quên cái chân thật của chính mình. Đuổi theo ngoại vọng là đuổi theo những vọng tưởng điên đảo bên ngoài. Chỉ bốn câu đã thấy bệnh chúng ta cũng trầm trọng.

Sáo đàn inh ỏi, bảo khúc Long ngâm;
Văng vẳng mõ chuông, coi như ếch nhái.

Nghe tiếng sáo tiếng đàn thì khen ngợi là hay như những khúc Long ngâm. Long ngâm là tên một khúc nhạc hay thời cổ Trung Quốc. Theo Trịnh Thuật Tổ truyện trong bộ Bắc Tề Thư thì Trịnh Thuật giỏi đàn, tự chế ra mười bài Long ngâm nên được xem là tổ về Long ngâm, vì thế người ta gọi là Tổ Thuật. Nói đến Long ngâm là nói đến những bản nhạc hay. Còn nghe chuông nghe mõ thì cho là inh ỏi giống như nhái

ếch kêu chứ không quan tâm. Đó là hai hình ảnh mà tai chúng ta hay lầm lẫn.

Câu ví bài vè, bỗng nhiên để dạ;
Lời kinh câu kệ, không chút lắng tai.

Bài vè, câu ví là những bài có vẻ chế nhạo kẻ này người kia. Câu ví bài vè nghe qua liền thuộc nhớ, còn lời kinh câu kệ nghe thì buồn, bỏ đi không chút lắng tai.

Thoảng nghe khen hão, khấp khởi mong cầu;
Biết rõ lời lành, đâu từng ưng nhận.

Khen hão tức là khen để được lòng. Mình không tốt nhưng muốn được lòng mình thì người khen đủ điều tốt. Thoảng nghe khen hão liền thích, khấp khởi mong cầu, chờ xem còn khen thêm gì nữa. Nếu bị chê thì không thích nghe. Đó là bệnh của đa số chúng ta. Biết rõ lời lành đâu từng ưng nhận, những lời lành người ta khuyên, thí dụ chúng ta đang buồn giận một người nào, huynh đệ tới khuyên: Thôi, đừng buồn giận e chướng đạo v.v..., thì không ưng thuận. Chúng ta phải kiểm lại bệnh của mình; nếu có, phải tha thiết sám hối.

Vài ba bạn rượu, năm bảy khách chơi;
Tán ngắn bàn dài, châu đầu nghe thích.

Những người uống rượu nói việc say sưa hoặc những kẻ kể chuyện ăn chơi, khen chê v.v..., nghe những điều đó mình lại lắng tai, chuyện không nên nghe mà tai cứ thích. Đó là rất dở.

Hoặc gặp thầy bạn, dạy bảo đinh ninh;
Những điều hiếu trung, che tai bỏ mặc.

Thầy bạn dạy nhắc hết lời khô cổ mà che tai không chú ý.

Hoặc nghe tiếng xuyến, bỗng nảy lòng dâm;
Nghe nửa câu kinh, liền như tai ngựa.

Trong Luật kể chuyện một Sa-di ở trong phòng, một cô thiếu nữ đi bên ngoài, tiếng xuyến chạm khua, ông liền động tâm. *Nghe nửa câu kinh liền như tai ngựa*, nghĩa là nghe nửa câu kinh rồi nghễnh tai không biết gì, không chú ý. Thường người ta hay nói *đàn khảy tai trâu* hay *nước xao đầu vịt* là nghe mà không dính dáng. Lẽ ra người tu nghe kinh thì phải lắng tai chăm chú nhưng trái lại nửa câu kinh cũng không chịu nghe, nếu có nghe thì không lọt vào tai, không dính vào tâm. Đó là để chỉ bệnh xem thường đạo lý chỉ thích những điều tầm thường ở thế gian.

Những tội như thế, vô lượng vô biên;
Đầy ắp bụi trần, kể sao cho xiết.

Những tội như vậy nhiều vô lượng vô biên, như bụi đầy cả không gian không sao kể hết.

Sau khi mạng chung, rơi ba đường ác;
Hết nghiệp thọ sanh, lại làm người điếc.

Bởi tai tạo tội như thế nên sau khi chết phải đọa ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Khi nghiệp

ác trong địa ngục đã hết, còn dư báo nên sanh làm người điếc.

Nếu không sám hối, khó được tiêu trừ;
Nay trước Phật đài, thảy đều sám hối.

Đây là ngài Trần Thái Tông nhắc lại cho chúng ta nhớ những bệnh của mình để chừa sửa, nếu không thì do thói quen cứ chạy theo điều dở, không biết quý những điều hay, nên phải trầm luân nhiều đời nhiều kiếp. Nay thức tỉnh phải bỏ những điều dở, lắng nghe những điều hay thì khả dĩ mới tiến được.

Chí Tâm Khuyến Thỉnh

Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật,
Và chư Bồ-tát, Thánh hiền tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).

Chí Tâm Tùy Hỷ

Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thềm thang Thập địa nguyện sớm lên,
Bồ-đề chân tâm không lui sụt.

Chí Tâm Hồi Hướng

Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.

Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nương thắng nhân này thành Chánh giác.

Những bài này đã giảng trong phần trước.

Chí Tâm Phát Nguyện

Một nguyện nghe tiếng liền ngộ đạo,
Hai nguyện nghe khổ sớm tu hành,
Ba nguyện nghe suốt khắp bốn phương,
Bốn nguyện nghe vui vô sanh tột.
Năm nguyện lời tà tai chẳng dính,
Sáu nguyện chánh ngữ chóng nghe rành,
Bảy nguyện tiếng pháp thường gần gũi,
Tám nguyện trống pháp cần lắng nghe.
Chín nguyện Quán Âm cùng tay nắm,
Mười nguyện Khánh Hỷ đồng nổi danh,
Mười một nguyện nhóm điếc thường phá chướng,
Mười hai nguyện hai tai hằng suốt thông.

Một nguyện nghe tiếng liền ngộ đạo, nghĩa là nguyện nghe một câu, một lời liền ngộ đạo.

Hai nguyện nghe khổ sớm tu hành, là nghe kể lại cảnh khổ liền thức tỉnh, lo tu hành sớm.

Ba nguyện nghe suốt khắp bốn phương, nghĩa là tiếng khắp bốn phương hay mười phương, tai đều nghe suốt không trở ngại.

Bốn nguyện nghe vui vô sanh tột. Nghe những điều vui liền tột cùng được lý vô sanh, không phải nghe vui rồi nhiễm theo điều vui.

Năm nguyện lời tà tai chẳng dính tức là nghe lời nói sai, lời vô nghĩa đều không dính mắc.

Sáu nguyện chánh ngữ chóng nghe rành. Những lời chân chánh nghe được rõ ràng không nghi ngờ, không khó hiểu.

Bảy nguyện tiếng pháp thường gần gũi, nơi nào có giảng kinh thuyết pháp mình thường gần gũi để được nghe.

Tám nguyện trống pháp cần lắng nghe, thường lắng nghe trống pháp cho được thâm nhập.

Chín nguyện Quán Âm cùng tay nắm, nguyện nắm tay Bồ-tát Quán Thế Âm tức là nguyện làm bạn đồng tu hành với Bồ-tát Quán Thế Âm. Bồ-tát Quán Thế Âm tu pháp *phản văn văn tự tánh*, nên nguyện mình cũng được như ngài.

Mười nguyện Khánh Hỷ đồng nổi danh. Khánh Hỷ là tên ngài A-nan, khi ngài sanh ra trong triều đình được tin Phật thành đạo dưới cội bồ-đề, cả vua quan đều vui mừng nên đặt tên ngài là Khánh Hỷ. Ngài Khánh Hỷ nổi danh đa văn đệ nhất. Như vậy trên nguyện học được hạnh phản văn tự tánh của Bồ-tát Quán Thế Âm, dưới nguyện đồng với ngài A-nan được nổi danh đa văn đệ nhất.

Mười một nguyện nhóm điếc thường phá chướng, phá hết chướng là hết ngăn che, nguyện cho tất cả người điếc đều nghe được thông suốt.

Mười hai nguyện hai tai hằng suốt thông, nguyện cho hai tai mình được suốt thông luôn luôn không trở ngại.

Kệ Vô Thường Thời Này

Chớp mắt vầng ô vừa mới mọc,
Quay đầu bóng nhật giữa vòm trời.
Trọn tham gỗ mục say mê ngủ,
Nào tỉnh bóng hòe đã đổi dời.
Phút chốc hoa tươi lần rơi rụng,
Dần dà mạng nấm thạnh rồi suy.
Mọi người sớm tỉnh xoay soi lại,
Tự khổ ruổi rong khắp nẻo đường.

Đây là lời nhắc nhở lý vô thường để chúng ta thức tỉnh.

Chớp mắt vầng ô vừa mới mọc,
Quay đầu bóng nhật giữa vòm trời.

Buổi sáng mặt trời mới mọc, bận việc lăng xăng một chút nhìn lên là đúng Ngọ. Mặt trời đổi dời rất nhanh chóng, ngồi gẫm lại thật tức cười cho con người. Trái đất quay đều đều con người lại đặt từng chặng là một giờ, hai giờ v.v... nhưng trái đất đâu có dừng lúc nào. Nó chỉ quay đều, nhìn phía mặt trời thấy sáng, khuất mặt trời thấy tối, con người lại đặt ra ngày đêm, tháng năm để tính toán. Như vậy tất cả chúng ta có mặt trên cõi đời này, dù nói năm bảy mươi năm thật ra có nghĩa lý gì đâu, trái đất cứ quay đều, con người có mặt

rồi mòn chết. Thế mà ngồi thiền cứ tính giờ tính khắc! Nên nghiêm chỉnh ngồi đến giờ kẻng đánh, đừng trông đợi làm chi, vì trông hay không thời gian vẫn cứ trôi. Khi ngồi nói chuyện đùa chơi, bàn lý này lẽ kia, không trông mà giờ qua mau quá, còn ngồi thiền nghiêm chỉnh lại thấy lâu, nghe mỏi lưng, nhức tay chân mà vẫn chưa hết giờ! Đó là do chúng ta đặt thời gian là quan trọng. Nay đừng nghĩ tới thời gian, chỉ biết tâm yên là vui, chứ muốn thời gian đi mau cũng không được.

Trọn tham gỗ mục say mê ngủ,
Nào tỉnh bóng hòe đã đổi dời.

Thân này như khúc gỗ mục, mà cứ ráng lo bảo vệ nó. Ví như chúng ta đi ngoài biển, thuyền bị đắm chợt gặp khúc gỗ mục chúng ta đeo nó nên không bị chết chìm. Nhưng đeo khúc gỗ mục rồi tự mãn, hay điều tối thiết yếu là phải ráng bơi vào bờ vì khúc gỗ mục rồi cũng nát, không thể bảo vệ nó mãi? Nói không bảo vệ không có nghĩa là mình bẻ nó nát ra từng mảnh, vì nếu nát mà chưa tới bờ thì chết chìm. Vậy tuy biết thân này như khúc gỗ mục nhưng chưa được giác ngộ, phải lợi dụng nó để làm phương tiện tiến tu. Nếu chưa giác ngộ mà liều chết chẳng những không đạt được kết quả tu hành mà cũng uổng đi một kiếp!

Tóm lại tuy thân này tạm bợ như khúc gỗ mục, nhưng chúng ta đã có mặt nơi đây, phải lợi dụng nó để tiến đến giác ngộ chứ không ôm khúc gỗ mục và bảo vệ nó, ở mãi ngoài biển thì sẽ chết chìm. Cũng không phá

đập nó cho nát, vì đó cũng là chết chìm. Hai quan niệm này đều cực đoan, trong nhà Phật gọi một bên là hành lạc, một bên là khổ hạnh. Vậy chúng ta phải xử thế nào? Không bảo vệ tối đa, cũng không hủy hoại, phải tạm nhờ nó đưa chúng ta đến bờ. Khi chưa đến bờ, chỗ nào mục chúng ta kết lại để còn chỗ tựa, đến bờ rồi nó là vô nghĩa. Đó là quan niệm của người tu chân chánh.

Thế nên ở đây chúng ta tu không bắt buộc phải thức suốt ngày đêm vì như thế khúc gỗ dễ bể dễ nát. Nhưng cũng không phải ăn nhiều ngủ nhiều cho khỏe mạnh lâu dài, chỉ cần vừa đủ sống và cố gắng tiến tu, thế mới đúng ý nghĩa nương khúc gỗ mục này. *Nào tỉnh bóng hòe đã đổi dời.* Mải vùi đầu ngủ, bóng hòe đã đổi dời tức đã xế rồi. Cho nên buổi trưa ngủ một tiếng là đủ, đừng ngủ mãi tới chiều.

Phút chốc hoa tươi lần rơi rụng,
Dần dà mạng nấm thạnh rồi suy.

Cuộc đời chúng ta như một đóa hoa buổi sáng nở, xế chiều héo tàn. Đang tươi thắm đẹp đẽ, phút chốc từ từ rơi rụng. Những tai nấm mọc, vươn lên khỏi đất thấy tròn trịa, đến chiều tàn dần. Qua hai câu trên, ngài ví thân chúng ta như một đóa hoa, như một tai nấm, tươi tốt đó rồi tàn úa đó. Biết thân tạm bợ không lâu bền, phải khéo lợi dụng nó để tiến tu, đừng chần chừ.

Mọi người sớm tỉnh xoay soi lại,
Tự khổ ruổi rong khắp nẻo đường.

Xoay là quay lại, soi là soi sáng. Chúng ta phải sớm thức tỉnh đừng hướng ra ngoài, phải quay lại soi sáng chính mình, một ngày nào chúng ta liền thấy được cái chân thật của mình. Như vậy là ngài khuyên chúng ta phải tỉnh tu. Tu không phải chỉ trong giờ ngồi thiền mà cả khi đi đứng nằm ngồi, đều phải biết mình từng phút từng giây. *Tự khổ ruổi rong khắp nẻo đường*, tức là chúng ta tự đày ải mình, chạy nơi này nơi kia, đuổi theo tài sắc danh lợi, theo những ảo ảnh bên ngoài, không biết dừng lại để được an lành. Thí dụ như được một chức phận gì, khi chết nó có cứu được mình không? Hoặc đuổi theo tài sắc, muốn được thỏa mãn, nên suốt đời chỉ là chuốc khổ thôi.

Kết thúc, ngài khuyên chúng ta phải thức tỉnh quay về soi lại mình, những kẻ chỉ biết rong ruổi ra ngoài sẽ chuốc khổ trong đời này kể cả đời sau. Lời khuyên này rất quý báu, mỗi khi đọc lại, chúng ta thức tỉnh, nhớ tu hành.

DÂNG HƯƠNG BUỔI MẶT TRỜI LẶN

Cúi mong, chân trời ráng hiện, khói tụ non xa. Thân đến đàn tràng thanh tịnh, đầu lễ Hiền thánh từ bi. Mong thấu lòng thành, kính đốt hương báu.

Hương này, danh cao ở Bồng đảo, phẩm lạ ở Lục dương. Nào phải trầm thủy dâng từ Lâm Ấp, chẳng như tô du cống hiến của Đại Tần. Mùi hơn xạ hương ở Phong huyện, vị quá Ô Tràng long não. Riêng chiếm giá cao bậc nhất, mùi thơm vượt hẳn các hương. Hương báu vừa bay, chiếu Phạm huân thành đàn thế giới; lò vàng mới đốt, xoay vần kết tụ thận lầu đài. Tìm đến càn thành tan ảo hóa, ngửi mùi địa ngục hết chua cay. Nay mặt trời lặn, thắp hương cúng dường.

Thắp hương cúng dường mà cũng rất nên thơ.

Cúi mong, chân trời ráng hiện, khi mặt trời lặn, chân trời hiện ráng vàng và *khói tụ ở non xa.*

Thân đến đàn tràng thanh tịnh, đầu lễ Hiền thánh từ bi, đến trước Phật điện đảnh lễ Phật, Bồ-tát, mong các ngài thấu tấm lòng thành, nên đốt hương báu này cúng dường.

Hương này, danh cao ở Bồng đảo tức là ở đảo Bồng Lai, hương này rất quý. *Phẩm lạ ở Lục dương.* Lục dương là biển xanh, chỉ một đảo ở ngoài biển như đảo Bồng Lai, có người nghi đảo này ở biển Thái Bình Dương.

Nào phải trầm thủy dâng từ Lâm Ấp. Lâm Ấp chỉ cho miền Trung nước Việt Nam khoảng tỉnh Thừa Thiên,

Quảng Ngãi trở vào trong. Thời Hán xâm chiếm Nam Việt thì đây là vùng đất gọi là huyện Tượng Lâm. *Chẳng như tô du cống hiến của Đại Tần*. Tô du là một thứ dầu thơm từ Đại Tần đem qua. Đại Tần là chỉ các nước Ba Tư, Ai Cập, La Mã.

Mùi hơn xạ hương ở Phong huyện. Xạ hương là mùi thơm của con xạ, tức là một con thú rừng giống như con hươu nhỏ, không có sừng, lông đen, dưới bụng có một bọng da lớn bằng quả trứng gà, mùi rất thơm gọi là xạ hương. Phong huyện là tên một huyện ở phía tây bắc huyện An Hương tỉnh Hồ Nam, thuộc Trung Quốc. *Vị quá Ô Tràng long não.* Ô Tràng là nước Ô Tràng, tên một nước ở phía bắc Ấn Độ.

Riêng chiếm giá cao bậc nhất, mùi thơm vượt hẳn các hương. Hương này là hạng nhất, hơn tất cả loại hương.

Hương báu vừa bay, chiếu Phạm huân thành đàn thế giới. Hương báu này bay tới đâu, những nơi đó đều trải chiếu thanh tịnh huân tập thành đàn tràng khắp cả thế giới. *Lò vàng mới đốt, xoay vần kết tụ Thận lầu đài.* Thận lầu đài là dịch chữ *thận khí lâu*, lâu là lầu, thận là con sò, trong kinh thường hay dụ lầu sò. Khi khí trời tạnh trong, ngoài hải đảo có những ảnh giả do ánh sáng soi mặt biển rọi lên trên không thành muôn hình vạn trạng, ngày xưa cho là con sò thần hóa ra nên gọi là thận lâu thị, còn gọi là càn-thát-bà thành, tức thành càn-thát-bà, mắt nhìn thấy mà không có thật, đó là ảo ảnh.

Thế nên: *Tìm đến, càn thành tan ảo hóa*. Càn thành là thành càn-thát-bà, biến tan như ảo hóa. *Ngửi mùi, địa ngục hết chua cay*, ai ngửi được mùi thơm của hương báu này thì những khổ đau ở địa ngục đều dứt.

Nay mặt trời lặn, thắp hương cúng dường.

Kệ Dâng Hương

Trầm thủy rừng thiền hương sực nức,
Chiên-đàn vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thẳm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.

Kệ Dâng Hoa

Tâm địa mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.

(Hiến dâng hương hoa rồi bạch)
Nguyện mây hương hoa này,
Khắp cả mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp chư Bồ-tát,
Vô lượng chúng Thanh văn
Và tất cả Thánh hiền;
Vừa rời đài Quang minh,

Qua cõi nước vô biên
Trong vô biên cõi Phật,
Nhận dùng làm Phật sự.
Xông khắp các chúng sanh,
Đều phát tâm Bồ-đề.

Cúng dường rồi, chí tâm quy mạng lễ mười phương Vô thượng Tam bảo.

Những bài này đã giảng.

Tâu Bạch
(Niêm hương quỳ bạch)

Kính bạch: Mười phương Đại giác, ba đời Hùng sư, vung kiếm tuệ ở rừng tà, quạt gió từ vào nhà lửa. Mười phương Đại giác tức là chư Phật khắp mười phương. Ba đời Hùng sư là ba đời chư Phật. Nguyện ngài *vung kiếm tuệ ở rừng tà*, tất cả rừng tà ngài dùng kiếm bén chặt đứt hết. *Quạt gió từ vào nhà lửa*, ngài quạt gió từ bi làm mát nhà lửa tam giới.

Trộm nghe: Ráng đỏ phủ đầu non, mặt trời vừa gác núi. Đầu thành giọng ốc thổi buồn thiu, chày nện ngoài rèm nghe ảm đạm. Thuyền chài quay lại bến cất tiếng hát chiều, chim bay trở về rừng nhẹ nhàng vỗ cánh. Phờ phạc đàn cò đậu bãi cát, tiêu sơ bờ liễu dế ngâm sầu. Đồng rộng lập lòe vài đóm lửa, trời cao lơ lửng trăng lưỡi liềm. Cửa phên hờ khép gà vào chuồng, đèn lửa chưa lên trâu lại ngõ. Lữ khách thúc ngựa chạy như tên bắn, thuyền về chèo gấp nhanh tợ thoi đưa.

Thương thay kẻ mê lại vào đường tối. Ngày sáng trưng còn chẳng biết lối đi, đêm càng tối lối về nhà quên bẵng. Nhóm kia như người không đủ mắt, cảnh này quyết hẳn kẻ quên đường.

Đoạn này ngài diễn tả cảnh mặt trời lặn.

Ráng đỏ phủ đầu non, mặt trời vừa gác núi. Khi mặt trời lặn nhìn đầu non thấy ráng đỏ sáng rực.

Đầu thành giọng ốc thổi buồn thiu, chày nện ngoài rèm nghe ảm đạm. Ốc là tù và. Thuở xưa là tiếng ốc, nay là kèn, đầu thành giọng ốc thổi buồn thiu, tiếng chày giã gạo hoặc nện vải ngoài rèm nghe ảm đạm.

Thuyền chài quay lại bến cất tiếng hát chiều, chim bay trở về rừng nhẹ nhàng vỗ cánh. Chiều đến, những ngư phủ quay thuyền chèo vào bến, cất tiếng hát buổi chiều. Khi mặt trời lặn, những đàn chim cùng nhau nhè nhẹ vỗ cánh bay về rừng.

Phờ phạc đàn cò đậu bãi cát, tiêu sơ bờ liễu dế ngâm sầu. Những con cò đi kiếm ăn đến chiều mệt mỏi đậu trên bãi cát; nơi bờ liễu cây cối lưa thưa xơ xác, bầy dế đang ngâm sầu. Dế ngâm sầu hay người sầu? Nghe dế ngâm chúng ta tưởng nó cũng sầu!

Đồng rộng lập lòe vài đóm lửa, trời cao lơ lửng trăng lưỡi liềm. Ngoài đồng mênh mông vài đóm lửa đom đóm lập lòe, trên trời mặt trăng lưỡi liềm vừa hiện.

Cửa phên hờ khép gà vào chuồng, đèn lửa chưa lên trâu lại ngõ. Cửa trong nhà khép hờ chưa kín hẳn,

gà "túc túc" gọi nhau dẫn về chuồng. Trong nhà đèn chưa đốt mà ngoài cổng trâu đã kéo nhau về. Đây là diễn tả cảnh vật chung quanh vào buổi đầu hôm.

Lữ khách thúc ngựa chạy như tên bắn, thuyền về chèo gấp nhanh tợ thoi đưa. Thấy trời sắp tối khách tha phương thúc ngựa chạy nhanh như tên bắn. Người chèo thuyền vội vã chèo để kịp về tới bến.

Thương thay kẻ mê lại vào đường tối. Ngày sáng trưng còn chẳng biết lối đi, đêm càng tối lối về nhà quên bẵng. Thương cho người mê gặp ban đêm nên vào đường tối. Ngày sáng trưng còn mờ mịt không biết lối đi, huống nữa là đêm tối làm sao biết được đường về nhà? Đó là ngài muốn nhắc cho chúng ta biết người thế gian lúc ban ngày còn không biết đường lối tiến tu, huống nữa là đêm tối thì làm sao nhớ?

Nhóm kia như người không đủ mắt, cảnh này quyết hẳn kẻ quên đường. Người không đủ mắt là người mù. Nhóm không biết đường giống như kẻ mù, dù ban ngày vẫn không thấy lối đi. Người thế gian không biết tu, chỉ mê say theo ngoại cảnh, đối với con đường Niết-bàn hẳn họ là kẻ quên đường. Đây là ngài muốn nhắc cho mọi người thức tỉnh tu hành.

Các Phật tử! Phải nhớ vô thường nhanh chóng, chớ tham phù thế xa hoa. Cần kíp kéo mũi xoay đầu, chớ để buông tâm phóng chạy. Mỗi người soi sáng bên trong, không cho theo cảnh tìm ngoài. Nếu là tri âm, hãy mau tiến bước.

Các Phật tử! Phải nhớ vô thường nhanh chóng, chớ tham phù thế xa hoa. Vô thường hay cái chết rất là mau gấp, phải nhớ nó luôn chực sẵn bên mình, chỉ một phút sẩy tay sơ ý là có thể mất mạng. Thế nên đừng tham cảnh xa hoa ở thế gian tạm bợ này. Phù là tạm bợ như bong bóng nổi, không có gì đáng ưa thích.

Cần kíp kéo mũi xoay đầu, chớ để buông tâm phóng chạy. Cần gấp kéo mũi con trâu của mình xoay trở lại, chớ để nó phóng chạy ra ngoài. *Kéo mũi,* từ chuyên môn gọi là phản quan tức là xoay chiếu lại nơi mình. Thế nên phải sám hối sáu căn. Mắt tai mũi lưỡi thân ý của chúng ta đang phóng ra ngoài, giống như con trâu đang chạy hung hăng ngoài đồng ruộng. Nay muốn cho sáu căn quay trở lại soi sáng nơi mình, giống như kéo mũi trâu trở về chuồng, vì trâu nào cũng đang ngó cỏ ngoài đồng ruộng. Thế nên tu là phải kéo mũi nó xoay trở lại đừng để nó tha hồ phóng chạy.

Mỗi người soi sáng bên trong, không cho theo cảnh tìm ngoài. Mỗi người chúng ta đều phải soi sáng lại bên trong, đừng tìm theo cảnh bên ngoài. Nhưng hiện nay chúng ta đang làm gì? Trăm người như một đều đang chạy theo cảnh bên ngoài. Ngài Toàn Khoát có nói *Khước vật là thượng, trục vật là hạ*, nghĩa là từ chối không theo cảnh là người bậc thượng, theo cảnh là bậc hạ. Như vậy soi sáng bên trong là thượng, theo cảnh tìm ngoài là hạ. Nếu tất cả ai cũng biết soi sáng bên trong thì trên đường tu chúng ta không có chuyện gì phải dao động, phải luận bàn. Tới lui qua lại đều nhìn từng niệm,

không cho theo cảnh mà phải soi sáng lại nội tâm, đó là chúng ta tu thiền.

Nếu là tri âm, hãy mau tiến bước. Nếu là người tri âm thông cảm được với ngài thì hãy nhanh chân tiến bước, nghĩa là phải mau soi sáng lại mình, đừng chạy theo cảnh bên ngoài. Đây là lời nhắc nhở rất thiết yếu, khuyên chúng ta phải ráng vận dụng sáu căn soi sáng nội tâm, mỗi người nên tiến bước đừng chậm trễ, đừng chần chừ.

Đệ tử chúng con kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ mặt trời lặn.

SÁM HỐI TỘI CĂN MŨI

Chí tâm sám hối:
Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,
Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.
Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.

Chúng ta từ thuở nào đến nay vì quên mất bản tâm, không theo đường chánh nên phải rơi trong ba đường khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Gốc từ sáu căn sai lầm phóng ra ngoài đuổi theo sáu trần, nay muốn hết sai lầm phải quay sáu căn trở lại soi sáng nội tâm, đó là trở về cố hương, nếu phóng ra ngoài thì rơi trong lục đạo. Nhưng đa số chúng ta sáu căn đều phóng ra nên mới tạo những tội lỗi, vì vậy nếu không sám hối những lỗi trước thì những tội sau sẽ khó tránh được.

Nghiệp căn mũi là:
Thường tham mùi lạ, trăm thứ ngạt ngào;
Chẳng thích chân hương, năm phần thanh tịnh.

Có mũi ai không thích mùi lạ? Mùi lạ này là mùi thơm chứ không phải mùi hôi. Vật gì thơm như hoa thơm hơi nhẹ là kề mũi sát hoa để ngửi, đó là bệnh của chúng ta. *Chẳng thích chân hương, năm phần thanh tịnh*. Chân hương là hương chân thật. Đó là hương giới, hương định, hương tuệ, hương giải thoát và giải thoát tri kiến. Trong kinh Pháp Cú Phật dạy mùi hương của hoa, của trầm v.v... ở thế gian chỉ thơm theo chiều gió, gió phía nào, mùi hương bay về hướng đó. Còn mùi hương của giới đức thì tỏa khắp nơi. Thí dụ có một người hiền lành đức hạnh ở Đà Lạt, dù gió thổi về hướng Campuchia nhưng ở thành phố Hồ Chí Minh hay ở ngoài Trung v.v... người người đều nghe được tiếng thơm. Như vậy mùi thơm của giới đức không phải ngửi bằng mũi, mà nghe bằng tai. Giới đức hay định tuệ của người hiền được mọi người hay biết và quý kính thì gọi là ngửi được mùi thơm. Thế nên đạo đức không bị gió, đất, nước, lửa làm mất mà luôn còn lâu dài. Đó là chân hương năm phần thanh tịnh, không thơm ngào ngạt mà thơm trong sự thanh tịnh. Hương thế gian ngạt ngào có vẻ hấp dẫn hơn nên người đời ưa thích, vì thế ngài nói: Thường tham mùi lạ, trăm thứ ngạt ngào; chẳng thích chân hương, năm phần thanh tịnh. Hai câu này nói lên sự mê lầm của con người, cứ chạy theo mùi thơm tạm bợ mà không biết được

điều quý báu thanh tịnh lâu bền. Chính vì lâu bền nên gọi là chân hương.

Lan xông xạ ướp, chỉ thích tìm tòi;
Giới định hương huân, chưa từng để mũi.

Chỉ thích tìm tòi mùi thơm của hoa lan, của xạ mà không huân tập hương giới, hương định. Đối với giới định chưa bao giờ để ý lưu tâm, nên nói chưa từng để mũi.

Trầm đàn thiêu đốt, đặt trước Phật đài;
Nghển cổ hít hơi, trộm hương phẩy khói.

Nếu đốt hương trầm hoặc hương chiên-đàn cúng Phật, thì nghển cổ hít khói xông lên khen là hương thơm quá. Hương cúng Phật, đâu phải cho mình mà ngửi, như vậy là trộm hương.

Theo dõi hương trần, Long thần chẳng nể;
Chỉ thích mùi xằng, trọn không chán mỏi.

Những mùi hương trần tục, dầu thơm thế mấy cũng là trần tục, có rồi mất, mà chúng ta lại thích ngửi trộm không sợ Long thần Hộ pháp quở. Chúng ta ưa thích, đuổi theo những mùi thơm xằng đó, không bao giờ biết chán, biết mỏi.

Mặt đào má hạnh, lôi kéo chẳng lìa;
Cây giác hoa tâm, xây đi không đoái.

Thấy những người mặt đào má hạnh thì mắt đuổi theo dính chặt không rời. Cây giác hoa tâm là sự giác ngộ,

là tâm thanh tịnh của con người, chúng ta xây mặt làm ngơ không màng, không để ý đến, lại đuổi theo những hình bóng tạm bợ bên ngoài.

Hoặc ra phố chợ, hoặc vào bếp sau;
Thấy bẩn thèm ăn, ưa nhơ kiếm nuốt.

Người đời đến chợ thấy thịt heo thịt bò để ngổn ngang trên thớt biết là nhớp là tanh, nhưng vì thích ăn nên lựa miếng này miếng kia, khen ngon chê dở. Những thứ nhơ như ruột, gan v.v... người ta hay dùng nấu cháo, lại cắt cổ các con vật, lấy máu làm thức ăn thành ra ăn thịt uống máu mà nhiều người thích lắm, nên ngài Trần Thái Tông chê: Thấy bẩn thèm ăn, ưa nhơ kiếm nuốt.

Chẳng ngại tanh hôi, không kiêng hành tỏi;
Mê mải không thôi, như lợn nằm ổ.

Chữ nằm ổ là tạm dịch chữ thỉ xí tức là hầm phân, như con lợn đi tới hầm phân, nghe bẩn quá nên phải dịch nhẹ đi.

Hoặc chảy nước mũi, hoặc hỷ đàm vàng;
Bôi cột quẹt thềm, làm nhơ đất sạch.

Chúng ta nghĩ mũi là quý nhưng khi mũi chảy nước hoặc ra đàm mà không có phương tiện để lau thì quẹt bừa vào cột làm nhơ nhớp.

Hoặc say nằm ngủ, điện Phật phòng tăng;
Hai mũi thở hơi, xông kinh nhơ tượng.

Ngủ thì thở hơi hôi hám làm nhơ kinh, tượng.

Ngửi sen thành trộm, nghe mùi thành dâm;
Không biết không hay, đều do nghiệp mũi.

Ngửi sen thành trộm là do sự tích trong Sa-di Luật Giải: Thuở xưa có một Tỳ-kheo đi dạo quanh bờ hồ sen, nghe mùi thơm hoa sen liền hít ngửi. Ngay khi ấy có vị thần hiện ra quở:

- Tại sao ông trộm hương hoa sen của tôi?

Vị Tỳ-kheo không biết nói sao. Khi đó có người lội xuống hồ bẻ hoa nhổ ngó làm cho sen ngã rạp, vị Tỳ-kheo hỏi:

- Tôi chỉ ngửi hương sen mà ông nói tôi trộm hương, nay người kia nhổ ngó bẻ hoa sao ông không quở họ?

Vị thần bảo:

- Đó là kẻ thế tục không biết tội lỗi, thí dụ như chiếc áo đen dù cho có năm mười vết mực lấm vào cũng không thấy, còn ông tu hành giống như chiếc áo trắng, chỉ một vết mực nhỏ cũng thấy rõ, nên tôi trách ông.

Như vậy có những việc người thế gian làm được nhưng người tu không được làm. Người tu chỉ nhiễm mùi thơm là đã bị quở rồi trong khi người đời nhổ ngó, bẻ hoa mà không bị trách, đó là vì muốn cho người tu chúng ta hoàn toàn thanh tịnh. Thế nên người tu phải ráng dè dặt đừng so bì với người thế gian.

Nghe mùi thành dâm là do chuyện một Sa-di ở trong phòng, có vài cô thiếu nữ đi qua trước phòng, ông ngửi mùi dầu thơm nên sanh tâm dâm.

Không biết không hay, đều do nghiệp mũi. Những điều đó chúng ta không biết không hiểu, nhưng sự thật là do nghiệp của mũi.

Những tội như thế, vô lượng vô biên;
Sau khi mạng chung, đọa ba đường khổ.

Mũi tạo vô lượng vô biên tội, khi chết rồi thì rơi trong ba đường khổ.

Trải ngàn muôn kiếp, mới được làm người;
Dù được làm người, quả báo bệnh mũi.

Tuy được làm người nhưng do dư báo nên mũi hay bệnh.

Nếu không sám hối, khó được tiêu trừ;
Nay trước Phật đài, thảy đều sám hối.

Đây là sám hối về căn mũi. Sáu căn là nhân tạo nghiệp thọ khổ, vì chúng hay phóng chạy ra ngoài đuổi theo sáu trần. Nay biết tu thì chúng ta phải kìm chế sáu căn đừng cho chúng chạy theo sáu trần nữa, đó là chúng ta biết sám hối, mới được hết tội lỗi.

Chí Tâm Khuyến Thỉnh
Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật
Và chư Bồ-tát, Thánh hiền tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).

Chí Tâm Tùy Hỷ

Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thềm thang Thập địa nguyện sớm lên,
Bồ-đề chân tâm không lui sụt.

Chí Tâm Hồi Hướng

Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nương thắng nhân này thành Chánh giác.

Những bài này đã giảng.

Chí Tâm Phát Nguyện

Một nguyện ra hết tà khí loạn,
Hai nguyện nhận vào tuệ hương huân,
Ba nguyện đóng thành cửa vô lậu,
Bốn nguyện ho tan trần hữu duyên.
Năm nguyện lôi về đường Tam bảo,
Sáu nguyện ngáp nát xóm tứ sanh,
Bảy nguyện thở trừ chướng phiền não,
Tám nguyện ngửi được hoa giác tươi.
Chín nguyện thường thông giống các pháp,
Mười nguyện hằng lấp nhân ngũ tân,

Mười một nguyện kéo về dạo biển tánh,

Mười hai nguyện lôi ra khỏi bến mê.

Những nguyện mạnh này nhắm vào căn mũi.

Một nguyện ra hết tà khí loạn, tức là thở ra tưởng như hơi loạn hơi tà đều ra ngoài.

Hai nguyện nhận vào tuệ hương huân, nguyện khi hít vào thì huân được hương trí tuệ.

Ba nguyện đóng thành cửa vô lậu, tức là đóng cửa vô lậu, không cho rơi trong tam giới nữa.

Bốn nguyện ho tan trần hữu duyên. Chữ ho dùng cho hợp vận, đúng nghĩa phải là chữ ách xì. Một cái nhảy mũi, tất cả hữu duyên ở thế gian tan hết, vì khi hắt hơi thì hơi ra nên tưởng như các hữu duyên thế gian tan hết không còn dính với mình.

Năm nguyện lôi về đường Tam bảo, tức là lôi mọi thấy, nghe, ngửi, nếm... trở về đường Tam bảo.

Sáu nguyện ngáp nát xóm tứ sanh, tứ sanh là bốn loài: thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh. Nghĩa là ngáp tan hết không còn dính trong tứ sanh nữa, tức là không rơi vào loài người, loài vật sanh bằng thai, không rơi vào loài sanh bằng trứng, loài sanh chỗ ẩm ướt, loài do hóa sanh hiện ra.

Bảy nguyện thở trừ chướng phiền não, nghĩa là khi thở tất cả chướng phiền não đều trừ hết.

Tám nguyện ngửi được hoa giác tươi, luôn luôn mũi ngửi được hoa giác ngộ xinh tươi.

Chín nguyện thường thông giống các pháp, nghĩa là nguyện mũi ngửi biết tất cả pháp không lầm, biết nhân của nó rõ ràng.

Mười nguyện hằng lấp nhân ngũ tân. Ngũ tân là ngũ vị tân, nghĩa là không ưa mùi ngũ vị tân.

Mười một nguyện kéo về dạo biển tánh, tức là kéo về dạo biển thể tánh hay biển giác.

Mười hai nguyện lôi ra khỏi bến mê, nghĩa là nguyện không còn kẹt trong bến mê nữa.

Kệ Vô Thường Thời Này

Cảnh giục trời gác núi,
Tấc bóng có tiếc chăng?
Chỉ chạy theo ý ngựa,
Tâm khỉ chịu dừng đâu?
Mặt trời mọc rồi lặn,
Thân nổi trở lại chìm.
Già đến ngu cùng trí,
Chết đi xưa và nay.
Chẳng khỏi vô thường đến,
Hạn lớn tránh được nào?
Mỗi nên đi đường chánh,
Chớ để vào nẻo tà.

Ngài nhắc chúng ta:

Cảnh giục trời gác núi,
Tấc bóng có tiếc chăng?

Cảnh thúc đẩy mặt trời gác núi tức đã lặn; vậy chúng ta có tiếc từng tấc bóng, hay có tiếc từng giờ, từng phút không? Nhiều khi còn mong mau tối để xem ngày mai có đẹp hơn không. Ai cũng tưởng tượng hão huyền là ngày mai thế nào cũng đẹp hơn nên hôm nay chưa hết lại mong đến mai, tháng này chưa hết lại mong tháng sau, năm này chưa hết lại mong năm tới. Mong để làm gì? Để mà chết, nghĩa là mong hết ngày, hết tháng, hết năm rồi chết!

Chúng ta không tiếc từng ngày, từng phút, không nghĩ một ngày qua đã làm được gì. Thiền sư Y Am mỗi chiều qua, ôn lại thấy chưa được gì, ngài nhìn mặt trời lặn mà sa nước mắt. Chúng ta hiện nay như thế nào? Ngày giờ thật là quý báu để nó qua mất rất đáng tiếc. Từ sớm đến chiều kiểm lại xem chúng ta mê nhiều hay tỉnh nhiều? Nếu cảm thấy mê thì tủi thân, buồn trách mình sao quá dở, chứ không phải ngắm mặt trời lặn rồi vui chơi, không tiếc thời gian đã trôi qua.

Chỉ chạy theo ý ngựa,
Tâm khỉ chịu dừng đâu?

Tâm khỉ ý ngựa dịch chữ *tâm viên ý mã*. Ý giống như ngựa chạy sải, tâm như vượn khỉ chuyền cây. Chúng ta chạy theo tâm ý lăng xăng không biết dừng.

Mặt trời mọc rồi lặn,

Thân nổi trở lại chìm.

Buổi sáng mặt trời mọc, chiều đến mặt trời lặn, mặt trời có mọc thì có lặn, thân người cũng vậy, có sanh phải có tử. Nó hiện có rồi sẽ mất đi. Tại sao chúng ta không biết quý tiếc, để dùng nó vào chỗ lợi ích cho mình, cho chúng sanh mà thả trôi thì giờ quý báu?

Già đến ngu cùng trí,

Chết đi xưa và nay.

Cái già bình đẳng đến với tất cả mọi người, dù ngu hay trí chứ không phải dành riêng cho ai. Cái chết cũng vậy. Người xưa chết người nay cũng phải chết. Khi cái chết đến dù già dù trẻ dù muốn dù không cũng phải chịu, ai ai cũng phải đến chỗ đó. Thế nên ngày còn sống là ngày quý báu để làm được chút gì cho đạo, cho mình chứ không phải sống để chờ chết.

Chẳng khỏi vô thường đến,

Hạn lớn tránh được nào?

Không ai tránh khỏi vô thường, không ai tránh được cái chết. Hạn lớn là chỉ cho khi chết.

Mỗi nên đi đường chánh,

Chớ để vào nẻo tà.

Tức là mỗi người phải ráng tu hành, đừng để bị lôi cuốn vào đường tà quấy.

Đây là lời khuyên về vô thường vào buổi mặt trời lặn. Ngài cảm hứng nên khuyên thêm hai bài kệ.

Kệ Khuyên Chúng Buổi Hoàng Hôn

Cảnh giục nương dâu tối,
Non tây ô lặn rồi.
Ngày giờ đâu dừng mãi,
Già bệnh dễ kề người.
Chết đến ai hay giữ,
Hạn lại sao cấm ngăn.
Mọi người nên để mắt,
Hôn tán chớ vương tâm.

Ngài cũng nhắc vô thường như bài trước.

Cảnh giục nương dâu tối,
Non tây ô lặn rồi.

Cảnh thúc đẩy, nhìn lại bờ dâu đã tối, vầng ô đã chìm xuống núi phía tây.

Ngày giờ đâu dừng mãi,
Già bệnh dễ kề người.

Ngày giờ không dừng lại một chỗ thì già bệnh sớm muộn gì cũng đến với chúng ta, không ai tránh được.

Chết đến ai hay giữ,
Hạn lại sao cấm ngăn.

Không ai giữ được cái chết chẳng đến với mình; hạn là chết, cũng là nạn. Khi những chuyện không tốt xảy đến, không ai ngăn cản được. Thế nên:

Mọi người nên để mắt,
Hôn tán chớ vương tâm.

Hôn tán là hôn trầm và tán loạn. Chúng ta nên nhớ cảnh vô thường dồn dập đến không tha mình, vậy khi tu phải làm sao đuổi được con ma hôn trầm và chặn được con quỷ tán loạn, không cho chúng quấy nhiễu, thì đường tu mới xứng đáng. Vậy chúng ta tu là phải thắng ma quân đó. Nếu người nào ngồi thiền bị hôn trầm mãi sanh chán, nghĩ thà ngủ một giấc còn hơn liền xả thiền nằm xuống ngủ, đó là rất dở. Tại sao? Ngồi gục còn tha thứ được vì thua mà vẫn cố gắng tranh đấu, nếu chuồi xuống ngủ là kéo cờ đầu hàng, nên không tha thứ được. Hiểu như vậy nên ai duỗi ra nằm ngủ là tôi không chấp nhận. Có nhiều Giám thiền cũng từ bi, thấy gục tội quá liền bảo thôi nằm xuống ngủ đi. Như vậy là nguy hiểm, vì như thế cả Thiền đường sẽ ngủ hết. Chúng ta phải nghịch hạnh từ bi, bằng cách đánh một trượng cho họ giật mình, đuổi được con ma hôn trầm, đó là cứu họ. Nhìn người đi giám thiền cầm cây trượng, thấy hơi bất nhẫn, nhưng thật ra cây trượng là đuổi ma chứ không phải đánh người. Đừng quan niệm người giám thiền tàn nhẫn rồi nổi sân, đó là chưa biết tu. Đánh là đuổi ma hôn trầm chạy, lẽ ra mình phải chắp tay cám ơn vì lúc đó mình say rồi, không tự chủ nên phải nhờ đánh mạnh mình mới tỉnh, ma hôn trầm mới chạy xa; đánh nhẹ quá, người giám thiền đi qua khỏi, nó trở lại nữa. Hiểu như thế mới biết ý nghĩa của việc giám thiền.

Kệ Tám Khổ

Sanh đến thành người thân khổ nhọc,
Già sang lụ khụ ý mê mờ,
Bệnh xâm thân thể đau khôn nhẫn,
Chết đọa ba đường nghiệp dễ lôi.
Ân ái xa lìa buồn khó tả,
Oán thù gặp lại giận không cùng,
Ngàn cầu chẳng được thêm phiền não,
Năm ấm tranh nhau đấu sức hùng.

Chỉ có tám câu, ngài diễn tả được tám khổ (bát khổ): sanh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, oán tắng hội, cầu bất đắc và ngũ ấm xí thạnh khổ.

Sanh đến thành người thân khổ nhọc, từ khi sanh đến lúc thành người, thân phải trải qua nhiều khổ nhọc.

Đọc sử đức Phật chúng ta thấy thái tử Sĩ-đạt-ta theo vua cha ra đồng dự lễ Hạ điền, tức là lễ cho dân bắt đầu cày ruộng. Khi vua cha xem người cày, Thái tử đến ngồi bên gốc cây, ngài nhìn thấy trên luống cày những con trùng bị đứt trồi lên giãy giụa, các con cưỡng, con sáo liền sà xuống mổ nuốt. Thấy cảnh đó ngài nói: Chúng sanh sanh trong đau khổ.

Nghe như thế, chúng ta không quan tâm, nhưng nay xét kỹ lại, sanh quả là khổ, không ai chối cãi được. Tại sao? Nếu để ý chúng ta sẽ thấy những con chim sâu nhảy chuyền trên các cành cây để tìm mồi, khi thấy con sâu,

nó dùng mỏ nhọn gắp nhanh, quật qua quật lại con sâu run bây bẩy rồi chim nuốt. Một ngày sống nó phải nuốt bao nhiêu sâu, mà mỗi con sâu bị nuốt đau khổ vô cùng. Đến con người, ngày xưa tôm cá nhiều, mỗi bữa ăn đem vài con cá ra đập đầu, chúng giãy giụa run run. Như thế cuộc sống của chúng ta do những con vật nhỏ yếu cung cấp. Một ngày chúng ta sống là một ngày khổ của chúng sanh. Lại như muốn được sung túc, kẻ khôn hiếp kẻ dại, người mạnh hiếp người yếu. Tất cả cuộc sống đều là tranh giành lấn áp làm khổ cho nhau chứ đâu có an vui. Sống trong đau khổ mà chúng ta không thấy, có khi thấy cũng làm ngơ. Như những người cắt cổ gà vịt, khi bị giết, chúng kêu la giãy giụa, người giết tỏ ra từ bi, tụng chú vãng sanh cho đời sau chúng đừng làm gà vịt nữa. Đó thật là đạo đức giả. Giả sử có ai cầm gươm kề cổ chúng ta nói: Anh sống khổ quá để tôi đâm anh chết, rồi tụng chú vãng sanh cầu cho anh hết khổ! Chúng ta bằng lòng không? Hay vừa lạy vừa van xin cho tôi sống, đừng cầu vãng sanh làm chi! Nếu thật tình là thương, chúng ta không nỡ làm khổ chúng sanh để ngon miệng mình. Thế nên cuộc sống là đau khổ, có mấy người đem lại an lạc cho nhau.

Già sang lụ khụ ý mê mờ, già đến thì lưng còng chân yếu thân thể mỏi mệt, ý cũng mù mịt mờ tối.

Bệnh xâm thân thể đau khôn nhẫn, khi cơn bệnh xâm nhập, thân đau đớn nhẫn chịu không nổi.

Chết đọa ba đường nghiệp dễ lôi, chết đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là chuyện dễ. Tại sao?

Phật dạy, nếu chúng ta giữ tròn năm giới (không giết hại, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu), bảo đảm người đó được trở lại làm người. Nếu trong năm giới mà phạm một, hai điều thì không bảo đảm. Kiểm lại ở thế gian, bao nhiêu người giữ đủ năm giới? Vậy trở lại làm người là việc khó, rơi trong ba đường ác là việc dễ. Vì thế người ta thường nói, lên núi khó xuống núi dễ. Chúng ta ráng giữ đủ tư cách một con người tốt thì khó, buông lung tạo nghiệp xấu ác thì rất dễ.

Ân ái xa lìa buồn khó tả, người thương mến mà phải xa lìa thì buồn khôn kể xiết, nhưng đâu có ai tránh khỏi điều đó. Một là vì đi nơi này nơi khác làm ăn nên phải xa nhau. Hai là vì kẻ còn người mất. Sống xa lìa gọi là sanh ly, chết xa lìa gọi là tử biệt, cả hai trường hợp đều buồn khổ. Khổ vì chết phải lìa nhau, theo thời gian cũng khuây khỏa, khổ vì sống mà lâu lâu mới biết tin tức nhau thì khổ này dài hơn.

Oán thù gặp lại giận không cùng, người mình oán ghét mà cứ ở trước mắt làm sao chịu nổi! Ở thế gian chưa bao giờ chúng ta thương tất cả mọi người. Trong trăm người, thân lắm chỉ độ vài ba mươi, ghét chắc cũng vài ba mươi. Như vậy người ghét cũng tương đương với người thương. Xa lìa người thương đã khổ, gặp mãi người ghét cũng khổ, vậy lúc nào hết khổ? Chỉ khi hết thương hết ghét. Thế nên Phật dạy tu là dứt tâm thương ghét. Làm sao ai cũng là người mình quý kính, không ghét thù ai cũng không trói buộc với ai, thế mới là hết khổ.

Ngàn cầu chẳng được thêm phiền não, đây là cầu bất đắc khổ. Vì sao lại nói ngàn cầu? Vì sự mong cầu của chúng ta quá nhiều. Thí dụ chưa có tiền muốn có tiền, có tiền rồi muốn có xe, có nhà v.v... sự ham muốn không cùng. Mong cầu cả ngàn thứ mà chỉ được hai, ba thì chưa vừa ý nên lúc nào cũng phiền não.

Năm ấm tranh nhau đấu sức hùng. Năm ấm là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc ấm là chỉ cho thân, bốn ấm sau chỉ cho tâm. Nay chúng ta nhìn từng ấm một thử xem chúng tranh nhau như thế nào?

Thứ nhất là sắc ấm. Sắc ấm là do sự tụ họp của đất, nước, gió, lửa. Bốn thứ họp lại có hòa thuận nhau không? Lửa đang cháy phừng lấy nước dội liền tắt, nước để trong nồi đốt lửa một lúc bốc hơi khô hết. Như vậy lửa nước chống đối nhau. Nhưng trong người chúng ta thiếu thứ nào cũng không được. Nếu thiếu nước thì thân khô khan, thiếu lửa thì thân bị lạnh. Lửa nước thù địch nhau, nay điều hòa chúng là việc không phải dễ. Khi nghe nóng phải tìm thức ăn cho mát, khi lạnh lại tìm thức uống cho ấm, cứ như thế mà phải tìm kiếm thức ăn thức uống để bồi bổ cho quân bình thì thân mới an ổn. Đến đất với gió, khi gió thổi mạnh bụi đất bay tung mù mịt. Trong thân chúng ta cũng vậy, lâu lâu có một trận gió xuông vào cả mình đau nhức. Vậy gió thổi thì đất rung rinh không nghi ngờ. Như thế tứ đại lúc nào cũng tranh hùng, chúng ta phải ráng điều hòa chúng, thì thân mới được bình an.

Đến phần thọ, tưởng, hành, thức lại càng lăng xăng hơn nữa. Thọ là những cảm giác, tưởng là những tưởng tượng, hành là suy tư, thức là phân biệt. Cảm giác thích được vừa ý, tưởng tượng thức này ngon món kia dở..., suy tư phân biệt lăng xăng trong nội tâm, bốn thứ đó lúc nào cũng dao động bất an.

Tóm lại, sắc uẩn là tứ đại, chúng tranh giành nhau không dừng, tâm là thọ tưởng hành thức cũng lăng xăng dao động. Thân và tâm đều giả hợp mà chúng ta lại bảo vệ nó. Đã là giả hợp có lúc phải tan, đủ duyên thì còn, thiếu duyên thì mất, không bền chắc lâu dài. Thế nên ai nghĩ gìn giữ thân này còn mãi là si mê. Biết như vậy phải lợi dụng nó để tinh tấn tu hành, đó mới là người sáng suốt khôn ngoan.

DÂNG HƯƠNG BUỔI ĐẦU HÔM

Cúi mong, lửa đom đóm điểm không, đèn thuyền chài rọi nước. Bạn tịnh trên đàn đều tới, trong lò mới thắp tín hương.

Hương này, sản phẩm chẳng ở Lạc sơn, chủng loại không phải trầm thủy. Đâu bởi thần long dâng cúng, chính do Bồ-tát cất dành. Trong rừng Ngưu Đầu khó so bì, nơi vườn Kê Thiệt suy tôn bậc nhất. Gươm tuệ chặt, vót bằng đao giới rất mực thanh kỳ; nước định rửa, lửa tam-muội đốt mùi thơm ngào ngạt. Đâu chỉ đàn tràng ngửi được, mọi nơi khắp chốn đều thơm. Một nén hương xông nhiều đời nghiệp sạch. Nay buổi đầu hôm, đốt hương cúng dường.

Cúi mong, lửa đom đóm điểm không, đèn thuyền chài rọi nước. Tối đến đom đóm bay chớp chớp trên không, các thuyền chài thắp đèn, ánh sáng rọi xuống nước.

Bạn tịnh trên đàn đều tới, trong lò mới thắp tín hương. Bạn tịnh là dịch chữ Phạm lữ. Lữ là bạn, Phạm là thanh tịnh, nghĩa là những người xuất gia vừa đến trước đàn tràng, là chùa hoặc thiền đường, khi ấy mới bắt đầu thắp hương cúng dường cắm trên lò hương.

Ngài tán thán hương: *Hương này, sản phẩm chẳng ở Lạc sơn, chủng loại không phải trầm thủy.* Lạc sơn là chỉ những ngọn núi ở ngoài biển tương tự như núi Bồng Lai, tức là những ngọn núi có hương quý. Chủng loại của hương này vượt hơn hương trầm thủy.

Đâu bởi thần long dâng cúng, chính do Bồ-tát cất dành. Hương này không phải do các vị thần, rồng dâng cúng mà do trong kho của Bồ-tát cất dành sẵn.

Trong rừng Ngưu Đầu khó so bì. Rừng Ngưu Đầu tức Ngưu Đầu chiên-đàn, là cây chiên-đàn rất thơm, sản xuất trên núi Ngưu Đầu, một ngọn núi ở miền Nam Ấn Độ. Trong kinh Chính Niệm Xứ chép: Đỉnh núi này giống như đầu con trâu và núi sản sanh cây chiên-đàn nên gọi là Ngưu Đầu chiên-đàn. Hương chiên-đàn ở núi Ngưu Đầu rất thơm nhưng so với hương dâng cúng Phật còn thua kém. *Nơi vườn Kê Thiệt suy tôn bậc nhất.* Kê Thiệt cũng là tên (kê thiệt là lưỡi gà). Tìm trong sử thì thấy tên nhưng không thấy diễn tả là vườn hay núi... Hương Kê Thiệt là một thứ hương rất thơm nhưng cũng không bằng, nên gọi là suy tôn bậc nhất. Vậy hương này là tâm hương nên chỉ có ở kho của Bồ-tát.

Gươm tuệ chặt, vót bằng đao giới rất mực thanh kỳ. Vì là tâm hương nên chặt bằng gươm trí tuệ, vót bằng đao giới luật nên rất mực thanh kỳ, tức là thơm tho kỳ đặc. *Nước định rửa, lửa tam-muội đốt mùi thơm ngào ngạt.* Khi vót thành cây hương liền lấy nước định rửa, dùng lửa tam-muội đốt. Tam-muội là âm chữ Phạn, dịch nghĩa là chánh định. Mùi thơm hương này do trí tuệ biết, không phải như các loại hương thế gian do mũi ngửi được.

Đâu chỉ đàn tràng ngửi được, mọi nơi khắp chốn đều thơm. Mùi thơm của hương này không chỉ ở

trong chùa mà tỏa khắp nơi. Đây là tâm hương, do giới định tuệ un đúc thành, nên không phải do mũi ngửi mà do trí người trọng đạo đức biết nó thơm quý.

Một nén hương xông nhiều đời nghiệp sạch, nghĩa là xông được nén hương này thì tất cả nghiệp nhiều đời theo đó sạch hết. *Nay buổi đầu hôm, đốt hương cúng dường.*

Kệ Dâng Hương

Trầm thủy rừng thiền hương sực nức,
Chiên-đàn vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thẳm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.

Kệ Dâng Hoa

Đất tâm mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.

(Hiến dâng hương hoa rồi bạch)

Nguyện mây hương hoa này,
Khắp cả mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp, chư Bồ-tát,

Vô lượng chúng Thanh văn
Và tất cả Thánh hiền.
Vừa rời đài Quang minh,
Qua cõi nước vô biên,
Trong vô biên cõi Phật,
Nhận dùng làm Phật sự.
Xông khắp các chúng sanh
Đều phát tâm Bồ-đề.

Đây là lời phát nguyện sau khi dâng hương, dâng hoa.

Tâu Bạch

Kính bạch: Mười phương Đại giác, ba đời Hùng sư, mở rộng đèn tuệ chư Phật, soi khắp nhà tối quần sanh. Kính mong chư Phật mở rộng đèn trí tuệ để soi khắp nhà tối của chúng sanh.

Trộm nghe (hay *thầm nghe*)*: Kèn lầu vừa thổi, trống cấm mới truyền, nhà nhà đèn sáp sáng trưng, chốn chốn mỡ rồng cháy rực.* Đây là dẫn giải theo lối xưa, chữ kèn là gượng dịch, nguyên là chữ giác tức là sừng, thường gọi là tù và. Tiếng tù và thổi là báo hiệu đã tối, trống cấm trong thành vua được lệnh đánh, nhà nhà đều đốt đèn cầy sáng trưng. Mỡ rồng cũng là mỡ rắn, thường thuở xưa người ta hay lấy mỡ những con rắn lớn thắng làm dầu đốt, cũng như ở quê đốt dầu phộng dầu mù u, tối đến mỗi nhà đốt các đĩa dầu cháy rực.

Ngựa báu thôi hý ngoài ngõ tía, cá vàng ngưng nhảy dưới ao trong. Ngõ tía tức là đường quan. Những con ngựa hay chở đưa người đi chơi ngoài đường quan, tối rồi ngưng không còn hý nữa. Cá ban ngày được người cho ăn, nhảy đớp bọt, tối đến im lặng không nhảy nữa. Đó là hai hình ảnh rất nên thơ.

Lưa thưa mặt nước đom đóm bay, lấp ló đầu non ngậm vầng nguyệt. Trên mặt hồ lưa thưa đom đóm bay lập lòe, lúc đó mặt trăng sắp lặn.

Bên đài Phượng Hoàng say sưa tiệc rượu liên hoan, trước lầu Anh Vũ tham đắm mê hoa thủ lạc. Đài Phượng Hoàng và lầu Anh Vũ, những lầu đài hàng vương giả quý tộc dựng lên ở Trung Hoa thuở xưa. Đó là chỗ vui chơi của vua quan, nên *bên đài Phượng Hoàng say sưa tiệc rượu liên hoan, trước lầu Anh Vũ tham đắm mê hoa thủ lạc*. Mê hoa tức là ham chơi thích thú theo những dục lạc thế gian.

Hoặc vịnh trăng cợt gió, hoặc thổi sáo đánh đàn. Hoặc nhìn trăng đùa gió rồi làm thơ vịnh hoặc đánh đàn thổi sáo v.v...

Người người chăm chăm duyên trước mắt, kẻ kẻ đâu quên việc sau thân. Người đời mải ham chơi mê đuổi theo những việc trước mắt, nhưng đâu thể quên được việc sau thân. Sau thân là việc gì? Mai kia thân này già nua lụn bại, nên ai cũng phải biết còn có việc sau thân. Đến đây ngài đánh thức:

Các Phật tử! Phải tỉnh đường trước khó tiến tới, chớ tham gối cao mặc ngủ say. Người tu hành phải luôn luôn nhìn phía trước mình, mỗi ngày mỗi bước tiến lên không được chần chừ, không được dừng nghỉ. Muốn tiến tới luôn luôn như vậy thật là khó, chúng ta phải nỗ lực, chớ tham gối cao mặc ngủ say. Tối nằm trên gối ngủ một giấc ngon tới sáng, đó là gối cao nệm ấm ngủ say sưa, quên đường trước mà không chịu tiến.

Lên giường khó bảo đảm xuống giường, đêm nay đâu thể biết đêm mai. Câu này đánh thức chúng ta. Như vừa rồi tại một thất ở sau Thường Chiếu có một cô xuất gia, cô Huệ Toàn, chiều còn nói chuyện vui với huynh đệ như thường, tối ngủ đến sáng không thấy mở cửa, những người hàng xóm chạy đến nạy cửa vào thấy cô nằm yên không còn thở nữa. Thật đúng như câu: *Lên giường khó bảo đảm xuống giường.* Như vậy mà có ai nhớ đâu, cứ nghĩ sáng thì xuống, không ngờ có khi lên mà không xuống được. *Đêm nay đâu thể biết đêm mai*, đêm nay còn sống, chưa chắc đêm mai còn. Đó là những câu cảnh tỉnh cho chúng ta thấy cuộc đời mỏng manh tạm bợ, ngày nay khỏe mạnh chứ chưa bảo đảm ngày mai được khỏe. Nếu ai nhớ luôn luôn như vậy thì tu hành đâu có dám bê trễ. Trái lại, cứ tin ngày mai mình vẫn khỏe, vẫn làm việc như thường, nên ngày nay tu thiếu, để dành mai tu bù không có gì phải lo. Nếu biết rằng ngày nay chưa bảo đảm ngày mai thì ngày nào khỏe phải tu ngay, chứ không thể chần chừ.

Cửa đệ nhất nghĩa nên thẳng vào, nơi ba đường ác chớ tiến bước. Cửa đệ nhất nghĩa là dịch từ *đệ nhất nghĩa môn* là cửa có một nghĩa thôi, đó là cửa không dính hai bên. Quý vị đang tiến vào cửa đệ nhất hay cửa đệ nhị? Nếu là đệ nhị thì kẹt hai bên. Cửa đệ nhất thì không có hai bên, tức là không có hơn thua tốt xấu phải quấy... Đó cũng gọi là đệ nhất nghĩa đế, nơi cửa đó phải ráng thẳng vào. Còn ba đường ác địa ngục ngạ quỷ súc sanh, đừng tiến bước vào vì sẽ khổ. Như vậy người biết tu phải luôn luôn đi thẳng vào cửa đệ nhất nghĩa, tức là nơi không còn đối đãi, không còn phân biệt, đó là nơi an định, giải thoát khỏi vòng sanh tử.

Quay đầu nhận về gia hương mình, mở mắt chớ ham mộng phù thế. Gia là nhà, hương là làng xã nơi nhà mình ở, đó là nghĩa đen. Theo nghĩa ở đây, gia hương là chỗ cố hương mình có từ thuở nào. Nay chúng ta có phải là những người đang phiêu bạt không? Người rời khỏi cố hương là kẻ phiêu bạt. Như vậy nếu chưa về được gia hương mình là còn đang phiêu bạt.

Ngài Trần Thái Tông bảo, chỉ quay đầu nhận về gia hương, vậy gia hương khác với phiêu bạt ở chỗ quay đầu lại hay phóng mắt nhìn ra. Quay đầu lại, từ chuyên môn nhà thiền gọi là *hồi đầu thị ngạn* nghĩa là quay đầu là bờ, bờ ấy là gia hương. Trái lại nếu phóng mắt ra ngoài, đó là phiêu bạt, buông sáu căn chạy theo sáu trần đó là phiêu bạt. Xoay sáu căn trở lại nơi bản quán của nó, là quay đầu về cố hương, quay đầu về là bờ giác.

Bờ giác xa hay gần? Gần nhưng đi mãi không đến nên thành xa! Xa mà không phải xa, chỉ cần quay đầu lại, nhưng vì cứ phóng ra nên trở thành xa. Như vậy tự kiểm điểm lại xem một ngày chúng ta quay lại được bao lâu, chắc chắn nhất là sáu giờ. Chúng ta còn như thế, huống là người thế gian mải đi theo con đường phiêu bạt hẳn khó kiếm được một tiếng đồng hồ quay trở lại. Thế nên chúng ta thấy kinh Pháp Hoa diễn tả hay đáo để. Người cùng tử bỏ nhà đi không biết từ thuở nào, chỉ thấy đang lang thang, nay giật mình, quay trở về quê hương tìm cha mẹ. Khi trở về buổi đầu được cha trao cho công tác tầm thường như hốt phân, dần dần được gần cha và cuối cùng cha trao hết gia tài cho. Biết trở về là như vậy, còn nếu không biết thì suốt kiếp làm cùng tử lang thang. Nếu tủi nhục cho đời cùng tử thì chúng ta phải mau quay về. Hiện nay chúng ta cũng giống như chàng cùng tử đang làm chuyện hốt phân sống qua ngày vậy.

Mở mắt chớ ham mộng phù thế. Mộng phù thế là gì? Con phù du ở trên mặt nước, sớm mai có mặt, chiều tối chết, cuộc đời tạm bợ giống như đời con phù du. Cuộc sống của chúng ta là giấc mộng trong cõi tạm. Thế thì có gì đáng ưa thích! Nhưng chúng ta đang mê, mở mắt thì ham mộng phù thế nên ngài nhắc chúng ta đừng say mê cái tạm bợ, cái mộng ảo trên thế gian này. Chỉ hai câu này đủ nhắc nhở chúng ta tu:

Quay đầu nhận về gia hương mình,
Mở mắt chớ ham mộng phù thế.

Tới lui, xuống bếp, ra vườn cứ ngâm hai câu đó chứ đừng ca những câu khác.

Đệ tử chúng con kính tưởng giờ này, lấy làm khóa lễ đầu hôm.

SÁM HỐI TỘI CĂN LƯỠI

Chí tâm sám hối:
Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,
Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.
Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.

Nghiệp Căn Lưỡi là:
Tham đủ mọi mùi, thích xét ngon dở.

Lưỡi chúng ta thích đủ mùi. Vị bùi béo thì ưa, chát đắng thì không thích, để vào lưỡi thì khen món này ngon chê món kia dở. Nhiều khi trên mặt xã giao có những trường hợp nếu không làm giống người thì thấy quê, mà làm theo người thì thấy xấu hổ. Thí dụ như có nhiều Phật tử nấu thức ăn ngon cúng dường quý thầy, họ hỏi: Thầy dùng món này được không? Theo thế tình muốn vui lòng người làm bếp thì phải nói: À ngon quá! Như vậy mình đã theo vị rồi. Còn nếu chỉ làm thinh hoặc gật đầu một chút thì thấy thiếu lịch sự. Thế nên việc xã giao làm con người xa lần với đạo lý, nghĩa là muốn được lòng người cúng dường thì phải khen, mà khen thì phải nghĩ tới ngon dở, nhưng chúng ta thấy lỗi của lưỡi là *tham đủ mọi mùi, thích xét ngon dở*.

Nếm hết các thứ, biết rõ béo gầy.

Thức gì cũng ưa nếm, cũng ăn qua cho biết, nên nhiều người vì nghe quán này nấu khéo, quán kia nấu ngon liền rủ nay đi ăn quán này, mai đi ăn quán kia để cho biết hết các thứ và *biết rõ béo gầy*. Thức ăn có mỡ thì biết đó là con vật béo mập, còn thức ăn không mỡ thì biết đó là gầy... Nên những bệnh của lưỡi kể ra cũng nhiều.

Sát hại sanh vật, nuôi dưỡng thân mình.

Một con vật chết là nuôi cho mình được một bữa ăn. Đó là nói những con vật khá lớn, còn những con vật nhỏ thì một bữa ăn sát hại không biết bao nhiêu con!

Quay rán cá chim, nấu hầm cầm thú.

Cá hay chim thì đem quay đem rán, cầm thú thì đem nấu hầm. Tất cả những thứ đó là cái ngon miệng, cái sở thích của người đời.

Thịt tanh béo miệng, hành tỏi ruột xông.

Có thứ thịt nào chưa xào nấu mà không tanh đâu. Nhưng xào nấu rồi thì ăn béo miệng. Lại muốn cho nó được thơm thì thêm hành tỏi. Tanh thì ngon miệng, thơm thì xông trong ruột, khi vô thì thơm đến khi ra thì hôi chịu không nổi.

Ăn rồi đòi nữa, nào thấy no lâu.

Món gì ngon thì để dành lại, nếu trưa chiều mà không dọn lên thì hỏi: Món hồi sáng đâu rồi? Đó là diễn tả sở thích ăn thịt cá hoặc các loài vật, chim chóc v.v...

Đến hoàn cảnh bắt buộc phải đi chùa ăn chay thì:

Hoặc đến đàn chay, cầu thần lễ Phật;
Cố cam bụng đói, đợi lúc việc xong.

Phải đi chùa để cầu cúng theo lệnh của cha mẹ, ông bà thì ráng tới, tới thì cam bụng đói để đợi xong việc đặng về nhà ăn cho ngon chứ ở chùa ăn không được.

Sáng sớm ăn chay, cơm ít nước nhiều;
Giống hệt người đau, gắng nuốt thuốc cháo.

Ăn chay thì gượng ăn thôi, nuốt cơm không trôi, chỉ húp một chút canh cho đỡ dạ, nên *cơm ít nước nhiều*. Ăn chay giống như là uống thuốc không có gì ngon, vì vậy mà ăn lếu láo để về nhà ăn lại.

Mắt đầy mỡ thịt, cười nói hân hoan;
Rượu chuốc cơm mời, nóng thay nguội đổi.

Bữa nào thấy những thức ăn có thịt cá tươi ngon đầy bàn thì cười nói hân hoan, cho nên đến bàn ăn mà vui vẻ là nhờ những thức ăn vừa ý đầy bàn. Nếu đến bàn ăn thấy toàn là những thứ không thích, hẳn là không vui chút nào! Trong các bữa tiệc luôn luôn là mời ăn mời uống, đem món nóng lên, đổi món nguội xuống v.v...

Bày tiệc đãi khách, cưới gả cho con;
Giết hại chúng sanh, vì ba tấc lưỡi.

Nghĩa là giết lợn bò, gà vịt để làm tiệc, đều gốc từ cái lưỡi ba tấc này (tấc ta ngày xưa). Đó là diễn tả lỗi thích ăn ngon, không ưa dở của lưỡi.

Tiếp đến là lỗi hay nói của lưỡi:

Nói dối bày điều, thêu dệt bịa thêm;
Hai lưỡi bỗng sanh, ác khẩu dấy khởi.

Hoặc nói dối bày điều tức là nói không có lẽ thật, hoặc chuyện như thế này mà thêu dệt tô điểm thành thế khác, hoặc nói hai lưỡi, tới người này thì chê gièm người kia, tới người kia thì chê gièm người này làm cho người hờn giận nhau, hoặc nói những lời dữ, lời hung ác. Từ lưỡi sanh ra bốn tội nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, nói ác khẩu.

Chửi mắng Tam bảo, nguyền rủa mẹ cha;
Khinh khi hiền thánh, lừa dối mọi người.

Đây là chỉ những đứa con bất tiếu không kể gì cha mẹ, không kể gì Phật pháp nên có những lời nói dữ, khinh chê hiền thánh, lừa dối mọi người.

Chê bai người khác, che giấu lỗi mình;
Bàn luận cổ kim, khen chê này nọ.

Bệnh của chúng ta là bệnh chê người khen mình, hoặc giấu lỗi mình bươi móc lỗi người. Dù ai hay mấy mà người ta khen trước mặt mình, mình cũng khó chịu, nên có lần tôi nói một câu mà tôi còn nhớ: Nghe người khen bạn mình trước mặt, mà mình không đổi sắc, đó là người can đảm. Thí dụ hai người bạn cùng làm một việc mà người xa lạ lại khen bạn mình nức nở, không nói gì đến mình, mình phải can đảm lắm mới giữ được sắc mặt bình tĩnh. Trái lại nếu họ khen mình, chê bạn thì chắc

mình dễ chịu hơn! Giấu cái dở của mình và bươi móc lỗi người thì người tức bươi lại lỗi mình rốt cuộc cả hai đều xấu. Con người mê muội dễ có hai bệnh này.

Khoe khoang giàu có, lăng nhục người nghèo;

Xua đuổi tăng ni, chửi mắng tôi tớ.

Nếu mình khá giả thì tới đâu cũng khoe, thấy ai nghèo hèn hơn thì khinh chê, lăng nhục họ. Đối với tăng ni thấy chỉ có ăn hại, không có lợi gì, nên tới nhà là đuổi đi. Tôi tớ làm gì không vừa ý thì chửi mắng.

Lời gièm thuốc độc, nói khéo tiếng đàn;

Tô vẽ điều sai, nói không thành có.

Lời gièm pha là một thứ thuốc độc. Còn lời nói khéo nói xảo, vuốt ve nghe như đàn êm tai. Những điều đúng phải mà tô vẽ thành trái quấy, việc không mà nói thành có, đó là lối nói tạo cho người hiểu lầm lẽ thật.

Oán hờn nóng lạnh, phỉ nhổ non sông.

Trời nóng quá cũng tức, lạnh quá cũng không ưa, không biết chuyện thời tiết nóng lạnh là lẽ thường. *Phỉ nhổ non sông* là có khi mình cũng bực bội tức tối cả núi sông.

Tán dóc tăng phòng, ba hoa Phật điện.

Lẽ ra tối đến về liêu phòng im lặng ngủ, nhưng hai ba người dụm lại tán dóc đủ chuyện. Điện Phật là chỗ cung kính trang nghiêm, mà lên đó còn ba hoa nói chuyện ồn náo.

Những tội như thế, vô lượng vô biên;
Ví như cát bụi, đếm không thể cùng.

Tội của lưỡi quá nhiều! Từ ăn uống đến nói năng, lưỡi tạo đủ các tội nhiều như cát bụi đếm không thể hết. Thế nên mỗi ngày đêm chúng ta phải ráng tu hành cho bớt tội lỗi của nghiệp lưỡi.

Sau khi mạng chung, vào ngục Bạt Thiệt;
Cày sắt kéo dài, nước đồng rót mãi.

Sau khi chết rơi xuống địa ngục tên Bạt Thiệt, nơi đó lưỡi bị kéo dài ra, rồi bị cày bằng sắt cháy đỏ cày lên trên, lại bị nước đồng sôi rót vào trong miệng. Ăn uống như vậy để bù lại vị ngon và lời nói sai quấy ở thế gian.

Quả báo hết rồi, muôn kiếp mới sanh;
Dù được làm người, lại bị câm bặt.

Quả báo ở địa ngục hết rồi, phải trải qua bao nhiêu kiếp mới được sanh trở lại làm người. Dù được làm người, do dư báo vẫn bị bệnh câm ngọng. Vì lỗi của lưỡi mà phải chịu khổ trong địa ngục, đến khi trở lại làm người vẫn còn bị khổ ở thế gian.

Nếu không sám hối, khó được tiêu trừ;
Nay trước Phật đài, thảy đều sám hối.

Hôm nay thành tâm sám hối những lỗi lầm do lưỡi tạo ra cho được sạch hết, và phải luôn nhớ không còn nói những lời tổn phước tổn đức, gây đau khổ cho người và vật.

Chí Tâm Khuyến Thỉnh

Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật,
Và chư Bồ-tát, Thánh hiền tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).

Chí Tâm Tùy Hỷ

Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thềm thang Thập địa nguyện sớm lên,
Bồ-đề chân tâm không lui sụt.

Chí Tâm Hồi Hướng

Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nương thắng nhân này thành Chánh giác.

Những bài này đã giảng.

Chí Tâm Phát Nguyện

Một nguyện ăn no vị vô thượng,
Hai nguyện nhả hết vị trần tanh,
Ba nguyện biện tài trừ các hoặc,
Bốn nguyện thích nói độ quần sanh.
Năm nguyện đọc hết kho vô tận,

Sáu nguyện sông pháp uống cạn khô,
Bảy nguyện sớm nhận Đại Ngu nói,
Tám nguyện nhanh đồng Lâm Tế thanh.
Chín nguyện lưỡi dài cùng Phật phủ,
Mười nguyện trong sạch như trời xanh,
Mười một nguyện thế gian không câm ngọng,
Mười hai nguyện địa ngục hết trâu cày.

Một nguyện ăn no vị vô thượng. Vị vô thượng là pháp vị. Nghe kinh học đạo đầy đủ gọi là ăn no vị vô thượng.

Hai nguyện nhả hết vị trần tanh, nghĩa là phải nhả sạch những vị hôi hám của trần tục. Đó là nói dối, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, nói hung ác, khinh chê cha mẹ, khinh chê Tam bảo, nói những lời lỗi lầm v.v..., tất cả những vị trần tanh đó phải nhả ra hết.

Ba nguyện biện tài trừ các hoặc, nguyện được biện tài vô ngại để trừ các mê lầm cho chúng sanh.

Bốn nguyện thích nói độ quần sanh. Nguyện thích nói pháp để độ quần sanh, chứ không phải được biện tài vô ngại rồi vào núi ở một mình, vì như vậy là tiêu nha bại chủng.

Năm nguyện đọc hết kho vô tận, là nguyện đọc hết tam tạng giáo điển không thiếu sót.

Sáu nguyện sông pháp uống cạn khô, giáo pháp Phật như con sông lớn, nguyện uống cạn hết giáo pháp.

Bảy nguyện sớm nhận Đại Ngu nói. Nhân nghe một câu mà nhận được chỗ đại cơ đại dụng của người xưa.

Tám nguyện nhanh đồng Lâm Tế thanh, ngài Lâm Tế hét một tiếng mà ngộ được là căn cơ nhanh chóng, nên nguyện mình được nhanh như tiếng hét của Lâm Tế, vừa hét là ngộ.

Chín nguyện lưỡi dài cùng Phật phủ. Đức Phật le lưỡi phủ hết mặt. Theo tinh thần trong kinh dạy: Người không nói dối thì được tướng lưỡi rộng dài. Sở dĩ lưỡi đức Phật le ra phủ tới mí tóc tức là phủ hết mặt vì ba đời ngài chưa từng nói dối. Lưỡi chúng ta ngắn quá chắc là ít có nói thật. Chín nguyện được như Phật lưỡi rộng dài phủ trùm tới mí tóc.

Mười nguyện trong sạch như trời xanh, nguyện tâm hồn mình trong sạch như bầu trời trong xanh không gợn mây.

Mười một nguyện thế gian không câm ngọng. Đây là lợi tha. Biết tu về lưỡi rồi thì nguyện cho tất cả mọi người thế gian cùng biết tu để hết nghiệp nói gian dối, đời sau không mang bệnh câm ngọng.

Mười hai nguyện địa ngục hết trâu cày, tức là nguyện không còn ai nói dối, nói ác độc... để phải đọa vào địa ngục Bạt Thiệt bị trâu cày trên lưỡi.

Điểm đặc biệt của ngài Trần Thái Tông là nói về căn nào thì có nguyện của căn ấy. Nói về tai có nguyện của tai, nói về mũi có nguyện của mũi, nói về lưỡi thì

cũng nguyện cho mình và mọi người được lưỡi như thế nào, khỏi những cái khổ về lưỡi v.v...

Kệ Vô Thường Thời Này

Ngày sáng mất rồi đêm tối đến,
Đường đêm mờ mịt lại mịt mờ.
Uổng công đốt đuốc cho người khác,
Chẳng chịu mồi đèn chính nhà mình.
Chầm chậm vầng ô vừa khuất núi,
Từ từ bóng thỏ biển đông lên.
Chết sống xoay vần đều như thế,
Sao chẳng quy y Phật Pháp Tăng.

Qua bốn câu đầu bài kệ, ngài nhắc: Hết sáng đến tối, trên đường mờ mịt lại thêm trời tối mịt mờ. Hai lớp mờ tối, lại lo đốt đuốc cho người mà không chịu mồi đèn nhà mình cho sáng. Kinh Minh Tâm Bảo Giám có câu nói tương tự:

Nhân nhân tự tảo môn tiền tuyết,
Bất vị tha nhân ốc thượng sương.

Nghĩa là mỗi người tự quét tuyết trên cổng của mình, đừng nghĩ tới sương đóng trên nhà người. chúng ta có bệnh ngược lại, muốn quét sương trên nhà người mà không chịu quét tuyết trên cổng nhà mình. Thế nên ngài Trần Thái Tông bảo mỗi người hãy ráng đốt đèn nhà mình cho sáng đừng lo đốt đuốc nhà người.

Chúng ta không thấy rõ được cái hay dở, tốt xấu của chính mình, nhưng lại có thói quen nhìn người khác để phê bình. Tại sao không chịu khó nhìn lại mình? Biết được cái hay dở tốt xấu của mình có lợi là để chúng ta tu tập. Còn chuyện của người dù thấy nhưng chưa chắc chúng ta làm được gì cho họ. Vậy từ nay chúng ta chịu khó mồi đèn nhà mình, đừng thắp đuốc nhà người nữa.

Chầm chậm vầng ô vừa khuất núi,
Từ từ bóng thỏ biển đông lên.
Chết sống xoay vần đều như thế,
Sao chẳng quy y Phật Pháp Tăng.

Mặt trời từ từ khuất núi, mặt trăng từ từ lên, tức là sáng rồi chiều, chiều rồi tối. Như vậy ngày qua đêm lại, hết tháng hết năm. Ngày tháng xoay vần đều đều thì sự vô thường già chết đuổi gấp tới một bên, còn gì nữa mà chần chừ, sao không hướng về Phật Pháp Tăng quy y để tu hành? Đó là lời nhắc nhở của ngài.

DÂNG HƯƠNG NỬA ĐÊM

Cúi mong, đồng hồ canh ba chuyển, muôn tiếng nhạc lặng im. Chúng tăng hòa hợp trước nghiêm đàn, một nén hương thơm trùm pháp giới.

Hương này, trời đất sanh thành, công vun trồng chẳng phải một đời, do trăm thần bảo hộ mà được. Cội rễ tốt tươi, mãi nhờ mưa pháp thấm nhuần. Thể chất thanh cao, hằng được mây từ che mát. Giống lạ, chớ đem cây thường so sánh, mùi thơm nào phải kẻ phàm hay. Lư vàng nâng lên, mảnh mảnh vừa châm vào ngọn lửa, kết thành lọng báu tầng tầng, bay thẳng tận mây ngàn. Dùng làm lễ nghi trước Phật, mong nêu lòng tin kẻ phàm. Nay lúc nửa đêm, thắp hương cúng dường.

Trong bài dâng hương này, ngài Trần Thái Tông diễn tả hương kỳ đặc của tâm thanh tịnh, không phải hương thường của thế gian.

Đồng hồ canh ba chuyển, muôn tiếng nhạc lặng im. Chúng tăng hòa hợp trước nghiêm đàn, một nén hương thơm trùm pháp giới. Đồng hồ đã điểm canh ba, tất cả tiếng nhạc bên ngoài đều im lặng, khi ấy chúng tăng hòa hợp trước điện Phật thắp hương cúng dường. Nén hương này thơm trùm pháp giới, ở thế gian không có hương nào thơm hơn, đây là chỉ hương của tâm thanh tịnh.

Hương này, trời đất sanh thành, công vun trồng chẳng phải một đời, do trăm thần bảo hộ mà được. Hương này là hương của tâm thanh tịnh do trời đất sanh thành,

phải nhờ sự ủng hộ của chư thần trong nhiều đời nhiều kiếp mới được.

Cội rễ tốt tươi, mãi nhờ mưa pháp thấm nhuần. Thể chất thanh cao, hằng được mây từ che mát. Cội rễ của cây hương sở dĩ được tươi tốt là nhờ mưa pháp thấm nhuần. Chính trong khi học kinh nghe pháp là lúc được mưa pháp thấm nhuần, nên hương này thể chất thanh cao, hằng được mây từ che mát.

Giống lạ, chớ đem cây thường so sánh, mùi thơm nào phải kẻ phàm hay. Cây hương này là giống lạ, không thể đem so sánh với những loại cây thường. Mùi thơm của hương người phàm không ngửi được, chỉ có những bậc Thánh hiền mới ngửi được. Vì sao? Vì hương này phát nguồn từ tâm thanh tịnh.

Lư vàng nâng lên, mảnh mảnh vừa châm vào ngọn lửa, kết thành lọng báu tầng tầng, bay thẳng tận mây ngàn. Khi thắp cây hương, vừa châm vào lửa, có những tầng khói bay lên tận mây ngàn.

Hương này dùng làm gì? *Dùng làm lễ nghi trước Phật, mong nêu lòng tin kẻ phàm.* Về sự là thắp hương cúng dường Phật, về lý là thắp hương của nội tâm, hương của tâm hồn trong sáng thanh tịnh.

Nay lúc nửa đêm, thắp hương cúng dường.

Kệ Dâng Hương

Trầm thủy rừng thiền hương sực nức,

Chiên-đàn vườn tuệ đã vun trồng,

Đao giới vót thành hình non thẳm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.

Kệ Dâng Hoa

Tâm địa mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.

(Hiến dâng hương hoa rồi bạch)
Nguyện mây hương hoa này,
Khắp cả mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp, chư Bồ-tát,
Vô lượng chúng Thanh văn
Và tất cả Thánh hiền;
Vừa rời đài Quang minh,
Qua cõi nước vô biên,
Trong vô biên cõi Phật,
Nhận dùng làm Phật sự,
Xông khắp các chúng sanh,
Đều phát tâm Bồ-đề.

Cúng dường rồi, chí tâm quy mạng lễ mười phương Vô thượng Tam bảo.

Những đoạn này đã giảng ở trước.

Tâu Bạch

(Lại niêm hương quỳ bạch)

Kính bạch: Mười phương Đại giác, ba đời Hùng sư, duỗi tay vàng tiếp độ quần sanh, phóng sáng ngọc soi cùng các cõi.

Trộm nghe: Giờ vừa sang Tý, đêm đã nửa rồi. Ngọn đèn đĩa bạc đã hầu tàn, đường sá trong thành đều lắng bụi. Mấy trận gió mây sanh muôn dặm, một vầng trăng sáng rọi canh ba. Lưa thưa rừng trúc rây vàng, lấp lánh hoa sân vờn ngọc. Hạc oán lặng thinh nơi trướng tuệ, vượn buồn kêu mãi chốn rừng tùng. Xa xôi Sâm Đẩu trải Ngân hà, vắng vẻ quỷ thần khóc đồng nội. Cuốc kêu thống thiết, mộng điệp say mê. Thân huyễn lẻ loi trong rừng rậm, mộng hồn rong ruổi ngàn dặm trường. Cam chịu ma ngủ quấy rầy luôn, đâu biết đuốc trí hằng sáng rực. Ngoài nhà thần phách lạc hồn bay, trong hang quỷ tròng che mắt nhắm. Chỉ thích tham mê ngủ nghỉ, đâu biết nếm vị chân như. Ham ưa một giấc ngon đến sáng, nào ngại trăm năm cơn chết chờ.

Các Phật tử! Phải nhớ bốn rắn bức bách, chớ quên hai chuột gặm mòn. Luân hồi ba cõi chừng nào thôi, quanh quẩn bốn loài bao giờ hết? Đường vãng sanh nên bước, cần vin xe dẫn ra. Chỗ lao quan đó, quyết định đêm nay phá vỡ.

Đệ tử chúng con, kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ nửa đêm.

Bài tâu bạch này rất hay về văn chương lẫn ý nghĩa.

Kính bạch, mười phương Đại giác, ba đời Hùng sư, duỗi tay vàng tiếp độ quần sanh, phóng sáng ngọc soi cùng các cõi. Đây là lời tâu bạch với đức Phật, đấng Đại giác, Đại hùng, Đại lực. Đức Phật duỗi cánh tay vàng để tiếp độ quần sanh. Như chúng ta thường thấy tượng Phật Di-đà đứng trên đám mây duỗi tay xuống để cứu vớt chúng sanh đang lặn hụp trong biển khổ. Phật Thích-ca và tất cả chư Phật cũng vậy, các ngài lúc nào cũng duỗi tay tiếp đón mà chúng sanh cứ mải mê ngụp lặn không chịu đưa tay.

Khi thuyết pháp, Phật thường phóng hào quang chỗ sợi lông trắng ở giữa chặng mày, gọi là bạch hào, soi sáng tất cả cõi, để nhắc nhở chúng sanh mau thức tỉnh trở về. Duỗi tay vàng là thể hiện lòng từ bi tiếp độ, phóng sáng ngọc là phóng ánh sáng trí tuệ soi đường cho mọi người được tỏ rạng. Đó là tinh thần từ bi cứu khổ của đức Phật.

Trộm nghe: Giờ vừa sang Tý, đêm đã nửa rồi. Ngọn đèn đĩa bạc đã hầu tàn, đường sá trong thành đều lắng bụi. Giờ Tý canh ba là nửa đêm. Đêm đã về khuya, ngọn đèn bằng đĩa bạc thắp trong nhà sang trọng lần lần tàn lụi. Ngoài đường ngựa xe đều nghỉ nên đường sá lắng bụi.

Mấy trận gió mây sanh muôn dặm, một vầng trăng sáng rọi canh ba. Lưa thưa rừng trúc rây vàng, lấp lánh hoa sân vờn ngọc. Mấy trận gió thổi mây bay đi muôn dặm, nhìn lên trời chỉ thấy một vầng trăng sáng rọi

xuống lúc canh ba. Rừng tre rừng trúc có những chỗ thưa hở, ánh trăng xuyên qua giống như rây những tia vàng rơi xuống. Ngoài sân ánh sáng trăng lấp lánh, gió đùa hoa như vờn ngọc. Đây là cảnh nửa đêm trăng sáng có vườn trúc lung lay, hoa sân vờn ngọc.

Hạc oán lặng thinh nơi trướng tuệ, vượn buồn kêu mãi chốn rừng tùng. Con hạc không biết oán hận ai mà đêm khuya lặng thinh không kêu nữa, trong màn trướng người người đều yên giấc. Các con vượn buồn ai mà kêu mãi trong rừng tùng. Đây là diễn tả cảnh buồn đêm khuya.

Xa xôi Sâm Đẩu trải Ngân hà, vắng vẻ quỷ thần khóc đồng nội. Trên trời cao, sao Sâm sao Đẩu trải dài trên dải Ngân hà. Sâm tức là tên một ngôi sao trong nhị thập bát tú (hai mươi tám vì sao). Đẩu là tên một chùm sao gồm có: Nam đẩu (sáu ngôi sao), Bắc đẩu (bảy ngôi sao), Tiểu đẩu (năm ngôi sao), gọi sao Đẩu phần nhiều là để chỉ sao Bắc đẩu. Ngoài đồng nội vắng vẻ đìu hiu dường như quỷ thần đang khóc.

Cuốc kêu thống thiết, mộng điệp say mê. Thân huyễn lẻ loi trong rừng rậm, mộng hồn rong ruổi ngàn dặm trường. Chim cuốc kêu thống thiết ngoài lùm bụi, nơi phòng người đang say mê trong giấc điệp. Thân huyễn hóa nằm một mình nơi thôn xóm, mà hồn mộng đi xa ngoài ngàn dặm. Thí dụ như đêm khuya thân nằm trên núi, mà mộng hồn đi tới thành phố Sài Gòn.

Cam chịu ma ngủ quấy rầy luôn, đâu biết đuốc trí hằng sáng rực. Ngoài nhà thần phách lạc hồn bay,

trong hang quỷ tròng che mắt nhắm. Chúng ta cam chịu ma ngủ quấy rầy làm cho say mê, đâu biết rằng ngay khi mê đuốc trí hằng sáng rực nơi mình. Muốn chiến thắng ma ngủ, chúng ta phải thắp lên ngọn đuốc trí, nghĩa là phải chịu khó ngồi dậy đi rửa mặt, tréo chân ngồi kiết-già, không được nằm ỳ nhắm mắt, ma ngủ sẽ làm cho mình mê say tăm tối, hồn phách tản mát dạo chơi. Khi bị tối tăm, nhà thiền gọi là ở trong hang quỷ. Giả sử đang ngồi thiền nhắm mắt, lâu lâu gật một cái, lúc đó tuy ngồi tại Thiền đường, nhưng chúng ta đang sống trong hang quỷ, nên nói: *trong hang quỷ tròng che mắt nhắm*, nghĩa là khi mắt nhắm, tròng mắt bị che bít nên ngủ say sưa như ở trong hang quỷ. Lúc đó chúng ta không còn đàng hoàng tỉnh táo, không còn khôn ngoan làm chủ được mình, thật là đáng buồn. Chúng ta đi tu ai cũng muốn được giác ngộ thành Phật. Vậy chúng ta phải chiến thắng ma ngủ, thắp sáng ngọn đuốc trí tuệ, quyết ra khỏi hang quỷ mê mờ u tối.

Chỉ thích tham mê ngủ nghỉ, đâu biết nếm vị chân như. Nếu chỉ ham thích ngủ nghỉ, thì không nếm được vị chân như. Được ngồi yên tỉnh táo, hoàn cảnh chung quanh đều im lặng, chính khi ấy chúng ta mới nếm được vị chân như. Còn nằm nhắm mắt ngủ khò, đó là vị say của ma ngủ.

Ham ưa một giấc ngon đến sáng, nào ngại trăm năm cơn chết chờ. Câu này thật là buồn. Chúng ta ham mê ngủ nghỉ, nằm xuống đánh một giấc ngon tới sáng, thật là thích thú, nhưng nào ngờ cơn chết đang chực sẵn

bên mình. Thế nên ngủ ít, ngủ thiếu để lo giải quyết chuyện sanh tử, nếu mê ngủ hoài thì ai giải quyết cho mình? Đó là lời nhắc nhở để đánh thức chúng ta không nên mê nữa.

Các Phật tử! Phải nhớ bốn rắn bức bách, chớ quên hai chuột gặm mòn. Đây là điển tích trong nhà Phật. Bốn rắn bức bách tức là *tứ xà đồng niếp*, nghĩa là bốn con rắn nhốt chung trong một cái chậu. Trong kinh Niết-bàn, đức Phật nói: Ngày xưa có một người nuôi bốn con rắn độc chung trong một chậu lớn, chúng không ưa nhau nên cắn lộn mãi, người nuôi phải đem đủ thức ăn và phải điều hòa chúng. Cứ như thế mà lo cho đáo để, đến một hôm cái chậu ngã lăn, mấy con rắn chạy tứ tán, mỗi con một nơi, người nuôi chới với kiếm bốn con rắn khác nuôi nữa. Cứ nuôi như vậy một lần, hai lần đến cả trăm ngàn lần, thật là đáng thương cho người đó vì họ làm việc của dã tràng, ra công sức để làm, kết quả hoàn tay không.

Người thích nuôi bốn rắn đó là ai? Là người mê hay tỉnh, ngu hay sáng? Nếu là người sáng suốt, khi bốn con rắn không ưng ở chung mỗi con muốn đi mỗi ngả, mình chỉ cười thôi, cười vì hết nợ, không còn ra công nuôi nấng nhọc nhằn và can ngăn để giảng hòa chúng nữa. Bốn con rắn ấy là: rắn hổ đất, rắn nước, rắn hổ lửa, rắn hổ mây; nếu nhốt chung lại một chỗ, chúng nó cắn lộn lấn áp lẫn nhau cho nên chúng ta phải kiếm đất bỏ vào, lấy nước tưới vào... cả ngày cực khổ, cứ như thế làm suốt đời suốt kiếp. Thế mà khi bốn rắn sắp ly tán,

chúng ta lại than van khóc tiếc, thật là dại khờ. Đức Phật dùng thí dụ này để chỉ trong cuộc sống nếu chúng ta cứ theo đuổi giữ gìn thân tứ đại thì uổng đi một kiếp không có lợi ích gì.

Chớ quên hai chuột gặm mòn. Đây là câu chuyện trong kinh, Phật dùng để thí dụ: Có người tử tội, nhà vua cho quân lính áp dẫn ra rồi thả hai con voi tới để giày xác, người ấy cắm đầu chạy, hai voi đuổi nà theo. Bất chợt bên đường ông thấy một cái giếng cạn nên vội nhảy xuống để trốn. Dưới đáy giếng có ba con rồng đang phun lửa, ông hoảng sợ vội chụp sợi dây bìm bìm thòng xuống gần bên và phăng lần lên. Khi còn đeo lơ lửng giữa chừng thì chung quanh thành giếng có bốn con rắn độc thè lưỡi ra chực đớp ông. Hết lối thoát ông chỉ còn cách đeo sợi dây chờ chết. Trong khi đó, ở trên miệng giếng lại có hai con chuột, một trắng một đen, chạy qua chạy lại gặm nhấm sợi dây, thật nguy hiểm biết chừng nào! Thế mà bất thần có bầy ong mật bay ngang qua làm rớt năm giọt mật, người tử tội liếm được mật thích quá, say mê quên cả nguy hiểm đang chực sẵn bên mình.

Qua thí dụ trên, đức Phật muốn nói lên điều gì? Tất cả chúng ta sanh ra có phải là những người mang án tử hình không? Có sanh thì nhất định có tử, cho nên người tử tội là dụ cho án tử hình của mỗi người chúng ta. Hai con voi đuổi theo là dụ cho hành khổ và hoại khổ. Hành khổ tức là khổ vì vô thường, từng sát-na thay đổi. Hoại khổ tức là khổ vì tan hoại. Hai khổ này theo đuổi

thân chúng ta, nên Phật dụ hai con voi rượt đuổi người tử tội. Khi chạy trốn hai voi, người tử tội lại nhảy xuống giếng gặp ba con rồng đang phun lửa. Ba con rồng là dụ cho tam độc (tham sân si) đang thiêu đốt chúng ta. Muốn tránh ba độc, phải phăng sợi dây leo lên. Đang ở nửa chừng giếng, có bốn rắn ló đầu ra chực cắn. Bốn rắn là dụ cho tứ đại, lúc nào cũng tranh giành chống trái lẫn nhau. Người tử tội chỉ còn đeo sợi dây, dụ cho sanh mạng hay tuổi thọ của mình. Hai con chuột chạy qua chạy lại gặm nhấm sợi dây là dụ cho ngày và đêm, ngày qua đêm lại, tuổi thọ của mình mòn dần, đến một hôm nào sợi dây đứt thì rớt xuống giếng tan thân mất mạng. Nhưng lúc đó bất thần có mấy con ong làm rơi năm giọt mật, người tử tội liếm mật say mê quên hết khổ sở hiểm nguy. Năm giọt mật là dụ cho ngũ dục, theo nghĩa thông thường thế gian, ngũ dục là tài, sắc, danh, thực, thụy, tức là tiền của, sắc đẹp, danh vọng, ăn ngon, ngủ kỹ. Theo nhà Phật, ngũ dục là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Năm dục làm cho chúng ta say mê quên lửng mình đang sống trong nguy hiểm cơ cực tột cùng. Chúng ta phải quyết tâm thoát khỏi hiểm nguy cho kỳ được, đó mới là người thức tỉnh.

Thí dụ trên cho chúng ta thấy cuộc sống của mình lúc nào cũng bất an, hiểm nguy đang chực sẵn, mà ít người nhớ tới. Khi cơn vô thường chợt đến, chúng ta than khóc khổ đau. Nếu là người sáng suốt thì vô thường là chuyện đương nhiên, không có gì phải than van nuối tiếc.

Luân hồi ba cõi chừng nào thôi, quanh quẩn bốn loài bao giờ hết? Nếu chúng ta say mê theo năm giọt mật thì luân hồi trong ba cõi (Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới) không biết lúc nào thôi, lên xuống trong lục đạo (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la, người, trời) đến bao giờ mới dứt? Đây là câu hỏi làm cho chúng ta thức tỉnh.

Đường vãng sanh nên bước, cần vin xe dẫn ra. Đường vãng sanh không phải hiểu theo nghĩa vãng sanh Tịnh độ, mà ở đây muốn nói đến con đường giải thoát, đường này chúng ta phải gấp bước. *Cần vin xe dẫn ra,* là nhắc đến phẩm Thí Dụ trong kinh Pháp Hoa. Trong căn nhà lửa đang cháy hừng hực, các con ông Trưởng giả không hề hay biết, cứ say mê vui chơi đùa giỡn, không chịu chạy ra. Ông Trưởng giả thương xót mới tìm phương tiện dẫn dụ các con, đặt ra ba chiếc xe là xe dê, xe hươu, xe trâu. Nhờ ham xe nên chúng nó chạy ra khỏi nhà lửa. Nhưng khi các con chạy ra khỏi, ông Trưởng giả chỉ cho xe trâu trắng trang hoàng lộng lẫy, màn trướng phủ che, tôi tớ hầu hạ... quá sự mơ ước của các con. Đây là để nói chúng ta đang quanh quẩn trong nhà lửa tam giới, muốn thoát ra phải nương ba xe dụ cho ba thừa: Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát. Thật ra chỉ Phật thừa là cứu cánh, được tượng trưng bằng xe trâu trắng.

Chỗ lao quan đó, quyết định đêm nay phá vỡ. Lao quan là chỗ ngục tù giam hãm, ngay trong đêm nay chúng ta quyết phá vỡ để vượt ra. Trong nhà Thiền, tông Lâm Tế thường nói đến Tam quan, tức là: Tổ sư quan,

trùng quan và lao quan, nghĩa là chúng ta tu hành cốt phải vượt khỏi tất cả cửa ải trở ngăn để đến chỗ giác ngộ viên mãn. Đây là ngài Trần Thái Tông muốn nhắc ngay trong đêm tối đang ngủ ngon này, chúng ta phải gan dạ thức dậy tu hành để vượt khỏi những trói buộc giam hãm chúng ta trong ngục tù tam giới.

Đệ tử chúng con, kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ nửa đêm.

SÁM HỐI TỘI CĂN THÂN

Chí tâm sám hối:

Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,
Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.
Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.

Đây là lời sám hối tổng quát của các căn để nhắc rằng từ thuở nào đến giờ chúng ta đã quên mất bản tâm, không biết con đường chánh, vì vậy mà lẩn quẩn trong ba đường khổ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Sở dĩ như thế là vì sáu căn chúng ta sai lầm tạo nghiệp. Nay chúng ta phải sám hối những lỗi trước đã làm, mới có thể tránh được những lỗi sau này.

Nghiệp Căn Thân là:

Tinh cha huyết mẹ, chung hợp nên hình;
Năm tạng trăm hài, cùng nhau kết hợp.

Chấp cho là thật, quên mất pháp thân;
Sanh dâm, sát, trộm, bèn thành ba nghiệp.

Thân hình chúng ta do tinh cha huyết mẹ hợp thành, trong đó năm tạng trăm hài kết lại cùng nhau. Năm tạng là: tâm, can, tỳ, phế, thận; trăm hài là chỉ các đốt xương. Thật ra khi ngồi tu, chúng ta nhìn lại thân này thật buồn cười. Nó chỉ là một cái sườn bằng xương, cột dính lại bằng những sợi gân, rồi tô đắp bằng máu thịt, bên ngoài bọc một lớp da, gọi đó là thân. Thân người là sự kết hợp như vậy, lại *chấp cho là thật, quên mất pháp thân*. Vì chấp thân mình là thật, nên sanh ra các tội, nào là dâm, sát và trộm tạo thành ba nghiệp.

Nghiệp sát sanh là:
Luôn làm bạo ngược, chẳng khởi nhân từ;
Giết hại bốn loài, đâu biết một thể.

Chúng ta luôn luôn làm những điều bạo ngược mà không khởi lòng nhân, thường giết hại bốn loài, đâu biết chúng cùng một thể. Bốn loài là: thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh; tất cả những loài đó chúng ta đều giết hại, đâu biết rằng về mặt vật chất, chúng cũng từ tứ đại hợp thành không khác gì chúng ta.

Lầm hại cố giết, tự làm dạy người;
Hoặc tìm thầy bùa, đem về ếm đối.
Hoặc làm thuốc độc, để hại sanh linh;
Chỉ cốt hại người, không hề thương vật.

Tâm ác độc của con người luôn luôn là cố hại. Hoặc là giết lầm, hoặc là cố ý, có khi tự mình giết hay dạy người giết, bằng cách này hay cách khác. Làm bùa làm chú hoặc làm thuốc độc, chỉ cốt hại người cho được, không hề thương tưởng.

Hoặc đốt núi rừng, lấp cạn khe suối;
Buông chài bủa lưới, xuýt chó thả chim.
Thấy nghe tùy hỷ, niệm dấy tưởng làm;
Cử động vận hành, đều là tội lỗi.

Có khi đốt rừng đốt núi làm cho những con vật bị chết thiêu, hoặc lấp cạn các khe suối làm cho tôm cá chết khô. Ở thế gian khi còn mê lầm, mỗi một ngày sống của chúng ta là mỗi một ngày sát hại sanh linh, nghĩa là chúng ta bồi bổ mạng sống của mình bằng thể xác của những con vật. Trong một bữa ăn dù nhà nghèo đi nữa, nếu chúng ta mua những con cá nho nhỏ, ít ra cũng vài ba chục con để dùng cho ngon miệng. Ngày nào cũng như ngày nấy, đều đều như vậy, thì chừng bao nhiêu con vật đã chết vì mình? Thế là chúng ta chỉ nghĩ tới sự sống của bản thân mà không nhớ đến nỗi khổ đau của chúng. Đó là nói về tội sát sanh.

Nghiệp trộm cắp là:
Thấy tài bảo người, thầm khởi tâm tà;
Phá khóa cạy then, sờ bao mò túi.
Thấy của Thường trụ, lòng dấy khởi tham;
Trộm của nhà chùa, không sợ thần giận.

Không những vàng ngọc, mới mắc tội to;
Ngọn cỏ cây kim, đều thành nghiệp trộm.

Chẳng những trộm của thế gian, mà của chùa nhiều khi những người tham cũng muốn lấy cắp, không sợ các Long thần Hộ pháp quở rầy. Mắc tội trộm, không phải lấy của nhiều mới là trộm, dù cho một cây kim, một trái ớt, không xin mà lấy cũng là mang tội.

Nghiệp tà dâm là:
Lòng mê nhan sắc, mắt đắm phấn son;
Chẳng đoái liêm trinh, riêng sanh lòng dục.
Hoặc nơi đất Phật, chánh điện phòng tăng;
Cư sĩ gái trai, đụng chạm đùa giỡn.
Tung hoa ném quả, đạp cẳng kề vai;
Khoét ngạch trèo tường, đều là dâm nghiệp.

Cư sĩ gái trai là chỉ những người cư sĩ nam, cư sĩ nữ, tiếng Trung Hoa gọi là Cận sự nam, Cận sự nữ, dịch từ chữ Phạn Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.

Như vậy mê sắc đẹp, không những ở ngoài thế gian, có khi đến chùa những người cư sĩ còn đùa giỡn, có những ý niệm đắm mê nhan sắc, nên tạo nhiều tội lỗi.

Những tội như thế, vô lượng vô biên;
Đến lúc mạng chung, đều vào địa ngục.
Gái nằm giường sắt, trai ôm cột đồng;
Muôn kiếp tái sanh, lại chịu tội báo.

Khi sống do thân này mà tạo ba nghiệp: sát sanh, trộm cướp, tà dâm, gây nên bao nhiêu tội lỗi. Đến khi chết phải đọa vào địa ngục, người nữ thì nằm giường sắt nóng, người nam thì ôm cột đồng cháy đỏ. Khi hết tội, được sanh làm người, lại chịu các quả báo dư thừa.

Nếu không sám hối, khó được tiêu trừ;
Nay trước Phật đài, thảy đều sám hối.

Những lỗi lầm do thân tạo ra, chúng ta đều phải thành tâm sám hối để tiêu trừ ba nghiệp.

Chí Tâm Khuyến Thỉnh

Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật,
Và chư Bồ-tát, Thánh hiền tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).

Chí Tâm Tùy Hỷ

Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thềm thang Thập địa nguyện sớm lên,
Bồ-đề chân tâm không lui sụt.

Chí Tâm Hồi Hướng

Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.

Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nương thắng nhân này thành Chánh giác.

Những đoạn này đã giảng trong các bài trước.

Chí Tâm Phát Nguyện
Một nguyện mạng căn chóng thành tuệ,
Hai nguyện thể tướng biến thành chân,
Ba nguyện gieo mình cầu đại pháp,
Bốn nguyện vào lửa ngộ thâm nhân.
Năm nguyện đốt thân đền Phật đức,
Sáu nguyện chẻ tủy đáp ơn thầy,
Bảy nguyện xin đầu trọn chẳng tiếc,
Tám nguyện móc mắt cũng là thân.
Chín nguyện thoa hương không ưa thích,
Mười nguyện cắt thịt chẳng sanh sân,
Mười một nguyện đời đời không đắm trước,
Mười hai nguyện kiếp kiếp lìa tục trần.

Mười hai nguyện này chúng ta đọc lên để thử xem có thành tựu được hay không?

Một nguyện mạng căn chóng thành tuệ. Chúng ta nguyện cho mạng căn được chóng thành trí tuệ, gọi là giới thân tuệ mạng, tức là lấy trí tuệ làm mạng chứ không phải lấy cuộc sống làm mạng.

Hai nguyện thể tướng biến thành chân. Nguyện thân tướng vô thường tạm bợ này biến thành thể chân thật, tức là pháp thân.

Ba nguyện gieo mình cầu đại pháp. Đây là dẫn sự tích trong kinh Vị Tằng Hữu Thuyết Nhân Duyên, kể lại chuyện Bồ-tát đi học đạo. Người hứa dạy đạo bảo: Nếu muốn được dạy pháp Phật thì phải hy sinh thân mình, nhảy xuống dưới hố ta sẽ dạy cho. Bồ-tát vì cầu đại pháp mà chấp nhận xả thân không kinh sợ.

Bốn nguyện vào lửa ngộ thâm nhân. Bảo nhảy vào lửa cũng nhảy để ngộ được nhân sâu xa.

Năm nguyện đốt thân đền Phật đức. Vì đền ơn đức Phật nên dù đốt thân mình cũng không tiếc.

Sáu nguyện chẻ tủy đáp ơn thầy. Chỉ cần biết ơn thầy lo tu hành cũng là khó rồi, huống nữa là chẻ tủy. Người xưa phát nguyện mạnh như vậy, chúng ta ngày nay chỉ đọc lời nguyện thôi, chưa chắc làm được.

Bảy nguyện xin đầu trọn chẳng tiếc. Dù cho người ta xin cái đầu cũng chẳng tiếc. Như câu chuyện tổ Sư Tử cho đầu. Vua nước Kế-tân, tay cầm kiếm bén đến hỏi:

- Ngài thấy năm uẩn đều không chưa?

Tổ đáp:

- Phải, tôi thấy năm uẩn đều không.

Vua hỏi:

- Nếu năm uẩn đều không, cho tôi cái đầu được chăng?

Tổ bảo:

- Năm uẩn đều không, sá gì cái đầu.

Tổ cho đầu mà chẳng tiếc.

Tám nguyện móc mắt cũng là thân. Dù móc con mắt của mình cũng là thân chứ không có thù. Trong kinh kể lại: Có một vị Tỳ-kheo nguyện xả thân, ai muốn xin phần nào trong thân ngài cũng cho. Một vị trời hiện thân làm người ngoại đạo tới nói:

- Tôi muốn xin tròng con mắt của ngài về làm thuốc.

Vị Tỳ-kheo liền móc con mắt đưa cho, người ấy cầm tròng mắt quăng xuống đất, lấy chân chà lên. Vị Tỳ-kheo liền nổi sân, tưởng đâu cho mắt làm thuốc, mà lại chà đạp lên. Người ngoại đạo liền hiện thân trời Đế-thích nói:

- Như vậy là ngài chưa thật cho mà không tiếc.

Dù móc mắt cho cũng là thân chứ đừng nổi sân.

Chín nguyện thoa hương không ưa thích. Dù cho đem hương thoa thân cũng không thích. Nếu thoa chất gì nhơ nhớp thì chúng ta không bằng lòng, còn đem hương thơm thoa mình, rất khó mà không thích.

Mười nguyện cắt thịt chẳng sanh sân. Dù bị cắt thịt, nguyện cũng không sân hận. Nhưng chúng ta bây giờ chỉ đụng đau một chút là kêu la, huống nữa là cắt da thịt làm sao chịu nổi!

Mười một nguyện đời đời không đắm trước. Đối với tất cả sắc thanh hương vị xúc, nguyện không bao giờ đắm trước.

Mười hai nguyện kiếp kiếp lìa tục trần. Nguyện kiếp kiếp không dính với những gì trần tục.

Đây là mười hai nguyện đối với thân, nếu chúng ta gan dạ nguyện và làm được như vậy, quả là người siêu phàm.

Kệ Vô Thường Thời Này

Muôn tiếng vừa im bặt,
Canh ba trống điểm hồi.
Chim cuốc kêu thảm thiết,
Giấc mộng mải mê say.
Cam trong hòe làm kiến,
Trở thành cá trên ao.
Không thể xem trăng mọc,
Chỉ luyến ái trong hoa.
Quên mất nhà muôn dặm,
Còn tham giấc ngủ thừa.
Chẳng biết thân là huyễn,
Mê muội đến bao giờ.

Bốn câu đầu diễn tả cảnh nửa đêm lúc canh ba.

Cam trong hòe làm kiến,

Tức là cam làm con kiến trong cây hòe. Sự tích như sau: Ngày xưa ở Trung Hoa, có ông Thuần Vu Phần, ngủ trưa dưới gốc cây hòe. Ông nằm mơ thấy mình đến nước Đại Hòe An, làm thái thú quận Nam Kha hai mươi năm. Ông được vua nước Đại Hòe An gả công chúa và sanh được năm trai hai gái, cực kỳ vinh hiển.

Sau ông đánh giặc bị thua, công chúa chết, vua Đại Hòe An đuổi về quê. Ông chợt tỉnh dậy, thấy mình nằm dưới gốc cây hòe, trên cành hòe phía nam có một tổ kiến. Vì thế nên nói, cam làm kiến trong hòe. Chúng ta cam say mê trong giấc mộng không chịu thức tỉnh. Cuộc đời chỉ là một giấc mộng dài, không có gì thật, cũng như chàng Thuần Vu Phần hưởng lạc thú trong giấc mộng, giật mình tỉnh giấc thấy mình nằm dưới gốc cây. Đây là hình ảnh rất buồn. Điển tích này trích trong Nam Kha Ký của Lý Công Tá.

Trở thành cá trên ao.

Tức là muốn trở thành con cá trên ao. Đây là một sự tích khác.

Không thể xem trăng mọc,
Chỉ luyến ái trong hoa.

Nghĩa là chỉ thích làm con sâu trong cái hoa, chứ không muốn được tự do thong thả bên ngoài, cũng như chỉ thích làm kiến trong cây hòe, làm cá trong ao. Vì mê lầm, chúng ta đắm trước trong những điều tạm bợ không ra gì, cho nên không thấy được cái đẹp đẽ, cao quý như mặt trăng.

Quên mất nhà muôn dặm,
Còn tham giấc ngủ thừa.
Chẳng biết thân là huyễn,
Mê muội đến bao giờ.

Chúng ta đã đi xa muôn dặm quên mất gia hương, lại mải say sưa trong giấc ngủ, không chịu thức tỉnh. Chẳng biết thân này là tạm bợ huyễn hóa, lại mê muội chấp cho là thật.

Bao nhiêu phiền não dấy khởi đều do chấp thân và cảnh là thật. Vì thế ai chạm tới thân thì bực bội oán thù, ai tước đoạt cảnh mình ưa thích thì giận hờn tức tối. Nếu biết rõ thân chúng ta mấy mươi năm rồi cũng tan hoại, cảnh bên ngoài là tạm bợ giả dối thì phiền não không còn, ba nghiệp dẹp sạch, thế mới là người tỉnh giác.

Đây là lời nhắc nhở của Phật và Tổ, tất cả chúng ta phải luôn luôn ghi nhớ thực hành để đường tu của mình được trong sáng và tươi đẹp cho đến ngày giác ngộ viên mãn.



DÂNG HƯƠNG CUỐI ĐÊM

Cúi mong, sao Bắc đẩu chuyển về phương bắc, dải Ngân hà nghiêng hẳn về tây. Bên gối giấc mộng còn say, trên lầu tiếng sừng vừa dứt. Chúng Tỳ-kheo họp nơi chiếu Phạm, trước đức Phật dâng nén hương tin.

Hương này, giống từ cung nguyệt đem về, trong non rễ quấn chằng chịt. Dáng hình khác tục, thể chất phi phàm. Vượt xa Tước Đầu ở nước Ngô, cao hơn Quy Giáp ở Quế Lâm. Nơi đốt không dung lửa sân, khói bay bèn nhờ gió từ. Nào phải hương phàm hạ phẩm, hẳn là vị lạ thượng phương. Mỏng mỏng tơ bay kết thành điềm tốt, ngạt ngào khí lạ tụ hội duyên lành. Nghi ngút trước ngôi tòa báu, phảng phất ngoài bức rèm châu. Quay đầu tìm biết, quang minh ngay đó tự nhiên sanh. Thấy mặt ngửi huân, tịch diệt do đây chứng được. Nay lúc cuối đêm, đốt hương cúng dường.

Sao Bắc đẩu chuyển về phương bắc, dải Ngân hà nghiêng hẳn về tây. Bên gối giấc mộng còn say, trên lầu tiếng sừng vừa dứt. Đây là chỉ lúc gần sáng, còn đang gối đầu ngủ say thì trên lầu tiếng sừng tức là tiếng tù và vừa dứt. Ngày xưa, gần sáng người ta thổi tù và trong thành phố cho mọi người thức dậy, cũng như ngày nay có tiếng kèn trong trại lính.

Giờ đo, *chúng Tỳ-kheo họp nơi chiếu Phạm, trước đức Phật dâng nén hương tin.* Phạm là thanh tịnh. Nghĩa là ở trước Phật trải chiếu, chúng Tỳ-kheo tụ hội lại chuẩn bị tụng kinh, tọa thiền, trước Phật dâng nén hương

gửi gắm tất cả lòng tin. Tỳ-kheo hay Bí-sô, Bí-su là phiên âm từ chữ Phạn Bhikṣu, nhưng sau này dùng chữ Tỳ-kheo làm chánh. Tỳ-kheo có ba nghĩa: Khất sĩ, Bố ma và Phá ác. Nghĩa thông dụng nhất là Khất sĩ, tức là kẻ ăn mày. Một là ăn mày lương thực của Phật tử, hai là ăn mày chánh pháp của Phật. Vì người tu cần giữ cho thân khỏe mạnh nên phải ăn mày lương thực để có phương tiện nuôi thân. Nhưng không phải chỉ ăn để sống, mà còn phải tu nên chúng ta phải ăn mày chánh pháp của Phật để nuôi dưỡng trí tuệ, trong nhà Phật gọi là Giới thân tuệ mạng, để trở thành con người giải thoát.

Bố ma là ma sợ. Trong kinh điển, người tu thọ giới Tỳ-kheo rồi thì ma sợ. Tại sao? Chúng ta đâu có bùa chú gì để ma sợ, nhưng Tỳ-kheo là người tu hạnh giải thoát, quyết ra khỏi tam giới, nên ma vương hay thiên ma sợ ra khỏi vòng kiểm soát của nó, vì thế thấy ai tu gần giải thoát là nó phá triệt để. Có những Tỳ-kheo ngồi thiền quán vô thường, thấy quả đất rung chuyển, vì thế ma thấy như quả đất của nó bị tan vỡ. Tu là làm lành nghĩ tốt, vượt khỏi tam giới để giáo hóa chúng sanh, lẽ ra ma đang ở trong cảnh khổ nó phải thương giúp mình, tại sao lại phá? Nhưng sự thật khi một người vượt khỏi tam giới thì thế giới ma bị tan nát, nên tu ít nó phá ít, tu nhiều nó phá nhiều. Đức Phật khi thành đạo, ma đến phá đủ cách, đến khi hoàn toàn không được, nó mới hoảng sợ. Vậy đã là Tỳ-kheo thì không được sợ ma, nếu sợ ma là làm trái ngược những gì đang lãnh thọ, đang thực hành.

Phá ác tức là tất cả những phiền não ác độc chúng ta dẹp hết không còn thừa. Một Tỳ-kheo không thể nói tôi tức quá, tôi giận quá. Tức giận là điều ác mà ôm ấp, lại khoe với người, đó là còn nuôi cái ác, vậy chưa phải là Tỳ-kheo. Thật là khó! Nhiều vị muốn thọ giới cao, làm người lớn, mà không hiểu ý nghĩa thọ rồi phải làm gì cho xứng đáng. Vậy được thọ Tỳ-kheo phải hăng hái vươn lên làm đúng ý nghĩa đó.

Tóm lại, chữ Tỳ-kheo nghĩa thông dụng nhất là Khất sĩ, tức là khất thực để có cơm ăn, lại có nghĩa là xin giáo pháp của Phật để nuôi dưỡng Giới thân tuệ mạng. Nghĩa thứ hai là Bố ma là ma sợ chúng ta, chứ chúng ta không được sợ ma. Nghĩa thứ ba là Phá ác, tất cả tam độc chúng ta phải thắng chứ không nuôi dưỡng chúng. Như vậy mới xứng đáng là Tỳ-kheo, trái lại nếu không xứng đáng có gọi Tỳ-kheo cũng chỉ là tên suông, không có giá trị thật.

Hương này giống từ cung nguyệt đem về, trong non rễ quấn chằng chịt. Hương này ở trên cung trăng đem về, không phải tầm thường, gốc nó từ trong rừng núi.

Dáng hình khác tục, thể chất phi phàm. Hương này hình dáng khác với thế tục, thể chất không phải theo phàm tình.

Vượt xa Tước Đầu ở nước Ngô, cao hơn Quy Giáp ở Quế Lâm. Ở Trung Hoa, vùng sông Dương Tử, nếu từ trên nguồn đi xuống thì nước Ngô ở phía tay mặt, còn từ biển đi lên thì ở phía tay trái, nên ngày xưa gọi là

Giang Tả, cũng gọi là Đông Ngô, vùng đó có loại hương Tước Đầu thơm nhất. Quế Lâm là một tỉnh ở Trung Quốc, nơi đó người ta tinh luyện quế hương để trang sức, hình nó giống như mai rùa nên gọi là hương Quy Giáp. Hai loại hương này thơm quý nhất ở Trung Hoa, nhưng hương cúng Phật còn vượt xa hơn.

Nơi đốt không dung lửa sân, khói bay bèn nhờ gió từ. Hương này lửa sân không đốt được mà phải lửa thanh khiết. Thường chúng ta nóng giận thì gọi là lửa sân, hương này đốt lên lửa sân phải tiêu. Khói hương bay không do gió thường thổi mà phải là ngọn gió từ bi.

Nào phải hương phàm hạ phẩm, hẳn là vị lạ thượng phương. Hương này không phải như hương thường ở thế gian thuộc hạ phẩm mà hẳn là hương lạ ở cõi trên.

Ngài diễn tả làn hương bay: *Mỏng mỏng tơ bay kết thành điềm tốt, ngạt ngào khí lạ tụ hội duyên lành. Nghi ngút trước ngôi tòa báu, phảng phất ngoài bức rèm châu.* Làn khói hương mỏng mỏng kết thành điềm tốt, mùi thơm ngạt ngào của khí lạ tụ hội thành duyên lành. Hương đốt trước ngôi tòa báu của Phật, mùi thơm phảng phất ngoài bức rèm châu.

Quay đầu tìm biết, quang minh ngay đó tự nhiên sanh. Thấy mặt ngửi huân, tịch diệt do đây chứng được. Ai biết quay đầu lại tìm biết hương này thì ánh sáng ngay đó tự nhiên sanh. *Quay đầu tìm biết* mang ý nghĩa thiền, xoay đầu nhìn lại mình thì khi ấy ánh sáng

tự nhiên của mình được phát ra. *Thấy mặt ngửi huân* là thấy được mùi hương mình ngửi, huân được mùi hương thanh tịnh thì chứng quả Niết-bàn tịch diệt.

Nay lúc cuối đêm, đốt hương cúng dường.

Kệ Dâng Hương

Trầm thủy rừng thiền hương sực nức,
Chiên-đàn vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thẳm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.

Kệ Dâng Hoa

Tâm địa mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.

(Hiến dâng hương hoa rồi bạch)

Nguyện mây hương hoa này,
Khắp cả mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp, chư Bồ-tát,
Vô lượng chúng Thanh văn
Và tất cả Thánh hiền,
Vừa rời đài Quang minh,

Qua cõi nước vô biên,
Trong vô biên cõi Phật,
Nhận dùng làm Phật sự,
Xông khắp các chúng sanh,
Đều phát tâm Bồ-đề.

Cúng dường rồi, chí tâm quy mạng lễ mười phương Vô thượng Tam bảo.

Tâu Bạch

Kính bạch: Mười phương Đại giác, ba đời Hùng sư, rót cam lồ cứu đàn đói khát, cầm thần châu gieo chỗ tối tăm.

Trộm nghĩ: Trùng thúc năm dạo, gà giục ba hồi. Bóng đuốc tiệc hoa vừa tàn lụi, dải sao Ngân hà sắp lặn chìm. Giấc bướm lại quay về thế mộng, chuông chùa phá vỡ chốn âm u. Đầu non biếc ngậm nửa trăng mờ, mặt biển xanh vầng hồng chưa hiện. Vách cũ dế kêu từng chặp, đường quan vó ngựa nhịp đều. Đầu thành làn khói nhạt bao quanh, ngoài trời màn sương sớm che phủ. Chính là lúc đạo sĩ luyện tu, cũng là thời chư tăng hành đạo. Đường đời mờ mịt, quần sanh rối bời. Tuy sợ đang đêm ôm gối ngủ, chưa tỉnh trọn đời mở mắt mê.

Chư Phật tử! Nếu mặc suốt đêm theo dục lạc, bèn khiến trọn ngày chịu tâm mê. Đến nỗi trói buộc một đời, đều bởi tán hôn hai chữ. Vì ngươi mở thẳng một con đường, để lại mai sau tác gia ngắm. Nên biết, mạng người khó thường, chớ để thời này qua rỗng. Nhìn lấy

Tịnh độ trước mắt, nhận ra trong tâm Di-đà. Nếu hay ưa vui gánh vác, liền được trong ấy hiện ra.

Đệ tử chúng con, kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ cuối đêm.

Kính bạch mười phương Đại giác, ba đời Hùng sư, nói gọn là mười phương ba đời tất cả chư Phật. *Rót cam lồ cứu đàn đói khát, cầm thần châu gieo chỗ tối tăm.* Phật rót nước cam lồ để cứu đàn con dại đang lang thang đói khát, cầm hạt châu sáng gieo vào chỗ tối tăm cho những người đang ở chỗ u minh tìm được đường đi, thấy được lối ra.

Trộm nghĩ: Trùng thúc năm dạo, gà giục ba hồi. Lúc canh năm các côn trùng dế ve... kêu từng chặp, gà đã gáy ba đợt. *Bóng đuốc tiệc hoa vừa tàn lụi, dải sao Ngân hà sắp lặn chìm.* Nơi cung điện đèn đuốc trong những buổi tiệc hoa vừa tàn, nhìn lại dải sao Ngân hà sắp lặn.

Giấc bướm lại quay về thế mộng, chuông chùa phá vỡ chốn âm u. Giấc bướm là giấc điệp hay mộng điệp. Qua một đêm ngủ say bao nhiêu giấc mộng dồn dập, nay thức giấc, tất cả đều là mộng của thế gian, không có thật. Bỗng tiếng chuông chùa vang lên phá vỡ chỗ âm u tăm tối. Buổi khuya chuông chùa gióng lên báo hiệu gần sáng, mọi người chuẩn bị lo buổi sáng. Câu này trong phần chữ Hán có từ ngữ *bồ lao*, do tích:

Thuở xưa tại một hòn đảo ở Ấn Độ có con cá kình, mỗi khi nó ngẩng đầu nổi trên mặt nước, nước dâng lên thành lụt nên dân trên đảo rất sợ. Khi cá kình trồi lên,

con bồ lao thấy, hét lên một tiếng, cá kình sợ lặn xuống, dân trên đảo khỏi bị ngập lụt. Thế nên về sau trong chùa làm chuông chạm hình bồ lao, dùi chuông đóng chạm hình cá kình, chày đóng vào chuông tượng trưng tiếng hét con bồ lao cứu dân hết khổ. Vì thế khi nghe tiếng chuông mọi người đều giảm khổ đau trong cuộc đời này và trong cõi địa ngục u minh.

Đầu non biếc ngậm nửa trăng mờ, mặt biển xanh vầng hồng chưa hiện. Trên đầu non xanh, vầng trăng đã khuất phân nửa. Trên biển xanh mặt trời hồng chưa hiện. *Vách cũ dế kêu từng chặp, đường quan vó ngựa nhịp đều.* Trong những vách cũ rêu phong, tiếng dế kêu từng chặp. Trên đường quan chân ngựa bắt đầu nhịp đều. *Đầu thành làn khói nhạt bao quanh, ngoài trời màn sương sớm che phủ.* Đầu thành phố có những làn khói nhạt bao quanh, sáng sớm sương khói mờ mờ che phủ.

Chính là lúc đạo sĩ luyện tu, cũng là thời chư tăng hành đạo. Đây là giờ những đạo sĩ tu tiên bắt đầu thức dậy luyện tập, cũng là giờ chư tăng tụ hội tụng kinh tọa thiền. *Đường đời mờ mịt, quần sanh rối bời.* Đường đời đủ các thứ dụ dỗ lôi cuốn làm cho con người phải mê lầm chìm đắm quay cuồng trong đó không tìm được lối ra. *Tuy sợ đang đêm ôm gối ngủ, chưa tỉnh trọn đời mở mắt mê.* Tối kê đầu trên gối ngủ đó là mê. Người biết tu sợ ngủ là mê, nhưng nếu thức mà chưa tỉnh giác thì dù đi lại nói năng cũng vẫn là kẻ mê, mở mắt mà mê. Ngủ mê là do nhắm mắt, còn thức mê là do trí chưa mở, tuy mở mắt mà vẫn mê. Đây là lời nhắc nhở rất chí thiết.

Chư Phật tử! Nếu mặc suốt đêm theo dục lạc, bèn khiến trọn ngày chịu tâm mê. Nếu trong đêm tối cứ chạy theo dục lạc, rượu chè đàn hát, say sưa theo tửu sắc tài khí thì khiến trọn ngày chịu tâm mê. Người đời ban ngày đi làm có tiền để ban đêm đi chơi thỏa mãn dục lạc, nên ban ngày họ cũng bị chìm đắm trong mê.

Đến nỗi trói buộc một đời, đều bởi tán hôn hai chữ. Cả đời bị trói buộc đều tại hai chữ: Tán và Hôn. Tán là tán loạn, hôn là hôn trầm. Đối với người đời, tán là thả mình theo dục lạc, hôn là say sưa với mùi trần tục, chứ không phải chỉ nói tán loạn hôn trầm của người tu thiền.

Vì ngươi mở thẳng một con đường, để lại mai sau tác gia ngắm. Ngài muốn nói, các ông đang say mê, vì thương các ông tôi chỉ rõ một con đường cho các ông đi, con đường đó những người đạt đạo sau này sẽ thấy. Chữ *tác gia*, trong kinh A-hàm có kể rằng sau khi ngộ đạo đức Phật nói: *Ta từ nay mới thấy được người làm nhà.* Người làm nhà là chỉ người chủ động gây nên luân hồi sanh tử, rồi cũng chủ động trở về giác ngộ. Trong nhà thiền, hàng *tác gia mắt sáng* là chỉ những thiền sư đã ngộ đạo, làm mẫu mực cho người. Thế nên ngài muốn nói rằng ngài vạch ra một con đường mà hàng sáng mắt sẽ thấy.

Nên biết, mạng người khó thường, chớ để thời này qua rỗng. Trước hết ngài nhắc, phải thấy mạng người vô thường, nay còn mai mất không gì bảo đảm,

vậy đừng để một đời qua suông, đừng để thân vô thường sống ngày qua ngày rồi chờ chết mà không làm gì lợi ích, không tạo được những việc hay tốt, cao quý.

Ngài lại chỉ xa hơn: *Nhìn lấy Tịnh độ trước mắt, nhận ra trong tâm Di-đà.* Chúng ta quan niệm Tịnh độ là ở Tây phương. Tây phương Cực lạc cách đây bao nhiêu vạn cõi Phật. Nay ngài muốn chỉ thẳng cho chúng ta biết Cực lạc ở ngay trước mắt, đừng tìm Cực lạc ở đâu xa, ngay trước mắt chúng ta tâm tịnh thì độ tịnh. Lúc nào tâm chúng ta lăng xăng, rối loạn là khổ, tâm thanh tịnh là lạc. Quý Phật tử thử nhớ, buổi tối nằm lại nhắm mắt ngủ nhưng trong đầu cứ rối bời, muốn buông để ngủ mà không được, lúc đó thật là khổ. Trái lại nếu buông và ngủ được thì rất khỏe. Như vậy tâm loạn là khổ, nên tâm loạn là Ta-bà; tâm tịnh là vui nên tâm tịnh là Cực lạc. Ta-bà, Cực lạc ngay trước mắt chúng ta.

Nhận ra trong tâm Di-đà tức là tự tánh Di-đà, nghĩa là nhận ra Di-đà ngay trong tâm mình. Di-đà là tiếng Phạn, dịch nghĩa theo chữ Hán là Vô lượng thọ, Vô lượng quang. Vô lượng thọ là sống lâu không thể tính kể, Vô lượng quang là ánh sáng cũng không thể tính kể. Thân này có sanh có diệt nhưng tánh giác không sanh diệt tức là Vô lượng thọ. Vọng tưởng điên đảo là mê, còn tánh giác là hằng giác, hằng sáng, tức là Vô lượng quang. Như vậy Di-đà là ở ngay tự tánh mình. Nếu quên tự tánh là mê, ngộ tự tánh là giác, nhớ quay lại tự tánh mình, sống với tánh giác, đó là sống với Phật Di-đà. Thế nên tu thì phải làm sao cho tâm

được thanh tịnh, đó là Cực lạc, nhận ra tánh giác của mình đó là Phật Di-đà. Trong kinh Di-đà có câu: *Nếu một ngày, hai ngày đến bảy ngày nhất tâm bất loạn thì khi lâm chung vừa nhắm mắt liền thấy Phật Di-đà và Thánh chúng hiện ngay trước mặt.* Nhất tâm bất loạn là tâm thanh tịnh, thì tánh giác hiện ra, không phải đợi về Cực lạc mới ra mắt đức Phật Di-đà. Trong kinh nói rõ nhưng vì không hiểu nên chúng ta chấp sự mà không đạt được lý. Ở đây ngài Trần Thái Tông muốn chỉ thẳng lý *Tự tánh Di-đà, duy tâm Tịnh độ*. Tâm tịnh thì độ tịnh, nên Tịnh độ ngay trước mắt và đức Phật Di-đà ngay tự tánh của mình.

Nếu hay ưa vui gánh vác, liền được trong ấy hiện ra. Nếu người nào ưa vui nhận và hành được lẽ này thì liền ngay trong đó thấy Phật hiện rõ ràng.

Đệ tử chúng con, kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ cuối đêm.

Tâu bạch rồi, chí tâm quy mạng lễ mười phương Vô thượng Tam bảo.

SÁM HỐI TỘI CĂN Ý

Chí tâm sám hối:

Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,

Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.

Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,

Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.

Nghiệp Căn Ý là:
Nghĩ vơ nghĩ vẩn, không lúc nào dừng;
Mắc míu tình trần, kẹt tâm chấp tướng.
Như tằm kéo kén, càng buộc càng bền;
Như bướm lao đèn, tự thiêu tự đốt.
Hôn mê chẳng tỉnh, điên đảo dối sanh;
Não loạn tâm thần, đều do ba độc.

Trong ý căn, chúng ta *nghĩ vơ nghĩ vẩn, không lúc nào dừng*, chuyện đâu đâu không đáng mà cũng nhớ cũng nghĩ. *Mắc míu tình trần, kẹt tâm chấp tướng*, dính kẹt với sáu trần lại thêm chấp tướng. Chấp tướng là kẹt về hình thức bên ngoài, tức là lời nói và việc làm bám chặt vào hình thức mà không nhận được ý nghĩa thâm trầm bên trong. Thí dụ thấy hoa này khen đẹp, hoa kia chê xấu, người này đẹp, người kia xấu, người dễ thương, người dễ ghét..., bao nhiêu việc căn cứ trên hình thức để khen chê thương ghét, đều là chấp tướng, nên đều là khổ. Nếu không chấp tướng thì hết cả khen chê thương ghét và cũng hết khổ. Thế nên còn mắc míu tình trần kẹt tâm chấp tướng là còn khổ. Khổ đó như thế nào?

Như tằm kéo kén, càng buộc càng bền, như tằm nhả tơ kết thành kén, tằm kẹt luôn trong đó, rồi bị bỏ vào chảo nước sôi, khổ không sao tả hết! *Như bướm lao đèn, tự thiêu tự đốt.* Ban đêm mùa hè chúng ta đốt ngọn đèn dầu, các con bướm ở ngoài thấy đèn liền đáp vào, nên tự thiêu tự đốt. Người đời đuổi theo dục lạc thế gian,

tưởng rằng hưởng được dục lạc là hạnh phúc, nhưng nếu ai có nhiều tiền lắm của, ngày đêm đều vào tửu điếm trà đình, lầu xanh thì cũng giống như bướm lao vào đèn. Đó là tự mình tìm cái chết, tự thiêu tự đốt.

Hôn mê chẳng tỉnh, điên đảo dối sanh;
Não loạn tâm thần, đều do ba độc.

Vì mê không thức tỉnh nên điên đảo sanh ra. Tâm thần rối loạn đều do tham sân si. Đây là gốc mà ý căn tạo nên tội. Tham sân si là gì?

Tội keo tham là:
Âm mưu ghen ghét, keo cú vét vơ;
Mười vốn ngàn lời, còn cho chưa đủ.

Keo tham là keo kiệt, tham lam. Âm mưu ghen ghét người, bao nhiêu cũng keo cú vét vơ đem về cho mình. Vốn có mười đồng mà bán lời được một ngàn đồng vẫn cho chưa đủ, muốn lời ngàn rưỡi, hai ngàn, đó là bệnh tham của con người.

Của chứa tợ sông, lòng như hũ chảy;
Rót vào lại hết, nên nói chưa đầy.

Của thì nhiều như sông nhưng lòng như hũ chảy, rót vô bao nhiêu cũng chảy hết, cũng không đủ, nên nói chưa đầy.

Tiền mục lúa hư, không cứu đói rét;
Lụa là chất đống, nào có giúp ai.

Do keo kiệt nên có tiền của lúa thóc chứa nhiều để hư mục không dám cho người đói rét. Lụa vải chất đống để lên mốc meo không giúp người rách rưới.

Được người mấy trăm, chưa cho là nhiều;
Mất mình một đồng, tưởng như hao lớn.

Người cho mình mấy trăm cũng chưa nói là nhiều, còn mình mất một đồng thì cho là hao lớn, nghĩa là được bao nhiêu cũng không vừa, mất một chút thì tiếc rẻ.

Trên từ châu báu, dưới đến tơ gai;
Kho đụn chất đầy, chưa từng bố thí.

Nào là châu báu, nào là tơ gai v.v... chất đầy kho đụn nhưng không bao giờ bố thí cho ai.

Bao nhiêu sự việc, ngày tính đêm lo;
Khổ tứ lao thần, đều từ tham nghiệp.

Bao nhiêu sự việc ngày đêm lo tính mãi, khổ tứ lao thần cũng từ tham mà ra.

Tội nóng giận là:

Do tham làm gốc, lửa giận tự thiêu;
Quắc mắt quát to, tiêu tan hòa khí.

Bao nhiêu niệm sân dấy khởi đều gốc từ tham. Thí dụ do tham được danh tốt, được mọi người khen, nay lại có người chê liền nổi giận. Tại sao? Chê là mạ nhục nên nổi giận, đó là vì thích danh. Muốn được quyền lợi để nếp sống được sung túc, nay có người ngăn chặn không cho,

chúng ta cũng nổi giận. Lại như thấy người đẹp mình thương, nay không cho thương cũng giận. Ở thế gian nhiều kẻ tự tử cũng do nổi sân, tưởng là gan, nhưng không ngờ đó là liều mạng, là sân chứ không phải là gan. Thế nên từ tham sanh ra sân. Khi sân thì có những hiện tượng gì? *Quắc mắt quát to*, miệng la, mắt trợn làm hòa khí trong gia đình không còn nữa.

Không riêng người tục, cả đến thầy tu;
Kinh luận tranh giành, cùng nhau công kích.

Tưởng đâu sân chỉ có nơi người thế gian, không ngờ trong giới thầy tu cũng có, đem kinh luận ra tranh hơn thua rồi công kích lẫn nhau.

Chê cả Sư trưởng, nhiếc đến mẹ cha;
Cỏ nhẫn héo vàng, lửa độc rực cháy.

Khi đã sân rồi, thầy không kể, cha mẹ không màng, nói nặng nói nhẹ đều được hết. Người tu theo Phật là phải tập hạnh nhẫn nhục, khi nổi sân thì cỏ nhẫn bị héo khô vì lửa sân cháy rực.

Buông lời hại vật, cất tiếng hại người;
Không nhớ từ bi, chẳng theo luật cấm.

Nói lời nào cũng làm cho người đau khổ, cất tiếng gì cũng làm hại người. Khi sân rồi có nhớ từ bi không? Giận thì không có thương, thương thì không có giận. Thế nên khi nổi sân thì giới luật lòng từ đều quên mất. Như Phật dạy chúng ta phải sống với tinh thần lục hòa, thế mà khi nổi giận, thì không nhớ khẩu hòa vô tránh.

Bàn thiền tợ Thánh, trước cảnh như ngu;
Dầu ở cửa Không, chưa thành vô ngã.

Hai câu này chính là nhắc chư tăng: nói lý thiền thì hay lắm, thấy như thành Phật dễ dàng, nhưng gặp cảnh thì như ngu. Lúc bình tĩnh sáng suốt nói đạo rất hay, nhưng gặp ai nói trái tai, hành động trái mắt thì trí tuệ bay đâu mất, toàn thốt lên những lời si mê. Thí dụ như khi tỉnh nói Phật dạy người tu phải luôn luôn sáng suốt, những gì người thế gian say mê mình phải xem là thường, là giả dối. Nhưng có nhiều thầy tu kha khá khi gặp những người nữ đẹp nói ngọt vài câu thì thấy cái gì cũng thật, quên mất thế gian là huyễn hóa. Dầu ở cửa Không mà chưa thành vô ngã, nhà Phật nói cửa thiền là cửa Không (Không môn), nhưng gặp cảnh thì ngã còn rõ ràng, nên chưa thành vô ngã.

Như cây sanh lửa, lửa cháy đốt cây;
Những tội trên đây, đều do nghiệp giận.

Chúng ta dùi cây ra lửa, khi lửa cháy thì cây bị đốt trở lại, cũng như vậy nơi tâm sanh ra nóng giận, sự nóng giận đó trở lại hại chúng ta. Như vậy những tội lỗi đó là do nghiệp sân.

Tội ngu si là:
Căn tánh đần độn, ý thức tối tăm;
Chẳng hiểu tôn ti, không phân thiện ác.

Người ngu si là do căn tánh đần độn, ý thức tối tăm. Tôn là bậc lớn, ti là kẻ nhỏ, ai đáng quý ai đáng

trọng cũng không biết, ai ngang bằng hoặc thấp hơn cũng không hay, tức là không phân biệt kẻ trên người dưới, không thấy rõ ràng việc nào thiện, việc nào ác, đó là do gốc ngu si.

Chặt cây hại mạng, giết gấu gãy tay;
Mắng Phật chuốc ương, phun trời ướt mặt.

Chặt cây hại mạng giết gấu gãy tay, hai câu chuyện này ở trong truyện cổ Việt Nam. Thuở xưa có người nhà quê ngu ngốc, một hôm đi mé cây, có một nhánh lớn chia hai, anh cầm búa lên mé nhánh, thấy đứng phía trong gần thân cây khó chặt, anh ra ngồi phía ngoài xây vào chặt phía trong, nhánh gãy anh té chết, nên *chặt cây hại mạng* là nói sự ngu si đó. *Giết gấu gãy tay* là nói một người cũng ngu si như vậy. Anh vào rừng một tay cầm rựa, một tay đánh đòng xa chợt có con gấu nhảy ra cắn tay anh, nhưng chưa trúng, anh lấy rựa chặt cánh tay rớt xuống cho gấu khỏi cắn trúng tay. Nếu người khôn thì giật tay lên không chặt tay. Đó là hai hình ảnh người ngu đáo để.

Mắng Phật chuốc ương, khi muốn cầu điều gì, xin Phật ban ơn xuống phước cho nhưng cầu mãi không được nên chê bai Phật không linh... đó là chuốc tai ương. *Phun trời ướt mặt*, ngày xưa có những người làm ruộng, đến mùa gặt lúa, đập lúa xong đem ra sân phơi, bỗng trời mưa ào xuống, tức quá họ ngửa mặt lên trời chửi, càng chửi càng phun nước miếng cho dơ trời, không ngờ nước miếng rớt xuống dơ mặt.

Quên ơn quên đức, bội nghĩa bội nhân;
Không tỉnh không xét, đều do si nghiệp.

Người có ơn sanh thành dưỡng dục hoặc có ơn giúp đỡ mình trong khi khốn khổ mà không nhớ là quên ơn bội nghĩa. Không tỉnh không xét đều do nghiệp si.

Những tội như thế, rất nặng rất sâu;
Đến lúc mạng chung, rơi vào địa ngục.
Trải ngàn muôn kiếp, mới được thọ sanh;
Dù được thọ sanh, lại mắc ngu báo.

Những tội đó là tội đọa địa ngục. Đến khi hết nghiệp ở địa ngục được lên làm người, nhưng do dư báo nên cũng lại ngu ngốc nữa.

Nếu không sám hối, đâu được tiêu trừ;
Nay trước Phật đài, thảy đều sám hối.

Chí Tâm Khuyến Thỉnh
Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật,
Và chư Bồ-tát, Thánh hiền tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia.

Chí Tâm Tùy Hỷ
Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.

Thềm thang Thập địa nguyện sớm lên,
Bồ-đề chân tâm không lui sụt.

Chí Tâm Hồi Hướng

Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nương thắng nhân này thành Chánh giác.

Những bài này đã giảng.

Chí Tâm Phát Nguyện

Một nguyện nguồn linh thường trong lặng,
Hai nguyện tạng thức dứt lăng xăng,
Ba nguyện khối nghi đều tan nát,
Bốn nguyện trăng định mãi tròn đầy.
Năm nguyện pháp trần không khởi diệt,
Sáu nguyện lưới ái lìa buộc ràng,
Bảy nguyện suy nghĩ hành Thập địa,
Tám nguyện nghe suốt bỏ tam thiên.
Chín nguyện tâm vượn thôi nhảy nhót,
Mười nguyện ý ngựa dứt cương yên,
Mười một nguyện mở lòng nghe Phật dạy,
Mười hai nguyện mến thích Tổ sư Thiền.

Một nguyện nguồn linh thường trong lặng. Nguồn linh là chỉ cho nguồn giác. Nguyện nguồn giác sẵn có của chúng ta thường trong lặng, đừng bị phiền não làm nhơ đục.

Hai nguyện tạng thức dứt lăng xăng, tức là trong kho tạng thức dứt hết, không còn dung chứa các pháp trần làm cho nó lăng xăng.

Ba nguyện khối nghi đều tan nát. Khối nghi ở đây có nghĩa là những người tu thiền khi đã dồn tâm thành khối, không còn niệm khởi, chỉ còn một khối nghi, khi khối nghi nát ra thì ngộ đạo. Chúng ta cũng tu thiền nhưng không dùng thoại đầu, không có khối nghi nhưng chúng ta cũng có nghi. Thí dụ chúng ta thấy chư Phật dạy phải đạt được tánh giác hay chân tâm, mà khi chưa đạt chân tâm, chưa ngộ tánh giác chúng ta cũng nghi không biết chân tâm, tánh giác như thế nào. Khi tâm lặng rồi, bỗng một lúc nào cái nghi của chúng ta tan nát, liền ngộ được chân tâm, thấy được tánh giác, đó là tan được khối nghi.

Bốn nguyện trăng định mãi tròn đầy, tức là trăng thiền định luôn luôn tròn đầy.

Năm nguyện pháp trần không khởi diệt. Pháp trần tức là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân tiếp xúc, mỗi trần đều có bóng dáng dồn chứa vào trong kho tàng thức. Thí dụ ra chợ thấy cái gì đẹp chúng ta thích, về nhà ngồi yên bỗng dưng nhớ lại những hình ảnh ngoài chợ, hoặc nghe tiếng gì hay, một lúc sau ngồi yên nhớ lại tiếng đó, tức là những bóng dáng qua rồi mà còn chứa đựng trong tâm, đó gọi là pháp trần.

Sáu nguyện lưới ái lìa buộc ràng. Ái có ba thứ, ái ngã là một, dứt được ái ngã không phải là dễ. Đến ái

người thân, những người mình thương mến. Thứ ba là ái cảnh, tạo được cảnh vừa ý, chúng ta ái cảnh đó. Nay nguyện tất cả những lưới ái đều không còn buộc ràng được mình.

Bảy nguyện suy nghĩ hành Thập địa. Nguyện thường nhớ nghĩ thực hành cho được Thập địa Bồ-tát.

Tám nguyện nghe suốt bỏ tam thiên. Tam thiên là ba cõi trời: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Nguyện nghe thấu suốt được pháp giải thoát của Phật, không còn kẹt trong tam thiên nữa.

Chín nguyện tâm vượn thôi nhảy nhót. Tâm vượn tức tâm viên trong từ ngữ *tâm viên ý mã*. Nguyện tâm viên này được yên lặng không còn nhảy nhót.

Mười nguyện ý ngựa dứt cương yên. Ý ngựa không còn gì ràng buộc cột trói nữa. Tâm ý như con vượn, con ngựa lăng xăng. Nay làm thế nào cho ngựa thuần, ngựa thuần rồi thì không cần dây cương; khỉ nhảy nhót thì phải nhốt trong lồng, khi hết nhảy mới thả được. Như vậy đây là lời nguyện cho tâm ý được lặng lẽ, trong sáng.

Mười một nguyện mở lòng nghe Phật dạy. Nguyện tâm mình mở rộng để đón nhận những lời dạy của Phật, lời nào cũng thấm nhuần, thấu đáo.

Mười hai nguyện mến thích Tổ sư Thiền. Nghe lời dạy của chư tổ về Thiền tông, chúng ta ưa thích chứ không sợ, không chán.

Kệ Vô Thường Thời Này

Tiếng pháp khua tan mộng thế trần,
Chuông chùa phá vỡ điếc ngu mông.
Còn ưa gối đầu trong tối ngủ,
Chẳng quản trời đông đã rạng ngời.
Mù mịt đêm dài thì có sáng,
Lờ mờ đường tối lại khó thông.
Ngày nay nếu chẳng siêng hành đạo,
Khi khác làm sao gặp Thế Tôn.

Tiếng pháp khua tan mộng thế trần.

Chúng ta sống trên thế gian, tuy bảy, tám mươi năm, nhưng đến tuổi sắp mãn cuộc đời, nhớ lại những gì chúng ta đã tạo, chẳng khác nào như giấc mộng, giấc mộng trần gian. Muốn tan giấc mộng, chỉ nhờ tiếng pháp của Phật chúng ta mới tỉnh thức, không còn mê lầm nữa.

Chuông chùa phá vỡ điếc ngu mông.

Ngu mông là kẻ ngu mê, mù tối. Tiếng pháp, tiếng chuông của đạo làm cho người điếc, người ngu và mê mờ đều sớm thức tỉnh.

Còn ưa gối đầu trong tối ngủ,
Chẳng quản trời đông đã rạng ngời.

Chúng ta còn kê đầu trên gối mê ngủ trong tối mà không nhớ phương đông mặt trời đã rạng ngời.

Mù mịt đêm dài thì có sáng,
Lờ mờ đường tối lại khó thông.

Mù mịt nên nói là đêm dài nhưng thật ra có đêm thì sẽ có ngày, tối rồi sẽ sáng. Tuy nhiên đã sống trong đêm dài mù mịt thì đường trước lờ mờ, mù tối khó thông.

Ngày nay nếu chẳng siêng hành đạo,
Khi khác làm sao gặp Thế Tôn.

Ngài nhắc chúng ta ngày nay đang trong cảnh mờ mịt tối tăm phải ráng thức tỉnh cố gắng tu hành thì ngày khác chúng ta mới được gặp Phật.

Tổng kết lại, Lục Thời Sám Hối của vua Trần Thái Tông có những ý nghĩa đặc biệt mà chúng ta phải học, phải hành. Trong các kinh A-hàm, đức Phật luôn luôn dạy chúng ta phải thu nhiếp sáu căn, từ hành động đến ý nghĩ lúc nào cũng phải gìn giữ, đừng buông lung sáu căn chạy theo sáu trần. Thuở xưa Phật dạy các thầy Tỳ-kheo khi ra đường không được nhìn hai bên chỉ nhìn trước mấy thước tây thôi, vì e thấy cảnh rồi dính mắc về ngồi thiền khó an nên phải hạn chế. Đến phần giới luật, cũng là thu nhiếp sáu căn. Không sát sanh, không trộm cướp là nhiếp thân căn, giới nói dối thuộc về miệng (khẩu), cấm uống rượu thuộc về lưỡi. Trong giới Sa-di, cấm xoa hương thuộc về mũi v.v... Như vậy là tạo điều kiện cho chúng ta thu nhiếp sáu căn. Đức Phật nói rõ rằng Phật khác hơn người thường ở điểm người thường thả sáu căn chạy theo sáu trần, trái lại đối với sáu trần Phật không dính nhiễm, ngài được giải thoát. Lại như trong kinh Lăng-nghiêm, ngài A-nan hỏi Phật:

- Cái gì là căn bản của Bồ-đề Niết-bàn, cái gì là căn bản của phiền não sanh tử?

Không phải chỉ đức Phật Thích-ca mà mười phương chư Phật đồng trả lời:

- Sáu căn của ông là căn bản của phiền não sanh tử, sáu căn của ông là căn bản của Bồ-đề Niết-bàn.

Như vậy sáu căn là cội gốc của trầm luân sanh tử, cũng chính là cội gốc của Bồ-đề Niết-bàn. Thế nên chúng ta phải nương nơi sáu căn mà tu, ngăn không cho sáu căn ô nhiễm, dính mắc các trần.

Đến các thiền sư thì thế nào? Có người hỏi ngài Huệ Hải: "Thế nào là giải thoát?" Ngài đáp: "Căn trần không dính nhau là giải thoát." Như vậy gốc cũng là sáu căn. Gần nhất ngài Sơ tổ Trúc Lâm, trong bài Cư Trần Lạc Đạo, câu kệ cuối ngài nói: *Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền*. Đối cảnh là gì? Là mắt đối với sắc, tai đối với thanh, mũi đối với hương, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, nghĩa là năm căn đối với năm trần, tâm không dính mắc thì đừng hỏi thiền nữa vì đó là thiền. Tóm lại ngay sáu căn khéo đừng dính mắc sáu trần đó là gốc của Thiền, cũng là gốc của Kinh, gốc của Phật dạy.

Như vậy ngài Trần Thái Tông dùng sáu thời sám hối để sám hối sáu căn, điều đó thật là chí thiết đối với sự tu hành. Đọc Lục Thời Sám Hối chúng ta thấy ngài khéo dùng ngôn ngữ vừa thực tiễn vừa văn chương để nhắc nhở sách tấn chúng ta. Đứng về mặt giáo lý, bài này là pháp tu căn bản cho người học Phật, đứng về mặt

văn chương, đây là những áng văn có giá trị. Ngài đã có một cái nhìn tường tận thấu đáo, lại khéo diễn tả, thật đáng cho chúng ta cảm phục. Là một vị vua cai trị muôn dân, việc triều chính đa đoan mà ngài vẫn có ngày giờ nghiên cứu Kinh điển, viết những áng văn hay để chỉ dạy người sau, thật là việc hy hữu. Chúng ta hiện nay chỉ làm trụ trì với năm bảy mươi đệ tử mà không rảnh, vì thế chúng ta phải noi gương ngài, gương cần mẫn, gương cố gắng tu hành, gương thương người sau.

Người xưa làm được, ngày nay chúng ta cũng làm được, chỉ cần phải cố gắng. Thế nên chúng tôi đem sáu thời sám hối này để dạy tăng ni ứng dụng tu hành. Mỗi đêm tụng một lần, không phải tụng cho tiêu nghiệp chướng, rồi vẫn để sáu căn chạy theo sáu trần. Không phải tụng suông mà tụng để nhớ rồi ứng dụng tu, như thế mới có lợi. Đó là lời nhắc nhở của tôi.

BÀI TỰA
BÌNH ĐẲNG SÁM HỐI

Chánh văn:

Pháp tánh như như, không có niệm lự chừng mảy tóc. Chân nguyên trong lặng, xưa nay bặt cả bụi nhơ. Bởi chợt khởi vọng duyên, hiện thành thân huyễn. Chạy theo nghiệp thức, quên mất hạt minh châu, tan hết gia tài, sáu căn ham mê tham dục. Nếu có thu nhận tịnh pháp, ắt hay tẩy sạch vọng trần. Phát tâm bình đẳng nhất chân, lễ thể pháp thân vô tướng. Tiến vào trong ấy thì tự thọ dụng và tha thọ dụng lẫn nhau. Nhằm bên kia cầu thì diện mục mập mờ liền tự hiện.

Tuy nhiên như thế, kiếm chưa rút ra khỏi hộp ngọc thì chỗ loạn khó yên, thuốc ra khỏi bình vàng thì gốc bệnh mới lành. Trẫm khi muôn việc rảnh rỗi, xem thấu chỗ sâu xa của ba tạng, gặp được pháp môn này, chỉ thẳng trong người có khả năng thành Phật.

Dù là người mắt sáng, ngại gì trên gấm thêm hoa. Nếu là tri âm, hãy nên tiến bước.

Giảng:

Có quyển sách nói về Bình Đẳng Sám Hối, nhưng quyển sách đó đã mất chỉ còn lại bài tựa. Đây tôi giảng bài Tựa Bình Đẳng Sám Hối.

Pháp tánh như như, không có niệm lự chừng mảy tóc. Mở đầu, quý vị thấy ngài dùng những chữ "pháp tánh như như", "không có niệm lự chừng mảy tóc". Vì Pháp tánh như như nên những từ *pháp tánh, chân nguyên* đều là để chỉ cho cái thể tâm trong sạch sáng suốt sẵn có của mọi người, nó như như, bất động. Thể của nó không có một niệm lự chừng mảy tóc, nhưng vì quên nó nên niệm dấy loạn không dừng.

Chân nguyên trong lặng, xưa nay bặt cả bụi nhơ. Tức là thể chân nguyên vốn trong sạch lặng lẽ, không có một tí bụi nhơ. Bụi nhơ tức là niệm, niệm là trần. Những niệm khởi đó là bụi nhơ. Hai câu này nói rõ cho chúng ta thấy pháp thân thanh tịnh của chúng ta không có một mảy niệm, không có một mảy phiền não dính được. Nó là một thể trong sáng, lặng lẽ, thủy chung như nhất không đổi thay, không dấy động. Đó là nói thể pháp thân trong sạch. Bây giờ nói đến lý do chúng ta có thân này.

Bởi chợt khởi vọng duyên, hiện thành thân huyễn. Khởi vọng duyên tức là khởi niệm chạy theo ngoại trần. *Hiện thành thân huyễn,* như tôi đã nói, chúng ta vừa nhắm mắt, bỏ thân này sang thân khác, thì lúc hôn mê

mình khởi niệm hướng về điều gì thì thân huyễn sẽ theo đó mà cấu tạo.

Chạy theo nghiệp thức, quên mất hạt minh châu. Nghiệp thức là những cái biết của thói quen, thói quen làm thiện, thói quen làm ác. Cái biết đó dẫn mình đi theo nó nên quên mất hạt minh châu. Hạt minh châu tức là thể pháp tánh chân nguyên như như trong lặng.

Tan hết gia tài. Gia tài tức là của báu trong nhà. Khi đã dấy niệm chạy theo nghiệp thức thì lúc đó thể pháp tánh chân thật của chúng ta bị mất đi, nên nói *quên mất hạt minh châu, tan hết gia tài* tức là của báu, còn gọi là pháp bảo hay tài bảo.

Vì lúc đó đã có thân cho nên *sáu căn ham mê tham dục.* Khi có thân huyễn này rồi - nên nhớ thân này là thân huyễn chứ không phải thân thật. Tại sao tôi nói như vậy? Bởi vì từ bảy mươi trở lên sẽ biết thân huyễn chắc chắn không nghi. Nếu ôn lại mấy mươi năm qua rồi như giấc mộng, thân này không bao lâu sẽ trở thành bụi đất. Như vậy ngày nay có, ngày mai trở thành bụi đất thì có thật không? Quý vị còn dài nên khó thấy, còn tôi hơi ngắn nên dễ thấy. Vì vậy nên nói thân này là thân huyễn, tạm có rồi tan hoại. - Nhưng khi đã có thì trong thân có sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, bên ngoài cảnh có sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Căn mê theo trần, sanh ra tham dục tức ham muốn, đắm say ham muốn theo sáu trần cả ngày. Sáng vừa mở mắt đã lo kiếm ăn cho thỏa mãn cái lưỡi, ăn rồi lo đi chơi ngắm cái này đẹp, cái kia đẹp cho thỏa mãn con mắt. Tối đến nghe âm nhạc cho vui tai. Suốt ngày cứ lo cho mắt tai

mũi lưỡi thân ý được thỏa mãn. Ngày này qua tháng nọ mê mải trong việc làm cho sáu căn thỏa mãn với sáu trần. Cứ lo như vậy nhưng có ai được thỏa mãn chăng? Gần nhất là cái lưỡi, như hôm nay được ăn ngon, chưa chắc ngày mai cũng được ăn ngon. Như vậy lâu lâu mới được một bữa thỏa mãn cho cái lưỡi, vậy mà phải làm đổ mồ hôi xót con mắt chưa biết thỏa mãn được cái lưỡi hay không, huống nữa là thỏa mãn mũi, tai, mắt và thân này. Thật là khó mà cũng thật vô lý, vì đem thân làm để thỏa mãn cái thân, mà thân này có rồi cũng hoại thành không, trần cũng hoại thành không. Lấy cái không thỏa mãn cái không, như vậy mình có khôn chăng?

Thế nên tôi thường nói, chúng ta như những con dã tràng xe cát ngoài biển, làm một lúc đắp lên hơi cao, rồi một đợt sóng biển ùa đến cuốn trôi mất. Cứ như thế mãi hết ngày này đến ngày khác, chừng nào ngã ra chết mới thôi. Cũng vậy, làm sao chúng ta thỏa mãn được cái thân, không biết chừng nào mới xong. Chưa thỏa mãn kịp thì nó đã hoại và những cái để cho nó thỏa mãn cũng hoại theo. Rốt cuộc chúng ta đã dồn sức để làm một việc phí công vô ích. Vậy mà có lắm người làm được chút việc gì đó, đã vội cho mình khôn, mình thông minh hơn người mà không biết rằng mình đang chạy theo nghiệp thức, quên mất của báu tức là pháp tánh, chân nguyên của chính mình.

Nếu có thu nhận tịnh pháp, ắt hay tẩy sạch vọng trần. Bây giờ nếu chúng ta thức tỉnh, học hỏi được chút ít tịnh pháp tức là pháp thanh tịnh của Phật, ắt hay tẩy sạch vọng trần là chúng ta tẩy sạch được những

vọng trần, những tâm tưởng hư dối như những hạt bụi làm che mờ gương sáng của mình vậy.

Phát tâm bình đẳng nhất chân, lễ thể pháp thân vô tướng. Nay chúng ta sám hối bằng tâm bình đẳng nhất chân. Như tôi vừa nói, quý vị biết mình có Phật tánh, biết mọi người cũng có Phật tánh, ai ai cũng có Phật tánh thì mọi người đều bình đẳng như nhau, gọi là bình đẳng nhất chân. Như vậy chúng ta lễ Phật là Phật nào? Tức là hướng về Phật pháp thân vô tướng, là pháp tánh, là chân nguyên vậy. Nghĩa là lúc nào chúng ta cũng xoay lại, cũng nhớ mãi nơi ta có tánh giác, tánh giác là bình đẳng. Nhớ mãi, hứa mãi như vậy là chúng ta theo pháp bình đẳng sám hối.

Tiến vào trong ấy thì tự thọ dụng và tha thọ dụng lẫn nhau. Nếu chúng ta tiến vào trong thể pháp thân vô tướng đó, mà đã nói vô tướng thì làm sao tiến vào? Nghĩa là chúng ta hằng nhớ hằng sống với thể pháp thân thanh tịnh bình đẳng ấy lâu ngày sẽ được tự thọ dụng, tức là cái thọ dụng của chính mình được thanh tịnh sáng suốt. Còn tha thọ dụng là cái thọ dụng cho người. Từ mình thanh tịnh sáng suốt, người gần mình cũng hưởng được thanh tịnh phần nào. Như vậy tự thọ dụng, tha thọ dụng cả hai đều có lợi ích. Được thế tức là chúng ta biết trở về với pháp thân thanh tịnh của chính mình.

Nhằm bên kia cầu thì diện mục mập mờ liền tự hiện. Nhằm bên kia cầu tức nhằm bên thể pháp thân bình đẳng mà cầu. Cầu có nghĩa là trở về, sống lại với thể pháp thân bình đẳng đó thì bản lai diện mục

của mình, từ xưa mờ mờ nay lần lần hiện sáng ra. Đây đi thẳng vào lý chỉ cho pháp thân thanh tịnh. Chúng ta sám hối bằng cách hướng về pháp thân thanh tịnh của mình và nhận chân pháp thân đó không riêng mình có mà tất cả chúng sanh đều có, nên là bình đẳng.

Tuy nhiên như thế, kiếm chưa rút ra khỏi hộp ngọc thì chỗ loạn khó yên, thuốc ra khỏi bình vàng thì gốc bệnh mới lành. Nghĩa là chúng ta tuy biết mình có sẵn pháp thân thanh tịnh hay có tánh giác trong sáng, nhưng *kiếm chưa rút ra khỏi hộp ngọc thì chỗ loạn khó yên*. Người đi dẹp giặc loạn, nếu chưa rút kiếm ra để trừ giặc loạn thì giặc loạn chưa yên. Tuy đã có kiếm sẵn ở trong hộp, mà phải dụng công rút kiếm ra khỏi hộp mới có thể trị được giặc, dứt được loạn. Chúng ta cũng vậy, tuy có sẵn tánh giác, có sẵn pháp thân mà nếu không dụng công thì cũng không có diệu dụng. *Thuốc ra khỏi bình vàng, thì gốc bệnh mới lành,* linh đơn thần dược trị bệnh gì cũng khỏi, nhưng nếu nó còn nằm trong bình thì đâu trị lành bệnh được cho người. Vậy phải trút ra khỏi bình vàng thì gốc bệnh mới lành.

Hai hình ảnh này nói lên cho chúng ta nhớ, chúng ta sẵn có pháp thân, sẵn có tánh giác giống như trong hộp ngọc chúng ta sẵn có cây kiếm dẹp được tất cả kẻ thù, kẻ loạn. Tuy có mà chúng ta chưa rút kiếm ra thì kẻ loạn vẫn còn. Cũng như chúng ta có thuốc hay thuốc quý có thể chữa lành tất cả bệnh, nhưng thuốc còn để trong bình thì bệnh thiên hạ vẫn chưa lành. Vì vậy thuốc cần phải trút ra khỏi bình mới có hiệu dụng. Tóm lại hai câu này ý nói tuy chúng ta có pháp thân, có tánh giác sẵn,

nhưng phải dụng công tu mới được diệu dụng, được lợi ích cho mình, cho người. Nếu không tu thì tuy nói là hay, rốt cuộc không được lợi ích gì cả. Đó là lời ngài nhắc chúng ta phải ứng dụng.

Trẫm khi muôn việc rảnh rỗi, xem thấu chỗ sâu xa của ba tạng, gặp được pháp môn này, chỉ thẳng trong người có khả năng thành Phật. Khi đang làm vua cai trị muôn dân mà những lúc rảnh rỗi ngài xem tam tạng kinh để tìm những cái hay rút ra chỉ dạy cho người. Như vậy ngài là một ông vua thật siêng năng, còn chúng ta hiện nay việc làm chút chút mà than thở bận rộn quá không xem kinh được, không đi chùa được v.v... thật quá dở! Sở dĩ ngài nhận được pháp sám hối bình đẳng này là vì biết ai cũng có khả năng thành Phật. Điểm này chúng ta thấy ở Bồ-tát Thường Bất Khinh đã nói: *Tôi không dám khinh các ngài, các ngài đều sẽ thành Phật.* Sẽ thành tức là có khả năng mới thành được. Do đó mỗi người chúng ta đều có thể thành Phật được.

Dù là người mắt sáng, ngại gì trên gấm thêm hoa. Nếu là tri âm, hãy nên tiến bước. Hai câu này ngài khuyến khích rất hay. *Dù là người mắt sáng, ngại gì trên gấm thêm hoa.* Người mắt sáng là người nào? Trong nhà thiền thường hay nói ai tu thấy được đạo, ngộ được đạo gọi là người mắt sáng. Nếu người ngộ đạo thì đối với pháp bình đẳng sám hối chẳng khác nào như tấm gấm còn thêu thêm hoa nữa, lại càng đẹp hơn. *Nếu là tri âm, hãy nên tiến bước.* Tri âm là người tri kỷ với ngài, hiểu được ngài, nghe được pháp này hãy ráng tinh tấn tu, không nên chần chừ, không thể lơ là.

Những lời nhắc nhở của ngài, chúng ta thấy rất là thiết yếu. Chẳng những mình biết mà muốn cho tất cả mọi người cùng biết, chẳng những mình hành mà muốn cho tất cả mọi người cùng hành. Được như vậy mới gọi là tự tha đều hữu ích. Ở đây tôi không dẫn những vị Bồ-tát, A-la-hán hay những vị thiền sư đắc đạo ở các nơi, mà tôi dẫn một vì vua Việt Nam đang ở ngôi vị quân vương, cai trị muôn dân, giữ nước, dẹp giặc mà có được cái nhìn thông suốt, thấu đáo như vậy để quý vị lấy đó làm tấm gương sáng noi theo tu học. Đối với hàng cư sĩ, nhìn gương của ngài sẽ không còn lười biếng, không còn than thở nhiều việc bận rộn không tu được, không học hiểu được. Đối với người xuất gia chúng ta lại càng hổ thẹn hơn. Hổ thẹn vì mình là người được rảnh rỗi mà tu chưa chắc đã hơn người cư sĩ đang làm vua. Như vậy thật xấu hổ, thật tủi nhục! Nên càng đọc, càng nghe những lời giảng dạy của ngài càng thấm thía, càng hổ thẹn thì chúng ta càng phải nỗ lực tiến hơn, tu nhiều hơn, để mai sau khỏi bị người chê trách: Một người đã vì chúng sanh đi tu, nhưng rốt cuộc không làm được gì có lợi ích, uổng đi một kiếp người, một đời tu...

Đó là lời tôi nhắc nhở chung cho tất cả.

BÀI TỰA
KINH KIM CANG TAM-MUỘI

Chánh văn:

Trẫm nghe, bản tánh lắng mầu, chân tâm trong lặng; tròn khuyết đều dứt, chẳng phải tánh trí hay tìm được mối manh; tan hợp trọn quên, tai mắt đâu thể dự vào vang bóng; có không chung lại, đạo tục san bằng; sừng sững riêng còn, siêu nhiên không gì ngoài. Đây là trọng yếu tánh Kim cang vậy.

Bởi chúng sanh đã lâu huân nhiễm nghiệp tập khắn chặt, tuy có thần thức mà bị sóng gió tri kiến lay động, kẻ buông lung hạnh nhớp, che đậy chẳng phải không; người xoay tuệ quang soi sáng rất ít. Bèn khiến bốn phương đổi chỗ, mơ màng hướng về; lối tẽ đã sai, đường chánh thành nhiều ngõ. Bản giác thủy giác đâu rành, chân tâm vọng tâm khó phân biệt. Vàng ròng lẫn trong chất quặng, trăng sáng cùng bụi mù hiện chung. Cố hương, lầm về

chốn nào? Diện mục, quên mất bản lai. Trên đường Niết-bàn rất khó tiến lên, hang ổ sanh tử chui vào có lúc. Cho nên Thầy ta bậc Năng Nhân chỉ "vô sanh từ nhẫn", vì thương các khổ đắm chìm nên ôm ấp "tứ hoằng thệ nguyện", nhọc nhằn da diết "tam tư". Pháp thân lắng lặng, báo thân hiện ra, điềm lành hiện rõ ở triều Châu. Chánh pháp đi, tượng pháp lại, nơi điện Hán mộng thấy người vàng. Ngài Ca-diếp Ma-đằng, Trúc Pháp Lan chở kinh vào, Tây Trúc (Ấn Độ) Chấn Đán (Trung Hoa) mới thông. Kinh chữ Phạn dịch ra văn Trung Hoa sáng tỏ, đổi lá bối viết vào giấy lụa. Biển giáo phô bày mọi trân bảo, nghĩa trời hiện rực các vì sao. Hoặc muốn tăng thêm nơi chưa ổn, hoặc mong bổ túc chỗ còn sót, nối gót theo lối Y Ngô, tiến chân trên đường Lưu Sa. Vượt biển không xa, quyết chí về Trung Quốc. Từ đời Hán bắt đầu, đến nay mở rộng. Nào là Thiên, Viên, Bán, Mãn không thiếu ở hòm châu. Nào là Đốn, Tiệm, Thật, Quyền dẫy đầy trong rương báu.

Kinh Kim Cang Tam-muội há chẳng phải là loại viên mãn đốn thật hay sao? Nếu chẳng vậy, sao dùng pháp yếu "vô sanh", dùng thần thông làm phương tiện. Đại sĩ (Bồ-tát) hỏi nhân xuất thế. Tôn giả (Phật) gieo quả cứu cánh. Muốn dẹp trừ có trụ có diệt, trước nên vô tướng vô sanh. Thấy sanh niệm nơi vọng niệm là mờ, khởi thủy giác nơi bản giác là lợi. Chuyển các tình thức vào thức am-ma-la. Quên đầu không đoái thân mình, duỗi tay dắt về nơi thật tế. Nếu chấp ngoại trần duyên hợp là có, liền bàn

chân tánh vốn không và tam tướng không quan hệ, Tứ thiền làm gì có? Hòa các vị thành vô thượng vị, đùa các dòng thành dòng sông bất nhị. Xoay chuyển vọng tâm biến kế, tiếp nhập thức Như Lai tàng, bao gồm hiển bày một tâm. Người nhân chấp mà mê, như Man, Thục giữ nhau. Người tùy sai mà ngộ, như Lỗ, Tề một lần đổi.

Trẫm xét đức làm chủ cả nước, chăn dắt muôn dân, mỗi khi nghĩ đến gian nan, quên mất sớm tối. Việc tuy hằng vạn, trộm lúc rảnh rang, chăm việc tiếc giờ, học càng tăng tiến. Chữ nghĩa còn ngại chưa rành, đêm đến canh khuya vẫn còn chăm học. Đã đọc sách Khổng Tử, lại xem kinh nhà Phật. Kinh này một phen xem, trăm thứ cảm hứng nảy sanh, tìm tòi chỗ thâm áo, ba nhẩm chín suy. Gặm nhấm nghĩa vị, thu thập văn hoa, muốn rõ lời Phật, để giúp ích phần nào cho kẻ hậu học. Lạm đem cái thấy biết cạn hẹp, hầu mở mang cho đàn vượn ngốc. Do đó, diễn tả lòng mình, tự làm chú giải. Tìm áo nghĩa nơi Long cung, dò lời mầu nơi Thứu lĩnh, nhỏ từng giọt nước trong nguồn chánh giác, bồi từng hạt bụi trên đường chân như. Phát huy u chỉ, mở sáng chân tông, khiến người vừa mở xem, liền thấy nghĩa rõ ràng. Phá giậu phên cố chấp của bọn tà, làm thầy nhóm nghĩa đồ nghi thức. Vọng kiến mênh mang, dần biết hướng chầu phương bắc; đường mê chi chít, tạm biết lối chánh về nam. Để làm chỗ nương cho học giả, mới thấy lòng Trẫm không keo sẻn. Cho nên làm lời tựa.

Giảng:

Sau khi đọc và giải thích xong quyển kinh Kim Cang Tam-muội, ngài Trần Thái Tông có làm bài tựa gọi là Tựa Kinh Kim Cang Tam-muội. Rất tiếc quyển kinh ngài giảng đã mất, chỉ còn lại bài tựa chúng ta học hôm nay. Đọc bài tựa này chúng ta biết tổng quát quyển kinh Kim Cang và biết được tâm niệm của ngài đối với người hậu học.

Trẫm nghe, bản tánh lắng mầu, chân tâm trong lặng; tròn khuyết đều dứt, chẳng phải tánh trí hay tìm được mối manh; tan hợp trọn quên, tai mắt đâu thể dự vào vang bóng; có không chung lại, đạo tục san bằng; sừng sững riêng còn, siêu nhiên không gì ngoài. Đây là trọng yếu tánh Kim cang vậy.

Trước tiên ngài giải thích thế nào là tánh Kim cang.

Bản tánh lắng mầu, chân tâm trong lặng. Bản tánh yên tịnh mà nhiệm mầu, chân tâm trong trẻo, lặng lẽ không dấy động.

Tròn khuyết đều dứt, chẳng phải tánh trí hay tìm được mối manh. Hai bên tròn và khuyết đều không còn, không thể dùng trí suy gẫm hiểu biết để tìm ra manh mối của chân tâm. Vì bản tánh chân tâm lìa đối đãi, nên dù dùng trí tìm hiểu cũng không thể được. *Tan hợp trọn quên, tai mắt đâu thể dự vào vang bóng.* Tan và hợp đều quên, hai đối đãi đều dứt, dùng mắt dùng tai để thấy nghe vẫn không thể được. Dù cố lắng tai nghe hay chú mắt nhìn, chúng ta không bao giờ nghe được vang, thấy được bóng của chân tâm bản tánh.

Có không chung lại, đạo tục san bằng. Có không đều hợp nhất, có không riêng ngoài không, không cũng không ngoài có. Đạo tục san bằng, đạo là người xuất gia, tục là người tại gia, hai bên đều bình đẳng, người xuất gia có bản tánh chân tâm, người cư sĩ cũng có chân tâm bản tánh. Chân tâm lìa đối đãi không mắc kẹt hai bên, không thể nói người xuất gia mới có chân tâm, người tại gia vô phần. Ai ai cũng bình đẳng như nhau.

Sừng sững riêng còn, siêu nhiên không gì ngoài. Sừng sững riêng còn là chỉ bản thể rõ ràng sừng sững, trùm khắp, vượt hơn tất cả, không có cái gì thoát ngoài nó được.

Đây là trọng yếu tánh Kim cang vậy. Tánh Kim cang quan trọng là như vậy. Tánh Kim cang là chỉ bản tánh chân tâm của con người. Tại sao? Vì kim cang là chất cứng nhất đối với tất cả những loài khoáng sản, nó phá được tất cả chất cứng khác mà không chất nào phá được nó. Cũng vậy, tất cả sự vật mắt thấy tai nghe đều là tướng đối đãi sanh diệt nên là tạm bợ giả dối. Còn bản tánh chân tâm không phải là tướng sanh diệt nên dụ như kim cang. Bản tánh chân tâm là từ chuyên môn để chỉ tánh thấy nghe hiểu biết của chúng ta. Tánh này không bị vô thường sanh diệt mà nó bao trùm tất cả cái vô thường sanh diệt, cho nên dùng từ *sừng sững riêng còn, siêu nhiên không gì ngoài*.

Bản tánh Kim cang ai ai cũng có, nhưng nếu có người đặt câu hỏi: Tánh Kim cang của tôi ở đâu? Có ai chỉ được không? Nghe lời Phật tổ dạy, chúng ta tin mình

có tánh Kim cang, nhưng không biết nó ở đâu. Vậy tánh Kim cang có hay không? Đây là một câu hỏi để chúng ta suy gẫm, rồi một lúc nào bỗng nhiên chúng ta biết mình có thật, không còn nghi ngờ nữa.

Bởi chúng sanh đã lâu huân nhiễm nghiệp tập khắn chặt, tuy có thần thức mà bị sóng gió tri kiến lay động, kẻ buông lung hạnh nhớp, che đậy chẳng phải không; người xoay tuệ quang soi sáng rất ít.

Ai cũng có chân tâm thanh tịnh, nhưng do nghiệp tập huân vào làm cho nhơ nhớp, khắn chặt nơi mình. *Huân nhiễm* là chữ Hán, huân là xông ướp, nhiễm là nhuốm nhơ. Thí dụ như chúng ta có cái khăn tay trắng mới chưa có nhiễm dơ. Muốn khăn có mùi thơm hoa lài, chúng ta lấy hoa lài ủ vào, một lát sau khăn có mùi thơm hoa lài đó gọi là ướp. Muốn có mùi thơm hương trầm, chúng ta đốt gỗ trầm và xông khói cái khăn, một chốc sau khăn có mùi hương trầm đó gọi là xông. Vậy khăn không tự có mùi thơm hương trầm hay hoa lài mà phải nhờ xông ướp. Như thế từ không, xông ướp mãi thành có, mùi thơm tuy có mà không thấy, tuy không thấy mà vẫn dính. Chúng ta cũng như vậy, ai cũng có chân tâm thanh tịnh, thanh tịnh thì đâu có nhiễm ô, nhưng vì xông ướp những tập nghiệp thế gian, lâu ngày trở thành nhơ nhớp. Những tập nghiệp đó là gì? Thí dụ như chúng ta quen ai làm việc gì vừa ý thì vui, không như ý thì giận. Chân tâm vốn thanh tịnh, không có nóng giận, nhưng vì thói quen muốn hơn thiên hạ, muốn được tiếng khen, nên bị chê thì nổi giận liền. Đó là do mới huân tập, chứ không phải chân tâm sẵn có. Từ khi lọt lòng mẹ

đến nay, nếu không có ai khen chê thì sau này khi nghe chê chúng ta có giận không? Hẳn là không. Sở dĩ có giận vì chúng ta quen được khen, nên bị chê là nổi tức ngay, đó gọi là huân tập, là xông ướp thói quen. Lời khen có khi thật, có khi khen cho vừa lòng, nếu nghe khen là vui, quen được như vậy, đó là ngầm chấp cái ngã của mình là tốt là hay. Vui mừng hay nổi giận vốn không có trong chân tâm thanh tịnh mà do xông ướp những thói quen của thế gian biến thành nghiệp cứng chắc nơi mình.

Tuy có thần thức mà bị sóng gió tri kiến lay động. Chữ thức ở đây không phải là vọng thức mà chỉ cho thức thứ chín, gọi là thức am-ma-la theo tiếng Phạn. Chúng ta có sẵn thức thanh tịnh nhưng bị sóng gió tri kiến làm cho lay động. Đây không phải tri kiến Phật mà là tri kiến chúng sanh. Sóng gió tri kiến là do thấy nghe hiểu biết đuổi theo sáu trần, làm cho biển thức thanh tịnh bị xao động nổi sóng.

Kẻ buông lung hạnh nhớp, che đậy chẳng phải không. Khi đuổi theo sáu trần, chúng ta buông lung hạnh nhớp, tức là buông theo những niệm tham sân si, làm che đậy tâm thức trong sạch sáng suốt nơi mình.

Đoạn này ngài Trần Thái Tông muốn nói: Mọi người ai cũng có chân tâm thanh tịnh, nhưng vì đuổi theo sáu trần nên dao động, tạo những hạnh nhớp nhơ che đậy bản tánh trong sạch, sáng suốt. Số người này rất nhiều. *Người xoay tuệ quang soi sáng rất ít.* Còn người biết xoay trí tuệ sáng suốt soi chiếu lại bản tánh chân tâm, không để bụi nhơ phủ kín, số người này quá ít.

Như vậy mỗi ngày chúng ta chạy theo sắc, thanh, hương, vị... độ bao nhiêu giờ, còn được bao nhiêu phút ngồi để xoay lại tìm cái chân thật nơi mình? Ở Thiền viện mỗi ngày chắc chắn chúng ta được sáu tiếng đồng hồ ngồi xoay lại nhưng vẫn bị thiệt thòi, vì ma ngủ che mắt ít ra cũng mất hai tiếng, chỉ còn bốn tiếng cho người biết xoay lại, thật là quá ít! Còn thời gian thả trôi ra ngoài lại quá nhiều, khi tỉnh khi mê, lúc quên lúc nhớ, không hoàn toàn sáng suốt. Khi mê lầm chạy theo bên ngoài thì thế nào?

Bèn khiến bốn phương đổi chỗ, mơ màng hướng về; lối tẽ đã sai, đường chánh thành nhiều ngõ. Nếu chúng ta buông lung hạnh nhớp thì bản tánh bị che mờ, tâm thể bị khuất lấp, *bèn khiến bốn phương đổi chỗ*, tức là không biết nhận định đâu chánh đâu tà, đâu chân đâu ngụy. Cho nên *mơ màng hướng về*, đối với đường trở về bản tánh, chúng ta mơ màng không biết.

Bốn phương đổi chỗ, trong kinh Lăng-nghiêm có nói rất rõ. Thí dụ như cái bàn có bốn góc, mỗi góc ở một phương: phương đông, phương tây, phương nam, phương bắc. Như hiện giờ tôi đang ngồi giữa, tôi nói: Đây là đông, đây là tây, kia nam, kia bắc. Giả sử tôi đổi chỗ ngồi sang một bên phía đông thì góc bàn phía đông đối với tôi biến thành phía tây. Nếu tôi đổi qua ngồi phía trên thì góc bắc biến thành nam mất rồi. Thế nên nói bốn phương đổi chỗ vì khi mình dời vị trí, bốn hướng cũng đổi theo, không có cố định.

Bèn khiến bốn phương đổi chỗ tức là không tìm ra được hướng cố định nữa, nên đường về sẽ mơ màng

không nắm vững. *Lối tẽ đã sai, đường chánh thành nhiều ngõ.* Đã đi lầm trong lối tẽ, chúng ta không còn nhận ra đường chánh. Đi trong đường tẽ mà tưởng lầm là đường cái thì không bao giờ tìm ra đường cái được.

Bản giác thủy giác đâu rành, chân tâm vọng tâm khó phân biệt. Bản giác là chỉ cho tánh giác sẵn có nơi mọi người, còn thủy giác là chỉ cho tánh giác mới ngộ thấy sau này. Như vậy thủy giác là cái mới nhận, bản giác là cái sẵn có. Trong nhà thiền hay đặt câu hỏi: Ai xúi giục các ông đi tu? Cha mẹ không xúi giục, anh chị em cũng không, vậy ai xúi giục mình đi tu? Chính là bản giác. Vì động cơ bên trong là bản giác nên nó mới thúc đẩy mình đi tìm cái giác. Vậy nếu ai có hỏi tại sao Thầy đi tu, thì trả lời: Tại bản giác của tôi thúc đẩy tôi đi tu. Đó là một sự thật mà ít người biết được. Cũng như nhân đói bụng mình mới đi tìm cơm cháo, ai xúi giục? Bao tử đói là động cơ bên trong, nó mới xúi mình được. Có nhu cầu nơi mình cho nên mình mới tìm kiếm cái đó. Cũng như vậy, bản giác thúc đẩy mình đi tìm cái giác, nó ngầm sâu bên trong, chúng ta không thấy. Đến khi học đạo rồi thỉnh thoảng chúng ta thức tỉnh, giác ngộ được chân lý sẵn có nơi mình. Nhận ra sau gọi là thủy giác, tức là cái giác sau.

Tôi giải thích xa hơn một chút: Trên chánh điện thiền viện Trúc Lâm, ở giữa thờ đức Phật Thích-ca, hai bên là tượng Bồ-tát Văn-thù và Phổ Hiền. Thường ở các chùa thì tượng ngài Văn-thù cưỡi sư tử, cầm kiếm, còn ngài Phổ Hiền cưỡi voi, cầm hoa sen. Nhưng ở Thiền viện đây có hơi khác, hai vị Bồ-tát là hai biểu trưng:

Bồ-tát Văn-thù biểu trưng cho trí tuệ bản giác hay căn bản trí. Ngài cầm một vật giống như ống loa và cầm cây gõ, tiếng nó vang lên, mình lắng tai nghe, đây là tượng trưng cho bản giác hay căn bản trí có sẵn nơi mỗi người. Còn Bồ-tát Phổ Hiền tay cầm quyển sách xem, là huân tập những hiểu biết hiện tại, ngài tượng trưng cho thủy giác hay là sai biệt trí. Căn bản trí hay bản giác là gốc giác ngầm sẵn có bên trong, nó thúc đẩy mình đi tìm cái giác. Sai biệt trí hay thủy giác có công dụng giáo hóa chúng sanh. Hiểu như vậy mới biết mỗi vị Bồ-tát có chỗ tượng trưng khác nhau.

Nơi các chùa khác, hình ảnh hai ngài tượng trưng cho trí tuệ và hạnh nguyện. Bồ-tát Văn-thù cầm kiếm cưỡi sư tử, là tượng trưng trí tuệ cắt đứt tất cả dây triền phược. Bồ-tát Phổ Hiền cầm hoa sen cưỡi voi là tượng trưng cho hạnh nguyện giáo hóa chúng sanh. Nếu có trí tuệ mà không hạnh nguyện để đem ứng dụng, đó là trí tuệ suông, không có lợi ích cho ai. Thế nên phải có hạnh nguyện mới làm được những điều lợi lạc, tức là phải lăn vào trong cõi đời ô trược để cứu độ chúng sanh. Hiểu như vậy chúng ta mới rõ ý nghĩa tượng trưng của mỗi hình tượng Bồ-tát.

Chân tâm vọng tâm khó phân biệt. Như hiện giờ chúng ta nói chân tâm vọng tâm, nhưng không biết cái nào là chân, cái nào là vọng. Khi chúng ta dấy niệm suy nghĩ, đó là vọng tưởng, vọng tâm. Còn biết rõ ràng không mờ mịt, biết một cách sáng suốt mà không niệm khởi, đó là chân tâm.

Vàng ròng lẫn trong chất quặng, trăng sáng cùng bụi mù hiện chung. Đây rất khó giản trạch. Khi vàng ròng ở trong quặng, trong mỏ, khó phân biệt cái nào là vàng, cái nào là cặn bã, cũng như *trăng sáng cùng bụi mù hiện chung*. Khi trăng sáng, ánh sáng rọi khắp bầu trời, khắp cả hư không, lúc đó có những hạt bụi lẫn trong hư không thì ánh trăng rọi chung với bụi, thật khó phân biệt cái nào là bụi, cái nào là ánh sáng mặt trăng. Nhưng ánh sáng và bụi khác nhau, ánh sáng sáng mà không động, bụi thì lay động lăng xăng. Trong kinh Lăng-nghiêm có một thí dụ: Ban ngày mặt trời lên, ánh nắng rọi qua cửa sổ, nhìn theo làn ánh sáng, chúng ta thấy rất nhiều hạt bụi lăng xăng bay qua lại. Ánh sáng sáng mà không động, bụi thì lay động, nhưng bụi và ánh sáng không thể tách rời nhau được, chính chỗ này là chỗ thiết yếu của sự tu. Bụi động mà không ngoài ánh sáng, vọng tưởng là động mà không ngoài chân tâm. Chân tâm không động mà hằng tri hằng giác, giống như ánh sáng mặt trời, sáng mà không động, còn bụi ở trong ánh sáng đó thì lay động, dời đổi chỗ luôn.

Vậy chúng ta tu phải khéo giản trạch, nếu ngồi để tìm chân tâm là bệnh, thật ra chân tâm không cần tìm, tìm chân tâm hay cầu giác ngộ đều là bệnh. Không tìm cầu, chỉ nhìn ánh sáng có bụi, thì biết bụi, biết ánh sáng. Ánh sáng không phải là bụi, bụi không phải là ánh sáng, biết rõ như vậy thì không quên ánh sáng. Vì thế tôi chỉ đơn giản nói *Biết vọng không theo* là đủ. Không theo vọng thì chân hiện, không phải tìm đâu xa. Thế mà có nhiều người không biết, ngồi lại tìm cho ra cái chân,

càng tìm càng mất, càng tìm càng xa, tại sao? Vì nó là hiện hữu, lại đi tìm nó, thành ra mất cái hiện hữu, chỗ này phải rất tinh tế mới nhận ra được.

Cố hương, lầm về chốn nào? Không nhận ra chân tâm, cũng không biết vọng tâm, chân vọng không phân, như thế là chúng ta đã lẫn lộn bụi và ánh sáng, đất quặng và vàng ròng, không biết đâu là thật đâu là giả. Khi đã lầm rồi thì chúng ta quên mất cố hương, cho nên nói *cố hương, lầm về chốn nào*. Muốn về cố hương nhưng không biết nơi đâu. Chúng ta cứ nghĩ mình xa quê hương trăm ngàn dặm, nên bây giờ tìm về nơi đó. Thật ra cố hương là nơi không nơi, không nơi không chốn, nhưng lại là chỗ muôn đời của mình. Hiện nay do hoặc nghiệp tạo ra thân cảnh, chúng ta đuổi theo, đây là chỗ tạm, không phải cố hương, chúng ta chỉ là khách tạm, vậy cố hương ở đâu? Nếu chúng ta không phân biệt được chân vọng, không thấy rõ bản giác thủy giác, thì chúng ta đã quên cố hương, không biết đâu mà tìm.

Diện mục, quên mất bản lai. Mặt thật xưa nay của mình cũng quên mất. Đã quên cố hương thì quên mất cả mặt thật xưa nay. Mặt chúng ta hiện nay vài mươi năm sau thì hoại mất không còn, cho nên nó không thật. Mặt thật xưa nay mới là chân diện mục mà mình đã quên mất, chỉ sống với cái tạm bợ thôi.

Trên đường Niết-bàn rất khó tiến lên, hang ổ sanh tử chui vào có lúc. Bởi quên mất cố hương, quên mất bản lai diện mục, nên con đường Niết-bàn muốn tiến lên, làm sao tiến được? Vì không tiến được nên đang chui vào hang ổ của sanh tử, chúng ta quả thật là những kẻ ngu si.

Cho nên Thầy ta bậc Năng Nhân chỉ "vô sanh từ nhẫn". Vua Trần Thái Tông nói Thầy ta là chỉ đức Phật, là bậc Năng Nhân, tức là có khả năng làm cho mọi người hết khổ được an vui (Nhân là nhân từ, cứu người hết khổ). Vì thế nên ngài chỉ ra pháp "vô sanh từ nhẫn", tức là lòng từ an nhẫn chỗ vô sanh. Vô sanh là chủ yếu của kinh Kim Cang Tam-muội.

Vì thương các khổ đắm chìm nên ôm ấp "tứ hoằng thệ nguyện", nhọc nhằn da diết "tam tư". Đức Phật thương xót chúng sanh đang chịu đau khổ chìm đắm trong sanh tử, nên ngài mới ôm ấp tứ hoằng thệ nguyện:

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Vì thương chúng sanh chìm đắm trong biển khổ nên đức Phật ôm ấp lòng từ bi nguyện độ tất cả chúng hàm linh. Nhọc nhằn da diết tam tư[6], lòng ngài luôn luôn nhọc nhằn da diết trong việc độ sanh.

---

[6] Tam tư: Phàm khi sắp phát khởi hai nghiệp thân và ngữ (lời nói), cần phải có tam tư (ba điều suy nghĩ).

- Thẩm lự tư: tức là trước khi muốn nói cần phải suy nghĩ cho cặn kẽ.
- Quyết định tư: tức là trước khi hành động phải có suy nghĩ quyết định (dứt khoát).
- Động phát thắng tư: tức là khi thân và ngữ (lời) hành động thì cần phải suy nghĩ xem việc nào thiện ác, việc nào tốt nhất để làm.

Trong đây, hai cái tư đầu thuộc về ý nghiệp. Cái tư thứ ba (động phát thắng tư) là thuộc về hai nghiệp thân và ngữ.

Pháp thân lắng lặng, báo thân hiện ra, điềm lành hiện rõ ở triều Châu. Pháp thân lắng lặng là nói về pháp thân thanh tịnh tịch tĩnh không dấy động. Báo thân hiện ra nghĩa là báo thân từ pháp thân mà hiện, do phước báo hiện ra hình tướng. Cho nên điềm lành hiện rõ ở triều Châu, thể pháp thân bất sanh bất diệt lắng lặng không hình tướng, nhưng vì bi nguyện nên mới dùng báo thân hiện ra đời để cứu độ quần sanh. Chữ "triều Châu" là chỉ đời nhà Châu (tk XI - 256 TTL). Theo thánh ký ở Trung Hoa, đức Phật sanh ra năm thứ hai mươi sáu đời Châu Chiêu Vương, tức khoảng đầu thế kỷ X trước Tây lịch. Pháp thân lắng lặng, báo thân tùy duyên ứng hiện ra đời, vì thế đức Phật mới sanh ra ở Ấn Độ, nhằm triều nhà Châu bên Trung Hoa.

Chánh pháp đi, tượng pháp lại, nơi điện Hán mộng thấy người vàng. Thời chánh pháp là năm trăm năm đầu lúc đức Phật còn tại thế. Thời tượng pháp là năm trăm năm kế tiếp sau. Trong thời sau này, vua Hán Minh Đế, niên hiệu Vĩnh Bình thứ bảy (năm 61 TTL), một đêm nằm mộng thấy có người vàng, trên đầu tỏa ánh hào quang. Nhà vua mới hội quần thần lại, hỏi người đó là ai? Có người biết nói đó là hình ảnh đức Phật bên Ấn Độ, nhà vua mới cho người sang Tây Trúc thỉnh kinh, và rước chư tăng về.

Ngài Ca-diếp Ma-đằng, Trúc Pháp Lan chở kinh vào, Tây Trúc (Ấn Độ) Chấn Đán (Trung Hoa) mới thông. Hai vị tăng Ấn Độ theo lời mời của vua Hán Minh Đế chở kinh về Trung Hoa. Từ đó Ấn Độ với Trung Hoa mới thông, Trung Hoa mới hiểu những kinh điển của Phật.

Kinh chữ Phạn dịch ra văn Trung Hoa sáng tỏ, đổi lá bối viết vào giấy lụa. Ở Ấn Độ ghi kinh trên lá bối, từng miếng xâu lại thành một thiên, gồm một ngàn miếng, nên từ thường dùng là bối diệp, tức là kinh lá bối. Kinh từ chữ Phạn dịch sang văn Trung Hoa rất sáng tỏ, ghi kinh không dùng lá bối nữa mà viết vào lụa trắng.

Biển giáo phô bày mọi trân bảo, nghĩa trời hiện rực các vì sao. Biển giáo tức là giáo lý Phật rộng như biển cả, trong ấy toàn là những lời vàng ngọc quý báu. Nghĩa trời hiện rực các vì sao, nghĩa của kinh mênh mông như trời cao biển rộng, trong kinh có những điểm sáng suốt rất là cao quý.

Hoặc muốn tăng thêm nơi chưa ổn, hoặc mong bổ túc chỗ còn sót, nối gót theo lối Y Ngô, tiến chân trên đường Lưu Sa. Đường Y Ngô là con đường buôn bán tơ lụa qua Ấn Độ, thuộc vùng đất của Hung Nô ngày xưa, nhà Đông Hán chiếm lấy làm đường sang Tây Vức, nay thuộc huyện Cáp Mật tỉnh Tân Cương. Đây là vùng sa mạc nên cũng gọi là Lưu Sa. Những vị truyền giáo ngày xưa từ Ấn Độ sang Trung Hoa đều theo con đường này.

Vượt biển không xa, quyết chí về Trung Quốc. Các vị truyền giáo khi trước hay tổ Bồ-đề-đạt-ma sau này cũng đều đi đường biển sang Trung Hoa.

Từ đời Hán bắt đầu, đến nay mở rộng. Khởi sự từ đời Hán Minh Đế đến nay, sự truyền bá Phật pháp càng ngày càng mở rộng.

Nào là Thiên, Viên, Bán, Mãn không thiếu ở hòm châu. Chữ thiên là chỉ cho thiên lệch, nằm một bên.

Viên là tròn đủ. Bán là phân nửa. Mãn là đầy khắp. Trong những bài kinh, tùy duyên người hỏi, đức Phật trả lời. Người căn cơ cao ngài dạy pháp cao, người căn cơ thấp ngài dạy thấp. Đối với người ngoại đạo, ngài dùng luận ngoại đạo để chuyển họ trở về chánh pháp. Bởi thế Phật nói pháp không có nhất luật giống nhau, có khi chỉ nói phân nửa hay một phần chân lý. Còn những bài kinh gọi là "Vô vấn tự thuyết", nghĩa là không ai hỏi mà tự lòng Phật muốn dạy, đó mới thật là kinh gốc. Tùy hỏi mà đáp, cao thấp khác nhau, nên trong kinh Phật có những bài kinh chưa viên mãn.

Thí dụ như trong kinh Thi-ca-la-việt hay là Lễ Bái Lục Phương, ông Thi-ca-la-việt sáng nào cũng ra trước nhà lạy sáu phương. Một hôm ông đang lạy, Phật đi tới hỏi: Ông lạy cái gì? Ông đáp: Tôi cũng không biết nữa, cha tôi khi trước dạy sáng nào cũng phải lạy sáu phương, tôi cứ y lời cha dạy mà làm. Nhân đó đức Phật mới dạy ý nghĩa lễ bái lục phương, lạy phương Đông là ý nghĩa gì, phương Tây ý nghĩa gì v.v... Từ ý của ngoại đạo, ngài chuyển về đạo lý chân thật, nhưng chưa phải hoàn toàn, chỉ có một phần thôi nên gọi là thiên hay bán. Song tất cả pháp Phật dạy đều chứa đựng những của báu, cho nên nói không thiếu ở hòm châu, nghĩa là rương chứa đầy châu báu.

Nào là Đốn, Tiệm, Thật, Quyền dẫy đầy trong rương báu. Đốn là đốn ngộ. Tiệm là tiệm tu, là pháp tu từ từ. Thật là chỉ ngay cái chân thật. Quyền là dùng phương tiện để hướng dẫn người đi. Vì thế giáo lý của đức Phật, đốn tiệm thật quyền tuy có khác, nhưng đều

là của báu, nên tất cả đầy dẫy trong rương báu không có thiếu. Tóm lại, ngài Trần Thái Tông tán thán kinh điển Phật dạy, ngài thấy kinh Phật là rất cao quý, mênh mông rực rỡ như những hòn ngọc quý, những của báu vô giá. Dù trong kinh có chia ra thứ bậc sai biệt, nhưng đều là của báu chứ không phải thường.

Sau đây ngài nói thẳng về kinh Kim Cang.

Kinh Kim Cang Tam-muội há chẳng phải là loại viên mãn đốn thật hay sao? Ngài đặt câu hỏi mà chính là đã trả lời. Phần trên có nói kinh điển Phật chia ra thiên, viên, bán, mãn hay đốn, tiệm, thật, quyền. Nhưng xét lại riêng quyển Kim Cang Tam-muội này không phải là viên, mãn, đốn, thật hay sao? Quả thật vậy, kinh Kim Cang Tam-muội là Viên giáo, Mãn giáo, Đốn giáo, Thật giáo.

Nếu chẳng vậy, sao dùng pháp yếu "vô sanh", dùng thần thông làm phương tiện. Nếu không phải là viên mãn đốn thật thì làm sao trong kinh này lại lấy pháp yếu "vô sanh" làm chủ? Còn những thần thông chỉ là phương tiện. Đoạn sau tôi sẽ dẫn trong kinh để chỉ pháp yếu vô sanh là gì.

Đại sĩ (Bồ-tát) hỏi nhân xuất thế. Tôn giả (Phật) gieo quả cứu cánh. Trong các kinh thường gọi đức Phật là Thế Tôn, trong kinh Kim Cang Tam-muội thưa là Tôn giả. Bồ-tát hỏi về nhân xuất thế, đức Phật chỉ cho quả cứu cánh, tức là quả vị cùng tột.

Muốn dẹp trừ có trụ có diệt, trước nên vô tướng vô sanh. Thấy được vô tướng vô sanh là trừ được sanh

trụ dị diệt. Thí dụ như hiện giờ cái bàn ở đây đang còn gọi là trụ, ngày mai nó cũ mục gọi là dị, sau này nó hoại đi gọi là diệt. Nếu thấy cái bàn là thật thì có đúng bản chất trụ diệt của nó không? Cho cái bàn là thật là chúng ta lầm, vì không đúng với bản chất của nó. Nguyên thể cái bàn là tướng thành trụ hoại không, phàm có tướng là phải hoại, phải không? Còn ở chung quanh chúng ta có cái gì không hoại, không "không" chăng? Thí dụ như hư không trong cái nhà này có hoại chăng? Nếu cái bàn là có, thì chỗ không này gọi là gì? Là hư không. Như vậy đây là có cái bàn, đây là có hư không. Nhưng cái bàn này có tướng, nên bị hoại diệt, hư không này không tướng, ai hoại diệt được nó? Chúng ta phải nhớ cái không đây là không có tướng, chứ không phải là không ngơ.

Thường chúng ta hay phân biệt theo con mắt, vật gì có tướng gọi là có, không tướng gọi là không. Như thế con mắt chúng ta có đáng tin chăng? Thật ra trong cái không này còn có không khí, có vô số vi trùng, có những làn điện chằng chịt mà chúng ta không thấy. Vì không thấy nên nói không, nên không đúng chân lý. Chẳng qua con mắt chúng ta chỉ thấy cái thô, không thấy được cái tế, chứ chẳng phải không có cái tế. Có cái có tướng, có cái không tướng, có tướng thì bị hoại, không tướng thì không hoại. Thế nên nói *muốn dẹp trừ có trụ có diệt, trước nên vô tướng vô sanh*. Nhận ra cái vô tướng, cái đó là vô sanh. Trở lại con người chúng ta, thân này là có tướng. Có tướng ắt hoại diệt, bám vào cái hoại diệt cho là thật, cho là ta, sẽ có lỗi gì? Thế thì ta là cái hoại diệt, ta sẽ mất đi. Còn ngay trong thân hoại diệt có cái

không tướng, không hoại diệt mà chúng ta lại bỏ quên. Vì vậy chúng ta phải nhận ra cái không tướng đó, mới là vô sanh.

Cái không tướng là cái gì? Tức là cái thấy, cái nghe..., nó không có tướng. Học kinh Lăng-nghiêm, chúng ta thấy rất rõ điều này. Đức Phật từng quở ngài A-nan chấp cái có tướng mà quên cái vô tướng.

Đức Phật dùng thí dụ đưa tay lên và hỏi ngài A-nan: Ông thấy không? Ngài A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, thấy. Phật để tay xuống lại hỏi: Ông thấy không? Ngài đáp: Bạch Thế Tôn, không thấy. Khi đức Phật đưa tay lên ngài A-nan nói thấy, để tay xuống lại nói không thấy, vậy cái thấy là cái tay phải không? Có cái tay nói có thấy, không tay nói không thấy, như thế đã lầm cái thấy với cái tay mất rồi. Biến cái tay thành cái thấy mà quên mất cái thấy đi, nên Phật mới quở dạy: Đưa tay lên thì ông thấy có cái tay, để tay xuống thì thấy không có tay, chứ đâu phải không thấy. Nếu không thấy làm sao biết không có cái tay? Vì lẫn lộn giữa cái tay và cái thấy, thành ra chúng ta chỉ biết cái có tướng mà quên đi cái không tướng, chả trách chúng ta trôi lăn trong sanh tử!

Đến thí dụ đánh chuông, đức Phật dạy ngài La-hầu-la đánh tiếng chuông "boong" rồi hỏi ngài A-nan: Ông nghe không? Ngài A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, nghe. Tiếng chuông lặng hết, Phật hỏi: Ông nghe không? Ngài thưa: Bạch Thế Tôn, không nghe. Phật lại dạy đánh chuông một lần nữa và hỏi nghe không?

Thưa nghe. Chuông lặng, hỏi nghe không? Thưa không nghe. Nên ngài A-nan bị Phật quở một lần nữa:

- Có tiếng chuông thì ông nghe tiếng chuông, khi tiếng chuông lặng hết thì ông nghe không có tiếng chuông, tại sao lại nói không nghe? Nếu không nghe làm sao biết không có tiếng chuông?

Chúng ta hiện nay cũng lầm lẫn như vậy, có tiếng động nói có nghe, không tiếng động nói không nghe. Vậy là chúng ta đã đồng hóa tiếng động thành cái nghe, nên quên mất cái hay nghe, tức là quên mình. Kỳ thật tiếng động có sanh có diệt, còn cái hay nghe không diệt không sanh; song chúng ta lại chấp cái sanh diệt là mình, mà quên đi cái không sanh diệt, quên đi cái vô tướng vô sanh. Chỗ này rất là tế nhị, chúng ta phải hiểu cho thật rõ, nếu không sẽ lầm chấp mà quên mất mình. Vì thế muốn dẹp trừ có trụ có diệt, trước nên vô tướng vô sanh, phải nhận ra cái vô sanh mới diệt trừ được cái trụ diệt.

Thấy sanh niệm nơi vọng niệm là mờ, khởi thủy giác nơi bản giác là lợi. Thấy sanh niệm nơi vọng niệm nghĩa là đang yên tĩnh bỗng dấy lên một niệm, gọi là sanh niệm, niệm đó che mờ bản giác. Vì mỗi niệm khởi là một hạt bụi, nếu niệm khởi liên miên thì có rất nhiều hạt bụi. Tánh giác giống như mặt gương, một hạt bụi dính vào thì gương mờ đi một chút, nếu nhiều hạt liên tục, lớp lớp phủ lên gương, thì gương sẽ bị mờ đi không sáng nữa. Cũng như vậy, nếu niệm khởi liên miên thì mặt gương trí tuệ bị mờ tối. Thế nên chúng ta tu

buông vọng niệm là để cho những hạt bụi vọng tâm đừng tiếp tục dấy lên. Nếu chúng ta dứt được vọng niệm thì tánh giác của mình được sáng tỏ không bị lu mờ.

Khởi thủy giác nơi bản giác là lợi, tại sao? Vì tất cả chúng ta ai cũng có bản giác, tức là tánh giác sẵn có, trong sáng. Khởi lên thủy giác nơi bản giác là có lợi cho chúng sanh. Khởi thủy giác tức là biết xoay chiếu lại, thủy giác là cái sáng xoay lại, từ chuyên môn nhà thiền gọi là hồi quang. Xoay ánh sáng thủy giác thì sẽ có lợi cho mình, cho nên chỗ chúng tôi nói *biết vọng*, chính là dụng của trí, gọi là thủy giác, chứ không phải là cái động của vọng tưởng. Chúng ta không biết nên nói *biết vọng* cũng là động, song không ngờ cái đó là trí, là thủy giác. Thế nên ngài Trần Thái Tông nói: *Thấy sanh niệm nơi vọng niệm là mờ, khởi thủy giác nơi bản giác là lợi.* Phật dạy chúng ta tu là phải quán, quán chiếu tức là thủy giác. Thí dụ như Phật dạy: quán thân bất tịnh, quán tâm vô thường v.v..., đó là thủy giác, chứ không phải là cái động, cái tạm bợ. Chính thủy giác loại bỏ những mê lầm, làm cho bản giác được trong sáng. Vậy thủy giác rất là hữu ích, nên nói là có lợi.

Chuyển các tình thức vào thức am-ma-la (āmra vijñāna). Trong các kinh Nguyên thủy chỉ nói sáu thức: nhãn, nhĩ, tỹ, thiệt, thân và ý. Bên Đại thừa nói tới tám thức, ngoài sáu thức còn thức mạt-na (mānas) và thức a-lại-da (ālaya). Riêng trong kinh Kim Cang Tam-muội này nói thêm thức thứ chín là thức am-ma-la.

Sáu thức ai cũng hiểu rõ, như mắt duyên với sắc trần khởi phân biệt gọi là nhãn thức, tai xúc chạm với

thanh trần khởi phân biệt gọi là nhĩ thức v.v..., cho đến ý duyên với pháp trần dấy khởi phân biệt buồn vui thương ghét, gọi là ý thức.

Thức thứ bảy là thức mạt-na, cũng gọi là ý hay ý căn, cũng có tên là truyền tống thức. Thức này có công năng truyền tống (như ông tống thư văn), nghĩa là thâu thập những gì của sáu thức trước và dồn vào thức thứ tám là thức a-lại-da hay là tàng thức. Thức thứ sáu hay ý thức, khi có khi không, khi dấy lên hoạt động, khi lắng xuống ẩn vào mạt-na, nên gọi mạt-na là ý căn, tức là gốc của ý. Thức mạt-na không có công dụng nhiều, chỉ bám vào thức thứ tám làm ngã.

Thức thứ tám gọi là a-lại-da, Trung Hoa dịch là tàng thức, tức là kho chứa đựng. Thức a-lại-da chứa để dành tất cả những gì mắt thấy tai nghe v.v..., gọi chung là chủng tử hay hạt giống. Thức a-lại-da chứa đựng tất cả chủng tử thiện ác tốt xấu v.v..., không lựa chọn, không chê khen. Khi các chủng tử trồi lên (hiện hành) thì chúng ta nhớ biết lại. Vì thức a-lại-da chứa tất cả chủng tử nên còn gọi là tàng thức.

Thức thứ chín là gì? Thức thứ chín cũng không ngoài thức thứ tám. Theo kinh Lăng-già, thức thứ tám gọi là Như Lai tàng, thức thứ chín gọi là Không Như Lai tàng. Như Lai tàng tức là kho của Phật (hay kho Như Lai). Thức thứ tám không có mất, vì nó chứa lẫn lộn những chủng tử thiện ác nên nó mang chúng ta đến các nơi theo nghiệp chủng tử chứa trong nó. Hiện giờ chúng ta tu là để loại sạch hết những chủng tử, để tàng thức

được hoàn toàn trong sạch, không còn một chủng tử nào tạp nhạp, khi ấy thức này có tên là thức am-ma-la, tức là thức thứ chín. Thức am-ma-la, Trung Hoa dịch ra nhiều tên như: thanh tịnh thức hay vô cấu thức, chân như thức, Như Lai tạng thức hay là bạch tịnh thức. Bạch là trắng, tịnh là sạch. Tuy có nhiều tên nhưng cùng một nghĩa thanh tịnh. Nói tóm lại thức thứ tám khi chứa các chủng tử tạp nhạp gọi là tàng thức, khi loại hết tất cả chủng tử gọi là am-ma-la thức hay bạch tịnh thức. Tuy có tên thức thứ chín nhưng thật sự nó chỉ là thức thứ tám sạch hết các chủng tử. Hiểu rõ như vậy mới thấy ý nghĩa ngài Trần Thái Tông nói: *chuyển các tình thức vào thức am-ma-la*, nghĩa là xoay các tình thức trở về chỗ thanh tịnh, tức là trở về thức am-ma-la.

Quên đầu không đoái thân mình, duỗi tay dắt về nơi thật tế. Quên đầu là một câu chuyện trong kinh Lăng-nghiêm, Phật kể lại: Có chàng Diễn-nhã-đạt-đa, một buổi sáng cầm gương soi mặt, thấy đầu mặt đàng hoàng, úp gương lại đầu mặt mất tiêu, hốt hoảng phát cuồng, ôm đầu bỏ chạy cùng xóm làng và la: "Tôi mất đầu rồi! Tôi mất đầu rồi!" Đây là câu chuyện *quên đầu*. Chúng ta hiện giờ có giống Diễn-nhã-đạt-đa không? Nếu nhớ bản giác hiện tiền thì không giống, bằng không nhớ, đó là quên đầu. Tất cả chúng ta có cái chân thật mà quên đi, giống như chàng Diễn-nhã-đạt-đa thấy bóng trong gương cho là thật mà quên cái đầu thật của mình. Cũng như vậy, chúng ta có tâm thể thanh tịnh bất sanh bất diệt nhưng chúng ta quên đi, cứ nghĩ điều này việc kia, cho cái suy nghĩ là tôi. Khi dừng nghĩ, lại nói:

Tôi đâu mất rồi! Giống như Diễn-nhã-đạt-đa nói mình mất đầu, không ngờ cái đầu thật vẫn còn đây! Khi vọng tưởng lặng, chính là tâm thể thanh tịnh hiện tiền, có mất đi đâu mà nói tôi không có tâm!

Ở đây nói *quên đầu không đoái thân mình*, nghĩa là đầu mình sờ sờ mà quên không nhớ. *Duỗi tay dắt về nơi thật tế*, với những người *quên đầu*, đức Phật duỗi tay dẫn họ trở về, chỉ cái chân thật để cho họ đừng hoảng sợ phát cuồng ôm đầu bỏ chạy.

Nếu chấp ngoại trần duyên hợp là có, liền bàn chân tánh vốn không và tam tướng không quan hệ, Tứ thiền làm gì có? Đối với người chấp ngoại trần duyên hợp cho là có thật, đức Phật liền nói cho họ biết chân tánh vốn không, tức là chân tánh của mình vốn không có các trần, không có các trần thì ba tướng sanh trụ diệt không quan hệ, Tứ thiền làm gì có? Tứ thiền là Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền cũng không phải thật, tức là chỉ cho chúng ta trở về chỗ cứu cánh.

Hòa các vị thành vô thượng vị, đùa các dòng thành dòng sông bất nhị. Hòa các mùi vị chuyển thành vị vô thượng, là nói đức Phật khéo đem tất cả pháp hòa lại rồi hướng dẫn chúng ta đến chỗ cứu cánh chân thật; cũng như đem các mùi vị hòa hợp lại để thành một vị hơn tất cả. Đùa các dòng thành dòng sông bất nhị, nghĩa là trên các con sông, mỗi sông có nhiều chi nhánh khác nhau, bây giờ ngài dồn các chi nhánh lại thành một dòng sông bất nhị. Đó là nói ý của kinh Kim Cang Tam-muội.

Xoay chuyển vọng tâm biến kế, tiếp nhập thức Như Lai tàng, bao gồm hiển bày một tâm. Những sách Duy thức học có nói về ba tánh: biến kế sở chấp tánh, y tha khởi tánh và viên thành thật tánh. Biến kế sở chấp tánh là tánh hư vọng chấp sai lầm. Thí dụ như ban đêm đi đường, trời tối lờ mờ, chúng ta thấy sợi dây luột tưởng là con rắn, hoảng sợ bỏ chạy. Y tha khởi tánh là nương nơi cái khác để thấy biết, đó là nói lên lý nhân duyên. Tức là chúng ta mượn cây đuốc để soi đường, thấy rõ đây là sợi dây thì chúng ta không còn sợ nữa mà chỉ cười cái ngu khi nãy. Viên thành thật tánh là tánh thấy rõ tròn đủ lẽ thật, như ánh sáng cây đuốc thấy rõ đây là sợi dây.

Chúng ta hiện giờ cũng vậy, vọng tưởng chấp trước đủ việc phải quấy, hay dở, rồi cả ngày sầu muộn lo âu. Thí dụ như một người thân đi xa, có hẹn ngày về. Nhưng đúng ngày hẹn người ấy chưa về, những người ở nhà biến kế sở chấp đủ điều, đặt ra đủ trường hợp nguy hiểm để lo sợ, rối loạn lên. Đó toàn là biến kế, không đúng sự thật, mà tưởng tượng ra, giống như tưởng lầm sợi dây là con rắn rồi hoảng sợ. Tâm vọng tưởng là biến kế sở chấp, chúng ta không nên theo nó, bởi thế ngài Trần Thái Tông nói: *Xoay chuyển vọng tâm biến kế, tiếp nhập thức Như Lai tàng*, nghĩa là xoay vọng tâm trở về với thức Như Lai tàng, *bao gồm hiển bày một tâm*, khi trở về tới chỗ cứu cánh thì chỉ còn một tâm, không có thức nào khác.

Người nhân chấp mà mê, như Man, Thục giữ nhau. Người tùy sai mà ngộ, như Lỗ, Tề một lần đổi. Trong sử Trung Hoa nói rằng: Nước Man và nước Thục là hai nước

nhỏ như hai sừng ốc sên mà cứ đánh nhau mãi, nên hai bên phải giữ nhau. Khi chúng ta mê chấp, cũng giống như hai nước nhỏ kia đánh nhau mãi không dừng. Người tùy sai mà ngộ như Lỗ, Tề một lần đổi. Nước Tề một lần thay đổi thì đến được nước Lỗ, nước Lỗ một lần thay đổi đến được với đạo. Câu chuyện Man Thục đánh nhau có ghi trong sách Trang Tử, chuyện Lỗ Tề là trong sách Luận Ngữ. Ngài Trần Thái Tông dẫn chuyện trong sử sách để nói: Nếu chúng ta mê chấp thì giống như hai nước nhỏ đánh nhau hoài, không có lợi; nếu tùy duyên chuyển biến để tiến tới giác ngộ là giống như nước Lỗ nước Tề, mỗi lần đổi mỗi lần tiến lên.

Sau đây vua Trần Thái Tông nói lên tâm trạng của ngài.

Trẫm xét đức làm chủ cả nước, chăn dắt muôn dân, mỗi khi nghĩ đến gian nan, quên mất sớm tối. Việc tuy hằng vạn, trộm lúc rảnh rang, chăm việc tiếc giờ, học càng tăng tiến. Chữ nghĩa còn ngại chưa rành, đêm đến canh khuya vẫn còn chăm học. Đã đọc sách Khổng Tử, lại xem kinh nhà Phật. Ngài Trần Thái Tông đang làm vua, chăm lo việc nước, chăn dắt muôn dân, bận rộn rất nhiều. Những lúc rảnh rỗi ngài càng gắng học cho tăng tiến. Song e chữ nghĩa chưa thông, nên đêm đã khuya ngài vẫn còn chăm học, xem kinh sách thánh hiền.

Kinh này một phen xem, trăm thứ cảm hứng nảy sanh, tìm tòi chỗ thâm áo, ba nhẩm chín suy. Vừa xem kinh Kim Cang Tam-muội, trăm thứ cảm hứng nảy sanh.

Tìm tòi chỗ sâu kín nhiệm mầu, nhẩm đi nhẩm lại đôi ba lần, suy tới nghĩ lui tám chín lượt.

Gặm nhấm nghĩa vị, thu thập văn hoa, muốn rõ lời Phật, để giúp ích phần nào cho kẻ hậu học. Gặm nhấm nghĩa vị cho thấm, thu thập những lời văn hay trong kinh, cốt sao cho thấu hiểu lời Phật dạy để giúp ích phần nào cho người học đạo đời sau.

Lạm đem cái thấy biết cạn hẹp, hầu mở mang cho đàn vượn ngốc. Câu chuyện đàn vượn ngốc như sau: Ngày xưa ông Thi Công nước Tống nuôi một bầy vượn. Buổi sáng ông cho vượn ăn ba phần, buổi chiều bốn phần, thì mấy con vượn giận dữ la hét. Nhưng khi ông đổi lại, sáng cho ăn bốn phần, chiều ba phần, bầy vượn mừng rỡ không kêu la nữa. Bầy vượn ngốc là như vậy. Ý ngài Trần Thái Tông muốn nói cái hiểu biết của ngài còn cạn hẹp, nhưng vì thương người ngu như bầy vượn ngốc, nên ngài ráng cứu được phần nào hay phần ấy.

Do đó, diễn tả lòng mình, tự làm chú giải. Theo sự hiểu biết của ngài, ngài chú giải kinh này.

Tìm áo nghĩa nơi Long cung, dò lời mầu nơi Thứu lĩnh, nhỏ từng giọt nước trong nguồn chánh giác, bồi từng hạt bụi trên đường chân như. Tìm áo nghĩa nơi Long cung, tức là ngài tìm nghĩa thâm áo nơi những kinh Đại thừa do Bồ-tát Long Thọ xuống Long cung đem về. Dò lời mầu nơi Thứu lĩnh là tìm hiểu nghĩa nhiệm mầu nơi kinh thuộc hệ Pháp Hoa, Phật đã giảng ở núi Linh Thứu. Nhỏ từng giọt nước trong nguồn chánh giác, nghĩa là những lời giải của ngài như những giọt nước nhỏ

rơi trong nguồn chánh giác. Bồi từng hạt bụi trên đường chân như là ngài giải thích cho chúng ta hiểu được chút ít như hạt bụi nhỏ bồi trên đường chân như.

Phát huy u chỉ, mở sáng chân tông, khiến người vừa mở xem, liền thấy nghĩa rõ ràng. Phá giậu phên cố chấp của bọn tà, làm thầy nhóm nghĩa đồ nghi thức. Hiểu được nghĩa chánh của kinh là chúng ta phá được hàng rào của bọn tà giáo và cũng phá cái chấp của nghĩa đồ nghi thức. Nghĩa đồ là nhóm người tu chỉ chấp vào nghĩa mà không hiểu lý. Nghi thức là chỉ những người giữ hình thức nghi lễ mà không đạt được lý đạo cao siêu.

Vọng kiến mênh mang, dần biết hướng chầu phương bắc; đường mê chi chít, tạm biết lối chánh về nam. Những người mang nhiều vọng kiến dần dần biết hướng chầu về phương bắc, tức là hướng về ngôi sao Bắc đẩu. Khi xưa những người đi biển bị lạc hướng thì họ nhắm sao Bắc đẩu để đoán hướng trở về. Ý ngài muốn nói những người có vọng kiến lăng xăng biết hướng trở về chỗ chánh. Đường mê chi chít, tạm biết lối chánh về nam, tức là đường mê rối loạn, muốn đi không lầm đường lạc hướng phải nhờ kim chỉ nam. Vì thế ngài giải thích kinh Kim Cang này cho những người lầm lạc nhờ đó mà thấy rõ lối về.

Để làm chỗ nương cho học giả, mới thấy lòng Trẫm không keo sẻn. Cho nên làm lời tựa. Những điều hiểu biết, ngài muốn đem cho tất cả mọi người cùng hiểu. Vậy mới biết lòng ngài không keo sẻn. Nếu biết mà giấu thì mắc tội xan tham keo kiệt. Thế nên ngài làm lời tựa kinh Kim Cang Tam-muội này.

Đến đây chúng tôi dẫn một vài điểm để chúng ta thấy rõ kinh Kim Cang Tam-muội này nằm trong Đại Tạng, chúng tôi sẽ giải thích. Tuy ngài Trần Thái Tông ngộ kinh Kim Cang Bát-nhã nơi câu *ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*, nhưng ngài lại giảng kinh Kim Cang Tam-muội. Kinh Kim Cang Bát-nhã nằm trong hệ Bát-nhã, còn kinh Kim Cang Tam-muội nằm trong hệ Pháp Hoa, đó là bài kinh số 273 trong Đại Tạng. Kinh Kim Cang Tam-muội chia làm tám phẩm:

- Phẩm thứ nhất là phẩm Tự, Phật kể lại nơi Phật nói pháp.

- Phẩm thứ hai là phẩm Vô Tướng Pháp. Trong phẩm này ngài Bồ-tát Giải Thoát chắp tay bạch Phật, nguyên văn chữ Hán:

Tôn giả, nhược Phật diệt hậu, chánh pháp khứ thế, tượng pháp trụ thế, ư mạt kiếp trung, ngũ trược chúng sanh, đa chư ác nghiệp, luân hồi tam giới, vô hữu xuất thời. Nguyện Phật từ bi, vị hậu thế chúng sanh, tuyên thuyết nhất vị quyết định chân thật, linh bỉ chúng sanh đẳng đồng giải thoát.

Nghĩa là ngài Bồ-tát Giải Thoát hỏi Phật: *Tôn giả (kinh khác thường gọi đức Phật là Thế Tôn, còn ở đây gọi là Tôn giả), nếu sau khi Phật diệt độ, thời chánh pháp qua rồi, hiện nhằm thời tượng pháp, ở thời mạt pháp chúng sanh có đủ năm thứ trược, phần nhiều nghiệp ác luân hồi trong tam giới không khi nào ra được. Nguyện Phật thương xót vì chúng sanh đời sau, tuyên nói nghĩa nhất vị quyết định chân thật, khiến chúng sanh kia đồng được giải thoát.*

Phật ngôn: Thiện nam tử, nhữ năng vấn ngã, xuất thế chi nhân, dục hóa chúng sanh, linh bỉ chúng sanh hoạch đắc xuất thế chi quả, thị nhất đại sự bất khả tư nghì. Dĩ đại từ cố, dĩ đại bi cố, ngã nhược bất thuyết tức xan lẫn tham. Nhữ đẳng nhất tâm đế thính, đế thính vị nhữ tuyên thuyết.

Phật bảo: Ông hỏi câu đó rất là quý... Vì thương xót chúng sanh, nếu ta không nói thì mắc tội tham lam bỏn sẻn, nên ta sẽ vì ông nói, hãy gắng nghe.

Thiện nam tử, nhược hóa chúng sanh, vô sanh ư hóa, bất sanh vô hóa, kỳ hóa đại yên. Linh bỉ chúng sanh, giai ly tâm ngã, nhất thiết tâm ngã, bản lai không tịch. Nhược đắc không tâm, tâm bất huyễn hóa, vô huyễn vô hóa, tức đắc vô sanh, vô sanh chi tâm, tại ư vô hóa.

Đức Phật chỉ nghĩa quyết định chân thật, ngài nói: *Nhược hóa chúng sanh, vô sanh ư hóa*, nếu chúng ta muốn giáo hóa chúng sanh thì không thấy có chúng sanh để giáo hóa. *Bất sanh vô hóa, kỳ hóa đại yên*, không có chúng sanh, không có người giáo hóa, thì giáo hóa đó mới lớn vậy. Nghĩa là muốn giáo hóa chúng sanh đến chỗ giải thoát thì phải thấy chúng sanh không thật, thấy mình không thật. Trái lại, thấy mình thật thấy chúng sanh thật thì giáo hóa không lớn, tại sao? Vì thấy mình thật là ngã, thấy chúng sanh thật là nhân, thấy có ngã có nhân là sự giáo hóa không lớn. Thí dụ giáo hóa được một trăm người thì nói tôi được một trăm đệ tử. Như vậy tôi là thầy, đệ tử thuộc về tôi

nên cái ngã to ra. Nếu giáo hóa được một ngàn đệ tử, mười ngàn đệ tử thì cái ngã to đến mức nào! Thế nên giáo hóa càng nhiều thì chấp ngã càng lớn, nếu còn thấy mình thật người thật. Kinh dạy giáo hóa tất cả mà không thấy có mình hay hóa, có người bị hóa, mình người đều không thật, đó mới là thật lớn. Nếu thấy có mình thật người thật thì không bao giờ giải thoát. Muốn được giải thoát không bị trầm luân tức phải không thấy có thật mình thật người.

Linh bỉ chúng sanh, giai ly tâm ngã, nhất thiết tâm ngã, bản lai không tịch. Khiến cho chúng sanh kia đều lìa tâm chấp ngã. Tất cả tâm chấp ngã xưa nay là rỗng lặng. Đó mới là giáo hóa hay nhất. Chữ *không tịch* này tôi tạm giải thích cho quý vị hiểu. Thí dụ như tôi đưa bàn tay lên co năm ngón lại, đây là nắm tay. Thử hỏi hiện giờ thật có nắm tay hay không, nếu nói không, chúng ta có bằng lòng chăng? Thế mà đức Phật lại nói là không, nắm tay là không tịch. Nói có nói không là theo con mắt chúng ta thấy; nhưng với mắt trí tuệ Bát-nhã, Phật nói nắm tay là không tịch, lặng lẽ. Tướng nắm tay tuy hiện hữu, nhưng nhìn với mắt trí tuệ chỉ là năm ngón co lại, giả danh đặt là nắm tay chứ nó có thật đâu. Do co năm ngón lại thành có, vậy là do duyên hợp tạm có thì nắm tay không thật có. Nó là không tịch.

Không này là thể không, chứ không phải là con mắt thấy không. Thể nắm tay là không, do duyên hợp tạm có, duyên tan thì mất. Như tôi buông năm ngón tay ra thì đâu có nắm tay, vậy khi tạm có mà nói là thật đó là sai lầm. Nhìn bằng trí tuệ biết nắm tay giả có,

thể nó không tịch, là đúng lẽ thật. Khi năm ngón rời ra, nắm tay không có thì năm ngón là có hay không? Trong kinh Nguyên thủy, Phật dạy *thân này vô ngã*, vô ngã là không chủ thể, tại sao? Thân này do năm uẩn hợp, năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nếu năm uẩn rời ra thì thân này không còn, giống như năm ngón tay hợp lại thì có nắm tay, rời ra thì không có nắm tay. Nhưng qua hệ Bát-nhã *chiếu kiến ngũ uẩn giai không*, nghĩa là ngã của năm uẩn hợp lại là không và năm uẩn cũng không luôn, giống như năm ngón tay rời ra cũng không. Thật là khó hiểu. Thử phân tích từng ngón tay xem, đây là xương, thịt, máu, gân, da bọc lại. Năm phần này rời ra thì không có ngón tay. Từ nắm tay, ngón tay nhìn lại con người, Phật nói thân này do năm uẩn hợp lại thì không thật, thân này không thật thì năm uẩn cũng không thật.

Phật nói không thật vì ngài giác, còn chúng ta nói thật vì ngu mê. Thế mà ai nói mình ngu thì sân si nổi dậy, như vậy mới thấy chúng ta ngu si quá mức. Thế nên con đường tu không phải khó, mà khó vì si mê muôn kiếp không bỏ được. Học Phật là học bằng trí tuệ. Trong mười hai nhân duyên, nhân duyên đầu tiên là vô minh (đen tối) cho nên Phật dạy muốn giải thoát chỉ có giác ngộ, chỉ có ánh sáng trí tuệ mới phá trừ vô minh. Thí dụ như trong cái nhà tối không có đèn, muốn đuổi bóng tối, đổ cát đất vào nhà được không? Nhọc công vô ích. Chỉ cần thắp một ngọn đèn, công phu không bao nhiêu mà kết quả tròn đủ. Vì thế người tu gốc là phải giác ngộ, giác thì hết mê, có trí tuệ thì hết vô minh.

Thấy bằng trí tuệ chứ không thấy bằng vọng tình, nhìn người nam cũng là năm uẩn hợp lại hư dối, người nữ cũng năm uẩn hợp lại hư dối, năm uẩn bình đẳng không ai hơn ai kém. Thấy như vậy thì nhẹ biết bao nhiêu. Đây là nói về tướng. Đến tánh giác hay chân tâm, ai cũng có như nhau không khác. Thấy được như vậy thì còn gì điên đảo, tất cả nghiệp đều tan như mây khói, chúng ta mới thấy cái hay của phẩm này.

Đến một đoạn nữa, kinh này có cái hay giống với hệ Pháp Hoa. Trong kinh Pháp Hoa đức Phật có nói dụ Hệ châu, tức là hạt châu vô giá cột trong chéo áo. Có một người đến thăm bạn cũ, hai huynh đệ dùng bữa tiệc. Anh bạn nghèo say rượu nằm ngủ, anh kia còn tỉnh, mới lấy hạt châu báu cột trong chéo áo cho người bạn rồi có việc phải đi. Người bạn nghèo lang thang đầu đường xó chợ xin ăn. Lâu sau người bạn cũ gặp lại mới nói: Ngày xưa tôi có cột trong chéo áo anh một hạt châu, sao anh không lấy ra bán, thành người giàu có, tội gì phải đi xin ăn? Anh bạn nghèo nghe vậy mừng rỡ, mở chéo áo lấy được hạt châu thành người giàu có, ngay đó anh hết khổ. Đây là dụ Hệ châu trong kinh Pháp Hoa. Còn trong kinh Kim Cang Tam-muội, đức Phật lại dùng một thí dụ khác cũng cùng ý nghĩa. Phật nói có một anh chàng mê, người cha cho một số tiền vàng để trong túi áo, nhưng vì mê không biết, anh đi lang thang nghèo khổ. Năm mươi năm sau, người cha gặp lại nói: Hồi xưa cha cho con một số tiền vàng để trong túi áo, sao con không lấy ra xài, lại đi ăn mày lang thang khổ sở như vậy? Anh chàng giật mình sờ lại

thấy túi đầy vàng. Anh lấy vàng ra bán, thành người giàu có sang trọng.

Khi Phật nói dụ như vậy, Bồ-tát Vô Trụ mới hỏi Phật: Người cha của người mê kia tại sao để cho con đi lang thang khổ sở đến năm mươi năm sau mới chỉ. Nếu biết con mình trong túi có vàng thì chỉ cho nó dùng cho đỡ khổ, tại sao đợi tới năm mươi năm? Đức Phật trả lời.

Phật ngôn: Kinh ngũ thập niên giả, nhất niệm tâm động, thập phương du lịch, viễn hành biến kế.

Trải qua năm mươi năm là dụ cho một tâm động niệm thì dạo đi mười phương khắp tất cả chỗ. Chỉ một niệm động tâm liền vào ngũ uẩn rồi tiếp tục sanh. Đó là tượng trưng cho cái mê năm mươi năm.

Vậy kinh Kim Cang Tam-muội này đi đôi với kinh Pháp Hoa vì có mấy thí dụ gần nhau, nên không nằm trong hệ Bát-nhã mà nằm bên hệ Pháp Hoa. Đó là chúng tôi giải thích đại khái cho quý vị được rõ.

NÓI RỘNG
MỘT ĐƯỜNG HƯỚNG THƯỢNG

Chánh văn:

Bàn Sơn để lời rằng: "Một con đường hướng thượng ngàn thánh chẳng truyền, học giả nhọc hình như khỉ bắt bóng." Khiến người học các nơi thảy nhằm trên đầu đường này mà tham lấy ý thiền. Thử hỏi các ông, ý thiền làm sao tham? Nếu là tham được việc ấy, lại như kẻ ngu trên đầu thêm đầu, dưới đuôi thêm đuôi, trong mắt thêm bụi, trên thịt thêm bướu. Nói đến thì môi méo miệng lệch, nhìn đến thì tròng mắt rơi rớt. Đức Phật liếc mắt làm ngơ, tổ Đạt-ma chau mày bỏ mặc, Mã Tổ treo phất tử, Thủ Sơn giấu trúc bề, Triệu Châu xé rách áo vải, Vân Môn dẹp bỏ bánh hồ, Đức Sơn ném phắt cây gậy, Lâm Tế im hơi. Phật Phật tổ tổ đều ẩn dấu, người người đều tan mật. Dùi không thể vào, kim không thể dung, đầu đồng cũng không thể tiến được, trán sắt vọt cũng chẳng thủng. Lửa nháng còn không đuổi kịp,

điện xẹt cũng còn sau đuôi. Tịnh ngộ thì chìm trong làng say, động mê thì đi trên đường sanh tử. Giả sử được phó chúc trên hội Linh Sơn trọn là một trường bày vẽ, Thiếu Thất truyền riêng cũng là hang dây bò. Mặc dù ông có cơ dường điện chớp, tiếng hét liền ngộ, nói thao thao như dòng nước chảy, câu thoại đầu liền tiến được, tham qua tham lại, lâu ngày chầy tháng, trên miệng tạm có chút ít lưu loát, đâu khỏi thân vẫn ở trong hang ổ.

Này các người! Đến trong đây cũng chẳng được bỏ qua một bước, nếu không người học phóng mắt nhìn bờ thẳm rất khó bề tiến bước. Hôm nay tôi vì tất cả các người, chẳng khỏi vuốt râu trên miệng cọp, bước khỏi đầu sào. Chỗ nói gió khua tùng vang, chỗ nín trăng rọi đầm trong. Khi đi thì mây bay nước chảy, lúc đứng thì non yên núi vững. Lời lời là kế sống đức Thích-ca, câu câu vốn gia phong tổ Đạt-ma. Buông đó thì chữ bát mở toang, nắm đó thì một cửa không kẽ hở. Tại trong hang quỷ làm lầu các Di-lặc, ở dưới hắc sơn chẳng khác cảnh giới Phổ Hiền. Chốn chốn là Đại quang minh tạng, cơ cơ đều bất nhị pháp môn. Mặc cho tối đi sáng lại, ngại gì mây che trăng khuất. Minh châu trong tay, xanh thì rọi xanh, vàng thì rọi vàng; gương sáng trên đài, Hồ đến hiện Hồ, Hán đến hiện Hán. Đâu quan hệ gì thân huyễn, trọn là pháp thân. Chẳng nhọc trên đảnh phóng quang, vốn đủ sáu thông thần dụng. Hất nhào cung điện Ma vương, lột trần tâm can ngoại đạo. Biến đại địa thành thế giới hoàng kim, khuấy trường hà làm tô lạc cho người trời.

Trong lỗ mũi pháp luân thường chuyển, dưới chân mày chùa báu hiện tiền. Trên sóng gái đá múa điệu Bà sa, người gỗ thổi sáo ca khoản đãi. Hoặc gặp trường thì đùa cợt, hoặc được chỗ thì mở rộng lòng. Hoặc duỗi tay dìu dắt, hoặc quay về núi rừng. Khi lười biếng thì ngủ mây gối đá, khi hứng thú thì vịnh gió ngâm trăng. Dạo chơi nơi quán rượu phòng trà, cười đùa nơi bờ hoa rặng liễu. Hoa vàng rợp rợp đều là tâm Bát-nhã, trúc biếc xanh xanh vốn thật lý chân như. Vạch cỏ hiện bản lai diện mục, đào đất dứt đường hiểm tử sanh. Xoay đầu ngựa sắt đánh lôi về, xỏ mũi trâu đất dẫn đi hành cước. Chẳng cùng muôn pháp làm bạn, ai bảo một vật vẫn còn? Phật cũng phi, tâm cũng phi; chân cũng vào, giả cũng vào. Ngoài cửa tam yếu mặc tình hét hai làm ba, chữ thập đầu đường tha hồ gọi chín làm mười. Sáo không lỗ thổi bản vô sanh, đàn không dây khảy bài khoái hoạt (vui sống). Kia nơi nơi chẳng phải tri âm, đây chốn chốn đâu cho nghe lỏm.

Chỉ một con đường hướng thượng xưa nay làm sao nói? Hét! Lửa này chưa từng đốt miệng. Lắng nghe! Lắng nghe! Nếu nghe được lời này thì tai điếc ba ngày; nếu nghe chẳng được, chạy qua nhanh. Lại trao cho chăng?

Chốn chốn dương xanh nên cột ngựa,
Nhà nhà có lối thẳng Trường An.
Trở về dưới nguyệt người ít đến,
Một ánh trăng soi lạnh mọi miền.

Giảng:

Bàn Sơn để lời rằng: Một con đường hướng thượng ngàn thánh chẳng truyền, học giả nhọc hình như khỉ bắt bóng. Bàn Sơn là thiền sư Bảo Tích ở Bàn Sơn, một trong tám mươi bốn vị Thiện tri thức đệ tử của Mã Tổ Đạo Nhất. Vì sao chư thánh chẳng truyền con đường hướng thượng? Vì đó là con đường mỗi người tự đi, tự có, không ai trao cho ai được. Học giả nhọc hình như khỉ bắt bóng, người học suy nghĩ tìm hiểu chỉ là nhọc nhằn không có kết quả gì, giống như con khỉ thấy bóng thì chụp nắm, rốt cuộc chỉ nhọc công vô ích thôi.

Như thế con đường hướng thượng chúng ta không thể trông cậy vào bậc thầy truyền cho mình, hay thiện tri thức chỉ cho mình, mà mỗi người phải tự quay lại, tự nhận ra. Đó là ý thâm trầm của câu này. Nhưng ngài Trần Thái Tông khéo diễn tả cho chúng ta thấy cái không thể chỉ được.

Khiến người học các nơi thảy nhằm trên đầu đường này mà tham lấy ý thiền. Thử hỏi các ông, ý thiền làm sao tham? Nghe nói có con đường hướng thượng, mọi người cứ ngay đó mà tham cứu để tìm cho ra ý thiền. Nhưng ý thiền không thể tham cứu, không thể tìm ra được.

Nếu là tham được việc ấy, lại như kẻ ngu trên đầu thêm đầu, dưới đuôi thêm đuôi, trong mắt thêm bụi, trên thịt thêm bướu. Nếu tham được ý thiền, giống như kẻ ngu trên đầu lại thêm một lớp đầu, dưới đuôi lại thêm một đuôi nữa, con mắt để bụi vào, trên thịt thì thêm bướu. Chỗ này không thể do tham cứu mà đến được, nếu đến được đó là chuyện thừa, không có lợi ích, không có nghĩa lý gì.

Tại sao? Tham cứu được ý thiền thì thiền là cái ở ngoài, bị chúng ta tìm ra, cái đó không phải là mình. Thí dụ như có người già sắp chết dặn con: "Cha có chôn hũ vàng ở giữa gian nhà, khi cha chết, con đào lên lấy." Người cha chết, đứa con đào tìm được hũ vàng. Vậy hũ vàng không phải là nó, nếu là nó thì nó không tìm thấy.

Chỗ này quý vị phải lắng lặng tâm tư chứ không thể suy gẫm hiểu theo thế thường. Nếu Thiền là cái chúng ta nghiên cứu tìm ra, thấy được, hẳn nó không phải là mình, vì chúng ta chỉ thấy những gì bên ngoài chứ không thể thấy được mình! Như con mắt không bao giờ tự thấy con mắt, mà chỉ thấy bàn, ghế, ly, tách trước nó. Nếu mắt tự thấy là thấy bóng trong gương. Thiền tông nói thiền là nói thẳng tâm thể sẵn có của chúng ta, nó là chúng ta. Nhưng chúng ta làm sao biết? Thí dụ tôi có con mắt, có người hỏi mắt Thầy sáng hay tối, làm sao tôi biết? Tôi nhìn thấy sự vật, tôi tự biết mắt tôi sáng, nếu nói tôi thấy con mắt tôi sáng là nói sai. Biết mắt sáng là do mắt thấy sự vật chung quanh. Nếu không thấy được sự vật thì biết mắt tối. Đó là do qua vật đối diện bên ngoài mà nhận ra, chứ không phải thấy được con mắt. Vậy nếu người nào nói tôi thấy con mắt tôi sáng thì người đó không sáng suốt chút nào. Thế nên nói, nếu tham cứu được ý thiền thì chẳng khác nào kẻ ngu trên đầu thêm đầu... đó là làm chuyện thừa, vì tưởng thiền là cái gì ở bên ngoài, không ngờ thiền là chỉ cho tâm thể sẵn có của mình. Từ tâm thể khởi ra cái biết các sự vật, nay nói mình biết lại tâm thể đó thì thật vô lý. Chúng ta nhận ra mình có tâm thể là do chúng ta nhận biết được sự vật. Có biết do có tâm thể,

cũng như có thấy do mắt sáng. Hiểu rõ ý này thì những đoạn sau cũng dễ hiểu.

Nói đến thì môi méo miệng lệch. Ai nói đến được cái đó thì môi có tật, miệng lệch qua một bên. Tại sao? Vì tham cứu thuộc về tâm thức, không thể lấy tâm biết tâm được. Tham cứu không được thì nói cũng không được, nên nói thì sanh bệnh, môi méo miệng lệch. Tâm thể không dấy niệm, nói thì phải khởi nghĩ tức là dấy niệm nên mất tâm thể, đó là điều thứ nhất. Thứ hai là ngôn ngữ thành lập trên phương diện đối đãi, có đen mới nói trắng, có tối mới lập sáng v.v... Tâm thể là cái không đối đãi, dùng cái đối đãi để diễn tả không thể được.

Nhìn đến thì tròng mắt rơi rớt. Trong nhà thiền, người ta thường hiểu lầm kiến tánh là thấy tánh. Thật ra kiến tánh là nhận ra mình có thể tánh, nhận một cách đúng đắn không nghi ngờ giống như mình thấy nên gọi là kiến tánh. Nếu thấy tánh của mình thì tánh đó không phải là mình, nên nói nhìn đến thì tròng mắt rơi rớt. Vậy trên ba phương diện, một là tham cứu, hai là nói đến, ba là nhìn đến, cả ba đều không thể dùng đối với con đường hướng thượng. Kẻ phàm đã như vậy, Phật tổ thì thế nào?

Đức Phật liếc mắt làm ngơ, tổ Đạt-ma chau mày bỏ mặc. Tại sao đức Phật cũng không thấy, không nói được? Đức Phật chứng được lục thông, trong đó có Tha tâm thông, nghĩa là biết được tâm người khác. Biết tâm nào? Tức tâm khởi niệm, tâm vọng tưởng chứ không phải tâm chân thật, tâm vô niệm. Chỗ không khởi niệm đức Phật cũng không thấy được nên liếc mắt làm ngơ;

tổ Đạt-ma chau mày bỏ mặc. Tổ chau mày bỏ mặc, không nói được cũng không chỉ được.

Ngài dẫn các tổ: *Mã Tổ treo phất tử, Thủ Sơn giấu trúc bề, Triệu Châu xé rách áo vải, Vân Môn dẹp bỏ bánh hồ, Đức Sơn ném phắt cây gậy, Lâm Tế im hơi. Phật Phật tổ tổ đều ẩn dấu, người người đều tan mật.*

Các thiền sư sau này, như Mã Tổ Đạo Nhất, ai đến hỏi thiền thì ngài đưa phất tử lên, nhưng đến chỗ chân thật này, phất tử không còn hữu dụng nên *treo phất tử.*

Thủ Sơn giấu trúc bề, trúc bề là cái thẻ tre như cây thước, thường thuở xưa các tổ hay để trên bàn, ai tới cũng đưa thẻ tre lên giống như đưa phất tử. Thủ Sơn là thiền sư Tỉnh Niệm, cũng gọi là Niệm Pháp Hoa, đệ tử của thiền sư Phong Huyệt, cháu bốn đời của tổ Lâm Tế. Ngài thường để cây trúc bề trên bàn. Một hôm giữa đại chúng, ngài đưa trúc bề lên hỏi:

- Nói trúc bề là phạm, nói không phải trúc bề là trái, các ông thử nói xem?

Nói trúc bề là phạm húy, còn không nói trúc bề thì trái lẽ thật. Đó là thuật của các thiền sư, nhưng đến chỗ này rồi cây trúc bề cũng giấu luôn, không đem ra dùng được.

Triệu Châu xé rách áo vải. Triệu Châu tức là thiền sư Tùng Thẩm ở thành Triệu Châu. Một hôm có người hỏi ngài:

- Muôn pháp trở về một, một về chỗ nào?

Ngài nói:

- Tôi ở Thanh Châu có may một áo vải nặng bảy cân.

Nhưng đến chỗ này cũng không thể nói, nên nói Triệu Châu xé rách áo vải.

Vân Môn dẹp bỏ bánh hồ. Vân Môn là ngài Văn Yển ở chùa Vân Môn, từ Thiều Châu lên đó khoảng sáu mươi cây số, gần với chỗ của Lục Tổ. Bánh hồ (hồ bính) là loại bánh làm bằng bột trộn chung với mè (miền Bắc là vừng) cộng thêm đường. Một hôm có người hỏi ngài:

- Thưa hòa thượng, câu siêu Phật việt Tổ là thế nào?

Ngài đáp:

- Bánh hồ.

Nhưng đến chỗ này "bánh hồ" của ngài cũng dẹp bỏ luôn.

Đức Sơn ném phắt cây gậy. Đức Sơn là ngài Tuyên Giám ở Đức Sơn, đệ tử của ngài Sùng Tín. Một hôm ra giữa chúng, ngài bảo:

- Nói trúng thì ăn ba gậy, nói không trúng cũng ăn ba gậy, các ông thử nói xem.

Nhưng gặp trường hợp này ngài Đức Sơn cũng phải ném cây gậy đi. Tại sao? Vì chỗ này không thể dùng cái gì để đến được.

Lâm Tế im hơi. Ngài Lâm Tế mỗi khi ai bước tới hỏi, hoặc mới bước vào cửa, ngài liền hét. Đến chỗ này ngài cũng im hơi không hét được.

Như vậy tất cả thủ thuật đặc biệt của các thiền sư để đánh thức đồ chúng đều không đến chỗ chân thật này được, nên đều không dùng.

Phật Phật tổ tổ đều ẩn dấu, người người đều tan mật. Cái chân thật này Phật tổ hay người nào đều không thể chỉ hay nói cho người khác hiểu được, nên không có dấu vết.

Dùi không thể vào, kim không thể dung, đầu đồng cũng không thể tiến được, trán sắt vọt cũng chẳng thủng. Nghĩa là cái chân thật đó dù cho dùng dùi bén dùi cũng không vào được, cây kim tí ti cũng không dung chứa được, dầu cho người có đầu cứng như đồng muốn chui vào cũng không thể được, trán cứng như sắt muốn vọt cho thủng cũng không được. Tóm lại dù cho người có những gì kỳ đặc cũng không thể chạm đến nó được.

Lửa nháng còn không đuổi kịp, điện xẹt cũng còn sau đuôi. Dù nhanh như lửa nháng điện xẹt cũng không theo kịp đến chỗ này.

Tịnh ngộ thì chìm trong làng say, động mê thì đi trên đường sanh tử. Động mà mê thì đó là luân hồi sanh tử, còn người tu được lặng lẽ mà ngộ vẫn còn chìm trong làng say. Tại sao? Vì trong đó không còn đối đãi, tịnh là đối với động, ngộ là đối với mê, động tịnh ngộ mê không còn nữa.

Giả sử được phó chúc trên hội Linh Sơn trọn là một trường bày vẽ. Nơi hội Linh Sơn, Phật đưa cành hoa đồng thời đưa mắt nhìn tứ chúng, thấy chỉ riêng ngài Ca-diếp nhìn Phật mỉm cười, liền đó Phật bảo: *Ta có Chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm... truyền cho Ca-diếp.* Đó là Phật truyền tâm ấn cho ngài Ca-diếp. Nói truyền tâm ấn là truyền cái gì? Thí dụ tôi có cây viết,

muốn cho ai tôi đưa họ, họ nhận, đó là tôi trao cây viết cho người đó. Hoặc tôi có lá y tôi đưa người nhận đó là truyền y. Có cái trao cho, có người nhận mới gọi là truyền. Còn ngài Ca-diếp nhìn lên, thấy Phật đưa cành hoa, mắt nhìn tứ chúng, ngay đó ngài nhận được cái thật của mình. Như tôi đã nói, nhờ thấy được sự vật nên biết mắt mình sáng. Ngài Ca-diếp hội ý Phật muốn nói, ngài mỉm cười, nên Phật bảo Ta truyền cho Ca-diếp. Truyền mà không có gì để truyền nên nói *giả sử được phó chúc trên hội Linh Sơn trọn là một trường bày vẽ*, chứ sự thật không có gì để truyền trao, chỉ tự mình lãnh hội được cái gì của mình mà Phật muốn chỉ, đó gọi là truyền.

Thí dụ như tôi giảng có người lãnh hội được ý tôi, hiểu tôi muốn chỉ cái gì. Nay tôi không nói, tôi ngồi nhìn, thấy người nào lãnh hội được là người đó hiểu tôi muốn nói điều gì, người đó đồng tâm niệm với tôi, đồng với nhau nên gọi là truyền trao tâm ấn. Tâm này với tâm kia giống nhau gọi là ấn. Ấn là in, trong con dấu có chữ gì in xuống giấy có chữ ấy không sai. Tâm của người đệ tử, tâm của vị thầy thông cảm nhau không khác, gọi là truyền tâm ấn. Nay vì không biết nên nhiều người bày đủ chuyện như vào phòng kín truyền tâm ấn, gây mê tín dị đoan, làm những việc trái đạo lý. Hiểu như vậy mới thấy trọng tâm của Thiền.

Thiếu Thất truyền riêng cũng là hang dây bò. Đến tổ Đạt-ma truyền y cho tổ Huệ Khả tại Thiếu Thất cũng là dây bò miệng hang không có gì thật. Nói truyền thừa chỉ là một lối nói, không phải thật có vật để truyền trao.

Mặc dù ông có cơ dường điện chớp, tiếng hét liền ngộ, nói thao thao như dòng nước chảy, câu thoại đầu liền tiến được, tham qua tham lại, lâu ngày chầy tháng, trên miệng tạm có chút ít lưu loát, đâu khỏi thân vẫn ở trong hang ổ. Dù cho chúng ta có cơ nhạy bén, nghe một câu hoặc một tiếng hét liền ngộ, tự cho là đủ rồi nói dọc nói ngang, cũng chưa ra khỏi sanh tử. Lại như những người nghiên cứu thoại đầu, bỗng chợt trên miệng tạm có chút ít lưu loát, nói thì hay, *bàn thiền tợ thánh*, lý luận những lời cao xa nhưng *trước cảnh như ngu,* gặp tài sắc thì dính mắc vì chưa sống trọn vẹn với thể chân thật của mình. Như vậy cũng chưa đến nơi đến chốn, nên chưa ra khỏi hang ổ của phiền não sanh tử. Tóm lại, mỗi người sẵn có thể chân thật, khi do một cơ duyên đặc biệt chúng ta lãnh hội được và sống trọn vẹn với thể chân thật ấy mới là chỗ cứu cánh.

Này các người! Đến trong đây cũng chẳng được bỏ qua một bước, nếu không người học phóng mắt nhìn bờ thẳm rất khó bề tiến bước. Đến trong đây là con đường hướng thượng, không được bỏ qua một bước. Nếu bỏ qua là không vào được đất chân thật của mình. Nếu chẳng như thế thì phóng mắt nhìn, thấy khó khăn như thấy bờ vực thẳm, rất khó tiến bước.

Hôm nay tôi vì tất cả các người, chẳng khỏi vuốt râu trên miệng cọp, bước khỏi đầu sào. Nay tôi vì tất cả các người mà làm việc mạo hiểm, bước khỏi đầu sào.

Chỗ nói gió khua tùng vang, chỗ nín trăng rọi đầm trong. Gió khua lá tùng lá thông reo, vang ra tiếng nhưng không có ý. Trăng rọi bóng dưới đầm trong,

đầm và trăng cùng không có ý. Như vậy chỗ nói nín đều không có ý. Chúng ta hiện nay nói nín đều có ý, nên làm việc gì cũng trong điên đảo vọng tưởng. Phải làm sao nói nín đều không mắc kẹt, như gió khua tùng vang, như trăng rọi đầm trong, nghĩa là tất cả cảnh vật bên ngoài có tiếng vang có bóng rọi nhưng đều không có ý.

Khi đi thì mây bay nước chảy, lúc đứng thì non yên núi vững. Mây bay nước chảy, non yên núi vững đều không có ý. Nói nín, đi đứng đều như vậy. Ngài Trần Thái Tông khéo dùng cảnh diễn tả rất hay cái không thể nói được.

Lời lời là kế sống đức Thích-ca, câu câu vốn gia phong tổ Đạt-ma. Lời nào cũng là lời Phật, câu nào cũng là câu của Tổ, chứ không nói lời phàm tục sai quấy. Trái lại lời nào của chúng ta cũng là lời phàm tục, câu nào cũng là câu thế gian. Ngài bảo đến chỗ đó là nói nín đi đứng đều không chen lẫn ý phàm, tất cả đều không ngoài nếp sống của Phật, gia phong của Tổ. Được vậy mới là đúng.

Buông đó thì chữ bát mở toang, nắm đó thì một cửa không kẽ hở. Hai bên chân mày chúng ta giống hình chữ bát (八). Trong nhà thiền hay dùng hình ảnh này, vì dưới chân mày là con mắt, là cái sáng để thầm chỉ tâm. Buông ra tức là cặp chân mày mở trống, con mắt hiện tiền, nên buông đó thì chữ bát mở toang, nắm đó thì một cửa không kẽ hở. Nếu nắm lại thì chỗ đó không có gì chen vào được.

Tại trong hang quỷ làm lầu các Di-lặc, ở dưới hắc sơn chẳng khác cảnh giới Phổ Hiền. Chốn chốn là

Đại quang minh tạng, cơ cơ đều bất nhị pháp môn. Mặc cho tối đi sáng lại, ngại gì mây che trăng khuất. Người đến chỗ tự tại đi đứng nói nín đều không ngoài nếp của Phật tổ, buông nắm toàn là chỗ chân thật. Người đó sẽ có diệu dụng, dù ở hang quỷ vẫn là lầu các Di-lặc, dù trong núi đen cũng là cảnh giới rực rỡ của Phổ Hiền. Như vậy ngay trong cảnh ma là cảnh Phật, ngay trong chỗ tối là chỗ sáng, không phải tìm kiếm đâu xa. Nơi nào cũng là kho Đại quang minh, căn cơ nào cũng là pháp môn bất nhị. Dù cho tối đi sáng lại, mây che trăng khuất, con người tự tại vẫn không bị cảnh bên ngoài làm thay đổi.

Minh châu trong tay, xanh thì rọi xanh, vàng thì rọi vàng; gương sáng trên đài, Hồ đến hiện Hồ, Hán đến hiện Hán. Đã lộ rồi! Nói quanh nhưng đến đây thì thấy rõ. Người đi đứng nói nín tự tại không có một niệm dấy khởi, nói như gió khua tùng vang, nín như trăng rọi đầm trong, đi như mây bay nước chảy, đứng như non yên núi vững v.v..., tất cả đều là nề nếp của Phật của Tổ, người đó có đầy đủ diệu dụng, ở chỗ tối cũng thành sáng, ở chỗ xấu cũng thành tốt. Như vậy người đó có đủ điều kiện để nhận ra cái chân thật sẵn có nơi mình, như hạt minh châu cầm sẵn trong tay, bên ngoài có màu sắc nào thì hiện màu sắc ấy, giống như gương sáng trên đài, người Ấn đến hiện người Ấn, người Hoa đến hiện người Hoa không sai khác. Nói rõ hơn, trong tất cả trường hợp chúng ta đều không dấy niệm thì tâm chúng ta là cảnh giới thanh tịnh sáng suốt. Thí dụ khoảng một tiếng đồng hồ tâm không khởi niệm, lúc đó chúng ta vui hay buồn? Nói vui buồn là có niệm,

không niệm thì đâu có vui buồn song gương mặt vẫn tươi sáng, không âu sầu.

Quý vị thử nghiệm xem. Không còn niệm xấu tốt đối đãi thì tất cả chỗ đều như nhau, không còn nghĩ nơi đây xấu thì sợ, nơi kia tốt thì tham, nên nói ở trong hang quỷ làm lầu các Di-lặc, ở dưới hắc sơn chẳng khác cảnh giới Phổ Hiền. Khi tâm không khởi niệm, mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, thân vẫn có cảm giác, nhưng thấy nghe và cảm giác đó giống như hạt minh châu sáng, như gương sáng, vật gì đến hiện vật ấy, người đến hiện người, cảnh đến hiện cảnh, không thêm một niệm nào, chứ không phải không còn gì. Thế nên nói xanh thì rọi xanh, vàng rọi vàng, Hồ thì hiện Hồ, Hán hiện Hán, cái nào hiện cái ấy rất trung thực. Đừng nói lúc đó không biết! Không niệm nhưng vẫn biết đầy đủ, biết đúng như thật. Hiện nay chúng ta biết mà không đúng như thật. Nếu người có thiện cảm đến, chúng ta liền thấy vui, người có ác cảm đến liền thấy bực bội. Chúng ta nhìn tất cả mọi người qua lớp thành kiến của mình, thành kiến tốt thì thấy người tốt, thành kiến xấu thì thấy người xấu, đó là nhìn sự vật không trung thực, không đúng như thật. Trong kinh Pháp Hoa gọi là không *như thị*, tức là không đúng như thế, những gì qua khuôn của chúng ta đều biến chất. Tóm lại chúng ta đang mang kiếng hoặc màu xanh, hoặc màu đen, màu hồng v.v... nên sự vật đều biến màu. Chỉ khi tâm chúng ta không còn dấy niệm, không còn bị đóng khung trong thói quen nữa, lúc đó sự vật đều hiện ra rõ ràng không sai khác. Đó mới là thấy đúng như thật.

Đâu quan hệ gì thân huyễn, trọn là pháp thân. Cái thấy sự vật đúng như thật đó là pháp thân, là cái chân thật, cái đó không quan hệ gì đến thân huyễn này, thân huyễn này là đất nước gió lửa, là vật bỏ đi, nó không biết, không soi rọi được, nó chỉ là tạm bợ, tùy duyên không phải thật. Nhưng hiện nay chúng ta đang sống với cái tạm bợ tùy duyên nên trở trời đổi gió cũng theo duyên trời duyên gió mà đau! Nghe người nói trái tai cũng theo duyên trái tai mà ngủ không được! Tất cả duyên ngoài chi phối chúng ta nên cả ngày điêu đứng khổ sở. Nếu sống với cái chân thật thì tất cả duyên đều không động tới chúng ta được vì cái đó lúc nào cũng nhất như, không gì làm cho nó biến đổi. Tu đến đó mới gọi là giải thoát, còn tu sơ sài thì vui buồn theo lời khen chê, làm sao giải thoát được! Đó là lẽ thật, là điều cao siêu của Phật giáo.

Đọc qua đoạn trên chúng ta thấy dường như ngài Trần Thái Tông tả cảnh trời mây không nói gì đến việc tu hành, nhưng thật ra đó là điều thiết yếu cho sự tu của chúng ta. Đa số người tu hiểu lầm khi tâm không còn dấy niệm, tu mà không suy nghĩ, không quán chiếu e sẽ ngu đần. Trong nhà thiền tuy thấy như ngây như ngô, không có những bén nhạy của thế gian, nhưng lại có diệu dụng bất tư nghì.

Chẳng nhọc trên đảnh phóng quang, vốn đủ sáu thông thần dụng. Hất nhào cung điện Ma vương, lột trần tâm can ngoại đạo. Biến đại địa thành thế giới hoàng kim, khuấy trường hà làm tô lạc cho người trời. Không đợi trên đảnh phóng hào quang mà vẫn có thần thông diệu dụng. Cung điện Ma vương chúng ta cũng hất nhào,

tâm can ngoại đạo cũng bị lột trần ra hết. Đại địa là chỗ đất đai gò nổng cao thấp khác nhau, chúng ta có thể đổi thành thế giới hoàng kim. Dù ở cảnh Ta-bà khổ nhưng lúc nào mặt cũng tươi vui, vậy không phải sống trong thế giới hoàng kim là gì? Giả sử nước sông khuấy cũng thành tô lạc. Đến đó rồi, bất cứ một sự việc gì cũng thành hữu ích, cũng đều có lợi cho trời người.

Trong lỗ mũi pháp luân thường chuyển, dưới chân mày chùa báu hiện tiền. Trên sóng gái đá múa điệu Bà sa, người gỗ thổi sáo ca khoản đãi. Dưới chân mày là ngôi chùa báu. Mũi thở ra vào thường giảng pháp. Gái đá biết múa, người gỗ thổi sáo. Tóm lại người đến đó rồi có những diệu dụng khó nghĩ bàn.

Hoặc gặp trường thì đùa cợt, hoặc được chỗ thì mở rộng lòng. Hoặc duỗi tay dìu dắt, hoặc quay về núi rừng. Khi lười biếng thì ngủ mây gối đá, khi hứng thú thì vịnh gió ngâm trăng. Dạo chơi nơi quán rượu phòng trà, cười đùa nơi bờ hoa rặng liễu. Đây là con người tự tại gặp trường hợp thuận thì đùa cợt cho vui, gặp chỗ lợi ích chúng sanh thì mở lòng thương giúp đỡ. Khi thấy chúng sanh khổ thì duỗi tay dìu dắt, khi mệt mỏi thì trở về núi rừng. Lười biếng thì ngủ trong mây, gối đầu trên phiến đá cũng sung sướng, đâu phải đợi đầy đủ tiện nghi. Khi hứng thì vịnh gió ngâm trăng thật là thích thú! Đến chỗ đó rồi mới là kẻ buông thõng tay vào chợ, quán rượu phòng trà, bờ hoa rặng liễu, nơi nào cũng có thể làm lợi ích cho chúng sanh.

Hoa vàng rợp rợp đều là tâm Bát-nhã, trúc biếc xanh xanh vốn thật lý chân như. Vạch cỏ hiện bản lai

diện mục, đào đất dứt đường hiểm tử sanh. Xoay đầu ngựa sắt đánh lôi về, xỏ mũi trâu đất dẫn đi hành cước. Hoa vàng không ngoài tâm Bát-nhã, trúc biếc không rời lý chân như. Hoa trúc đều là trí tuệ, đều là như thật, không có gì phàm tục đảo điên. Vạch cỏ hay cắt cỏ, lúc nào cũng thấy bản lai diện mục hiện tiền. Cuốc đất đào đất cũng là dứt đường sanh tử. Được như thế thì nơi nơi đều là giải thoát. Lôi đầu ngựa sắt, xỏ mũi trâu đất, tất cả đều tự tại, không có gì ngăn trở.

Chẳng cùng muôn pháp làm bạn, ai bảo một vật vẫn còn? Phật cũng phi, tâm cũng phi; chân cũng vào, giả cũng vào. Người không cùng muôn pháp làm bạn là người nào? Là người không dính mắc vật gì cả, đó cũng là tên khác của pháp thân. Pháp thân thì làm gì có một vật, thế nên *nếu nói một vật tức không trúng*[7]. Nói Phật là đối với chúng sanh. Phật là giác, chúng sanh là mê, mê giác đối đãi, không phải thật, còn cái chân thật lìa đối đãi nên không gọi là Phật, cũng không gọi là tâm. Nhà thiền thường nói tức tâm tức Phật, tâm chân thật đó là Phật; nhưng nói tâm cũng còn đối đãi với Phật, nói Phật là đối đãi với chúng sanh, tất cả ngôn ngữ không thể nói đến được cái chân thật đó nên nói *Phật cũng phi, tâm cũng phi. Chân cũng vào, giả cũng vào*, chân giả cũng nằm sẵn trong đó, không có đối đãi riêng biệt.

---

[7] Lời của ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng.

Ngoài cửa tam yếu mặc tình hét hai làm ba, chữ thập đầu đường tha hồ gọi chín làm mười. Ngài Lâm Tế có lập tam huyền tam yếu, để chỉ chỗ thâm sâu của hệ phái Lâm Tế. Chỗ tam yếu hét hai làm ba, nghĩa là nó không còn thật nữa. Đến đầu đường chữ thập mặc tình gọi chín là mười, tức cũng không phải là thật. Như vậy lý rất nhiệm mầu rất đặc biệt của tông Lâm Tế là tam huyền tam yếu cũng là tạm bợ, chữ thập đầu đường của những người tiến tu gần đến cứu cánh cũng là giả lập.

Sáo không lỗ thổi bản vô sanh, đàn không dây khảy bài khoái hoạt. Kia nơi nơi chẳng phải tri âm, đây chốn chốn đâu cho nghe lỏm. Khi ấy dùng sáo không lỗ thổi bài hát vô sanh, đàn không dây khảy khúc nhạc khoái hoạt, tức là sống vui thích. Như vậy khi thoát khỏi những đối đãi phân biệt, chúng ta mới tiến thẳng vào chỗ vô sanh. Vô sanh cũng là một lối nói thôi, vì không còn niệm thì đâu còn sanh, không sanh thì đâu có tử. Không phải nhờ sáo có lỗ mới thổi được bản vô sanh, không phải đợi đàn có dây mới khảy được bài khoái hoạt. Dù không sáo không đàn, chúng ta vẫn đang sống trong vô sanh, trong giải thoát tự tại nên gọi là an vui. Tri âm tri kỷ là biết mình, thân với mình. Người tri âm tri kỷ nghe đoạn này mới thấm được, mới thấy được tất cả cái hay. Nếu không phải tri âm thì đừng có lén nghe, vì chưa hiểu nên nghe không có lợi.

Chỉ một con đường hướng thượng xưa nay làm sao nói? Hét! Lửa này chưa từng đốt miệng. Như vậy con đường hướng thượng từ xưa đến nay làm sao nói?

Đâu phải cháy miệng nên không nói, nói mà không dính kẹt mới nên nói. Thế mà điều hết sức khó nói, ngài Trần Thái Tông vẫn nói được cho chúng ta hiểu.

Lắng nghe! Lắng nghe! Nếu nghe được lời này thì tai điếc ba ngày, nếu nghe chẳng được, chạy qua nhanh. Lắng nghe! Lắng nghe! Nghe mà thấm được thì điếc tai ba ngày, nghe không thấm thì đi nhanh qua, đừng ngó lại! Nếu nghe được lời này thì điếc tai ba ngày là câu chuyện tổ Bá Trượng khi làm thị giả. Sau khi thâm nhập được rồi, tổ Bá Trượng trở lên tái tham, Mã Tổ liền hỏi: Ta chưa nói câu nào tại sao ngươi cuốn chiếu? Ngài trình bày thì Mã Tổ hét một tiếng điếc tai ba ngày. Từ đó về sau ngài không bao giờ quên. Rất tiếc chúng tôi không biết hét nên quý vị dễ quên. Mới nghe dường như hiểu nhưng một lúc sau lại quên hết. Nếu nghe hét, ba ngày còn ù tai thì còn nhớ.

Lại trao cho chăng?

Chốn chốn dương xanh nên cột ngựa,
Nhà nhà có lối thẳng Trường An.

Nơi nào cũng có dương xanh, muốn cột ngựa thì cứ đến, chẳng cần tìm kiếm đâu xa. Trường An là kinh đô nhà Đường ở Trung Hoa, là chỗ tụ hội của những người lãnh đạo. Nhà nào cũng có con đường thấu tới Trường An. Như vậy tất cả chúng ta dù cư sĩ tại gia hay tăng ni xuất gia, ai ai cũng sẵn có một lối để tiến đến chỗ cứu cánh, gọi là con đường hướng thượng hay con đường thẳng tới Trường An, không phải người này có người kia vô phần.

Trở về dưới nguyệt người ít đến,
Một ánh trăng soi lạnh mọi miền.

Người đi lang thang trong tăm tối thì nhiều, trở về dưới ánh trăng sáng rực lại ít. Chạy theo ngũ dục thế gian là chạy trên con đường tăm tối mà thiên hạ đua nhau không biết chán, ít ai chịu trở về dưới ánh trăng sáng ngời, cỏ cây hoa lá tươi đẹp.

Nhiều khi mang hình thức người tu cũng không chịu trở về, vẫn còn thích đi lang thang! Nếu trở về được thì *một ánh trăng soi lạnh mọi miền*. Chỉ còn một ánh trăng sáng vằng vặc soi khắp cả bầu trời! Như vậy đường chúng ta đang đi là con đường tươi sáng vô cùng. Đường chúng sanh đang lao mình vào là con đường đen tối mịt mù, thế mà ít ai thức tỉnh.

Kết thúc bài này quý vị thấy con đường hướng thượng chưa? Đây là một cách dùng hình thức để nói cho dễ hiểu, thật ra hướng thượng là chỉ cho chính mình. Ngài Toàn Khoát có nói: *trục vật hướng hạ, khước vật hướng thượng*, nghĩa là đuổi theo sáu trần là hướng hạ, từ chối không theo sáu trần là hướng thượng. Thử kiểm xem chúng ta đang hướng theo chiều nào? Nếu đang ngồi bỗng nhớ thức ăn ngon, hoặc nhớ lời phê bình của người chung quanh v.v... đó là đang đi trên đường hướng hạ. Nếu thấy người thấy vật như mây bay gió thổi không dính mắc, đó là hướng thượng. Vậy sáu căn không bị sáu trần lôi dẫn là người hướng thượng, trái lại bị sáu trần lôi dẫn là người hướng hạ. Nghĩa là không bị ngoại cảnh chi phối gọi là hướng thượng, bị ngoại cảnh chi phối gọi là hướng hạ,

chứ không có gì khác. Cái chân thật không bị ngoại cảnh chi phối, không ai trao truyền, cũng không ai chỉ cho chúng ta thấy được. Thí dụ như tất cả chúng ta ngồi đây, mắt nhìn tượng Phật, ai cũng thấy tượng Phật, nhưng không ai thấy được cái thấy của mình và của người khác. Thấy tượng Phật tức là có cái thấy. Tượng Phật có thể diễn tả được, còn cái thấy không thể diễn tả, nhưng tất cả chúng ta đều có. Thấy tượng Phật là có cái thấy, có cái sáng, chỉ mình tự nhận biết, không ai diễn tả hay chỉ bày cho mình được. Nếu diễn tả được, đó là ngoại cảnh, không phải cái chân thật của mình. Nếu có trình bày là trình bày những tâm lý sanh diệt, những bóng dáng của sáu trần, còn cái chân thật không sanh không diệt, hằng sáng hằng giác, không dính sáu trần, không ai chỉ cho chúng ta được. Chỉ chúng ta mới tự nhận ra cái chân thật của chính mình. Còn thân bọt bóng này vài mươi năm rồi nát, nát rồi không biết ra sao. Cái chân thật đó không có gì chi phối nó được thì làm sao nát, làm sao hoại, thế mà chúng ta lại bỏ quên. Cho nên Phật tổ dùng phương tiện nhắc chúng ta phải sống với cái thật đó tức là hướng thượng. Từ ngữ hướng thượng thì hiểu được, còn thật chất hướng thượng vừa khởi hiểu là mất ngay, vì hướng thượng là cái chân thật của chính mình, mỗi người phải tự nhận tự biết.

Tóm lại bài này chia làm hai phần:

Phần thứ nhất: Nếu chúng ta muốn tìm thấy, muốn suy nghĩ, muốn nói đến cái chân thật thì đó là điều không thể được. Hoặc giả có người nói tôi được truyền trao v.v... cũng không phải, vì đó là cái không thể trao truyền.

Phần thứ hai: Nếu muốn sống với cái chân thật thì đi đứng nằm ngồi nói nín... tâm chúng ta như mây, như nước, như núi, như trăng, không dấy niệm. Được như thế dù sống trong cảnh khổ cũng thành vui, sống chỗ tối cũng thành sáng, sống trong địa ngục cũng thành thiên đường. Nghĩa là không có niệm so sánh thì không khổ không vui, nhưng luôn luôn tươi sáng và tất cả hành động ngôn ngữ đều chân thật như Phật tổ không khác. Chúng ta sẽ có diệu dụng không thể nghĩ bàn, những cái vô nghĩa đều biến thành hữu ích. Muốn sống với thể chân thật sẵn có, chúng ta chỉ cần quay lại chính mình, không chạy theo sáu trần. Một ngày nào sáu trần không còn dính mắc, không còn len vào tâm tư, thì lúc đó cả bầu trời trăng sáng hiển hiện nơi mình. Đẹp biết chừng nào! Đây là ngài Trần Thái Tông chỉ cho chúng ta hiểu đại khái, còn cái thật là mỗi người phải sống chứ không thể chỉ ra được.

NGỮ LỤC VẤN ĐÁP

Chánh văn:

Một hôm Vua (Trần Thái Tông) đến thăm chùa Chân Giáo. Có vị tăng tên Đức Thành người nhà Tống hỏi:

- Thế Tôn chưa rời Đâu-suất đã giáng sanh vương cung, chưa ra khỏi thai mẹ độ người đã xong. Là ý nghĩa thế nào?

Vua đáp:

Ngàn sông có nước ngàn trăng hiện,

Muôn dặm không mây muôn dặm trời.

Tăng hỏi:

- Chưa rời cung, chưa ra đời đã được chỉ dạy. Đã rời cung, đã ra đời việc thế nào?

Vua đáp:

Mây sanh đảnh núi toàn màu trắng,

Nước đến Tiêu Tương một dáng trong.

Tăng hỏi:

Mưa tạnh sắc núi sáng,

Mây đi trong động ngời.

Vì sao ẩn hiển như một?

Vua đáp:

Trừ người quả thật con ta đó,

Ai kẻ bạo chân vào đường này.

Tăng hỏi:

Xưa nay không lối khác,

Người đạt cùng chung đường.

Bệ hạ có nhận chỉ Thế Tôn đắc đạo chăng?

Vua đáp:

Mưa xuân không cao thấp,

Cành hoa có ngắn dài.

Tăng hỏi:

Người người vốn tự người người đủ,

Mỗi mỗi xưa nay mỗi mỗi tròn.

Vì sao Thế Tôn vào núi tu hành?

Vua đáp:

Kiếm vì bất bình mở hộp báu,

Thuốc do trị bệnh ra khỏi bình.

Tăng hỏi:

Trong mắt thôi để bụi,

Trên thịt chớ khoét thương.

Trên phần người học có tu chứng không?

Vua đáp:

Nước chảy xuống non đâu có ý,

Mây bay qua núi vốn không tâm.

Tăng im lặng. Vua nói:

Chớ bảo không tâm đây là đạo,

Không tâm còn cách một lớp rào.

Tăng thưa:

- Nơi tâm đã không, nói gì là một lớp rào?

Vua đáp:

Nước chảy xuống non đâu có ý,

Mây bay qua núi vốn không tâm.

Tăng không đáp được.

Giảng:

Một hôm Vua (Trần Thái Tông) đến thăm chùa Chân Giáo. Có vị tăng tên Đức Thành người nhà Tống hỏi:

- Thế Tôn chưa rời Đâu-suất đã giáng sanh vương cung, chưa ra khỏi thai mẹ độ người đã xong. Là ý nghĩa thế nào?

Vua đáp:

Ngàn sông có nước ngàn trăng hiện,

Muôn dặm không mây muôn dặm trời.

Đó là lối đối đáp trong nhà thiền. Câu hỏi của ông tăng này là dẫn từ kinh Hoa Nghiêm. Trong kinh

Hoa Nghiêm có nói: *Đức Thế Tôn chưa rời Đâu-suất đã giáng sanh vương cung, chưa ra khỏi thai mẹ độ người đã xong*. Khi nghe câu nói này có vị tăng tên Đức Thành mới đem ra hỏi: như vậy là ý nghĩa thế nào? Nhà vua đáp:

Ngàn sông có nước ngàn trăng hiện,
Muôn dặm không mây muôn dặm trời.

Câu đáp này thật hay, có ý nghĩa thế nào! Đó là những việc mà tôi nghĩ nếu không chịu khó giải thích thì tất cả quý vị đọc mà không thể hiểu, không hiểu rất tốt, đó mới là Thiền, còn hiểu thì mất Thiền. Nhưng chúng ta tu Thiền mà không hiểu còn có ý nghĩa Thiền, chứ người không tu Thiền chỉ nghiên cứu mà không hiểu là tai họa. Do đó tôi chịu khó giải thích cho quý vị thấm nhuần được ý nghĩa thâm trầm của câu hỏi và lời đáp. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói, Phật chưa rời cung trời Đâu-suất mà đã giáng sanh trong cung vua Tịnh Phạn; chưa ra khỏi thai mẹ, tức là chưa ra khỏi thai bà Ma-da phu nhân mà ngài giáo hóa đã xong. Nói vậy làm sao chúng ta có thể hiểu, chưa rời cung trời thì làm sao có mặt dưới đây, chưa ra khỏi thai mẹ làm sao giáo hóa đã xong? Đó là một vấn đề rất khó hiểu, nhưng ý kinh nói rằng tất cả chúng sanh cũng như chư Phật đều có pháp thân bất sanh bất diệt. Thể pháp thân bất sanh bất diệt không có đến đi, nhưng mọi việc đều đã an bài tức là đều đã xong, nên nói rằng chưa rời cung Đâu-suất mà đã đến vương cung, chưa ra khỏi thai mẹ độ người đã xong, là để chỉ cho ý nghĩa thể pháp thân bất sanh bất diệt ai cũng có. Vì vậy nhà vua mới đáp bằng hai câu thơ:

Ngàn sông có nước ngàn trăng hiện,
Muôn dặm không mây muôn dặm trời.

Nghĩa là sao? Vì trên hư không chỉ có một vầng trăng, nhưng dưới thế gian này có ngàn con sông thì có ngàn bóng mặt trăng hiện, đó là để biểu trưng hóa thân, còn một mặt trăng trên hư không là để biểu trưng cho pháp thân. Pháp thân không có nhiều, mà hóa thân thì tùy duyên ứng hiện, như vậy câu *ngàn sông có nước ngàn trăng hiện, muôn dặm không mây muôn dặm trời*, trời có muôn dặm không? Trời thì không có muôn dặm, nhưng chỗ nào có mây thì thấy trời bị ngăn cách, chỗ không mây thì thấy trời thăm thẳm ngàn dặm. Trời không phải là hai, nhưng tùy sự che đậy của mây mà thấy trời có ngắn có dài, có gần có xa. Thế nên thấy trời gần, xa, ngắn, dài chỉ là do mây. Trời là để dụ cho pháp thân, còn mây nhiều ít là để dụ cho hóa thân tùy duyên thấy có lớn nhỏ sai biệt. Như vậy hai câu trả lời này để nói rõ rằng: Phật giáng sanh ở vương cung hay đi giáo hóa người, đó là Phật hóa thân; còn Phật pháp thân vẫn nguyên vẹn, vẫn sẵn đủ chưa bao giờ đến đi, mà không đến đi nên việc gì cũng đã xong. Đó là ý nghĩa của câu hỏi và câu đáp.

Tăng hỏi:

- Chưa rời cung, chưa ra đời đã được chỉ dạy. Đã rời cung, đã ra đời việc thế nào?

Như vậy ngài chỉ dạy lúc đức Thế Tôn chưa rời cung trời Đâu-suất, chưa ra khỏi thai mẹ, bây giờ sau khi đã rời cung trời Đâu-suất, đã ra khỏi thai mẹ rồi thì việc đó làm sao?

Vua đáp:

Mây sanh đảnh núi toàn màu trắng,

Nước đến Tiêu Tương một dáng trong.

Nghĩa là mây sanh ở trên đảnh núi thì tuy có nhiều cụm, nhiều áng, nhưng chỉ toàn một màu trắng. Còn nước sông Tiêu, nước sông Tương ở bên Trung Hoa khi chảy đến chỗ giáp nhau thì dòng sông sâu, nên lóng thành nước trong. Hai dòng tuy khác nhưng đến chỗ cứu cánh đều trong. Như vậy trên thì lấy thể mà nói, đây lấy dụng mà nói. Dụng là gì? Tức là mây, mây là tướng sanh diệt, tuy tướng sanh diệt khác nhau nhưng đồng màu. Nước sông Tiêu khác, nước sông Tương khác đến chỗ giáp nhau cũng đồng một sắc. Như vậy tuy rằng đã có giáng sanh ở vương cung, đã ra đời giáo hóa, nhưng thể cũng không hai. Hiểu như thế mới thấy câu trả lời khéo léo của ngài. Ở trên nhắm thẳng về mặt trăng, về bầu trời là chỉ cái thể, còn dụng là hóa thân tùy duyên ứng hiện trăm ngàn thứ khác nhau, nhưng thể vẫn không hai.

Tăng hỏi:

Mưa tạnh sắc núi sáng,

Mây đi trong động ngời.

Vì sao ẩn hiển như một?

Nghĩa là trên những ngọn núi khi sắp mưa thì trời mù mịt, đến khi mưa tạnh thì núi hiện rõ ràng, nên sắc núi sáng. Mây che thì cửa hang động tối, mây qua rồi thì cửa hang động sáng ngời. Như vậy có tối có sáng

rõ ràng. Hai hình ảnh đó có khác nhau, khi mưa khi tạnh núi có hai hiện tượng khác, khi mây che khi mây tan cửa động có hai hiện tượng khác, tại sao lại nói ẩn hiển như một? Trong kinh nói ẩn hiển không hai là sao? Câu hỏi này thật khó trả lời, nếu mình không khéo thì không làm sao đáp nổi.

Vua đáp:

Trừ người quả thật con ta đó,

Ai kẻ bạo chân vào đường này.

Lý ẩn hiển không hai trừ người thật là con trong nhà Thiền mới thấy được chỗ đó, còn kẻ khác thì không dám bước chân vào đây. Cho nên ngài nói rõ:

Trừ người quả thật con ta đó,

Ai kẻ bạo chân vào đường này.

Như vậy thì ẩn hiển như một là để chỉ người đạt đạo rồi mới thấy rõ điều đó, còn người chưa đạt đạo thì lúc nào cũng thấy là hai.

Tăng hỏi:

Xưa nay không lối khác,

Người đạt cùng chung đường.

Bệ hạ có nhận chỉ Thế Tôn đắc đạo chăng?

Trong kinh nói *xưa nay không lối khác, người đạt cùng chung đường* là chỉ chỗ chân thật xưa nay không có lối nào khác, ai đạt đạo cũng đi chung con đường đó. Mà đã không lối khác, vậy tại sao nói riêng Thế Tôn được đạo? Ai cũng lối đó, ai cũng đường đó, ai cũng được đạo,

tại sao nói riêng Thế Tôn được đạo? Như vậy bệ hạ có nhận riêng Phật được đạo không?

Vua đáp:

Mưa xuân không cao thấp,
Cành hoa có ngắn dài.

Câu trả lời thật hay! *Mưa xuân không cao thấp*, nghĩa là trời mưa thì bình đẳng không cao thấp, nhưng mà *cành hoa có ngắn dài*, nên hứng nước mưa có nhiều có ít khác nhau. Vậy là khác nhau tại cành hoa chứ không phải tại mưa. Mưa đó chỉ cho cái gì? Cũng như ở trên nói *xưa nay không lối khác, người đạt cùng chung đường*, đó là ý nói tất cả chúng sanh đồng thể, đồng có tánh giác, thì đâu riêng gì Phật đắc đạo, mà ai có tánh giác cũng có quyền đắc đạo. Nhưng tại sao chỉ nói đức Thế Tôn đắc đạo, còn chúng ta không ai đắc đạo? Vì đức Thế Tôn biết tu nên ngộ được tánh giác, còn chúng ta không biết tu nên chưa ngộ được tánh giác. Tánh giác đó ở đây nói *mưa xuân không cao thấp*, mưa là chung chứ không riêng ai, nhưng vì cành hoa có ngắn dài, nhỏ lớn, nên hứng mưa, hứng sương có khác nhau. Cho nên khi đọc đến đây chúng ta mới thấy cái nhìn của các ngài vừa thi vị vừa tường tận ý nghĩa.

Tăng hỏi:

Người người vốn tự người người đủ,
Mỗi mỗi xưa nay mỗi mỗi tròn.
Vì sao Thế Tôn vào núi tu hành?

Trong các vị Thiền sư hay trong kinh Đại thừa luôn luôn nói: Ai ai cũng vốn tự đủ, ai ai cũng vốn tròn đầy.

Tự đủ cái gì, tròn đầy cái gì? Là tánh giác, ai cũng đủ ai cũng đầy, vì sao Thế Tôn đầy đủ rồi cứ hưởng đi, vào núi tu hành chi nữa? Đó là ý của câu hỏi.

Vua đáp:

Kiếm vì bất bình mở hộp báu,
Thuốc do trị bệnh ra khỏi bình.

Kiếm quý để trong hộp ngọc, vì bất bình thiên hạ có những cái gian giảo hung ác, nên mới mở hộp lấy kiếm ra để trị những kẻ gian ác. Cũng như thuốc nằm sẵn trong bình vàng nhưng vì bệnh chúng sanh nên mới trút ra để trị bệnh. Như vậy không phải do có giặc mới có kiếm, mà kiếm đã nằm sẵn trong hộp ngọc, cũng như không phải do có bệnh mới có thuốc, mà thuốc đã nằm sẵn trong bình vàng. Vì muốn lợi ích cho người, buộc lòng mở hộp lấy kiếm ra, mở bình trút thuốc ra. Như vậy ai ai cũng sẵn đủ, nhưng vì muốn lợi ích cho chúng sanh Thế Tôn phải đi tu. Đó là chỗ đặc biệt cần phải hiểu cho thật rõ. Cũng như chúng ta thấy trong kinh nói ai ai cũng có tánh Phật, cũng có khả năng thành Phật, vậy quý thầy đã có tánh Phật, đã thành Phật, tại sao đi tu làm gì, thì phải hiểu ý đó. Cho nên dùng câu:

Kiếm vì bất bình mở hộp báu,
Thuốc do trị bệnh ra khỏi bình.

Như vậy kiếm ra khỏi hộp báu, thuốc ra khỏi bình là vì trị bệnh, vì cứu dân, vì muốn lợi ích cụ thể nên phải hiện ra ngoài. Cũng như đức Thế Tôn có đủ tánh giác, tròn đầy thể bất sanh bất diệt, nhưng vì muốn cho mọi người được lợi ích, được trở về tánh giác mà phải vào núi tu hành.

Tăng hỏi:

Trong mắt thôi để bụi,
Trên thịt chớ khoét thương.
Trên phần người học có tu chứng không?

Con mắt đang mạnh để bụi vào thì xốn. Trên thịt lành khoét một vết thương thì đau. Con mắt không bệnh đang khỏe để bụi vô làm chi. Thịt lành để cho khỏe khoét thương làm chi. Như vậy là nó đã sẵn, đâu cần làm thêm cái gì nữa. Vậy trên phần người học có tu chứng không? Nghĩa là đã sẵn tánh giác, đã sẵn chân tâm cần tu chi nữa cho thêm chuyện, cũng như con mắt lành bỏ thêm bụi, thịt lành khoét thành vết thương. Như vậy thì cần tu hay không?

Vua đáp:

Nước chảy xuống non đâu có ý,
Mây bay qua núi vốn không tâm.

Nước từ trên núi chảy xuống ầm ầm, mà có ý chảy không? Nước chảy chứ không có ý. Còn mây bay qua núi từng đợt từng đợt có nghĩ rằng che núi không? Như vậy nước chảy mây bay là để nói phần tu chứng, *Tu chứng chẳng phải không mà nhiễm ô không thể được.* Câu trả lời thật hay vì không tâm không ý làm sao nhiễm ô. Câu đáp vừa trung thành với Phật tổ, vừa là câu văn rất nên thơ. Hai hình ảnh nước trên núi chảy, mây bay qua núi, cả hai đều có động tác mà không tâm không ý. Như vậy tu chứng chẳng phải không mà không có ý để dính mắc sự tu chứng. Vì vậy ngài Hoài Nhượng khi đến với Lục Tổ, Lục Tổ hỏi:

Ông từ Tung Sơn đến đây có mang theo vật gì? Ngài không trả lời được, nên xin vào chúng ở tám năm mới phát minh, bèn ra thưa: Bạch Hòa thượng, nói một vật tức chẳng trúng. Tổ liền hỏi: Có tu chứng chăng? Ngài thưa: Tu chứng chẳng phải không, nhiễm ô không thể được. Câu này thật thiết yếu. Cũng như ở đây mây bay nước chảy mà không ý nên nhiễm ô không thể được. Như vậy bay, chảy là hai động tác hiện tiền nhưng ý không dính không mắc. Cũng như tất cả chúng ta đều có tánh giác sẵn không cần phải tìm kiếm ở đâu, nếu khởi tìm kiếm thì giống như để bụi vào mắt, như khoét thịt để thành vết thương. Tuy nhiên như thế trên phần tu chứng chẳng phải chẳng có. Tại sao? Bởi vì tu chứng là phương tiện để hiển bày cái sẵn có của chính mình, chứ không có ý dính mắc ở chỗ chứng đắc.

Thế nên mới dùng hình ảnh nước chảy xuống non đâu có ý, mây bay qua núi vốn không tâm. Đến đây vị tăng Đức Thành im lặng, nên *Vua nói:*

Chớ bảo không tâm đây là đạo,
Không tâm còn cách một lớp rào.

Bởi vì ở trên ngài dùng câu *mây bay qua núi vốn không tâm*, sợ e ông chấp chỗ không tâm nên ngài nhắc lại *chớ bảo không tâm đây là đạo, không tâm còn cách một lớp rào*. Câu này là dẫn lời của ngài Trường Sa Cảnh Sầm.

Ông tăng nghe như vậy thì bẻ lại: Đã nói không tâm, tức *nơi tâm đã không thì nói gì là một lớp rào?* Ngài liền đáp:

Nước chảy xuống non đâu có ý,
Mây bay qua núi vốn không tâm.

Nói một lớp rào là chỉ cái chấp của người, còn chấp là còn mắc kẹt. Nếu không tâm không ý đâu còn gì chấp, không chấp thì có gì mắc kẹt mà nói một lớp rào. Ngài lập lại câu trên, ông tăng nghe lặp lại, không thể đối đáp được. Còn ngài vừa đáp được ý rất sâu, đồng thời văn thơ cũng thật hay. Cho nên chúng ta thấy Thiền sư Việt Nam vừa thật thà vừa thi vị, nói rõ được ý nghĩa mà vẫn có thi vị.

NIÊM TỤNG KỆ

Chánh văn:

1. *Cử:* Thế Tôn chưa rời Đâu-suất đã giáng vương cung, chưa ra thai mẹ độ người đã xong.

***Niêm:* Gươm báu chưa vung, tướng quân đã lộ.**

***Tụng:* Đứa bé không hình chửa rời quê,**
Sớm tối đưa người qua bến mê.
Cất bước ngao du không xen cách,
Chẳng cần thuyền gỗ với phao bè.

2. *Cử:* Thế Tôn mới sanh, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất nói:

- Trên trời dưới đất chỉ ta tôn quý.

***Niêm:* Một áng mây trắng che cửa động,**
Đàn chim về tổ thảy quên đường.

Tụng: **Đạt-đa mới giáng Tịnh Vương cung,**
Muốn hóa quần sanh tự hiển tung.
Bảy bước đi quanh chỉ trời đất,
Bao người con Phật mất gia phong.

3. *Cử:* Thế Tôn đưa cành hoa, Ca-diếp mặt rạng rỡ mỉm cười.

Niêm: **Vén đứng lông mày để mắt xem,**
Tiến lên suy nghĩ cách ngàn non.

Tụng: **Thế Tôn nắm dựng một cành hoa,**
Ca-diếp sáng nay được đến nhà.
Nếu bảo đây là truyền pháp yếu,
Về nam xe bắc lối càng xa.

4. *Cử:* Ngoại đạo hỏi Phật:

- Chẳng hỏi có lời, chẳng hỏi không lời.

Niêm: **Trừ người quả thật con ta đó,**
Ai kẻ bạo chân vào đường này.

Tụng: **Lao quan khó buộc có ai tri,**
Ngôn ngữ đều quên không chỗ y.
Chẳng phải trong đời con ngựa giỏi,
Do đâu bất chợt được tiện nghi.

5. *Cử:* Thế Tôn lên pháp tòa,
Văn-thù bạch chúng rằng:
Quán kỹ pháp Pháp vương,
Pháp Pháp vương như thế.

Niêm: **Khảy khúc Dương xuân đàn không dây,**
Muôn năm ngàn thuở tiếng nào dứt.

Tụng: **Tuy nói câu câu chẳng vết tỳ,**
Giấu sừng, đuôi vẫn hiện như ri.
Nào như một ống sáo không lỗ,
Vì anh thổi khúc Thái bình thi.

6. *Cử:* Vua nước Kế-tân cầm kiếm, bảo tổ thứ hai mươi bốn (tổ Sư Tử) rằng:

- Thầy được năm uẩn không chăng?

Tổ đáp: - Đã được.

Vua hỏi: - Lìa sanh tử chăng?

Tổ đáp: - Đã lìa.

Vua hỏi:

- Có thể thí cái đầu cho tôi được không?

Tổ đáp:

- Thân còn không phải của ta, huống nữa là đầu!
Vua liền chém. Sữa trắng vọt ra, tay vua tự rơi.

Niêm: **Đem đầu kề gươm bén,**
Dường như chém gió xuân.

Tụng: **Đao bén chém nước, lửa thổi (ánh) sáng,**
Việc này nên biết nào ngại gì.
Báo tin sáng ấy xa khói sóng,
Ai biết riêng có nghĩ suy lành.

7. *Cử:* Đại sư Đạt-ma đến chùa Thiếu Lâm ở Lạc Dương, chín năm ngồi xây mặt vào vách.

***Niêm:* Để mắt xem, thôi ngủ gật.**

***Tụng:* Chim bằng vỗ cánh đến Nam Minh (Nam Hải),**
Nối gót luống công muôn dặm trình.
Đêm trước chỉ tham vui yến tiệc,
Sáng nay bất giác say men nồng.

8. *Cử:* Nhị Tổ xin Sơ Tổ pháp an tâm.
Sơ Tổ bảo: - Đem tâm ra ta an cho ông.
Nhị Tổ thưa: - Con tìm tâm không thể được.
Sơ Tổ bảo: - Ta an tâm cho ông rồi.

***Niêm:* Em bé lên ba ôm trống giấy,**
Ông già tám chục mặc áo cầu.

***Tụng:* Tâm đã không tâm nói với ai,**
Người câm thức mộng mắt tròn xoe.
Lão tăng dối bảo an tâm đấy,
Cười ngất bàng quan chẳng tự hay.

9. *Cử:* Ngài Văn-thù thấy cô gái nhập định gần Phật, ngài đến xuất định không được. Phật sai Bồ-tát Võng Minh đến xuất định được.

***Niêm:* Đứa con oan gia, mất gia phong ta.**

***Tụng:* Đều cùng xuất định có sơ thân,**
Định ấy nên là chửa chánh chân.

Nếu thật Hóa công không hậu bạc,
Xoay vần xuân đến khắp mọi phần.

10. *Cử:* Mã Tổ nói:

- Từ sau loạn Hồ ba mươi năm, chưa từng thiếu tương muối.

***Niêm:* Dù cho chẳng phạm mảy may,**
Vẫn là cầm bánh dính tay.

***Tụng:* Trước kia làm bạn khách rượu trà,**
Quán rượu thường nằm bên cạnh nhà.
Giả thử khoe khoang người lanh lợi,
Giữa đường mất áo chịu thôi mà.

11. *Cử:* Bá Trượng tái tham Mã Tổ, Mã Tổ hét một tiếng. Bá Trượng đại ngộ.

***Niêm:* Ngàn mũi nhọn, không bằng một nhát mai cùn.**

***Tụng:* Ngày trước thiên hạ chẳng chung đồng,**
Bốn bên dấy loạn tợ đàn ong.
Mã Tổ một phen vung kiếm bén,
Từ đây đường nẻo tin tức thông.

12. *Cử:* Một hôm Quốc sư gọi Thị giả ba lần. Thị giả ba lần dạ. Quốc sư nói:

- Ngỡ là ta phụ ngươi, ngược lại ngươi phụ ta.

***Niêm:* Như người uống nước, lạnh nóng tự biết.**

Tụng: **Dưới trên xướng họa xứng cùng hai,**
Ý ấy so đâu biết ngắn dài.
Nhằm trước phơi bày gan ruột sạch,
Trong đây chỉ hứa tự mình hay.

13. ***Cử:*** **Đại Quy nói:**

- Câu có câu không như bìm leo cây.

Sơ Sơn hỏi:

- Cây ngã bìm khô câu về chỗ nào?

Đại Quy cười to ha hả!

Niêm: **Nước chảy ắt về biển,**
Trăng lặn chẳng rời trời.

Tụng: **Sóng lặng yên rồi trận gió thâu,**
Uổng công hướng ngoại, khổ tìm cầu.
Khối nghi cười nát thành trăm mảnh,
Từ đó mới phân đá với châu.

14. ***Cử:*** **Bá Trượng bảo:**

- Thế nào là pháp không vì người nói?

Nam Tuyền đáp:

- Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật.

Niêm: **Ngàn thánh tìm dấu y chẳng được,**
Toàn thân ẩn tại đại hư không.

Tụng: **Trước đây công án không lệch nghiêng,**
Đối diện nhìn xem hội được chăng?

Trong ngôi Phật pháp mời chẳng ở,
Đêm về như trước ngủ bờ lau.

15. ***Cử:*** **Nam Tuyền nói:**
- Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo.

Niêm: **Uống cạn lẽ huyền vi,**
Đường về dưới trăng đi.

Tụng: **Muôn tiếng lắng im, sao Đẩu dời,**
Bầu trời trong suốt chẳng gợn mây.
Nương tựa gậy lê lên gác ngắm,
Yên yên lặng lặng thật thảnh thơi.

16. ***Cử:*** **Sau khi Lâm Tế khai hóa chỉ dùng gậy hét dạy đồ chúng. Vừa thấy tăng vào cửa liền hét.**

Niêm: **Mùng năm tháng năm giờ Ngọ viết,**
Miệng đỏ lưỡi độc tận tiêu trừ.

Tụng: **Vào nhà liền hét muốn làm chi?**
Dẫn được cháu con tỉnh giấc mê.
Chẳng phải sấm xuân vang một tiếng,
Làm sao vỏ hạt được nảy mầm.

17. ***Cử:*** **Nam Tuyền nói:**
- Tâm bình thường là đạo.

Niêm: **Lạnh nói là lạnh, nóng nói là nóng.**

Tụng: **Rìu búa không cần, ngọc trắng tinh,**
Đâu do mài giũa để cầu tân.

Đường về chẳng bước nhà vẫn tới,
Trao kẻ đầu non buông thõng tay.

18. *Cử:* Triệu Châu nói:

- Mọi người bị mười hai thời sai khiến, Lão tăng sai khiến được mười hai thời.

***Niêm:* Cậy thế dối người, không nơi căn cứ.**

***Tụng:* Lão này hay khiển mười hai thời,**
Rồng dữ cọp hung thảy được thuần.
Cần phương chỉ sắt thành vàng thật,
Chẳng để cho người có việc nghe.

19. *Cử:* Tăng hỏi Lâm Tế:

- Thế nào là vô vị chân nhân?

Lâm Tế đáp: - Que cứt khô.

***Niêm:* Bắn sẻ mất châu, ném chuột nhơ đồ.**

***Tụng:* Vô vị chân nhân que cứt khô,**
Do người Thích tử mất gia phong.
Nhìn xuống xem xem, biết chẳng biết,
Trâu bùn vào biển dấu vết không.

20. *Cử:* Triệu Châu nói:

- Khám phá bà già ở Ngũ Đài Sơn xong.

***Niêm:* Ngũ nghịch nghe sấm, chẳng cho bịt tai.**

***Tụng:* Khảy móng Đài Sơn hết nói ngoa,**
Chẳng phiền bước tới được về nhà.

Can qua chẳng động lòng người phục,
Gươm bén đâu cần ra hộp ngà.

21. *Cử:* Triệu Châu nói:

- Phật vàng không độ được lò đúc, Phật gỗ không độ được lửa, Phật đất không độ được nước, Phật thật ngồi trong nhà.

***Niêm:* Núi là núi nước là nước, Phật ở chỗ nào?**

***Tụng:* Trên đồ Võng Xuyên xếp thành hình,**
Ngày trước Vương Duy được nổi danh.
Uổng phí mực son nơi khó vẽ,
Trong không, gió mát với trăng thanh.

22. *Cử:* Triệu Châu nói:

- Tôi ở Thanh Châu may một chiếc áo vải nặng bảy cân.

***Niêm:* Trấn Châu củ cải còn thể được,**
Thanh Châu áo vải lại phiền người.

***Tụng:* Một manh áo vải thật lạ thường,**
Tùng Thẩm không màng chẳng cất rương.
Trong đây nghĩ nghị chia cân lượng,
Cười ngất nhà đông, Mạnh Bát lang.

23. *Cử:* Vị tăng hỏi Triệu Châu:

- Con chó có Phật tánh không?

Triệu Châu đáp: - Không.

Tăng lại hỏi, Triệu Châu đáp: - Có.

Niêm: **Lấy hai so một.**

Tụng: **Hỏi ngay ở trước, đáp có không.**
Cho dù ngay đó dứt nhóm ngông.
Một đời tự phụ người tài giỏi,
Thế ấy vẫn là chẳng trượng phu.

24. ***Cử:*** **Triệu Châu nói:**

- Chỗ có Phật chẳng trụ, chỗ không Phật chạy qua gấp.

Niêm: **Nước đến thành ao, roi quất nổi lằn.**

Tụng: **Chỗ Phật có không cả hai quên,**
Lời này xem lại chưa được toàn.
Sau rốt cầm hoa nhằm chỉ lại,
Chẳng rời tấc bước đến Tây thiên.

25. ***Cử:*** **Thủ Sơn đưa trúc bề, nói:**

- Bảo là trúc bề tức chạm, chẳng gọi trúc bề tức trái, hãy gọi là cái gì?

Niêm: **Chớ động đến, động đến ăn ba mươi gậy.**

Tụng: **Trúc bề chạm trái khó phân thay,**
Ngay đó rõ ràng nhắc với người.
Tuy vốn đường bằng bụi chẳng dấy,
Một trường bày hiện góc gai đầy.

26. ***Cử:*** **Tăng hỏi Động Sơn (Thủ Sơ):**

- Thế nào là Phật?

Sơn đáp: - Trên vách ba cân gai.

Niêm: **Gọi một vật lại chẳng trúng.**

Tụng: **Hỏi Phật thế nào, nói đáp anh,**
Động Sơn trên vách gai mấy cân.
Tuy nhiên không có phong trần dính,
Cũng vẫn còn đem cảnh chỉ người.

27. ***Cử:*** **Tăng hỏi hòa thượng Hiện Tử:**

- Thế nào là ý Tây sang?

Hiện Tử đáp: - Mâm rượu trước bàn thần.

Niêm: **Nếu chẳng phải sư tử con, đâu khỏi chạy theo khối đất lăn.**

Tụng: **Chặt đứt cội nguồn không chỗ nương,**
Ở đây nhắc lại để anh tường.
Nếu bảo trước thần là ý Tổ,
Khác nào kẻ gọi khố là quần.

28. ***Cử:*** **Quốc sư Vô Nghiệp nói:**

- Nếu niệm phàm thánh bằng đầu sợi lông chưa hết, chưa khỏi vào bụng ngựa thai lừa.

Hòa thượng Bạch Vân Đoan nói:

- Giả sử niệm phàm thánh bằng đầu sợi lông hết, cũng chưa khỏi vào bụng ngựa thai lừa.

Niêm: **Đốt non cần cọp chạy,**
Đập cỏ cốt rắn kinh.

Tụng: **Lời này xét lại chí khí khinh,**
Đập cỏ cốt là bọn rắn kinh.
Nếu người rành lối Trường An ấy,
Buông thõng tay đi khỏi hỏi trình.

29. ***Cử:*** **Huyền Sa dạy chúng, nói:**

- Các bậc Lão túc khắp nơi đều bảo: "Tiếp vật lợi sanh." Chợt gặp ba hạng người bệnh lại, làm sao tiếp? Người bệnh mù, giơ chùy dựng phất họ chẳng thấy. Người bệnh điếc, nói năng tam-muội họ không nghe. Người bệnh câm, dạy họ nói, nói không được.

Niêm: **Khát uống đói ăn, lạnh mặc nóng quạt.**

Tụng: **Buồn thì ủ rũ vui tươi cười,**
Mũi dọc mày ngang chẳng khác người.
Đói khát lạnh nồng tùy chỗ được,
Đâu nên bất chợt lại sanh nghi.

30. ***Cử:*** **Thụy Nham thường gọi:**

- Ông chủ nhân, tỉnh tỉnh đi, về sau chớ bị người lừa gạt.

Niêm: **Khóc đến máu tuôn không chỗ dụng,**
Chi bằng ngậm miệng qua xuân tàn.

Tụng: **Thụy Nham thường gọi chủ nhân ông,**
Lược giỏi cơ sâu cũng chẳng hùng.
Nếu quả thế gian tướng vô địch,
Đợi gì gươm giáo mới là hưng.

31. *Cử:* Tam Thánh nói:

- Tôi gặp người liền ra, ra thì chẳng vì người.

Hưng Hóa nói:

- Tôi gặp người thì chẳng ra, ra thì vì người.

***Niêm:* Một con rùa mù, nửa cặp trạnh què.**

***Tụng:* Gặp khát tức thì uống nước ngay,**
Nói ăn bụng đói trọn nguyên ngày.
Hai bên gươm bén thôi niêm kín,
Khi khác trẻ con miệng họa này.

32. *Cử:* Nam Tuyền thấy Đặng Ẩn Phong đến, chỉ tịnh bình nói:

- Tịnh bình là cảnh, ông không được động đến cảnh.

***Niêm:* Nói có, nhằm chỗ nào để.**

***Tụng:* Trong gương không nhớp luống tự chùi,**
Dụng hết công phu uổng phí thôi.
Lặng lặng im im tùy chỗ thích,
Cơm xong liền đó chung trà xơi.

33. *Cử:* Thạch Đầu nói:

- Thế ấy chẳng được, chẳng thế ấy cũng chẳng được, thế ấy chẳng thế ấy thảy chẳng được.

***Niêm:* Các hạnh vô thường, tất cả đều khổ.**

***Tụng:* Câu nói hay khéo đem đến ông,**
Tạm làm mây trắng che cửa động.

Dù cho toàn được mười phần đúng,
Vẫn ở giữa đường muôn dặm trông.

34. ***Cử:*** **Tăng hỏi:**

- Thế nào là cảnh Giáp Sơn?

Sơn đáp:

Vượn ẵm con về sau núi biếc,
Chim tha hoa đáp trước non xanh.

Niêm: **Cây gậy tùy thân, gặp trường thì đùa.**

Tụng: **Giáp Sơn cảnh vắng không người đến,**
Ngay đó phải nên làm những gì?
Nếu người thật được đôi mắt sáng,
Giờ Ngọ mặc tình trống canh ba.

35. ***Cử:*** **Tăng hỏi Mục Châu:**

- Một hơi thở tụng hết một tạng kinh không?

Châu đáp: - Có bao nhiêu bánh đem hết lại đây.

Niêm: **Buông tay đến nhà, chẳng nhọc tiến bước.**

Tụng: **Một hơi tự khéo tụng tạng kinh,**
Chẳng nhọc vạch lá với tìm cành.
Vô biên huyền nghĩa đều hiện rõ,
Hỏi đến Sơn tăng thảy chẳng rành.

36. ***Cử:*** **Trong hội Lâm Tế, hai vị thủ tọa nhà Đông nhà Tây gặp nhau đồng thời hét.**

Tăng hỏi: - Lại có chủ khách hay không?

Lâm Tế đáp: - Chủ khách rõ ràng.

Niêm: **Cũng là vượn trắng nói lăng xăng.**

Tụng: **Thánh chúa ngày nay cổ hóa phong,**
Bản đồ văn phạm trọn tương đồng.
Bờ cõi xa gần phân rành rõ,
An dân tế thế há kể công.

37. ***Cử:*** **Huyền Sa nói:**

- Nếu luận việc này, ví như người chủ một thửa ruộng, đến phần ranh giới đã bán cho các ông rồi, chỉ còn cái cây ở trung tâm vẫn thuộc về Lão tăng.

Niêm: **Biển cả chẳng nạp tử thi.**

Tụng: **Dù người liễu ngộ ngời ngời tỏ,**
Muôn lự đầu tâm hết lăng xăng;
Trong đây còn có tơ hào dấy,
Vào mắt mạt vàng lại xốn xang.

38. ***Cử:*** **Tăng hỏi hòa thượng Tư (Hành Tư) về đại ý Phật pháp. Hòa thượng Tư đáp:**

- Ở Lô Lăng giá gạo bao nhiêu?

Niêm: **Bóng trúc quét thềm trần chẳng dấy,**
Vầng trăng xuyên biển nước không tỳ.

Tụng: **Lời này quả thật bậc anh linh,**
Gồm hết căn cơ tiếp hữu tình.
Một hỏi, Lô Lăng gạo giá mấy,
Hoàn toàn trọn chẳng dính đồ trình.

39. ***Cử:*** **Tăng hỏi thiền sư Văn Thù:**

- Muôn pháp về một, một về chỗ nào?

Văn Thù đáp: - Sông Hoàng Hà chín khúc.

Niêm: **Nhân khi có trăng đẹp,**
Bất thần qua Thương Châu.

Tụng: **Hoàng Hà chín khúc vì nêu ra,**
Chẳng dính đồ trình tự đến nhà.
Nhiều kẻ ban ngày mở mắt ngóng,
Đâu hay chim trĩ đến Tân La.

40. ***Cử:*** **Nam Tuyền hỏi Triệu Châu:**

- Ngươi là Sa-di có chủ hay Sa-di không chủ?

Triệu Châu đáp: - Có chủ.

Nam Tuyền hỏi: - Thế nào là chủ?

Triệu Châu khoanh tay thưa:

- Hôm nay kính chúc Hòa thượng luôn được muôn phước.

Niêm: **Co tay chuyển chùy chẳng đổi gươm,**
Người khéo sử dụng đều được tiện.

Tụng: **Khoanh tay Tùng Thẩm chỉ cho người,**
Chẳng kẹt hai bên chủ tự phân.
Đâu phải Hoa Lam Hàn lệnh thuật,
Nào hay khéo nấu rượu Tuân tuần.

41. *Cử:* Tăng hỏi Mộc Am:

- Thế nào là việc của Nạp y (tăng sĩ)?

Mộc Am đáp: - Dùi châm chẳng vào.

***Niêm:* Ngồi yên dứt mảy trần,**
Hư không chẳng lối thông.

***Tụng:* Cầm thì mịn mượt, ấn thì mềm,**
Trán sắt đầu đồng đụng chẳng xuyên.
Vốn thật hư không, không gián cách,
Đêm về như cũ hoa quế thu.

42. *Cử:* Bàng cư sĩ nói:

Đây là trường thi Phật,
Tâm Không được đậu về.

***Niêm:* Tháp nhạn đề tên, không dung giấy trắng.**

***Tụng:* Áo may trăm mảnh giày cỏ xuyên,**
Thi Phật trong trường đã có tên.
Nếu bảo tâm Không đến ứng cử,
Chẳng ăn roi vọt cũng ăn thoi.

43. *Cử:* Từ Minh hỏi Chân Điểm Hung về đại ý Phật pháp. Chân đáp:

Không mây sanh đỉnh núi,
Có trăng rơi lòng sông.

Minh hét, nói:

- Đầu bạc răng vàng vẫn khởi kiến giải này!

Chân rơi lệ, giây lâu nói:

- Không biết thế nào là đại ý Phật pháp?

Minh đáp:

Không mây sanh đỉnh núi,

Có trăng rơi lòng sông.

Chân đại ngộ.

Niêm: **Người nhân thấy thì gọi là nhân,**

Người trí thấy thì gọi là trí.

Tụng: **Kia đây đồng khảy một cung đàn,**

Cần phải trao cho bạn tri âm.

Không mây, trăng có tuy đồng đấy,

Nào khác núi cao cùng nước sâu.

Chao! Trọn ngày theo hồng trần,

Chẳng biết báu nhà mình.

Ôi! Buông tay không tựa toàn thể hiện,

Lão chài thuyền nhỏ đậu hoa lau.

Giảng:

Niêm tụng kệ do ngài Trần Thái Tông biên soạn gồm bốn mươi ba bài, mỗi bài chia làm ba phần: Cử, Niêm và Tụng. Cử là đề ra hay nêu lên một câu chuyện hoặc một câu trong kinh để giải thích. Niêm là rút gọn hay tóm tắt để nói rõ ý nghĩa của vấn đề. Tụng là giải bày thành một bài kệ, thường thì bốn câu.

1. <u>Cử</u>: Thế Tôn chưa rời Đâu-suất đã giáng vương cung, chưa ra thai mẹ độ người đã xong.

<u>Niêm</u>: Gươm báu chưa vung, tướng quân đã lộ.

<u>Tụng</u>: Đứa bé không hình chửa rời quê,
Sớm tối đưa người qua bến mê.
Cất bước ngao du không xen cách,
Chẳng cần thuyền gỗ với phao bè.

Trong kinh Hoa Nghiêm nói: *Thế Tôn chưa rời Đâu-suất đã giáng vương cung, chưa ra thai mẹ độ người đã xong.* Ngài Trần Thái Tông toát yếu gọn lại: *Gươm báu chưa vung, tướng quân đã lộ.* Nghĩa là người tướng quân chưa huơ gươm chém giặc, mà hình thức tướng quân đã lộ, vì mang giáp đeo kiếm nên biết là tướng quân. Cũng vậy, tuy đức Phật chưa rời trời Đâu-suất đã giáng sanh trong vương cung, chưa ra khỏi thai mẹ đã hiển bày thể bất sanh bất diệt.

Đứa bé không hình chửa rời quê,
Sớm tối đưa người qua bến mê.

Tuy chỉ là pháp thân, chưa có báo thân hay hóa thân, tức là chưa ra đời mà đã độ chúng sanh rồi.

Cất bước ngao du không xen cách,
Chẳng cần thuyền gỗ với phao bè.

Pháp thân trùm khắp không vắng mặt nơi nào, nên không phải chờ có hình thức phao bè mới độ được người. Chính trong thể bất sanh bất diệt là thể độ chúng sanh ra khỏi bến mê.

2. Cử: Thế Tôn mới sanh ra một tay chỉ trời, một tay chỉ đất nói:

- Trên trời dưới đất chỉ ta tôn quý.

Niêm: Một áng mây trắng che cửa động,
Đàn chim về tổ thảy quên đường.

Tụng: Đạt-đa mới giáng Tịnh Vương cung,
Muốn hóa quần sanh tự hiển tung.
Bảy bước đi quanh chỉ trời đất,
Bao người con Phật mất gia phong.

Đức Phật vừa ra đời, tay chỉ trời tay chỉ đất nói: Trên trời dưới đất, chỉ ta là hơn hết. Nghe hai câu này có nhiều người nghĩ ngã của ngài to quá.

Nhớ lại khi xưa tôi đi giảng, có một Phật tử hỏi:

- Thưa Thầy, thường mỗi bài kệ trong kinh có bốn câu, vì sao ở đây đức Phật chỉ nói hai câu:

Thiên thượng thiên hạ,
Duy ngã độc tôn.

Còn hai câu nữa ở đâu?

Tôi về tra lại trong kinh A-hàm, mới biết còn hai câu nữa là:

Nhất thiết thế gian,
Sanh lão bệnh tử.

Như vậy bài kệ có tất cả bốn câu:

Thiên thượng thiên hạ,
Duy ngã độc tôn.
Nhất thiết thế gian,
Sanh lão bệnh tử.

Dịch:

Trên trời dưới trời,
Chỉ ta hơn hết.
Tất cả thế gian,
Sanh già bệnh chết.

Chỉ ta hơn hết là hơn chỗ ta là người đã qua khỏi sanh già bệnh chết, còn thế gian vẫn mắc kẹt trong bốn cảnh này. Bên Đại thừa thường dùng hai câu trước bỏ hai câu sau, tại sao? Vì không muốn nói qua khỏi sanh già bệnh chết là hơn hết, tức là không nói người giải thoát sanh tử là hơn hết. Đại thừa nói *Ta là hơn hết*, vì Ta là Pháp thân, chứ không phải Ta là thân phàm tục do báo, hóa hiện ra, vì vậy nói Ta hơn hết là đủ rồi, không nói thêm hai câu sau nữa.

Trong kinh Kim Cang có bài kệ bốn câu thường được nhắc đến là:

Nhược dĩ sắc kiến ngã,
Dĩ âm thanh cầu ngã,
Thị nhân hành tà đạo,
Bất năng kiến Như Lai.

Dịch:

Nếu dùng sắc thấy Ta,
Dùng âm thanh cầu Ta,
Người ấy hành đạo tà,
Không thể thấy được Phật.

Chữ Ta trong bài kệ không có sắc tướng, không có âm thanh, đó là pháp thân. Pháp thân bất sanh bất diệt là hơn hết, không phải chỉ đức Phật mới có, mà ai ai cũng có, nên nói Ta hơn hết là đủ, không nói thêm nữa.

Một áng mây trắng che cửa động,
Đàn chim về tổ thảy quên đường.

Đây là thấy hình thức mà không thấy chỗ về. Hình thức là tay chỉ trời tay chỉ đất nói: Ta là hơn hết. Ai cũng nghĩ Ta là thân này, cho nên không thể nào thâm nhập được lời Phật nói. Ngài Trần Thái Tông dùng hai câu niêm để giải thích: Vì đám mây trắng che cửa động, nên đàn chim quên đường về tổ. Nghĩa là vì lầm chấp thân tứ đại là Ta nên không ai trở về được với pháp thân bất sanh bất diệt.

Đạt-đa mới giáng Tịnh Vương cung,
Muốn hóa quần sanh tự hiển tung.
Bảy bước đi quanh chỉ trời đất,
Bao người con Phật mất gia phong.

Ngài Tất-đạt-đa vừa giáng sanh ở cung vua Tịnh Phạn, vì muốn giáo hóa quần sanh nên ngài hiển bày

tung tích của mình, là phải đạt được pháp thân. Chúng ta cứ nghĩ Ta là thân này cho nên không ai thấy được chỗ Phật chỉ. Đức Phật đi bảy bước, tay chỉ trời tay chỉ đất nói Ta là hơn hết, chủ yếu là chỉ thể bất sanh bất diệt nơi mọi người. Vì lầm nhận thân tứ đại là mình nên không ai thấy được pháp thân. Thế nên bao người con Phật quên mất gia phong nhà mình.

3. <u>Cử</u>: Thế Tôn đưa cành hoa, Ca-diếp mặt rạng rỡ mỉm cười.

<u>Niêm</u>: Vén đứng lông mày để mắt xem,
Tiến lên suy nghĩ cách ngàn non.

<u>Tụng</u>: Thế Tôn nắm dựng một cành hoa,
Ca-diếp sáng nay được đến nhà.
Nếu bảo đây là truyền pháp yếu,
Về nam xe bắc lối càng xa.

Đức Phật nêu lên cành hoa, đưa mắt nhìn đại chúng, ai cũng im lặng, chỉ có ngài Ca-diếp mỉm cười.

Vén đứng lông mày để mắt xem là chỉ các bậc lão niên lông mày rủ xuống, phải vén lên nhìn, nếu mỉm cười là đúng. *Tiến lên suy nghĩ cách ngàn non*, vừa khởi niệm suy nghĩ là cách xa ngàn dặm, không bao giờ thấy được.

Thế Tôn nắm dựng một cành hoa,
Ca-diếp sáng nay được đến nhà.

Đức Thế Tôn đưa cành hoa nhìn đại chúng, ngài Ca-diếp mỉm cười. Ngay đó đức Phật liền truyền

pháp ấn cho ngài: "Ta có Chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm..., nay trao cho Ma-ha Ca-diếp." Phật nói trao Chánh pháp nhãn tạng mà ngài có trao cái gì không? Thế nên nói:

Nếu bảo đây là truyền pháp yếu,
Về nam xe bắc lối càng xa.

Muốn về nam mà xe hướng đầu đi qua phương bắc thì càng đi càng xa. Vậy có truyền pháp ấn hay không? Không có mà có. Nếu nghĩ pháp ấn là cái gì từ tay trao cho là không bao giờ hiểu được. Chẳng qua vị thầy muốn chỉ cái đó cho thấy, người đệ tử nhận thấy, sáng lên, biết được ý thầy, vị thầy liền ấn chứng. Vì thế đức Phật đưa cành hoa lên, chư tổ trong nhà Thiền dựng đứng phất tử, tổ Bá Trượng chỉ đốm lửa, yếu chỉ đâu có khác. Đó là những điểm đặc biệt trong nhà Thiền.

4. *Cử: Ngoại đạo hỏi Phật:*

- Chẳng hỏi có lời, chẳng hỏi không lời.

Niêm: Trừ người quả thật con ta đó,
Ai kẻ bạo chân vào đường này.

Tụng: Lao quan khó buộc có ai tri,
Ngôn ngữ đều quên không chỗ y.
Chẳng phải trong đời con ngựa giỏi,
Do đâu bất chợt được tiện nghi.

Có một ngoại đạo đến hỏi Phật: Con chẳng hỏi có lời, chẳng hỏi không lời. Đức Phật ngồi lặng thinh.

Ngoại đạo tán thán: Thế Tôn vì con mà chỉ chỗ cứu cánh. Vậy Phật có nói câu nào không?

Trừ người quả thật con ta đó,
Ai kẻ bạo chân vào đường này.

Người nào là con thật của ta mới dám đi đường này, ngoài ra không ai dám cất bước vào.

Lao quan khó buộc có ai tri,
Ngôn ngữ đều quên không chỗ y.

Khi đến chỗ cuối cùng, không bị trói buộc, đâu có ai biết được. Tôi xin nhắc lại câu chuyện trong kinh. Có một ngoại đạo đến hỏi Phật: Thưa Thế Tôn, con không hỏi có lời, không hỏi không lời, Thế Tôn dạy cho. Đức Phật ngồi lặng thinh giây lâu. Ngoại đạo nói: Thế Tôn thật là đại từ đại bi, đã chỉ cho con chỗ cứu cánh. Khi ngoại đạo đi rồi, ngài A-nan đứng hầu một bên, ngạc nhiên hỏi Phật: Bạch Thế Tôn, ngoại đạo hiểu gì mà nói câu đó? Phật bảo: Con ngựa hay thấy bóng roi liền chạy. Vì thế trong bài tụng có hai câu:

Chẳng phải trong đời con ngựa giỏi,
Do đâu bất chợt được tiện nghi.

Bất chợt là dịch chữ Hán *đặc địa*. Con ngựa hay là nhắc lại câu chuyện trong kinh. Tất cả ngôn ngữ nói ra không phải là cứu cánh, tại sao? Vì ngôn ngữ lập trên phương diện đối đãi, chứ không phải tuyệt đối. Như nói trắng là đối với đen, nói tốt là đối với xấu, nói phải là đối với quấy, không có câu nói nào ngoài đối đãi.

Thường đến chỗ vượt đối đãi chư tổ chỉ hét hoặc hư một tiếng mà không nói lời nào. Còn chúng ta cả ngày nói ồn ào, cố gắng nói đến chỗ cứu cánh, mà càng nói càng xa. Dù có nói gì cũng ở trong đối đãi phải quấy hơn thua, còn đối đãi là không phải chân lý. Thế nên chân lý không có ngôn ngữ, ngôn ngữ không có chân lý. Nhưng muốn cho người hiểu chúng ta phải nói, lại còn viết sách nữa, đó đều là mượn những đối đãi để tạm hiểu thôi. Thật ra chỗ cứu cánh không có ngôn ngữ, vì ngôn ngữ có hai lỗi: Một là lập trên đối đãi không phải tuyệt đối. Hai là lời nói do khởi nghĩ mới có nên động, còn chân lý là không động, vì thế lời nói không đến được chân lý. Do hai lỗi này nên mất đi cái chân thật. Việc này chỉ có con cháu trong nhà mới biết được.

5. *Cử:* *Thế Tôn lên pháp tòa,*
Văn-thù bạch chúng rằng:
Quán kỹ pháp Pháp vương,
Pháp Pháp vương như thế.

Niêm: Khảy khúc Dương xuân đàn không dây,
Muôn năm ngàn thuở tiếng nào dứt.

Tụng: Tuy nói câu câu chẳng vết tỳ,
Giấu sừng, đuôi vẫn hiện như ri.
Nào như một ống sáo không lỗ,
Vì anh thổi khúc Thái bình thi.

Thế Tôn lên pháp tòa, Văn-thù bạch chúng rằng:

Quán kỹ pháp Pháp vương, pháp Pháp vương như thế. Đây là bạch chùy, tức là đánh kẻng rồi trình bạch với chúng: Quán kỹ pháp của Pháp vương, pháp của Pháp vương như thế. Nói như vậy mới đủ.

Khảy khúc Dương xuân đàn không dây,
Muôn năm ngàn thuở tiếng nào dứt.

Khảy bản nhạc Dương xuân với cây đàn không dây, tiếng đàn còn mãi không bao giờ dứt bặt. Nếu tiếng do động mà ra, tức nhiên có sanh phải có diệt. Còn tiếng không động mà có, tiếng đó không bao giờ diệt, nên muôn năm ngàn thuở không bao giờ dứt.

Pháp của Pháp vương như thế, chúng ta hiểu chữ *như thế* ra sao? Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật giảng về thập như thị: như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo v.v... tất cả là mười pháp như thế. Pháp của Pháp vương như thế tức là pháp của Phật là như thế, đây là chỉ tướng chân thật của các pháp.

Trong nhà Phật chữ như thế có nghĩa rất đặc biệt. Thí dụ đây là cái tách. Có người hỏi: Cái tách ra làm sao? Đáp: Cái tách là cái tách, nó như thế. Đáp vậy là đúng như thị. Nếu nói cái tách này xấu là có so sánh với cái tách khác đẹp hơn. Tức là khi trước chúng ta đã thấy một cái tách khác và đem hình bóng của cái tách cũ để đối chiếu với cái tách hiện giờ. Chúng ta luôn luôn dùng hình bóng quá khứ để so sánh với hiện tại, có so sánh là không thấy như thật. Nếu nói cái tách là cái tách, không nói gì thêm, nhìn thấy nó như thế là thấy như thật,

đó là nhìn đúng với con mắt nhà Thiền. Nếu nhìn cái tách nói là đẹp là xấu, là nhìn với con mắt phân biệt so sánh, tức không thấy đúng như thật.

Như hiện giờ chúng ta nhìn một người đã có ác cảm với mình khi trước, vừa trông thấy người ấy, chúng ta cảm thấy không vui trong lòng, dù người ấy đang nói những lời tốt lành với bè bạn. Đó là chúng ta nhìn với khuôn cũ sẵn có cho người ấy là xấu, không thể nào tốt được. Giả sử có người có cảm tình với chúng ta khi trước, bị phê bình là xấu là dở, chúng ta liền phản đối và bênh vực ngay. Tại sao? Vì chúng ta nhìn theo hình bóng đẹp khi xưa đã có sẵn nơi chúng ta, nên không thấy đúng như thật về con người đó. Tóm lại, nếu thấy đúng *như thế*, thì khi nhìn một người nào, chúng ta không có gì bực bội chê bai hay bênh vực bào chữa. Vì thế người tu thiền là lột hết những khuôn cũ, những kiến chấp cũ mà thế gian gọi là thành kiến hay định kiến, chỉ thấy con người và sự vật đúng như thật ngay đây và hiện giờ, các pháp như thế nào thấy như thế ấy, chứ không đem khuôn cũ để so sánh với cái mới hiện tại. Thế nên pháp *như thị* rất hay, rất đặc biệt. Tinh thần đạo Phật là thấy tất cả như thật, không theo thành kiến của chính mình hay của những người thân thuộc bạn bè lập ra.

Nếu thấy đúng tinh thần *như thị* thì chúng ta không có phiền não. Trái lại thấy trong so sánh phân biệt thì chúng ta sẽ bực bội rất nhiều. Đối diện với người oán hờn mình, nếu thấy *như thị* thì chúng ta không còn bực tức, nghĩa là không có *oán tắng hội khổ*.

Nếu sống *như thị* thì có người thương hay không có cũng thôi, thì đâu có *ái biệt ly khổ*. Sống *như thị* thì không khởi niệm mong cầu, thế là không còn *cầu bất đắc khổ*... Thấy *như thị* thì tất cả khổ đau theo đó tan hoang như mây khói. Sở dĩ hiện nay bao nhiêu thứ khổ đau dồn dập tới là vì chúng ta sống với hình bóng quá khứ, sống với mong cầu tương lai, chứ không sống với các pháp hiện tại. Những gì trong quá khứ chúng ta cứ nuôi dưỡng, nên khi đối diện với hiện tại, như ý thì vui, trái ý thì buồn, như ý và trái ý là đối với khuôn cũ sẵn có. Dù cho hiện tại có thay đổi chăng nữa, nhưng vì thành kiến nên luôn luôn chúng ta sống trong đau khổ. Nếu sống đúng như thị thì chúng ta sẽ được an lành tự tại, những khổ đau ngang đây chấm dứt.

Như vậy cái thấy đúng *như thị* là cái thấy đạo đức, đâu mất thời giờ để nói chuyện năm xưa, đâu mất thời giờ để so sánh đối chiếu. Sống trong hiện tại, giờ ăn cơm cứ ăn cơm, giờ cuốc đất cứ cuốc đất, như thế chúng ta tránh được bao thứ điên đảo, hoặc của thời quá khứ hoặc của mong đợi tương lai. Thế nên Thiền sư nói: Cây gậy là cây gậy. Đó là nhìn đúng *như thị*. Pháp của Pháp vương như thế, mới nghe dường như đơn giản, kỳ thật khó hiểu làm sao! Song gốc của đạo là ở đây vậy, nên nói tiếng đàn không dây rất tuyệt vời không bao giờ mất.

Tuy nói câu câu chẳng vết tỳ,
Giấu sừng, đuôi vẫn hiện như ri.

Nếu nói câu nào đều đúng như thị thì câu câu đều không tỳ vết. Giấu sừng mà đuôi vẫn hiện, nói như thị

mới nghe tưởng như bí mật, nhưng đã bày hiện lẽ thật rồi, đó là giấu đầu mà ló đuôi.

Nào như một ống sáo không lỗ,
Vì anh thổi khúc Thái bình thi.

Như có cành trúc dùng làm ống sáo mà không có lỗ, vì anh thổi khúc sáo Thái bình. Ai sống được như thị sẽ được thái bình an lạc muôn đời. Chúng ta hãy thử sống một ngày như thị xem có được thái bình muôn thuở chăng? Vì sống với quá khứ và vị lai cho nên chúng ta thường bất bình nổi sóng. Chúng ta ngồi lại cứ ôn nhớ những chuyện cũ rồi tự mình chuốc khổ, buồn thương giận ghét. Còn sống ngay hiện tại, tất cả như thế, thì đâu có khổ, đó thật là thái bình.

Việc tu hết sức là đơn giản, đâu phải làm những điều gì khó khăn, chỉ thấy đúng như thế thôi, không có so sánh để khen chê thương ghét. Nếu còn so sánh là còn thương ghét, khen chê, nhân đó sanh ra các thứ phiền não. Nếu thấy các pháp đều như thế thì không còn thương ghét khen chê, chẳng phải khúc sáo thái bình là gì? Như vậy tu là cốt đem lại cho mình một cuộc đời bình an vô sự, thanh thản không phiền hà, đó là như thị.

6. <u>Cử</u>: Vua nước Kế-tân cầm kiếm, bảo tổ thứ hai mươi bốn (tổ Sư Tử) rằng:

- Thầy được năm uẩn không chăng?

Tổ đáp: - Đã được.

Vua hỏi: - Lìa sanh tử chăng?

Tổ đáp: - Đã lìa.

Vua hỏi: - Có thể thí cái đầu cho tôi được không?

Tổ đáp:

- Thân còn không phải của ta, huống nữa là đầu!

Vua liền chém. Sữa trắng vọt ra, tay vua tự rơi.

Niêm: Đem đầu kề gươm bén,

Dường như chém gió xuân.

Tụng: Đao bén chém nước, lửa thổi (ánh) sáng,

Việc này nên biết nào ngại gì.

Báo tin sáng ấy xa khói sóng,

Ai biết riêng có nghĩ suy lành.

Đây là câu chuyện tổ Sư Tử bị vua Kế-tân giết. Ngài Trần Thái Tông niêm:

Đem đầu kề gươm bén,

Dường như chém gió xuân.

Vua Kế-tân đưa kiếm chém đầu Tổ dường như chém gió mùa xuân. Tại sao? Vì Tổ đã nói: Thân này còn không phải của ta huống nữa là đầu. Tức là thân này không phải của ngài, nên khi bị chém đầu, ngài xem như chém gió xuân, không có dính dáng gì với ngài cả. Nếu người tu đến được chỗ này là thành Tổ rồi. Còn chúng ta hiện nay, nếu kiếm bén đưa đến gần liền quỳ lạy van xin tha mạng, là vì chúng ta còn thấy cái ngã quá to, quá nặng, nhưng với Tổ, ngài thấy cái ngã không còn nữa. Thế nên có bài tụng:

Đao bén chém nước, lửa thổi (ánh) sáng,
Việc này nên biết nào ngại gì.

Dùng dao bén chém nước, nước không bị đứt. Dùng lửa thổi ánh sáng, ánh sáng không lay động. Đây là nói lên ý nghĩa: Khi vua Kế-tân cầm kiếm chém đầu tổ Sư Tử, cũng như chém nước, như thổi ánh sáng, đối với Tổ không có nghĩa lý gì, nên nói: *việc này nên biết nào ngại gì*. Tuy Tổ bị giết mà không có chút gì ngại ngùng hay khó khăn.

Báo tin sáng ấy xa khói sóng,
Ai biết riêng có nghĩ suy lành.

Xa khói sóng tức là bỏ thân nhớp nhúa vô thường. Thân này như khói, như sóng không có giá trị gì. Tuy bị chặt đầu, bỏ thân khói sóng, nhưng vẫn có hiện tượng tốt đẹp, nên nói *riêng có nghĩ suy lành*, nghĩa là khi ấy tổ được thảnh thơi giải thoát. Bỏ thân bại hoại vô thường, sống với thể bất sanh bất diệt, thì đẹp biết dường nào, đâu có gì phải lo sợ hay buồn khổ. Thế nên qua lời giảng của ngài Trần Thái Tông, chúng ta thấy rõ những gì cần làm, cần tu, chứ không phải chỉ nói chuyện suông, nhất là đối với người tu Thiền.

7. <u>Cử</u>: Đại sư Đạt-ma đến chùa Thiếu Lâm ở Lạc Dương. Chín năm ngồi xây mặt vào vách.

<u>Niêm</u>: Để mắt xem, thôi ngủ gật.

<u>Tụng</u>: Chim bằng vỗ cánh đến Nam Minh (Nam Hải),
Nối gót luống công muôn dặm trình.

Đêm trước chỉ tham vui yến tiệc,
Sáng nay bất giác say men nồng.

Đây là kể lại câu chuyện tổ Đạt-ma khi đến ở chùa Thiếu Lâm, tại kinh đô Lạc Dương. Tổ Đạt-ma đến chùa Thiếu Lâm, chín năm ngồi xây mặt vào vách để làm gì?

Ngài Trần Thái Tông niêm gọn lại: *Để mắt xem, thôi ngủ gật*. Tức là ngồi đó nhìn xem, chớ có ngủ gật. Chúng ta đừng tưởng lầm Tổ tiêu cực yếm thế, ngồi xây mặt vào vách, không nói đến ai. Mục đích Tổ ngồi đó là chờ người đủ điều kiện đến để truyền trao chánh pháp. Như vậy đây là một việc làm phi thường, chứ không phải có tính cách tiêu cực, yếm thế, trốn thiên hạ. Cho nên có bài tụng:

Chim bằng vỗ cánh đến Nam Minh (Nam Hải),
Nối gót luống công muôn dặm trình.

Chim đại bàng một khi vỗ cánh liền tới biển Nam Hải. Nếu bắt chước nối gót theo sau thì luống công vô ích, vì chim vỗ cánh đã bay xa muôn dặm, chúng ta có đi theo cũng không kịp. Đó là nói việc làm của tổ Đạt-ma giống như chim đại bàng vỗ cánh. Nếu chúng ta bắt chước ngồi xây mặt vào vách như ngài, chỉ uổng công vô ích, chứ không bao giờ giống ngài được.

Đêm trước chỉ tham vui yến tiệc,
Sáng nay bất giác say men nồng.

Đêm trước chúng ta mê vui trong yến tiệc đến khuya, sáng lại giật mình thức dậy, mặt trời đã lên cao

mà còn say trong men nồng. Hai câu này ý nói: Chúng ta ở trong mê, mà tưởng lầm là giác, cũng như chúng ta bắt chước Tổ ngồi xây mặt vào vách, mà không biết mục đích của ngài. Đó là bắt chước trong mê, chứ không phải đúng, như thế mê lại thêm mê, không có lợi ích gì.

8. *Cử: Nhị Tổ xin Sơ Tổ pháp an tâm.*

Sơ Tổ bảo: - Đem tâm ra ta an cho ông.

Nhị Tổ thưa: - Con tìm tâm không thể được.

Sơ Tổ bảo: - Ta an tâm cho ông rồi.

Niêm: Em bé lên ba ôm trống giấy,
Ông già tám chục mặc áo cầu.

Tụng: Tâm đã không tâm nói với ai,
Người câm thức mộng mắt tròn xoe.
Lão tăng dối bảo an tâm đấy,
Cười ngất bàng quan chẳng tự hay.

Nhị tổ Huệ Khả xin Sơ tổ Đạt-ma pháp an tâm. Sơ Tổ bảo: Đem tâm ra ta an cho. Ngài Huệ Khả tìm tâm không được, thưa: Con tìm tâm không được. Tổ bảo: Ta đã an tâm cho ngươi rồi. Như vậy Tổ có an tâm thật hay không? Làm cách gì để an tâm? Không có một pháp để an tâm. Thế mà Sơ Tổ lại bảo đã an tâm cho ngươi rồi. Đó là nói thật hay không?

Ngài Trần Thái Tông *niêm:*

Em bé lên ba ôm trống giấy,
Ông già tám chục mặc áo cầu.

Trống giấy là của người lớn khéo đánh mới không bể, lại đưa cho con nít lên ba vỗ thì lủng ngay. Còn ông già tám mươi tuổi lại mặc áo cầu, là áo vẽ hình bông hoa để cho con nít mặc.

Ý ngài Trần Thái Tông nói tổ Đạt-ma chỉ pháp an tâm cho tổ Huệ Khả giống như là trao trống giấy cho đứa trẻ lên ba, hay là bắt ông già tám mươi tuổi mặc áo bông vậy. Đây là tổ Đạt-ma đánh lừa nhưng rất khéo.

Tụng: Tâm đã không tâm nói với ai,
Người câm thức mộng mắt tròn xoe.

Tâm đã không thật, làm sao nói! Cũng như người câm nằm ngủ mộng thấy mình được đãi một bữa tiệc rất ngon, khi thức dậy muốn kể lại cho bạn bè làm sao kể? Chỉ nhìn người rồi trợn tròn đôi mắt, chứ không nói gì được. Cũng như vậy, tâm không thật lại bảo đem ra, làm sao đem. Tâm vọng tự nó dấy lên mình thấy nhưng không nói cho người nghe được, chỉ cho người thấy được, giống như người câm nằm mộng mà bảo kể lại giấc mộng thì không kể được.

Lão tăng dối bảo an tâm đấy,
Cười ngất bàng quan chẳng tự hay.

Tổ nói: Ta an tâm cho ngươi rồi, đó là một cách nói dối, nhưng dối mà không dối. Người bàng quan không biết được việc này.

Hiện giờ chúng ta có biết tổ Đạt-ma an tâm bằng cách nào không? Đây là thuật của Tổ, bảo an tâm mà

tâm đó hư dối không thật, làm sao an? Thí dụ như hiện giờ cái tách cái đĩa có hình tướng để bên cạnh ghế nó sẽ ngã đổ, nếu để giữa bàn bảo đảm là an ổn. Vậy có hình thức mới có chỗ nơi. Còn tâm suy nghĩ vọng tưởng của chúng ta hiện giờ ra sao, đang ở đâu? Nó không hình không tướng, muốn an làm sao an? Thế nên Sơ Tổ bảo: Tìm tâm đem ra ta an cho. Nghĩa là ông muốn an cái không hình không tướng, nếu tìm được đem ra đây, thì ta an được. Nhưng ngài Huệ Khả tìm đáo để không được. Khi tìm không được, tức là tâm an mất rồi. Như vậy ngài Huệ Khả tự an tâm mà nói Sơ Tổ an tâm, không phải nói dối là gì? Thế mà chúng ta nghĩ có pháp an tâm thật, đó là người bàng quan không biết gì.

Trọng tâm việc tu là biết xoay lại tìm. Vì tâm vọng không thật, nên một phen tìm lại nó mất tiêu, thế là tự nó đã an rồi. Nói an tâm nhưng thật ra không có tâm nào, không có cách nào để an, chỉ là biết xoay lại soi sáng chính mình, tâm vọng mất đi, đó là an tâm. Đây là điểm đặc biệt trong nhà Thiền, nếu chúng ta không nắm vững, khó mà biết được chỗ này.

9. <u>Cử</u>: Ngài Văn-thù thấy cô gái nhập định gần Phật, ngài đến xuất định không được. Phật sai Bồ-tát Võng Minh đến xuất định được.

<u>Niêm</u>: Đứa con oan gia, mất gia phong ta.

<u>Tụng</u>: Đều cùng xuất định có sơ thân,
Định ấy nên là chửa chánh chân.
Nếu thật Hóa công không hậu bạc,
Xoay vần xuân đến khắp mọi phần.

Đây là câu chuyện dẫn trong kinh. Một hôm đức Phật đang thuyết pháp cho tăng chúng, có một cô gái đến ngồi gần tòa đức Phật nhập định. Ngài Văn-thù thấy vậy là vô phép, mới dùng thần thông để xuất định cho cô, nhưng không được. Sau đó đức Phật bảo Bồ-tát Võng Minh đến xuất định thì cô mới xuất. Ngài Võng Minh là Bồ-tát mới tu, còn ngài Văn-thù là Bồ-tát Đại trí, rất là đặc sắc, thế mà ngài không làm được việc mà một vị sơ cơ làm được. Như vậy định của cô gái có phải là đại định không?

Lời *niêm: Đứa con oan gia, mất gia phong ta.*

Nếu là định cứu cánh chân thật thì người đại trí đã cho xuất được, còn định đó chưa phải là chân thật nên người tu sơ cơ cũng xuất được. Thí dụ như có những Phật tử nghiên cứu Phật pháp khá, đến đây hỏi đạo lý với tôi, khi tôi giảng nói họ nghe họ hiểu. Còn nếu người chưa hiểu Phật pháp chút nào hay hiểu lệch lạc, đến đây hỏi, tôi có nói họ cũng không hiểu. Nhưng khi đến nhà khách, thầy Tri khách nói họ lại hiểu. Vậy những gì cao sâu thì người tu cao nói được, còn những điều thông thường thì người thường nói chuyện vui vui đây kia họ nghe họ hiểu. Thế nên có lời bình như sau:

Đều cùng xuất định có sơ thân,
Định ấy nên là chửa chánh chân.

Nếu cùng xuất định mà có kẻ sơ người thân thì định ấy chưa chân chánh.

Nếu thật Hóa công không hậu bạc,
Xoay vần xuân đến khắp mọi phần.

Nếu thật trời đất không có đối với người sâu, cạn khác nhau thì nơi đâu cũng được mùa xuân. Nhưng vì có hậu bạc, nên mùa xuân không cùng khắp. Đó là để nói định có chân và không chân, không phải định nào cũng đều chân chánh như nhau.

10. Cử: Mã Tổ nói:

- Từ sau loạn Hồ ba mươi năm, chưa từng thiếu tương muối.

Niêm: Dù cho chẳng phạm mảy may,
Vẫn là cầm bánh dính tay.

Tụng: Trước kia làm bạn khách rượu trà,
Quán rượu thường nằm bên cạnh nhà.
Giả thử khoe khoang người lanh lợi,
Giữa đường mất áo chịu thôi mà.

Đây là câu chuyện trong sử, Mã Tổ đi ra giáo hóa, trụ ở Giang Tây. Thầy ngài là tổ Nam Nhạc Hoài Nhượng cho người tới hỏi:

- Từ khi rời tổ Nam Nhạc đến nay, Thầy ở đây truyền bá thế nào?

Mã Tổ nói:

- Từ sau loạn Hồ ba mươi năm, chưa từng thiếu tương muối.

Loạn Hồ tức là thời loạn lạc ở Trung Hoa. Sau đó ba mươi năm thì tương muối lúc nào cũng sẵn, không có thiếu. Ý muốn nói, từ khi thấy đạo đến nay, lúc nào cũng hiện tiền, không có thiếu thốn.

Niêm: Dù cho chẳng phạm mảy may,
Vẫn là cầm bánh dính tay.

Nói chưa từng thiếu tương muối, nghĩa là khoe ta là người không có thiếu. Như thế tuy không phạm lỗi, nhưng cũng là cầm bánh dính tay, hơi dơ một chút.

Ngài Trần Thái Tông có lời bình:

Trước kia làm bạn khách rượu chè,
Quán rượu thường nằm bên cạnh nhà.
Giả thử khoe khoang người lanh lợi,
Giữa đường mất áo chịu thôi mà.

Trước kia tức là lúc loạn Hồ. *Khoe khoang người lanh lợi* là nói Mã Tổ bảo chưa từng thiếu tương muối. Nhưng *giữa đường mất áo chịu thôi mà*, nghĩa là tuy lanh lợi thật nhưng cũng bị mất áo tìm không được, vậy mới đúng với ý nghĩa cầm bánh dính tay. Nếu tự cho mình không từng vắng thiếu, vẫn là có chút khoe khoang!

Phụ chú:

1/ Những bài Niêm Tụng này, mới nghe thấy rất khó. Người nghe chỉ có hứng thú trong cái dứt bặt nghĩ tưởng, còn suy gẫm thì không thấy thú chút nào. Nghe rồi mỗi ngày thấm một ít, lâu ngày thành quen, mới biết Thiền rất là quan trọng. Nhiều khi chúng ta nghĩ Thiền nói chuyện đâu đâu không hiểu nổi, dù có hay cũng trở thành không hay. Nếu không hay thì sách vở để lại làm gì cho vô ích? Chúng ta cần phải nhận hiểu đôi chút để nếm được hương vị Thiền mới thấy cái hay của người xưa.

Người xưa hiểu và ứng dụng tới đâu, chúng ta ngày nay cũng noi theo gương đó để thực hành. Tuy những bài Niêm tụng có khô khan nhưng chúng ta cố gắng nghe, rồi sẽ thấm được vị Thiền.

2/ Chữ Biết trong đạo Phật.

Hôm nay chúng tôi nói thêm về chữ Biết trong đạo Phật để quý vị nghe và nhận định kỹ trước khi bước vào đường tu tập.

Chữ Biết danh từ chuyên môn trong đạo gọi là Tâm. Đức Phật nhìn thấy nơi con người chúng ta có hai loại biết:

- Loại biết do duyên với bóng dáng của sáu trần rồi khởi suy nghĩ phân biệt, đó là cái biết sanh diệt, trong nhà Phật gọi là vọng tâm.

- Còn cái biết sẵn nơi sáu căn, không do duyên với bóng dáng sáu trần, cũng không do suy nghĩ phân biệt, mà luôn luôn hằng có, đó là cái biết không sanh diệt, trong kinh Lăng-nghiêm đức Phật gọi là chân tâm.

Như vậy chân tâm là cái biết thường hằng không sanh diệt, còn vọng tâm là cái biết duyên theo bóng dáng sáu trần, cái biết này hư dối, chợt sanh chợt diệt, chợt có chợt không, không phải là thật. Nhưng hầu hết chúng ta đang sống trong cái biết sanh diệt đó. Lúc nào có nghĩ có tính thì gọi là biết, khi không nghĩ không tính tưởng chừng như không biết. Vì thế chúng ta nhận cái biết sanh diệt làm tâm của mình, còn cái biết hằng hữu

không sanh không diệt, mình lại bỏ quên, không nhận ra nó. Thế nên đức Phật nói chúng ta cứ mãi đi trong luân hồi sanh tử.

Cái biết duyên theo bóng dáng sáu trần, mà sáu trần là tướng vô thường sanh diệt nên cái biết cũng là niệm sanh diệt. Bên ngoài chạy theo cảnh sanh diệt, bên trong nhận tâm sanh diệt làm mình, chạy theo hai tướng sanh diệt thì nhất định chúng ta phải đi trong sanh tử luân hồi. Ai cũng như ai đều chấp nhận, đều sống như vậy, cho nên đức Phật bảo: Chúng sanh bị trầm luân trong sanh tử luân hồi.

Hiện nay muốn dứt dòng sanh tử, đức Phật dạy chúng ta phải trở lại cái biết chân thật chưa bao giờ sanh diệt, cái biết đó mới là thật mình, mới là hằng hữu. Vì nó không duyên theo bóng dáng của sáu trần, nên không phải tướng sanh diệt, không sanh diệt thì làm gì có sanh tử luân hồi? Thế nên chúng ta sống trở về với cái biết chân thật là chúng ta biết tu, trở về cái không sanh diệt là chúng ta giải thoát. Thế thì sanh tử hay giải thoát gốc ở nơi mình. Nếu lầm nhận cái biết sanh diệt là mình thì lăn trong sanh tử, nhận cái biết không sanh diệt là mình thì giải thoát sanh tử.

Lâu nay sở dĩ chúng ta quanh quẩn không tìm ra lối đi, vì bị sanh diệt chi phối. Nghiệm cho thật kỹ, mỗi khi chúng ta suy nghĩ, thì cái suy nghĩ là cái biết sanh diệt. Cái suy nghĩ đó luôn luôn kèm theo những hình bóng của trần cảnh hay ngôn ngữ, mà trần cảnh

và ngôn ngữ đều là tướng sanh diệt, nên cái suy nghĩ về hai tướng đó cũng sanh diệt. Thế mà chúng ta cứ mãi sống theo cái sanh diệt, chứ không bao giờ sống với cái thật của mình. Nay muốn giải thoát sanh tử, chúng ta phải dừng cái sanh diệt để nhận ngay nơi mình có cái biết không sanh diệt, đó là chúng ta hướng về con đường giải thoát, trong nhà thiền gọi là *trở về cố hương*. Còn đi theo sáu trần để chịu sanh tử, đó gọi là *lang thang làm khách phong trần*.

Hiểu rõ chỗ này rồi, chúng ta mới biết nhà thiền nhắm thẳng vào cái gì. Nếu không hiểu, chúng ta thấy các thiền sư nói những chuyện đâu đâu, rất là vô nghĩa vô lý. Thông thường chúng ta quen câu nói nào cũng phải có nghĩa có lý, tức là có suy gẫm, càng suy gẫm thì càng lăn trong sanh diệt. Thế nên câu nói hay nhất của nhà thiền là câu nói không suy nghĩ được. Câu nói không suy nghĩ được mà mình nhận ra, thì đó là những câu rất hay, trong nhà thiền gọi là lời nói sống hay hoạt ngữ. Còn câu nói mà suy nghĩ được, nhà thiền gọi là tử ngữ hay câu nói chết. Hiểu như vậy, khi đi sâu trong tinh thần thiền tông, chúng ta mới thấm được cái hay. Nếu không, chúng ta nghe nói sao lạ lùng quá, không có một chút ý vị gì, nhưng không ý vị lại được các ngài khen, còn nói có suy gẫm thấy hay lại bị các ngài chê. Đó là chỗ thiết yếu trong sự tu. Nếu tu Thiền mà không nắm vững được lý này thì không hiểu được đạo Phật. Đạo Phật cốt dạy chúng ta giác ngộ và giải thoát. Giác ngộ giải thoát là tự nơi mình. Tâm tư lóng lặng, trí tuệ sáng suốt, thấy được

lẽ thật thì giác ngộ. Thấy được lẽ thật và sống được với lẽ thật đó thì chúng ta không bị sanh tử nữa, đó là giải thoát. Gốc của sự tu là ở ngay chỗ này.

Chúng tôi phác họa đại khái để khi nghe các thiền sư nói chuyện, quý vị không có ngỡ ngàng, không thấy khó khăn. Nếu không thì khi nghe những câu nói vừa vô nghĩa vừa thô kệch, quý vị nghĩ rằng các thiền sư nói năng không có gì hay cả, nhưng chính lời thô kệch vô nghĩa lại được khen, còn những lời văn hoa bóng bẩy lại bị chê. Hiểu được như vậy mới thấy chỗ đặc biệt của nhà Thiền.

11. Cử: Bá Trượng tái tham Mã Tổ, Mã Tổ hét một tiếng. Bá Trượng đại ngộ.

Niêm: Ngàn mũi nhọn, không bằng một nhát mai cùn.

Tụng: Ngày trước thiên hạ chẳng chung đồng,
Bốn bên dấy loạn tợ đàn ong.
Mã Tổ một phen vung kiếm bén,
Từ đây đường nẻo tin tức thông.

Đây là câu chuyện ngài Bá Trượng tái tham Mã Tổ. Tái tham tức là trở lại tham vấn lần thứ hai. Sở dĩ trở lại tham vấn là lý do như sau: Một hôm Mã Tổ đi dạo, ngài Bá Trượng theo hầu. Thấy một bầy vịt trời bay qua, Mã Tổ hỏi:

- Đó là cái gì?

Sư thưa: - Bầy vịt trời.

Mã Tổ hỏi: - Bay đi đâu?

Sư thưa: - Bay qua (tức là bay qua mất).

Mã Tổ bèn nắm lỗ mũi Sư kéo mạnh, đau quá Sư la thất thanh. Mã Tổ bảo:

- Lại nói bay qua đi!

Ngay câu ấy Sư tỉnh ngộ.

Qua câu chuyện trên, chúng ta thấy thầy trò như nói đùa nhau. Đi dạo vườn, thấy bầy vịt trời bay ngang trên hư không. Thầy hỏi: Cái gì? Trò đáp: Bầy vịt trời. Lại hỏi: Đâu rồi? Trò phải đáp làm sao? Tất nhiên phải đáp: Bay qua mất. Thầy liền nắm lỗ mũi kéo mạnh một cái, trò đau la thất thanh. Thầy bảo: Lại nói bay qua đi. Như vậy câu nói đó có lý thú gì mà ngay đó ngài Bá Trượng liền tỉnh ngộ? Chúng ta thử lặng tâm xem có thấy được chỗ ngộ của ngài không?

Trở lại việc trước, khi ngài Bá Trượng làm thị giả cho Mã Tổ, mỗi khi thí chủ đem trai phạn đến, ngài giở lồng bàn ra, Mã Tổ liền cầm nửa cái bánh đưa lên giữa chúng hỏi: Đây là cái gì? Trải qua ba năm như vậy, Thị giả chịu thua không trả lời được.

Nếu chúng ta thưa: Là cái bánh, có trúng chỗ Tổ muốn nói chưa? Chưa trúng. Qua thời gian ba năm, ngài Bá Trượng đã nuôi dưỡng cái gì rồi. Cho đến hôm nay thầy trò đi dạo vườn, Tổ mới sử dụng thuật bầy vịt trời bay qua, xem như Mã Tổ đã chuẩn bị trước ba năm, đến lúc này Tổ mới sử dụng và ngài Bá Trượng liền được tỉnh ngộ.

Khi ngộ xong trở về phòng thị giả, Sư khóc rất thống thiết. Những người cùng phòng hỏi:

- Huynh nhớ cha mẹ phải không?

Sư đáp: - Không.

Hỏi: - Bị người ta mắng chửi chăng?

Đáp: - Không.

- Tại sao khóc?

- Lỗ mũi tôi bị Hòa thượng kéo đau thấu xương.

Huynh đệ mới hỏi:

- Có nhân duyên gì không khế hội?

Ngài trả lời: - Huynh hỏi Hòa thượng đi.

Những vị ấy đến hỏi Mã Tổ:

- Thị giả Hải có nhân duyên gì chẳng khế hội ở trong phòng khóc, xin Hòa thượng vì chúng con nói.

Mã Tổ bảo: - Y đã khế hội, các ngươi tự hỏi lấy y.

Các vị về phòng hỏi:

- Hòa thượng nói huynh đã hội, bảo chúng tôi về hỏi huynh.

Sư bèn cười ha hả. Các vị ấy bảo:

- Vừa rồi khóc, sao bây giờ cười?

Sư đáp: - Vừa rồi khóc bây giờ cười.

Các vị ấy mờ mịt không hiểu.

Cách tu hành này thật lạ lùng, chúng ta thấy sự diễn tiến rất kỳ đặc. Tổ đưa nửa cái bánh lên hỏi: Đây là cái gì? Ai không biết là cái bánh, tại sao Tổ lại cầm cái bánh hỏi là cái gì, phải trả lời làm sao? Cho nên ngài ôm ấp mãi việc này trong ba năm. Đến cuối cùng,

khi bị Tổ kéo lỗ mũi và bảo: Sao không nói bay qua mất đi? Ngay đó ngài liền thấy. Thấy lỗ mũi hay thấy bầy chim?

Nghe câu chuyện chúng ta cứ mắc kẹt về bầy chim bay hay lỗ mũi bị kéo mạnh. Nhưng chỗ Thiền sư muốn chỉ không phải là chỗ đó. Bầy chim là tướng sanh diệt bên ngoài, lỗ mũi là tướng sanh diệt bên trong. Chỉ có cái không sanh diệt biết được bầy chim mới là quan trọng, đó là chỗ Tổ muốn chỉ. Tuy nhận được nhưng ngài Bá Trượng chưa đủ lòng tin rằng mình ngộ thật, nên về phòng ngài khóc. Những người đồng phòng mới hỏi lý do, ngài trả lời: Lỗ mũi tôi bị Hòa thượng kéo đau quá. Hỏi: Có nhân duyên gì không hội nên bị kéo lỗ mũi? Đáp: Huynh đến hỏi Hòa thượng đi. Khi những vị đến hỏi, Mã Tổ bảo: Y đã ngộ rồi, tức là Tổ xác nhận ngài đã ngộ. Khi ấy ngài cười ha hả, nghĩa là không còn nghi ngờ nữa. Ngài không tự đến hỏi Tổ mà nhờ các thầy đồng phòng đi hỏi giùm, đó là cái khéo của người xưa, khi được xác nhận ngài cười to.

Đến hôm sau Mã Tổ vừa lên tòa, chúng nhóm họp xong, Sư bước ra cuốn chiếu. Mã Tổ xuống tòa, Sư theo sau đến phương trượng. Mã Tổ hỏi:

- Ta chưa nói câu nào, tại sao ngươi cuốn chiếu?

Sư thưa: - Hôm qua bị Hòa thượng kéo chót mũi đau.

Mã Tổ hỏi: - Hôm qua ngươi để tâm chỗ nào?

Sư trả lời: - Chót mũi ngày nay lại chẳng đau.

Mã Tổ nói: - Ngươi hiểu sâu việc hôm qua.

Đó là xác nhận một lần nữa. Sư làm lễ lui ra. Vậy là ngài trực tiếp được Mã Tổ xác nhận, đó là truyền tâm ấn.

Kỳ sau tái tham, Sư đứng hầu Mã Tổ, thấy phất tử ở góc giường, Sư hỏi:

- Tức đây dùng, lìa đây dùng?

Mã Tổ bảo:

- Về sau ngươi mở miệng sẽ lấy cái gì vì người?

Sư cầm phất tử dựng đứng. Mã Tổ hỏi:

- Tức đây dùng, lìa đây dùng?

Sư để phất tử lại chỗ cũ. Mã Tổ nghiêm chỉnh hét một tiếng, đến ba ngày Sư còn điếc tai.

Đây là lần sau trở lại tham vấn, ngài Bá Trượng thấy cây phất tử, tức là cây chổi quét bụi, để trên bàn, Sư liền chỉ cây phất tử nói: Tức đây dùng hay lìa đây dùng? Nghĩa là ngay cây phất tử đó mà dùng hay lìa cây phất tử dùng? Mã Tổ bảo: Về sau ngươi mở miệng sẽ lấy cái gì vì người, tức là muốn dạy dỗ người thì lấy cái gì để chỉ dạy? Sư cầm cây phất tử dựng đứng, đó là dạy người. Chúng ta mới thấy sở trường của mình nơi vị thầy như thế nào, đến khi dạy người, mình cũng sử dụng thuật đó triệt để. Dựng đứng cây phất tử là chỉ cái gì? Có phải chỉ bầy vịt trời không? Đến khi Mã Tổ hỏi: - tức đây dùng hay lìa đây dùng, ngài liền để cây phất tử lại y chỗ cũ. Mã Tổ nghiêm chỉnh hét một tiếng, ba ngày còn điếc tai. Một tiếng hét đó, trong nhà thiền gọi là thủ thuật đặc biệt, muôn đời không quên.

Như vậy chúng ta khi tu có tỉnh có thấy, nhưng tỉnh một lúc rồi quên. Muốn nhớ đời đời phải nhờ những thủ thuật hoặc đánh hoặc hét. Mã Tổ hét một tiếng điếc tai ba ngày, làm sao quên được. Nhớ tiếng hét là nhớ cái gì mình thấy, nhớ mãi không bao giờ quên. Thường giảng tới chỗ này, chúng tôi nói đông nói tây quanh co, chứ không có cách nào khác hơn.

Ngài Trần Thái Tông niêm: *Ngàn mũi nhọn không bằng một nhát mai cùn*, tức là dù khéo dùng ngàn lời ngàn câu bén nhạy để giải thích cũng không bằng một tiếng hét, cũng như một nhát mai cùn có giá trị hơn cả ngàn mũi nhọn. Qua câu niêm này chúng ta đã thấy được toàn ý của bài.

Tụng: Ngày trước thiên hạ chẳng chung đồng,
Bốn bên dấy loạn tợ đàn ong.
Mã Tổ một phen vung kiếm bén,
Từ đây đường nẻo tin tức thông.

Ngày trước thiên hạ chẳng chung đồng là dịch câu *Tích nhật xa thư vị hỗn đồng*. Xa thư nghĩa là thiên hạ thống nhất. Xa thư vị hỗn đồng là thiên hạ chẳng chung đồng. Thế nên *Bốn bên dấy loạn tợ đàn ong*. Khi chưa thấy, chưa sống được lẽ thật, lúc đó tâm chúng ta rối bời lăng xăng như đàn ong vỡ tổ. *Mã Tổ một phen vung kiếm bén*, kiếm bén của Mã Tổ là tiếng hét. *Từ đây đường nẻo tin tức thông,* từ đó đường đi nẻo về và tin tức đều thông suốt.

Bài tụng của vua Trần Thái Tông tán thán tiếng hét của Mã Tổ đã giúp cho ngài Bá Trượng thông suốt không còn bị chướng ngại nữa.

12. Cử: Một hôm Quốc sư gọi Thị giả ba lần. Thị giả ba lần dạ. Quốc sư nói:

- Ngỡ là ta phụ ngươi, ngược lại ngươi phụ ta.

Niêm: Như người uống nước, lạnh nóng tự biết.

Tụng: Dưới trên xướng họa xứng cùng hai,
Ý ấy so đâu biết ngắn dài.
Nhằm trước phơi bày gan ruột sạch,
Trong đây chỉ hứa tự mình hay.

Một hôm Quốc sư Huệ Trung gọi Thị giả, Thị giả dạ. Ngài gọi như vậy mà không nói thêm câu nào, ba lần gọi, Thị giả đều ứng tiếng dạ ba lần. Cuối cùng ngài nói: Tưởng là ta phụ ngươi, không ngờ ngươi phụ ta. Thị giả dạ ba lần mà phụ thầy ở chỗ nào?

Bài trước Mã Tổ chỉ cho ngài Bá Trượng tâm không sanh diệt qua con mắt. Chúng ta lâu nay thường lầm tưởng mình suy nghĩ mới biết, đâu ngờ thấy đã biết. Nếu thấy mà không biết thì làm sao nói người này trắng người kia đen, người này mặc áo vàng người kia mặc áo xanh... Biết trắng đen, biết xanh vàng mà nói không biết sao được. Nhưng cái biết đó không có suy nghĩ, không một chút máy động, đó mới thật là cái biết của mình. Vì vậy cái khéo của thiền sư là không nói thẳng, không chỉ thẳng, mà nói từ cái này để chúng ta hiểu qua cái kia. Nhờ vậy chúng ta nhớ mãi.

Quốc sư Huệ Trung là đệ tử của Lục tổ Huệ Năng, mỗi lần ngài gọi, Thị giả dạ, coi như thầy trò tương ưng, thế mà cuối cùng ngài nói: Tưởng là ta phụ ngươi, không ngờ ngươi phụ ta. Phụ ở chỗ nào? Không phải thầy gọi trò dạ là đủ, mà ngài muốn chỉ cái gì khác nữa.

Niêm: Như người uống nước, lạnh nóng tự biết. Chỗ mình nhận ra, thấy được, giống như người uống nước lạnh nóng tự biết, khó nói được.

Tụng: Dưới trên xướng họa xứng cùng hai,
Ý ấy so đâu biết ngắn dài.
Nhằm trước phơi bày gan ruột sạch,
Trong đây chỉ hứa tự mình hay.

Dưới trên xướng họa xứng cùng hai. Dưới là chú Thị giả, trên là Quốc sư Huệ Trung, hai thầy trò xướng họa là thầy gọi trò dạ. *Ý ấy so đâu biết ngắn dài.* Lấy cái gì so sánh mà biết đây ngắn kia dài, vì nó không phải là cái so sánh. *Nhằm trước phơi bày gan ruột sạch.* Thầy đã đem hết gan ruột phơi bày cho đệ tử, nếu đệ tử nhận biết thì biết, không thì thôi, chứ không làm sao nói được. Cho nên *Trong đây chỉ hứa tự mình hay.* Tự mình biết thôi, chứ cái đó giải bày không được. Chỗ chân thật đó, thầy chỉ một cách hết sức rõ ràng, cũng như đem hết cả gan ruột bày ra, thấy hay không là tự mình chứ không còn cách gì nữa.

Như vậy ngài Huệ Trung muốn trao cho chú Thị giả cái gì? Trao cái sẵn có nơi mình, cái biết dạ đó! Gọi biết dạ ở miệng hay ở đâu? Không phải ở miệng.

13. Cử: Đại Quy nói:

- Câu có câu không như bìm leo cây.

Sơ Sơn hỏi:

- Cây ngã bìm khô câu về chỗ nào?

Đại Quy cười to ha hả!

Niêm: Nước chảy ắt về biển,
Trăng lặn chẳng rời trời.

Tụng: Sóng lặng yên rồi trận gió thâu,
Uổng công hướng ngoại, khổ tìm cầu.
Khối nghi cười nát thành trăm mảnh,
Từ đó mới phân đá với châu.

Đại Quy tức là ngài Đại An ở Quy Sơn. Ở Quy Sơn có hai vị tổ nổi tiếng. Vị tổ trước là ngài Linh Hựu, vị sau là ngài Đại An. Ngài Đại An là vị tổ nói: Ta ở non Quy ba mươi năm chăn một con trâu.

Ngài Đại Quy nói: Câu có câu không như bìm leo cây. Ngài Sơ Sơn hỏi: Khi cây ngã bìm khô, câu về chỗ nào? Ngài Đại Quy cười to ha hả. Cười đó là đã trả lời chưa? Chúng ta luôn luôn có bệnh khi mở miệng nói đều kẹt ở hai bên, hoặc có không, hoặc phải quấy, hoặc tốt xấu... Nói có nói không là để chỉ chung cho tất cả những đối đãi.

Ngài Đại Quy muốn nói: Nếu mở miệng nói thuộc về có không, chẳng khác nào dây bìm bìm leo trên cây, nghĩa là nương cây mà có dây leo, ngài Sơ Sơn bước ra hỏi: Cây ngã bìm khô thì câu có câu không về chỗ nào?

Tức là hết chỗ nương tựa, hết có hết không thì về đâu? Ngài Đại Quy cười ha hả, không nói thêm lời nào.

Niêm: Nước chảy ắt về biển,
Trăng lặn chẳng rời trời.

Niêm thật là khéo. Dù cho tất cả nước trên nguồn đổ ầm ầm, nhưng rốt cuộc đều dồn về biển. Dù trăng có mọc có lặn, nhưng không rời bầu hư không. Như vậy khi đối đãi bặt rồi, nghĩa là nói có nói không đều dứt, thì giống như nước chảy về biển, như trăng lặn vẫn ở trong bầu trời, không về đâu.

Tụng: Sóng lặng yên rồi trận gió thâu,
Uổng công hướng ngoại khổ tìm cầu.
Khối nghi cười nát thành trăm mảnh,
Từ đó mới phân đá với châu.

Sóng lặng yên rồi trận gió thâu, khi nhìn xuống biển thấy sóng yên lặng thì lúc đó gió đã dừng. Sóng lặng gió dừng là để nói cái thấy hai bên đã hết, giống như cây ngã dây khô lúc ấy câu về chỗ nào? *Uổng công hướng ngoại khổ tìm cầu*. Đến chỗ đó thì đừng tìm kiếm đâu nữa. Tại sao? Vì giống như nước chảy về biển, như trăng chẳng rời trời, tuy thấy khuất nhưng đâu có mất, đừng tìm hỏi về đâu chi cho nhọc.

Khối nghi cười nát thành trăm mảnh. Khi đang nghi ngờ nó đi về chỗ nào, thì cái cười ha hả của ngài Đại Quy làm cho tan nát khối nghi. *Từ đó mới phân đá với châu*, tức là từ đó mới phân rành rẽ cái nào thuộc

về châu ngọc, cái nào thuộc về đá sỏi, không còn lẫn lộn hỗn tạp nữa.

Tóm lại, trong bài tụng này ngài Trần Thái Tông đã giải thích rõ ràng vấn đề nói có nói không, hay nói phải nói quấy. Sở dĩ tâm chúng ta bất an là vì chạy theo phân biệt đối đãi có không, phải quấy. Khi tất cả những đối đãi dứt bặt thì còn cái gì? Nên nói: Cây ngã bìm khô, câu về chỗ nào? Ngài Đại Quy cười to, thấy dường như ngài không trả lời, nhưng đã có trả lời rồi. Nếu hỏi về chỗ nào mà trả lời là không đúng, nên ngay đó là hét. Thay vì hét, ngài Đại Quy cười to là đủ, đó là đã trả lời mà không mắc kẹt hai bên.

Qua câu chuyện này, chúng ta thấy điểm đặc biệt trong nhà thiền. Ngài Sơ Sơn tức là ngài Khuông Nhân, đệ tử của ngài Động Sơn Lương Giới. Khi hỏi, câu về chỗ nào, ngài Đại Quy cười, ngài Sơ Sơn trách:

- Con đi đường xa cả ngàn dặm đến đây hỏi Hòa thượng, mà Hòa thượng không trả lời.

Ngài Đại Quy liền lấy tiền ra:

- Thôi cho ông tiền về xe.

Ngài Sơ Sơn không ngờ chính cái cười là đã trả lời, còn đòi hỏi chi nữa? Thế nên khi chúng ta đọc sách Thiền đừng suy gẫm, cứ lắng tâm rồi sẽ thấy cái hay thấm thía vô cùng.

14. Cử: Bá Trượng bảo:

- Thế nào là pháp không vì người nói?

Nam Tuyền đáp:

- Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật.

Niêm: Ngàn thánh tìm dấu y chẳng được,
Toàn thân ẩn tại đại hư không.

Tụng: Trước đây công án không lệch nghiêng,
Đối diện nhìn xem hội được chăng?
Trong ngôi Phật pháp mời chẳng ở,
Đêm về như trước ngủ bờ lau.

Ngài Bá Trượng hỏi: Thế nào là pháp không vì người nói? Nghĩa là pháp không vì người nói là pháp gì? Ngài Nam Tuyền đáp: Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật. Đó là pháp không vì người nói.

Niêm: Ngàn thánh tìm dấu y chẳng được,
Toàn thân ẩn tại đại hư không.

Pháp không vì người nói, dù cho mắt của ngàn vị thánh tìm dấu vết y cũng không được, tại sao? Vì y không có tướng mạo, biết đâu mà tìm. Toàn thân của pháp đó đang ẩn trong đại hư không, không thiếu vắng.

Tụng: Trước đây công án không lệch nghiêng,
Đối diện nhìn xem hội được chăng?

Pháp không vì người nói là một công án rất chu đáo, rất vẹn toàn. Hội hay không hội là ngay nơi đó, đừng suy nghĩ, đừng tìm kiếm nữa.

Trong ngôi Phật pháp mời chẳng ở,
Đêm về như trước ngủ bờ lau.

Nguyên văn chữ Hán là:

Phật pháp vị trung lưu bất trụ,

Dạ lai y cựu túc lô hoa.

Hai câu này thật là đẹp làm sao, đây là hai câu tôi đắc ý nhất. Khi ngài Bá Trượng hỏi: pháp không vì người nói là pháp gì, ngài Nam Tuyền đáp: Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật. Tâm, Phật, vật đều không phải, vậy là cái gì? Hai câu này diễn tả chỗ đó.

Lưu bất trụ là giữ lại, mời lại mà không ở, vì nếu ở thì hoặc là tâm, hoặc là Phật, nhưng chẳng phải tâm, chẳng phải Phật thì đâu còn ở trong ngôi Phật pháp. Cũng như thuở trước, đêm về đến bờ lau ngủ ngon lành, không cần phải có ngôi vị. Đây là diễn tả *ngộ liễu đồng vị ngộ*, nghĩa là ngộ rồi cũng đồng với khi chưa ngộ.

Vì chúng ta đang ở trong cảnh mê, nên Phật mới nói ngài là giác, mê và giác đối nhau chỉ là phương tiện để chúng ta so sánh mà vươn lên. Còn cái chân thật là tâm không sanh diệt, tâm đó không phải là cái gì hết. Cho nên ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng bảo: *Nói một vật tức không trúng*. Nó không phải tâm, không phải Phật, cũng không phải vật, nó không phải là cái gì, nhưng không phải là không có. Nó không ở vị là tâm, là Phật, là pháp, là trí, là đạo, nó không bị lệ thuộc vào những từ ngữ, nhưng trước sau vẫn không thay đổi. Ngày xưa mệt mỏi đến ngủ bờ lau, nay mệt mỏi cũng đến bờ lau ngủ, nghĩa là thuở xưa chưa ngộ, ngày nay ngộ rồi cũng như nhau không khác. Không phải khi xưa mê làm chúng sanh thì

mất cái chân thật, ngày nay ngộ làm Phật, làm Bồ-tát mới có cái chân thật. Thí dụ khi mê chạy theo ngoại cảnh, mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, nhưng mắt thấy mà không nhớ cái thấy, chỉ nhớ cảnh nhớ người, tai nghe mà không nhớ cái nghe, chỉ nhớ tiếng hay tiếng dở. Nay ngộ rồi, mắt thấy cảnh không dính với cảnh, tai nghe tiếng không kẹt với tiếng, tức là chúng ta đang sống với cái chân thật. Cái chân thật lúc mê vẫn y nhiên, lúc ngộ cũng vẫn y nhiên, không có thiếu vắng bao giờ, chỉ vì quên hay nhớ nó mà thành mê hay ngộ.

Trong kinh Lăng-nghiêm Phật chỉ rất thấu đáo, đức Phật đưa tay lên hỏi ngài A-nan: Ông thấy không? Ngài A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, thấy. Đức Phật để tay xuống, lại hỏi: Ông thấy không? Ngài A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, không. Ngài bị Phật quở: Tay là thuộc về cảnh, cảnh bên ngoài khi có khi không, cái thấy của ông có lúc nào vắng đâu! Như vậy đức Phật đã chỉ quá rõ ràng, còn thiền sư chỉ nói gọn thôi.

Đức Phật lại bảo ngài La-hầu-la đánh chuông và hỏi ngài A-nan: Ông nghe không? Ngài thưa: Bạch Thế Tôn, nghe. Khi tiếng chuông lặng rồi, Phật hỏi: Ông nghe không? Ngài thưa: Bạch Thế Tôn, không nghe. Phật quở thêm một lần nữa: Tiếng chuông khi có khi không, còn cái nghe của ông có lúc nào không đâu? Nếu ông không nghe thì làm sao biết được không có tiếng chuông. Có tiếng chuông thì nghe có, không tiếng chuông thì nghe không, tại sao nói không nghe?

Phật kết luận đó là do mê lầm, chúng sanh quên mình theo vật. Theo vật là quên cái thấy mà theo tay, quên cái nghe mà theo tiếng. Hiện giờ tất cả chúng ta đang quên mình theo vật nên gọi là mê, còn nhớ mình quên vật gọi là giác, thật đơn giản làm sao! Cái chân thật không bao giờ thay đổi, cái nghe cái thấy trước sau như một, nhưng khác nhau chỉ có mê và giác thôi. Mê là theo vật thì bị vật chuyển dẫn đi trong luân hồi, giác là nhớ mình thì được tự do tự tại tức là giải thoát.

Lâu nay chúng ta chỉ biết cái bên ngoài, cho nên bao nhiêu người tu cứ nghĩ muốn thành Phật là phải có thần thông, phải phát hào quang v.v... như vậy ngồi thiền mới có giá trị, mới có kết quả. Còn ngồi im lặng đếm hơi thở, thấy vọng không theo, sao tầm thường quá, vậy nói tu là tu cái gì? Nhưng không ngờ trọng tâm của việc tu là không đuổi theo sáu trần thì sáu trần không lôi mình trầm luân trong sanh tử, không đuổi theo sáu trần thì được tự do giải thoát. Muốn đừng dính mắc sáu trần thì phải xoay lại nhìn mình, tức là ngồi ngó xuống, nhìn hơi thở, coi niệm dấy khởi thế nào. Biết quay lại mình thì không bị ngoại cảnh chi phối.

Thật ra việc tu hết sức đơn giản, nhưng vì chúng ta không biết nên trở thành phức tạp. Ngồi tu thì muốn có thần thông biết được tâm người để nói cho họ phục, muốn có thần thông mầu nhiệm để thiên hạ quý kính cúng dường, nên trở thành tham danh tham lợi, rồi cũng bị trầm luân. Cái chân thật thì khô khan lạnh nhạt, chân lý lúc nào cũng đơn giản. Còn những chuyện

huyền hoặc nhiệm mầu không phải là chân lý, chỉ là những giả tưởng mà thiên hạ lại ham thích, cho nên suốt đời con người bị cuồng loạn trong mê hoặc. Thí dụ chúng ta nhìn cảnh vật ở đây, nhìn quen cũng thấy vui nhè nhẹ. Còn nếu có ai tới tổ chức đóng tuồng hay đóng kịch, cũng cảnh này nhưng đem ra chiếu người ta lại say mê. Vì những cảnh đóng kịch có vui buồn hấp dẫn hơn, còn cảnh thật dù quý đẹp, người ta vẫn xem thường. Cái giả dối lúc nào cũng hấp dẫn, từ lời nói đến hình dáng tô điểm bịp lừa, nên ở đời những gì hoa hòe lừa bịp người ta lại thích. Nhìn kỹ lại cuộc sống ở thế gian đều là trò lừa dối nhau như vậy. Con người đang chạy theo những ảo ảnh giả dối mà không biết lại cho là vui, còn cái chân thật khô nhạt quá nên không có gì hấp dẫn.

Trong ngôi Phật pháp mời chẳng ở,
Đêm về như trước ngủ bờ lau.

Hai câu này dễ thương mà đơn giản làm sao, để nói ngộ rồi đồng với chưa ngộ. Hiểu như vậy mới thấy cái hay của đạo; nếu không, sao thấy nó tầm thường quá.

Hiện nay người tu thường mơ ước thành Phật thành Tổ ngồi tòa sen báu có phóng hào quang. Nếu thấy tượng Phật không sơn vẽ khéo thì không thích, nên gần đây các Phật tử tô điểm tượng Phật thành môi son má phấn, mày tằm mắt phượng, biến hình tượng Phật thành sở thích của mình, đó là chuyện của người thế gian. Còn chúng ta tu tức là sống trở lại với tâm chưa bao giờ sanh diệt. Tâm đó là tâm chân thật của mình, sống với nó chúng ta mới được giải thoát sanh tử, đó là Phật chứ không có gì lạ.

15. <u>Cử</u>: Nam Tuyền nói: - Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo.

<u>Niêm</u>: Uống cạn lẽ huyền vi,
Đường về dưới trăng đi.

<u>Tụng</u>: Muôn tiếng lắng im, sao Đẩu dời,
Bầu trời trong suốt chẳng gợn mây.
Nương tựa gậy lê lên gác ngắm,
Yên yên lặng lặng thật thảnh thơi.

Ngài Nam Tuyền nói: *Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo,* vì có chỗ nói: tức tâm tức Phật. Nếu còn thấy tâm, Phật, trí, đạo là thật tức là còn trong đối đãi. Muốn dứt bặt các đối đãi nên ngài nói: Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo. Thường khi chúng ta nói đạo là trí tuệ Bát-nhã, nhưng ở đây ngài nói trí cũng không phải đạo.

Niêm: Uống cạn lẽ huyền vi,
Đường về dưới trăng đi.

Lẽ huyền vi là *tức tâm tức Phật*, lý này phải cho cạn đi, nghĩa là nếu dứt hết những nghĩa lý nhiệm mầu, tâm mình trở về cái chân thật, lúc ấy chúng ta sẽ đi dưới trăng sáng trở về quê hương. Như vậy người khôn ngoan trong nhà đạo khác với người khôn ở thế gian. Ở thế gian, ai lý luận giỏi biện luận tài, cho là người khôn. Còn trong đạo phải bặt những lý luận, khi ấy một mình đi dưới ánh trăng sáng trở về quê hương. Hình ảnh này thật đẹp.

Tụng: Muôn tiếng lặng yên, sao Đẩu dời,
Bầu trời trong suốt chẳng gợn mây.

Canh năm trời gần sáng, muôn tiếng lắng im, chỉ một bầu trời trong vắt không có gợn mây.

Nương tựa gậy lê lên gác ngắm,
Yên yên lặng lặng thật thảnh thơi.

Nương gậy bằng gỗ lê, bước lên lầu ngắm nhìn bầu trời trong. Những tâm xao xuyến loạn động đuổi theo lý này ý kia đã dừng bặt, chỉ còn một tâm thanh tịnh, khi ấy chúng ta nhìn thấy cả một bầu trời yên lặng thảnh thơi, không còn gì vướng bận trong lòng. Đó là chỉ chỗ *Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo* vậy.

16. <u>Cử</u>: Sau khi Lâm Tế khai hóa chỉ dùng gậy hét dạy đồ chúng. Vừa thấy tăng vào cửa liền hét.

<u>Niêm</u>: Mùng năm tháng năm giờ Ngọ viết,
Miệng đỏ lưỡi độc tận tiêu trừ.

<u>Tụng</u>: Vào nhà liền hét muốn làm chi?
Dẫn được cháu con tỉnh giấc mê.
Chẳng phải sấm xuân vang một tiếng,
Làm sao vỏ hạt được nảy mầm.

Đây là cách dạy đồ chúng của tổ Lâm Tế. Vừa thấy tăng vào cửa, chưa cần hỏi han gì, ngài liền hét một tiếng.

Niêm: Mùng năm tháng năm giờ Ngọ viết,
Miệng đỏ lưỡi độc tận tiêu trừ.

Theo tục lệ ông bà ngày xưa, vào ngày mùng năm tháng năm đúng giờ Ngọ, viết lá bùa bát quái treo trước cửa nhà, thì tất cả tai nạn đều qua hết. Như vậy để nói một tiếng hét của ngài Lâm Tế giống như lá bùa viết vào trưa ngày mùng năm tháng năm, tiêu trừ được tất cả tai nạn.

Tụng: Vào nhà liền hét muốn làm chi?
Dẫn được cháu con tỉnh giấc mê.

Tăng vừa bước vào nhà tham vấn liền bị hét. Tiếng hét đó là muốn dẫn con cháu tỉnh được giấc mê. Tại sao? Vì lời nói dù hay khéo đến đâu cũng gợi cho người suy gẫm, còn suy gẫm là chìm trong mê. Một tiếng hét làm giật mình không còn gì suy nghĩ, chính là để đánh thức giấc mê cho con cháu.

Chẳng phải sấm xuân vang một tiếng,
Làm sao vỏ hạt được nảy mầm.

Đây là khen ngợi tiếng hét của ngài Lâm Tế vang lên như tiếng sấm cuối xuân, nhờ đó những hạt giống dưới lòng đất từ từ nảy mầm. Cũng vậy nhờ tiếng hét mà hạt giống Bồ-đề dễ nảy mầm nơi lòng người.

17. <u>Cử</u>: Nam Tuyền nói:

- Tâm bình thường là đạo.

<u>Niêm</u>: Lạnh nói là lạnh, nóng nói là nóng.

<u>Tụng</u>: Rìu búa không cần, ngọc trắng tinh,
Đâu do mài giũa để cầu tân.

Đường về chẳng bước nhà vẫn tới,
Trao kẻ đầu non buông thõng tay.

Triệu Châu đến hỏi thiền sư Nam Tuyền: Thế nào là đạo? Ngài đáp: Tâm bình thường là đạo.

Tâm bình thường là tâm gì? Có phải là chúng ta ngồi suy nghĩ trưa nay nấu món ăn gì, chiều nay làm việc gì, không tính chuyện trên trời trên mây, vậy có phải tâm bình thường chưa? Chưa phải. Tâm bình thường không phải là nghĩ theo chuyện thông thường ở thế gian.

Niêm: Lạnh nói là lạnh, nóng nói là nóng. Nói bao nhiêu đó là đủ, nó thế nào nói thế ấy, không nói thêm điều gì, đó là tâm bình thường.

Còn nói lạnh khó chịu quá hay nóng bực bội quá, không phải là bình thường, vì có phiền não gá vào trong đó. Tỷ dụ hôm nào trời lạnh, nói bữa nay trời lạnh là đủ; nếu nói thêm, bữa nay lạnh muốn run, thì đã qua nghĩa khác, vì có gá cái ta trong đó, không còn là sự thật của cái lạnh nữa. Nóng cũng vậy, nếu nói hôm nay trời nóng là đủ, không nói thêm, nóng chịu không nổi, muốn nhức đầu... đó là qua ý khác rồi. Nghĩa là lạnh nóng ở ngoài đã đồng hóa với cái ta, nên chúng ta bực bội không thích. Còn nếu lạnh nóng như thế nào nói như thế ấy thì không có gì bực bội khó chịu. Thế nên lời niêm rất là hay: Tâm bình thường là lạnh nói lạnh, nóng nói nóng, đó là đủ rồi.

Hằng ngày tâm chúng ta có bình thường không? Chúng ta làm việc gì cũng muốn như ý, cũng theo sở thích của mình. Thí dụ gần nhất như trong chùa nuôi mấy con chó, tối đến có trộm vào mà chó không sủa. Sáng lại chó bị đánh vì tội không giữ chùa. Vì sao chúng ta không tự trách mình, các con chó đâu có biết gì. Chúng ta nuôi chó thì nuôi, còn sủa hay không là chuyện của nó. Thế nên tất cả những gì chung quanh, chúng ta đều bắt lệ thuộc vào cái ta, và nhìn muôn vật bằng bản ngã phóng đại ra, nên không thấy được lẽ thật. Người tu bắt buộc phải thấy được lẽ thật, phàm làm việc gì, nhìn vật gì cũng qua lẽ thật, không qua bản ngã. Vì bản ngã nên chúng ta luôn luôn có niệm thương niệm ghét, nếu thấy người nào không hợp với bản ngã của mình thì nói người ấy dễ ghét, nếu hợp với bản ngã của mình thì bảo dễ thương. Vậy bản ngã là do huân tập, huân tập cái gì thì nó theo cái ấy. Thí dụ như chúng ta huân tập theo cái nhìn của Đông phương thì thấy người nào có vẻ Đông phương mình ưa, huân tập theo Tây phương thì thấy vẻ gì hợp với Tây phương mình thích. Như vậy ưa thích theo huân tập đâu phải là thật, thế mà suốt ngày chúng ta sống theo huân tập, bị nó chi phối nên chúng ta phiền não khổ đau mãi. Chúng ta tu là phải thấy như thật, tôi đã giảng chữ như thị, tức là pháp của Phật là như thế, không có cái khác; có khác là tại chúng ta tô điểm thêm. Thế nên lạnh nói lạnh, nóng nói nóng.

Tụng: Rìu búa không cần, ngọc trắng tinh,
Đâu do mài giũa để cầu tân.

Nói tâm bình thường là đạo, nghĩa là đạo đã sẵn trong tâm bình thường, giống như hòn ngọc trắng tinh đã sẵn nơi mình, đâu cần búa rìu đẽo đục mới trắng, cũng không do mài giũa thành mới, vì nó đã sẵn đẹp rồi. Không cần phải đục đẽo mài giũa, mà tu là phải mài giũa, đẽo đục, như thế có mâu thuẫn hay không? Thí dụ tượng Phật gỗ phải từ khúc gỗ trầm đục đẽo mới thành, nếu để khúc gỗ y nguyên trên bàn thì đâu có ai quỳ lạy. Tu là phải mài giũa, tuy ai cũng sẵn tâm bình thường, nhưng chúng ta quen tập theo thói bất bình thường, giống như một người trước kia tỉnh táo sau sanh ra cuồng loạn thì phải chạy chữa thuốc men để trở lại bình thường. Cũng như vậy, sở dĩ chúng ta phải tu là để đưa tâm mình trở lại bình thường, vì hiện giờ chúng ta ít nhiều gì cũng đang là những kẻ bất bình thường, cần phải nhờ thuốc chữa trị mới lành bệnh.

Tâm bình thường là cái sẵn có, không thêm cái gì mới, chỉ hết bệnh trở về tình trạng bình thường cũ. Nên nói chỗ này không phải trau giồi, mài giũa mà tự nó là ngọc trắng rồi.

Đường về chẳng bước nhà vẫn tới,
Trao kẻ đầu non buông thõng tay.

Không cần bước đi mà vẫn tới nhà. Có khi Phật và chư tổ nói: Đường luân hồi xa xôi diệu vợi, muốn trở về thật là khó. Nhưng có chỗ lại nói: Dưới gót chân ông, chứ không đâu xa.

Tuy không phải xa mà thật ra cũng không phải gần. Nếu bỏ quên lối về nhà chạy lang thang mãi, dù cho nhà ở gần cũng thành xa. Nếu biết quay trở về thì tuy nói xa, thật ra ở ngay trước mặt, tức là rất gần. Thế nên không cần bước đi đâu, thay vì phóng ra chỉ quay trở lại, đó là trở về, từ chuyên môn gọi là hồi đầu thị ngạn, tức là xoay đầu trở lại là bờ này, là nhà cửa của mình, đơn giản làm sao! Như vậy gần xa là do thói quen, quen phóng ra thì thấy xa, biết xoay trở lại là bờ, chứ không có gì.

Trao kẻ đầu non buông thõng tay. Không cần bước mà vẫn tới nhà, là chỉ có người ở đầu non mà buông thõng tay tự tại mới được.

18. Cử: Triệu Châu nói:

- Mọi người bị mười hai thời sai khiến, Lão tăng sai khiến được mười hai thời.

Niêm: Cậy thế dối người, không nơi căn cứ.

Tụng: Lão này hay khiển mười hai thời,
Rồng dữ cọp hung thảy được thuần.
Cần phương chỉ sắt thành vàng thật,
Chẳng để cho người có việc nghe.

Nhân có vị tăng hỏi: Trong mười hai giờ dụng tâm như thế nào? Ý muốn hỏi trong mười hai giờ mình phải tu như thế nào cho đúng với tinh thần đạo. Ngài Triệu Châu trả lời: Mọi người bị mười hai thời sai khiến, Lão tăng sai khiến được mười hai thời.

Như hiện giờ chúng ta có bị mười hai thời sai khiến không, hay là sai khiến được mười hai thời? Nhìn chừng đồng hồ coi mấy giờ, cho đến lúc ngồi thiền cũng nhìn đồng hồ, như vậy từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều, chúng ta bị đồng hồ sai khiến, tức là bị mười hai thời sai khiến, còn ngài Triệu Châu sai khiến được mười hai thời.

Niêm: Cậy thế dối người, không nơi căn cứ. Ý muốn nói ngài Triệu Châu ỷ mình là người giỏi nên dối người không nơi căn cứ. Niêm như vậy có đúng không? Mười hai thời chỉ là giả định của con người chứ không có thật, làm sao sai khiến nó được?

Tụng: Lão này hay khiển mười hai thời,
Rồng dữ cọp hung thảy được thuần.

Sai khiến được mười hai thời nghĩa là người đời chạy theo thời gian từng giờ từng phút, còn ngài không dính mắc gì với thời gian. Nếu suốt ngày không bận bịu với thời gian tức là không trông đợi không mong chờ, dù cho rồng dữ cọp hung cũng được thuần thục. Còn chúng ta đang trông đợi mong chờ nên khiển không nổi rồng dữ cọp hung. Sáng trông trưa, trưa đợi chiều, tâm mong chờ là hư dối làm cho mình mệt mỏi. Người không bị thời gian chi phối là người không còn tâm mong chờ, đó tức là tâm chân thật thì rồng dữ cọp hung trong tâm không còn hung hăng nữa.

Cần phương chỉ sắt thành vàng thật,
Chẳng để cho người có việc nghe.

Muốn được diệu thuật chỉ sắt biến thành vàng thì không cho người có việc nghe, tức là ai còn hữu sự thì đừng mong được cái đó. Diệu thuật này chỉ có ở con người vô sự. Chúng ta chẳng những hữu sự mà còn đa sự nữa, nên không được nghe thuật kỳ diệu đó. Tại sao đa sự? Việc trong nhà mình, trong bản thân mình nhớ nghe cũng đã nhiều rồi, mà chuyện hàng xóm đâu đâu cũng muốn nghe, lại kể chuyện năm trên năm dưới cho người khác, như vậy có phải là đa sự không? Vì thế nên cả ngày tâm loạn tưởng điên đảo không phút nào yên. Câu kết luận chỉ cho chúng ta thấy muốn sử dụng được mười hai giờ chỉ có người vô sự, nếu còn đa sự thì không bao giờ sử dụng được.

19. Cử: Tăng hỏi Lâm Tế:

- Thế nào là vô vị chân nhân?

Lâm Tế đáp: - Que cứt khô.

Niêm: Bắn sẻ mất châu, ném chuột nhơ đồ.

Tụng: Vô vị chân nhân que cứt khô,
Do người Thích tử mất gia phong.
Nhìn xuống xem xem, biết chẳng biết,
Trâu bùn vào biển dấu vết không.

Ngài Lâm Tế nói: Tất cả chúng ta đều có vô vị chân nhân ra vào ở ngay nơi mặt chứ không đâu xa. Vô vị chân nhân tức là con người chân thật không có ngôi vị, không có chỗ nơi. Câu tôi đã giảng: trong ngôi Phật pháp mời không ở, đó là chỉ người chân thật không ngôi vị.

Nhân có tăng hỏi: *Thế nào là vô vị chân nhân? Ngài Lâm Tế đáp: Que cứt khô.* Ngài đáp nghe thô tục quá, sao lại được khen hay? Nói câu đó chúng ta không còn gì để suy nghĩ. Ngay đó tâm mình đã lặng mà mình đâu có biết. Cứ nhớ sao thô quá, đó là khởi vọng tưởng điên đảo; nếu không suy nghĩ, là vô vị chân nhân. Thành ra trả lời mà không trả lời gì cả. Hỏi một đàng: *Thế nào là vô vị chân nhân?* Lại đáp một ngả: *Que cứt khô*. Nghe câu đáp, người hỏi dứt hết tâm suy gẫm nghĩ tính, không còn gì so sánh. Câu đáp đó là câu sống (hoạt ngữ), câu đặc biệt trong nhà thiền.

Niêm: Bắn sẻ mất châu, ném chuột nhơ đồ. Nghĩa là vì chuyện nhỏ như bắn chim sẻ mà mất hạt châu, muốn đuổi chuột làm nhơ đồ quý. Đó là nói câu đáp hơi thô tục một chút.

Tụng: Vô vị chân nhân que cứt khô,
Do người Thích tử mất gia phong.

Hỏi vô vị chân nhân, lại đáp que cứt khô là vì người Thích tử không biết vô vị chân nhân là gì, nên buộc lòng ngài phải đáp như vậy để họ giật mình thức tỉnh.

Nhìn xuống xem xem, biết chẳng biết,
Trâu bùn vào biển dấu vết không.

Ngay nơi đó mình nhìn thẳng xem thử có biết hay không. Nếu xem rồi mới thấy chính câu trả lời chỉ cho mình cái chân thật rõ ràng, mà không có gì để suy gẫm, các vọng tưởng mê lầm đều dứt bặt, giống như con trâu bùn

nhảy ùm xuống biển không còn một chút dấu vết. Trái lại nếu giải thích vô vị chân nhân là một con người chân thật không ngôi vị, sạch hết những phiền não vọng tưởng v.v... làm người nghe suy gẫm đủ điều, như thế là dẫn họ đi trong mê lầm loạn tưởng.

20. Cử: Triệu Châu nói:

- Khám phá bà già ở Ngũ Đài Sơn xong.

Niêm: Ngũ nghịch nghe sấm, chẳng cho bịt tai.

Tụng: Khảy móng Đài Sơn hết nói ngoa,
Chẳng phiền bước tới được về nhà.
Can qua chẳng động lòng người phục,
Gươm bén đâu cần ra hộp ngà.

Nguyên câu chuyện như sau: Có bà già ở gần đường đi Ngũ Đài Sơn, một vị tăng tìm đường lên núi mà nghi không biết có đúng không, gặp bà già mới hỏi:

- Đường Ngũ Đài Sơn đi lối nào?

Bà đáp: - Đi thẳng.

Tăng vừa đi, bà nói:

- Khéo, ông thầy này lại đi thế ấy!

Vị tăng nghe, không hiểu bà muốn nói gì, mới về thưa lại ngài Triệu Châu. Ngài bảo:

- Để tôi lên khám phá bà già.

Ngài đến gặp bà cũng hỏi:

- Đường nào đi Ngũ Đài Sơn?

Bà nói: - Đi thẳng.

Ngài bắt đầu đi, bà già cũng nói:

- Khéo, ông thầy này lại đi thế ấy!

Khi trở về, ngài tuyên bố giữa chúng:

- Tôi đã khám phá bà già ở Ngũ Đài Sơn rồi.

Vậy ngài khám phá cách nào? Đó là nghi vấn mà lâu nay chúng ta đặt ra.

Niêm: Ngũ nghịch nghe sấm, chẳng cho bịt tai. Đây là ý gì? Trong kinh nói: Người phạm tội ngũ nghịch phải đọa địa ngục. Cũng có người nói: Người phạm tội ngũ nghịch có thể bị trời đánh, vì vậy họ rất sợ sấm. Tội ngũ nghịch là: giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật ra máu. Nếu phạm tội ngũ nghịch, mà sấm nổ không cho bịt tai, tức là không cho sợ. Ý nói ông tăng tìm đường lên Ngũ Đài Sơn, ông nghi không biết có đúng đường không, nên hỏi bà già. Nghe bà bảo đi thẳng, thì ông tin ông đi. Nhưng bà nói: lại đi thế ấy! Như vậy làm cho người đã nghi lại thêm nghi. Vì có nghi mới hỏi, hỏi rồi lại thêm nghi, giống như người phạm tội ngũ nghịch rất sợ sấm, đó là cái nghi trước. Nhưng khi nghe sấm nổ, không cho bịt tai, lại càng sợ thêm, tức là càng thêm nghi. Đó là thuật khéo của bà già.

Bài tụng nói lên ý của bà và của ngài Triệu Châu:

Khảy móng Đài Sơn hết nói ngoa,
Chẳng phiền bước tới được về nhà.

Chỉ trong khảy móng tay thì bà già ở Ngũ Đài Sơn hết nói ngoa, tức là hết nói gạt để người ta nghi nữa. Vì ngài Triệu Châu nói đã khám phá bà già rồi, không cần suy nghĩ tìm kiếm cũng về tới tận nơi.

Can qua chẳng động lòng người phục,
Gươm bén đâu cần ra hộp ngà.

Thế nên không cần phải có chiến trường mà đã chinh phục được người. Có gươm bén nhưng không cần mở hộp đem ra dùng, mà lòng người đã quy phục.

Tuy ngài Triệu Châu nói khám phá bà già, nhưng sự thật ngài chỉ hỏi, bà trả lời, mà nói đã khám phá rồi là để cho người yên lòng không còn thắc mắc. Đó là chỉ bà già không phải người tầm thường, bà chỉ cho mình đi thẳng. Nhưng chúng ta cứ tưởng đi thẳng là tới Ngũ Đài Sơn, không ngờ bà muốn chỉ thẳng cái mình sẵn có, vị tăng không biết việc này nên cắm đầu đi thẳng lên Ngũ Đài Sơn. Thế nên bà già nói lại: Khéo, ông thầy lại đi thế ấy! Đó là lối nói ngoa, không phải nói thật. Nhưng khi ngài Triệu Châu đến thì lời nói ngoa hết, ngay đó liền thấy được nhà. Như thế không cần lý luận, không cần tranh đấu mà đã hàng phục được người, cũng như gươm bén không cần ra khỏi hộp ngà mà giặc giã đều quy hàng. Đó là thuật khéo của ngài Triệu Châu.

Như thế chúng ta mới thấy những bà già bán bánh ở dọc đường khi xưa rất là kỳ đặc, làm các vị tăng phải mệt đầu. Có nhiều bà già trông rất loàng xoàng mà vẫn biết đạo chứ không phải thường. Không phải chỉ có

người xuất gia học đạo lâu năm mới hay, đừng tưởng lầm như vậy. Dù ở giai cấp nào hình thức nào, người khéo nhận khéo thấy khéo biết đường về đều là hay cả.

Ngài Trần Thái Tông quả là một nhà vua kỳ đặc, đa đoan việc nhà việc nước mà hiểu đạo hiểu thiền thật cao siêu. Còn chúng ta hiện nay rảnh rang trăm bề mà thấy đạo cạn cợt ở ngoài da, nghĩ có hổ thẹn không? Càng hổ thẹn chúng ta càng phải noi gương ngài cố gắng nỗ lực tu hành, đừng để thua kém quá xa.

21. Cử: Triệu Châu nói:

- Phật vàng không độ được lò đúc, Phật gỗ không độ được lửa, Phật đất không độ được nước, Phật thật ngồi trong nhà.

Niêm: Núi là núi nước là nước, Phật ở chỗ nào?

Tụng: Trên đồ Võng Xuyên xếp thành hình,
Ngày trước Vương Duy được nổi danh.
Uổng phí mực son nơi khó vẽ,
Trong không trăng sáng cùng gió lành.

Ngài Triệu Châu nói: Phật vàng không độ được lò đúc, Phật gỗ không độ được lửa, Phật đất không độ được nước, Phật thật ngồi trong nhà. Câu này rất dễ hiểu. Đến chùa thấy Phật vàng chúng ta liền quỳ lạy nhưng Phật vàng để vào lò đúc thì chảy nên không độ được lò đúc, trái lại lò đúc độ được Phật vàng! Phật gỗ thỉnh vào lửa cũng cháy nên không độ được lửa mà lửa độ Phật gỗ. Phật đất gặp nước cũng rã nên không độ được nước.

Nay có Phật xi-măng cũng không độ được búa! Như vậy những vị Phật đó đều không có khả năng độ, chỉ có Phật thật ngồi trong nhà, chúng ta lại quên. Ngài Triệu Châu nói trắng ra không một chút giấu giếm để cảnh tỉnh những người tu chỉ nặng hình thức bên ngoài, thấy Phật bên ngoài thì tha thiết đảnh lễ cầu khẩn, không đoái đến Phật của mình đang ngồi ở trong. Phật bên ngoài chỉ là Phật vàng, Phật gỗ, Phật đất, còn Phật bên trong mới là Phật thật. Chúng ta tha thiết lễ bái cúng dường Phật bên ngoài, có được phước chỉ là phước sanh diệt, phước thật là trở về Phật thật của mình. Phật là giác. Phật vàng, Phật gỗ không có giác, chỉ Phật của tự tâm mới giác, nhưng thế gian không biết, chỉ biết những Phật bên ngoài, vậy là nhớ bên ngoài mà quên mình.

Niêm: Núi là núi, nước là nước, Phật ở chỗ nào mà nói Phật ngồi ở trong? Phật đó đối với cảnh núi là núi, nước là nước, theo tông Lâm Tế là vô vị chân nhân, người không có ngôi vị, nếu nói ngồi ở trong là hơi kẹt. Thế nên ngài Trần Thái Tông hỏi Phật ở chỗ nào, ý nói Phật thật không có chỗ nơi, nói có chỗ là đã sai rồi.

Tụng: Trên đồ Võng Xuyên xếp thành hình,
Ngày trước Vương Duy được nổi danh.
Uổng phí mực son nơi khó vẽ,
Trong không, gió mát với trăng thanh.

Võng Xuyên là phong cảnh đẹp ở huyện Lam Điền tỉnh Thiểm Tây. Vương Duy là một họa sĩ nổi tiếng đời Đường, ông vẽ cảnh Võng Xuyên, đem trưng bày,

mọi người đều tán thán nên được nổi danh. Cảnh Võng Xuyên được diễn tả bằng mực bằng son, nhưng Phật thật ngồi ở trong không có hình tướng, dầu tốn bao nhiêu mực, bao nhiêu son cũng không thể vẽ được. Muốn thấy Phật thật phải làm sao? *Trong không, gió mát với trăng thanh*. Chỉ nhìn trong bầu hư không, thấy trăng sáng rỡ cùng gió mát, là thấy được Phật ở trong. Như vậy Phật ngồi ở trong chỉ là một lối nói chứ chưa đúng lẽ thật, vì nếu còn thấy trong ngoài, thấy chỗ nơi là chưa thấy Phật thật. Ngài Trần Thái Tông khéo dùng hình ảnh gió mát và ánh trăng sáng ngời trong hư không để diễn tả vị Phật không hình tướng, không chỗ nơi nhưng lúc nào cũng trong sáng, cũng làm mát mẻ mọi người.

22. Cử: Triệu Châu nói:

- Tôi ở Thanh Châu may một chiếc áo vải nặng bảy cân.

Niêm: Trấn Châu củ cải còn thể được,
Thanh Châu áo vải lại phiền người.

Tụng: Một manh áo vải thật lạ thường,
Tùng Thẩm không màng chẳng cất rương.
Trong đây nghĩ nghị chia cân lượng,
Cười ngất nhà đông Mạnh Bát lang.

Qua bài trước, ngài Triệu Châu nói về Phật chúng ta hiểu được. Trong bài này, khi vị tăng hỏi thế nào là Phật, thông thường câu đáp là: Người giác ngộ gọi là Phật,

nhưng với tư cách nhà thiền, ngài Triệu Châu trả lời: Tôi ở Thanh Châu may một chiếc áo vải nặng bảy cân.

Khi nghe câu này chúng ta không còn lý lẽ gì để cho tâm đuổi theo. Nó không có một chút ý vị, nhưng những câu như thế trong nhà thiền lại khen hay. Tại sao? Khi giải thích Phật như thế này v.v... là để người nghe đuổi theo phân biệt suy xét. Nếu đuổi theo phân biệt thì không thấy được Phật, chưa thật hiểu Phật. Hiện nay nếu ai hỏi thế nào là Phật, chúng ta có thể trả lời: Tôi ở Trúc Lâm may chiếc áo vải nặng ba ký. Người nghe thấy như chúng ta trả lời lạc đề, không chút dính dáng với câu hỏi, nhưng sự thật là trả lời rất thiết thực, vì nói như thế thì dứt suy nghĩ, ngay đó là thấy Phật. Sở dĩ chúng ta không thấy Phật vì niệm suy nghĩ phân biệt làm Phật mình bị khuất lấp. Câu trả lời không cho một niệm nào khởi, đó là chỉ Phật rõ ràng, nhưng thế gian không bằng lòng vì thấy khó hiểu quá. Sự thật đâu cho hiểu mà nói khó hay dễ, nghĩa là nghe mà không cho hiểu, nếu nhận định được thì thấy, nhận định không ra thì không biết gì, khỏi suy nghĩ. Đó là câu đặc biệt nên ngài Trần Thái Tông khen.

Niêm: Trấn Châu củ cải còn thể được,
Thanh Châu áo vải lại phiền người.

Một lần có người tới hỏi ngài Triệu Châu: Thế nào là Phật? Ngài đáp: Ở Trấn Châu củ cải to. Nay ngài lại đáp: Ở Thanh Châu, áo vải nặng bảy cân. Nên lời bình: Nếu nói ở Trấn Châu củ cải to còn có thể được, nay nói ở Thanh Châu áo vải nặng bảy cân thật làm phiền người. Như thế là thầm ý khen.

Bài tụng rất hay.

Một manh áo vải thật lạ thường,

Tùng Thẩm không màng chẳng cất rương.

Nói áo vải nặng bảy cân là một lối nói lạ thường. Chiếc áo quý, Tùng Thẩm (tức Triệu Châu) không cất vào rương lại đem khoe trình cho thiên hạ thấy. Đây là hai câu tán thán ý nghĩa ngài Triệu Châu nói chiếc áo vải nặng bảy cân.

Trong đây nghĩ nghị chia cân lượng,

Cười ngất nhà đông Mạnh Bát lang.

Mạnh Bát lang là tên một gã ngốc ở Trung Hoa, thường hay dùng để chỉ những kẻ si ngốc. Nếu nghe câu đáp của ngài Triệu Châu rồi suy nghĩ phân chia cân lượng nặng bảy cân, ba cân v.v... thì quả là một gã ngốc ở nhà đông đáng cho người ta cười ngất.

23. <u>Cử</u>: Vị tăng hỏi Triệu Châu:

- Con chó có Phật tánh không?

Triệu Châu đáp: - Không.

Tăng lại hỏi, Triệu Châu đáp: - Có.

<u>Niêm</u>: Lấy hai so một.

<u>Tụng</u>: Hỏi ngay ở trước, đáp có không,

Cho dù ngay đó dứt nhóm ngông.

Một đời tự phụ người tài giỏi,

Thế ấy vẫn là chẳng trượng phu.

Trong Ngữ lục ghi, có người tới hỏi ngài Triệu Châu: Con chó có Phật tánh không? Ngài đáp: Có. Người đó liền bẻ lại: Đã có Phật tánh là sáng suốt, minh mẫn, tại sao chui vào đãy da lông lá vậy? Ngài đáp: Vì biết mà cố phạm.

Lại người khác đến hỏi: Con chó có Phật tánh không? Ngài nói: Không. Người đó lại bẻ: Trong kinh Phật dạy tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tại sao riêng con chó không có Phật tánh? Ngài đáp: Vì nghiệp thức che đậy.

Nếu về Giáo, tôi giảng rõ những lời này cho quý Phật tử nghe hiểu và tu. Nhưng về Thiền chỉ dùng hai chữ Có Không, chứ không dẫn lời bẻ lại của người hỏi và lời giải thích của ngài Triệu Châu. Hỏi con chó có Phật tánh không? Đáp không. Những vị tu về thoại đầu chỉ khán chữ Không thôi. Lại đưa thêm câu hỏi con chó có Phật tánh không? Đáp: Có. Đây chỉ dùng hai chữ Có Không.

Niêm: Lấy hai so một, tức một là Phật tánh, hai là có và không.

Tụng: Hỏi ngay ở trước, đáp có không,
Cho dù ngay đó dứt nhóm ngông.
Một đời tự phụ người tài giỏi,
Thế ấy vẫn là chẳng trượng phu.

Người đến tham vấn ngài Triệu Châu, thấy con chó nằm một bên liền chỉ con chó hỏi: Con chó có

Phật tánh không? Ngay đó trả lời hoặc có hoặc không. Sở dĩ khi ngài đáp có khi đáp không là cốt để ngay lời nói chỉ thẳng cho người si mê biết hầu dẹp sự ngông cuồng chấp có chấp không. Hiện nay đa số chúng ta đều mắc bệnh này, hỏi điều gì đều muốn xác định có hoặc không, nên các thiền sư dùng phương tiện phá chấp cho chúng ta. Hai câu sau của bài tụng là phê bình ngài Triệu Châu. Trong các thiền sư đời Đường ai cũng nể ngài là người lanh lợi nhất, nhưng vẫn còn đáp có, đáp không là làm cho người nghe bị kẹt, như vậy chưa phải trượng phu. Nhưng đây là vì ngài phá chấp chứ không phải chỉ thẳng.

24. Cử: Triệu Châu nói:

- Chỗ có Phật chẳng trụ, chỗ không Phật chạy qua gấp.

Niêm: Nước đến thành ao, roi quất nổi lằn.

Tụng: Chỗ Phật có không cả hai quên,
Lời này xem lại chưa được toàn.
Sau rốt cầm hoa nhằm chỉ lại,
Chẳng rời tấc bước đến Tây thiên.

Đối với người tu, chỗ có Phật phải nương ở, chỗ không Phật phải rời bỏ đi nơi khác. Nhưng ở đây ngài Triệu Châu nói: Chỗ có Phật chẳng trụ, chỗ không Phật chạy qua gấp. Như vậy trọng tâm câu này ở chỗ có Phật và không Phật, cũng là hai bên có và không.

Niêm: Nước đến thành ao, roi quất nổi lằn. Nước chảy đọng lại chỗ nào thì nơi đó thành ao hồ. Roi đánh

vào da thịt liền nổi lằn. Lời niêm muốn chỉ rõ mỗi khi chúng ta nói có nói không là còn thuộc về duyên, chưa phải là chỗ cứu cánh, như duyên nước dồn thành ao hồ, duyên roi đánh vào mình thì nổi lằn.

Tụng: Chỗ Phật có không cả hai quên,
Lời này xem lại chưa được toàn.
Sau rốt cầm hoa nhằm chỉ lại,
Chẳng rời tấc bước đến Tây thiên.

Chỗ có Phật, chỗ không Phật, hai nơi đó phải vượt qua đừng dính mắc. Lời nói như thế là hay nhưng thật chưa hoàn toàn. Muốn hoàn toàn phải *sau rốt cầm hoa nhằm chỉ lại*, tức là mượn hình ảnh Phật đưa cành hoa cho tổ Ca-diếp, chỉ cần nhìn cành hoa là thấy được cái chân thật. *Chẳng rời tấc bước đến Tây thiên*, Tây thiên ở bên cạnh chúng ta, không cần tìm kiếm đâu xa. Thiền tông đời Trần hơi nặng về về câu *tứ mục tương cố* tức là bốn mắt nhìn nhau. Khi đức Phật ở hội Linh Sơn đưa cành hoa lên, ngài dùng mắt nhìn khắp đại chúng, nhìn đến ngài Ca-diếp, ngài Ca-diếp nhìn Phật mỉm cười. Cười đó là ngộ đạo. Như vậy gọi là bốn mắt nhìn nhau cảm thông trên phương diện đạo lý, cảm thông được muốn chỉ cái gì. Tất cả chúng ta tìm nơi có Phật, nơi không Phật, đó là tìm kiếm bên ngoài; ngay nơi mình có sẵn Phật, Phật đó hiện rõ qua cái nhìn. Chỉ cần nhìn cành hoa, không cần đi bước nào vẫn tới Tây thiên. Đó là điều đặc biệt, đọc mà thấm được mới thấy rất là hay. Ngài Trần Thái Tông không giấu giếm, ngài chỉ thẳng cho chúng ta biết.

25. Cử: Thủ Sơn đưa trúc bề, nói:

- Bảo là trúc bề tức chạm, chẳng gọi trúc bề tức trái, hãy gọi là cái gì?

Niêm: Chớ động đến, động đến ăn ba mươi gậy.

Tụng: Trúc bề chạm, trái khó phân thay,
Ngay đó rõ ràng nhắc với người.
Tuy vốn đường bằng bụi chẳng dấy,
Một trường bày hiện góc gai đầy.

Trúc bề là cây thước bằng tre, khoảng chừng ba tấc. Ở Trung Hoa các thiền sư hay để cây thước tre đó trên bàn, và thường dùng mỗi khi có ai đến tham vấn hoặc trong buổi nói chuyện với chúng.

Ngài Thủ Sơn đưa trúc bề nói: Bảo là trúc bề tức chạm, chẳng gọi trúc bề tức trái, hãy gọi là cái gì? Nói phải thì chạm, nói không phải là trái, nói thế nào cho đúng?

Niêm: Chớ động đến, động đến ăn ba mươi gậy. Đưa ra hai bên, nói thế này là sai, thế kia cũng sai, nên đừng động đến, động đến ăn ba mươi gậy, vậy phải hành động thế nào chứ không thể dùng ngôn ngữ đối đáp được.

Tụng: Trúc bề chạm, trái khó phân thay,
Ngay đó rõ ràng nhắc với người.
Tuy vốn đường bằng bụi chẳng dấy,
Một trường bày hiện góc gai đầy.

Đưa trúc bề lên nói rằng gọi trúc bề thì chạm mà không gọi trúc bề là trái. Như vậy phải nói thế nào, nói hay không nói? Quý vị phải nhớ câu tứ mục tương cố, đưa lên nói ở đây, mà ý ở kia. Hiểu rồi mới thấy *ngay đó rõ ràng nhắc với người*. Đưa như thế là rõ ràng nhắc chúng ta.

Ngài Thủ Sơn là thiền sư Tỉnh Niệm, cũng gọi là Niệm Pháp Hoa, đệ tử của ngài Phong Huyệt. Ngài rất thích tụng kinh Pháp Hoa, đi đâu cũng thầm tụng kinh này. Một hôm Sư đứng hầu, Phong Huyệt rơi nước mắt nói:

- Bất hạnh, đạo Lâm Tế đến ta sắp chìm lặn vậy.

Sư thưa:

- Xem trong một chúng này đâu không có người kế thừa Hòa thượng?

Phong Huyệt bảo:

- Người thông minh thì nhiều, kẻ thấy tánh rất ít.

Sư thưa: - Như con, Hòa thượng xem thế nào?

Phong Huyệt bảo:

- Ta tuy trông mong ở ngươi đã lâu, vẫn e ngại ngươi đắm mến kinh này (Pháp Hoa) không thể buông rời.

Sư thưa:

- Việc này có thể làm được, mong nghe yếu chỉ ấy.

Phong Huyệt thượng đường kể lại:

- Nơi hội Linh Sơn đức Thế Tôn đưa cành hoa sen lên rồi dùng mắt nhìn bốn phía, đến ngài Ca-diếp, ngài Ca-diếp nhìn Phật mỉm cười.

Khi nói như thế ngài Phong Huyệt đưa mắt nhìn ngài Niệm Pháp Hoa. Thấy ngài Phong Huyệt nhìn, bỗng dưng ngài Niệm Pháp Hoa ngộ, ngài phủi áo đứng dậy đi. Ngài Phong Huyệt ném cây gậy trở về phương trượng. Thị giả theo sau hỏi, Phong Huyệt nói:

- Niệm Pháp Hoa đã hội.

Như vậy ngài Thủ Sơn thấy được cái gì? Phải chăng là tứ mục tương cố? Thế nên ngài dùng phương tiện đưa trúc bề lên là muốn chỉ tứ mục tương cố nhưng ngài khéo dùng: nói trúc bề thì chạm, không nói trúc bề thì trái, hãy gọi là cái gì? Chúng ta kẹt trong câu nói, cho là ngài nói khó hiểu mà không ngờ chỗ ngài muốn chỉ, muốn nhắc: Ngay đó rõ ràng nhắc với người.

Tuy vốn đường bằng bụi chẳng dấy là chỉ thẳng, nhưng *một trường bày hiện góc gai đầy,* tại sao? Vì nói là chạm, là trái làm cho người nghe không có hướng để tìm kiếm, không có mối manh để phăng ra, nên nói *đầy gai góc!*

26. <u>Cử</u>: Tăng hỏi Động Sơn (Thủ Sơ):

- Thế nào là Phật?

Sơn đáp: - Trên vách ba cân gai.

<u>Niêm</u>: Gọi một vật lại chẳng trúng.

<u>Tụng</u>: Hỏi Phật thế nào, nói đáp anh,
Động Sơn trên vách gai mấy cân.
Tuy nhiên không có phong trần dính,
Cũng vẫn còn đem cảnh chỉ người.

Động Sơn là ngài Động Sơn Thủ Sơ. Động Sơn tổ tông Tào Động là thiền sư Lương Giới; ngài Thủ Sơ hiệu là Sùng Huệ, cũng ở tại Động Sơn, đệ tử của thiền sư Vân Môn. Tăng hỏi Động Sơn: Thế nào là Phật? Sơn đáp: Trên vách ba cân gai. Hỏi thế nào là Phật, thấy trên vách đang treo khoanh gai ba cân nên nói trên vách ba cân gai.

Niêm: Gọi một vật lại chẳng trúng. Gọi một vật chẳng trúng, huống là ba cân gai!

Tụng: Hỏi Phật thế nào, nói đáp anh,
Động Sơn trên vách gai mấy cân.
Tuy nhiên không có phong trần dính,
Cũng vẫn còn đem cảnh chỉ người.

Tuy nhiên không có phong trần dính, tức là câu đáp *trên vách ba cân gai* không có dính mắc một chút ý niệm, không còn chỗ để khởi nghĩ, nhưng *cũng vẫn còn đem cảnh chỉ người*, còn chỉ ba cân gai đó cũng là chỉ cảnh.

27. Cử: Tăng hỏi hòa thượng Hiện Tử:

- Thế nào là ý Tây sang?

Hiện Tử đáp:

- Mâm rượu trước bàn thần.

Niêm: Nếu chẳng phải sư tử con, đâu khỏi chạy theo khối đất lăn.

Tụng: Chặt đứt cội nguồn không chỗ nương,
Ở đây nhắc lại để anh tường.

Nếu bảo trước thần là ý Tổ,
Khác nào kẻ gọi khố là quần.

Câu *thế nào là ý Tây sang*, trong nhà thiền hỏi rất nhiều. Nói đủ câu là: thế nào là ý Tổ sư từ Tây sang, tức là tổ Đạt-ma từ Ấn Độ sang Trung Hoa là ý gì, nghĩa là muốn thấy được ý chỉ tổ Đạt-ma mang đến cho người Trung Hoa. Câu này các thiền sư đáp mỗi vị một cách, có vị đáp có vị không đáp, như ngài Lâm Tế khi được hỏi câu này, ngài bảo: Đem tọa cụ lại cho ta. Người hỏi đem tọa cụ lại, ngài liền đánh.

Hiện là con sò, con hến. Vị thiền sư này không giữ trai giới, ngài ở gần bờ biển, sáng đi kiếm sò hến ăn, sống qua ngày, tối vào đình ngủ, không ai biết tên, mọi người gọi ngài là Hiện Tử. Nghe đồn về vị hòa thượng kỳ lạ này, ngài Lâm Tế mới đến thử, bất chợt chụp vai ngài, hỏi: Thế nào là ý Tây sang? Hiện Tử đáp: Mâm rượu trước bàn thần. Qua câu đáp, ngài Lâm Tế buông ra, ngài nhận rằng đây quả thật là một thiền sư.

Niêm: Nếu chẳng phải sư tử con, đâu khỏi chạy theo khối đất lăn. Khi hỏi thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang, chúng ta hoặc nói thế này hoặc nói thế khác, nhưng ngài chỉ nói *mâm rượu trước bàn thần*. Câu này là câu nói của sư tử con chứ không phải thường.

Tụng: Chặt đứt cội nguồn không chỗ nương,
Ở đây nhắc lại để anh tường.
Nếu bảo trước thần là ý Tổ,
Khác nào kẻ gọi khố là quần.

Câu đáp của ngài Hiện Tử là câu nói chặt hết cội nguồn, không còn manh mối để suy nghĩ, không còn lý do để bám, xét. Chặt đứt cội nguồn để nhắc cho mọi người thấy được ý Tổ sư từ Ấn Độ sang là chỗ chưa có niệm suy nghĩ phân biệt dấy lên. Mới nghe câu đáp, chúng ta thấy như không có chỉ nhưng thật là chỉ rất tường tận. Nếu khi đó lại suy gẫm về mâm rượu trước bàn thần là ý Tổ sư thì khác nào kẻ nói khố là quần, nói như thế là sai vì khố và quần khác nhau.

28. Cử: Quốc sư Vô Nghiệp nói:

- Nếu niệm phàm thánh bằng đầu sợi lông chưa hết, chưa khỏi vào bụng ngựa thai lừa.

Hòa thượng Bạch Vân Đoan nói:

- Giả sử niệm phàm thánh bằng đầu sợi lông hết, cũng chưa khỏi vào bụng ngựa thai lừa.

Niêm: Đốt non cần cọp chạy,
Đập cỏ cốt rắn kinh.

Tụng: Lời này xét lại chí khí khinh,
Đập cỏ cốt là bọn rắn kinh.
Nếu người rành lối Trường An ấy,
Buông thõng tay đi khỏi hỏi trình.

Quốc sư Vô Nghiệp nói: Nếu niệm phàm thánh bằng đầu sợi lông chưa hết, chưa khỏi vào bụng ngựa thai lừa. Hòa thượng Bạch Vân Đoan nói: Giả sử niệm phàm thánh bằng đầu sợi lông hết, cũng chưa khỏi vào bụng ngựa thai lừa. Hai vị đều là thiền sư mà lại nói trái nhau.

Đó là tinh thần của cách đối đáp trong nhà thiền. Nhà thiền gọi là hoạt cú tức câu sống. Như khi hỏi thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang thì đáp *mâm rượu trước bàn thần*, hoặc hỏi thế nào là Phật thì đáp *ba cân gai*. Tại sao? Thẳng đó nhận ra, thấy được nơi mình. Câu sống làm cho người tỉnh liền, nếu không nhận ra cũng được an vì không biết gì thêm.

Nếu hỏi thế nào là Phật, lại đáp Phật là giác ngộ, câu đó gọi là câu chết (tử cú) vì làm cho người nghe suy nghĩ về giác ngộ tức là đi sâu vào cửa tử của vọng tưởng. Vọng tưởng là cửa chết. Lại còn một lối trả lời làm cho người nghi, lối nói đó cũng khéo. Do nghi nên ôm ấp mãi, một ngày nào sẽ ngộ, đó cũng là một lối đặc biệt.

Tóm lại có ba câu nói:

- Câu nói chết người làm cho niệm dứt bặt, đó là một lối đặc biệt.

- Câu nói để người nghi ôm ấp mãi, không giải quyết được, đó cũng là hay.

- Câu nói thẳng để người nghe hiểu, gọi là dở. Nhưng thời này người ta chấp nhận dở nên phải nói dở, dù sao có còn hơn không.

Thiền sư Vô Nghiệp là đệ tử của Mã Tổ Đạo Nhất. Ai đến hỏi câu gì cũng mặc, ngài chỉ đáp một câu: Chớ vọng tưởng. Như vậy câu *chớ vọng tưởng* đã nói hết ý nghĩa của sự tu, nhưng nói trắng quá. Nay ngài lại nói: Nếu người nào còn một niệm phân biệt đây là phàm

kia là thánh, dù nhỏ bằng đầu sợi lông, người đó cũng chưa ra khỏi bụng ngựa thai lừa. Nói thế cũng hơi quá đáng. Đó là chưa rời khỏi sanh tử vì còn niệm thì còn sanh tử.

Nhưng hòa thượng Bạch Vân Thủ Đoan lại nói: Giả sử một niệm phàm thánh bằng đầu sợi lông hết, cũng chưa khỏi vào bụng ngựa thai lừa. Ai đúng? Ngài Bạch Vân Thủ Đoan nói câu này để làm gì?

Niêm: Đốt non cần cọp chạy,
Đập cỏ cốt rắn kinh.

Câu niêm quá rõ. Vì sợ cọp nên những người đi rừng đốt lửa, cọp sợ không dám lại gần. Như vậy đốt lửa không phải vì lửa cháy, mà vì cho cọp sợ. Cũng như ban đêm, trên những con đường rậm rạp cỏ phủ, muốn cho rắn rít chạy trước khi mình bước chân tới, chúng ta cầm gậy quơ trên ngọn cỏ, đập cỏ không phải vì cỏ mà là để cho rắn chạy. Như vậy việc làm ở đây mà mục đích ở kia.

Tụng: Lời này xét lại chí khí khinh,
Đập cỏ cốt là bọn rắn kinh.
Nếu người rành lối Trường An ấy,
Buông thõng tay đi khỏi hỏi trình.

Bài tụng này nhắm vào câu nói của ngài Bạch Vân Thủ Đoan: *Giả sử không còn một niệm phàm thánh bằng đầu sợi lông cũng chưa ra khỏi bụng ngựa thai lừa.* Câu này mục đích để phá chấp của người nghe câu nói của quốc sư Vô Nghiệp, cho không có một niệm là cứu cánh;

nhưng còn thấy không tức là còn thấy có, nên còn kẹt trong có không, chưa phải là cứu cánh. Thế nên câu này không phải là giá trị thật, là *chí khí khinh*. Chẳng qua là đập cỏ để rắn sợ chứ không phải chỉ lẽ thật. Nếu người thật rành đường về Trường An tức là người đã ngộ đạo rồi thì buông thõng tay mà đi không nghi ngờ, không cần thưa hỏi. Nếu nghe mà khởi nghi tức chưa phải người có khả năng rành đường về Trường An.

Đến đây tôi dẫn câu chuyện ngài Đại Mai Pháp Thường cho quý vị thấy. Ngài đến học với Mã Tổ một thời gian rồi về ở núi Đại Mai. Mã Tổ nghi không biết ngài ngộ đạo chưa, mới sai một đệ tử khá tới thử xem. Người đó gặp ngài Đại Mai mới hỏi:

- Ông ở chỗ Mã Tổ được cái gì mà về ở núi?

Ngài đáp:

- Tôi nghe Mã Tổ nói Tức tâm tức Phật, tôi liền nhận được rồi về ở núi.

Người kia liền nói:

- Nay Mã Tổ không nói Tức tâm tức Phật mà nói Phi tâm phi Phật.

Nếu là người chưa biết đường về Trường An, nghe câu nói sau liền nghi là khi trước mình hiểu chưa đúng vì sau này thầy nói khác. Nhưng ngài Đại Mai nói:

- Mặc ông già nói gì thì nói, tôi chỉ biết Tức tâm tức Phật.

Người kia về thưa lại Mã Tổ, Mã Tổ ở giữa đại chúng nói:

- Trái mai đã chín.

Tức là ngài Pháp Thường thật ngộ. Như vậy người ngộ đạo dù ai nói đông nói tây gì cũng không lay chuyển được. Trái lại, mới nghe nói thì tin, khi nghe ai nói khác lại khởi nghi, là chưa thật ngộ. Thế nên ngài Trần Thái Tông mới nói:

Nếu người rành lối Trường An ấy,
Buông thõng tay đi khỏi hỏi trình.

Vì đâu còn nghi ngờ mà phải hỏi.

29. Cử: Huyền Sa dạy chúng, nói:

- Các bậc Lão túc khắp nơi đều bảo: "Tiếp vật lợi sanh." Chợt gặp ba hạng người bệnh lại, làm sao tiếp? Người bệnh mù, giơ chùy dựng phất họ chẳng thấy. Người bệnh điếc, nói năng tam-muội họ không nghe. Người bệnh câm, dạy họ nói, nói không được.

Niêm: Khát uống đói ăn, lạnh mặc nóng quạt.

Tụng: Buồn thì ủ rũ, vui tươi cười,
Mũi dọc mày ngang chẳng khác người.
Đói khát lạnh nồng tùy chỗ được,
Đâu nên bất chợt lại sanh nghi.

Huyền Sa dạy chúng, nói: Các bậc Lão túc khắp nơi đều bảo: Tiếp vật lợi sanh. Chợt gặp ba hạng người bệnh lại, làm sao tiếp? Người bệnh mù, giơ chùy dựng phất họ chẳng thấy. Người bệnh điếc, nói năng tam-muội họ không nghe. Người bệnh câm, dạy họ nói, nói không được. Như vậy làm sao độ ba hạng đó?

Niêm: Khát uống, đói ăn, lạnh mặc, nóng quạt. Lời niêm có dính với những bệnh mù điếc câm ở trên không?

Tụng: Buồn thì ủ rũ, vui tươi cười,
Mũi dọc mày ngang chẳng khác người.
Đói khát lạnh nồng tùy chỗ được,
Đâu nên bất chợt lại sanh nghi.

Dù cho không hiện ở mắt, tai và miệng nhưng đâu phải là thiếu vắng, đâu phải có mắt, tai, miệng mới có cái đó. Tuy ba cơ quan không hiển lộ được cái sáng nhưng nơi mình có thiếu nó bao giờ, nên mới dùng các chữ: khát uống, đói ăn, lạnh mặc, nóng quạt.

30. <u>Cử</u>: Thụy Nham thường gọi:

- Ông chủ nhân, tỉnh tỉnh đi, về sau chớ bị người lừa gạt.

<u>Niêm</u>: Khóc đến máu tuôn không chỗ dụng,
Chi bằng ngậm miệng qua xuân tàn.

<u>Tụng</u>: Thụy Nham thường gọi chủ nhân ông,
Lược giỏi cơ sâu cũng chẳng hùng.
Nếu quả thế gian tướng vô địch,
Đợi gì gươm giáo mới là hưng.

Thụy Nham là thiền sư Sư Ngạn ở núi Thụy Nham, ngồi một mình thỉnh thoảng tự gọi *Ông chủ nhân,* rồi tự dạ, tự nhắc: *Tỉnh tỉnh đi, về sau chớ để người lừa gạt.*

Thấy như người điên, nhưng thật sự chúng ta có bệnh quên, ngồi một lúc là bị ma ngủ hay vọng tưởng gạt, nên nhắc tỉnh tỉnh chớ bị người lừa. Đó là phương tiện để ngài tự cảnh giác. Hiện nay ngồi lâu bị người lừa dẫn đi chơi thì có các vị giám thiền cầm gậy đánh cho chạy về. Đánh là để không bị người lừa dẫn đi bằng vọng tưởng hay mộng mị. Có người ngồi một lúc mộng thấy việc này việc kia, đó là đi khá xa nên nhờ gậy đánh liền giật mình tỉnh lại. Hiểu như thế mới mang ơn người vác gậy đi tuần, nếu không sẽ bực tức khi bị đánh giật mình.

Niêm: Khóc đến máu tuôn không chỗ dụng,
Chi bằng ngậm miệng qua xuân tàn.

Khóc đến máu tuôn nhưng cũng không dùng được, chi bằng làm thinh để qua mùa xuân. Hành động của ngài Thụy Nham là hành động thiết tha đối với sự tu hành, nhưng còn gọi, nói chủ khách v.v... thì chưa phải là tuyệt vời, nên ngài Trần Thái Tông hơi chê.

Tụng: Thụy Nham thường gọi chủ nhân ông,
Lược giỏi cơ sâu cũng chẳng hùng.

Tuy có mưu lược, có cơ sâu nhưng cũng chưa phải hùng.

Nếu quả thế gian tướng vô địch,
Đợi gì gươm giáo mới là hưng.

Nếu là tướng vô địch thì không cần gươm giáo, không cần phải kêu gọi chi cho ồn. Tuy bị chê như vậy, nhưng ngài Thụy Nham sau này cũng là một vị tổ. Vì mỗi người tự biết bệnh mình, nếu ngồi lâu dễ gục hoặc

dễ chạy theo vọng tưởng thì phải tự gọi cho tỉnh. Như vậy đối với ngài Thụy Nham là có lợi, nhưng so sánh với những Thiền sư khác thì thấy hơi ồn, còn nghiêng về hình thức.

31. Cử: Tam Thánh nói:

- Tôi gặp người liền ra, ra thì chẳng vì người.

Hưng Hóa nói:

- Tôi gặp người thì chẳng ra, ra thì vì người.

Niêm: Một con rùa mù, nửa cặp trạnh què.

Tụng: Gặp khát tức thì uống nước ngay,
Nói ăn bụng đói trọn nguyên ngày.
Hai bên gươm bén thôi niêm kín,
Khi khác trẻ con miệng họa này.

Tam Thánh là thiền sư Huệ Nhiên. Hưng Hóa là thiền sư Tồn Tương. Hai vị là đệ tử lớn của ngài Lâm Tế. Một vị nói: Tôi gặp người liền ra, ra thì chẳng vì người. Một vị lại nói: Tôi gặp người thì chẳng ra, ra thì vì người. Ai nói đúng?

Niêm: Một con rùa mù, nửa cặp trạnh què. Trạnh là con ba ba. Nửa cặp cũng là một con. Như vậy một bên là rùa mù, một bên là trạnh què. Vì ra hoặc không ra, vì người hoặc không vì người đều là một bên, chưa phải là cứu cánh, nên ngài Trần Thái Tông mới bình: Một con rùa mù, nửa cặp trạnh què.

Tụng: Gặp khát tức thì uống nước ngay,
Nói ăn bụng đói trọn nguyên ngày.

Hai bên gươm bén thôi niêm kín,
Khi khác trẻ con miệng họa này.

Đói thì ăn, khát thì uống, nói làm chi ồn cả ngày mà bụng vẫn đói. Ý ngài trách là nói vì người, không vì người, ra, không ra chi cho nhiều. *Hai bên gươm bén thôi niêm kín*, nghĩa là hai vị dùng thuật nói mâu thuẫn nhau giống như hai cây gươm bén niêm kín. *Khi khác trẻ con miệng họa này*, e khi khác trẻ con liếm nhằm bị đứt miệng đứt lưỡi. Lối nói này không cho người thấy được lẽ thật, mà chỉ là nói để cho nghi.

32. Cử: Nam Tuyền thấy Đặng Ẩn Phong đến, chỉ tịnh bình nói:

- Tịnh bình là cảnh, ông không được động đến cảnh.

Niêm: Nói có, nhằm chỗ nào để.

Tụng: Trong gương không nhớp luống tự chùi,
Dụng hết công phu uổng phí thôi.
Lặng lặng im im tùy chỗ thích,
Cơm xong liền đó chung trà xơi.

Tịnh bình là cảnh, lại chỉ tịnh bình bảo không được động đến, vậy phải động đến cái nào? Đó là thuật kỳ đặc trong nhà thiền. Thông thường nghe chỉ đâu chúng ta chạy theo đó là bị gạt.

Niêm: Nói có, nhằm chỗ nào để. Nói không được động đến thì cái đó có hay không? Nếu có thì để ở đâu?

Tụng: Trong gương không nhớp luống tự chùi,
Dụng hết công phu uổng phí thôi.

Lặng lặng im im tùy chỗ thích,
Cơm xong liền đó chung trà xơi.

Bài thơ rất là thâm thúy. Gương không nhớp, không bụi mà lau, thật là uổng công. Như vậy để mặc nó hay sao? Nghĩa là chúng ta nói lau gương là uổng công, nếu nói lau bụi thì đáng công. Hiện nay chúng ta lau gương hay lau bụi? Gương tự sáng, sở dĩ chúng ta không thấy được ánh sáng là do bụi, nay lau sạch bụi thì gương tự sáng. Cũng vậy, cái chân thật nguyên là như thế, không có tu, nhưng vì bụi trần che phủ nên phải tu tức là hằng ngày lau bụi tham sân si mạn nghi..., lau sạch rồi thì gương tự sáng. Nếu gương không sáng dù lau hết bụi cũng vẫn không sáng. Bản chất nó là sáng nên nói lau là vô ích. *Dụng hết công phu uổng phí thôi.* Dù dùng bao nhiêu công phu để chùi gương cũng là uổng phí, nhưng nếu dụng công chùi bụi thì rất đáng công. *Lặng lặng im im tùy chỗ thích*, nó im nó lặng, tùy duyên tùy cảnh nó hưởng ứng. Hưởng ứng bằng cách nào? *Cơm xong liền đó xơi chung trà.* Ăn cơm xong rồi uống trà, việc đó rất bình thường, nhưng chính việc bình thường là cái hiện rõ ràng của tấm gương.

33. <u>Cử</u>: Thạch Đầu nói:

- Thế ấy chẳng được, chẳng thế ấy cũng chẳng được, thế ấy chẳng thế ấy thảy chẳng được.

<u>Niêm</u>: Các hạnh vô thường, tất cả đều khổ.

<u>Tụng</u>: Câu nói hay khéo đem đến ông,
Tạm làm mây trắng che cửa động.

Dù cho toàn được mười phần đúng,
Vẫn ở giữa đường muôn dặm trông.

Thế ấy chẳng được, chẳng thế ấy cũng chẳng được, thế ấy chẳng thế ấy thảy chẳng được. Nói như vậy nghe khó hiểu làm sao! Thế ấy là khẳng định, chẳng thế ấy là phủ định, thế ấy chẳng thế ấy là khẳng và phủ định, thảy đều không được. Như vậy tất cả sự vật trên thế gian đứng về mặt khẳng định hoặc phủ định, hoặc gồm cả hai đều không đúng. Tại sao?

Niêm: Các hạnh vô thường, tất cả đều khổ. Khẳng định, phủ định hay chung cả hai đều là các hạnh, nên đều là khổ.

Tụng: Câu nói hay khéo đem đến ông,
Tạm làm mây trắng che cửa động.

Câu nói cho ông nghe dù hay dù khéo chẳng khác nào mây trắng che cửa động. Mây che cửa động, bầy chim muốn về tổ không biết đường vào, cũng như lời nói hay khéo phủ mờ chỗ chân thật.

Dù cho toàn được mười phần đúng,
Vẫn ở giữa đường muôn dặm trông.

Ngài Thạch Đầu bảo, khẳng định, phủ định hoặc gồm cả hai đều chẳng thể được. Lời này dù đúng mười phần vẫn còn ở giữa đường.

34. <u>Cử</u>: Tăng hỏi:

- Thế nào là cảnh Giáp Sơn?

Sơn đáp:

Vượn ẵm con về sau núi biếc,
Chim tha hoa đáp trước non xanh.

Niêm: Cây gậy tùy thân, gặp trường thì đùa.

Tụng: Giáp Sơn cảnh vắng không người đến,
Ngay đó phải nên làm những gì?
Nếu người thật được đôi mắt sáng,
Giờ Ngọ mặc tình trống canh ba.

Thí dụ có người đến đây hỏi: Thế nào là cảnh Trúc Lâm? Đó là hỏi cảnh Trúc Lâm hay hỏi cái gì? Thật ra không phải hỏi cảnh bên ngoài mà muốn hỏi cái gì nơi chúng ta, nếu diễn tả cảnh bên ngoài thì sai.

Ngài Giáp Sơn là thiền sư Thiện Hội. Thuở trước khi còn ở Kinh Khẩu, ngài giảng cho đồ chúng ở chùa rất đông. Một hôm ngài lên tòa, ở dưới có thiền sư Đạo Ngô Viên Trí ngồi nghe. Có vị tăng bước ra hỏi:

- Thế nào là Pháp thân?

Ngài Thiện Hội đáp:

- Pháp thân vô tướng.

Vị ấy hỏi tiếp:

- Thế nào là Pháp nhãn?

Ngài đáp:

- Pháp nhãn vô tỳ (không có tỳ vết).

Ở dưới, ngài Đạo Ngô cười. Khi giảng xong, ngài Thiện Hội đắp y đến thưa với ngài Đạo Ngô:

- Bạch Hòa thượng, khi tôi đáp lời người hỏi, có chỗ nào không đúng khiến Hòa thượng cười?

Ngài Đạo Ngô nói:

- Nếu là người giảng kinh thì Hòa thượng nói rất đúng, còn nếu là Thiền sư thì chưa có thầy.

Nghe như vậy ngài Thiện Hội mới xin ngài Đạo Ngô giới thiệu cho một vị thầy. Ngài Đạo Ngô giới thiệu ngài Hoa Đình Thuyền Tử. Đang là một giảng sư nổi tiếng mà ngài Thiện Hội từ bỏ tất cả đi tìm ngài Hoa Đình Thuyền Tử.

Pháp thân vô tướng, pháp nhãn vô tỳ đều đúng cả, nhưng tại sao ngài Đạo Ngô cười? Vì dùng tử ngữ như vậy thì biết người học chưa có thầy.

Sau khi ngộ, ngài Thiện Hội trở về trụ ở Giáp Sơn, có người hỏi: Thế nào là cảnh Giáp Sơn? Ngài đáp bằng hai câu thơ:

Vượn ẵm con về sau núi biếc,
Chim tha hoa đáp trước non xanh.

Niêm: Cây gậy tùy thân, gặp trường thì đùa. Sẵn có cây gậy tùy thân gặp trường thì đùa không sợ té. Đó là lời khen ngài Giáp Sơn khéo, khi có người hỏi cảnh liền diễn tả cảnh cho người nghe.

Tụng: Giáp Sơn cảnh vắng không người đến,
Ngay đó phải nên làm những gì?
Nếu người thật được đôi mắt sáng,
Giờ Ngọ mặc tình trống canh ba.

Giờ Ngọ mà đánh trống canh ba nghe thật trái ngược, nhưng thật người có mắt sáng thì giờ Ngọ đánh trống canh ba. Tại sao? Khi ngài diễn tả cảnh Giáp Sơn vượn bồng con về núi, chim tha hoa đáp trước non..., nếu biết thì đó là hiện tiền. Thế nên dường như tả cảnh mà

đã chỉ ra cái chân thật cho người hỏi, như giờ Ngọ mà đánh trống canh ba tức là nói ở đây mà thấy rõ ở kia.

35. Cử: Tăng hỏi Mục Châu:

- Một hơi thở tụng hết một tạng kinh không?

Châu đáp:

- Có bao nhiêu bánh đem hết lại đây.

Niêm: Buông tay đến nhà, chẳng nhọc tiến bước.

Tụng: Một hơi tự khéo tụng tạng kinh,
Chẳng nhọc vạch lá với tìm cành,
Vô biên huyền nghĩa đều hiện rõ,
Hỏi đến Sơn tăng thảy chẳng rành.

Tăng hỏi Mục Châu: Một hơi thở tụng hết một tạng kinh không? Châu đáp: Có bao nhiêu bánh đem hết lại đây. Tức là trên bàn có bao nhiêu bánh đem hết lại đây, đơn giản làm sao!

Niêm: Buông tay đến nhà, chẳng nhọc tiến bước. Thật là khen đáo để. Buông tay là đến nhà không cần phải nhọc đi bước vào.

Ngài Mục Châu là Trần Tôn Túc, hiệu Đạo Minh là một nhân vật nổi tiếng ở hội Hoàng Bá, là vị thủ tọa đã bảo ngài Lâm Tế đi hỏi tổ Hoàng Bá ba lần. Khi ngài về Mục Châu, có người đến hỏi: Một hơi thở tụng hết một tạng kinh không?

Câu hỏi quá rắc rối. Tôi nhắc lại câu chuyện tổ Bát-nhã được nhà vua mời dự trai tăng. Đến nơi,

chư tăng siêng năng tụng kinh còn ngài thong dong đi dạo. Vua thấy lạ mới hỏi:

- Sao Hòa thượng không tụng kinh?

Ngài đáp:

- Ta thở ra không dính sáu trần, hít vào không kẹt ấm giới, mỗi ngày ta tụng không biết bao nhiêu bộ kinh.

Như vậy nói theo cách của ngài là một hơi thở tụng hết ba tạng kinh! Chúng ta hiện nay thở ra hít vào dính kẹt đủ điều, nếu thở ra không dính sáu trần, hít vào không kẹt ấm giới thì tự tại biết bao nhiêu! Như vậy dường như không tu mà thật tu, còn cố gắng tụng hết bộ kinh này sang bộ kinh khác, dường như tận lực tu hành nhưng rốt lại chỉ được phước, chứ thật chưa biết chuyển vô minh phiền não trở thành Bồ-đề; vì tham tụng cho hết bộ để được phước nhiều nên vẫn còn phiền não. Trái lại, thở ra hít vào mà không dính kẹt gì cả, đó mới thật là tụng kinh.

Đáp câu hỏi của vị tăng, ngài Mục Châu không nói hết, không nói không, chỉ bảo: Trên bàn có bao nhiêu bánh dọn ra ăn. Trả lời thấy như lạc đề nhưng chính đó là điểm hay, nếu vị tăng biết, là thấy được bao nhiêu tạng kinh rồi. Thế nên lời niêm: Buông tay đến nhà, chẳng nhọc tiến bước. Ngay đó thấy gì nói nấy, không phải suy gẫm tìm kiếm.

Tụng: Một hơi tự khéo tụng tạng kinh,
Chẳng nhọc vạch lá với tìm cành.

Vô biên huyền nghĩa đều hiện rõ,
Hỏi đến Sơn tăng thảy chẳng rành.

Nghĩa là không nhọc nhằn vạch lá tìm cành, mò từng chữ từng câu, nếu không còn dính mắc thì bao nhiêu huyền nghĩa đều hiện rõ. *Hỏi đến Sơn tăng thảy chẳng rành*, hỏi đến chữ nghĩa đều chẳng hiểu rõ nhưng tất cả đều đầy đủ.

36. Cử: Trong hội Lâm Tế, hai vị thủ tọa nhà Đông nhà Tây gặp nhau đồng thời hét. Tăng hỏi:

- Lại có chủ khách hay không?

Lâm Tế đáp:

- Chủ khách rõ ràng.

Niêm: Cũng là vượn trắng nói lăng xăng.

Tụng: Thánh chúa ngày nay cổ hóa phong,
Bản đồ văn phạm trọn tương đồng.
Bờ cõi xa gần phân rành rõ,
An dân tế thế há kể công.

Trong hội Lâm Tế, hai vị thủ tọa nhà Đông nhà Tây gặp nhau đồng thời hét. Tăng hỏi: Lại có chủ khách hay không? Lâm Tế đáp: Chủ khách rõ ràng. Tông Lâm Tế hay phân chủ khách. Hai người gặp nhau hét một lượt thì ai là chủ, ai là khách?

Niêm: Cũng là vượn trắng nói lăng xăng. Nghe tổ Lâm Tế đáp chủ khách rõ ràng, nên chúng ta phăng tìm xem ai chủ ai khách. Chủ là người hay, khách là người dở,

nhưng hai người hét một lượt thì làm sao phân biệt chủ khách. Nếu chúng ta cứ tìm hiểu việc đó, chẳng khác nào khỉ vượn lăng xăng.

Tụng: Thánh chúa ngày nay cổ hóa phong,
Bản đồ văn phạm trọn tương đồng.

Vua thánh muốn vận động người tổ chức lại phong hóa đẹp đẽ cho quê hương xứ sở thì những điều kiện như bản đồ, văn phạm... đều tương đồng. *Thánh chúa* đây là chỉ ngài Lâm Tế, *bản đồ văn phạm* là chỉ hai ông Thủ tọa cùng hét, nên trọn cùng đồng.

Bờ cõi xa gần phân rành rõ,
An dân tế thế há kể công.

Trong đó đã nói rõ ràng chỗ lợi ích cho chúng sanh, chỗ giáo hóa chân thật đầy đủ. Các ngài nói nhưng chúng ta đừng phân biệt tìm hiểu, nên tuy có lợi cho chúng sanh mà không kể công. Như vậy chúng ta đừng kẹt trong lời của tổ Lâm Tế mà phân biệt đúng hay sai, chủ hay khách.

37. Cử: Huyền Sa nói:

- Nếu luận việc này, ví như người chủ một thửa ruộng, đến phần ranh giới đã bán cho các ông rồi, chỉ còn cái cây ở trung tâm vẫn thuộc về Lão tăng.

Niêm: Biển cả chẳng nạp tử thi.

Tụng: Dù người liễu ngộ ngời ngời tỏ,
Muôn lự đầu tâm hết lăng xăng;

Trong đây còn có tơ hào dấy,
Vào mắt mạt vàng lại xốn xang.

Huyền Sa là ngài Huyền Sa Sư Bị. Việc này là việc ai cũng sẵn có. Nói về việc này thì giống như thửa ruộng lớn khoảnh nào cũng bán cho các ông hết, mỗi người đều có phần, chỉ còn cây giữa trung tâm là phần của ta. Nói như thế là không có giấu giếm gì cả. Chia phần cho tất cả, ai có phần nấy, nhưng cây ở giữa là phần của ngài không ai được động đến, là thầm chỉ cái đó ai cũng có phần, chứ không phải dành riêng cho người nào.

Niêm: Biển cả chẳng nạp tử thi. Những người chết trên biển sớm muộn gì sóng cũng đùa thây vào mé bờ, ý nói chỗ trong sạch không dung cái nhơ nhớp hay nói cách khác là thể không hình tướng không chấp nhận cái có tướng. Cây ở giữa thuộc về ngài cũng là có tướng.

Tụng: Dù người liễu ngộ ngời ngời tỏ,
Muôn lự đầu tâm hết lăng xăng;
Trong đây còn có tơ hào dấy,
Vào mắt mạt vàng lại xốn xang.

Vua Trần Thái Tông bình rằng: Dù cho ngài Huyền Sa đã ngộ được rõ ràng, nhưng còn nói có cây hay có chỗ nào cũng là còn dính mắc, giống như mắt đang lành mạnh lại có người đem mạt vàng hay mạt ngọc để vào. Tuy mạt vàng quý nhưng mắt không thể dung được. Cũng thế dù nói những lời hay, ý đúng nhưng còn có nơi, có tướng cũng là còn kẹt.

38. <u>Cử</u>: Tăng hỏi hòa thượng Tư (Hành Tư) về đại ý Phật pháp. Hòa thượng Tư đáp:

- Ở Lô Lăng giá gạo bao nhiêu?

<u>Niêm</u>: Bóng trúc quét thềm trần chẳng dấy,
Vầng trăng xuyên biển nước không tỳ.

<u>Tụng</u>: Lời này quả thật bậc anh linh,
Gồm hết căn cơ tiếp hữu tình.
Một hỏi, Lô Lăng gạo giá mấy,
Hoàn toàn trọn chẳng dính đồ trình.

Tăng hỏi hòa thượng Tư *đại ý Phật pháp*. Hòa thượng Tư tức ngài Hành Tư. Câu này ngài Lâm Tế cũng hỏi ngài Hoàng Bá. Vị tăng này hỏi tương tợ như vậy. Hòa thượng Tư hiền lành nên đáp: Ở Lô Lăng giá gạo bao nhiêu? Nếu nay có người hỏi tôi, thế nào là đại ý Phật pháp? Tôi hỏi, ngoài Đà Lạt giá gạo bao nhiêu một kg, quý vị nghe có lạc đề không? Đó là hiền lành chứ còn bạo như ngài Hoàng Bá thì liền đập cho một gậy. Chính ngài Lâm Tế bị ba gậy cũng do câu hỏi này. Câu đáp hiền lành nhưng không còn chỗ để suy gẫm.

Niêm: Bóng trúc quét thềm trần chẳng dấy,
Vầng trăng xuyên biển nước không tỳ.

Câu niêm thật hay. Chúng ta thấy vào xế trưa, những bụi trúc gần chùa rọi bóng trên thềm, gió thổi cành trúc, bóng trúc đong đưa qua lại như quét thềm chùa mà không dấy bụi. Vào đêm rằm chúng ta thấy có vầng trăng dưới đáy biển, nhưng mặt nước không có tỳ vết của vầng trăng xuyên qua vì đó chỉ là bóng

mặt trăng. Như vậy bóng trúc hay bóng trăng hiện sờ sờ nhưng không có tác dụng gì thật. Cũng thế câu *ở Lô Lăng giá gạo bao nhiêu* tuy có câu nói mà không một chút dính mắc, chẳng khác nào bóng trúc bóng trăng.

Tụng: Lời này quả thật bậc anh linh,
Gồm hết căn cơ tiếp hữu tình.
Một hỏi Lô Lăng gạo giá mấy,
Hoàn toàn trọn chẳng dính đồ trình.

Câu trả lời của ngài Hành Tư gồm tất cả căn cơ và tỏ rằng ngài là bậc anh linh. Đáp lại vị tăng bằng câu hỏi *Lô Lăng giá gạo bao nhiêu* thật không một dấu vết, không một chỗ dính mắc, như trăng đáy biển, như trúc quét thềm, tuy thấy mà không dính dáng. Đó là lời tán thán.

39. Cử: Tăng hỏi thiền sư Văn Thù:
- Muôn pháp về một, một về chỗ nào?
Văn Thù đáp:
- Sông Hoàng Hà chín khúc.

Niêm: Nhân khi có trăng đẹp,
Bất thần qua Thương Châu.

Tụng: Hoàng Hà chín khúc vì nêu ra,
Chẳng dính đồ trình tự đến nhà.
Nhiều kẻ ban ngày mở mắt ngóng,
Đâu hay chim trĩ đến Tân La.

Ở Trung Hoa có hai vị thiền sư nổi tiếng đều ở chùa Văn Thù là ngài Tuyên Năng phái Hoàng Long và ngài Tâm Đạo phái Dương Kỳ, nên không biết chỉ vị nào.

Muôn pháp về một, một về chỗ nào, ý nói muôn pháp từ tâm khởi, vậy tâm về đâu. Câu này trước đã có ngài Thạch Sương hỏi ngài Quy Sơn, ngài Quy Sơn bảo: Trong gạo có sâu.

Ngài Văn Thù là một thiền sư đạt đạo nên khi vị tăng hỏi câu trên, ngài đáp: Sông Hoàng Hà chín khúc. Sông Hoàng Hà là con sông lớn ở Trung Hoa, gần Bắc Kinh, dài hơn tám ngàn dặm, mỗi ngàn dặm có một khúc quanh nên gọi là sông Hoàng Hà chín khúc. Thí dụ như có ai hỏi tôi, muôn pháp về một, một về chỗ nào? Tôi đáp, sông Cửu Long chín cửa, câu trả lời như thế có thú vị không? Câu nói đó để cho người nghe bặt hết những nghĩ suy. Nếu nói cho người suy nghĩ thì gạo có sâu.

Niêm: Nhân khi có trăng đẹp,
Bất thần qua Thương Châu.

Nghĩa là nhân đêm trăng sáng trời đẹp, đi chơi một lúc lạc đến Thương Châu. Hỏi và đáp nghe như có câu hỏi, lời đáp nhưng chẳng qua là trò chơi, không có ý nghĩa để chúng ta phải tìm hiểu.

Tụng: Hoàng Hà chín khúc vì nêu ra,
Chẳng dính đồ trình tự đến nhà.
Nhiều kẻ ban ngày mở mắt ngóng,
Đâu hay chim trĩ đến Tân La.

Nói sông Hoàng Hà chín khúc, nếu ngay đó nhận ra thì không cần đi trên đường dài mà tự đến nhà. Trái lại nếu không nhận được, cứ tìm hiểu tại sao hỏi *một về chỗ nào* lại đáp *sông Hoàng Hà chín khúc*, suy gẫm mãi

điều đó thì chẳng khác nào kẻ ban ngày ngóng nhìn chim bay trong khi chim trĩ bay đến Tân La vẫn không hay. Thật là vô ích!

40. Cử: Nam Tuyền hỏi Triệu Châu:

- Ngươi là Sa-di có chủ hay Sa-di không chủ?

Triệu Châu đáp: - Có chủ.

Nam Tuyền hỏi: - Thế nào là chủ?

Triệu Châu khoanh tay thưa:

- Hôm nay kính chúc Hòa thượng luôn được muôn phước.

Niêm: Co tay chuyển chùy chẳng đổi gươm,
Người khéo sử dụng đều được tiện.

Tụng: Khoanh tay Tùng Thẩm chỉ cho người,
Chẳng kẹt hai bên chủ tự phân.
Đâu phải Hoa Lam Hàn lệnh thuật,
Nào hay khéo nấu rượu Tuân tuần.

Ngài Nam Tuyền đang ngồi trên giường thiền, thấy ngài Triệu Châu đến, lúc đó Triệu Châu còn là Sa-di mười mấy tuổi, liền hỏi: Ông là Sa-di có chủ hay Sa-di không chủ? Nay nếu hỏi quý vị như vậy thì quý vị cũng đáp có chủ. Nhưng khi hỏi chủ ở đâu thì rất khó diễn đạt. Ngài Triệu Châu liền khoanh tay thưa: Hôm nay kính chúc Hòa thượng luôn được muôn phước.

Có lạc đề không? Có chủ hay không chủ? Nếu không chủ, ai biết nói? Không nói gì đến chủ, chỉ khoanh tay thưa một câu tầm thường mà diễn tả được Sa-di có chủ, nên ngài Nam Tuyền chấp nhận.

Niêm: Co tay chuyển chùy chẳng đổi gươm,
Người khéo sử dụng đều được tiện.

Co tay là khoanh tay, chuyển chùy chẳng đổi gươm là cái gì có sẵn liền sử dụng, không phải đợi có gươm bén mới sử dụng được. Nghĩa là đối với người đang khai chiến, chúng ta có gì thì dùng liền cái ấy không cần phải tìm kiếm gì khác. Nếu người khéo dùng thì ngay đó đều được tiện.

Tụng: Khoanh tay Tùng Thẩm chỉ cho người,
Chẳng kẹt hai bên chủ tự phân.

Ngài Tùng Thẩm chỉ khoanh tay mà đã chỉ được ông chủ nhân cho người, lại không kẹt hai bên.

Đâu phải Hoa Lam Hàn lệnh thuật,
Nào hay khéo nấu rượu tuân tuần.

Tuân tuần tức là không lâu, chỉ trong giây phút thôi. Hàn là Hàn Tương Vũ. Hoa Lam là xứ Hoa Lam. Lệnh thuật tức là có thuật khéo nấu rượu.

Nếu không phải là Hàn Tương Vũ ở Hoa Lam thì đâu có thuật khéo chỉ trong mấy phút mà nấu được một nồi rượu. Đó là để tán thán nếu không phải ngài Triệu Châu có tài thì đâu thể ngay câu hỏi đáp lại một cách khéo léo như vậy.

41. <u>Cử</u>: Tăng hỏi Mộc Am:

- Thế nào là việc của Nạp y (tăng sĩ)?

Mộc Am đáp:

- Dùi châm chẳng vào.

Niêm: Ngồi yên dứt mảy trần,
Hư không chẳng lối thông.

Tụng: Cầm thì mịn mượt, ấn thì mềm,
Trán sắt đầu đồng đụng chẳng xuyên.
Vốn thật hư không, không gián cách,
Đêm về như cũ hoa quế thu.

Nạp y là tăng sĩ. Tăng hỏi Mộc Am: Việc của các tăng sĩ như thế nào? Ngài Mộc Am đáp: Dùi châm chẳng vào.

Niêm: Ngồi yên dứt mảy trần,
Hư không chẳng lối thông.

Ngài Trần Thái Tông khen ngài Mộc Am nói câu đó là ngồi yên mà dứt sạch không còn dính một mảy trần, như hư không không còn lối nào cho người đi.

Tụng: Cầm thì mịn mượt, ấn thì mềm,
Trán sắt đầu đồng đụng chẳng xuyên.
Vốn thật hư không, không gián cách,
Đêm về như cũ hoa quế thu.

Việc của chư tăng, chư ni, hay việc của Thiền sư như thế nào? Tại sao dùi châm chẳng vào? Vì nó không phải là diện mạo có hình có tướng, làm sao dùi châm được. Chỗ đó cầm thì mịn mượt nhẹ nhàng, ấn thì mềm không khó khăn, nhưng trán sắt đầu đồng đụng chẳng xuyên, không ai chui vào được. Mỗi người tự giữ, không ai chen vào của ai được, đó là điểm kỳ đặc. Hư không không có chỗ hở nên dùi châm chẳng được. Mùa thu đêm về nghe hoa quế thơm, tức là cái đó hiện thực ở thế gian.

42. Cử: *Bàng cư sĩ nói:*
Đây là trường thi Phật,
Tâm Không được đậu về.

Niêm: *Tháp nhạn đề tên, không dung giấy trắng.*

Tụng: *Áo may trăm mảnh giày cỏ xuyên,*
Thi Phật trong trường đã có tên.
Nếu bảo tâm Không đến ứng cử,
Chẳng ăn roi vọt cũng ăn thoi.

Câu *đây là trường thi Phật, tâm không được đậu về* là trong bài thơ của ông Bàng Uẩn, nghĩa là ai tâm không còn dính mắc thì được đậu.

Niêm: Tháp nhạn đề tên, không dung giấy trắng. Ở Trung Hoa, vào đời Đường những người thi đậu tiến sĩ được ghi tên vào bia ở dưới tháp nhạn tại chùa Từ Ân huyện Trường An, tỉnh Thiểm Tây. Tên được đề trên tháp nhạn, đó là khắc trong đá chứ không dùng giấy trắng, ý muốn nói *đây là trường thi Phật, tâm không được đậu về* là chỗ chưa ổn.

Tụng: Áo may trăm mảnh giày cỏ xuyên,
Thi Phật trong trường đã có tên.
Nếu bảo tâm Không đến ứng cử,
Chẳng ăn roi vọt cũng ăn thoi.

Nếu nói tâm không là đậu Phật thì không bị roi đòn cũng ăn thoi đấm. Tại sao? Vì tâm Không còn cách một lớp rào, *vô tâm du cách nhất trùng quan.* Nếu bảo đến đó là xong thì không được vì tâm Không là không những

niệm khởi lăng xăng, nhưng chỗ đó chưa phải là cứu cánh. Khi biết không có niệm lăng xăng, nhưng cái chân thật vẫn hiện tiền thì được, còn chỉ biết cái không mà quên cái hiện tiền thì không ăn roi vọt cũng ăn thoi.

43. <u>Cử</u>: Từ Minh hỏi Chân Điểm Hung về đại ý Phật pháp. Chân đáp:

Không mây sanh đỉnh núi,
Có trăng rơi lòng sông.

Minh hét, nói:

- Đầu bạc răng vàng vẫn khởi kiến giải này!

Chân rơi lệ, giây lâu nói:

- Không biết thế nào là đại ý Phật pháp?

Minh đáp:

Không mây sanh đỉnh núi,
Có trăng rơi lòng sông.

Chân đại ngộ.

<u>Niêm</u>: Người nhân thấy thì gọi là nhân,
Người trí thấy thì gọi là trí.

<u>Tụng</u>: Kia đây đồng khảy một cung đàn,
Cần phải trao cho bạn tri âm.
Không mây, trăng có tuy đồng đấy,
Nào khác núi cao cùng nước sâu.
Chao! Trọn ngày theo hồng trần,
Chẳng biết báu nhà mình.
Ôi! Buông tay không tựa toàn thể hiện,
Lão chài thuyền nhỏ đậu hoa lau.

Quý vị thấy lạ không? Khi hỏi thế nào là đại ý Phật pháp thì đáp được một câu rất hay:

Không mây sanh đỉnh núi,
Có trăng rơi lòng sông.

Không mà lại sanh, có lại rơi, đó là muốn nói đại ý Phật pháp không dính mắc hai bên có không. Ngài Từ Minh là một tay cừ khôi, chưa vội chấp nhận nên hét nói:

- Đầu bạc răng vàng vẫn khởi kiến giải này!

Nếu là người thật ngộ thì khi bị nói như thế phải có một thái độ, một hành động gì để tỏ rằng câu nói của mình là không sai, nhưng ngài Chân Điểm Hung lại rơi lệ rồi hỏi:

- Không biết thế nào là đại ý Phật pháp?

Thế là nghe người ta nói, mình bắt chước nói theo chứ chưa thấy được. Vì vậy ngài Từ Minh liền lặp lại:

Không mây sanh đỉnh núi,
Có trăng rơi lòng sông.

Chân đại ngộ, tức là được xác nhận nên tin chắc không còn nghi ngờ nữa. Như vậy người xưa có tài biết ai chưa đủ lòng tin thì thử, dù câu nói đúng mà vẫn bẻ lại, khi bị bẻ nếu mình hoảng hốt thì thấy là sai.

Niêm: Người nhân thấy thì gọi là nhân,
Người trí thấy thì gọi là trí.

Cùng một câu mà người chưa ngộ nói vẫn là chưa ngộ, người ngộ nói vẫn là ngộ rồi.

Tụng: Kia đây đồng khảy một cung đàn,
Cần phải trao cho bạn tri âm.
Không mây, trăng có tuy đồng đấy,
Nào khác núi cao cùng nước sâu.

Ngài Từ Minh và Chân Điểm Hung giống như cùng khảy một cung đàn, nhưng âm ba khác nhau vì người có học đàn với người chưa học. Người hiểu và cảm thông được với mình mới đúng cùng một cung đàn nhịp nhàng với nhau. Cả hai người cùng nói một câu nhưng *nào khác núi cao cùng nước sâu*, người trên trời người dưới vực, khác nhau chỗ ngộ và chưa ngộ.

Chao! Trọn ngày theo hồng trần,
Chẳng biết báu nhà mình.
Ôi! Buông tay không tựa toàn thể hiện,
Lão chài thuyền nhỏ đậu hoa lau.

Kết thúc là nếu đi trong cuộc đời, buông thõng tay không dính vào sự vật thì toàn thể hiện tiền, rồi sẽ yên ổn giống như lão chài nghỉ ngơi đậu thuyền cạnh bờ hoa lau ngủ ngon, lòng không bận bịu.

Tóm lại, từ những lời dạy đơn giản gần gũi với Phật tử đến những lời dạy đủ tư cách một Thiền sư của vua Trần Thái Tông cho chúng ta thấy, người xưa nói đến nơi, làm đến chốn, không phải như chúng ta chỉ học lóm, nói được làm không được. Tuy sống trong cảnh nhung lụa sang trọng nhưng ngài không nhiễm không dính, nên người sau thường kết luận, các vua đời Trần xem ngai vàng như dép rách, muốn từ bỏ lúc nào cũng được.

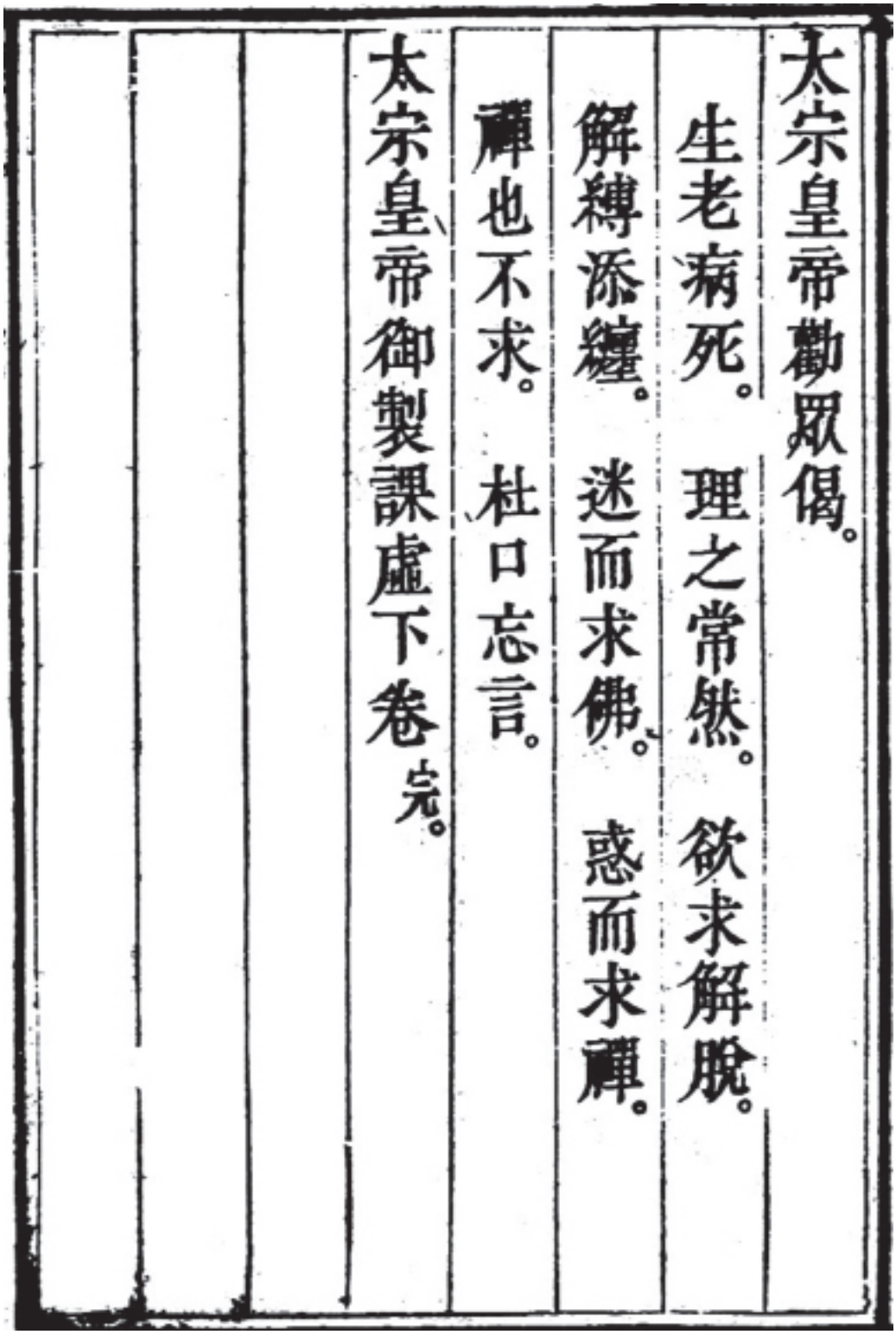
Đó là điểm đặc biệt của người thật thấy đạo. Trái lại, chúng ta hiện nay có chùa khang trang một chút, chùa là của bá tánh mà bỏ cũng không đành. Những lời giảng nói của ngài Trần Thái Tông có giá trị ở chỗ ngài thấy được và làm được. Khi trở về già, ngài về động Thái Vi ở gần vùng Hoa Lư, mở mang cho dân làm ruộng lập ấp, đồng thời ngài tu tại đó, nhưng sử không ghi ngài xuất gia hay còn tại gia. Những bài nói về ngũ giới, sám hối lục căn là ngài viết lúc ở tại triều, còn những bài tụng cổ v.v... có lẽ ngài viết lúc về già. Ở nơi yên tĩnh tu hành, ngài thâm nhập được nên có cái nhìn sâu sắc, đúng tinh thần của một Thiền sư. Tuy là một vị vua đa đoan trăm công ngàn việc, trong thời đất nước bị ngoại xâm, mà ngài vẫn tu được, vẫn thấy đạo. Chúng ta phải quý trọng và noi gương ngài để tự nhắc nhở. Chúng ta đang ở trong hoàn cảnh rảnh rang, dễ dàng trăm phần, nhận lãnh vài việc nhỏ trong chùa mà than bận quá tu không được. Đó là lỗi tại ai? Đừng trách cảnh mà chỉ buồn vì mình không khéo. Đổ cho hoàn cảnh thì tìm khắp quả đất cũng không có cảnh nào như ý, chỉ chúng ta biết ứng dụng ngay trong cảnh đó, thâm nhập được đạo lý thì nơi nào cũng tu được. Đó là lời nhắc chung cho toàn chúng.

LỜI BẠT CỦA NGƯỜI SAU

Phàm nói nín động tịnh đều là Phật pháp, ăn uống ngủ thức đều là Phật pháp. Có quyền có thật, có chiếu có dụng, thảy đều là phương tiện độ người. Chư tổ đời Lý Trần bàn nói đâu không phải là cổ Phật tái lai, đâu không phải là tông chỉ Phật Thích-ca. Cho nên nói: Lễ Phật là kính đức của Phật, niệm Phật là cảm ân của Phật, giữ giới là hành cái hạnh của Phật, xem kinh để rõ cái lý của Phật, tọa thiền để đạt cái cảnh của Phật, tham thiền để hợp cái tâm của Phật, thuyết pháp để tròn cái nguyện của Phật.

Đức Phật Thế Tôn chúng ta vì muốn khiến tất cả chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, chóng thành Chánh giác. Song chúng sanh mê muội bản tâm, chấp chặt sắc thân năm uẩn của chính mình, bỏ gốc theo ngọn, không giác không biết, mê muội chánh nhân, lên xuống trong lục đạo, như con kiến bò quanh miệng chén, biết bao giờ ra khỏi. Vì thế, các ngài lập bày phương tiện dẫn dạy nhiều môn, nhân đó lưu lại pháp yếu để mớm cho con cháu sau này. Cổ đức nói: "Vì chuột thường để cơm, thương bướm không thắp đèn." Lại nói: "Mê đó là đầu mối sanh tử, ngộ đó thì dứt luân hồi."

NGUYÊN BẢN
HÁN VĂN



太宗皇帝勸眾偈。

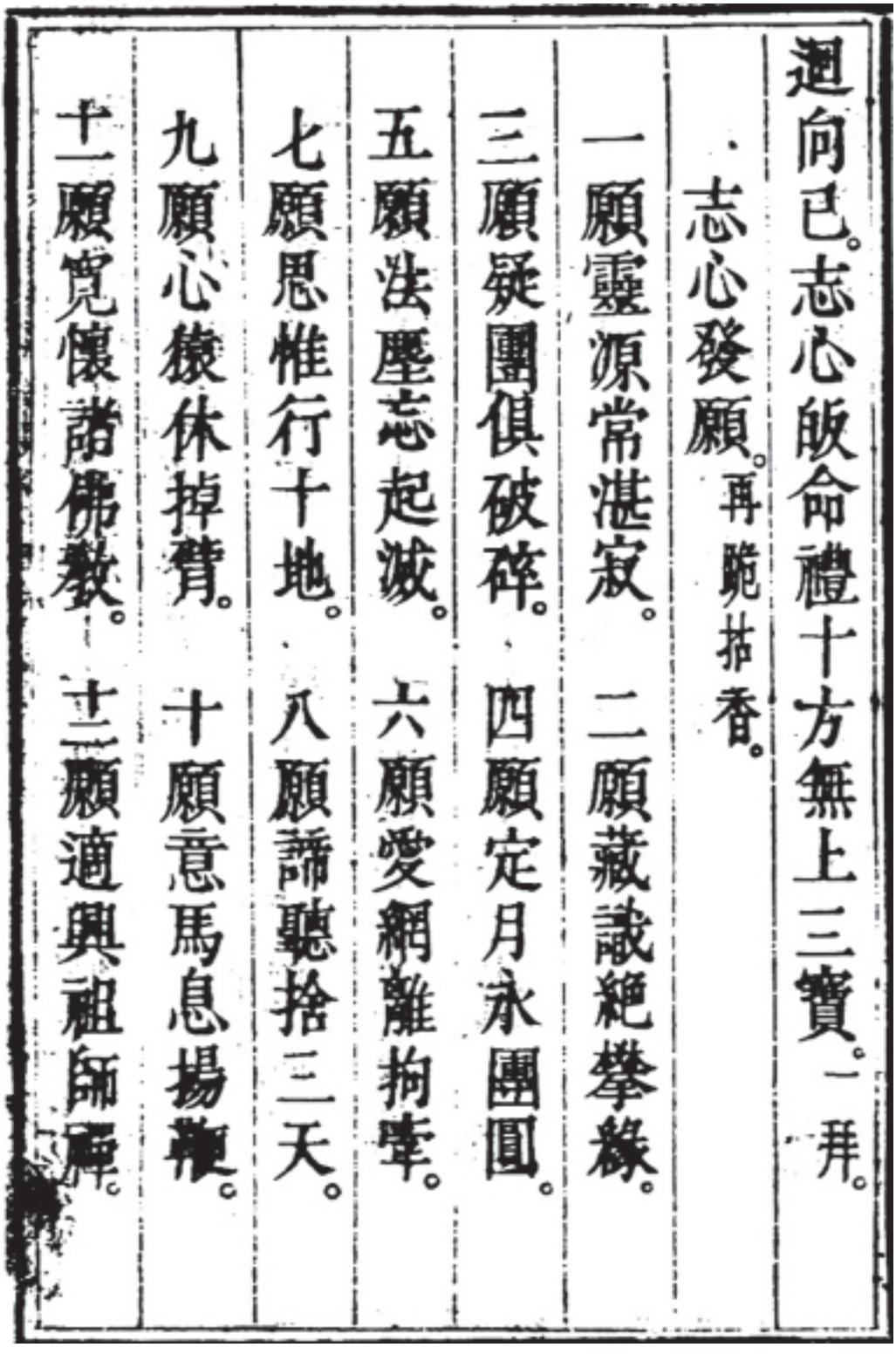
生老病死。理之常然。欲求解脫。
解縛添纏。迷而求佛。惑而求禪。
禪也不求。杜口忘言。

太宗皇帝御製課虛下卷 完。

發願已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。
或誦經旋繞念佛已。宜頂禮阿彌陀佛十拜。
或四十八拜。觀音。世至。清淨大海眾。各三拜
已。發願西方文。
頂禮三自皈

此時無常偈。

法鼓擊回浮世夢。梵鐘撞破大家聾。
貪猶扎首眠甜黑。不管東顏日照紅。
長夜漫漫時有旦。冥途默默路難通。
今朝若不勤行道。他日那逢黃面公。



迴向已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心發願。再跪拈香。

一願靈源常湛寂。二願藏識絕攀緣。

三願疑團俱破碎。四願定月永圓圓。

五願法塵忘起滅。六願愛網離拘牽。

七願思惟行十地。八願諦聽捨三天。

九願心猿休掉臂。十願意馬息揚鞭。

十一願覓懷諸佛教。十二願適興祖師禪。

勸請已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心隨喜。再跪拈香。

我今隨佛生歡喜。昏曉虔誠禮懺因。

十地階梯願早登。菩提眞心無退轉。

隨喜已。志心歸命禮十方無上三寶。一拜。

志心迴向。再跪拈香。

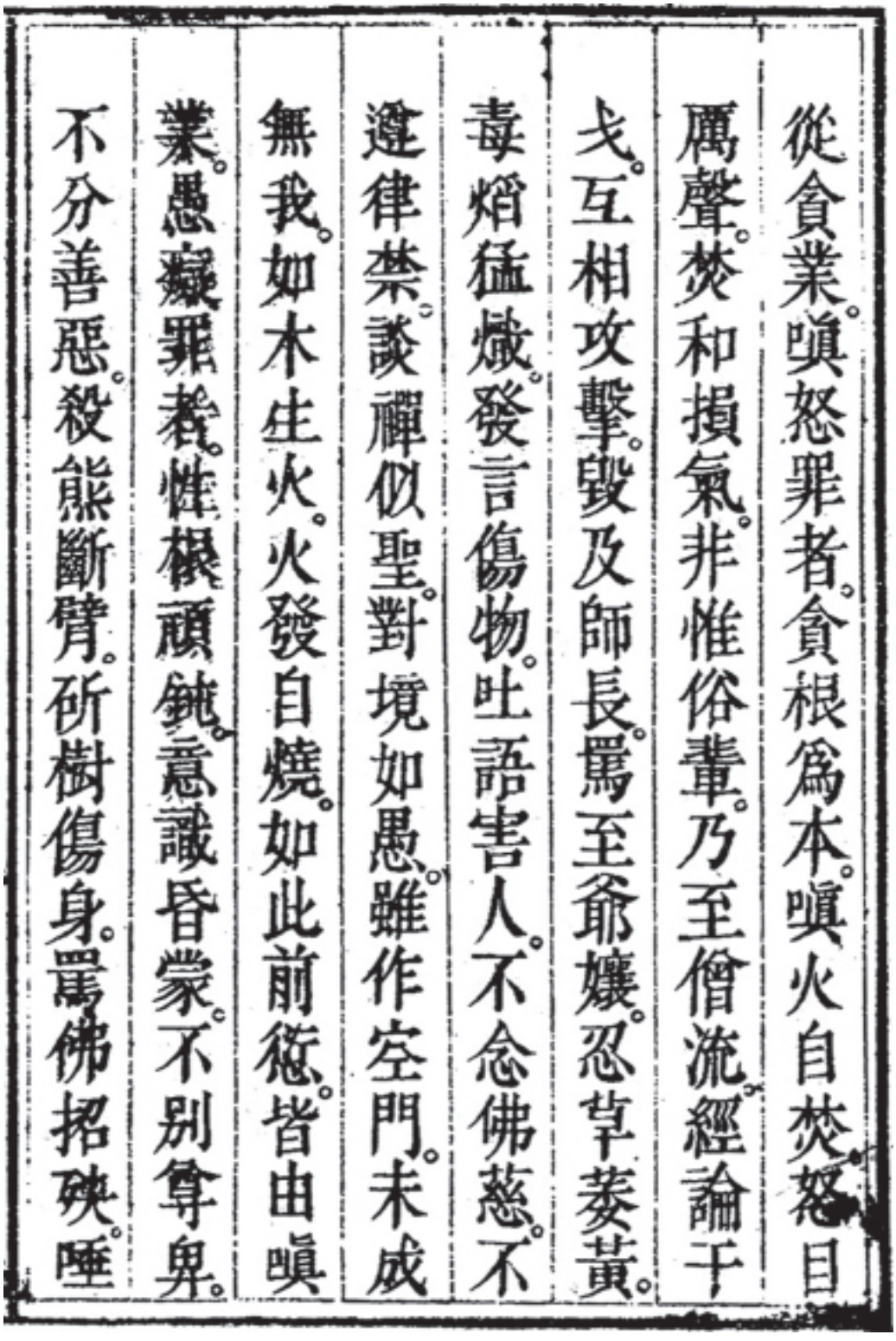
我等迴心歸聖眾。慇懃頭地禮慈尊。

願將功德及羣生。憑此勝因成正覺。

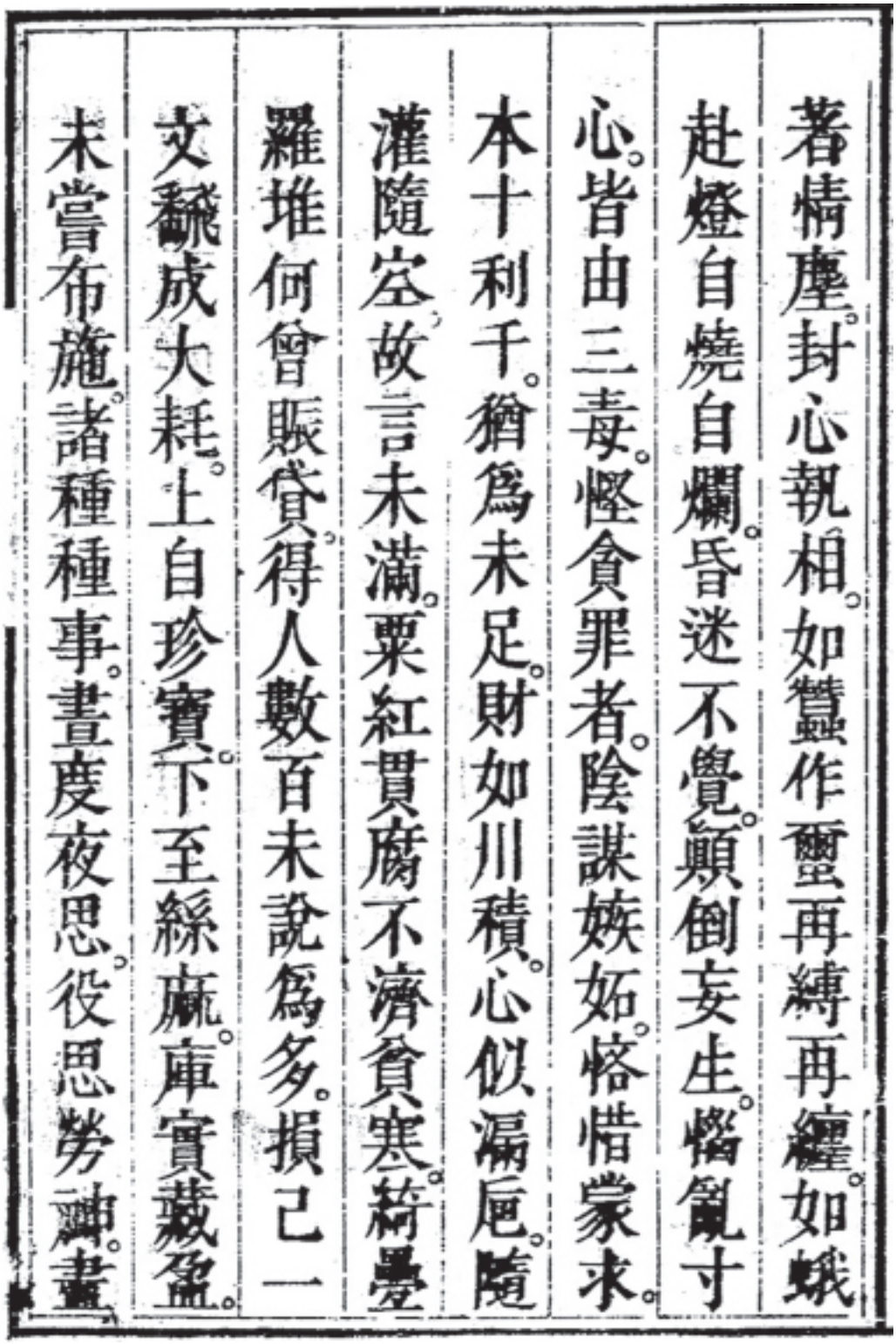
天濕面。忘恩忘德。背義背仁。不省不思。皆愚癡業。如斯等罪。最重最深。及至命終。墮于地獄。經億千劫。方得受生。縱得受生。還遭頑報。若不懺悔。何以消除。今對佛前。悉皆懺悔。懺悔已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心勸請 再跪拈香

勸請十方三世佛。及諸菩薩聖賢僧。廣開無量慈悲心。同證眾生登彼岸。



從貪業。嗔怒罪者。貪根爲本。嗔火自焚。怒
厲聲。焚和損氣。非惟俗輩。乃至僧流。經論干
戈。互相攻擊。毀及師長。罵至爺孃。忍草萎黃。
毒焰猛熾。發言傷物。吐語害人。不念佛慈。不
遵律禁。談禪似聖。對境如愚。雖作空門。未成
無我。如木生火。火發自燒。如此前愆。皆由嗔
業。愚癡罪者。性根頑鈍。意識昏蒙。不別尊卑。
不分善惡。殺熊斷臂。斫樹傷身。罵佛招殃。唾



著情塵。封心執相。如蠶作繭再縛再纏。如蛾赴燈自燒自爛。昏迷不覺。顛倒妄生。惱亂寸心。皆由三毒。慳貪罪者。陰謀嫉妬。恪惜蒙求。本十利千。猶爲未足。財如川積。心似漏巵。隨灌隨空。故言未滿。粟紅貫腐不濟貧寒。綺羅堆何曾賑貸。得人數百未說爲多。損己一文。毀成大耗。上自珍寶。下至絲麻。庫實藏盈。未嘗布施。諸種種事。晝度夜思。役思勞神。晝

命難常。勿放此時蹉過。管取眼前淨土。認來心裏彌陀。若能快下承當。便得箇中顯現。但某甲等。謹想斯時。以爲後夜之禮。

啓白已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

懺悔意根罪。再拈香胡跪白云。

志心懺悔。臣某等。自從無始無量劫來。失却本心。罔知正道。墮三塗苦。由六根非。若不懺前。難追悔後。意根罪者。攀緣念慮。無暫時休。繫



夢。補牢撞破於天陰。淡蟾半入碧山頭。紅日未
生滄海面。古壁頻催蛩韻。御街初動馬蹄。城頭
線繞淡寒煙。天外霏微迷曉露。適羽客朝真之
際。當綸流行道之時。千家萬室門未開。一夜六
時功已就。忙忙世路擾擾羣生。雖驚當夜伏枕
眠。未醒終身開眼睡。諸佛子。若縱終宵諸樂欲。
便教徹曉一心昏。致此羈縻一生。由於昏散二
字。爲倩直開一線道。將來畱與作家看。當知人

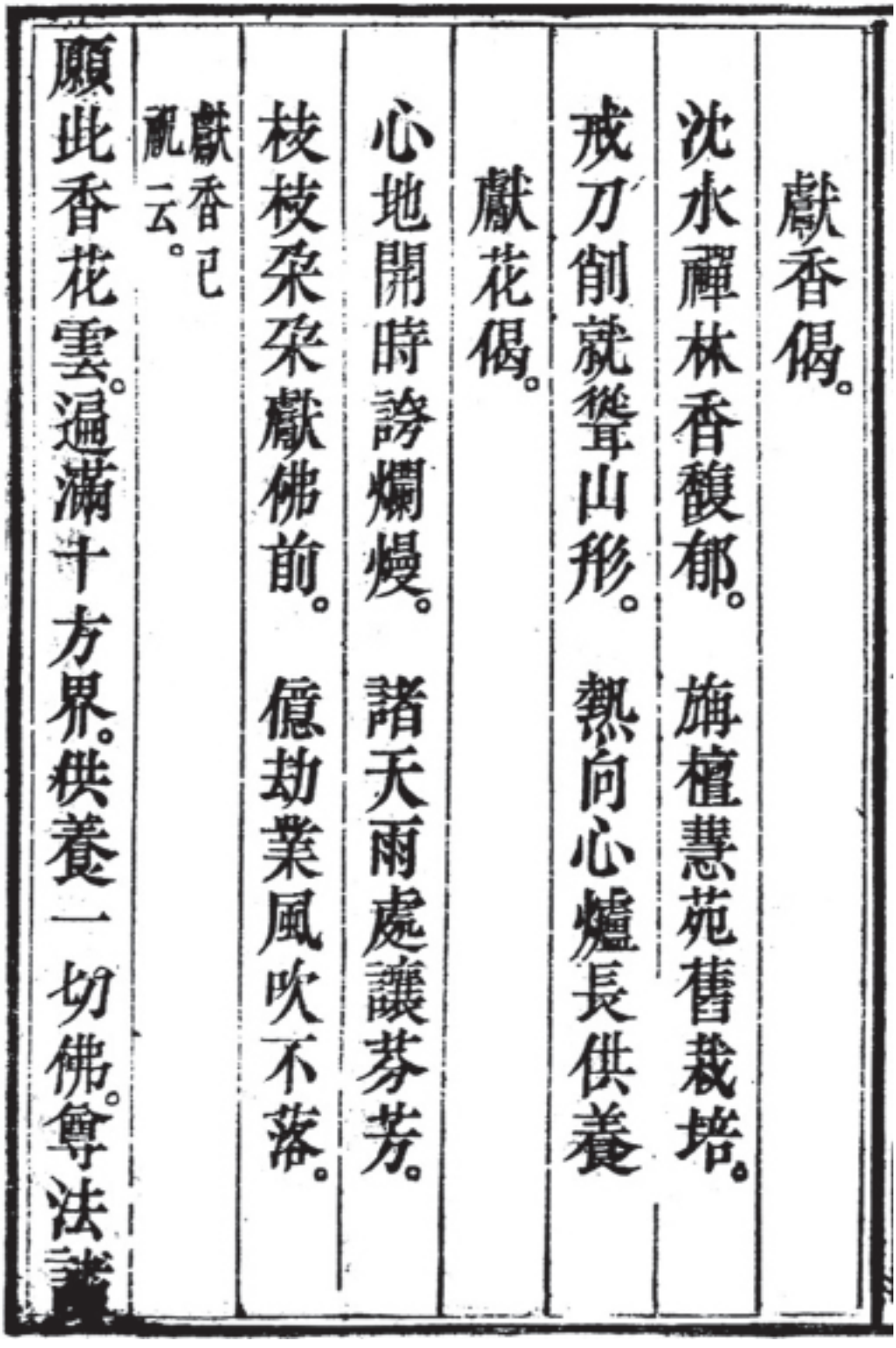
菩薩。無量聲聞眾。及一切聖賢。以起光明臺。遍於無邊界。無邊佛土中。受用作佛事。普薰諸眾生。皆發菩提心。

供養已。志心歸命禮十方無上三寶。一拜。

啓白。再拈香胡跪白云。

龍子是虬蟲也

敬啓十方大覺。三世雄師。注甘露而濟羣機。握神珠而投諸暗。竊聞虬催既五鷄唱方三玳筵之燭影消殘。銀漢之星躔滅沒。蝴蝶飜回於世



獻香偈。

沈水禪林香馥郁。 旃檀慧苑舊栽培。
戒刀削就聳山形。 熱向心爐長供養

獻花偈。

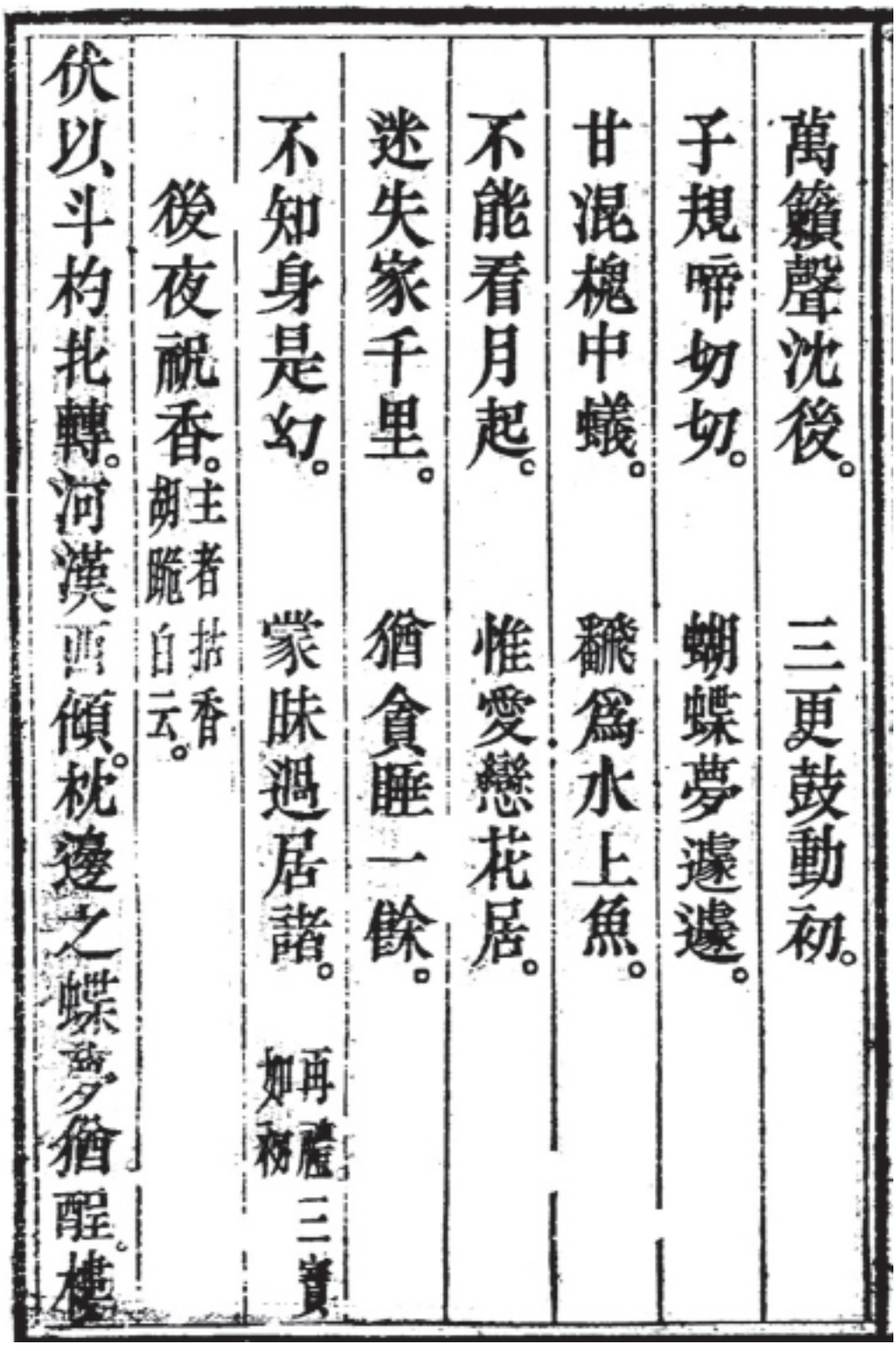
心地開時誇爛熳。 諸天雨處讓芬芳。
枝枝朶朶獻佛前。 億劫業風吹不落。

獻香已亂云。

願此香花雲。遍滿十方界。供養一切佛。尊法諸



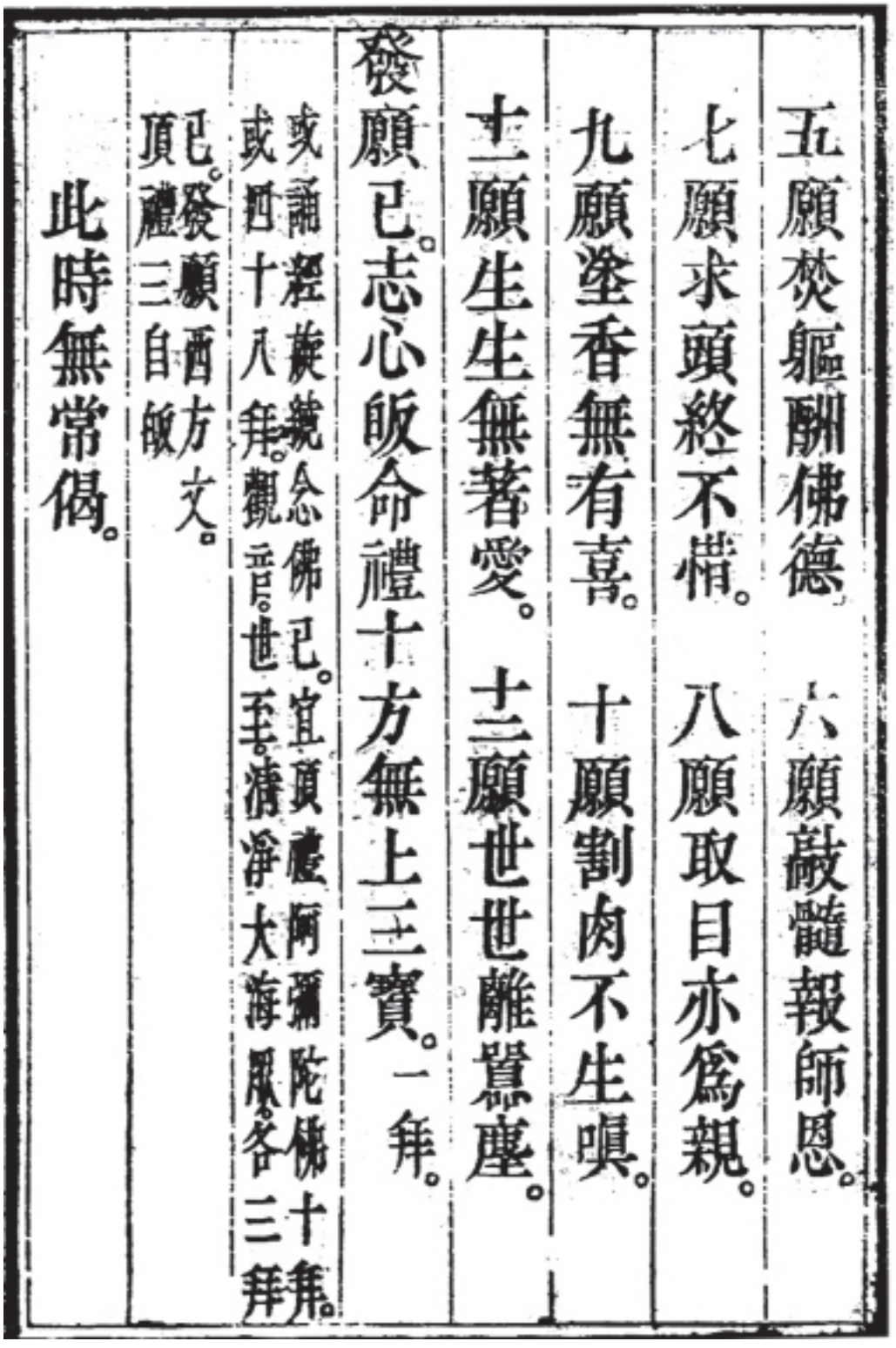
上之角聲將斷。茲薌眾萃來梵席。薄伽前豫獻信香。是香也。種從月裏移來。根向山中蟠據。標姿不俗。體質無塵。遠臭吳國之雀頭。高冠桂林之龜甲。熱處豈容嗔火。飄時却藉慈風。殊非下品凡馨。直是上方異味。細細駐遊絲而鳥瑞。慈鬱佳氣以成祥。氤氳寶座之前。縹緲珠甍之外。回頭尋識光明當處自然生。覿面聞熏寂滅由茲親證得。以今後夜。焚香供養。



萬籟聲沈後。三更鼓動初。
子規啼切切。蝴蝶夢遽遽。
甘混槐中蟻。飜爲水上魚。
不能看月起。惟愛戀花居。
迷失家千里。猶貪睡一餘。
不知身是幻。蒙昧過居諸。再禮三寶如初

後夜祝香。主者拈香胡跪白云。

伏以。斗杓北轉。河漢西傾。枕邊之蝶夢猶醒。樓



五願焚軀酬佛德。六願敲髓報師恩。
七願求頭終不惜。八願取目亦爲親。
九願塗香無有喜。十願割肉不生嗔。
十一願生生無著愛。十二願世世離囂塵。
發願已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。
或誦經旋繞念佛已。宜頂禮阿彌陀佛十拜。
或西向十八拜。觀音。世至。清淨大海衆。各三拜
已。發願西方文。
頂禮三自皈
此時無常偈。

隨喜已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心迴向。再跪拈香。

我等迴心歸聖眾。慇懃頭地禮慈尊。

願將功德及羣生。憑此勝因成正覺。

迴向已。志心歸命禮十方無上三寶。一拜。

志心發願。再跪拈香。

一願命根速成慧。二願體相變爲眞。

三願投崖求大法。四願赴火悟深因。

懺悔已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心勸請。再跪拈香。

勸請十方三世佛。及諸菩薩聖賢僧。

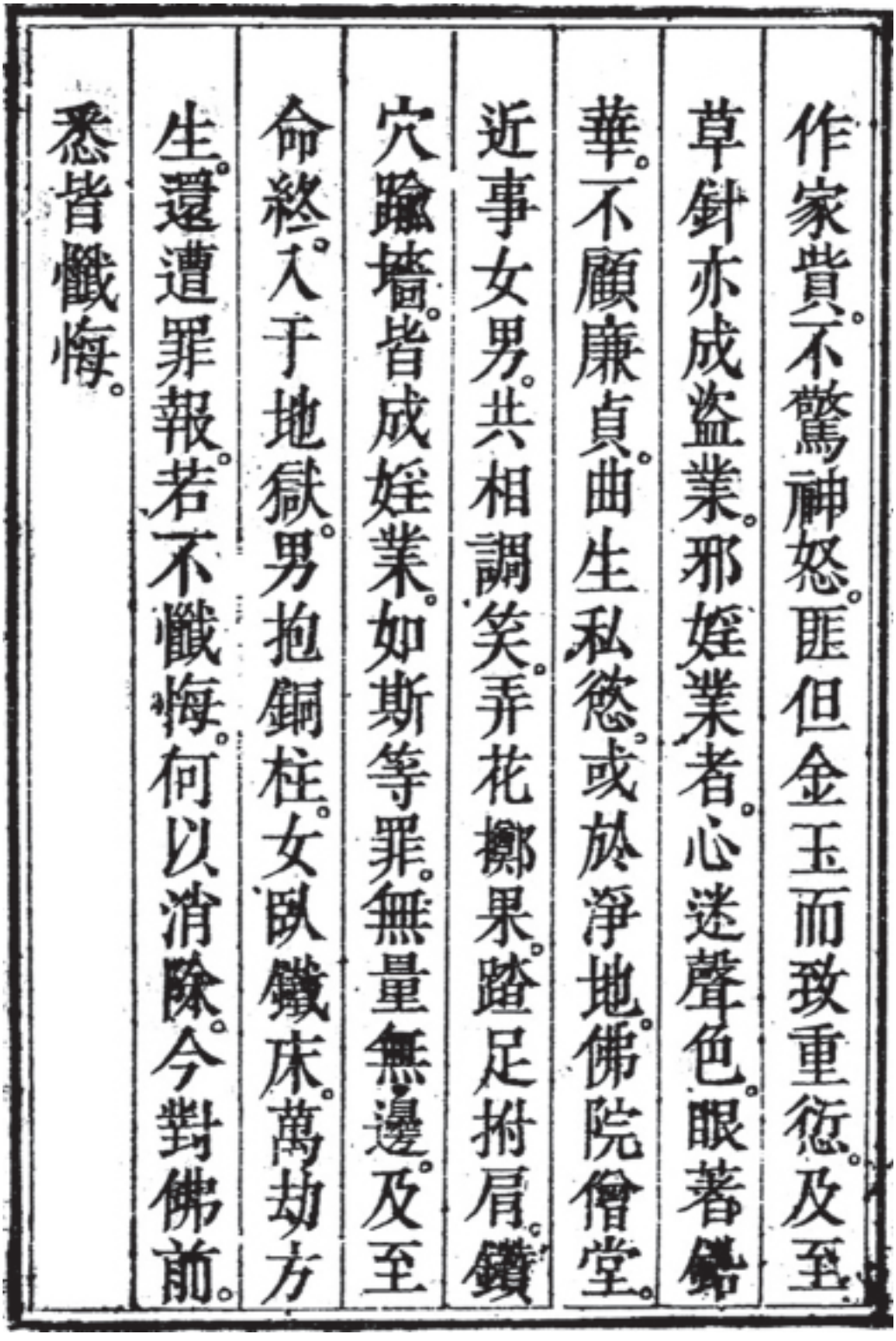
廣開無量慈悲心。同證眾生登彼岸。

勸請已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

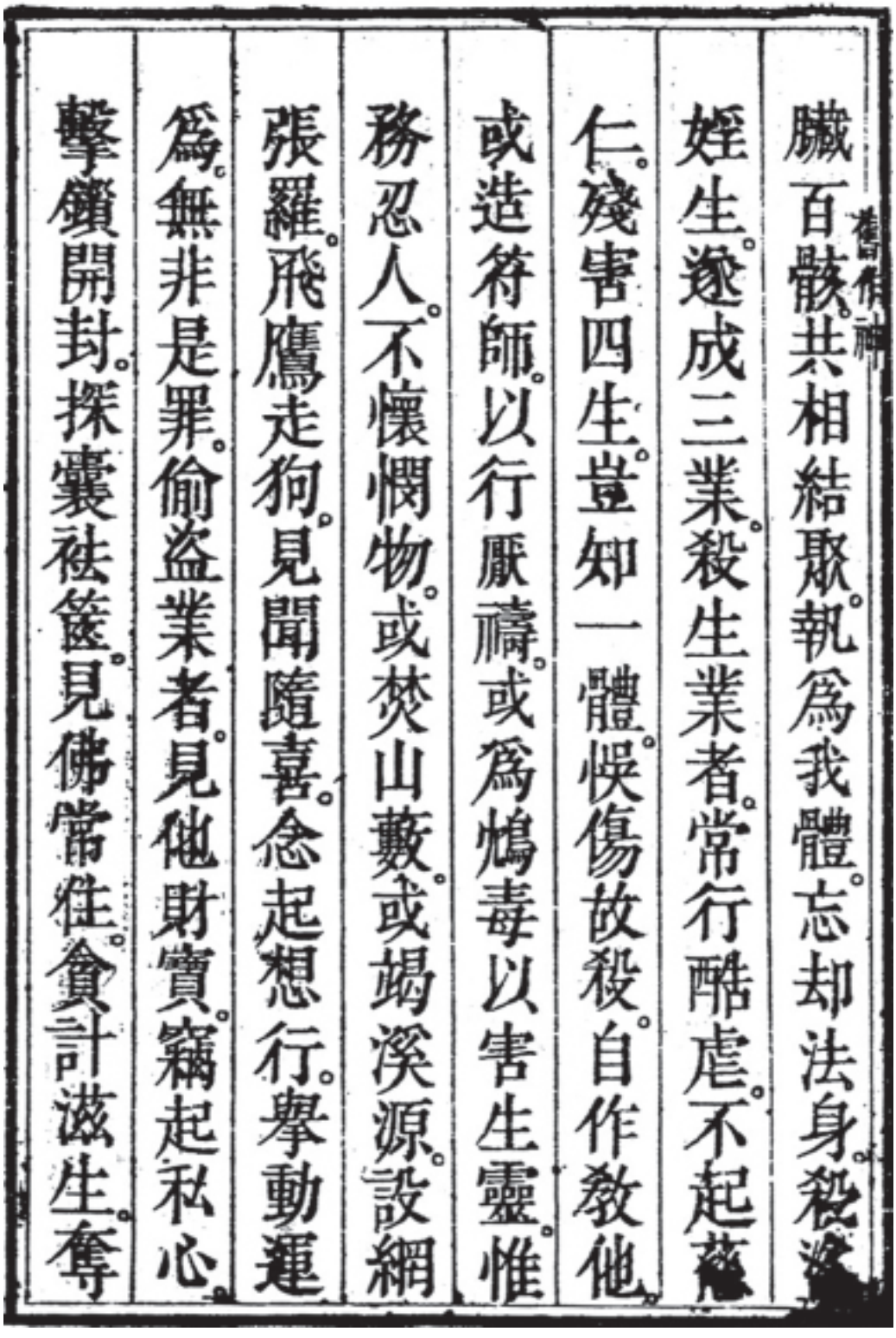
志心隨喜。再跪拈香。

我今隨佛生歡喜。昏曉虔誠禮懺因。

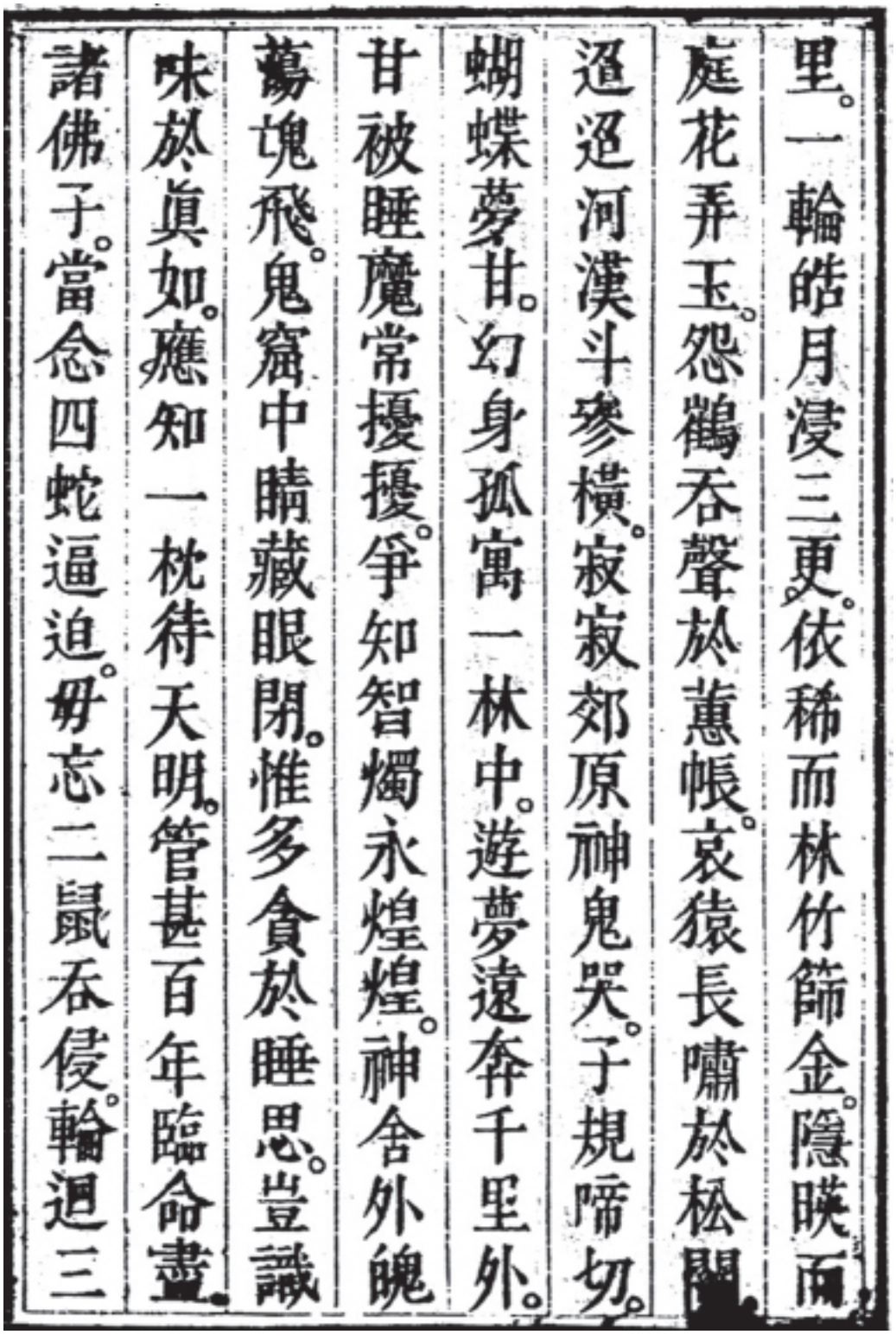
十地階梯願早登。菩提眞心無退轉。



作家貲。不驚神怒。匪但金玉而致重愆。及至草針亦成盜業。邪婬業者。心迷聲色。眼著鬱華。不顧廉貞。曲生私慾。或於淨地佛院僧堂。近事女男。共相調笑。弄花擲果。踏足拊肩。鑽穴踰墻。皆成婬業。如斯等罪。無量無邊。及至命終。入于地獄。男抱銅柱。女臥鐵床。萬劫方生。還遭罪報。若不懺悔。何以消除。今對佛前。悉皆懺悔。


臟百骸。共相結聚。執爲我體。忘却法身。殺
婬生。遂成三業。殺生業者。常行酷虐。不起慈
仁。殘害四生。豈知一體。悞傷故殺。自作教他。
或造符師。以行厭禱。或爲鴆毒。以害生靈。惟
務忍人。不懷憫物。或焚山藪。或竭溪源。設網
張羅。飛鷹走狗。見聞隨喜。念起想行。舉動運
爲。無非是罪。偷盜業者。見他財寶。竊起私心。
擊鑽開封。探囊祛篋。見佛當往。貪計滋生。奪

界曷時休。繚繞四生何日了。當步往生之路。須
攀引出之車。那處牢關。今宵撞破。但某甲等。謹
想斯時。以爲中夜之禮。
啓白已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。
懺悔身根罪。再拈香胡跪白云。
志心懺悔。臣某等。自從無始無量劫來。忘却本
心。罔知正道。墮三塗苦。由六根非。若不懺前
難追悔後。身根業者。父精母血。假合成形。五



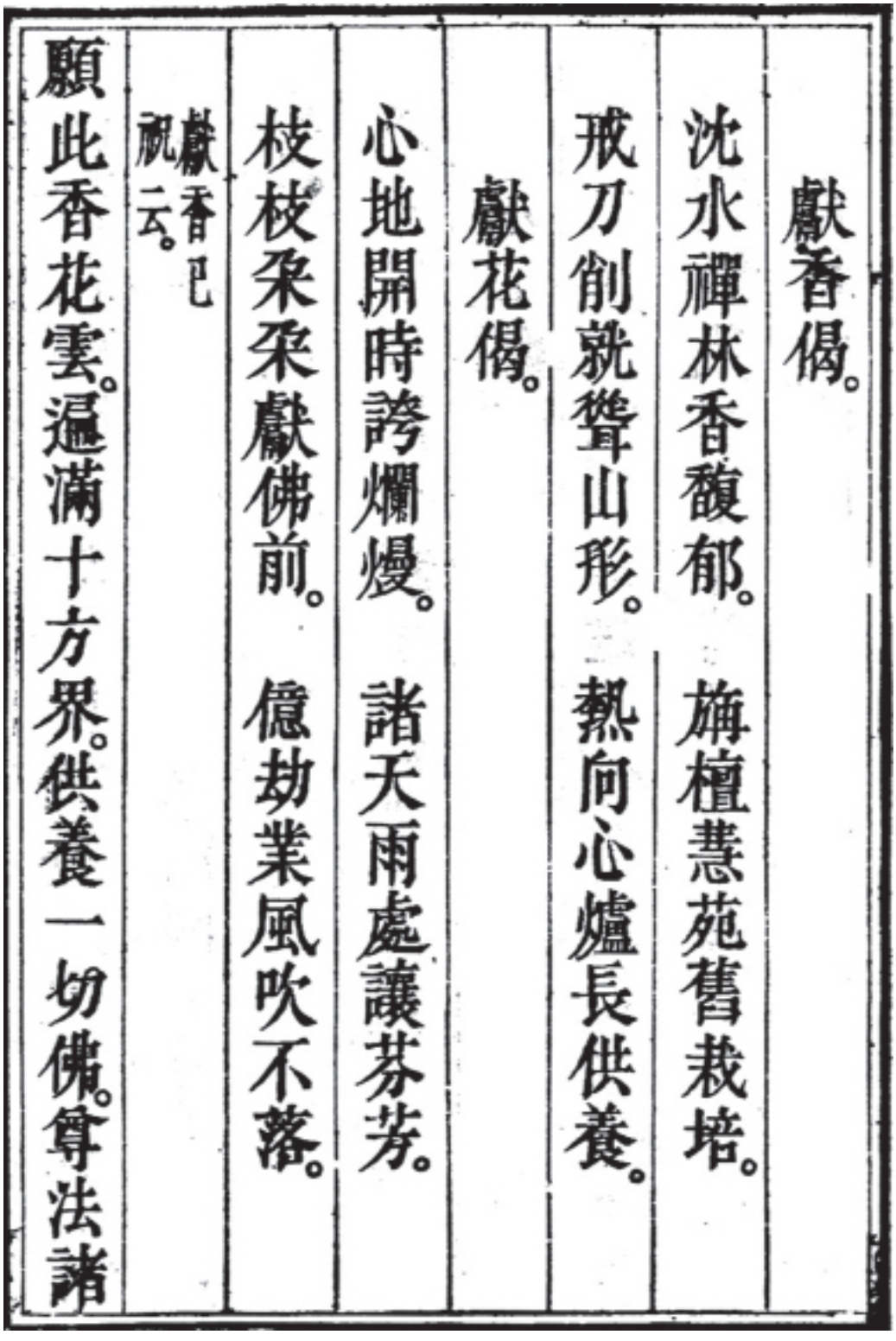
里。一輪皓月浸三更。依稀而林竹篩金。隱暎而
庭花弄玉。怨鸛吞聲於蕙帳。哀猿長嘯於松閨。
迢迢河漢斗參橫。寂寂郊原神鬼哭。子規啼切。
蝴蝶夢甘。幻身孤寓一林中。遊夢遠奔千里外。
甘被睡魔常擾擾。爭知智燭永煌煌。神舍外魄
蕩魂飛。鬼窟中睛藏眼閉。惟多貪於睡思。豈識
味於眞如。應知一枕待天明。管甚百年臨命盡。
諸佛子。當念四蛇逼迫。毋忘二鼠吞侵。輪迴三

菩薩。無量聲聞眾。及一切賢聖。以起光明臺。遍於無邊界。無邊佛土中。受用作佛事。普薰諸眾生。皆發菩提心。

供養已志心歸命禮十方無上三寶。一拜。

啓白。再拈香胡跪白云。

敬啓十方大覺。三世雄師。舒金掌以接羣生。放玉毫而輝眾刹。竊聞時應交子。夜旣云中。銀缸之燈火將闌。紫陌之塵埃俱肅。幾陣風雲生萬



獻香偈。

沈水禪林香馥郁。 旃檀慧苑舊栽培。

戒刀削就聳山形。 熱向心爐長供養。

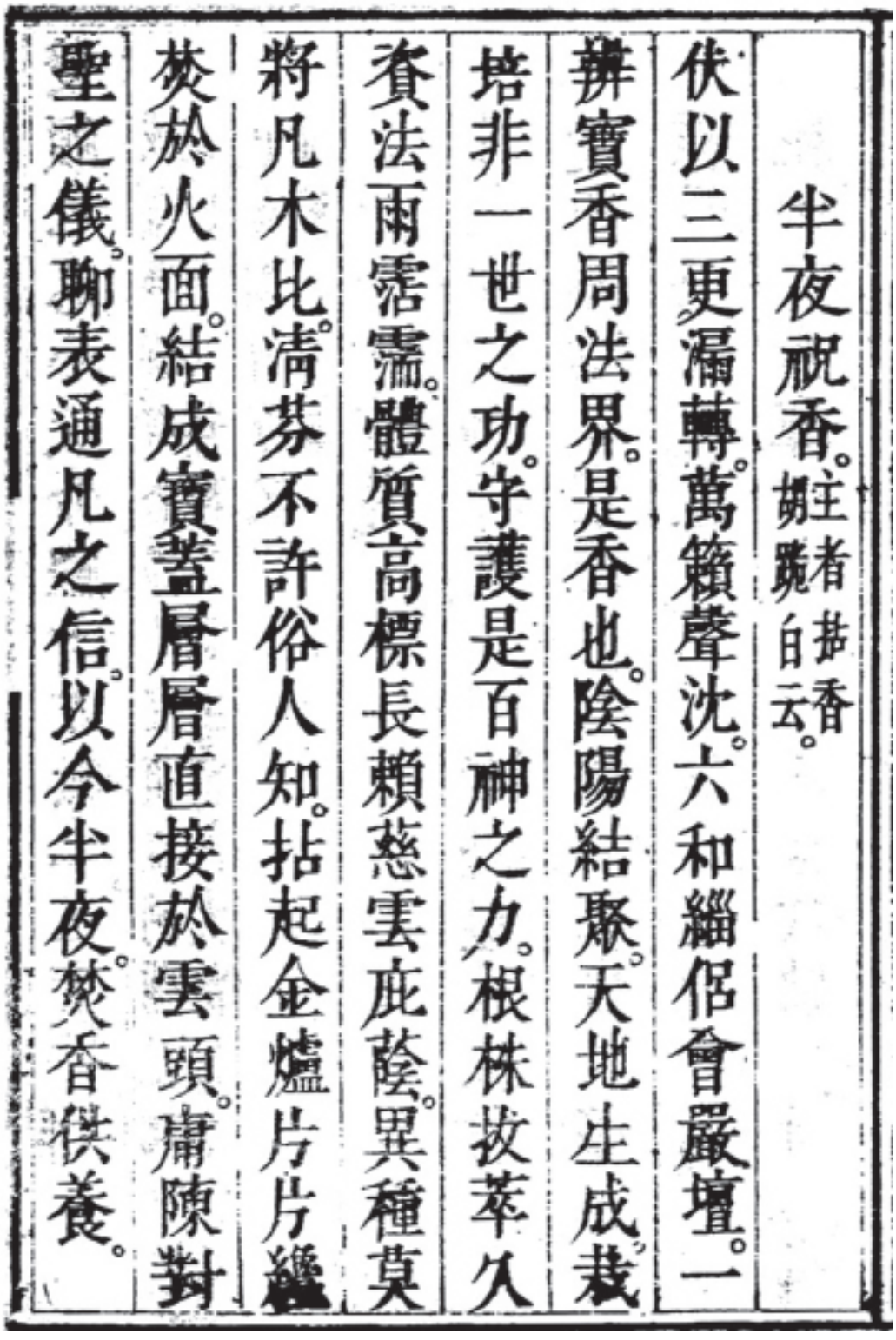
獻花偈。

心地開時誇爛熳。 諸天雨處讓芬芳。

枝枝朶朶獻佛前。 億劫業風吹不落。

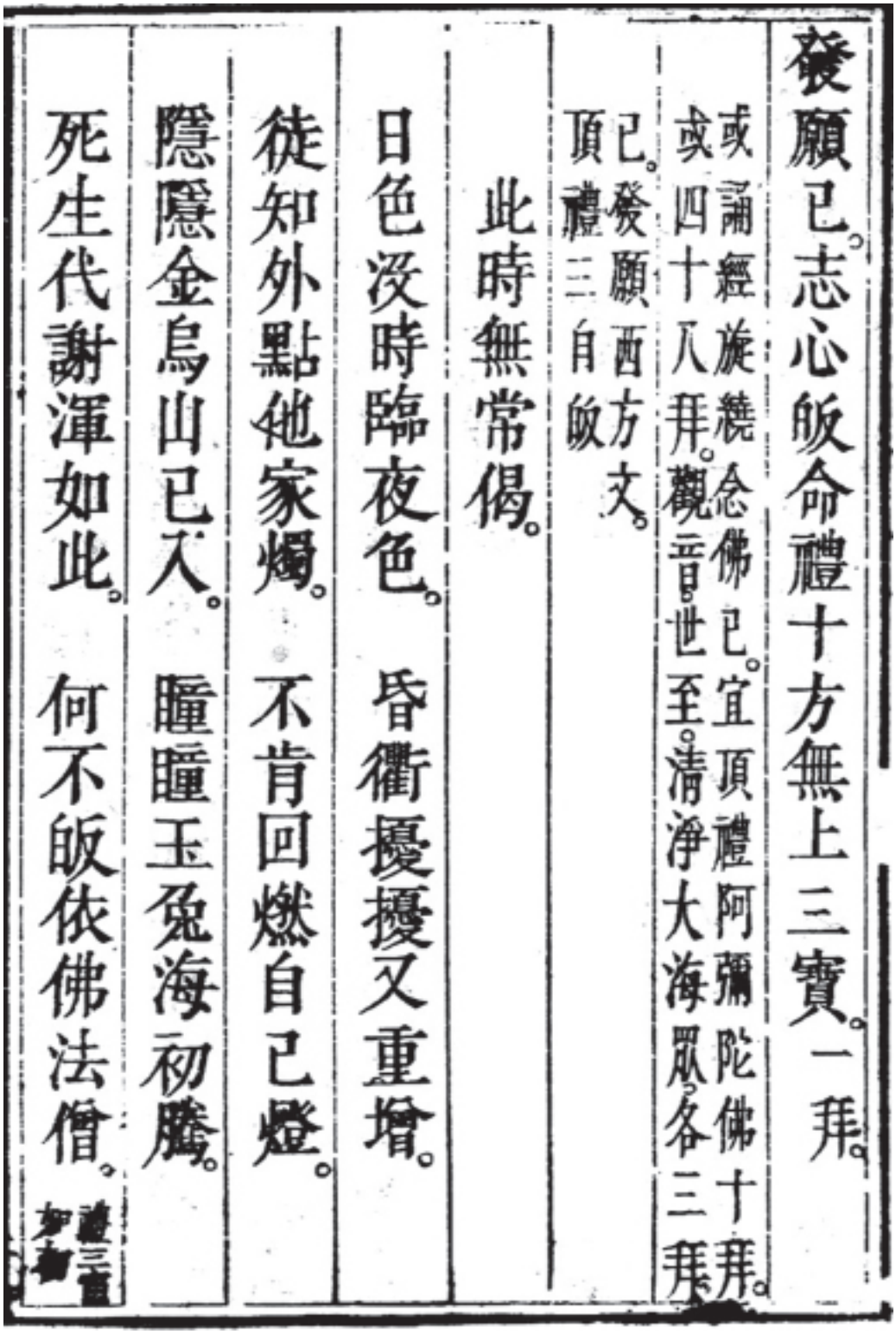
獻香已祝云。

願此香花雲。遍滿十方界。供養一切佛。尊法諸



半夜祝香。注者拱香胡跪白云。

伏以三更漏轉。萬籟聲沈。六和緇侶會嚴壇。一辨寶香周法界。是香也。陰陽結聚。天地生成。栽培非一世之功。守護是百神之力。根株拔萃。久資法雨霑濡。體質高標。長賴慈雲庇蔭。異種莫將凡木比。清芬不許俗人知。拈起金爐片片纔焚於火面。結成寶蓋層層直接於雲頭。肅陳對聖之儀。聊表通凡之信。以今半夜。焚香供養。



發願已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。
或誦經旋繞念佛已。宜頂禮阿彌陀佛十拜。
或四十八拜。觀音。世至。清淨大海眾。各三拜。
已。發願。西方文。
頂禮三自皈

此時無常偈。

日色沒時臨夜色。昏衢擾擾又重增。
徒知外點他家燭。不肯回燃自己燈。
隱隱金烏山已入。曈曈玉兔海初騰。
死生代謝渾如此。何不皈依佛法僧。禮三寶如初

迴向已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心發願。再覓拈香。

一願飽食無上味。二願吐却世間腥。

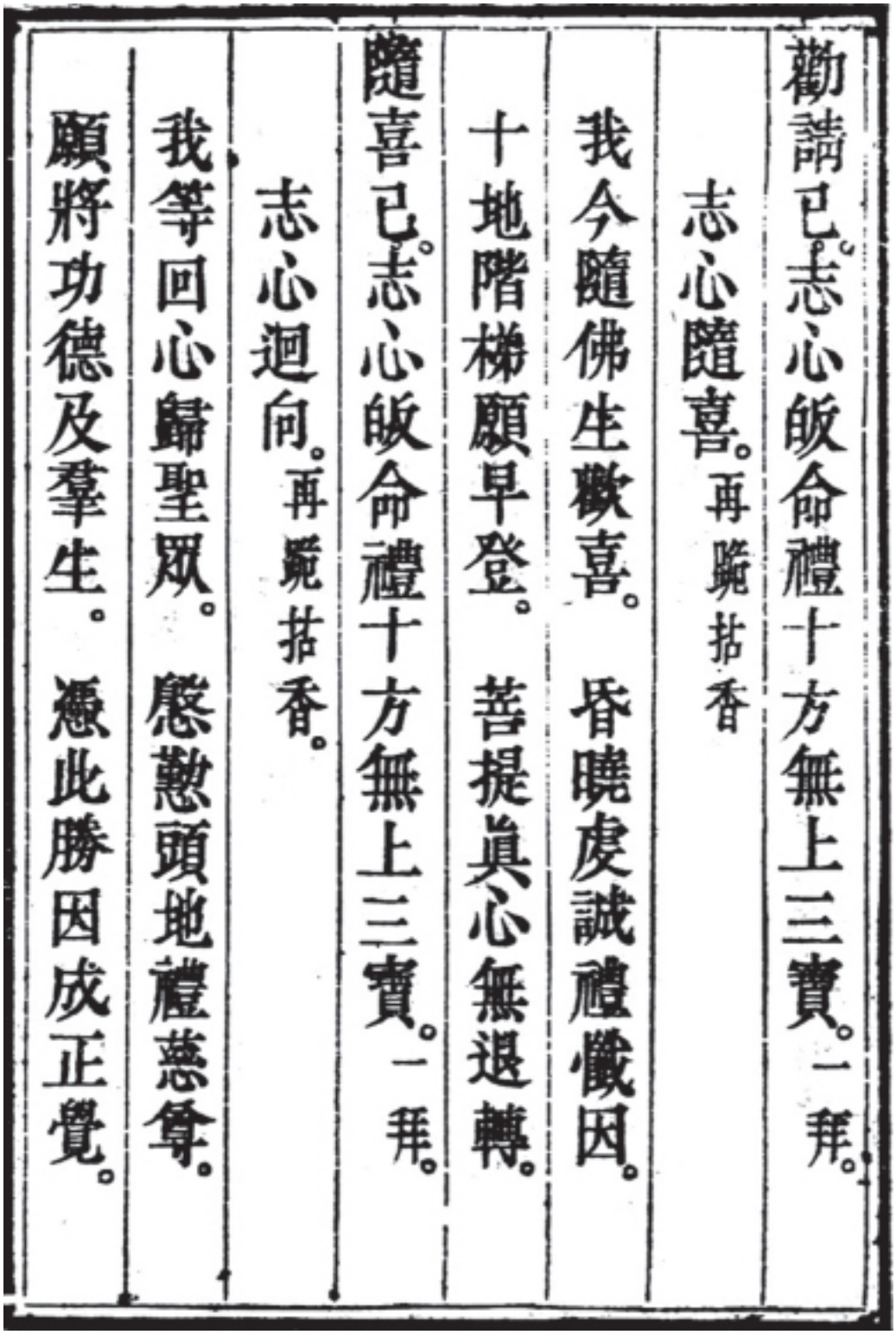
三願辨才除眾惑。四願樂說度羣生。

五願轉時無盡藏。六願吸盡法流傾。

七願早回大愚吐。八願速共臨濟聲。

九願廣長與佛覆。十願清淨等天成。

十一願世間無喑啞。十二願地獄畢稗。



勸請已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心隨喜。再跪拈香

我今隨佛生歡喜。昏曉虔誠禮懺因。

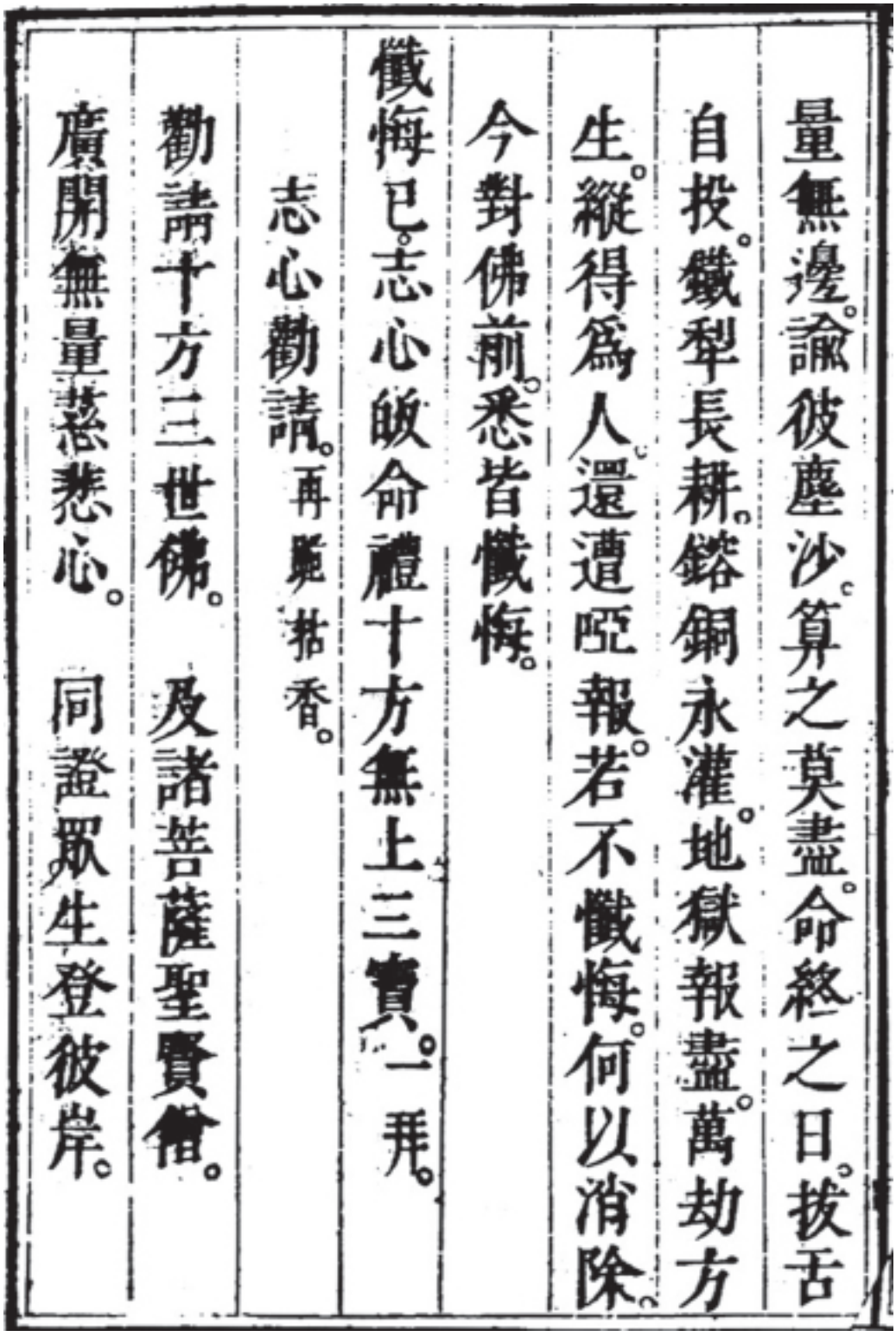
十地階梯願早登。菩提眞心無退轉。

隨喜已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心迴向。再跪拈香。

我等回心歸聖眾。慇懃頭地禮慈尊。

願將功德及羣生。憑此勝因成正覺。



量無邊。諭彼塵沙。算之莫盡。命終之日。拔舌自投。鐵犁長耕。鎔銅永灌。地獄報盡。萬劫方生。縱得爲人。還遭啞報。若不懺悔。何以消除。今對佛前。悉皆懺悔。

懺悔已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心勸請。再拜。拈香。

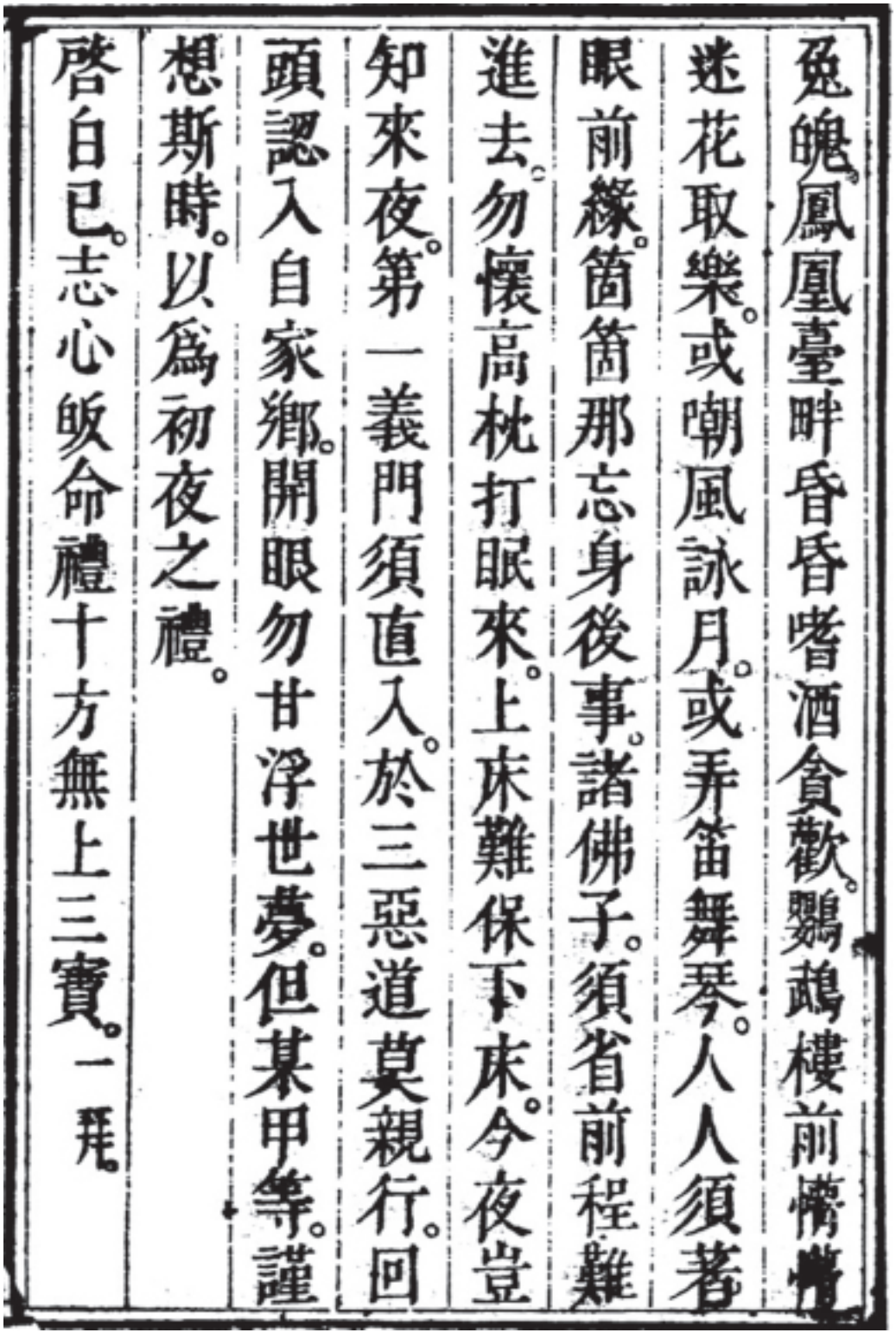
勸請十方三世佛。及諸菩薩聖賢僧。廣開無量慈悲心。同證衆生登彼岸。



食藥粥。膏脂滿目。談笑欣欣。酒勸食行。曖來冷退。延賓待客。嫁女婚男。殺害眾生。皆由三寸。妄言構作。綺語織成。兩舌橫生。惡口興起。罵詈三寶。咒詛二親。調聖欺賢。謗君誣父。道他長短。掩己是非。評論古今。抑揚彼此。矜誇豪富。凌辱貧窮。擯退僧尼。責呵僮僕。譖言若毒。巧語如簧。文過飾非。道虛爲實。怨恚寒暑。咳唾江河。戲論僧房。喧呶佛念。如斯等罪。無

懺悔舌根罪。再拈香胡跪白云。

志心懺悔。臣某等。自從無始無量劫來。忘却本心。罔知正道。墮三塗苦。由六根非。若不懺前。難追悔後。舌根業者。貪諸味味好辨精粗。嘗盡頭頭語知肥瘦。傷殘物命。度養自家。炮炙飛潛。烹煎遊走。腥膻葷腸。喫了索來。未曾永飽。或臨齋醮。禮佛祈神。忍受饑虛。待於事畢。晨朝素膳。飯少水多。眞似病人强



兎魄鳳凰臺畔昏昏嗜酒貪歡鸚鵡樓前懵懵迷花取樂或嘲風詠月或弄笛舞琴人人須著眼前緣箇箇那忘身後事諸佛子須省前程難進去勿懷高枕打眠來上床難保下床今夜豈知來夜第一義門須直入於三惡道莫親行回頭認入自家鄉開眼勿甘浮世夢但某甲等謹想斯時以爲初夜之禮

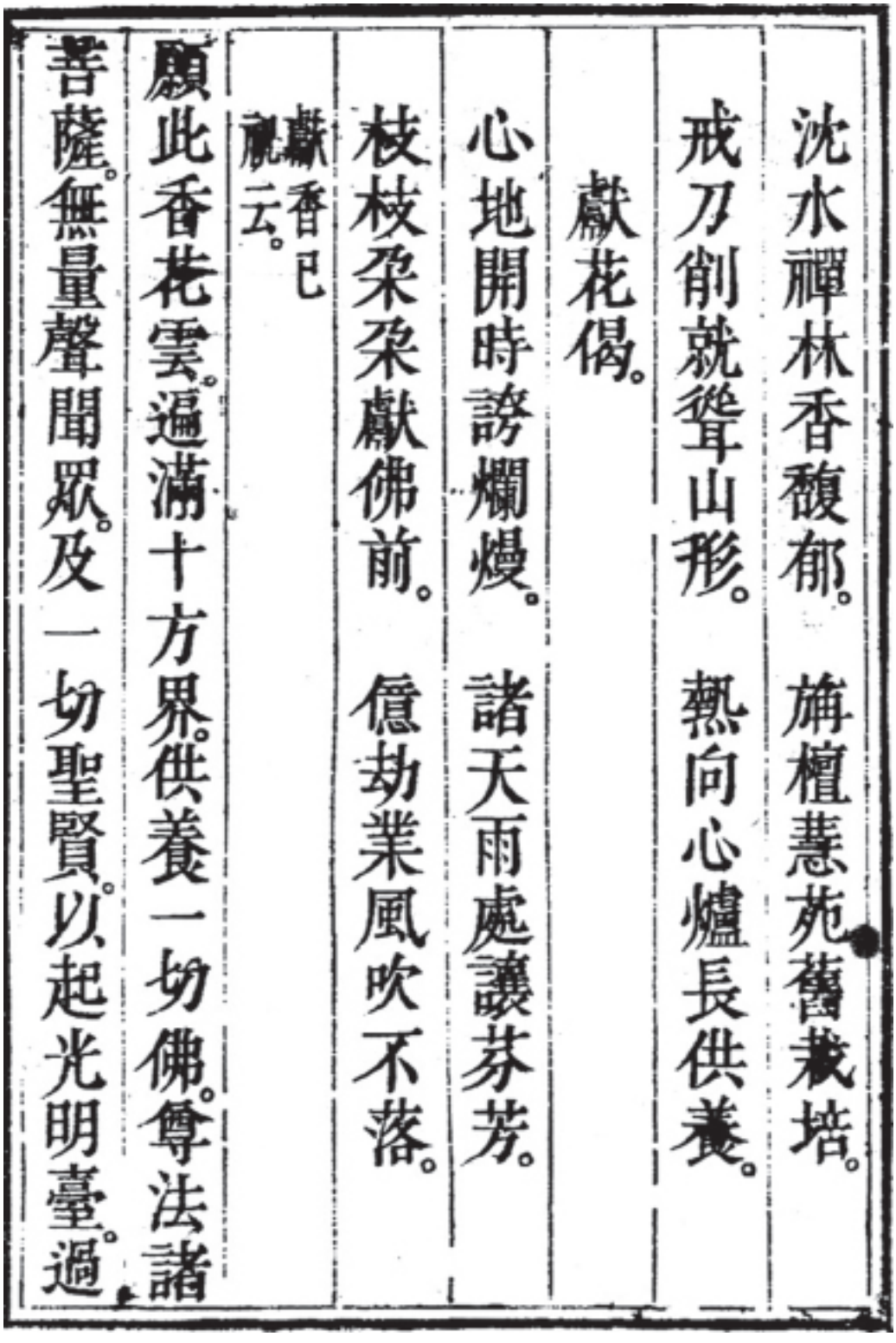
啓白已志心皈命禮十方無上三寶一拜

於無邊界。無邊佛土中。受用作佛事。普薰諸衆生。皆發菩提心。

供養已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

啓白。再拈香胡跪白云。

敬啓十方大覺。三世雄師。廣開諸佛慧燈。普照羣生暗室。竊聞樓殆初晡。禁鼓方傳。家家之燭燭搖光。處處之龍膏吐燄。寶馬停嘶於紫陌。金鱗羅躍於清池。依稀水面度螢光。隱約山頭喻



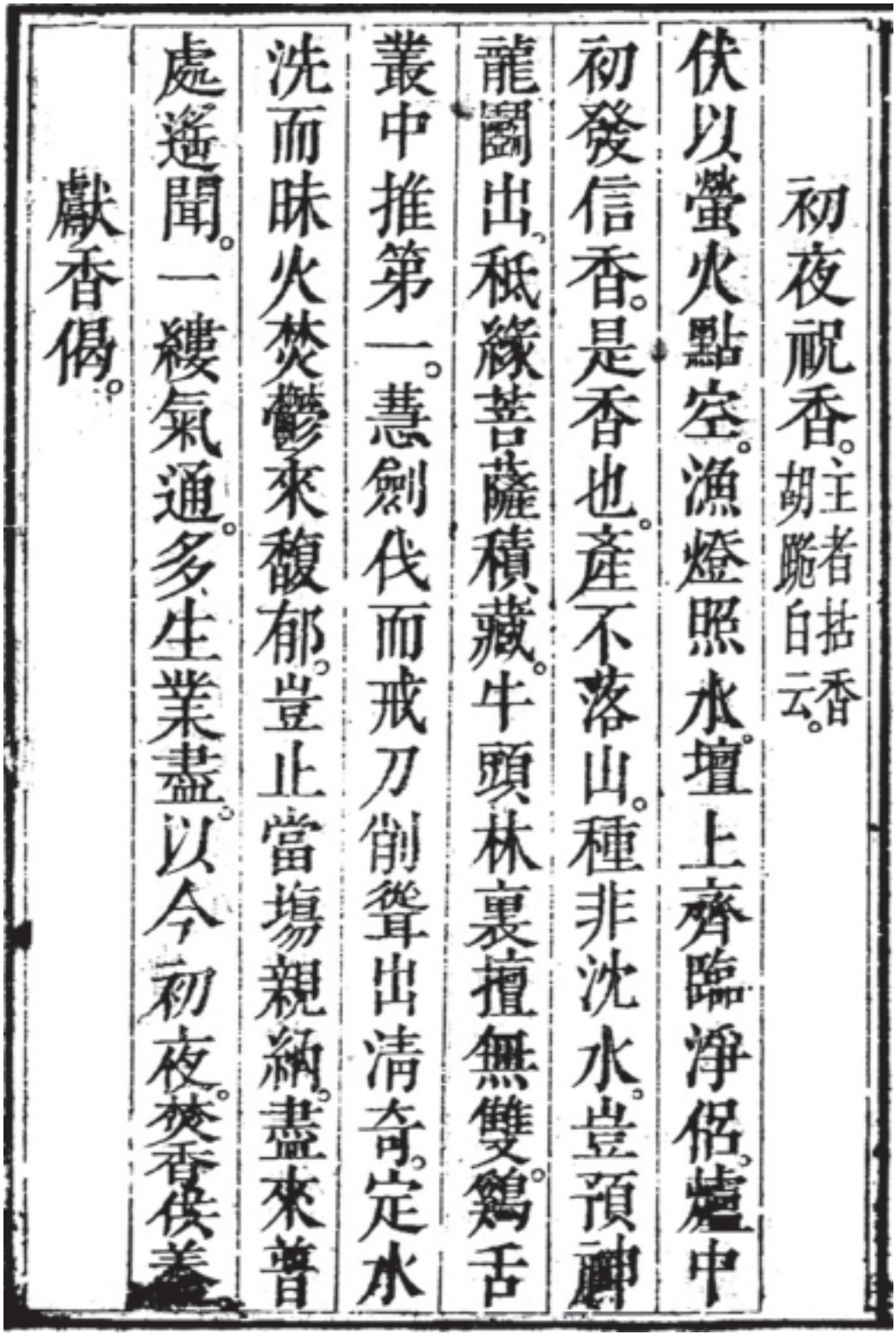
沈水禪林香馥郁。旃檀慧苑舊栽培。
戒刀削就聳山形。熱向心爐長供養。

獻花偈。

心地開時謗爛熳。諸天雨處讓芬芳。
枝枝朵朵獻佛前。億劫業風吹不落。

獻香已就云。

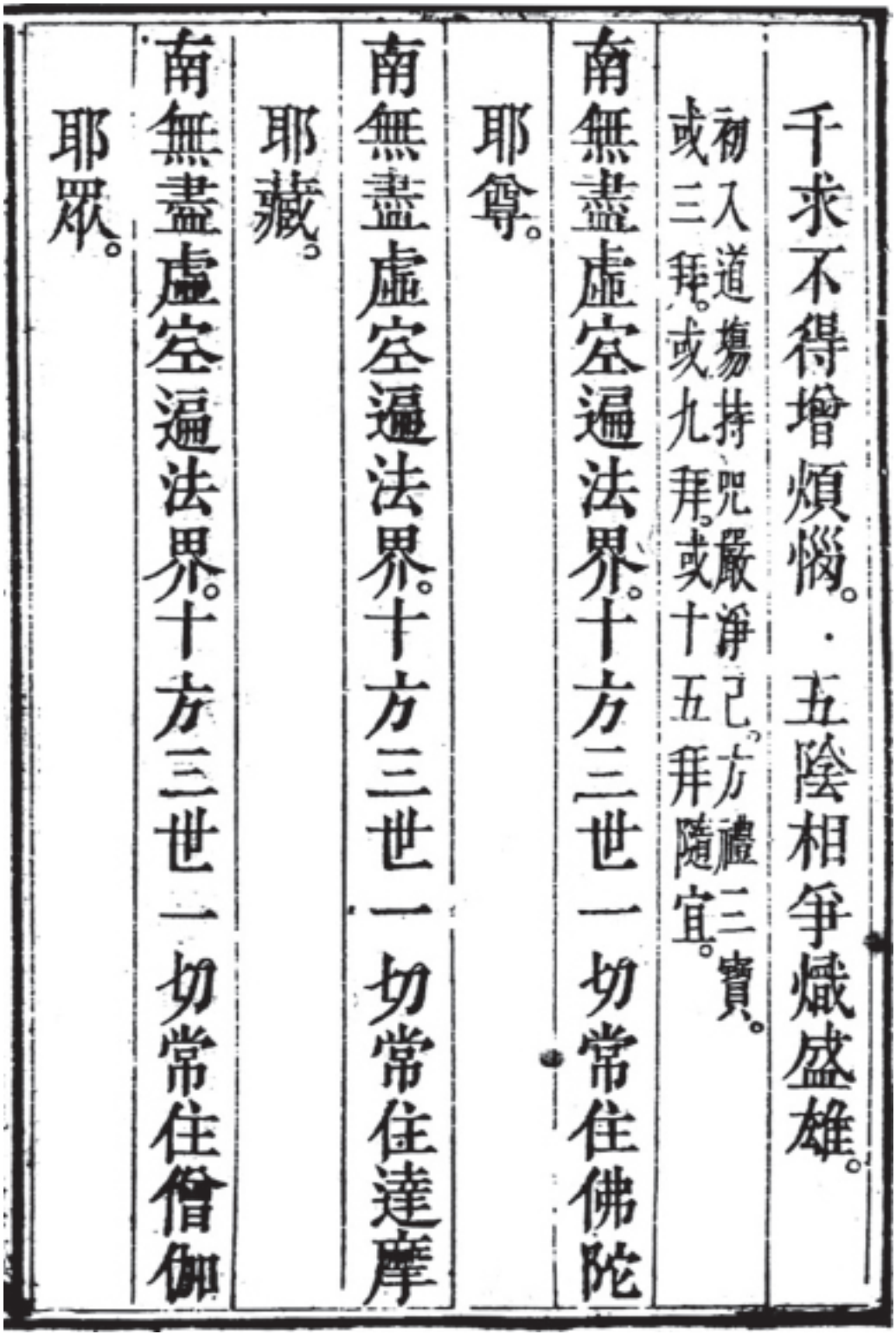
願此香花雲。遍滿十方界。供養一切佛。尊法諸菩薩。無量聲聞眾。及一切聖賢。以起光明臺。過



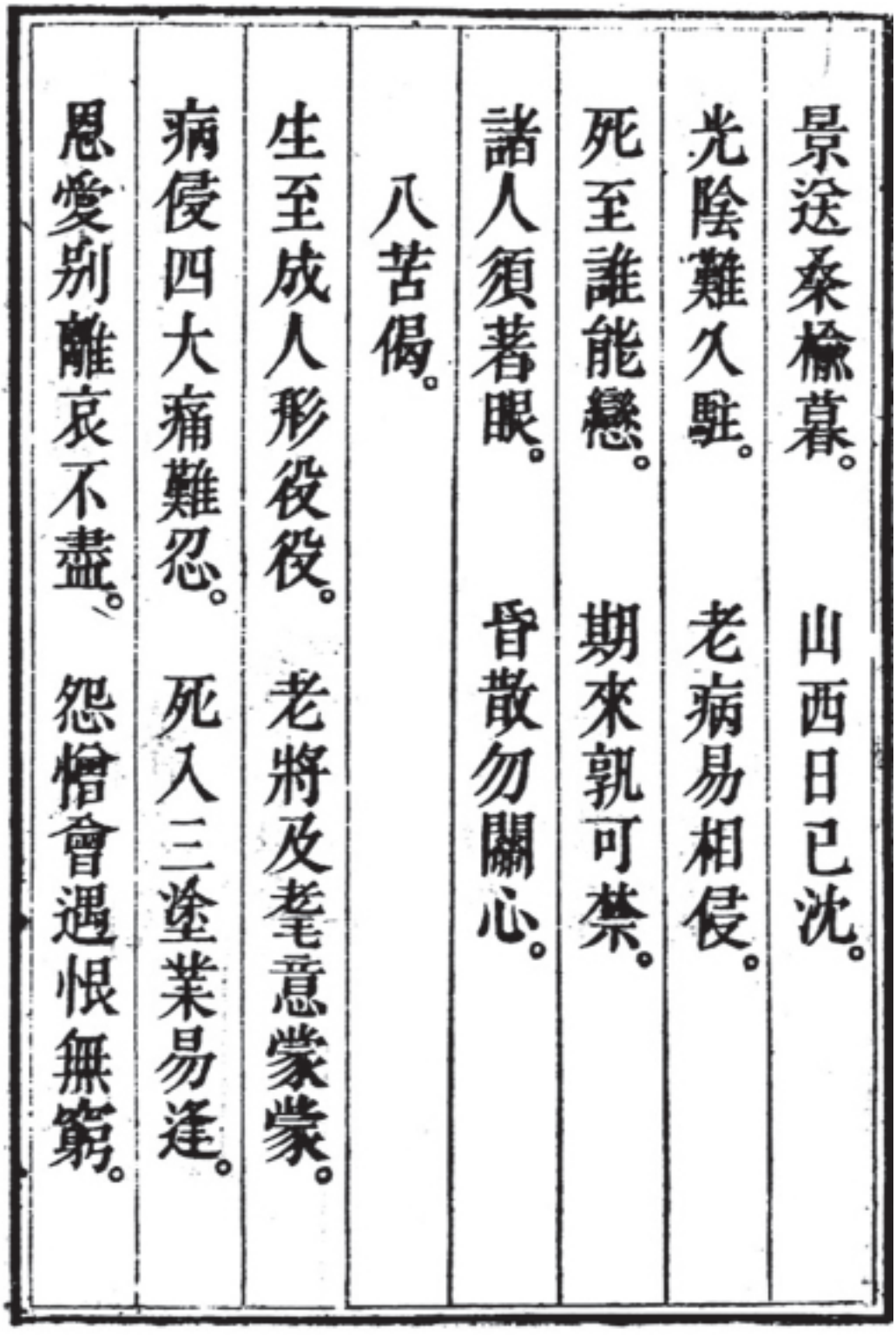
初夜祝香。主者拈香胡跪白云。

伏以螢火點空。漁燈照水。壇上齊臨淨侶。處中初發信香。是香也。產不落山。種非沈水。豈預禪龍闔出。秖緣菩薩積藏。牛頭林裏擅無雙。鷄舌叢中推第一。慧劍伐而戒刀削聳出清奇。定水洗而昧火焚鬱來馥郁。豈止當塲親納。盡來普處遙聞。一縷氣通。多生業盡。以今初夜。焚香供養。

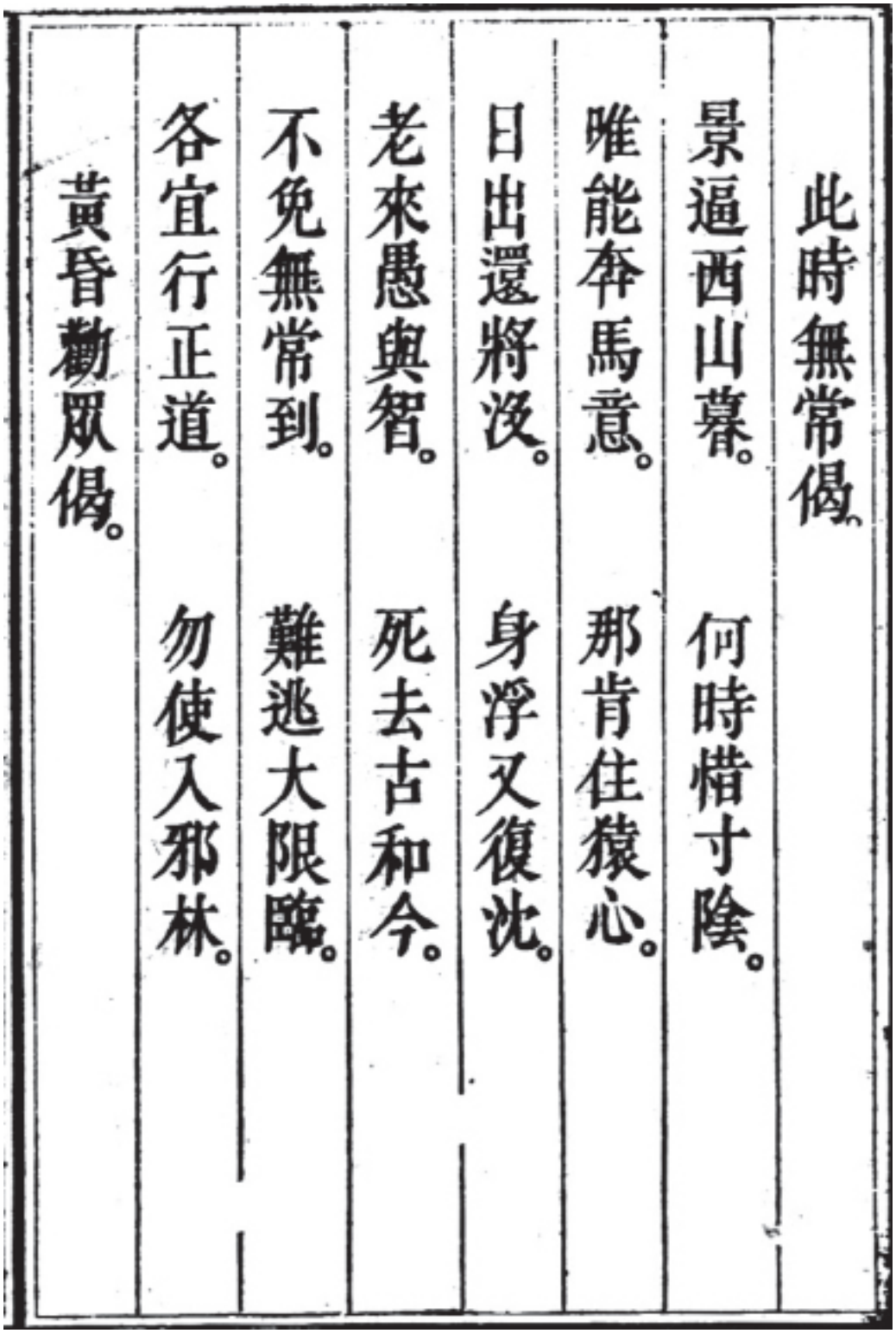
獻香偈。



千求不得增煩惱。五陰相爭熾盛雄。
初入道場持咒嚴淨已。方禮三寶。或三拜。或九拜。或十五拜隨宜。
南無盡虛空遍法界。十方三世一切常住佛陀耶尊。
南無盡虛空遍法界。十方三世一切常住達摩耶藏。
南無盡虛空遍法界。十方三世一切常住僧伽耶眾。

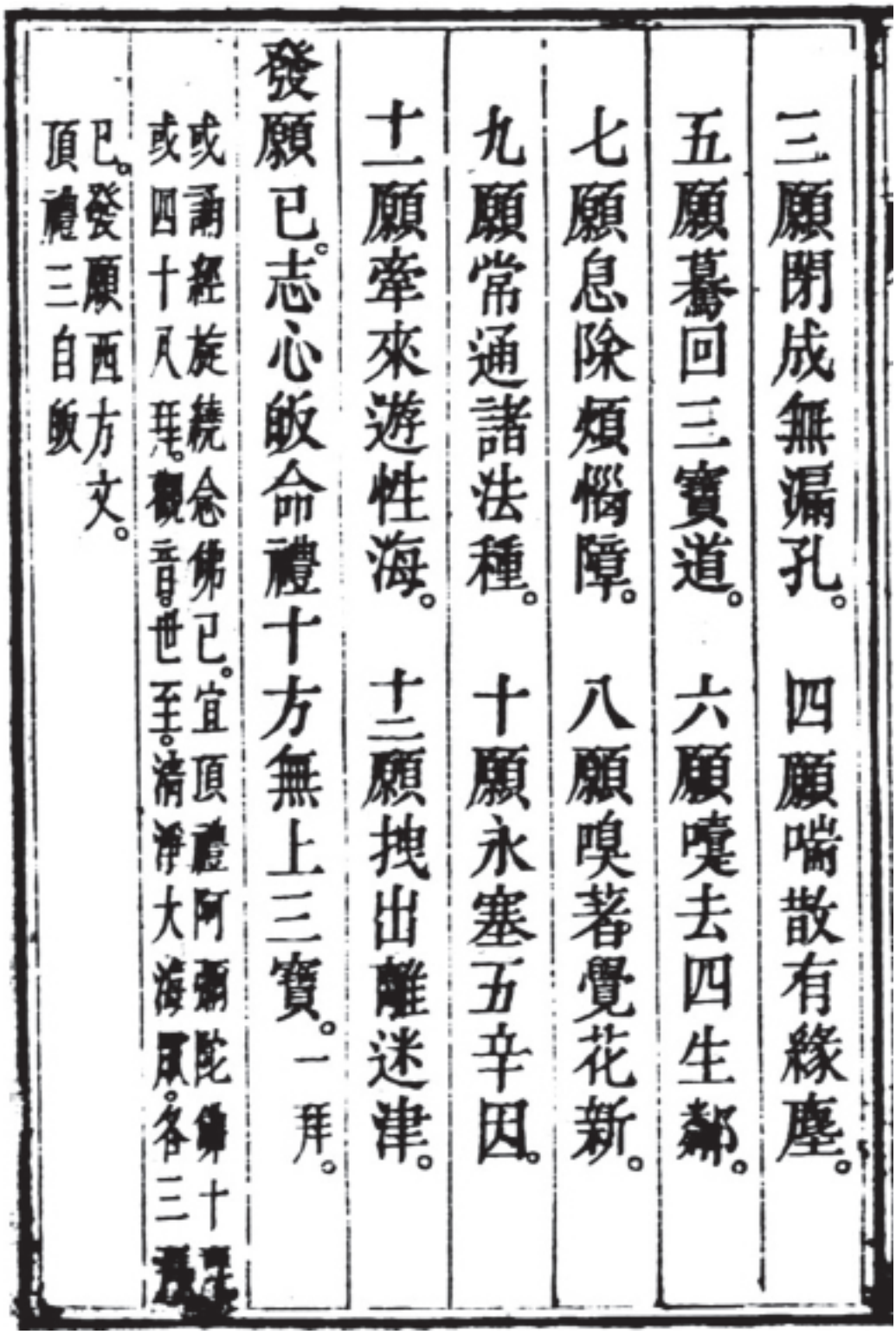


景送桑榆暮。山西日已沈。
光陰難久駐。老病易相侵。
死至誰能戀。期來孰可禁。
諸人須著眼。昏散勿關心。
八苦偈。
生至成人形役役。老將及耄意蒙蒙。
病侵四大痛難忍。死入三塗業易逢。
恩愛別離哀不盡。怨憎會遇恨無窮。

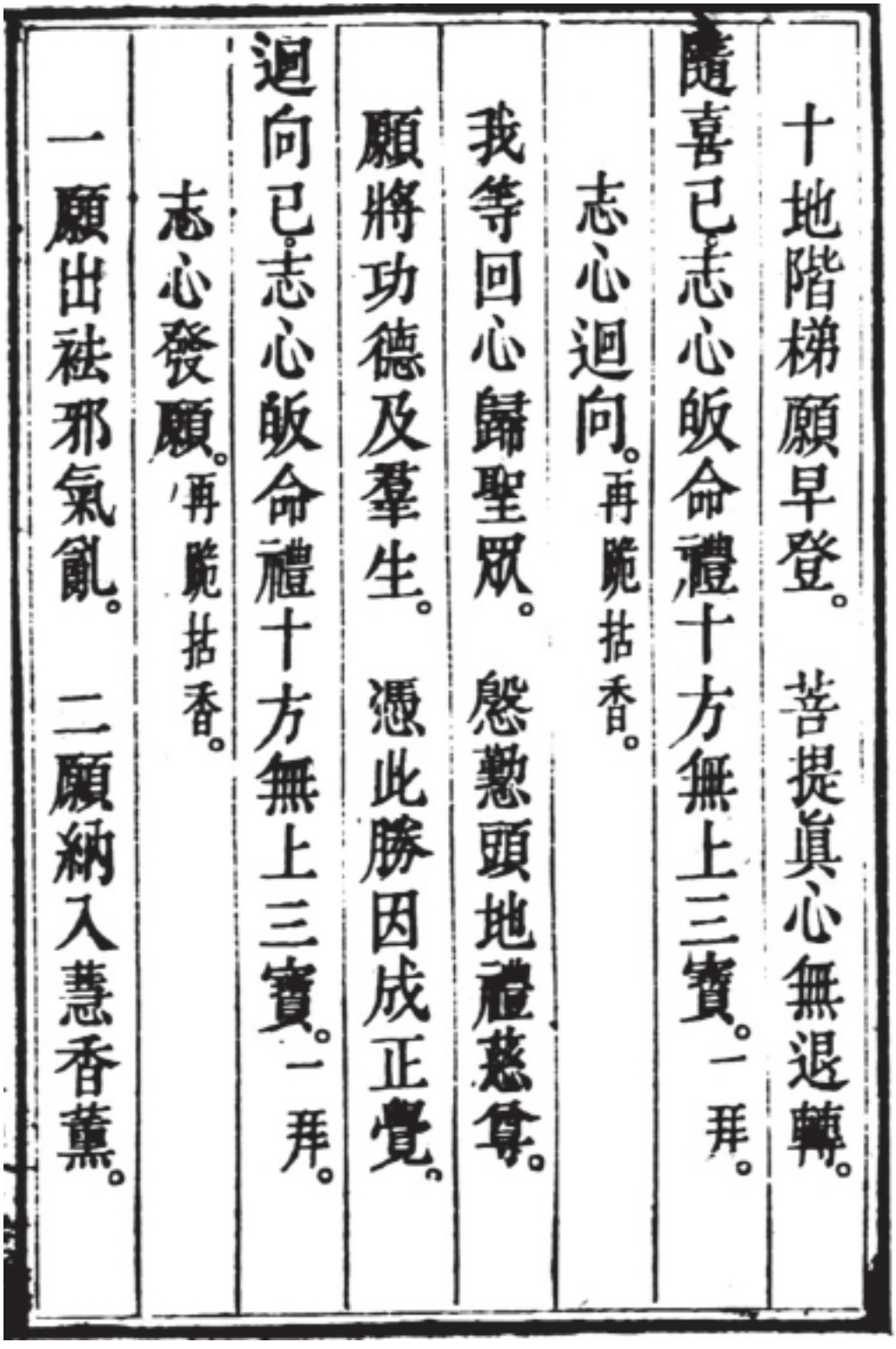


此時無常偈。

景逼西山暮。　何時惜寸陰。
唯能奔馬意。　那肯住猿心。
日出還將沒。　身浮又復沈。
老來愚與智。　死去古和今。
不免無常到。　難逃大限臨。
各宜行正道。　勿使入邪林。
黃昏勸衆偈。



三願閉成無漏孔。四願喘散有緣塵。
五願驀回三寶道。六願嚛去四生鄰。
七願息除煩惱障。八願嗅著覺花新。
九願常通諸法種。十願永塞五辛因。
十一願牽來遊性海。十二願拽出離迷津。
發願已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。
或誦經旋繞念佛已。宜頂禮阿彌陀佛十拜
或四十八拜。觀音。世至。清淨大海眾。各三拜
已。發願西方文。
頂禮三自皈



十地階梯願早登。菩提眞心無退轉。
隨喜已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。
志心迴向。再脆拈香。
我等回心歸聖眾。慇懃頭地禮慈尊。
願將功德及羣生。憑此勝因成正覺。
迴向已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。
志心發願。再脆拈香。
一願出祛邪氣亂。二願納入慧香薰。

何以消除。今對佛前。悉皆懺悔。

懺悔已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心勸請。再跪拈香。

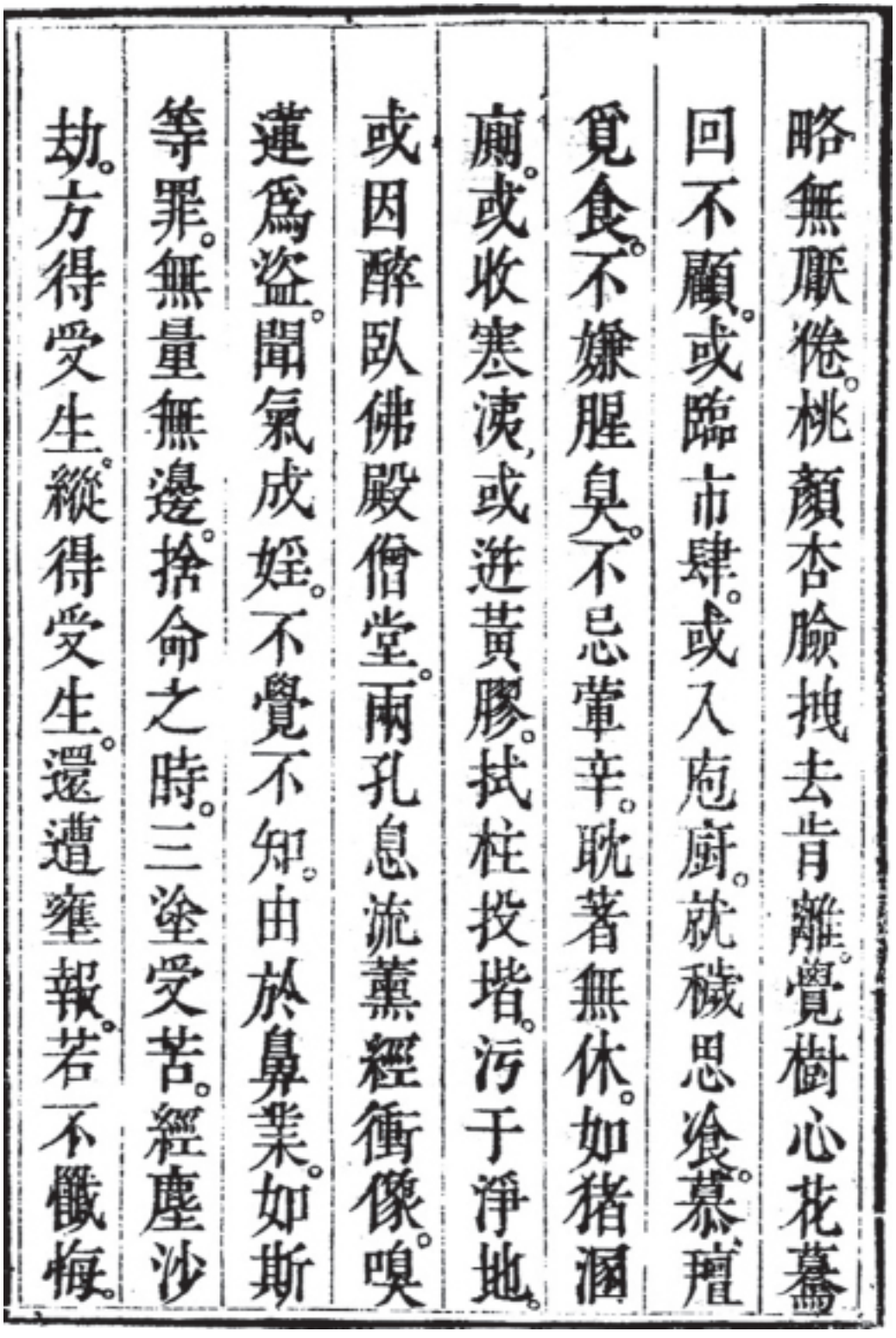
勸請十方三世佛。及諸菩薩聖賢僧。

廣開無量慈悲心。同證眾生登彼岸。

勸請已。志心歸命禮十方無上三寶。一拜。

志心隨喜。再跪拈香。

我今隨佛生歡喜。昏曉虔誠禮懺因。

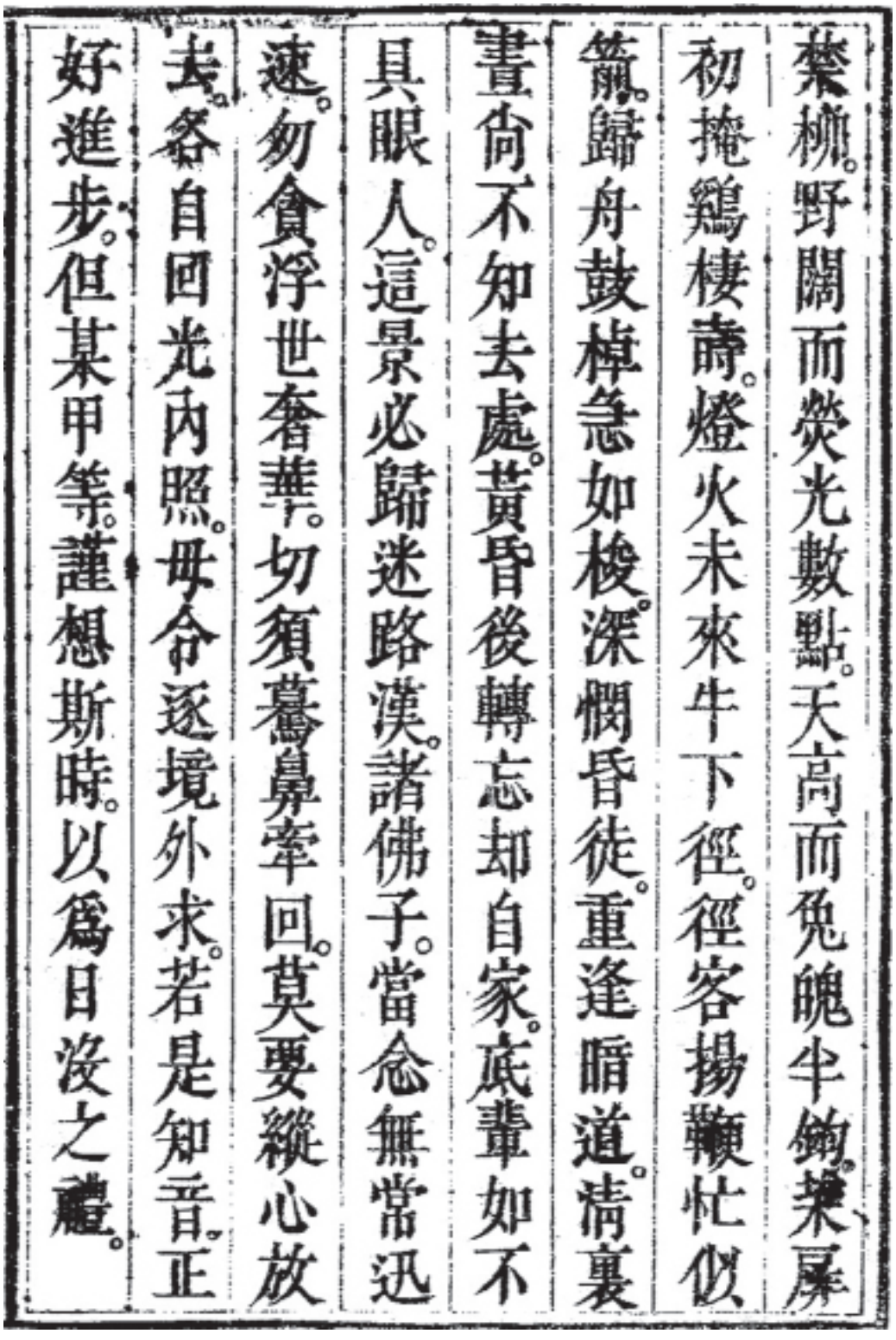


略無厭倦。桃顏杏臉。拽去肯離。覺樹心花蕊
回不顧。或臨市肆。或入庖廚。就穢思飡。慕羶
覓食。不嫌腥臭。不忌葷辛。耽著無休。如猪溷
廁。或收寒溪。或逝黃膠。拭柱投堦。污于淨地。
或因醉臥佛殿僧堂。兩孔息流薰經衝像。嗅
蓮爲盜。聞氣成婬。不覺不知。由於鼻業。如斯
等罪。無量無邊。捨命之時。三塗受苦。經塵沙
劫。方得受生。縱得受生。還遭壅報。若不戒梅。

啓白已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

懺悔鼻根罪。再拈香胡跪白云。

志心懺悔。臣某等。自從無始無量劫來。失却本心。罔知正道。墮三塗苦。由六根非。若不懺前。難追悔後。鼻根業者。常貪異氣百和氤氳。不愛眞香五分清淨。蘭飄麝散惟務尋求。戒遍定薰何曾嗅覺。沈燒檀熱於佛像前。引首偷聲拂煙納氣。隨他塵識。慢彼龍神。唯好遊園。



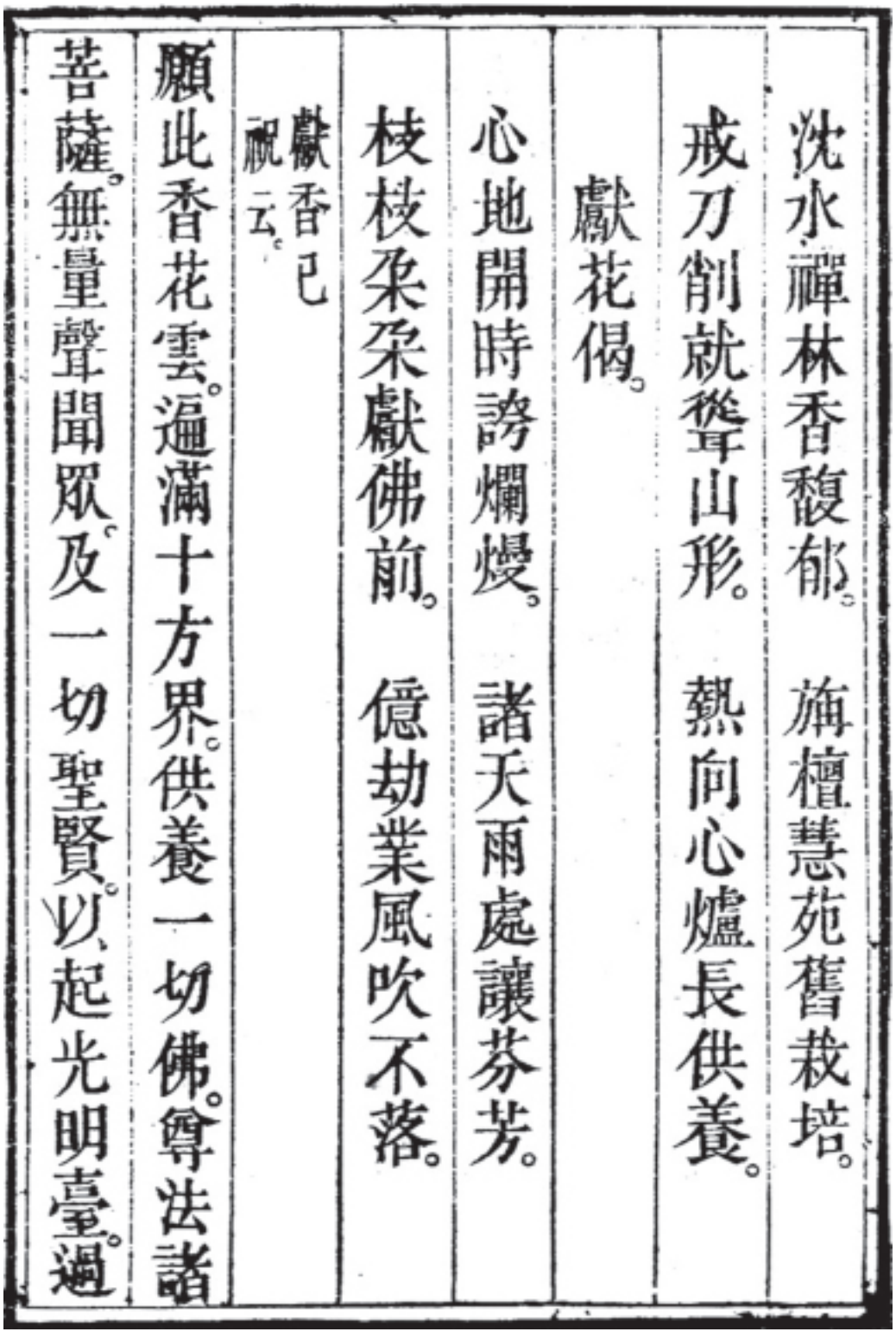
禁柳。野闊而熒光數點。天高而兎魄半鉤。棄扉初掩鷄棲壽。燈火未來牛下徑。徑客揚鞭忙似箭。歸舟鼓棹急如梭。深惆昏徒。重逢暗道。清裏晝尙不知去處。黃昏後轉忘却自家。底輩如不具眼人。這景必歸迷路漢。諸佛子。當念無常迅速。勿貪浮世奢華。切須蕞鼻牽回。莫要縱心放去。各自回光內照。毋令逐境外求。若是知音。正好進步。但某甲等。謹想斯時。以爲日沒之禮。

於無邊界。無邊佛土中。受用作佛事。普薰諸眾生。皆發菩提心。

供養已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

啓白。再拈香胡跪白云。

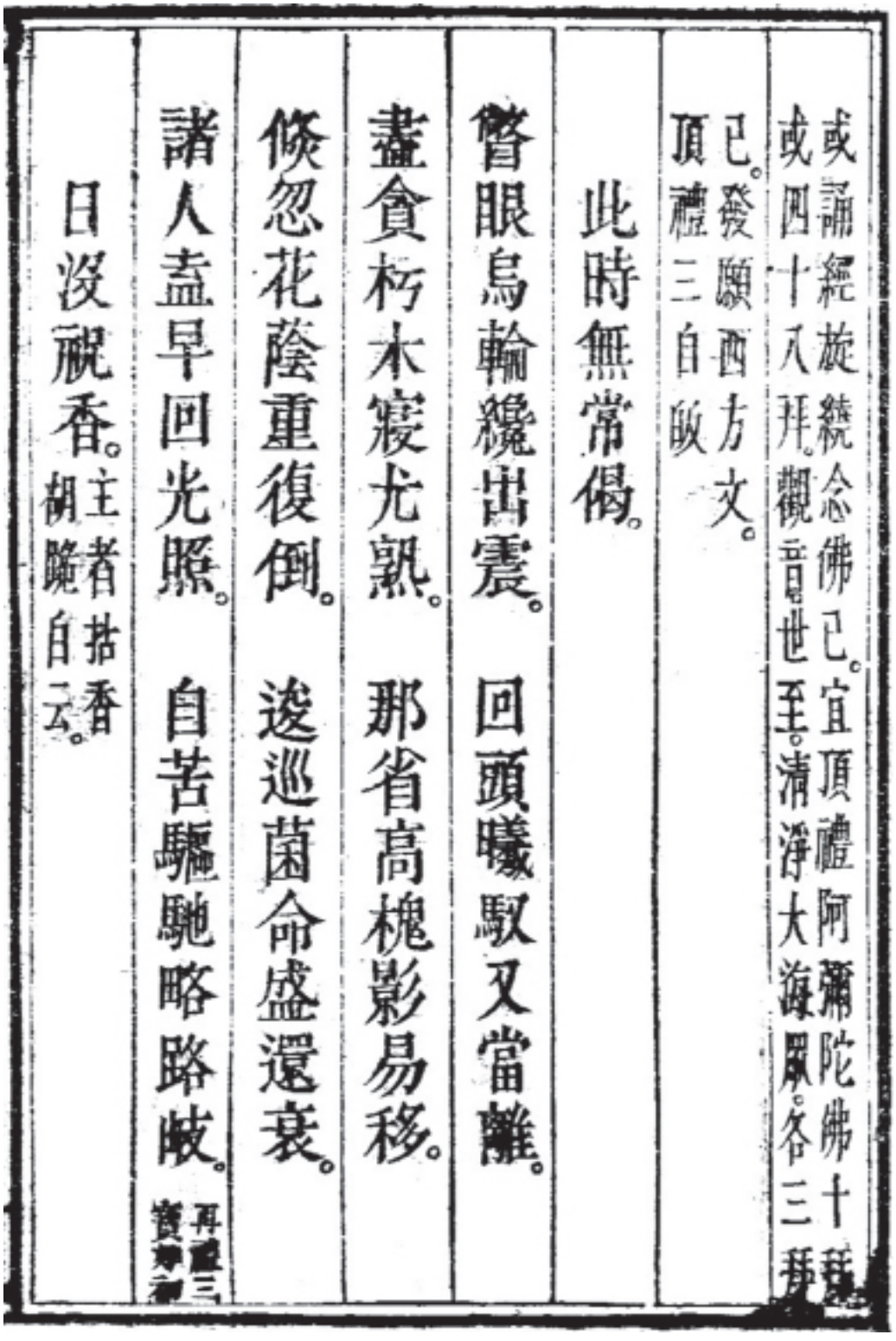
敬啓十方大覺。三世雄師。揮慧劍於邪林。曳慈風於火宅。竊聞丹霞冠嶺。白日含山。城頭而畫角韻悲。簾外之寒砧聲切。曲浦而漁舟唱晚。投林而鳥翮飛輕。微芒鴈鶩落平沙。蕭索蟬蜩鳴



沈水禪林香馥郁。旃檀慧苑舊栽培。
戒刀削就聳山形。熱向心爐長供養。
獻花偈。
心地開時誇爛熳。諸天雨處讓芬芳。
枝枝朶朶獻佛前。億劫業風吹不落。
獻香已
祝云。
願此香花雲。遍滿十方界。供養一切佛。尊法諸
菩薩。無量聲聞眾。及一切聖賢。以起光明臺。過

伏以半空霞落。遠岫煙凝。躬臨清淨壇場。面禮慈悲賢聖。期通丹懇。庸熱寶香。是香也。蓬萊孤名。緣洋異品。豈沈水獻從林邑。非蘇油貢自大秦。氣超澧縣麝臍。味奪烏蒼龍腦。獨擅太高之價。遠騰不眾之馨。實篆一飛。梵席薰成檀世界。玉爐纔起。璇霄結作蜃樓臺。尋來幻釋乾城。嗅著酸停閻獄。以今日沒。焚香供養。

獻香偈。



或誦經旋繞念佛已。宜頂禮阿彌陀佛十或四十八拜。觀音菩薩至。清淨大海眾。各三拜已。發願西方文。頂禮三自皈

此時無常偈。

瞥眼烏輪纔出震。回頭曦馭又當離。
盡貪朽木寢尤熟。那省高槐影易移。
倏忽花蔭重復倒。逡巡菌命盛還衰。
諸人盍早回光照。自苦驅馳略路岐。再禮三寶竟

日沒祝香。主者拈香胡跪自云。

志心發願。再拈香。

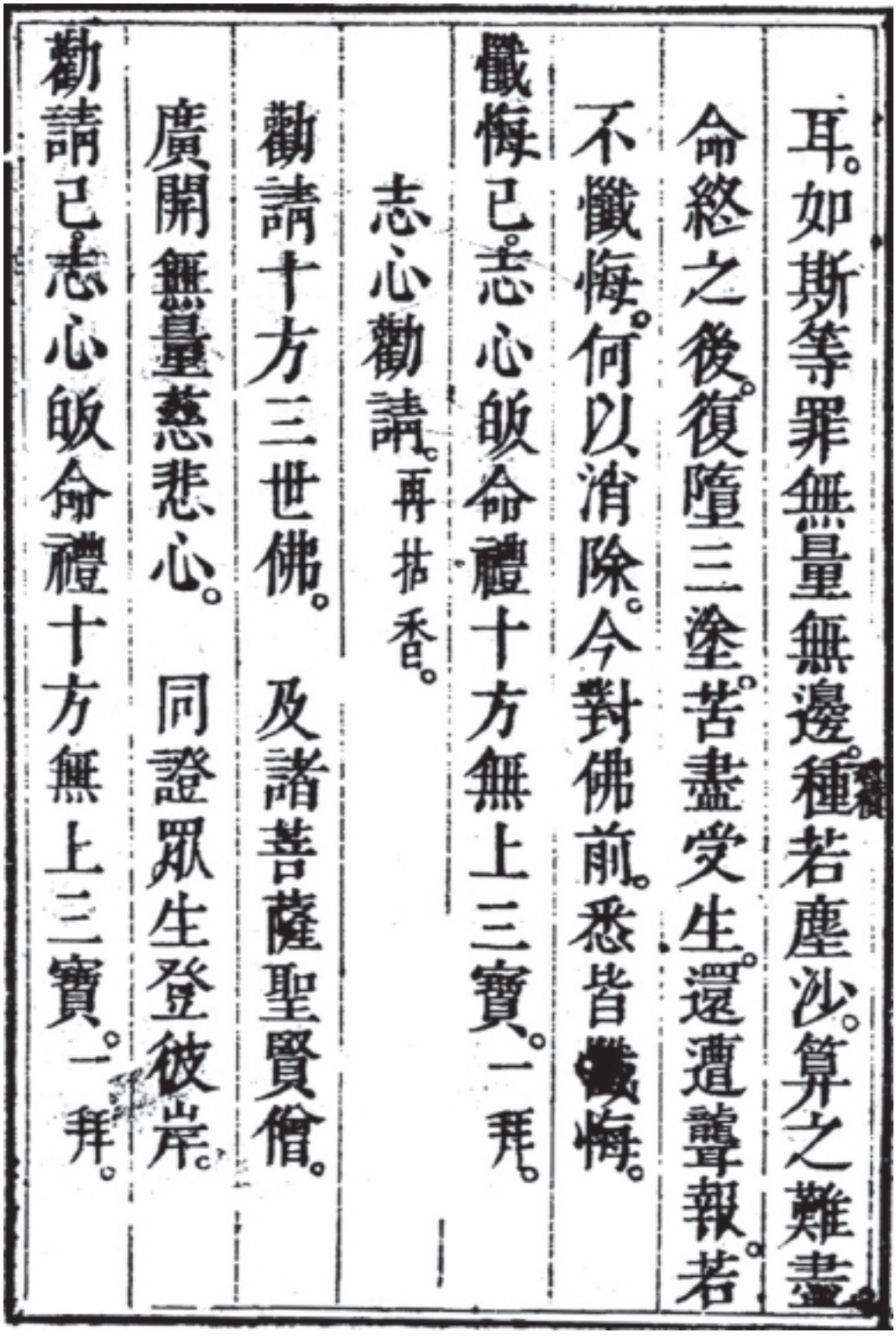
一願對聲皆悟道。二願聽苦早修行。
三願聞聰具四達。四願聞業盡無生。
五願妄言無漏入。六願正語急遮聆。
七願梵音常近側。八願法鼓也須傾。
九願觀音相授手。十願慶喜共馳名。
十一願羣聾長破障。十二願兩朶永通靈。
發願已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心隨喜。再拈香。

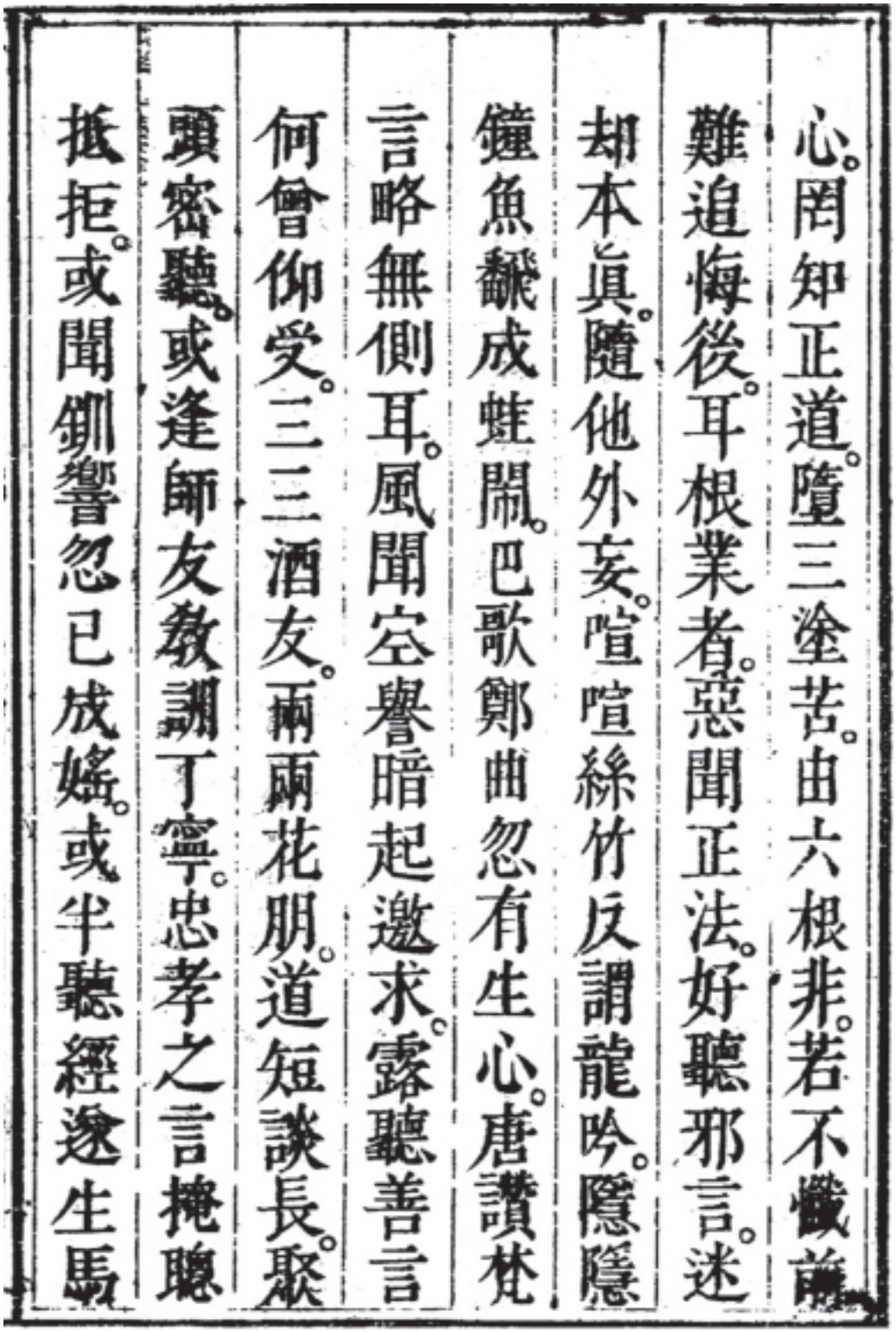
我今隨佛生歡喜。昏曉虔誠禮懺因。
十地階梯願早登。菩提眞心無退轉。
隨喜已。志心歸命禮十方無上三寶。一拜。

志心迴向。亦須拈香。

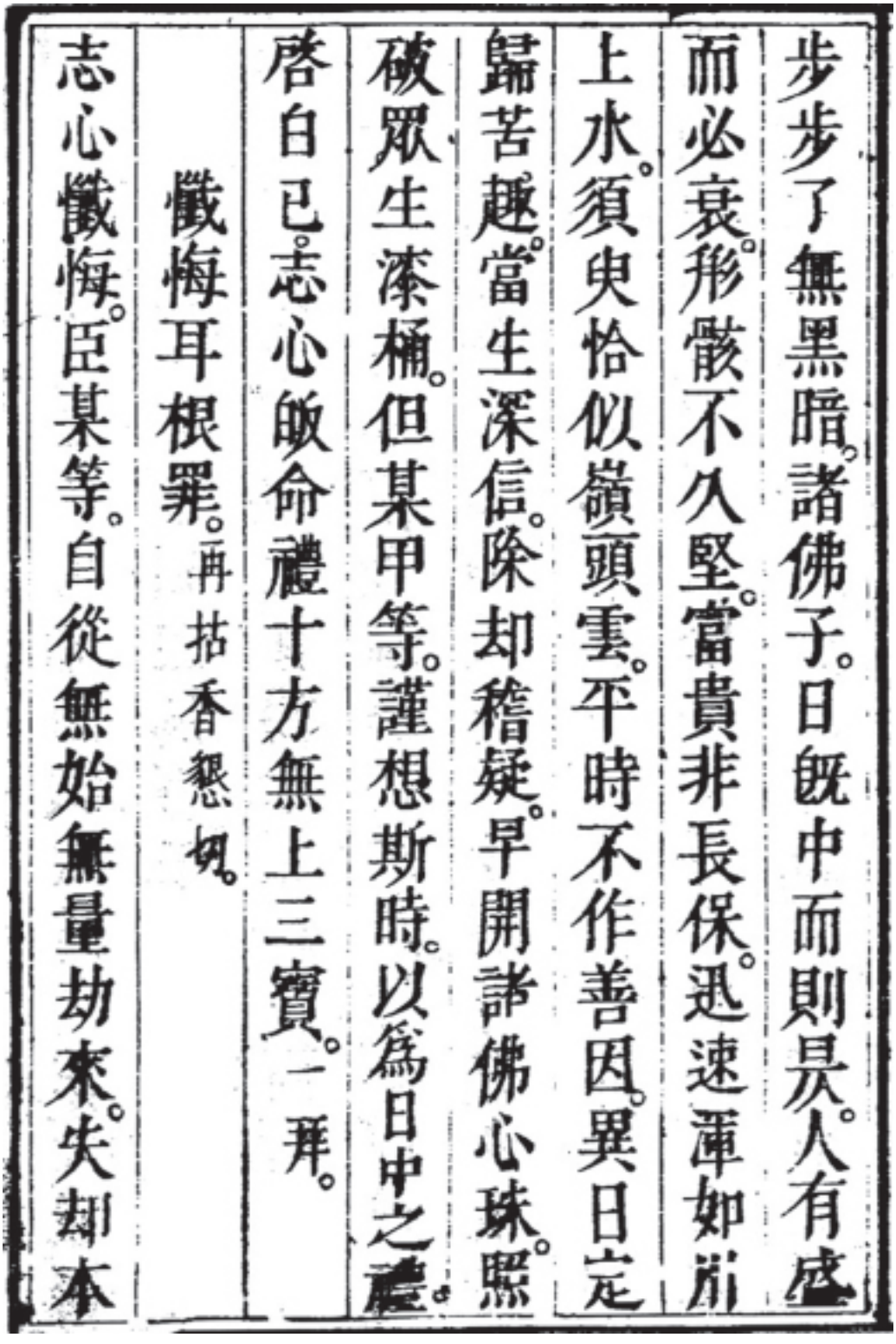
我等迴心歸聖眾。慇懃頓地禮慈尊。
願將功德及眾生。悉此勝因成正覺。
迴向已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。



耳。如斯等罪無量無邊。種種若塵沙。算之難盡。
命終之後。復墮三塗。苦盡受生。還遭讐報。若
不懺悔。何以消除。今對佛前。悉皆懺悔。
懺悔已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。
志心勸請。再拈香。
勸請十方三世佛。及諸菩薩聖賢僧。
廣開無量慈悲心。同證眾生登彼岸。
勸請已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。



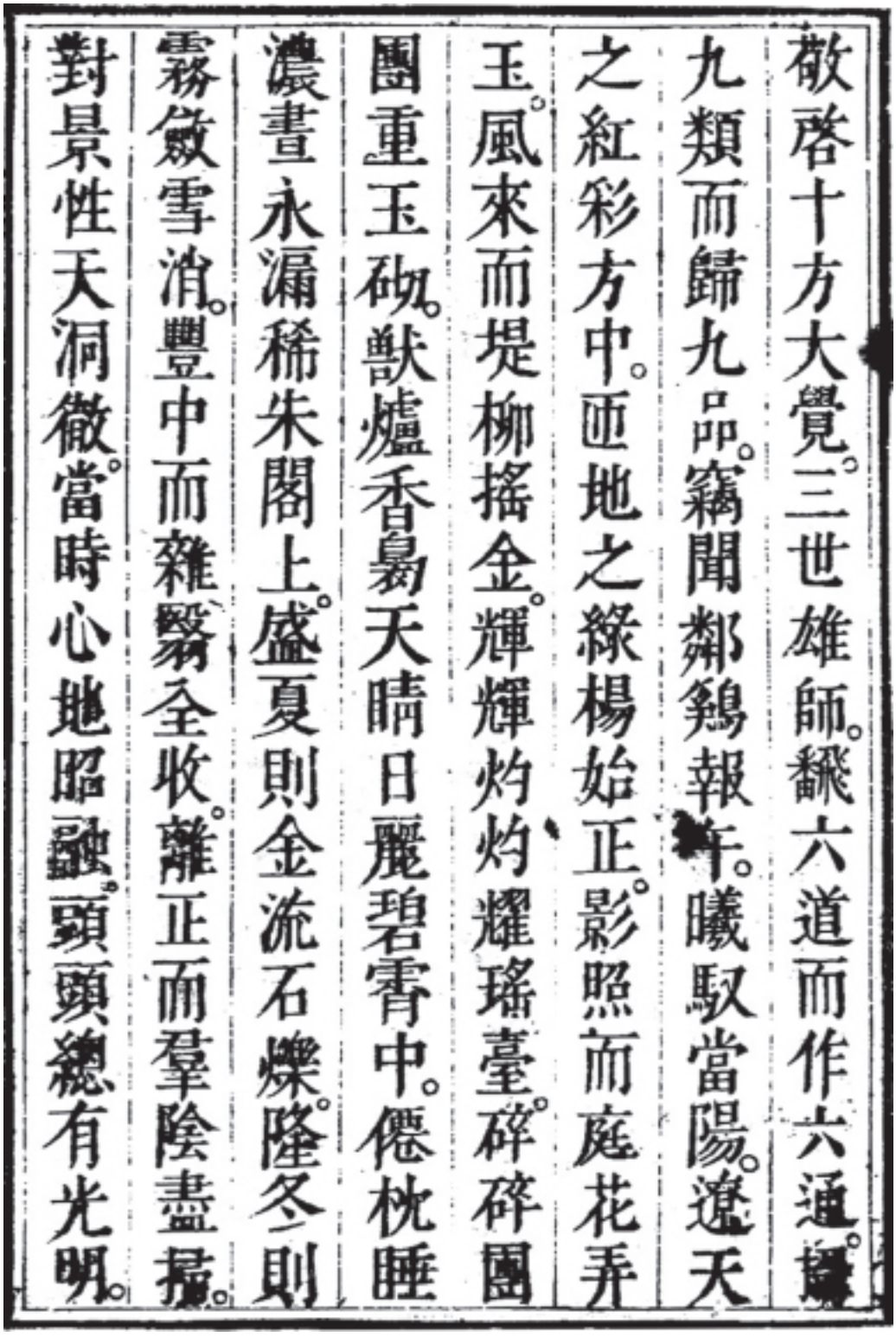
心。罔知正道。墮三塗苦。由六根非。若不懺前
難追悔後。耳根業者。惡聞正法。好聽邪言。迷
却本眞。隨他外妄。喧喧絲竹反謂龍吟。隱隱
鐘魚翻成蛙鬧。巴歌鄭曲忽有生心。唐讚梵
言略無側耳。風聞空譽暗起邀求。露聽善言
何曾仰受。三三酒友。兩兩花朋。道短談長。聚
頭密聽。或逢師友教誡丁寧。忠孝之言掩聰
抵拒。或聞鈴響忽已成謠。或半聽經遂生馬



步步了無黑暗。諸佛子。日既中而則昃。人有盛而必衰。形骸不久堅。當貴非長保。迅速渾如前上水。須臾恰似嶺頭雲。平時不作善因。異日定歸苦趣。當生深信。除却稽疑。早開諸佛心珠。照破眾生漆桶。但某甲等。謹想斯時。以爲日中之禮。啓白已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

懺悔耳根罪。再拈香懇切。

志心懺悔。臣某等。自從無始無量劫來。失却本



敬啓十方大覺。三世雄師。鑒六道而作六通。攝
九類而歸九品。竊聞鄰鷄報午。曦馭當陽。遼天
之紅彩方中。亟地之綠楊始正。影照而庭花弄
玉。風來而堤柳搖金。煇煇灼灼耀瑤臺。碎碎圍
圍重玉砌。獸爐香裊天晴日麗碧霄中。偃枕睡
濃晝永漏稀朱閣上。盛夏則金流石爍。隆冬則
霧斂雪消。豐中而雜翳全收。離正而羣陰盡掃。
對景性天洞徹。當時心地昭融。頭頭總有光明。

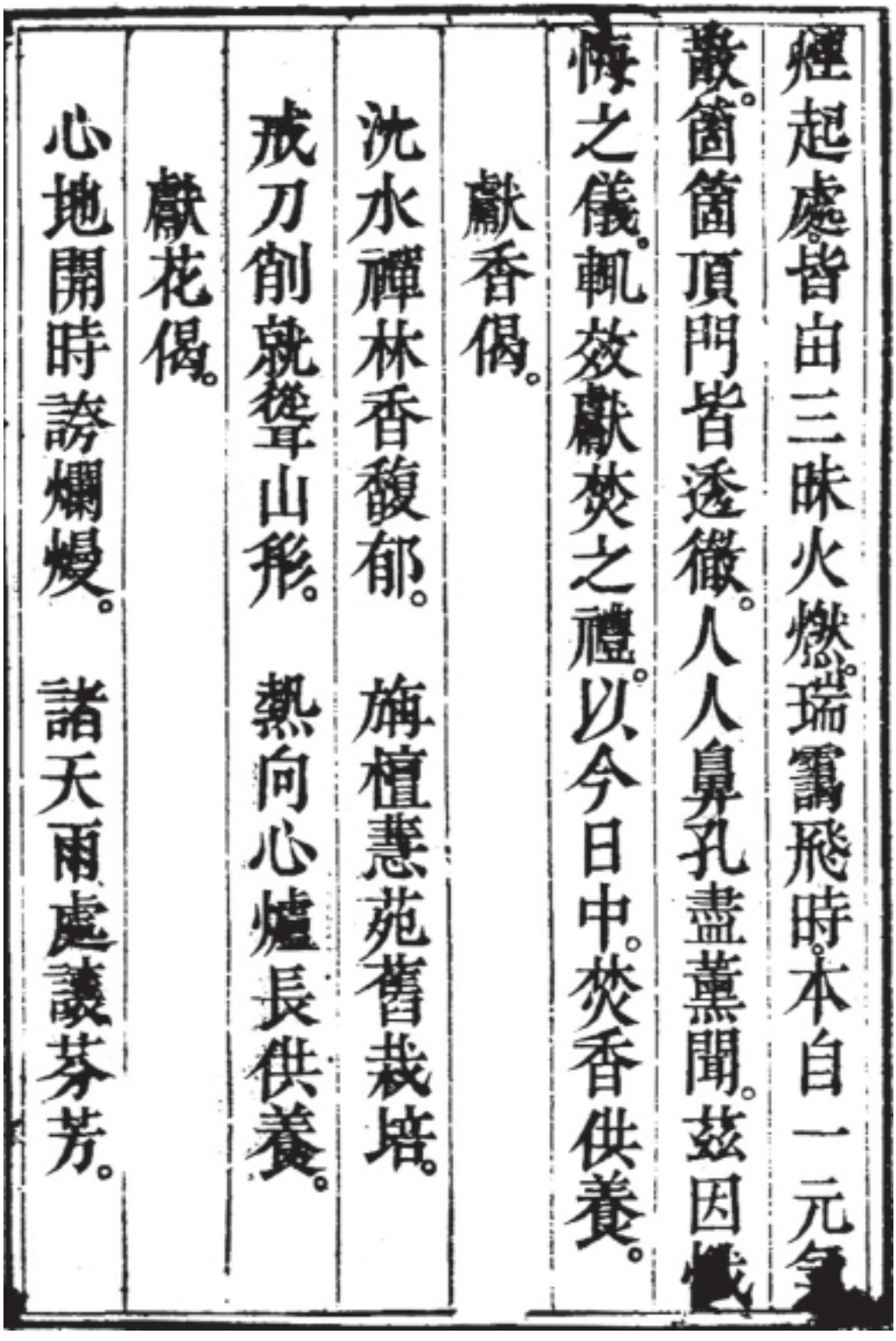
枝枝朶朶獻佛前。 億劫業風吹不落。

獻香已訖云。

願此香花雲。遍滿十方界。供養一切佛。尊法諸菩薩。無量聲聞眾。及一切聖賢。以起光明臺。遍於無邊界。無邊佛土中。受用作佛事。普薰諸眾生。皆發菩提心。

供養已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

啓白。再拈香胡跪白云。



煙起處皆由三昧火燃瑞靄飛時本自一元氣
散箇箇頂門皆透徹人人鼻孔盡薰聞茲因懺
悔之儀輒效獻焚之禮以今日中焚香供養
獻香偈
沈水禪林香馥郁旃檀慧苑舊栽培
戒刀削就聳山形熱向心爐長供養
獻花偈
心地開時誇爛熳諸天雨處讃芬芳

不覺年花促。猶爭業果雄。
身如冰見晛。命似燭當風。
莫作長年客。終歸早照功。又讚二寶如初

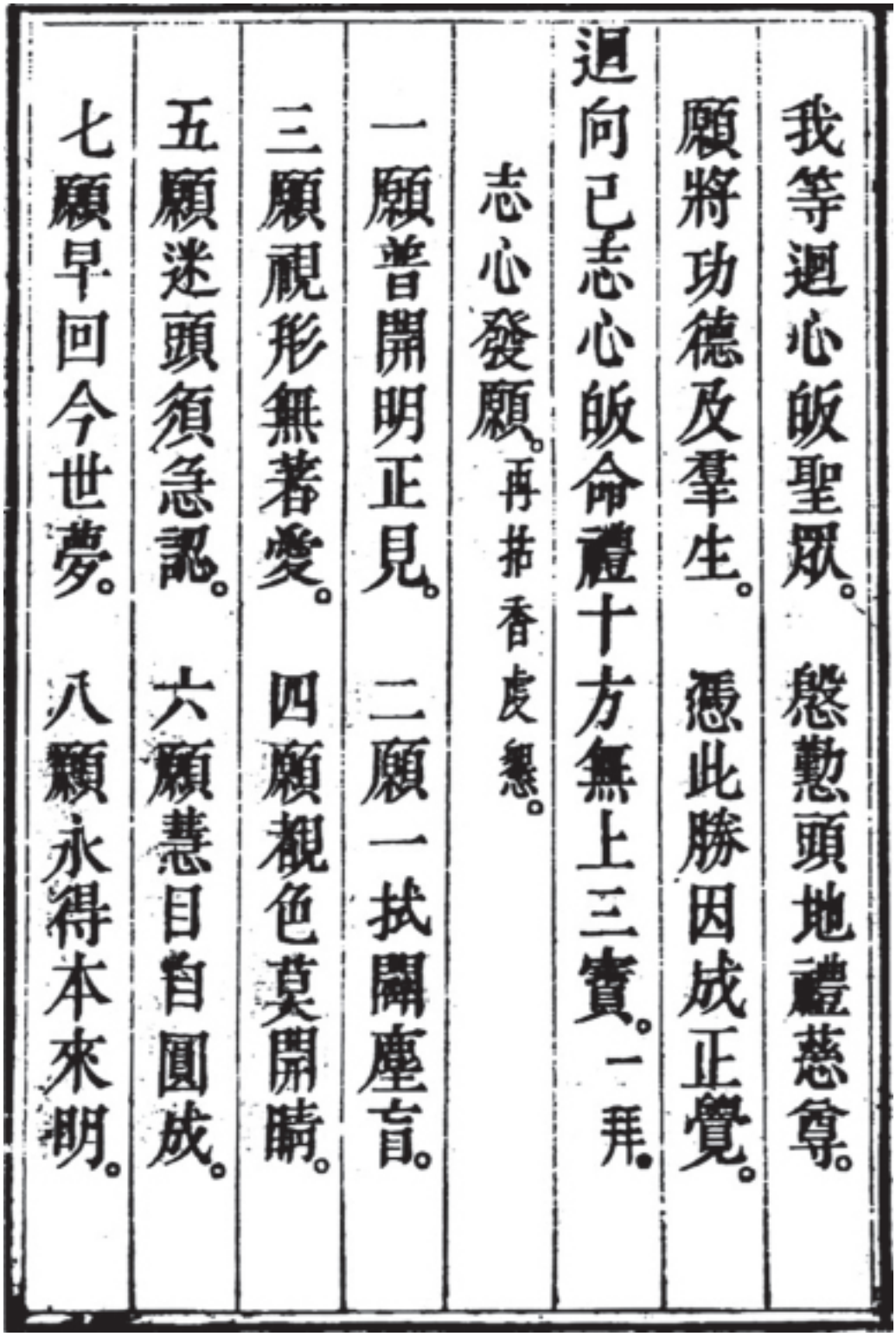
中日祝香。主者拈香拜跪白云。

伏以太陽豐照。雲景離明。顧日晝之難留。卽金僊而仰叩。信將陳於寶座。香先炷於玉爐。是香也。秀毓先天。非蓬島洲中產出。芳騰大地。豈旃檀林下生來。品名冠彼沈箋。氣味壓他薝蔔。群

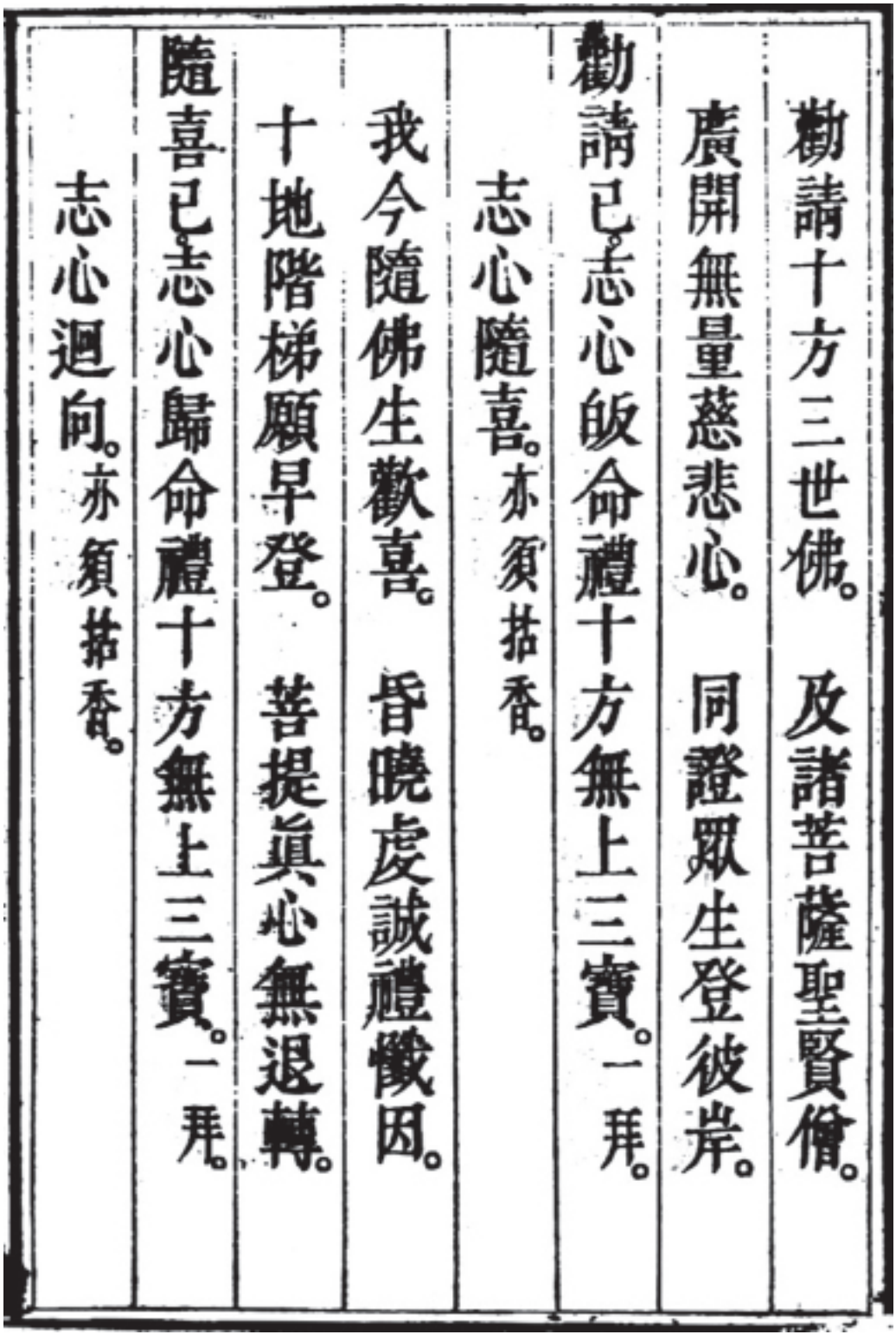
九願觀時除幻翳。十願望處絕花生。
十二願遙瞻障雲卷。十三願一瞬業冰清。
發願已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。下附
或誦經旋繞念佛已。宜頂禮阿彌陀佛十拜。
或四十八拜。觀音。世至。清淨大海眾。各三拜。
已。發願西方文。
頂禮三自皈

初日無常偈。

夜色初分曉。晨光漸出窓。
暗催新髮白。漸改舊顏紅。

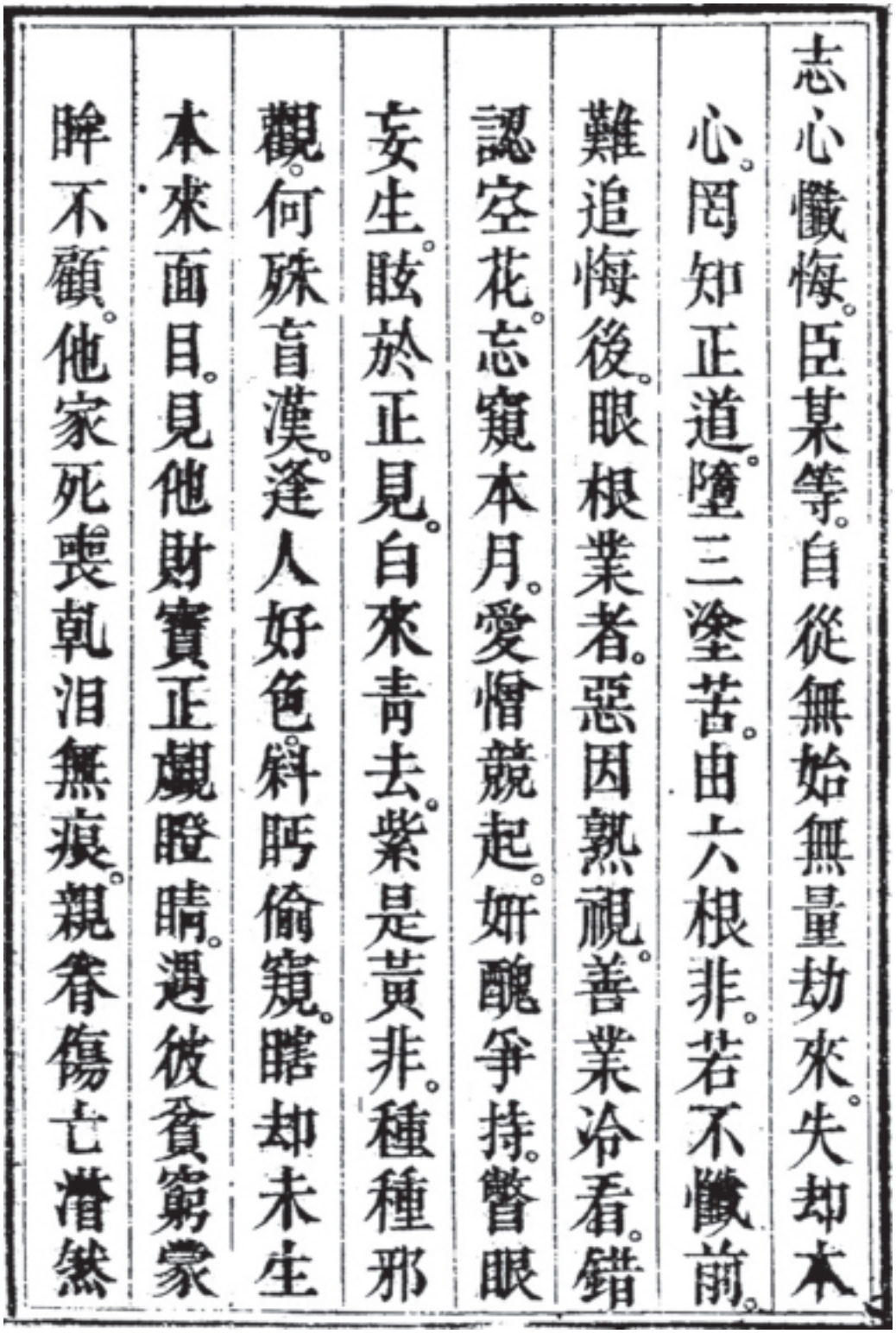


我等迴心皈聖眾。慇懃頭地禮慈尊。
願將功德及羣生。憑此勝因成正覺。
迴向已志心皈命禮十方無上三寶。一拜。
志心發願。再拜香虔懇。
一願普開明正見。二願一拭闢塵盲。
三願視形無著愛。四願覩色莫開睛。
五願迷頭須急認。六願慧目自圓成。
七願早回今世夢。八願永得本來明。

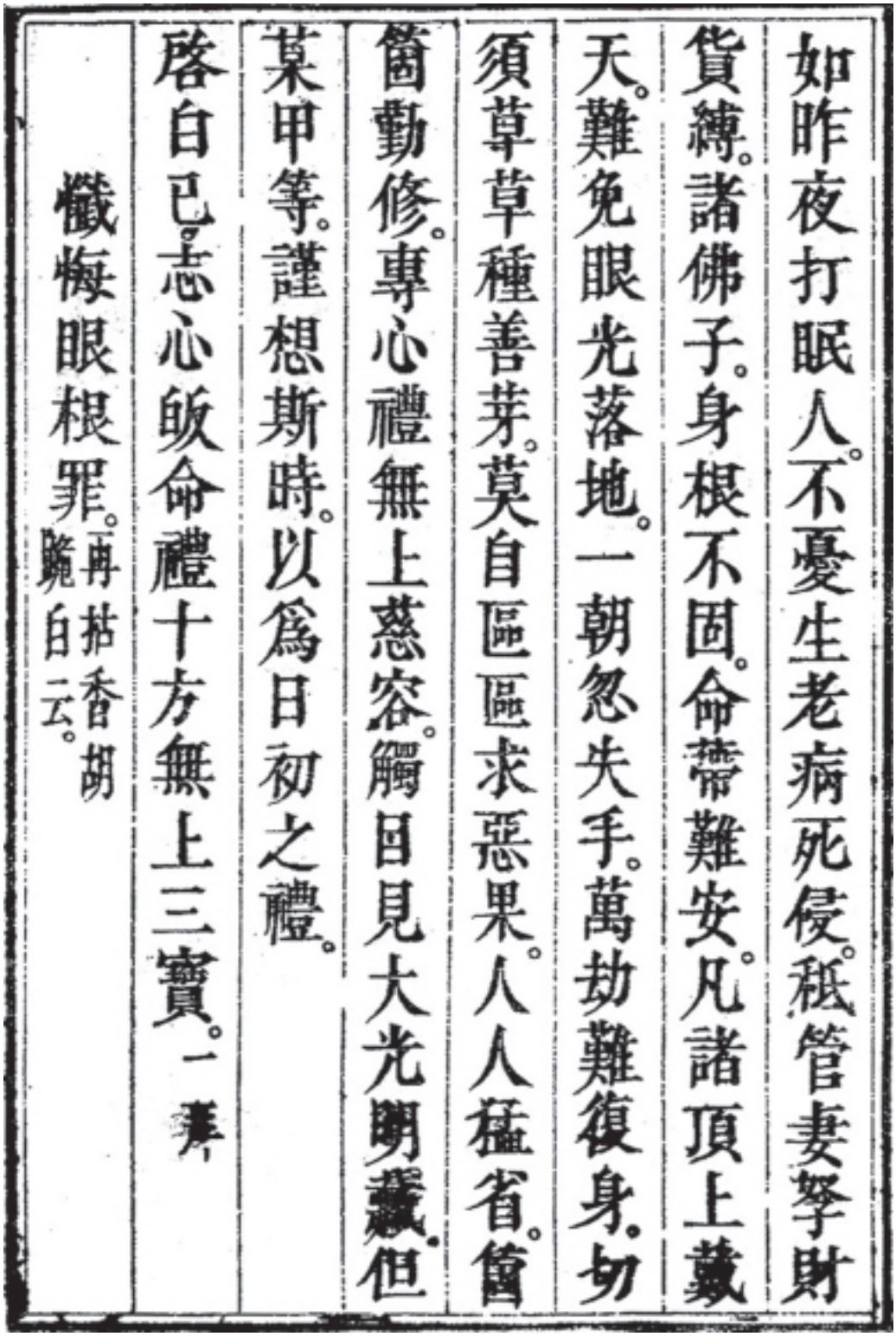


勸請十方三世佛。及諸菩薩聖賢僧。
廣開無量慈悲心。同證眾生登彼岸。
勸請已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。
志心隨喜。亦須拈香。
我今隨佛生歡喜。昏曉虔誠禮懺因。
十地階梯願早登。菩提眞心無退轉。
隨喜已。志心歸命禮十方無上三寶。一拜。
志心迴向。亦須拈香。

泣血。或見三寶。或天伽藍。近像對經。略無瞻
視。佛堂僧舍。男女相逢。眼去眉來。迷荒色欲。
不驚護法。不畏龍神。極目貪歡。曾無俛首。如
斯等罪。無量無邊。從眼根生。墮於地獄。經恒
沙劫。方得受生。縱得受生。還遭盲報。若不懺
悔。難以消除。今對佛前。悉皆懺悔。
懺悔已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜
志心勸請。亦須拈香。



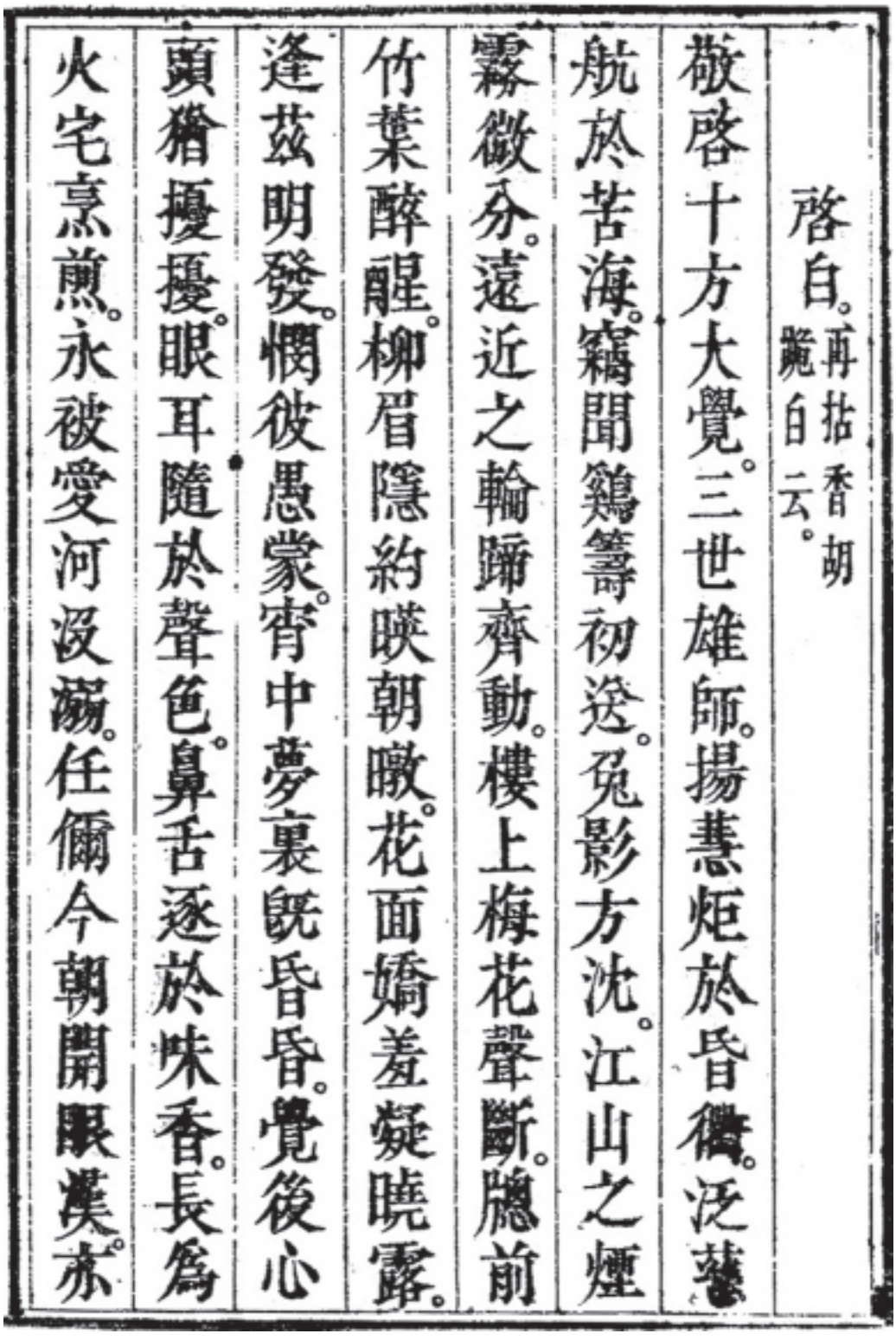
志心懺悔。臣某等。自從無始無量劫來。失却本心。罔知正道。墮三塗苦。由六根非。若不懺前。難追悔後。眼根業者。惡因熟視。善業冷看。錯認空花。忘窺本月。愛憎競起。妍醜爭持。瞥眼妄生。眩於正見。白來青去。紫是黃非。種種邪觀。何殊盲漢。逢人好色。斜眄偷窺。瞎却未生本來面目。見他財寶正覩瞪睛。遇彼貧窮蒙眸不顧。他家死喪乳泪無痕。親眷傷亡潸然



如昨夜打眠人。不憂生老病死侵。秖管妻孥財貨縛。諸佛子。身根不固。命帶難安。凡諸頂上戴天。難免眼光落地。一朝忽失手。萬劫難復身。切須草草種善芽。莫自區區求惡果。人人猛省。箇箇勤修。專心禮無上慈容。觸目見大光明藏。但某甲等。謹想斯時。以爲日初之禮。

啓白已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜

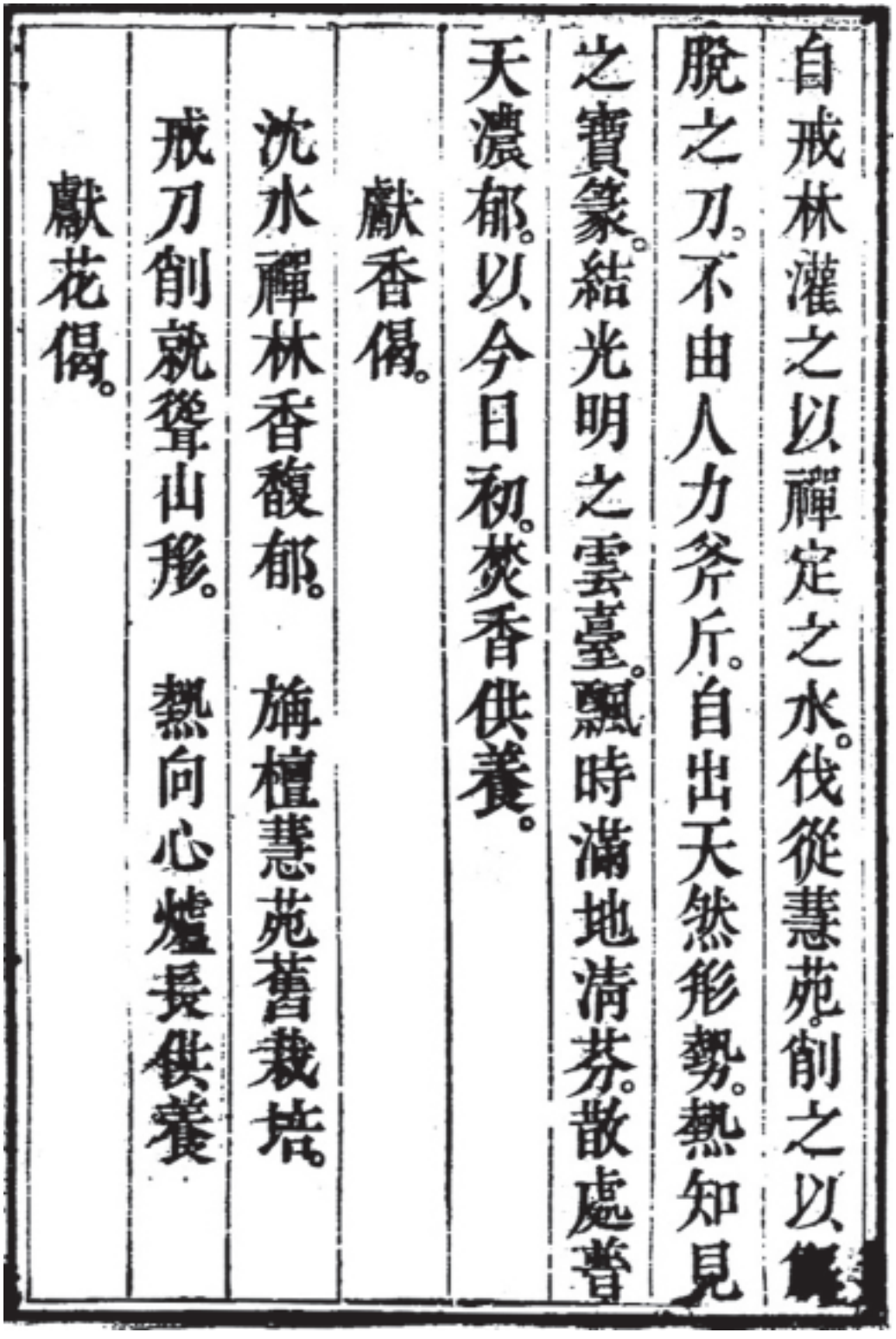
懺悔眼根罪。再拈香胡跪白云。



啓白。再拈香胡跪白云。

敬啓十方大覺。三世雄師。揚慧炬於昏衢。泛慈航於苦海。竊聞鷄籌初送。兎影方沈。江山之煙霧微分。遠近之輪蹄齊動。樓上梅花聲斷。牖前竹葉醉醒。柳眉隱約暎朝暾。花面嬌羞凝曉露。逢茲明發。憫彼愚蒙。宵中夢裏既昏昏。覺後心頭猶擾擾。眼耳隨於聲色。鼻舌逐於味香。長爲火宅烹煎。永被愛河沒溺。任儞今朝開眼漢。亦

心地開時誇爛熳。諸天雨處讓芬芳。
枝枝朵朵獻佛前。億劫業風吹不落。
獻香已祝二云。
願此香花雲。遍滿十方界。供養一切佛。尊法。諸菩薩。無量聲聞眾。及一切聖賢。以起光明臺。遍於無邊界。無邊佛土中。受用作佛事。普薰諸眾生。皆發菩提心。
供養已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。



自戒林灌之以禪定之水。伐從慧苑創之以解脫之刀。不由人力斧斤。自出天然形勢。熱知見之寶篆。結光明之雲臺。飄時滿地清芬。散處普天濃郁。以今日初。焚香供養。

獻香偈。

沈水禪林香馥郁。　旃檀慧苑舊栽培。

戒刀創就聳山形。　熱向心爐長供養。

獻花偈。

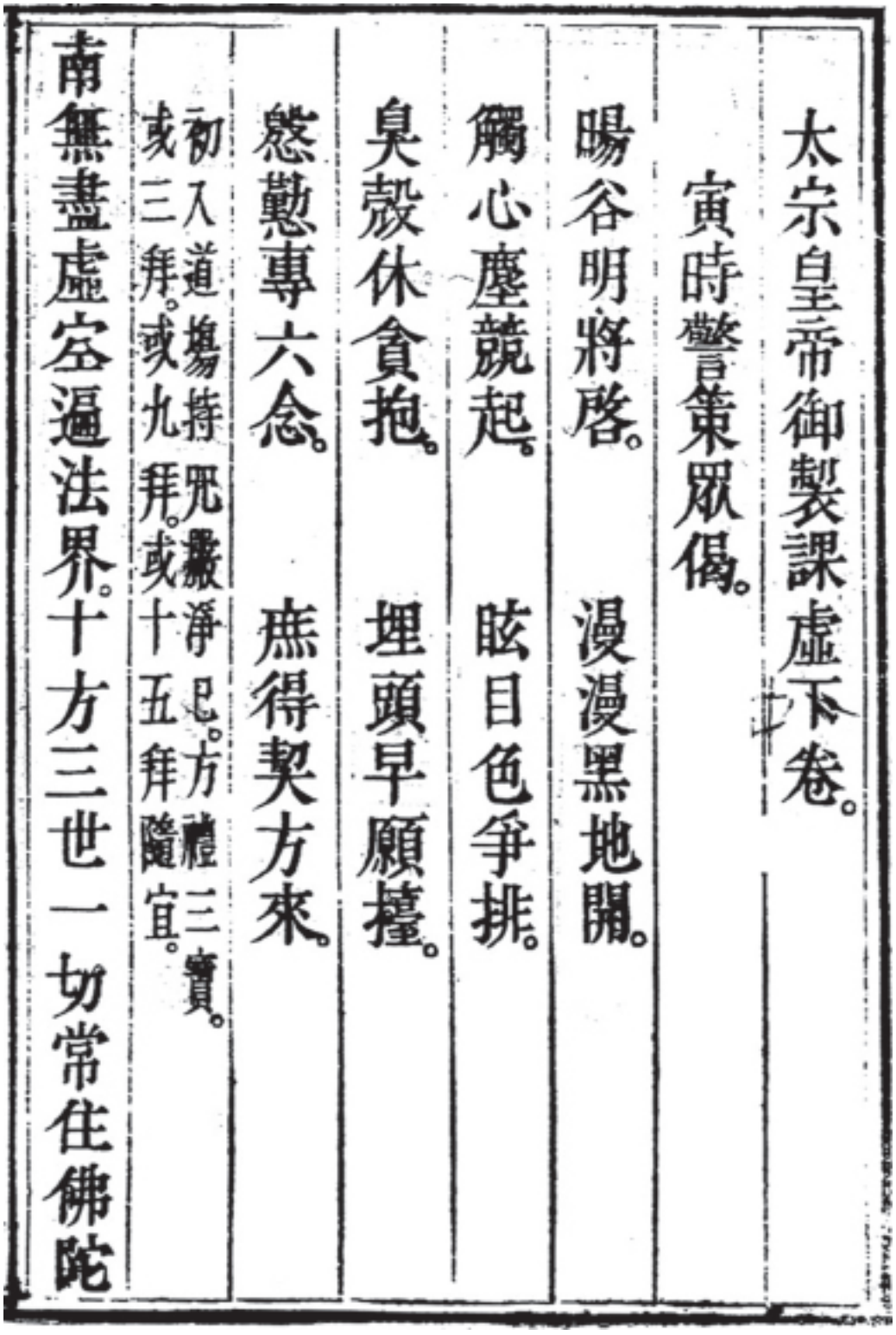
耶僧。

南無盡虛空遍法界。十方三世一切常住僧伽耶藏。

南無盡虛空遍法界。十方三世一切常住僧伽耶衆。

日初祝香。主者拈香。胡跪白云。

伏以蟾輪西沒。龍燭東生。梵筵會清淨之流。空界禮聖賢之衆。欲通檀信。謹熱寶香。是香也。種



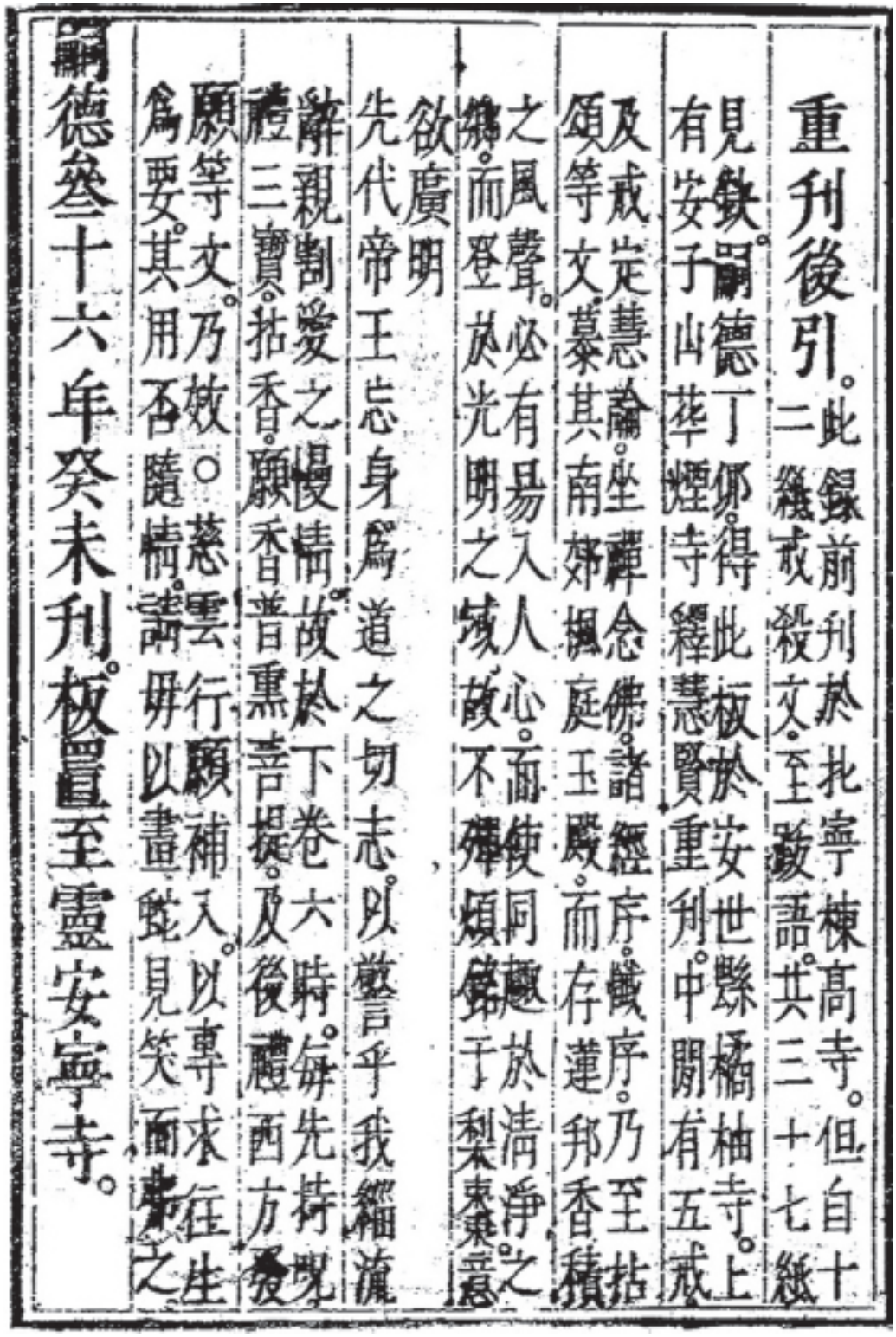
太宗皇帝御製課虛下卷。

寅時警策眾偈。

暘谷明將啓。漫漫黑地開。
觸心塵競起。眩目色爭排。
臭殼休貪抱。埋頭早願擡。
慇懃專六念。燕得契方來。

初入道場持咒纔淨已。方禮三寶。或三拜。或九拜。或十五拜隨宜。

南無盡虛空遍法界。十方三世一切常住佛陀



重刊後引。此錄前刊於北寧棟高寺。但自十二紙或殺文。至跋語。共三十七紙。見缺。嗣德丁卯。得此板於安世縣橘柚寺。上有安子山萃煙寺釋慧賢重刊。中閒有五戒及戒定慧論。坐禪念佛。諸經序。讖序。頌等文。摹其南郊楓庭玉殿。而存蓮邦香積之風聲。必有易入人心。而使同趣於清淨之鄉。而登於光明之域。故不揣煩僭。于梨棗。意欲廣明

先代帝王忘身爲道之切志。以警乎我緇流辭親割愛之慢情。故於下卷六時。每先持呪禮三寶。拈香。願香普熏。普提。及後禮西方發願等文。乃放。○慈雲行願補入。以專求往生爲要。其用否隨情。請毋以畫蛇見笑而畫之。

嗣德叁十六年癸未刊。板置至靈安寧寺。



之恩。持戒者行佛之行。看經者明佛之理。坐禪者達佛之境。參禪者合佛之心。說法者滿佛之願。故我佛世尊欲令一切眾生開示悟入。速成正覺。而眾生迷昧本心。執著自己五蘊色身。而棄本逐末。不覺不知。迷昧正因。昇沈六道。如蟻循環。何期得脫。而設立方便誘引多門。因此墮下法要以哺後兒孫。故古德云。爲鼠常墮飯憐蛾不點燈。又云迷之則生死始。悟之則輪回息矣。

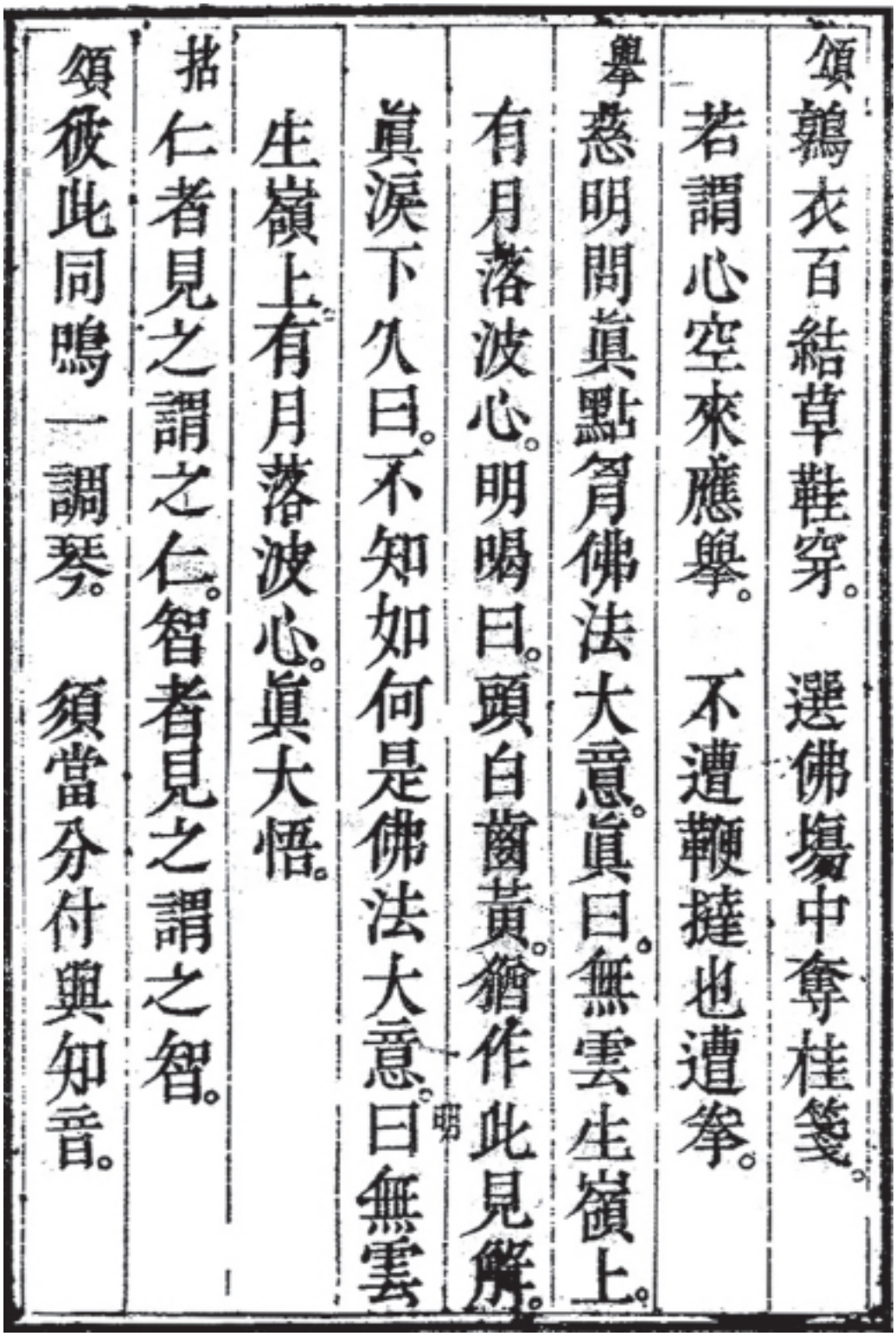
無雲有月雖同是　爭柰山高與水深。

曉終日走紅塵。不識自家珍。

陳撒手無依全體現。扁舟魚父宿蘆華。

跋後

夫語默動靜皆是佛法。飲食寤寐皆是佛法。汚屎放尿皆是佛法。有權有實。有照有用。餘皆方便度人。而李陳諸家談說。非是古佛再來。非是釋迦宗旨。故云禮佛者敬佛之德。念佛者感佛



頌鶉衣百結草鞋穿。選佛場中奪桂籠。
若謂心空來應舉。不遭鞭撻也遭拳。

舉慈明問眞點胷佛法大意。眞曰。無雲生嶺上。有月落波心。明喝曰。頭白齒黃。猶作此見解。眞淚下久曰。不知如何是佛法大意。曰無雲生嶺上。有月落波心。眞大悟。

拈仁者見之謂之仁。智者見之謂之智。

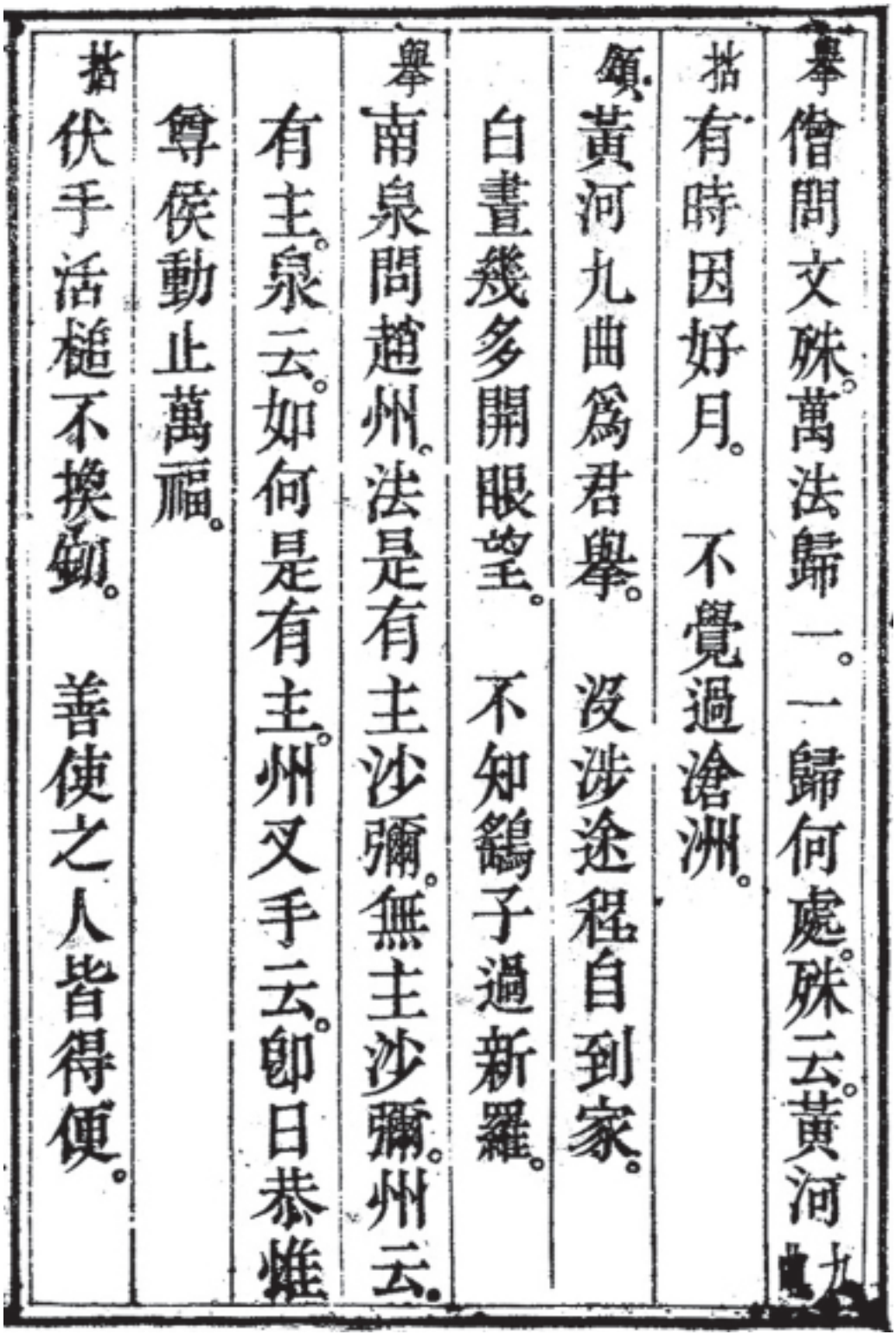
頌彼此同鳴一調琴。須當分付與知音。

頌趙州叉手示於人。不落雙邊主自分。
豈是華藍韓令衛。爭知會造酒逡巡。

舉僧問木庵。如何是衲衣下事。庵云。針鋒不入
拈靜坐絕纖塵。虛空不通線。

頌持之則軟扭之柔。鐵額銅頭進莫由。
雖是虛空無間隙。夜來依舊桂華秋。

舉龐居士云。此是選佛場。心空及第歸。
拈鷹塔題名。不容曳白。



舉僧問文殊萬法歸一一歸何處殊云黃河九
拈有時因好月不覺過滄洲
頌黃河九曲爲君舉沒涉途程自到家
白晝幾多開眼望不知鷂子過新羅
舉南泉問趙州法是有主沙彌無主沙彌州云
有主泉云如何是有主州叉手云卽日恭惟
尊候動止萬福
拈伏手活槌不換劒善使之人皆得便

僧在。

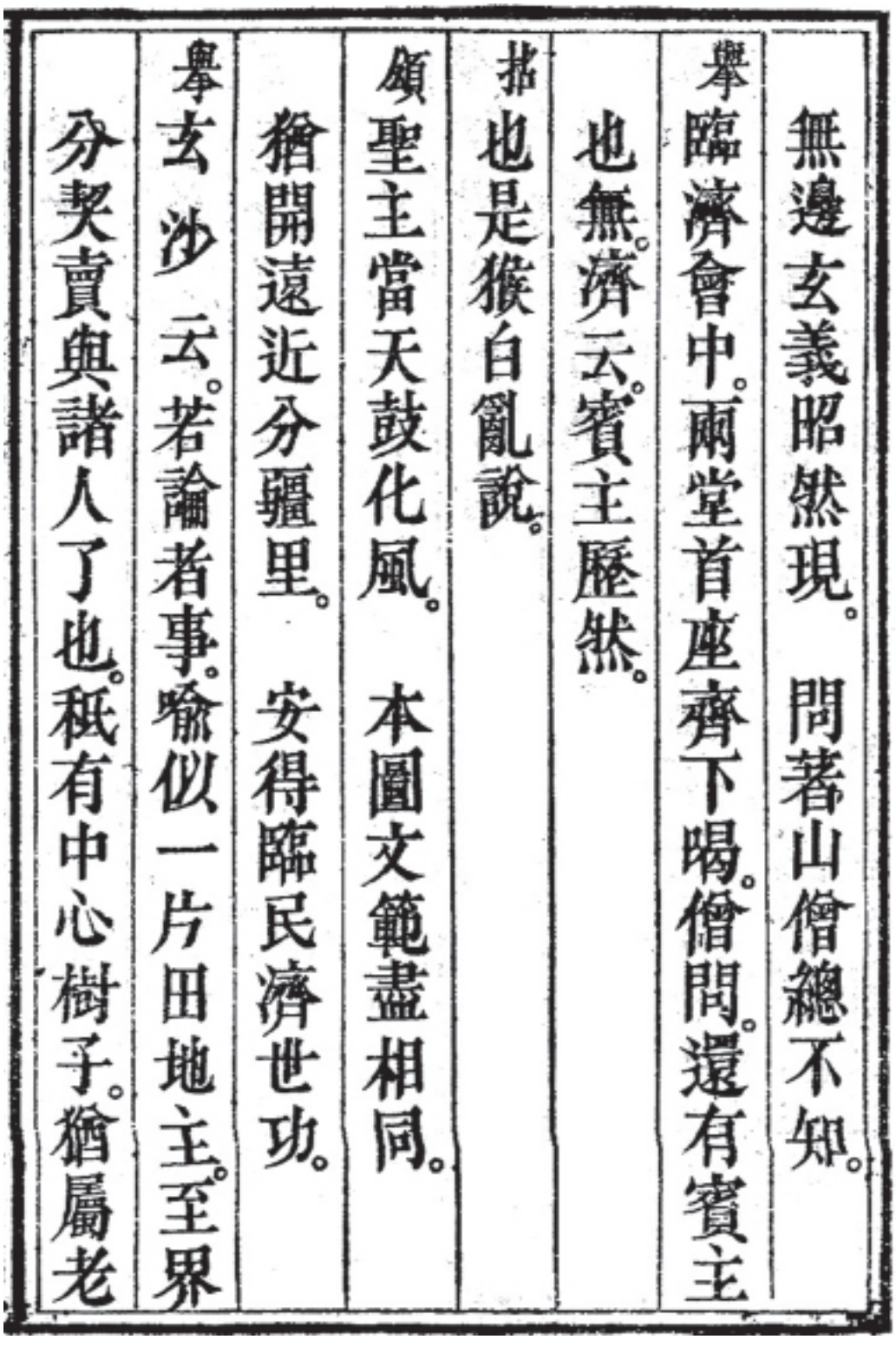
拈大海不納死屍。

頌縱備明明悟了人。心頭萬慮沒紜紛。
箇中倘有絲毫在。入眼黃金卻是塵。

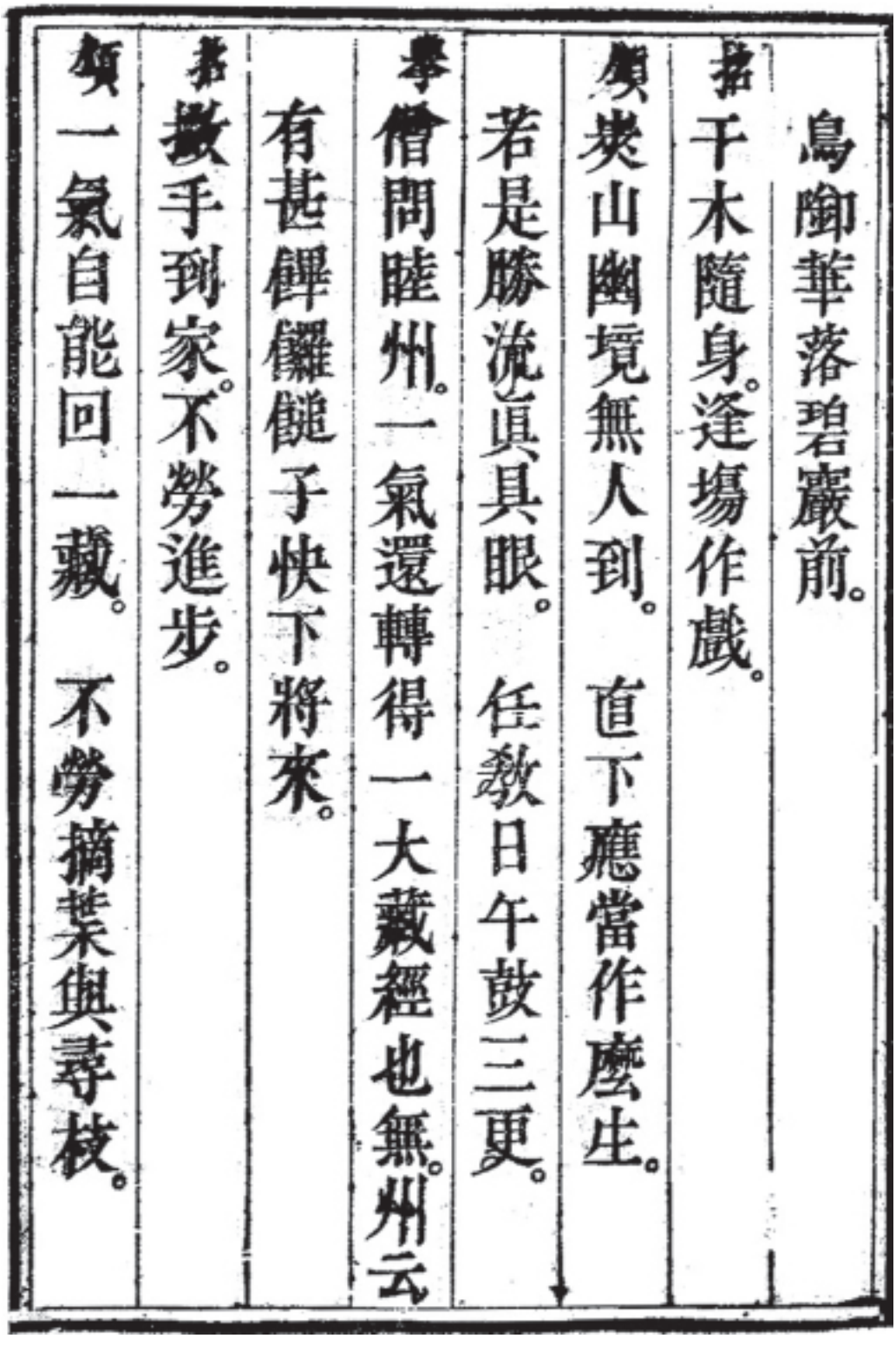
擧僧問思和尚佛法大意。思云。盧陵米作麼價。

拈竹影掃堦塵不動。月輪穿海水無痕。

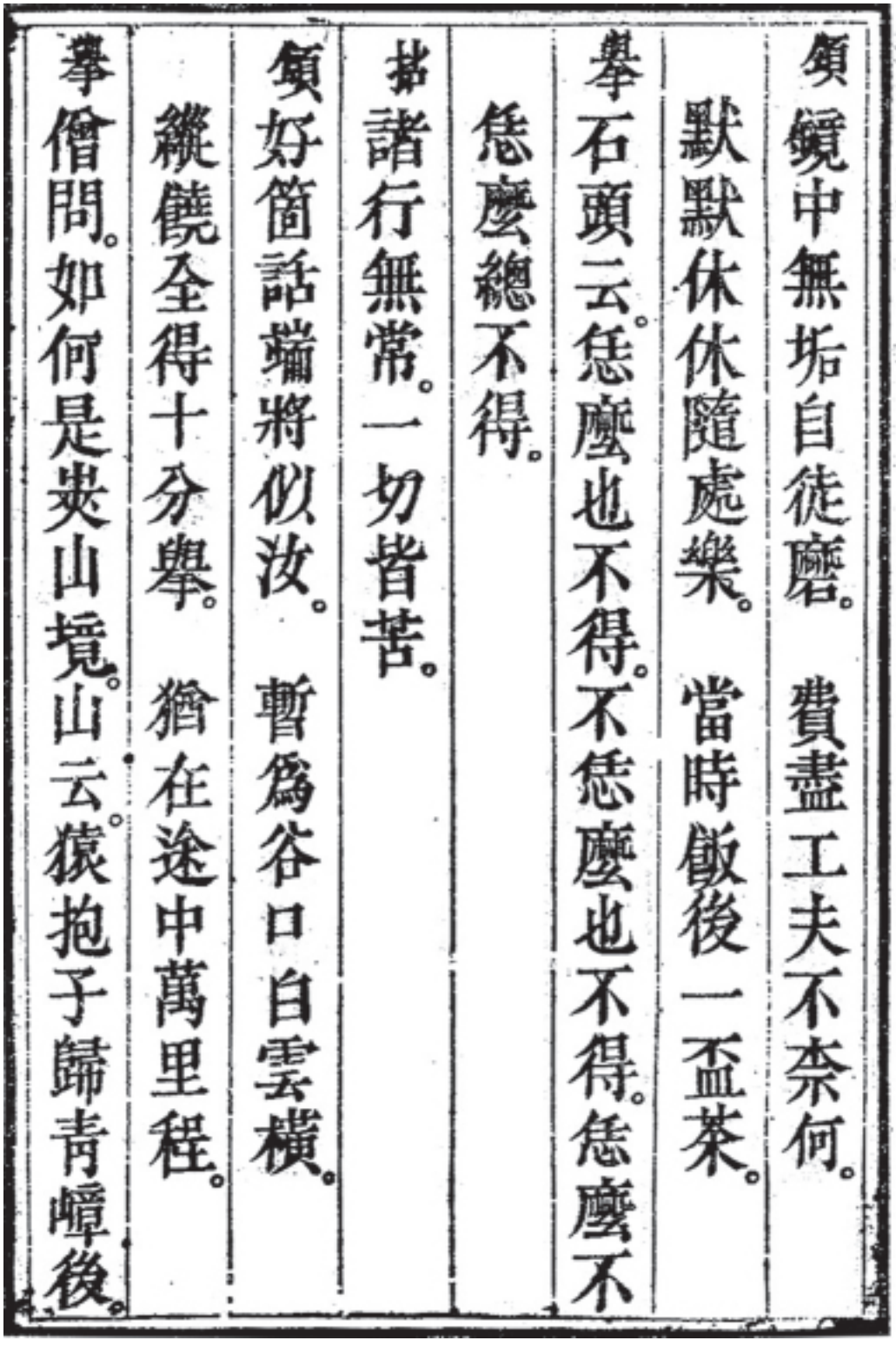
頌這言眞是英伶漢。輸盡根機接有情。
一問盧陵何米價。全然總不涉途程。



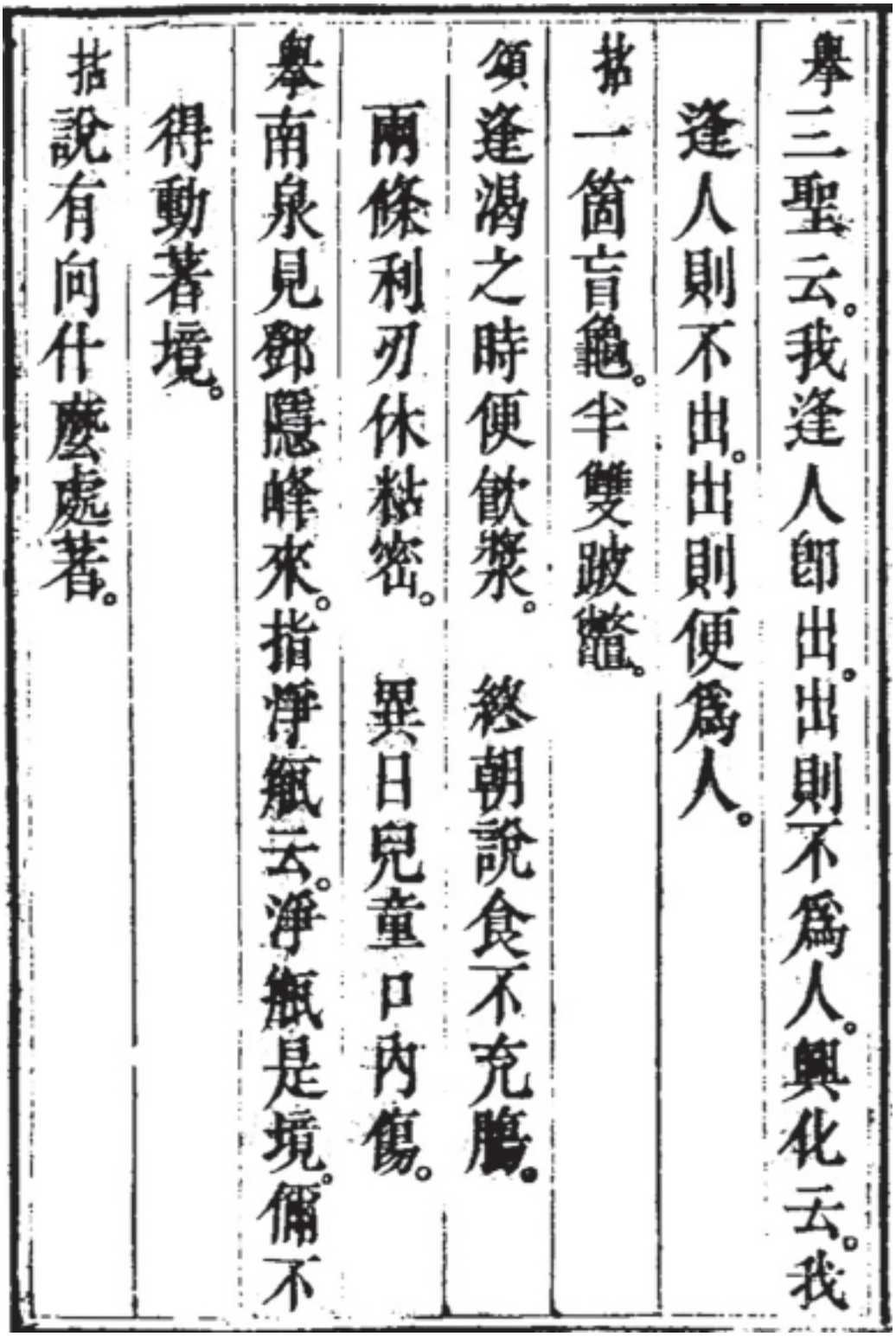
無邊玄義昭然現。問著山僧總不知。
舉臨濟會中。兩堂首座齊下喝。僧問。還有賓主
也無。濟云。賓主歷然。
拈也是猴白亂說。
頌聖主當天鼓化風。本圖文範盡相同。
猶開遠近分疆里。安得臨民濟世功。
舉玄沙云。若論者事。喻似一片田地主至界
分契賣與諸人了也。秖有中心樹子。猶屬老



鳥啣華落碧巖前。
若干木隨身。逢場作戲。
頌炭山幽境無人到。直下應當作麼生。
若是勝流。具眼。任教日午鼓三更。
擧僧問睦州。一氣還轉得一大藏經也無。州云
有甚麼鼈鼸子快下將來。
若撒手到家。不勞進步。
頌一氣自能回一藏。不勞摘葉與尋枝。



須鏡中無垢自徒磨。費盡工夫不奈何。
默默休休隨處樂。當時飯後一盃茶。
舉石頭云。恁麼也不得。不恁麼也不得。恁麼不恁麼總不得。
拈諸行無常。一切皆苦。
須好箇話端將似汝。暫爲谷口白雲橫。
纔饒全得十分舉。猶在途中萬里程。
擧僧問。如何是衆山境。山云。猿抱子歸青嶂後。



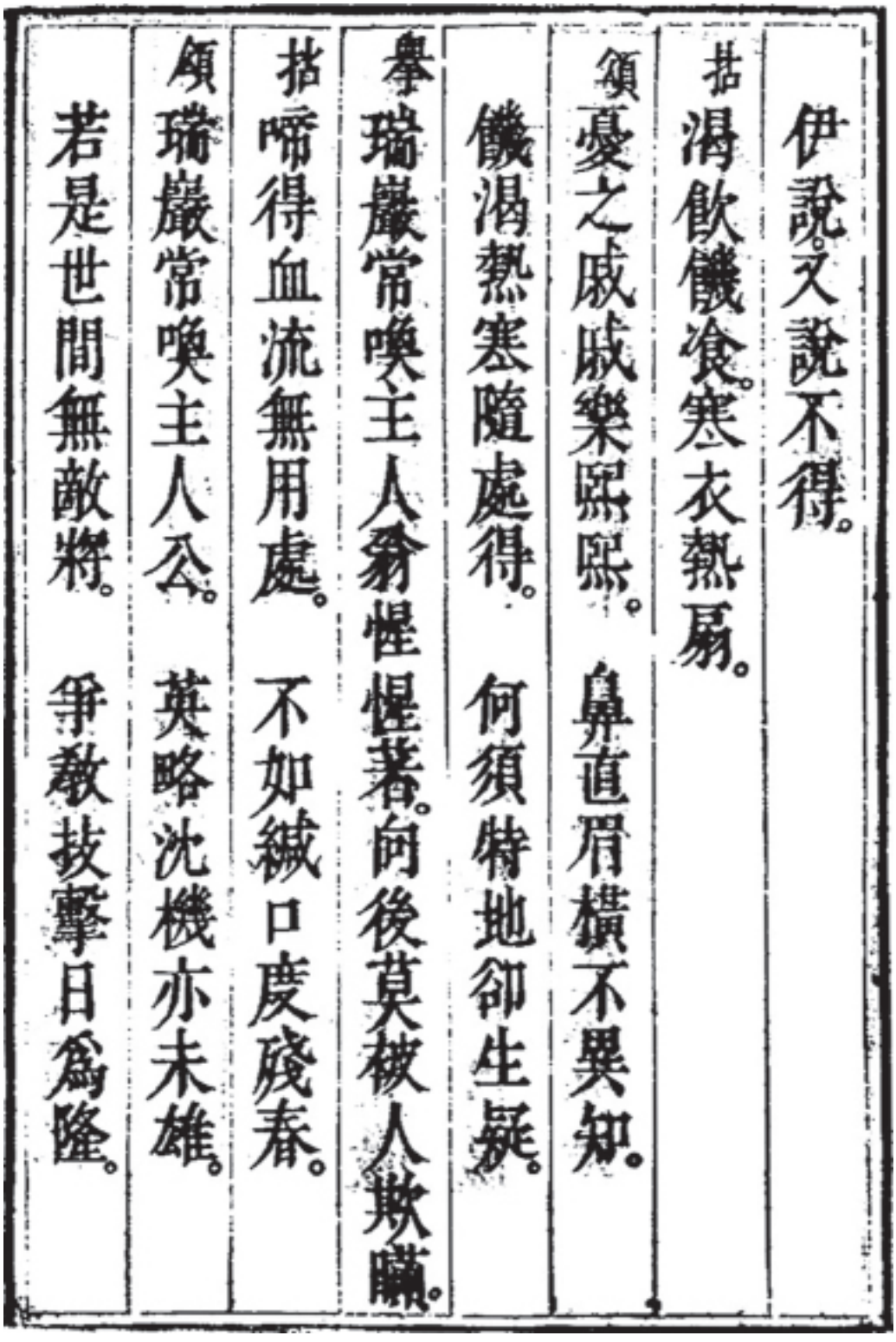
舉三聖云。我逢人卽出。出則不爲人。與化云。我逢人則不出。出則便爲人。

拈一箇盲龜。半雙跛鼈。

頌逢渴之時便飮漿。終朝說食不充腸。兩條利刃休粘密。異日兒童口內傷。

舉南泉見鄧隱峰來。指淨瓶云。淨瓶是境。儞不得動著境。

拈說有向什麼處著。



伊說又說不得。
拈渴飲饑食寒衣熱扇。
頌憂之戚戚樂只只。鼻直眉橫不異知。
饑渴熱寒隨處得。何須特地卻生疑。
擧瑞巖常喚主人翁惺惺著。向後莫被人欺瞞。
拈啼得血流無用處。不如緘口度殘春。
頌瑞巖常喚主人公。英略沈機亦未雄。
若是世間無敵將。爭教拔擊日爲隆。

驢胎馬腹裏去。白雲端和尚云。設使一毫頭
凡聖念盡。亦未免入驢胎馬腹裏去。
拈焚山須虎避。　打草要蛇驚。
須此語都來無志氣。　等閑打草要蛇驚。
若人慣涉長安路。　撒手何須苦問程。
舉玄沙示衆云。諸方老宿盡道接物利生。忽遇
三種病人來。如何接。患盲者。拈槌竪拂。他又
不見。患聾者。語言三昧。他又不聞。患瘂者。欲

拈喚一物還不中。一上恐有作字

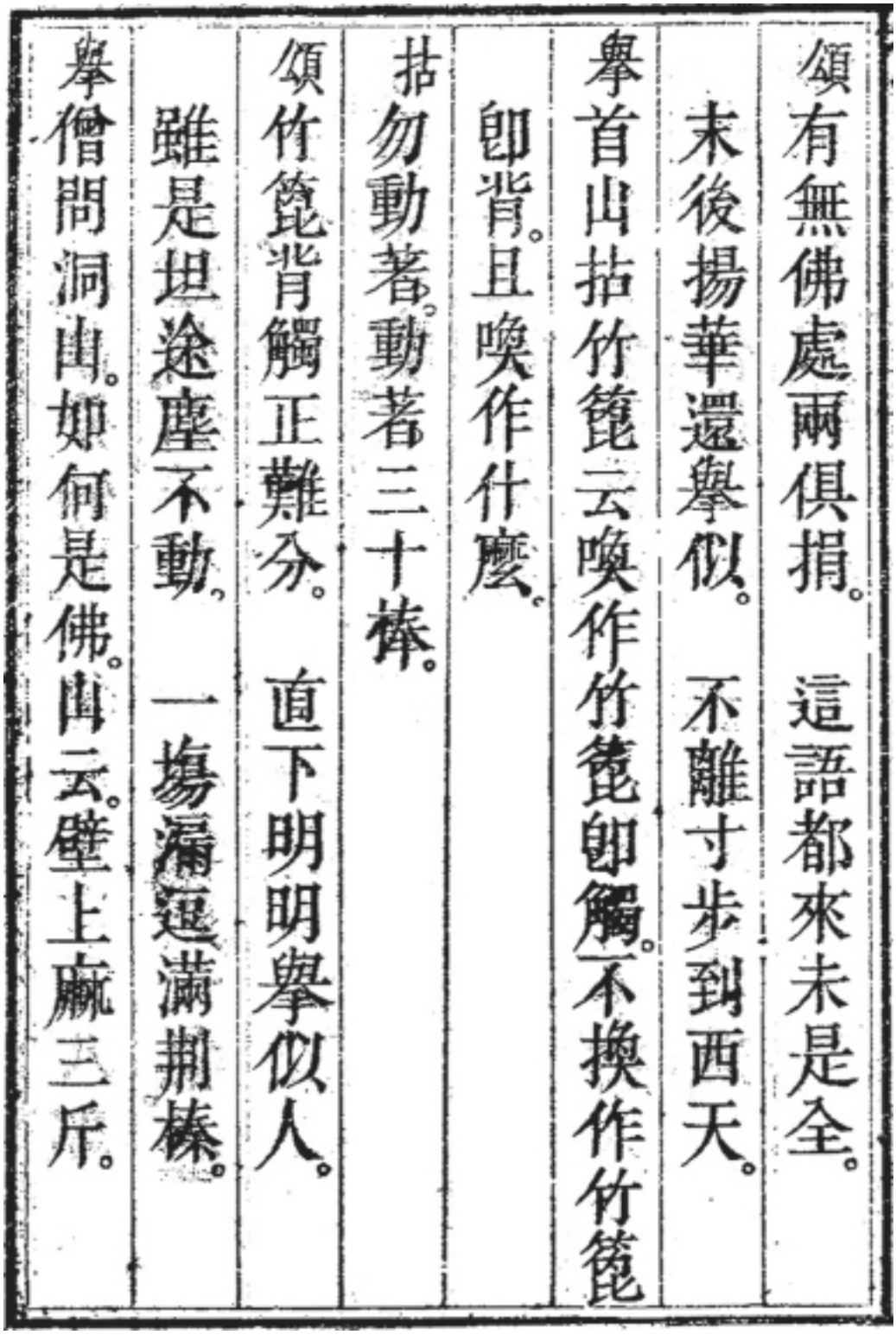
頌問佛如何說報君。洞山壁上數麻斤。
雖然無有風塵涉。也是猶將境示人。

舉僧問蜆子和尚。西來意。蜆云。神前酒臺盤。

拈若非獅子兒。不免逐轉塊。

頌直截根源無處依。目前舉似與君知。
若言祖意神前是。大似呼猪作豬兒。

舉無業國師云。若一毫頭凡聖念未盡。未免入



頌有無佛處兩俱捐。這語都來未是全。
末後揚華還舉似。不離寸步到西天。
舉首山拈竹篦云喚作竹篦卽觸。不喚作竹篦
卽背。且喚作什麼。
拈勿動著。動著三十棒。
頌竹篦背觸正難分。直下明明舉似人。
雖是坦途塵不動。一場漏逗滿荊榛。
舉僧問洞山。如何是佛。山云。壁上廂三斤。

箇中擬議分鉄兩。笑殺東家孟八郎。

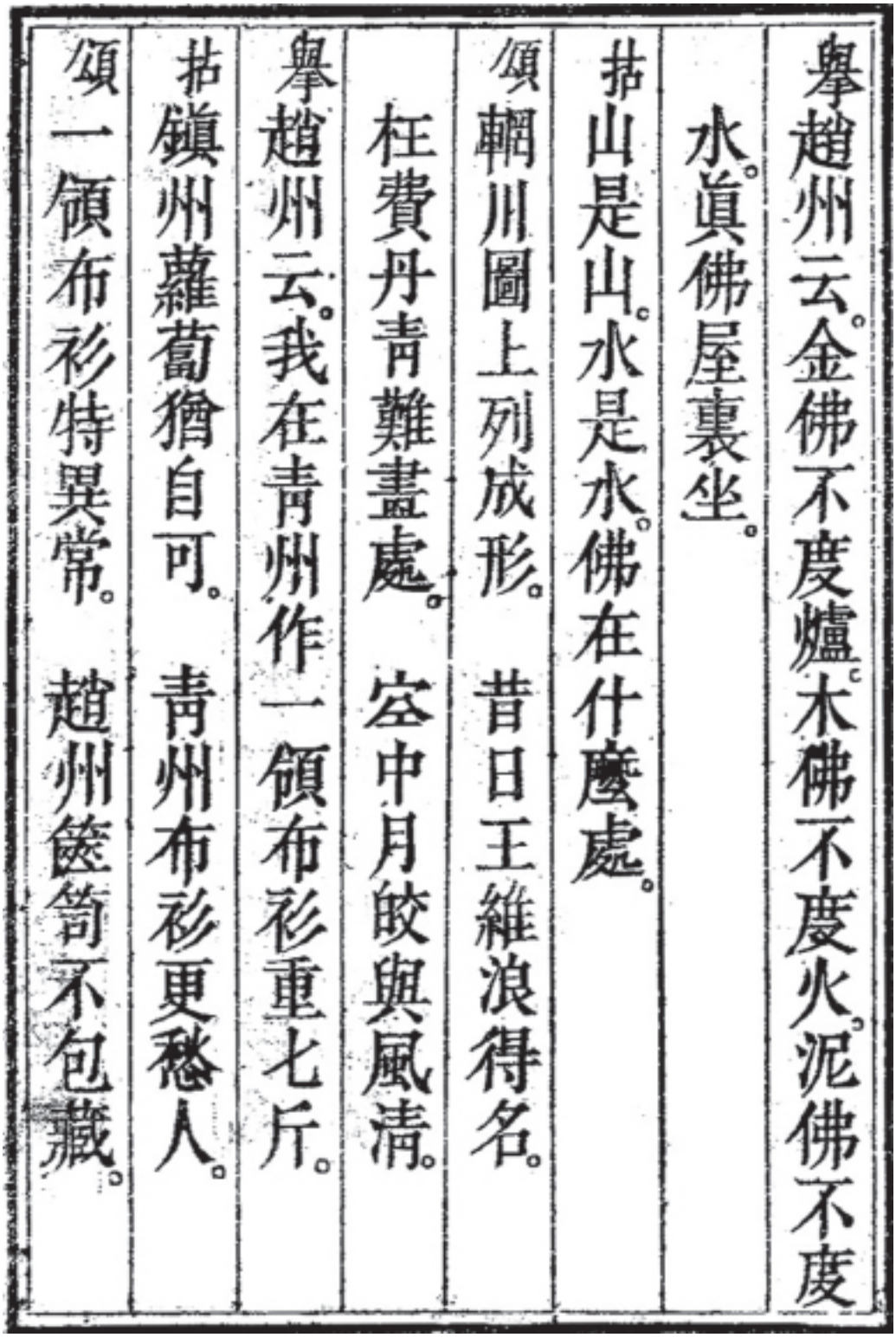
舉僧問趙州。狗子有佛性也無。州云無。又問。州云有。

拈兩采一賽。

頌問著當前對有無。直教言下滅羣胡。
一生自負英靈漢。也是猶爲不丈夫。

舉趙州有佛處不得住。無佛處急走過。

拈水到渠成。棒捶痕現。



舉趙州云。金佛不度爐。木佛不度火。泥佛不度水。眞佛屋裏坐。

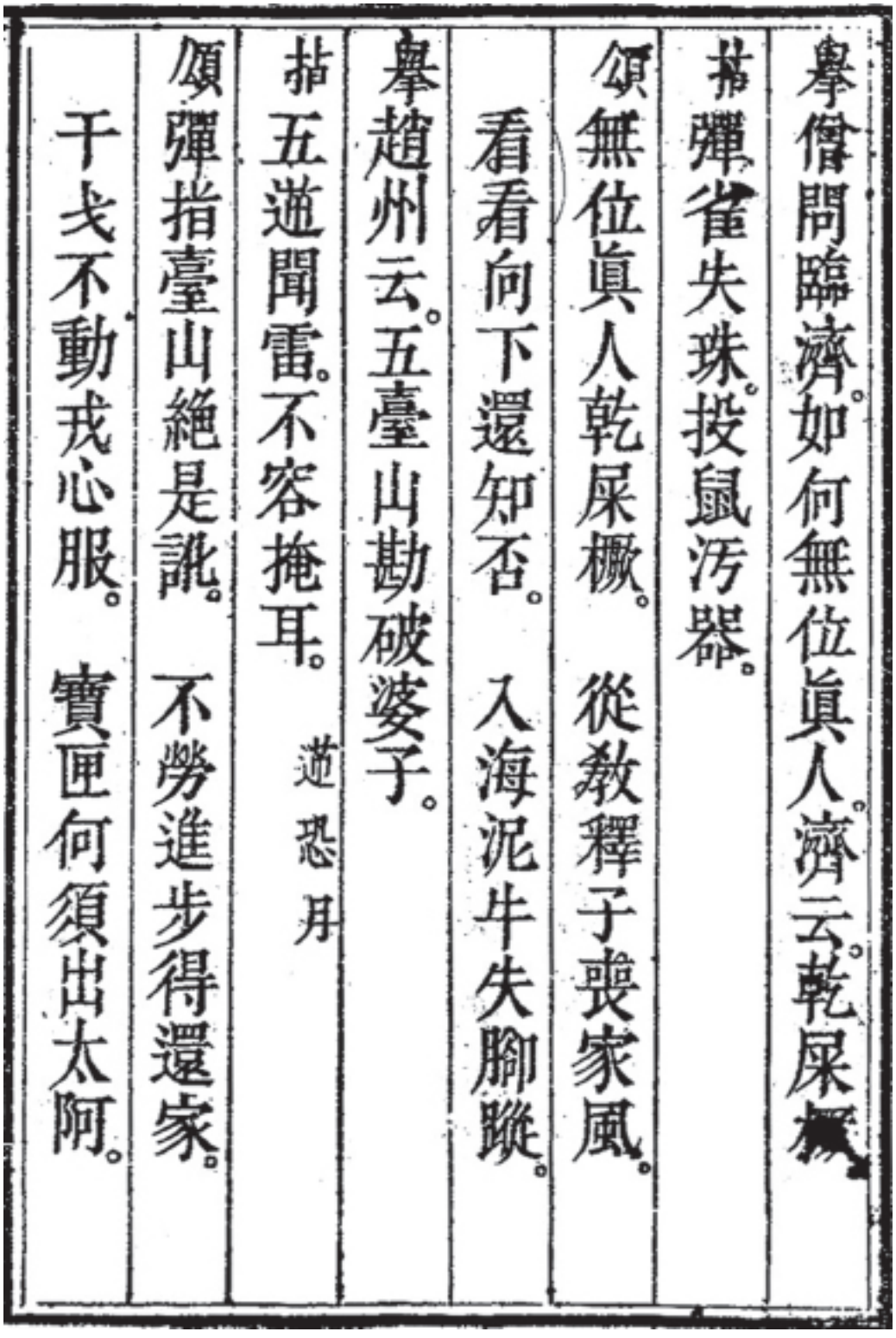
拈山是山。水是水。佛在什麼處。

頌輞川圖上列成形。昔日王維浪得名。
枉費丹青難畫處。空中月皎與風清。

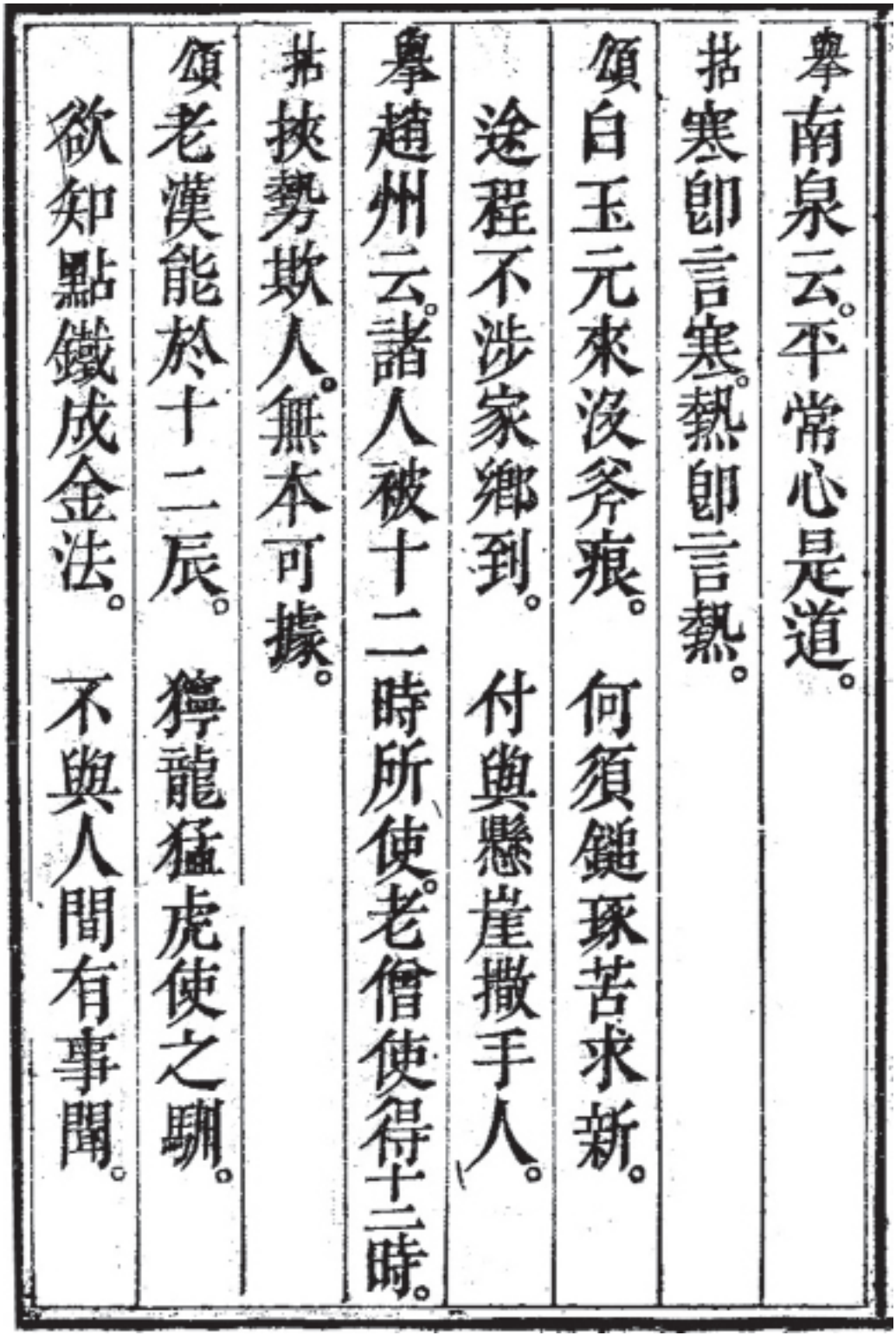
舉趙州云。我在青州作一領布衫重七斤。

拈鎮州蘿蔔猶自可。青州布衫更愁人。

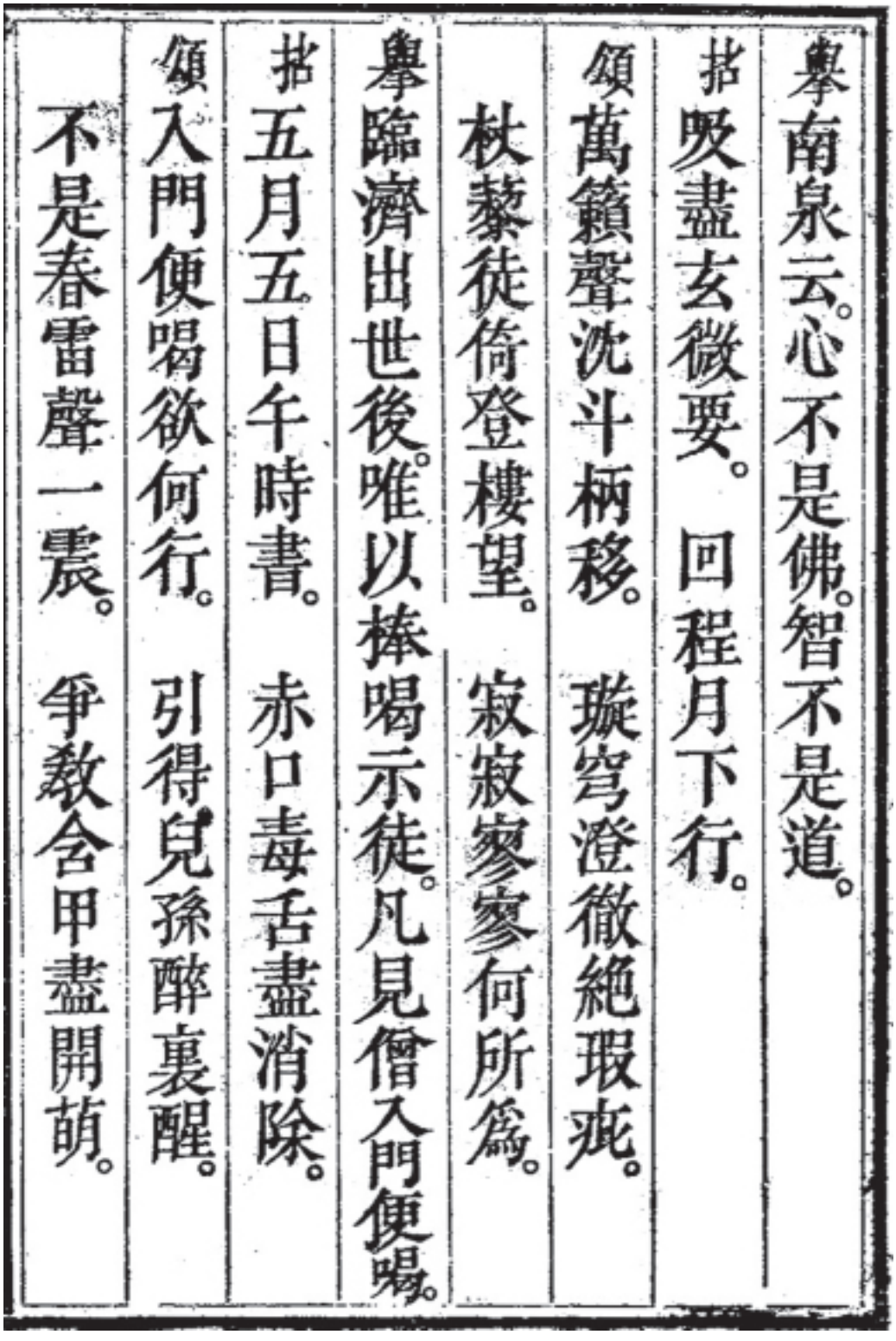
頌一領布衫特異常。趙州篋笥不包藏。



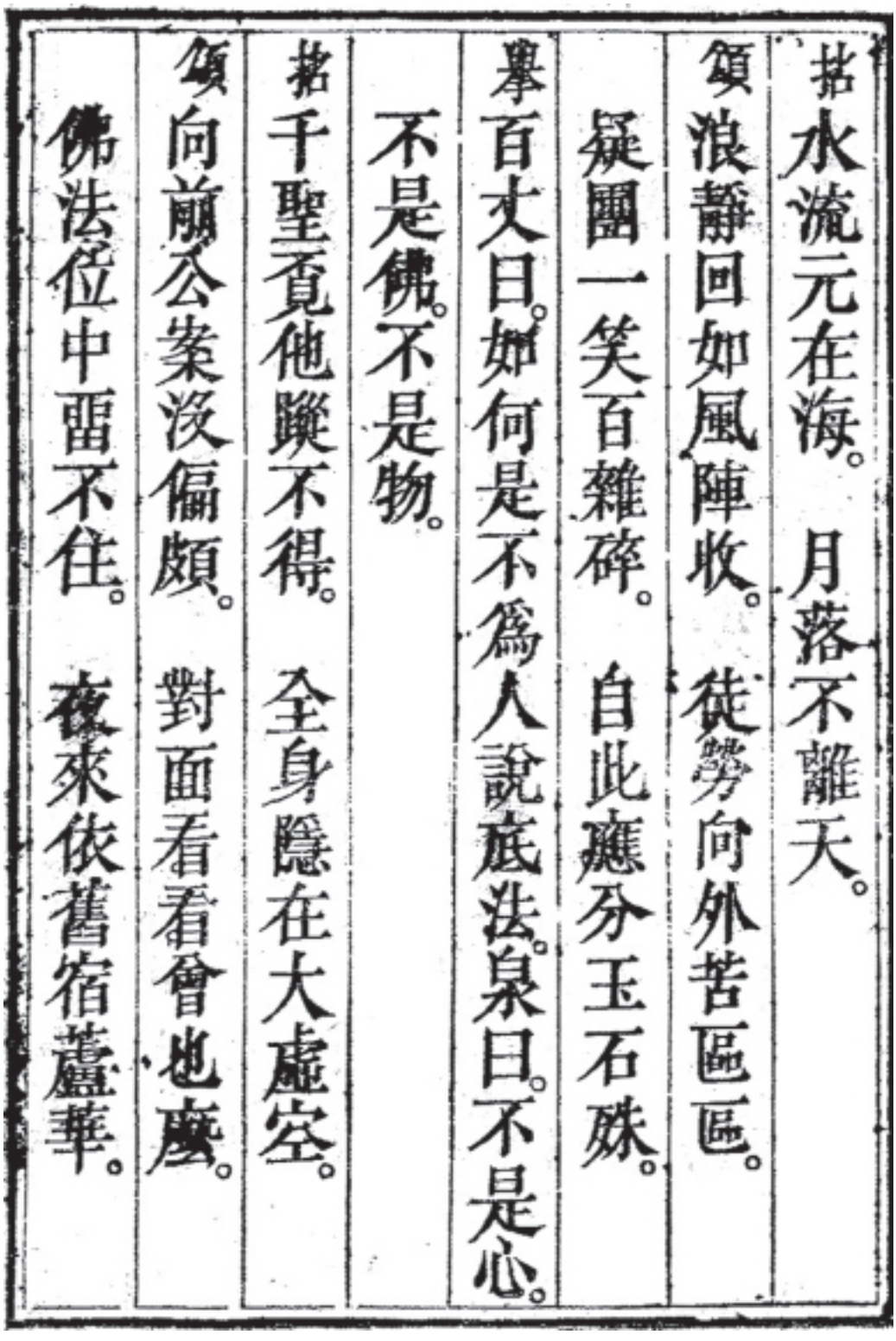
舉僧問臨濟。如何無位眞人。濟云。乾屎橛。
弗彈雀失珠。投鼠汚器。
頌無位眞人乾屎橛。從教釋子喪家風。
看看向下還知否。入海泥牛失腳蹤。
舉趙州云。五臺山勘破婆子。
指五逆聞雷。不容掩耳。 逆恐月
頌彈指臺山絶是訛。不勞進步得還家。
干戈不動戎心服。寶匣何須出太阿。



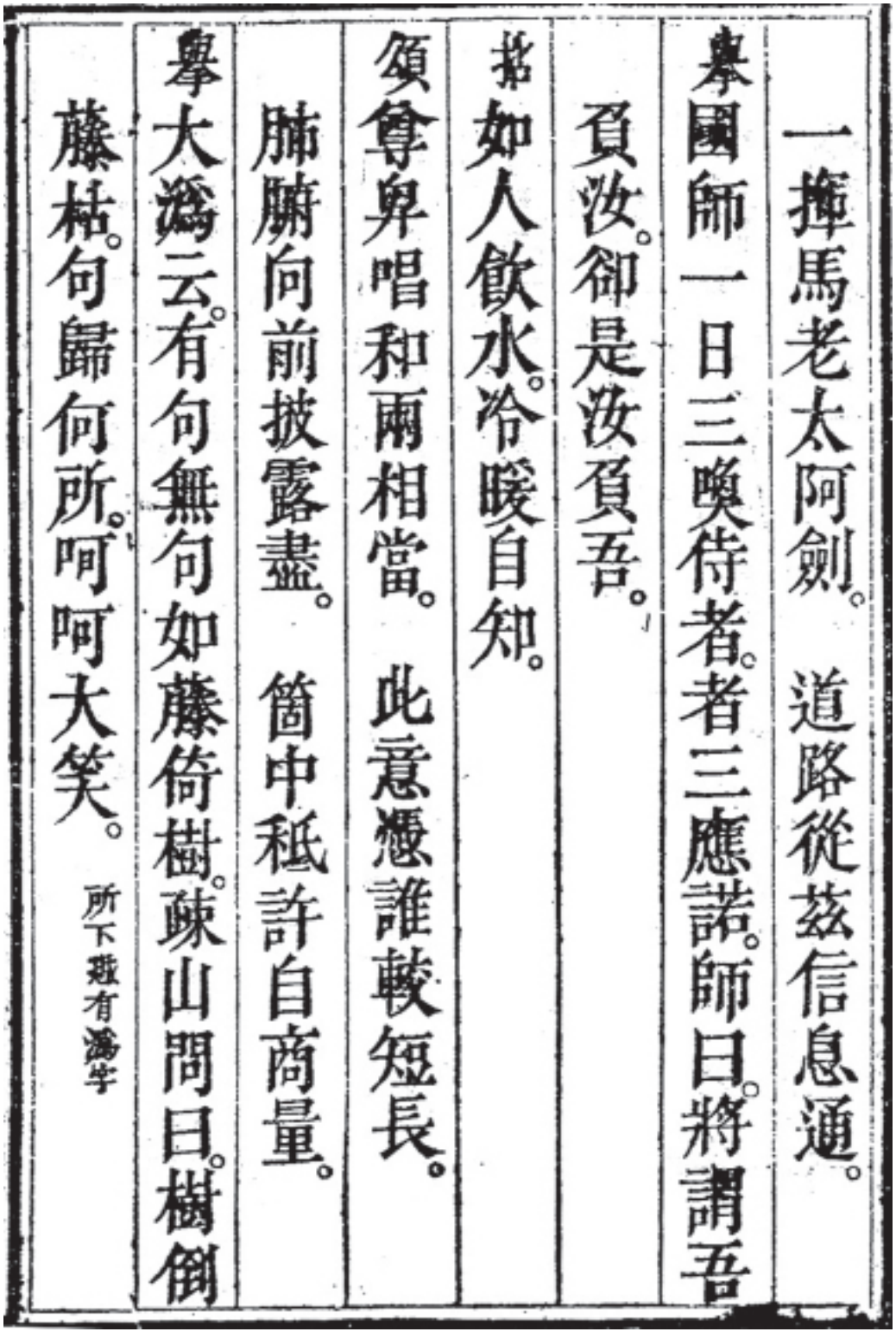
擧南泉云。平常心是道。
拈寒卽言寒。熱卽言熱。
頌白玉元來沒斧痕。何須鏈琢苦求新。
途程不涉家鄉到。付與懸崖撒手人。
擧趙州云。諸人被十二時所使。老僧使得十二時。
拈挾勢欺人。無本可據。
頌老漢能於十二辰。獰龍猛虎使之馴。
欲知點鐵成金法。不與人間有事聞。



擧南泉云。心不是佛。智不是道。
拈吸盡玄微要。回程月下行。
頌萬籟聲沈斗柄移。璇穹澄徹絶瑕疵。
杖藜徒倚登樓望。寂寂寥寥何所爲。
擧臨濟出世後。唯以棒喝示徒。凡見僧入門便喝。
拈五月五日午時書。赤口毒舌盡消除。
頌入門便喝欲何行。引得兒孫醉裏醒。
不是春雷聲一震。爭教含甲盡開萌。



拈水流元在海。月落不離天。
頌浪靜回如風陣收。從勢向外苦區區。
疑團一笑百雜碎。自此應分玉石殊。
舉百丈曰。如何是不爲人說底法。泉曰。不是心。
不是佛。不是物。
拈千聖覓他蹤不得。全身隱在大虛空。
頌向前公案沒偏頗。對面看看會也麼。
佛法位中留不住。夜來依舊宿蘆華。



一揮馬老太阿劍。道路從茲信息通。

擧國師一日三喚侍者。者三應諾。師曰。將謂吾負汝。卻是汝負吾。

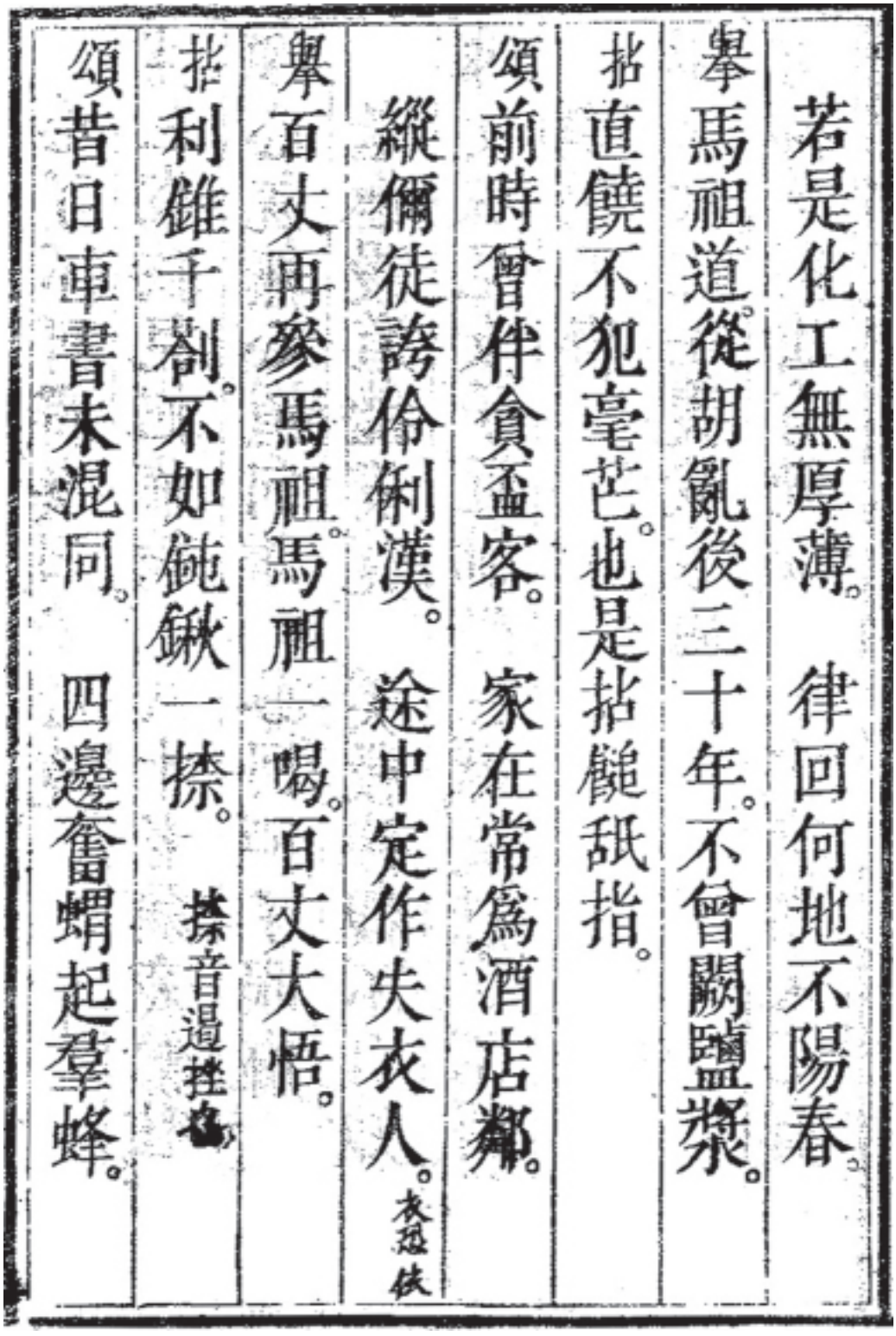
拈如人飲水。冷暖自知。

頌曾舉唱和兩相當。此意憑誰較短長。

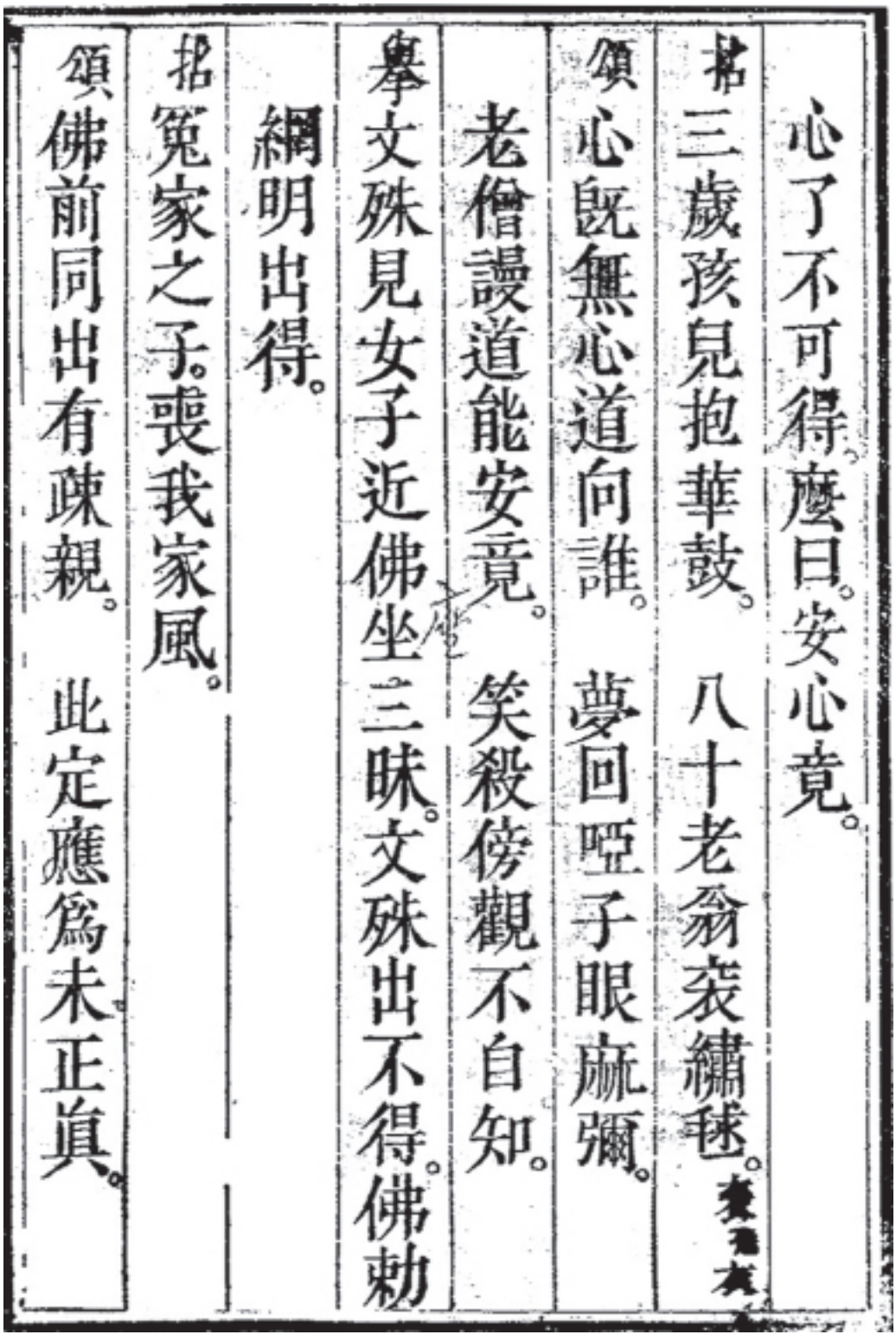
肺腑向前披露盡。箇中秖許自商量。

擧大潙云。有句無句如藤倚樹。疎山問曰。樹倒藤枯。句歸何所。呵呵大笑。

所下疑有潙字

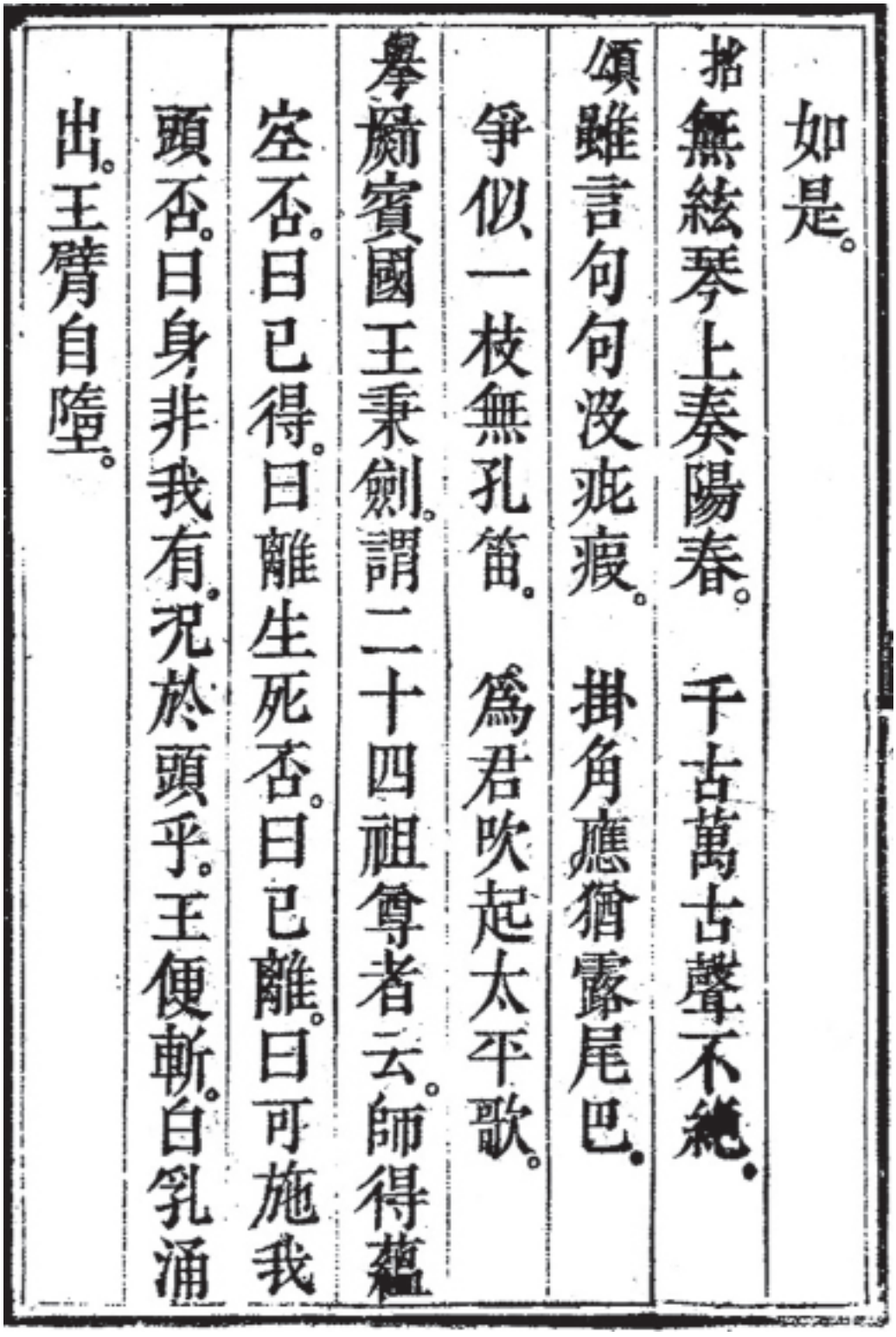


若是化工無厚薄。律回何地不陽春。
舉馬祖道從胡亂後三十年。不曾闕鹽漿。
拈直饒不犯毫芒。也是拈鼈甜指。
頌前時曾伴貪孟客。家在常爲酒店鄰。
縱儞徒誇伶俐漢。途中定作失衣人。衣恐依
舉百丈再參馬祖。馬祖一喝。百丈大悟。
拈利雖千劄。不如鈍鍬一揂。揂音遏挫也
頌昔日車書未混同。四邊奮蠭起羣蜂。

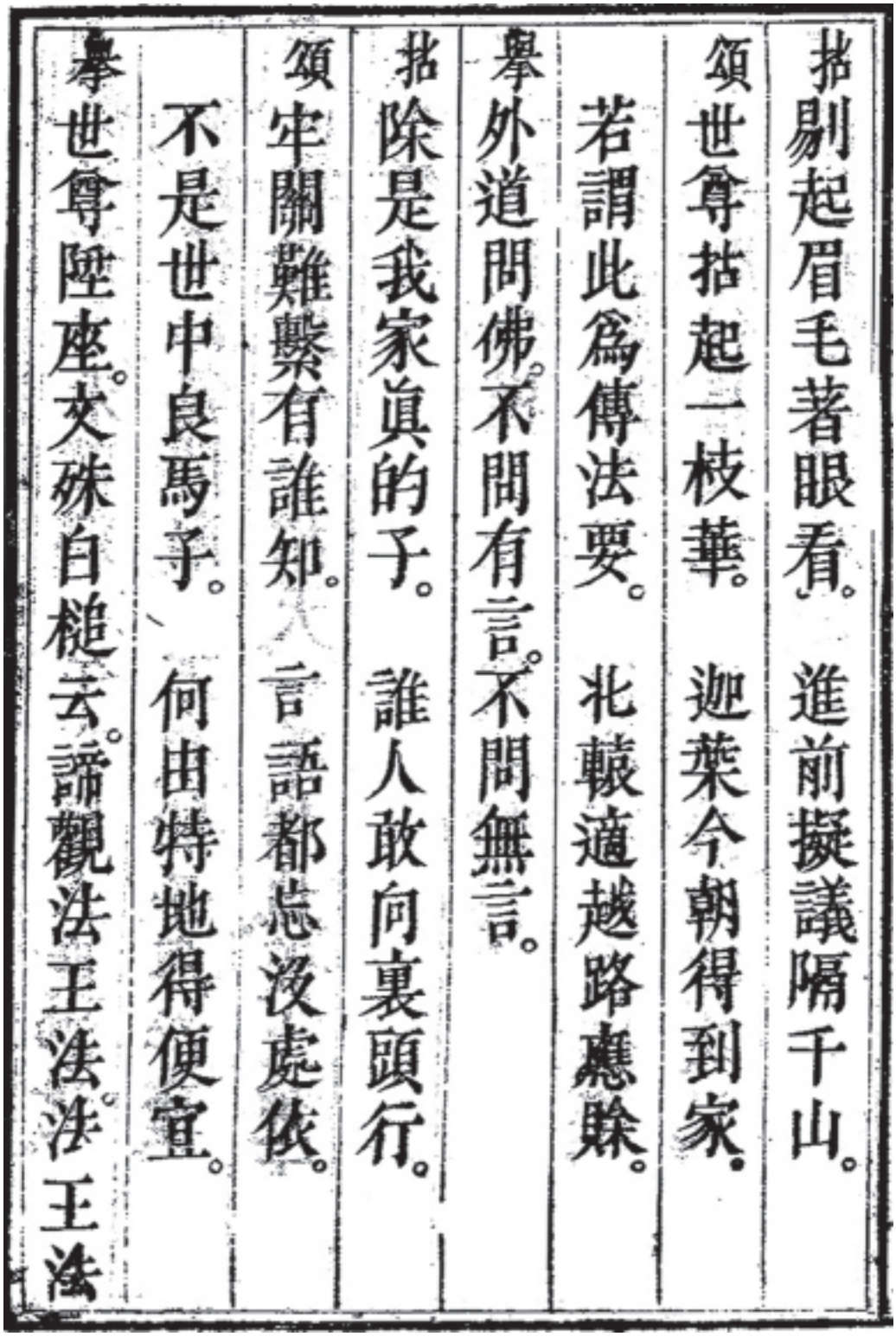


心了不可得。應曰。安心竟。
帖三歲孩兒抱華鼓。八十老翁衮繡毬。
頌心既無心道向誰。夢回啞子眼麻彌。
老僧謾道能安竟。笑殺傍觀不自知。
舉文殊見女子近佛坐三昧。文殊出不得。佛勅
網明出得。
拈冤家之子。喪我家風。
頌佛前同出有疎親。此定應爲未正眞。

拈將頭臨白刃。猶如斬春風。
頌利刀斷水火吹光。　那事應知也不妨。
報道今朝遠煙浪。　誰知別有好思量。
舉達磨大師至洛陽少林。九年面壁而坐。
拈著眼看休瞌睡。
頌鵬搏一奮到南溟。　接踵徒勞萬里程。
昨夜秖貪筵上樂。　今朝不覺醉難醒。
舉二祖乞達磨安心。磨曰。將心來與汝安。曰覓



如是。
拈無絃琴上奏陽春。千古萬古聲不絕。
頌雖言句句沒疵瘕。掛角應猶露尾巴。
爭似一枝無孔笛。爲君吹起太平歌。
擧嗣賓國王秉劍。謂二十四祖尊者云。師得蘊
空否。曰已得。曰離生死否。曰已離。曰可施我
頭否。曰身非我有。況於頭乎。王便斬。白乳涌
出。王臂自墮。



拂剔起眉毛著眼看。進前擬議隔千山。
頌世尊拈起一枝華。迦葉今朝得到家。
若謂此爲傳法要。北轅適越路應賒。
擧外道問佛。不問有言。不問無言。
拈除是我家眞的子。誰人敢向裏頭行。
頌牢關難繫有誰知。言語都忘沒處依。
不是世中良馬子。何由特地得便宜。
擧世尊陞座。文殊白槌云。諦觀法王法。法王法



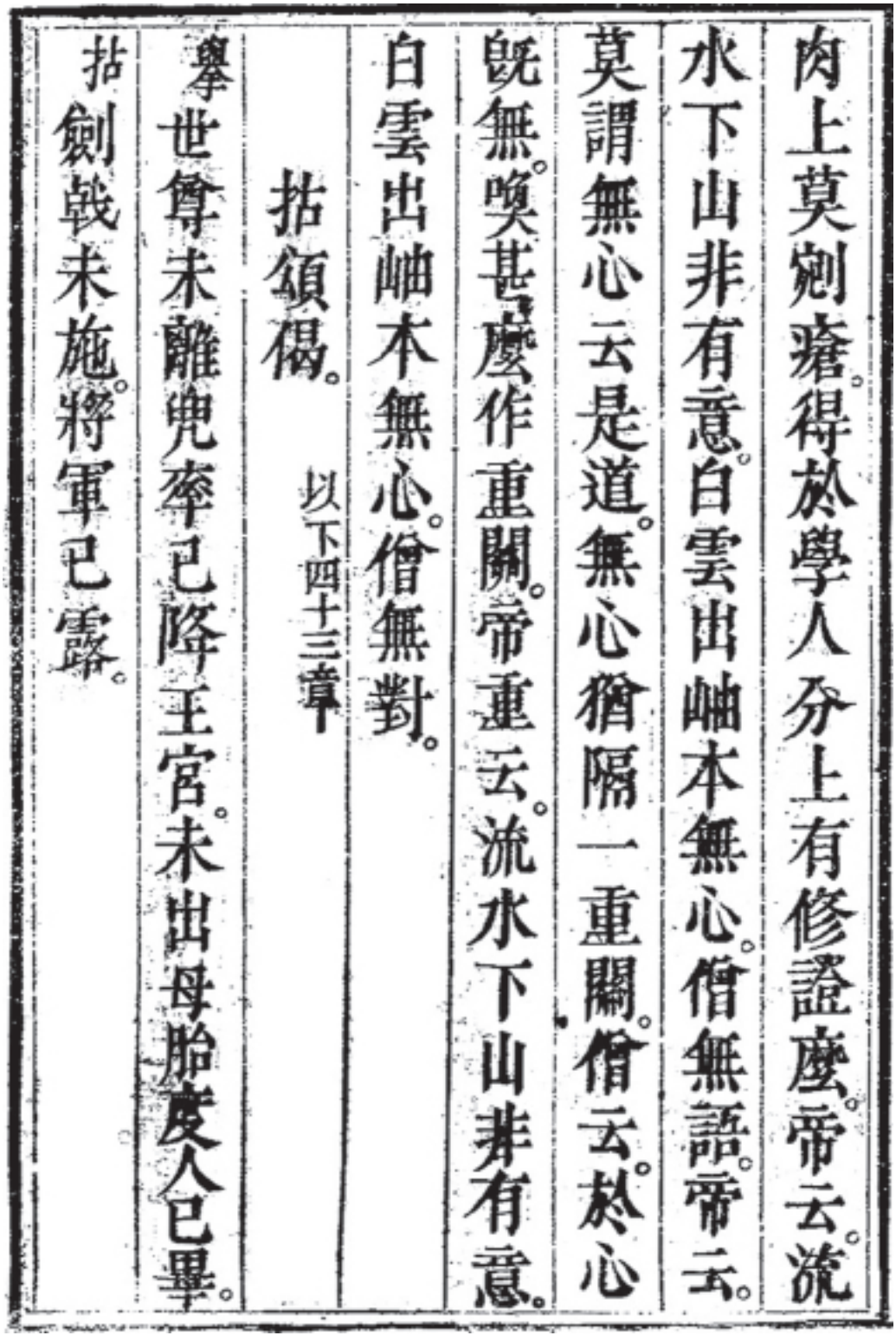
頌沒形孩子未離鄉。午夜將人度渺茫。
高蹈優游無間隔。不須船子與浮囊。

舉世尊初生一手指天。一手指地。天上地下唯
我獨尊。

拈一片白雲橫谷口。幾多歸鳥盡迷巢。

頌達多初降淨王宮。欲化羣生自顯騫。
七步周行指天地。幾多佛子喪家風。

舉世尊拈華。迦葉破顏微笑。



肉上莫剜瘡。得於學人分上有修證麼。帝云。流水下山非有意。白雲出岫本無心。僧無語。帝云。莫謂無心云是道。無心猶隔一重關。僧云。於心既無。喚甚麼作重關。帝重云。流水下山非有意。白雲出岫本無心。僧無對。

拈頌偈。 以下四十三章

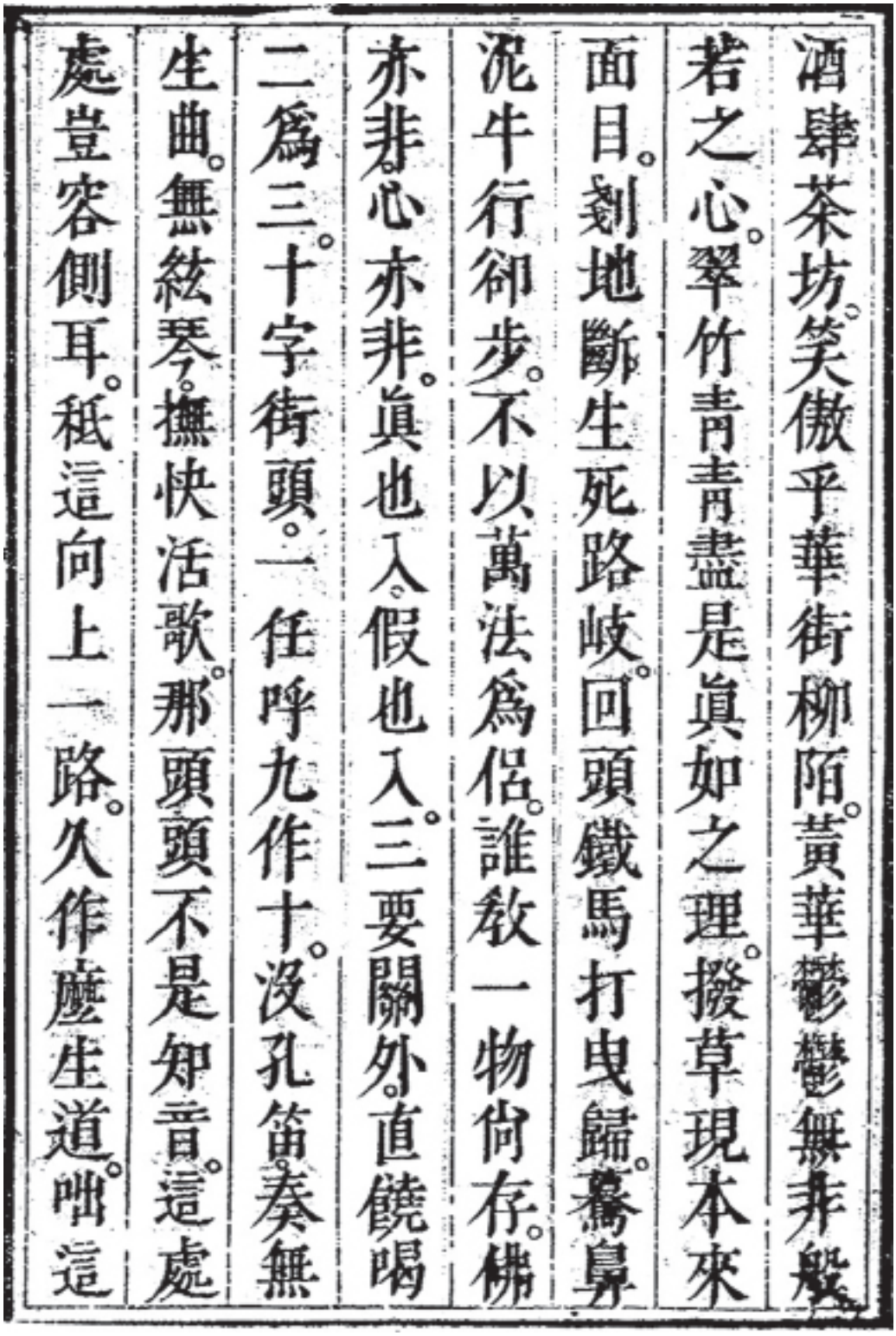
舉世尊未離兜率已降王宮。未出母胎度人已畢。拈劍戟未施將軍已露。

出蒙開示。已離已出事若何。帝云。雲生嶽頂都盧白。水到瀟湘一樣清。僧云。霽來山色晴。雲去洞中明。爲甚麼隱顯一如。帝云。除是我家眞的子。誰人敢向裡頭行。僧云。古今無異路。達者共同途。陛下將謂得道獨世尊麼。帝云。春雨無高下。華枝有短長。僧問人人本自人人具。箇箇元來箇箇圓。爲甚麼世尊入山修道。帝云。劍爲不平開寶匣。藥因療病出金瓶。僧云。眼中休著屑。

火不曾燒卻口。諦聽諦聽。若也聽得底話。必得三日耳聾。若聽不得。直須走過。還委麼。處處綠楊堪繫馬。家家有路到長安。回程月下人稀到。一道蟾光大地寒。

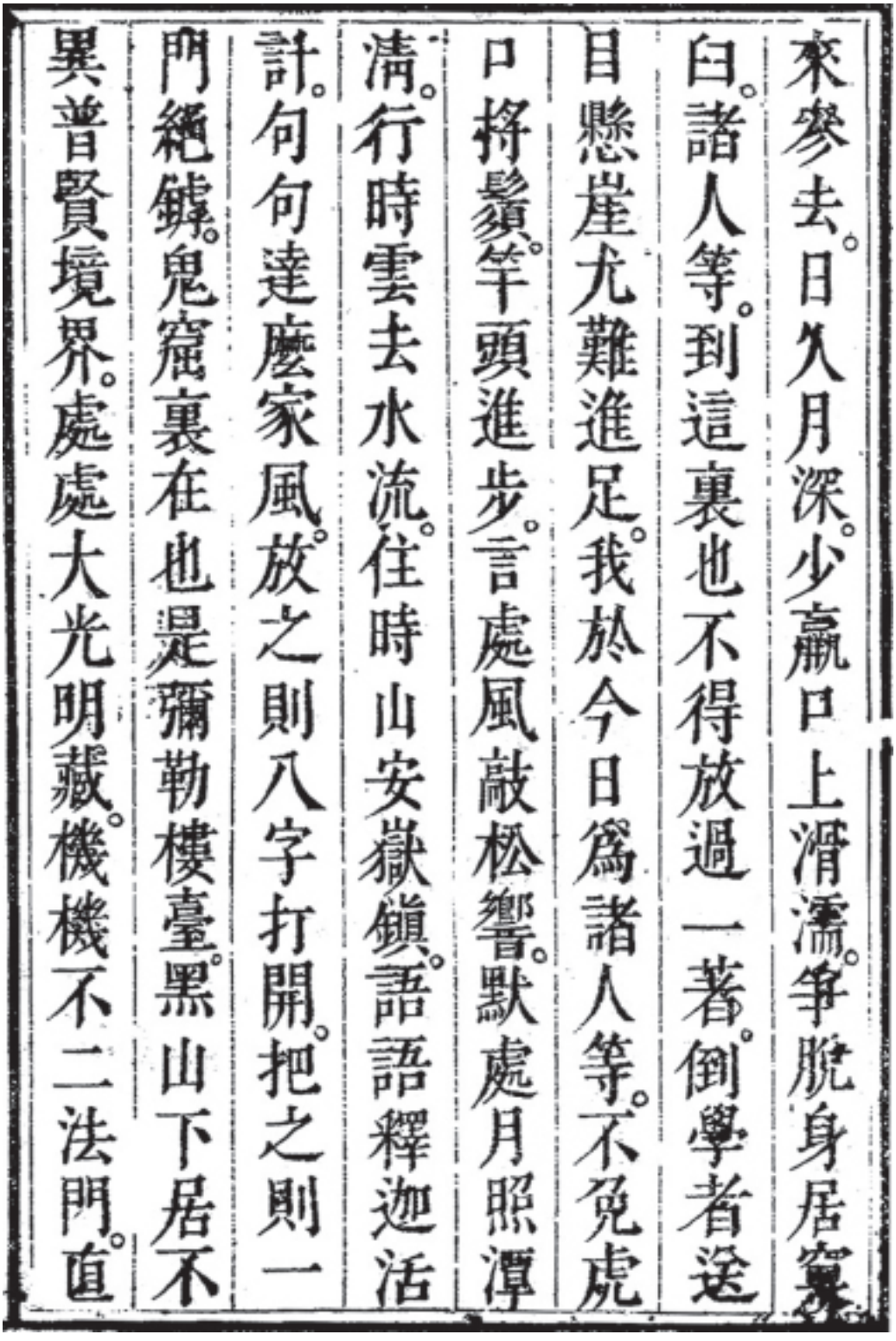
語錄問答門下。

一日帝遊眞教寺。宋德成進云。世尊未離兜率已降王宮。未出母胎度人已畢。時如何。帝云。千江有水千江月。萬里無雲萬里天。僧云。未離未



酒肆茶坊。笑傲乎華街柳陌。黃華鬱鬱無非般若之心。翠竹青青盡是眞如之理。撥草現本來面目。剗地斷生死路岐。回頭鐵馬打曳歸。驀鼻泥牛行卻步。不以萬法爲侶。誰敎一物尙存。佛亦非心亦非。眞也入。假也入。三要關外直饒喝二爲三。十字街頭。一任呼九作十。沒孔笛奏無生曲。無絃琴撫快活歌。那頭頭不是知音。這處處豈容側耳。秖這向上一路。久作塵生道。咄這

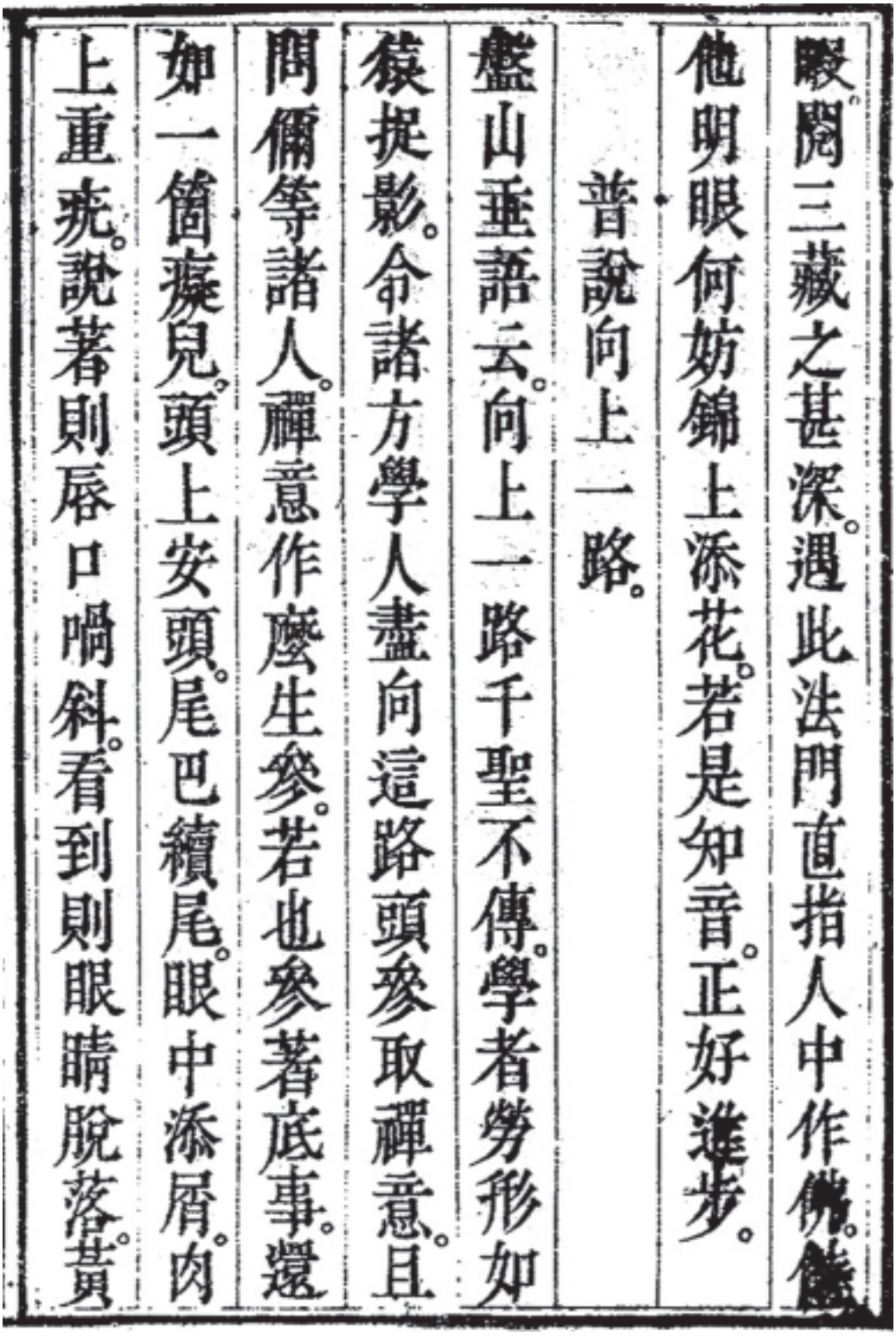
饒暗去明來。管甚雲遮月蔽。明珠在掌青暎青黃暎黃。古鏡當臺胡現胡漢現漢。豈關幻體盡舊觀是法身。不勞頂上放光。本具六通神用。擺倒魔王宮殿。關開外道心肝。變大地作國界黃金。攬長河爲人天酥酪。鼻孔裏法輪常轉。眉毛下寶刹現前。波問石女舞婆娑吹笛木人歌款待。或逢場作戲。或得處寬懷。或垂手搜牽。或回頭山野。懶惰時眠雲枕石。適興時詠月嘲風。優遊乎



來參去。日久月深。少嬴口上滑濡。爭脫身居窠
臼。諸人等。到這裏也不得放過一著。倒學者送
目懸崖尤難進足。我於今日爲諸人等。不免虎
口拔鬚。竿頭進步。言處風敲松響。默處月照潭
清。行時雲去水流。住時山安嶽鎮。語語釋迦活
計。句句達磨家風。放之則八字打開。把之則一
門絕鏈。鬼窟裏在也是彌勒樓臺。黑山下居不
異普賢境界。處處大光明藏。機機不二法門。直



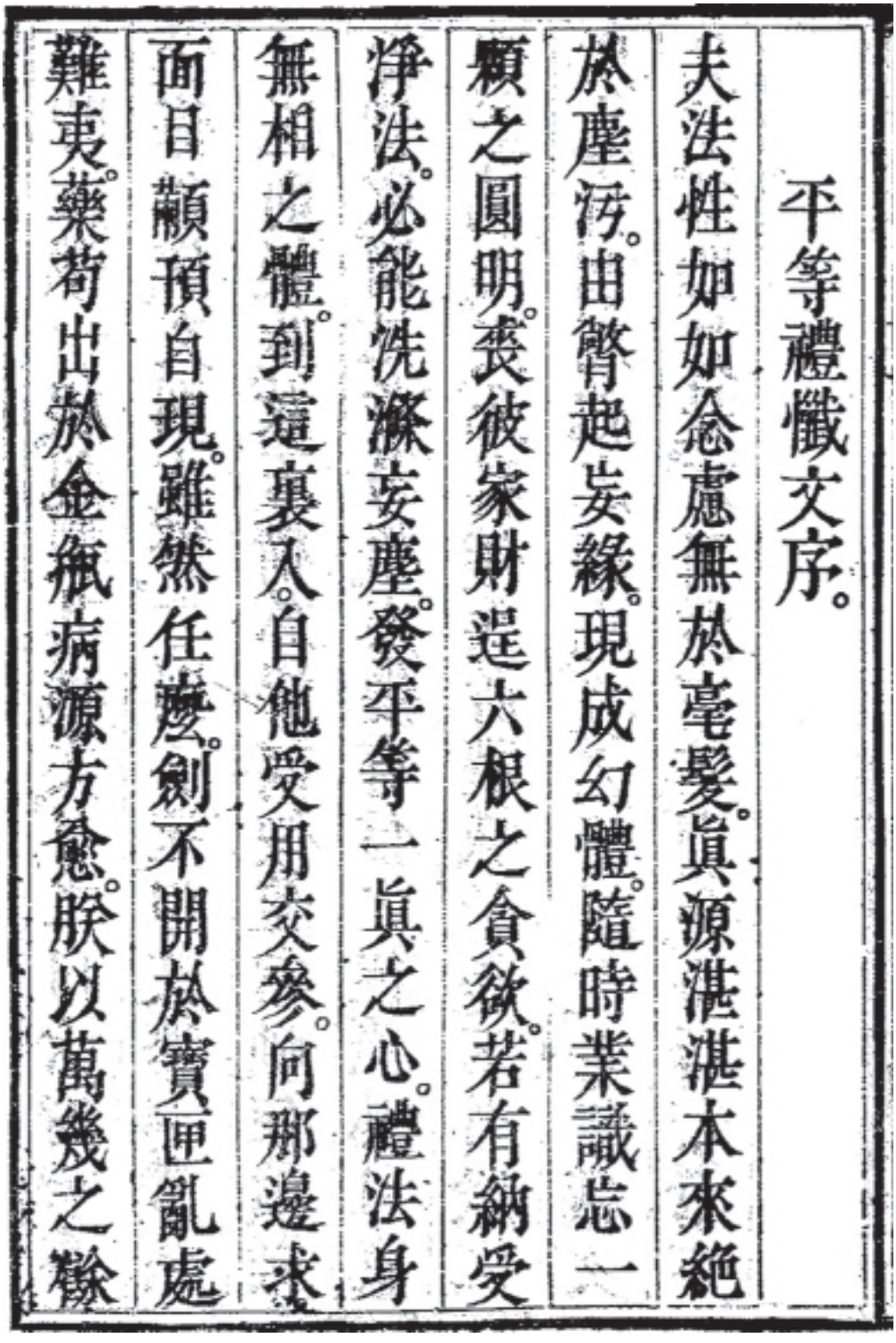
面老子瞥目傍觀。碧眼胡僧攢眉側立。馬祖掛拂。首山藏篦。趙州裂破布衫。雲門捐卻餬餅。德山棄棒。臨濟呑聲。佛佛祖祖盡潛蹤。箇箇人人俱喪膽。錐不能入。針沒處容。銅頭進也無由。鐵額衝之不過。石火追而莫及。電光逐亦猶遲。靜悟入沈醉之鄉。動迷蹈生死之路。縱使靈山付囑。都來漏逗之場。少室單傳。也是葛藤之窟。饒爾機揚掣電。喝下應機。語窮懸河。話頭薦得。參



瞎閙三藏之甚深。遇此法門直指人中作佛。能
他明眼何妨錦上添花。若是知音。正好進步。

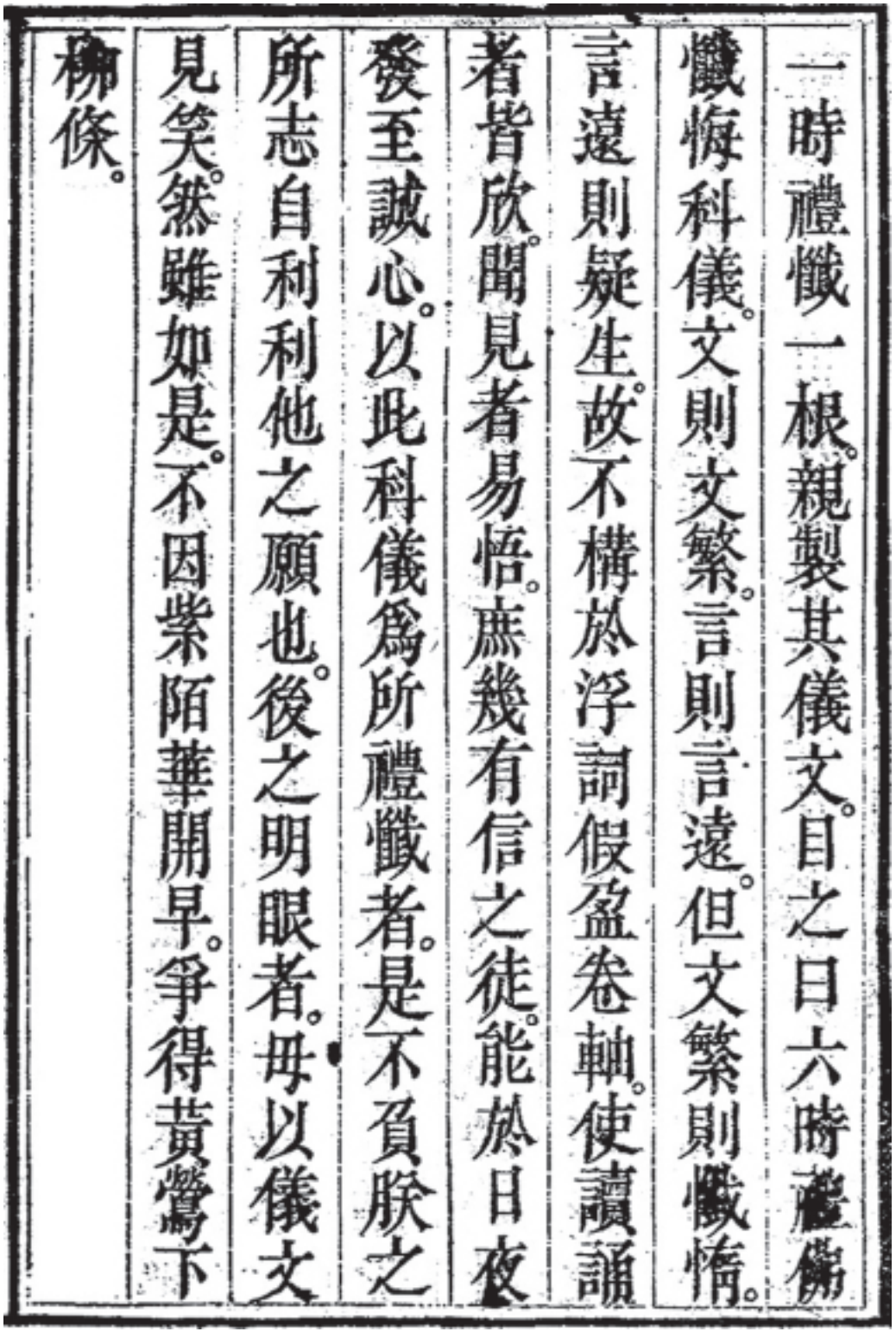
普說向上一路。

盤山垂語云。向上一路千聖不傳。學者勞形如
猿捉影。令諸方學人盡向這路頭參取禪意。且
問僧等諸人。禪意作麼生參。若也參著底事。還
如一箇癡兒。頭上安頭。尾巴續尾。眼中添屑。肉
上重疣。說著則唇口喎斜。看到則眼睛脫落。黃



平等禮懺文序。

夫法性如如。念慮無於毫髮。眞源湛湛。本來絕於塵汚。由瞥起妄緣。現成幻體。隨時業識。忘一顆之圓明。喪彼家財。逞六根之貪欲。若有納受淨法。必能洗滌妄塵。發平等一眞之心。禮法身無相之體。到這裏入。自他受用交參。向那邊求。面目顢頇自現。雖然任麼。劍不開於寶匣。亂處難夷。藥苟出於金瓶。病源方愈。朕以萬幾之餘



一時禮懺一根。親製其儀文。目之曰六時禮懺悔科儀。文則文繁。言則言遠。但文繁則懺悔言遠則疑生。故不構於浮詞假盈卷軸。使讀誦者皆欣聞見者易悟。庶幾有信之徒。能於日夜發至誠心。以此科儀爲所禮懺者。是不負朕之所志自利利他之願也。後之明眼者。毋以儀文見笑。然雖如是。不因紫陌華開早。爭得黃鶯下柳條。



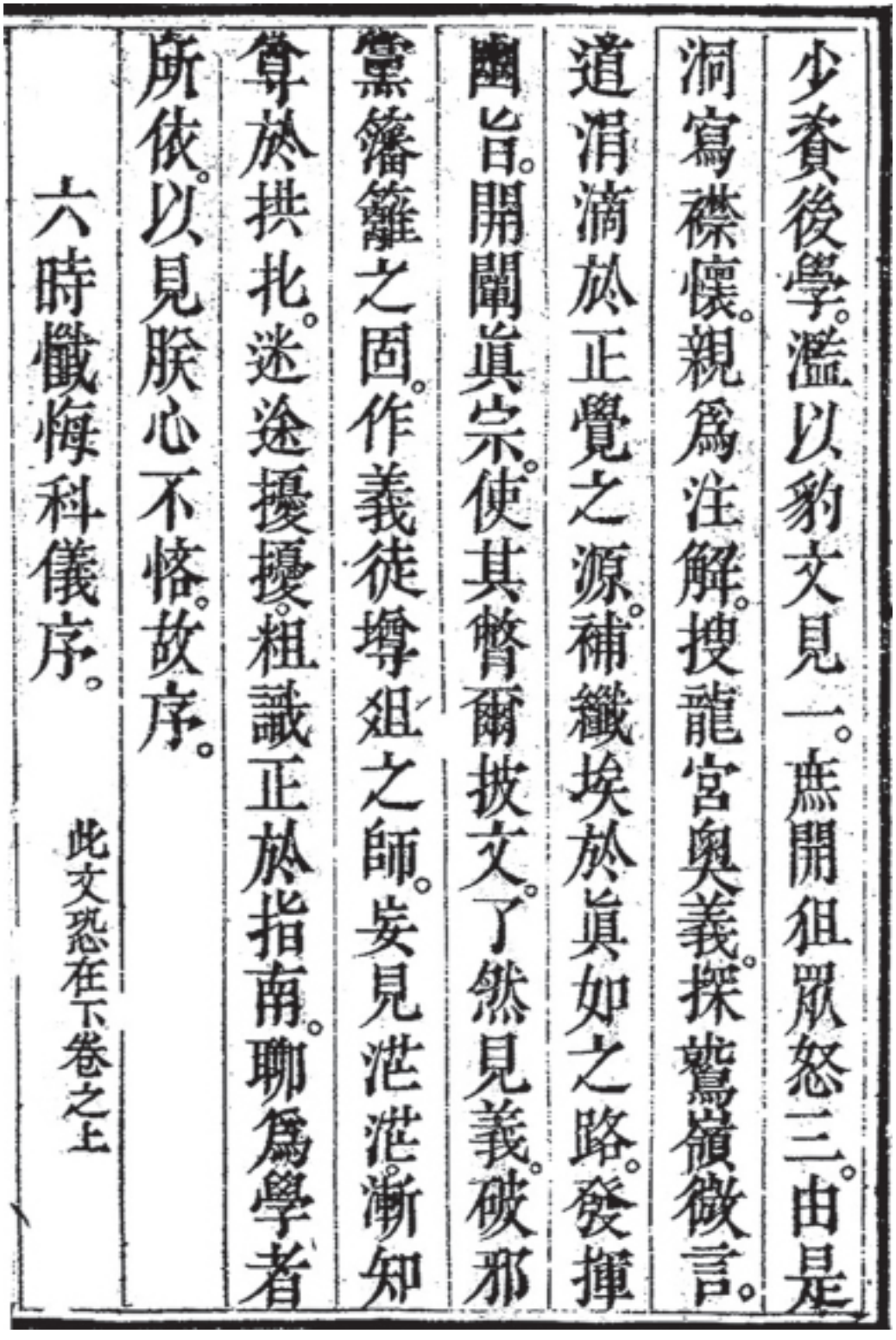
樹。又況世序澆漓。人法衰末。學者頑瞽。嬴薄善根。日則根塵紛觸業網拘牽。夜則睡蓋蔽覆懶結纏縛。日夜攀緣。莫非構嗣招釁之咎。朕以是事。載之于懷。悲感集交。餐寢忘廢。以聽政之餘暇。徧閱經論及諸儀文。撰集自利利他之法。以示於人。尋而思之。念之。積有業者。盡是六根所造。是以釋迦文佛未成道時。先入雪山六年苦行。蓋爲六根故也。開放其意。以六根分爲六時。



智岐分。示之一門。難以悟入。故我佛弘大智願。開方便門。隨路指歸。應病與藥。知其眾生幻垢從妄而生。勸令一念精虔歸依禮懺。使身心清淨。灑祼依前。風息波澄。垢除鏡徹。何者前心惡作如覆月雲。後心善生如消暗炬。噫禮懺之用爲大。豈其然乎。朕荷上天之眷。享至尊之位。民事艱難。國政繁夥。紛華誘於外。嗜欲蠱於內。口厭滋味。身掛金珠。視聽役於色聲。居處安於臺



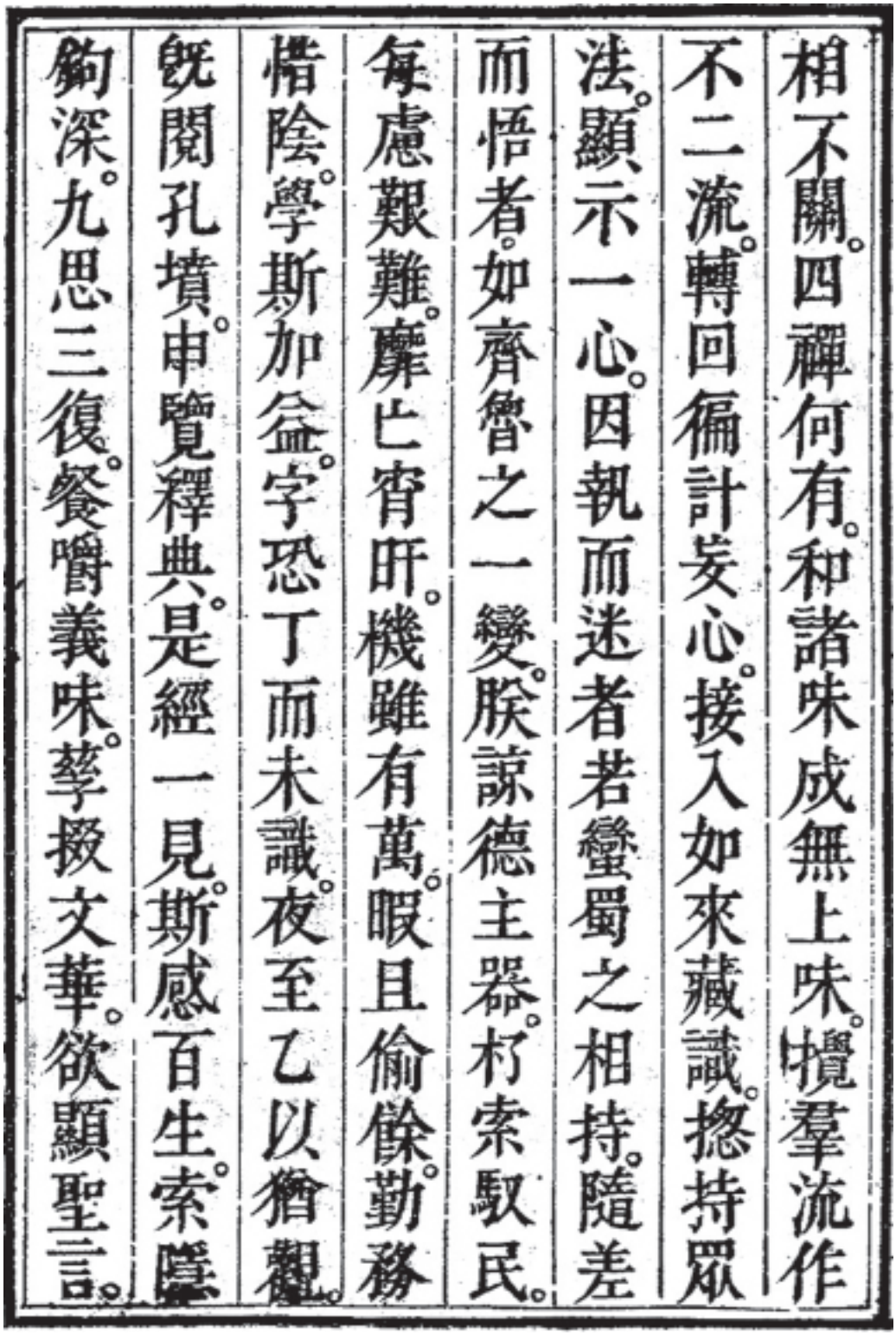
利川陸之來往者舟車也。滌身心之塵垢者禮懺也。欲滌身心而不以禮懺。則何異於欲利來往而不以舟車者乎。是知禮懺其用大矣。故大集經云。如百年垢衣。可於一日滌令鮮淨。如是百千劫中所集諸不善業。以佛力故。善順思惟。可於一日一時盡能消滅也。且夫眾生於本來覺性清淨圓明。湛若太虛一塵不立。由妄泡脊起穢土現成。能所兩依。佛我雙計。性根枝別。愚



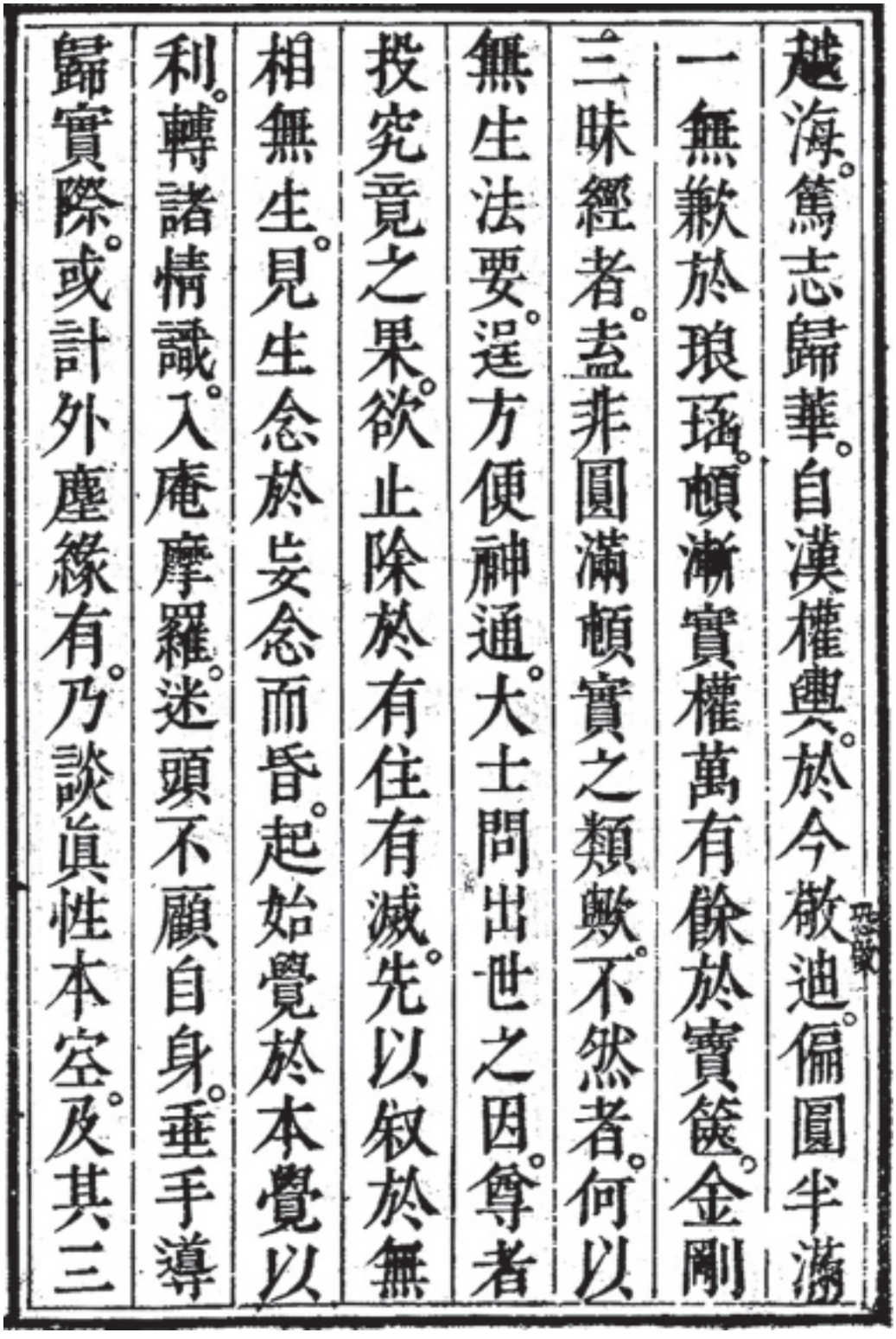
少資後學。濫以豹文見一。庶開徂眾怒三。由是洞寫襟懷。親爲注解。搜龍宮奧義。探鷲嶺微言。道涓滴於正覺之源。補纖埃於眞如之路。發揮幽旨。開闡眞宗。使其瞥爾披文。了然見義。破邪黨籓籬之固。作義徒導俎之師。妄見涔涔漸知尊於拱北。迷途擾擾。粗識正於指南。聊爲學者所依。以見朕心不悕。故序。

六時懺悔科儀序。

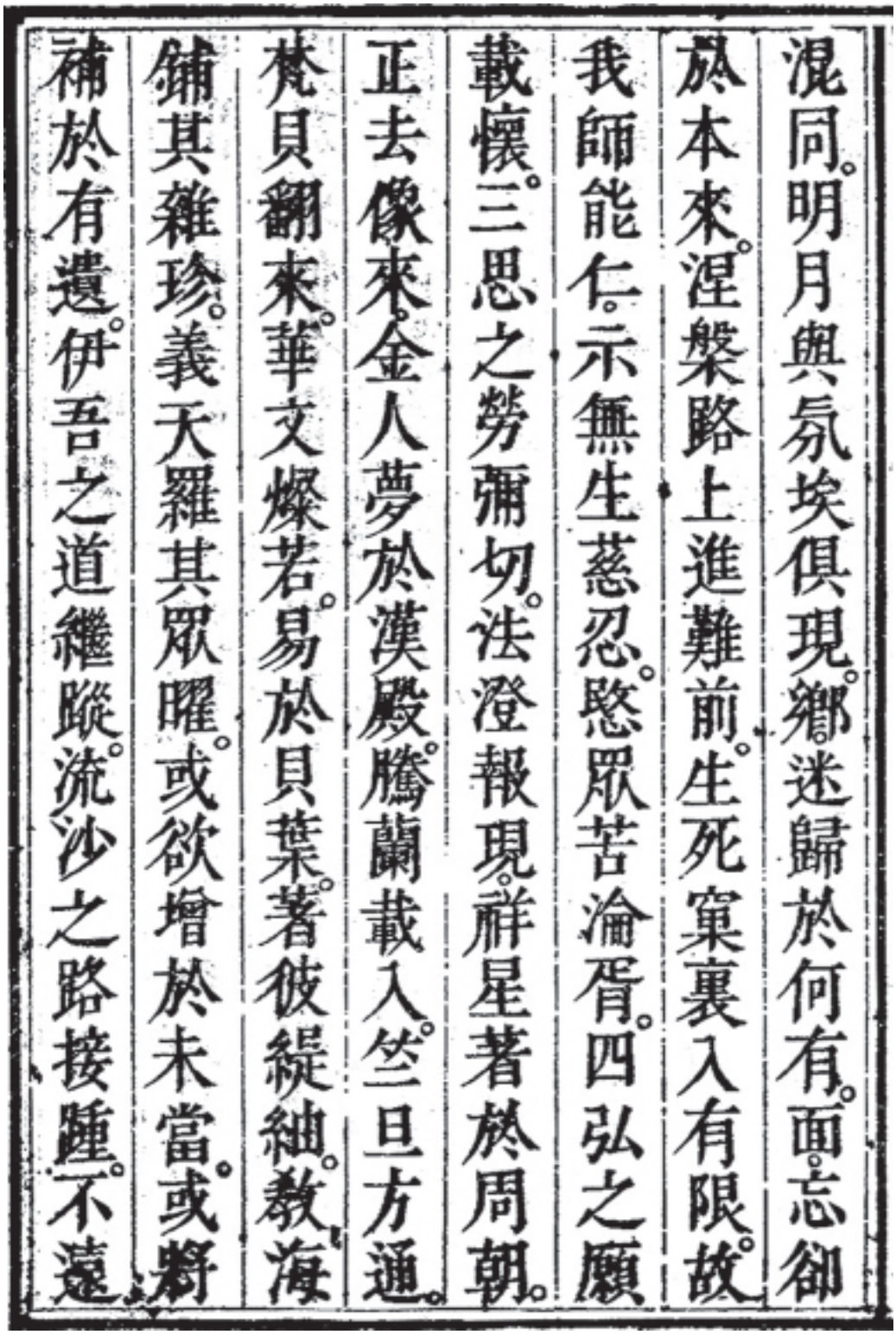
此文恐在下卷之上



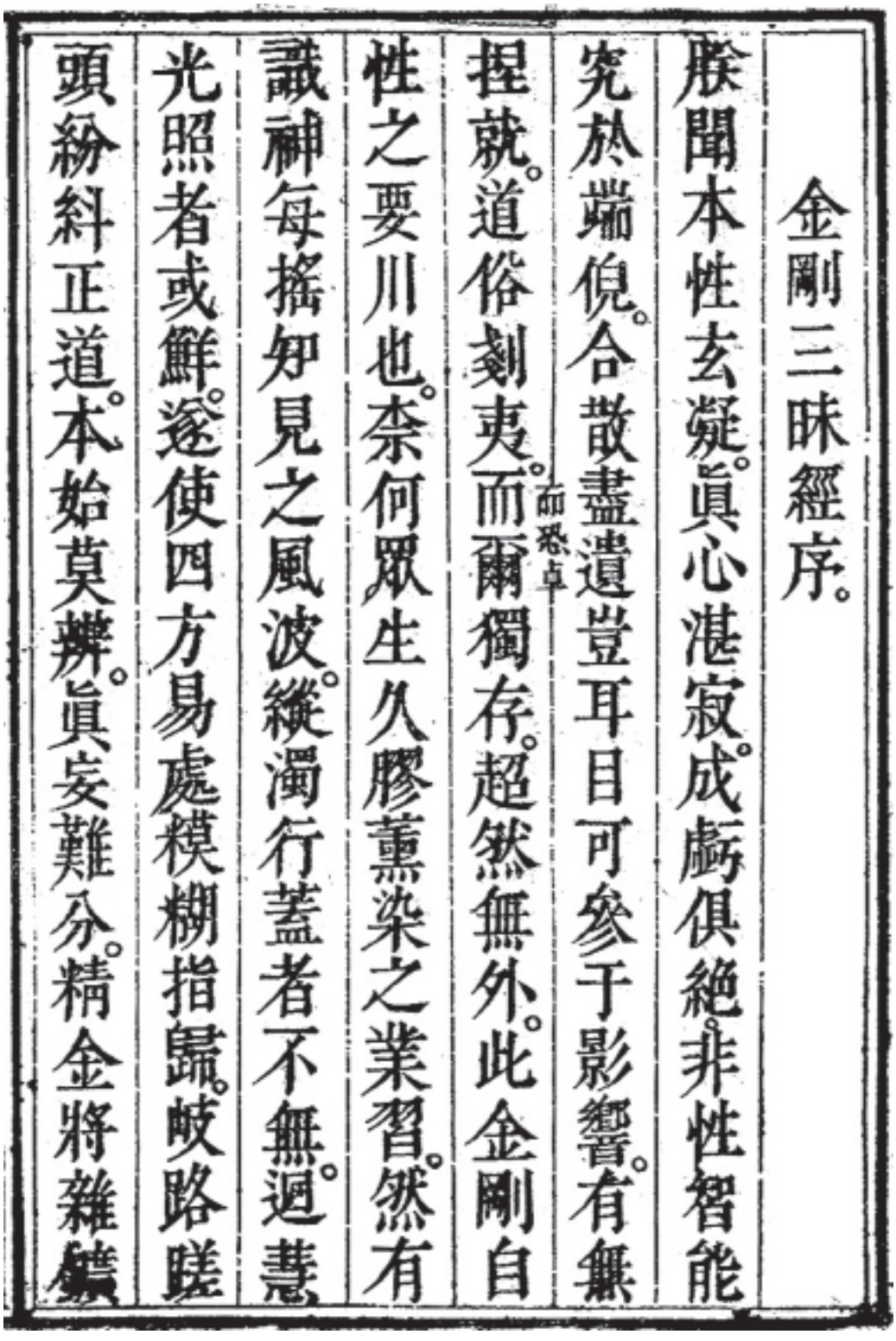
相不關。四禪何有。和諸味成無上味。攬羣流作不二流。轉回偏計妄心。接入如來藏識。摠持眾法。顯示一心。因執而迷者若蠻蜀之相持。隨差而悟者。如齊魯之一變。朕諒德主器。朽索馭民。每慮艱難。靡亡宵旰。機雖有萬。暇且偷餘。勤務惜陰。學斯加益。字恐丁而未識。夜至乙以猶觀。既閱孔墳。申覽釋典。是經一見。斯感百生。索隱鉤深。九思三復。餐嚼義味。孳掇文華。欲顯聖言。



越海。篤志歸華。自漢權輿於今敬迪。偏圓半滿
一無歉於琅琊。頓漸實權萬有餘於寶篋。金剛
三昧經者。盍非圓滿頓實之類歟。不然者。何以
無生法要。逞方便神通。大士問出世之因。尊者
投究竟之果。欲止除於有住有滅。先以叙於無
相無生。見生念於妄念而昏。起始覺於本覺以
利。轉諸情識。入庵摩羅。迷頭不顧自身。垂手導
歸實際。或計外塵緣有。乃談眞性本空。及其三

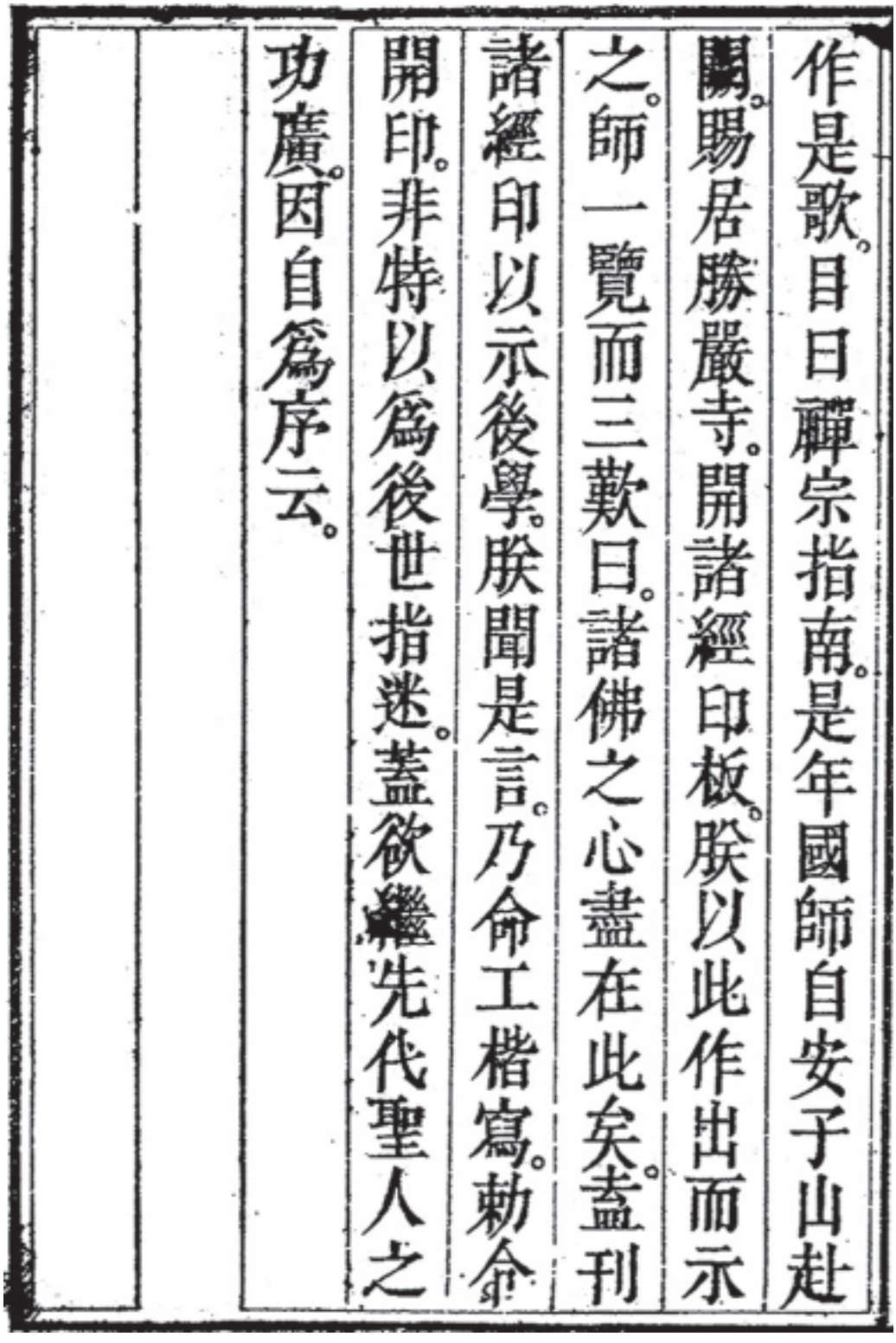


混同。明月與氛埃俱現。鄉迷歸於何有。面忘卻於本來。涅槃路上進難前。生死窠裏入有限。故我師能仁。示無生慈忍。愍眾苦淪胥。四弘之願載懷。三思之勞彌切。法燈報現。祥星著於周朝。正去像來。金人夢於漢殿。騰蘭載入。竺旦方通。梵貝翻來。華文燦若。易於貝葉。著彼緹紬。教海鋪其雜珍。義天羅其眾曜。或欲增於未當。或將補於有遺。伊吾之道繼蹤。流沙之路接踵。不遠



金剛三昧經序。

朕聞本性玄凝。眞心湛寂。成虧俱絶。非性智能究於端倪。合散盡遺。豈耳目可參于影響。有無捏就。道俗刻夷。而(恐卓)爾獨存。超然無外。此金剛自性之要川也。柰何衆生久膠薰染之業習。然有識神每搖。知見之風波。縱濁行蓋者不無。迴慧光照者或鮮。遂使四方易處。模糊指歸。岐路蹉頭。紛糾正道。本始莫辨。眞妄難分。精金將雜鑛



作是歌。目曰禪宗指南。是年國師自安子山赴闕。賜居勝嚴寺。開諸經印板。朕以此作出而示之。師一覽而三歎曰。諸佛之心盡在此矣。盡刊諸經印以示後學。朕聞是言。乃命工楷寫。勅令開印。非特以爲後世指迷。蓋欲繼先代聖人之功廣。因自爲序云。



故老之臣。無有捨朕之意。遂以其言告于國師。
師捧朕手而言曰。凡爲人君者。以天下之欲爲
欲。以天下之心爲心。今天下欲迎陛下歸之。則
陛下安得不歸哉。然內典之究。願陛下毋忘斯
須耳。由是朕與國人回京。勉而踐位。十數年間。
凡遇機暇。聚會耆德。參禪問道。及諸大教等經。
無不參究。常讀金剛。至於應無所住而生其心
之句。方爾廢卷長吟。豁然自悟。以其所悟而



所以傚戴於陛下者。亦赤子之慕父母。況今朝廷故老。無非親附之臣。黎元士庶。悅服之眾。至於三尺之童。皆知陛下作民父母矣。且太祖捨臣而去。一杯之土未乾。遺耳之言猶在。而陛下遵跡山林。隱居求志。以臣言之。陛下爲自修之計則可。其如國家社稷何。與其垂空言以示後。孰若以身爲天下先也。陛下若不反思。臣等與天下之人。同死此日。決無歸志。朕見太師及諸（庶下恐有莫不二字）



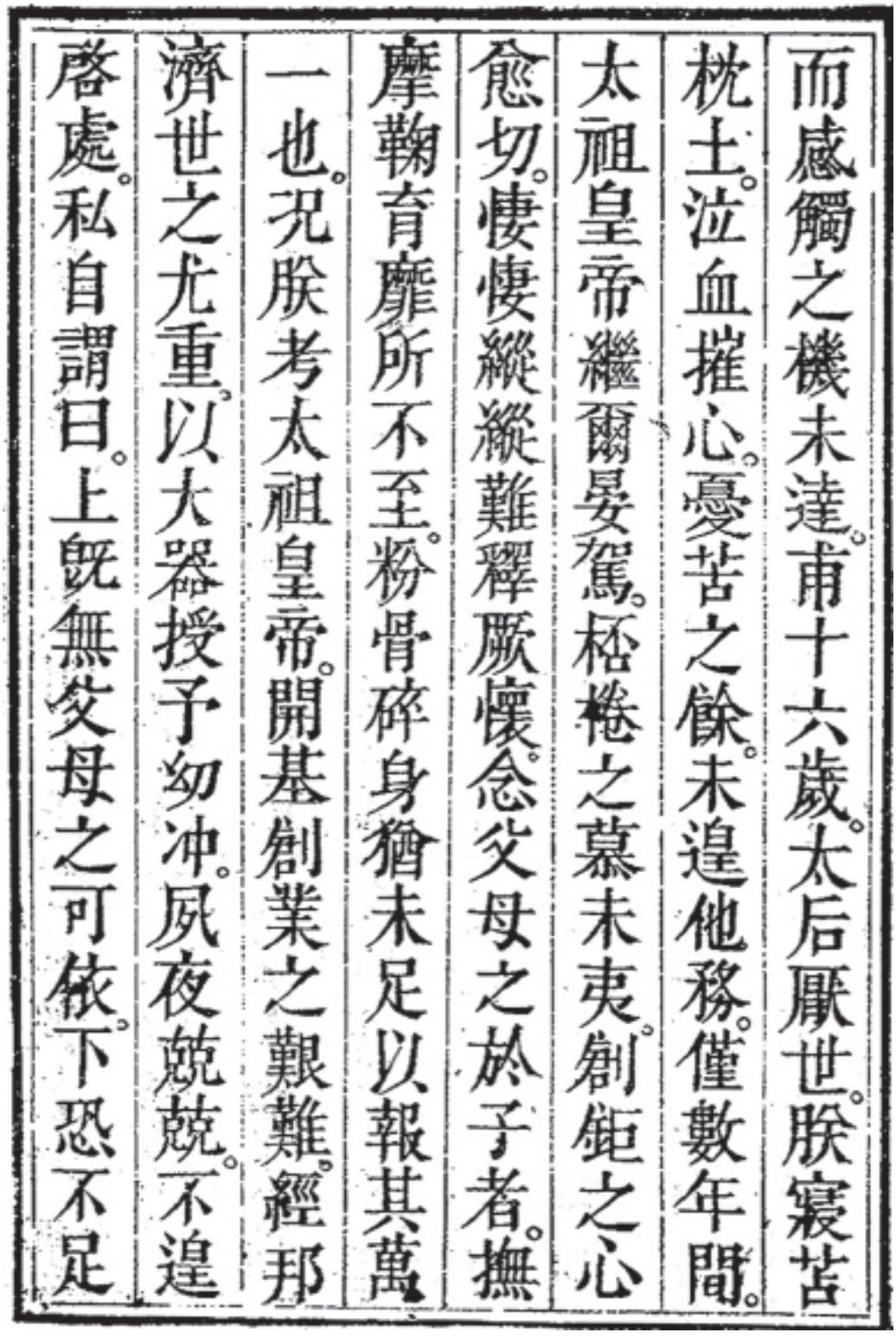
孤立士民之上。無所依附。復思前代帝王事業興廢不常。故入此山惟求作佛。不求他物。師曰。山本無佛。惟存乎心。心寂而知。是名眞佛。今陛下若悟此心。則立地成佛。無苦外求也。時叔父陳公。乃先君託孤之從弟也。先君棄世羣臣之後。朕命爲太師參輔國政。聞朕去。分命左右遍求轍迹。遂與國人尋到此山。與朕相遇。與言痛切曰。臣受先君顧託。奉陛下爲民神之主。民之



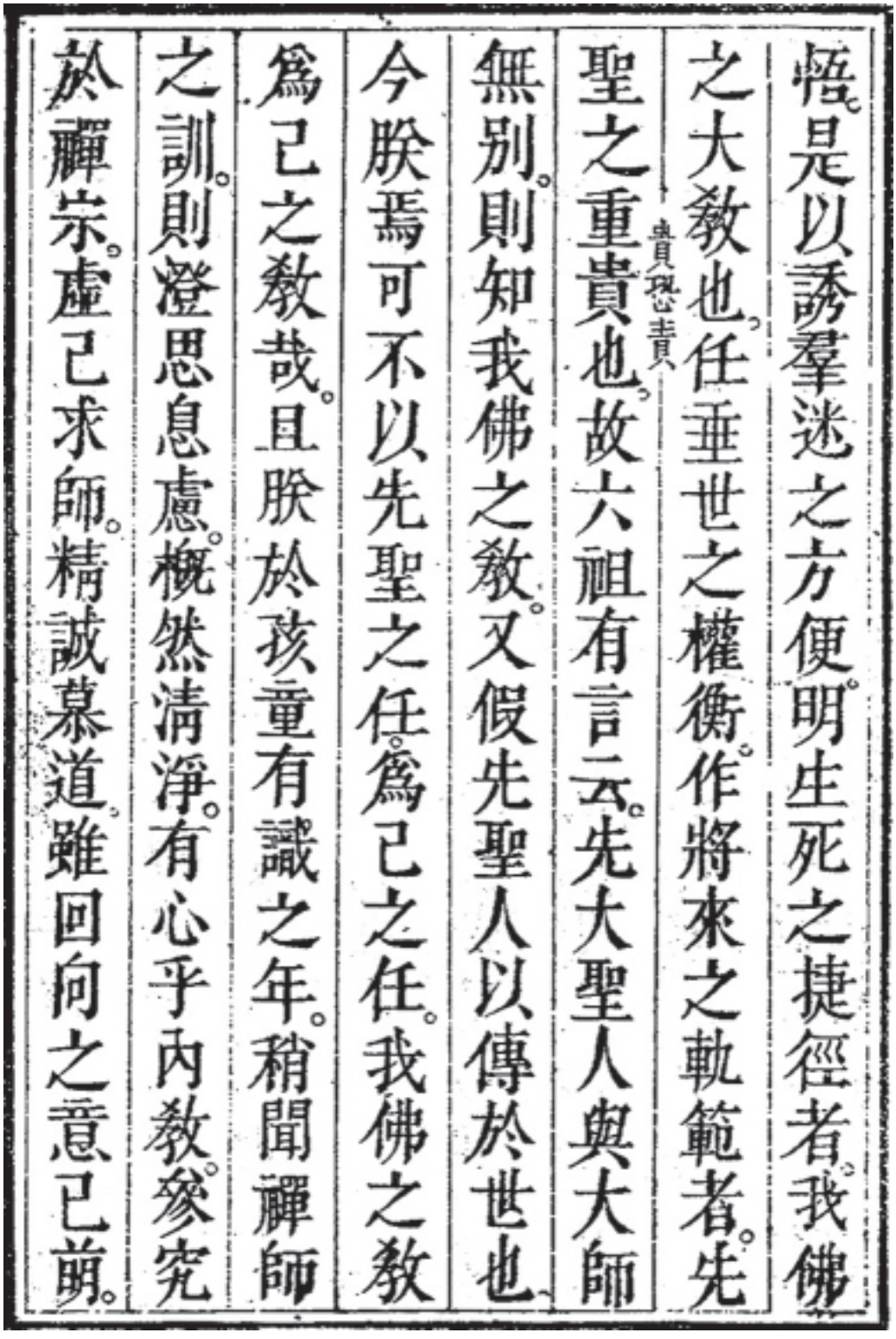
蒙面而渡江。徑山而行。及晡入宿于覺行僧寺。待旦而去。間關跋涉。山險泉深。馬疲而不能進。朕乃棄馬攀崖而行。未時方到安子山阿。明旦直上山頂。參見國師竹林大沙門。師一見欣然。從容謂朕曰。老僧久居山野。骨剛貌悴。甘菜茹橡泉飲林遊。心若浮雲。隨風到此。今陛下棄人主之勢。思林野之賤。果何所邀而到斯耶。朕聞其言。雙淚自下。因告之曰。朕方幼稚。劇喪雙親。



副黔黎之實望。奈何。尋而思之。不如退處山林。
旁求佛教。以明生死之大事。又以報劬勞之德。
不亦美哉。於是朕志遂決。天應正平五年。寔丙
申四月三夜。因微服出宮門。謂左右曰。朕欲出
遊潛聽民言。以觀民志。庶知事之艱難。時從朕
左右不過七八人。是夜亥刻。以單騎匿而行。渡
江東去。乃以其情告于左右。左右愕然。舉皆涕
泣。翌日卯時到大灘普賴山渡。恐人知之。以衣



而感觸之機未達。甫十六歲。太后厭世。朕寢苫枕土。泣血摧心。憂苦之餘。未遑他務。僅數年間。太祖皇帝繼爾晏駕。梱棬之慕未夷。劬鉅之心愈切。悽悽縱縱。難釋厥懷。念父母之於子者。撫摩鞠育靡所不至。粉骨碎身猶未足以報其萬一也。況朕考太祖皇帝。開基創業之艱難。經邦濟世之尤重。以大器授予幼冲。夙夜兢兢。不遑啓處。私自謂曰。上既無父母之可依。下恐不足



悟。是以誘羣迷之方便。明生死之捷徑者。我佛之大教也。任垂世之權衡。作將來之軌範者。先聖之重責也。（疑恐責貴）故六祖有言云。先大聖人與大師無別。則知我佛之教。又假先聖人以傳於世也。今朕焉可不以先聖之任。爲己之任。我佛之教爲己之教哉。且朕於孩童有識之年。稍聞禪師之訓。則澄思息慮。概然清淨。有心乎內教。參究於禪宗。虛己求師。精誠慕道。雖回向之意已萌。

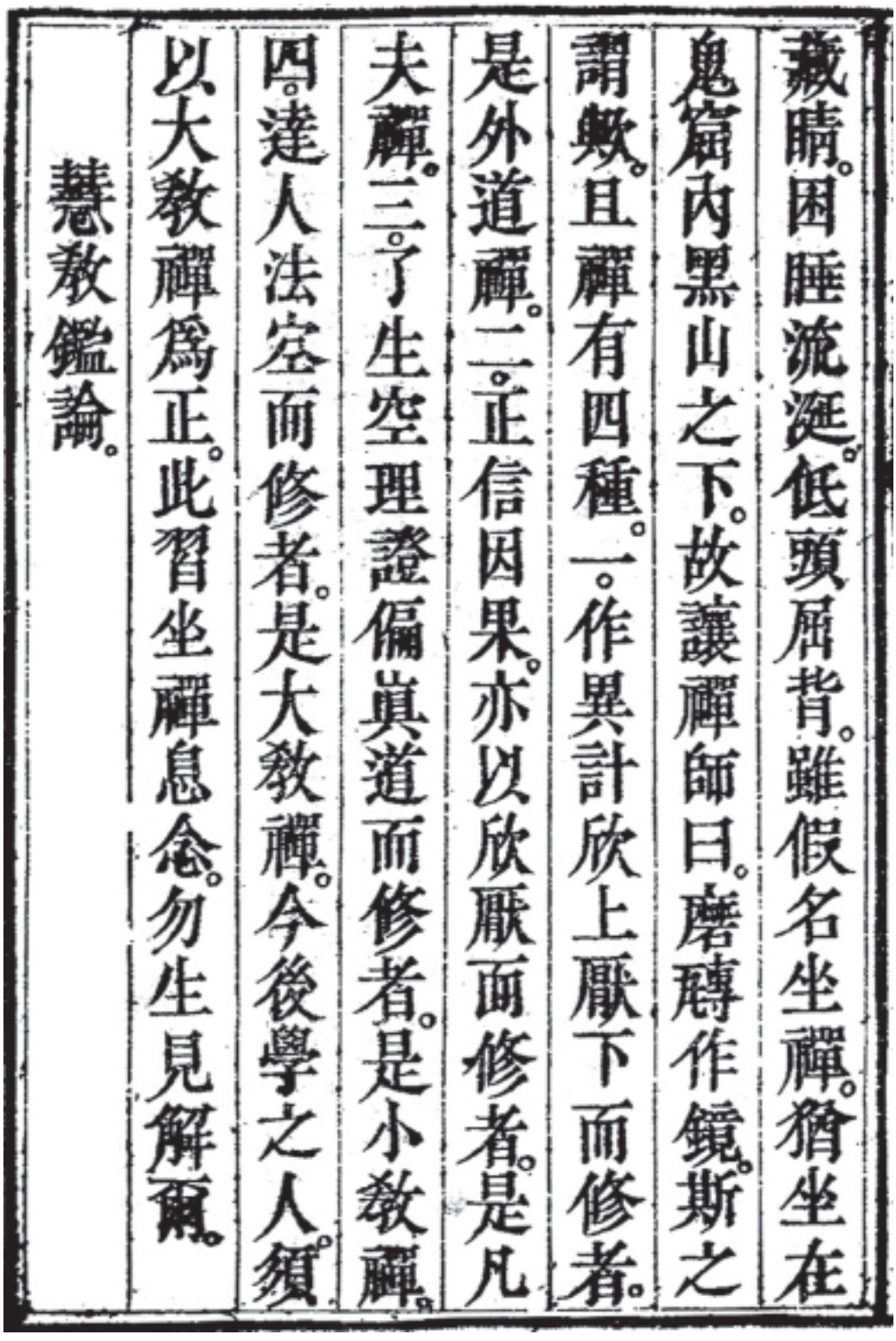
者也。若心既定而反生邪解。求於慧者。亦如風波既靜。月影澄清。而復攪於水中求取月影。何得見哉。故祖師云。寂而常照。照而常寂。又云寂寂惺惺是無記。惺惺寂寂是亂想。惺惺寂寂寂寂惺惺是藥。無記亂想是病。若身有病。故假對治。身既平定。何治之有。若能如此。則定慧成爾。

禪宗指南序。

厥編諸佛無南北均可修求。性有智愚同資覺



夫慧者。生於定力。若心定則慧鑑生。若心亂則慧鑑滅。亦如銅鏡。先假磨礱。然後方有光淨明照。若不磨礱。則苔痕昏垢。既已昏垢。光何以生。故知慧由定現。定自慧生。定慧相依。兩無遺一。若假名坐禪。心未得定。而慧鑑生者。未之有也。雖有慧性而不習坐禪。自謂已有慧者。何假坐爲。若如是者。雖有慧者。而無鑑體。若於定時。心未得定。而欲求慧。譬若風波未靜。而求見月影



藏睛。困睡流涎。低頭屈背。雖假名坐禪。猶坐在鬼窟內黑山之下。故讓禪師曰。磨磚作鏡。斯之謂歟。且禪有四種。一。作異計欣上厭下而修者。是外道禪。二。正信因果。亦以欣厭而修者。是凡夫禪。三。了生空理證偏眞道而修者。是小教禪。四。達人法空而修者。是大教禪。今後學之人。須以大教禪爲正。此習坐禪息念。勿生見解爾。

慧教鑑論。



年。鵲巢于頂上。草穿于脞。身心自若。子綦隱几而坐。形如枯木。心似死灰。顏回坐忘。隳肢體。黜聰明。離愚智。同於大道。此古者三教聖賢。皆以坐定而成就者。然行住坐臥亦皆是禪。非惟獨坐。祇因行則纔步。住則生勞。臥則冥昧而安靜。安靜則慮生。慮生則念起。欲息諸念。故習坐定。若坐時不息諸念。心猿意馬奔馳。或亂想而識前塵。或無記而忘自性。倚床倚壁。閉眼

其身者何失之有。今之學者。既受人身。三業具有。而不以念佛求生佛國者。不亦難乎。如欲念佛。卽以下智爲先。何者。爲有注意故也。譬如作三層之臺。而不以下層爲先。未之有也。

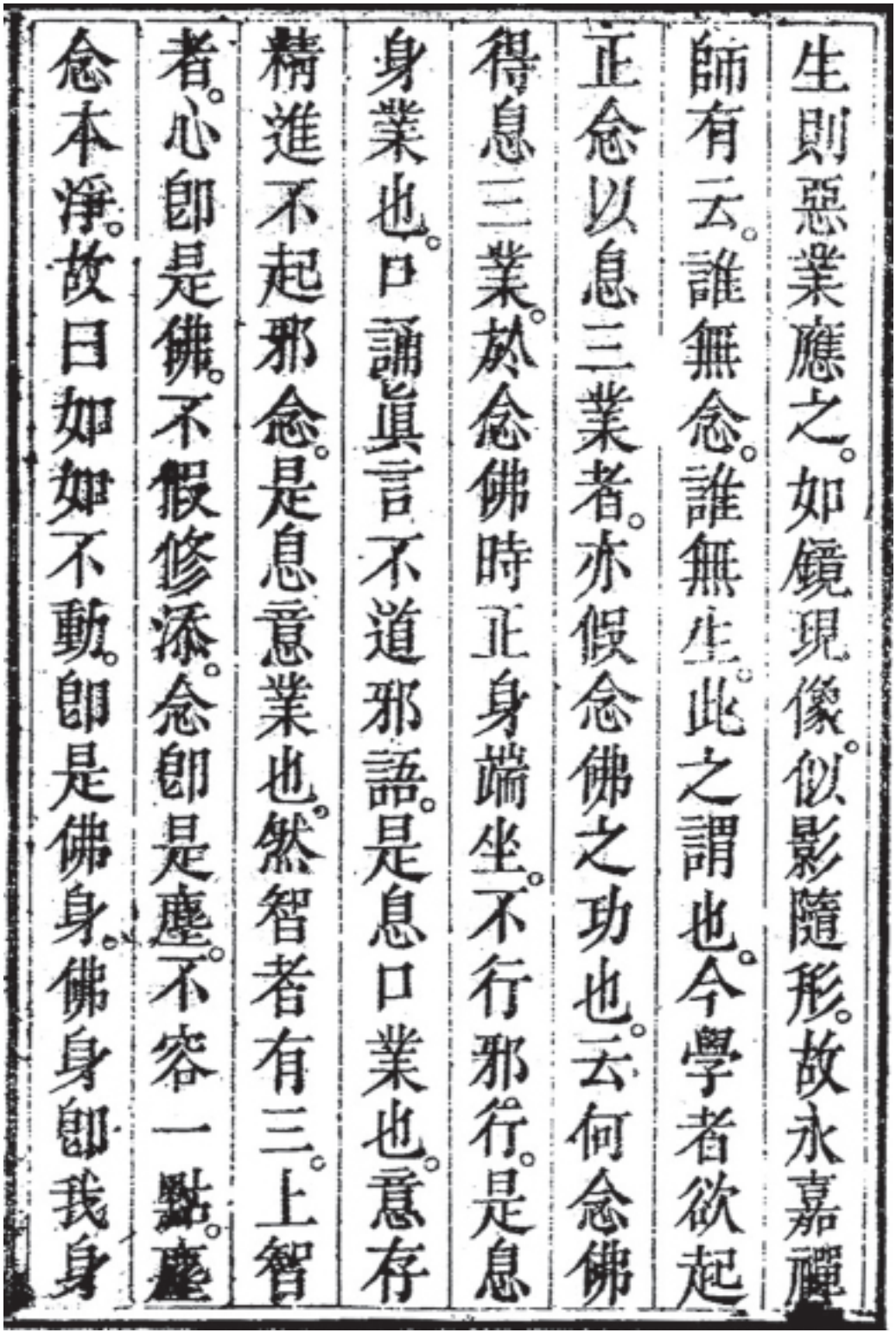
坐禪論。

夫學道之人。惟求見性。雖受其一切淨戒。而無坐禪。則定力不生。定力不生。則妄念不滅。而欲見性者。不亦難乎。釋迦文佛入于雪山。端坐六



深淺不同。所得一也。然上智也。言之則易。行之則難。今世之人欲趨而學者。空無棲託。盡望涯而退。尤難措足也。中智者。若能勤修如上之說。則立地而成佛。如漏未盡而終之。隨其果應。還生于世。受其善報。善報既盡。無人警悟。還落惡趣。如此之者。亦爲難也。下智者。以念爲階。以精進爲棲。注意善緣。願生佛國。勤而不怠。心性純熟。命終之後。隨意所願。得生佛國。既生佛國。其

是。無有二相。相相無二。寂然常存。存而不知。是爲活佛。中智者。必藉念佛。注意精勤。念念不忘。自心純善。善念旣現。惡念便消。惡念旣消。惟存善念。以念意念。念念滅之。念滅之時。必歸正道。命終之時得涅槃樂。常樂我淨佛之道也。下智者。口勤念佛語。心欲見佛相。身願生佛國。晝夜勤修無有退轉。命終之後。隨其善念得生佛國。後得諸佛所宣正法。證得菩提。亦入佛果。三

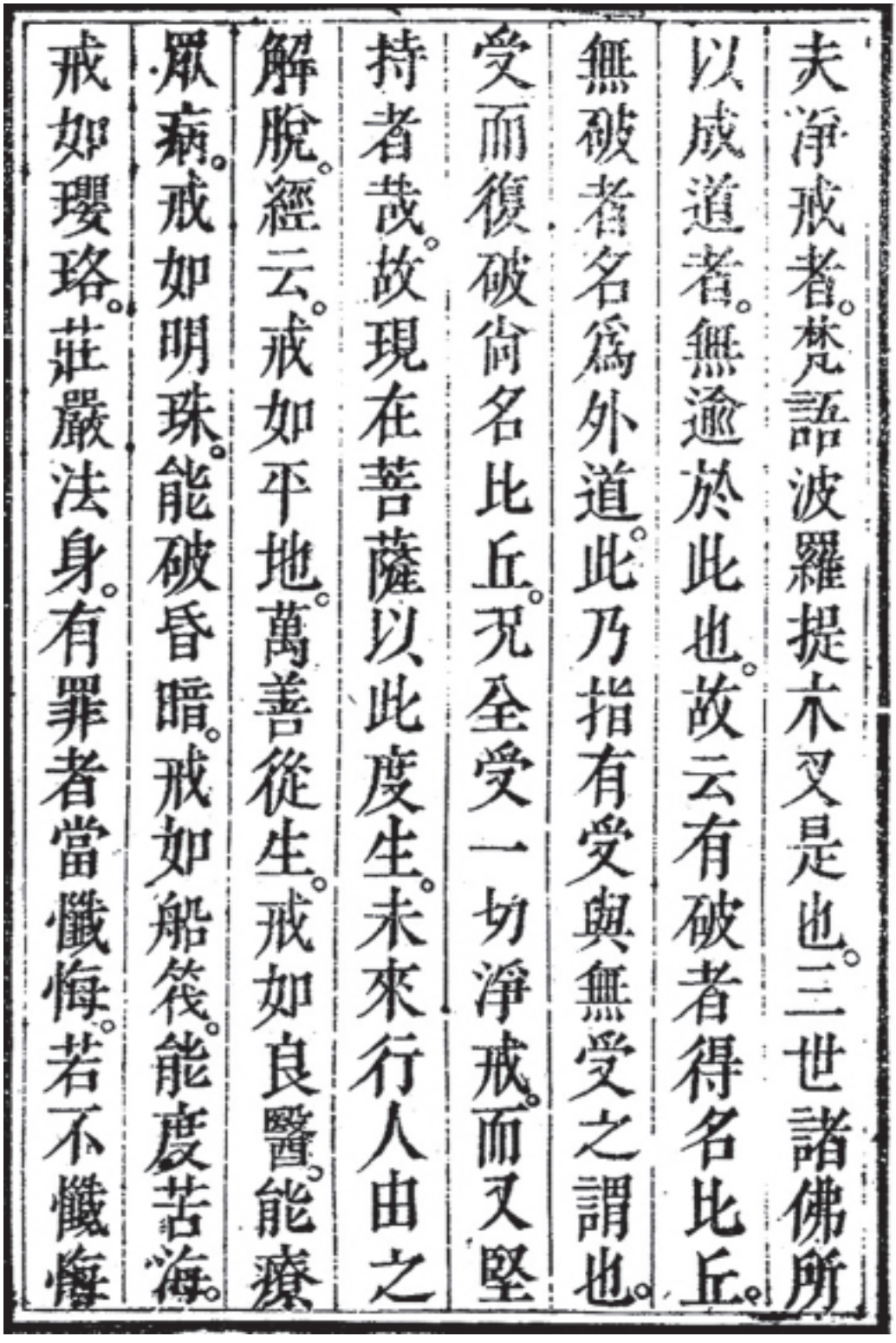


生則惡業應之。如鏡現像。似影隨形。故永嘉禪
師有云。誰無念。誰無生。此之謂也。今學者欲起
正念以息三業者。亦假念佛之功也。云何念佛
得息三業。於念佛時正身端坐。不行邪行。是息
身業也。口誦眞言不道邪語。是息口業也。意存
精進不起邪念。是息意業也。然智者有三。上智
者。心卽是佛。不假修添。念卽是塵。不容一點。塵
念本淨。故曰如如不動。卽是佛身。佛身卽我身

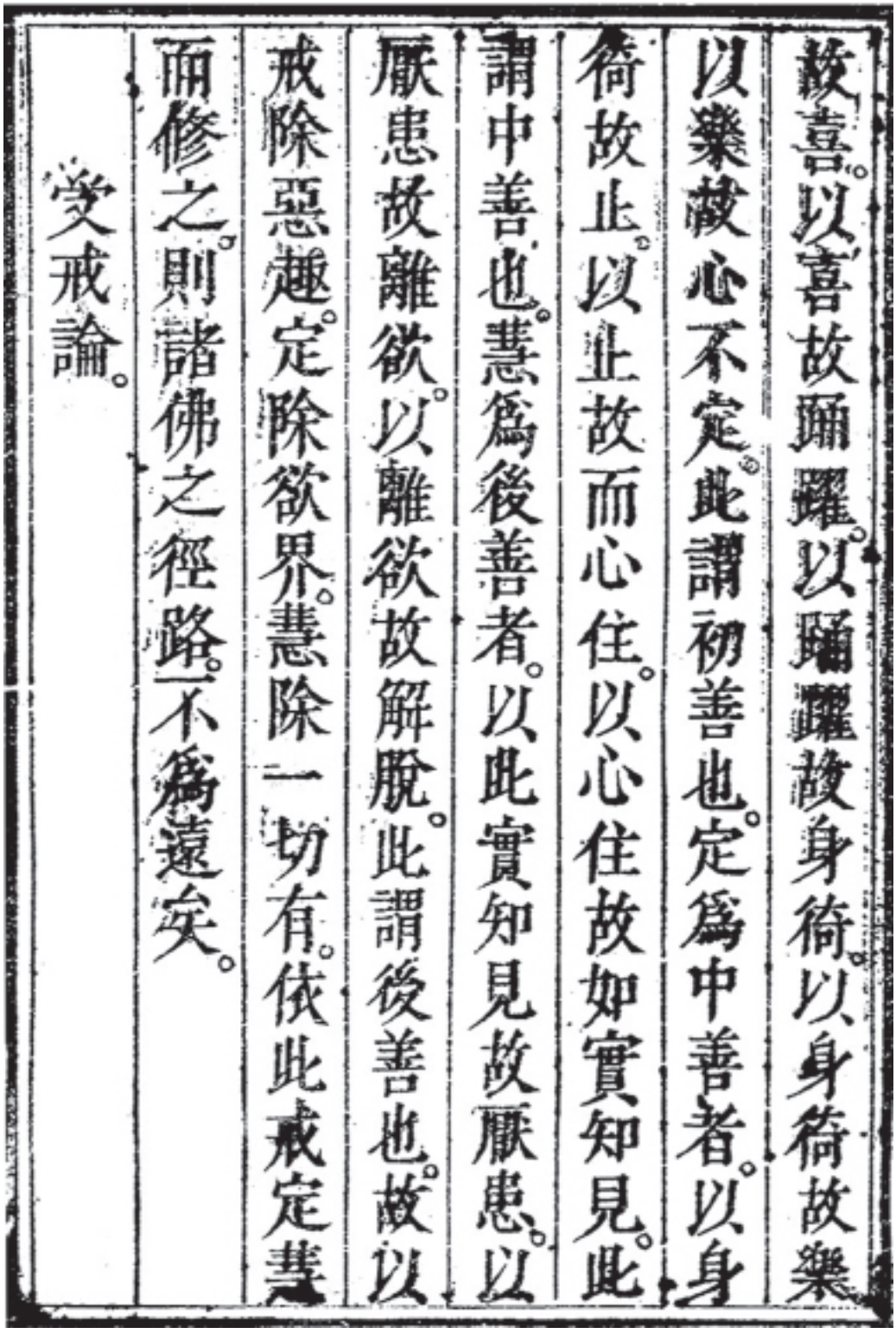
者其罪益深。一失人身。萬劫不復。今日雖安。明朝難保。宜持此法。速度生死。奉佛爲師。先依戒律。古德有言。過河須用筏。到岸不須船。此蓋古人以戒爲船筏。而今不以此爲渡之。而得到於彼岸者。鮮矣。

念佛論。

夫念佛者。由心所起。心起於善則爲善念。善念之起則善業報之。心起於惡則爲惡念。惡念之



夫淨戒者。梵語波羅提木叉是也。三世諸佛所
以成道者。無逾於此也。故云有破者得名比丘。
無破者名爲外道。此乃指有受與無受之謂也。
受而復破尚名比丘。況全受一切淨戒。而又堅
持者哉。故現在菩薩以此度生。未來行人由之
解脫。經云。戒如平地。萬善從生。戒如良醫。能療
衆病。戒如明珠。能破昏暗。戒如船筏。能度苦海。
戒如瓔珞。莊嚴法身。有罪者當懺悔。若不懺悔



故喜。以喜故踊躍。以踊躍故身猗。以身猗故樂。以樂故心不定。此謂初善也。定爲中善者。以身猗故止。以止故而心住。以心住故如實知見。此謂中善也。慧爲後善者。以此實知見故厭患。以厭患故離欲。以離欲故解脫。此謂後善也。故以戒除惡趣。定除欲界。慧除一切有。依此戒定慧而修之。則諸佛之徑路。不爲遠矣。

受戒論。



戒定慧論。

夫一切修行之士。秖厭生死二事。捨其父母妻子。出家求道。奉佛爲師。蓋履諸佛徑路者。唯經而已。經之所言者。唯戒定慧而已。解脫論云。戒定慧謂解脫之道。戒者威儀義。定者不亂義。慧者覺知義。是以戒除惡垢。定除纏垢。慧除使垢。故以此種善伏道。謂初中後善。以戒爲初。以定爲中。以慧爲後。戒爲初善者。有精進成就不退

惟接佛供養。從教烏帽斜吹。喪身命自此而生。亡國家由斯而有。棄之則千祥並集。酣之則百禍駢臻。大禹惡之而兆姓偕來。太康酣之而五子咸怨。豈止風流須戒。抑令達者深防。幾多世上煌煌。却被醉中懵懵。

偈曰。

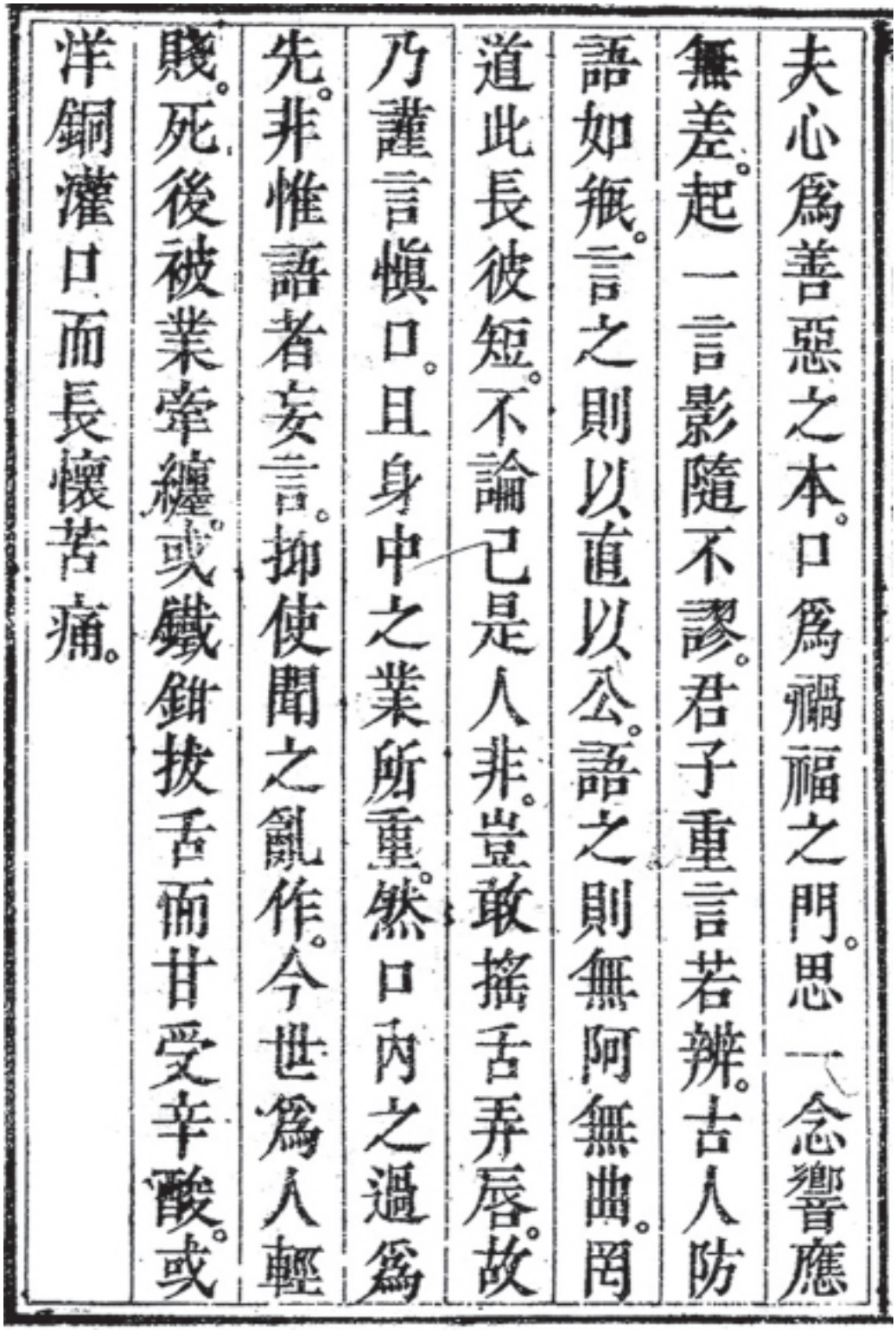
一甕糟糠麴釀成。幾多智者沒聰明。非惟獨破緇流戒。敗國亡家自此生。

偈曰。

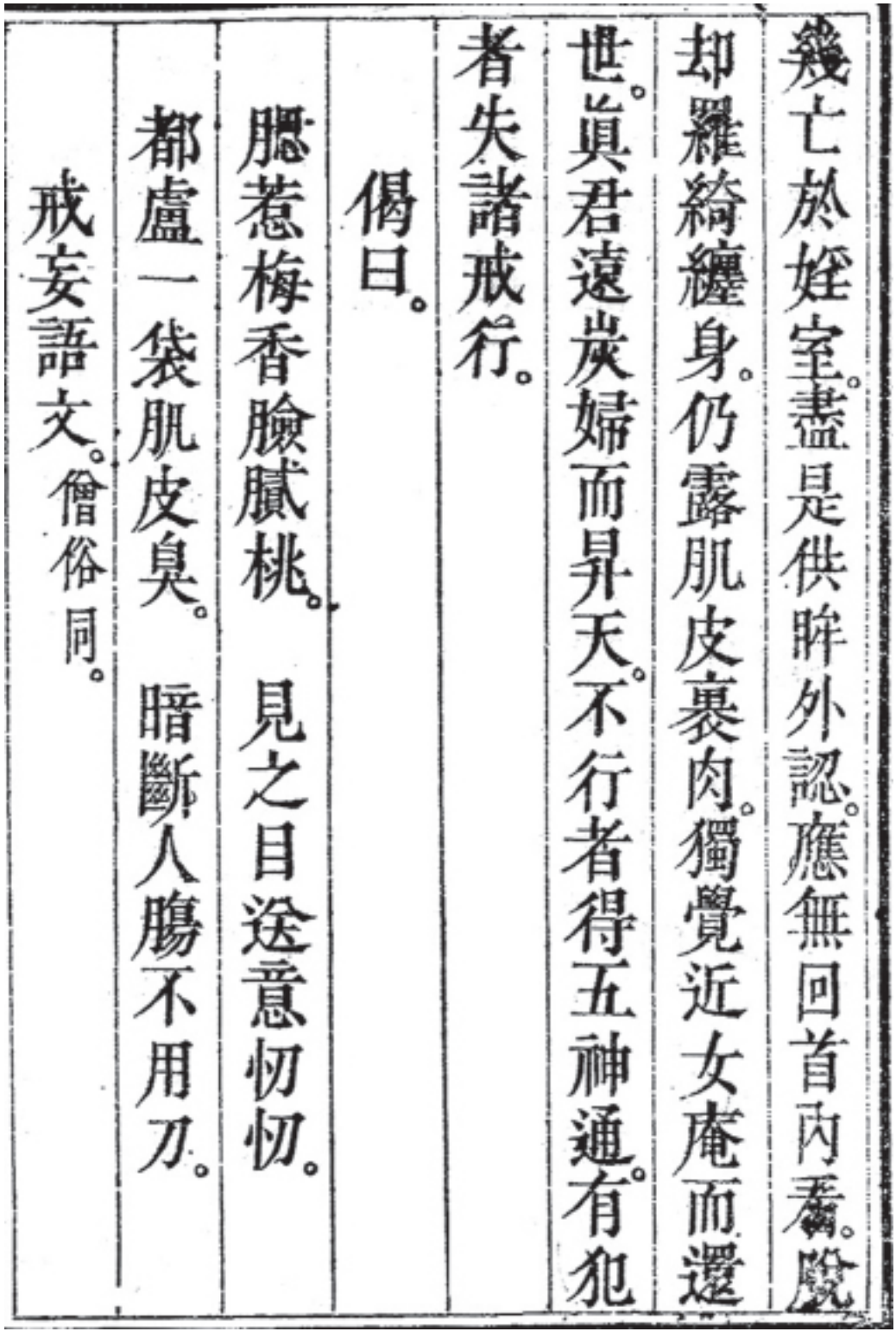
脅肩諂笑舌搖脣。永作塵寰妄語人。
伺意求歡趨世利。到頭爭免業纏身。

戒酒文。僧俗同。

夫嗜酒者德行常虧。飲酒者言辭多失。氣衝腐胃。味浸穿腸。敗亂精神。昏迷心性。二親不顧。五道專行。或店肆而喧呼。或街衢而酩酊。欺天罵地。毀佛謗僧。肆辱口而謳歌。裸身形而舞蹈。不



夫心爲善惡之本。口爲禍福之門。思一念響應無差。起一言影隨不謬。君子重言若辨。古人防語如瓶。言之則以直以公。語之則無阿無曲。罔道此長彼短。不論己是人非。豈敢搖舌弄脣。故乃謹言愼口。且身中之業所重。然口內之過爲先。非惟語者妄言。抑使聞之亂作。今世爲人輕賤。死後被業牽纏。或鐵鉗拔舌而甘受辛酸。或洋銅灌口而長懷苦痛。



幾亡於婬室。盡是供眸外認。應無回首內看。脫却羅綺纏身。仍露肌皮裹肉。獨覺近女庵而還世。眞君遠炭婦而昇天。不行者得五神通。有犯者失諸戒行。

偈曰。

臙惹梅香臉膩桃。見之目送意忉忉。

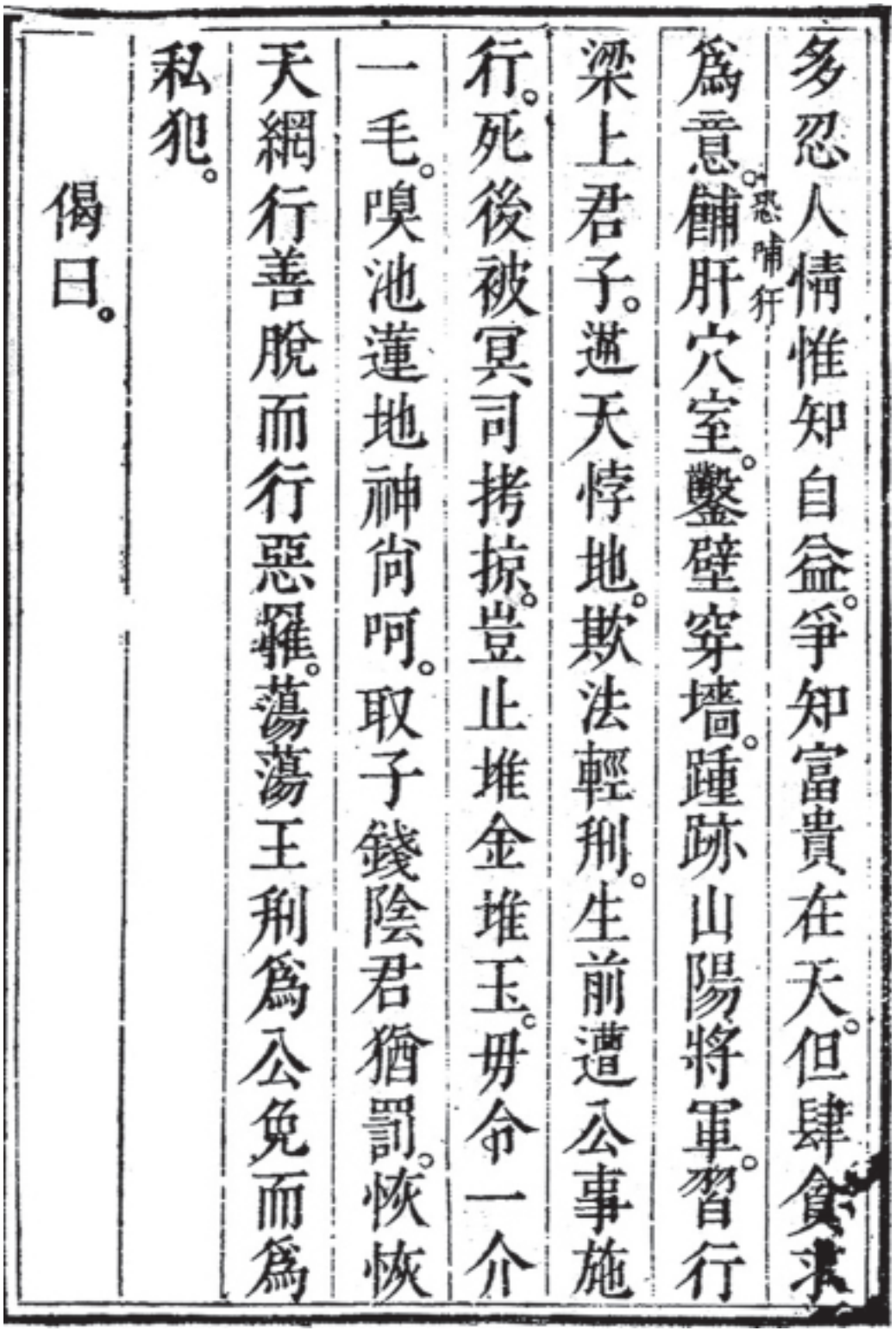
都盧一袋肌皮臭。暗斷人腸不用刀。

戒妄語文。僧俗同。

鑿壁穿墻意不休。千般百計苦營求。
今生苟得他人物。不覺終天受馬牛。

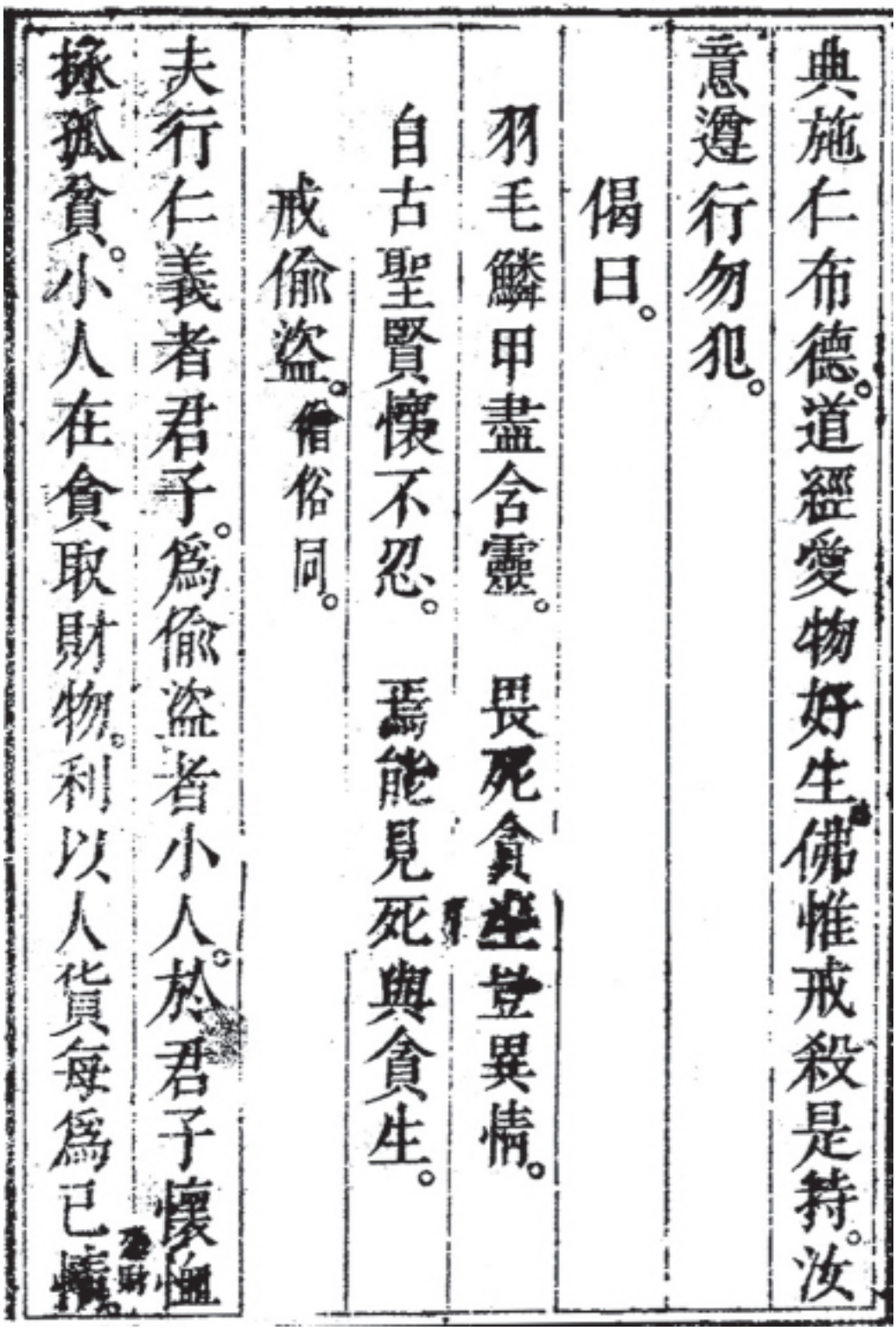
戒色文。僧俗同。

夫楚腰衛鬢能令性惑心迷。燕色趙顏。解使神消精減。回眼動非磨之刃。孰不斷腸。轉舌弄一孔之簧。盡來側耳。愛之者親疎義斷。貪之者德失道消。上而風教沒淪。下則閨門喪亂。不問俗流學侶。盡耽法服。覩粧國綱永墜。恭蘇臺戒體



多忍人情惟知自益。爭知富貴在天。但肆貪求
（恐哺汙）
爲意。餔肝穴室。鑿壁穿墻。踵跡山陽將軍。習行
梁上君子。遘天悖地。欺法輕刑。生前遭公事施
行。死後被冥司拷掠。豈止堆金堆玉。毋令一介
一毛。嗅池蓮地神尙呵。取子錢陰君猶罰。恢恢
天網行善脫而行惡羅。蕩蕩王刑爲公免而爲
私犯。

偈曰。



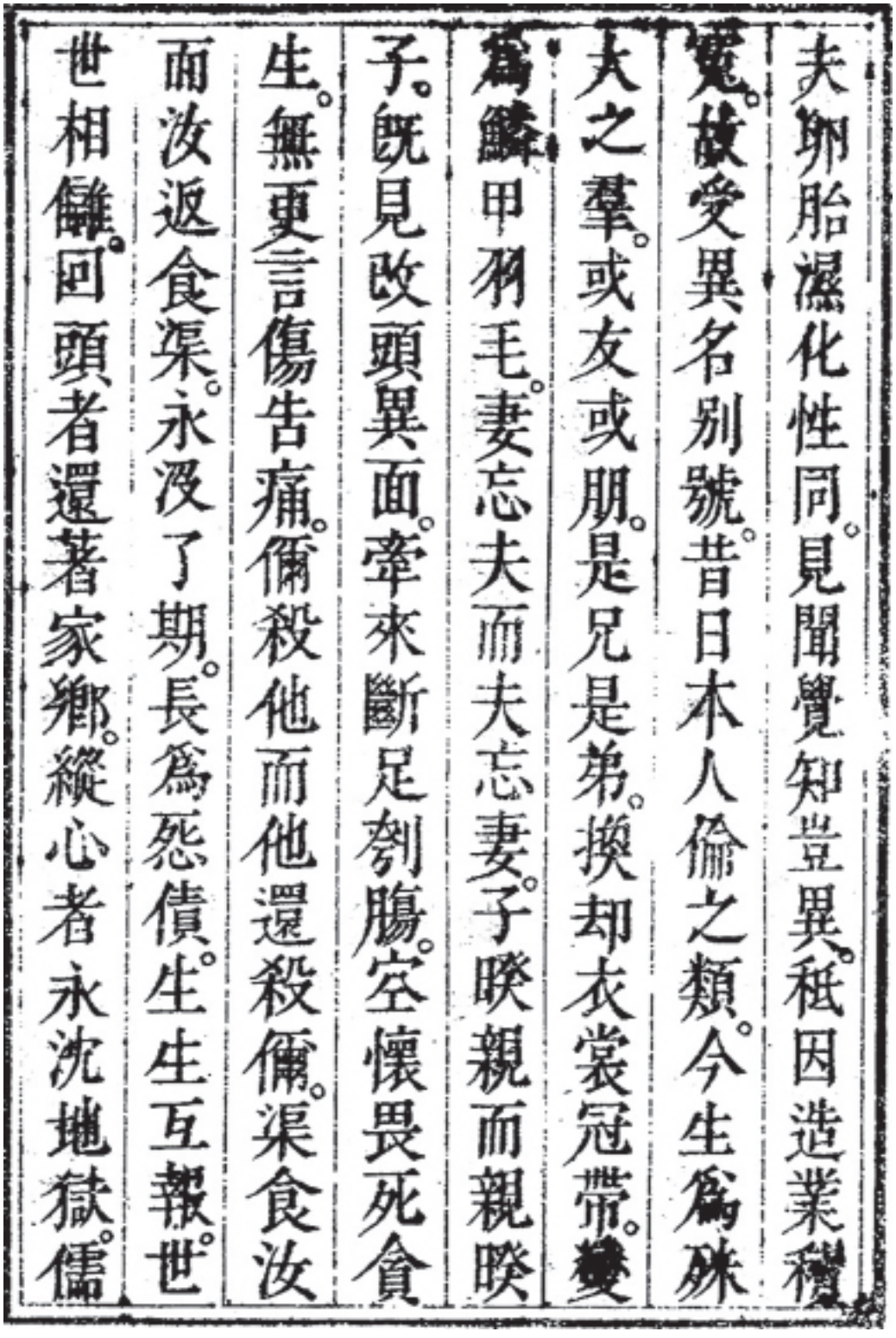
典施仁布德。道經愛物好生。佛惟戒殺是持。汝
意遵行勿犯。

偈曰。

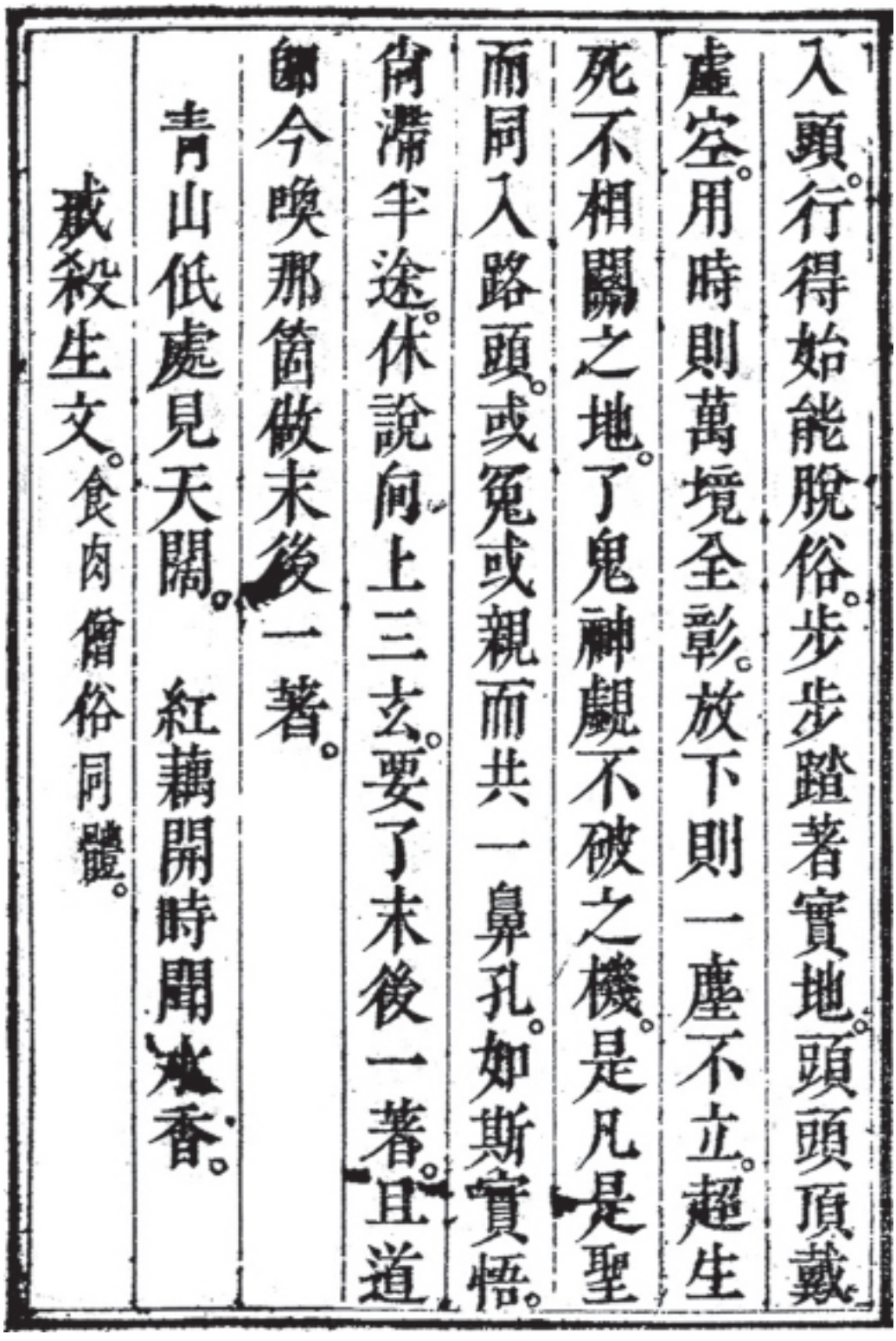
羽毛鱗甲盡含靈。畏死貪生豈異情。
自古聖賢懷不忍。焉能見死與貪生。

戒偷盜。偷俗同。

夫行仁義者君子。爲偷盜者小人。於君子懷恤
拯孤貧。小人在貪取財物。利以人貨爲己寶。



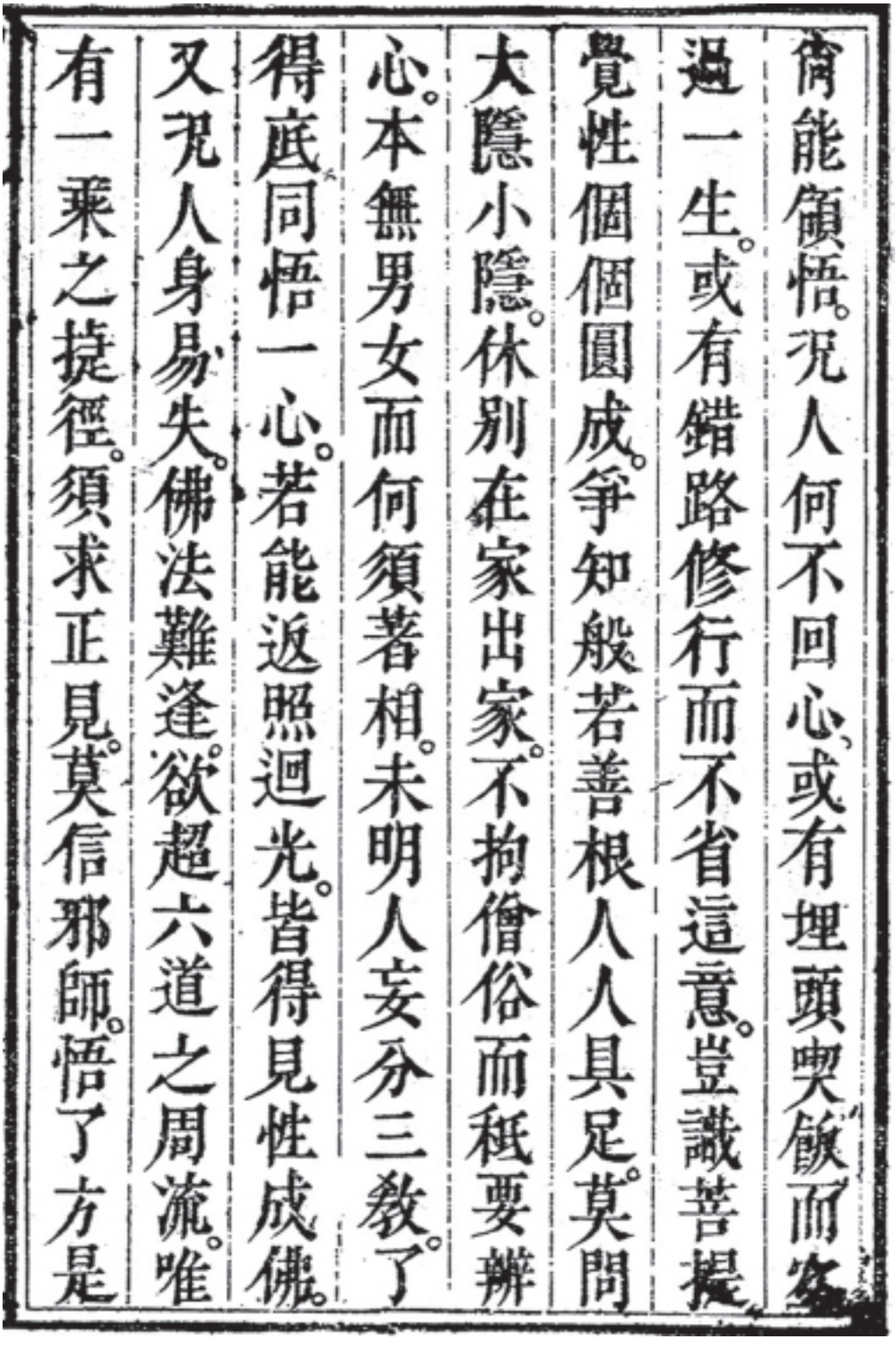
夫卵胎濕化性同。見聞覺知豈異。秖因造業稟
異。故受異名別號。昔日本人倫之類。今生爲殊
夫之羣。或友或朋。是兄是弟。換却衣裳冠帶。變
爲鱗甲羽毛。妻忘夫而夫忘妻。子睽親而親睽
子。既見改頭異面。牽來斷足割腸。空懷畏死貪
生。無更言傷告痛。儞殺他而他還殺儞。渠食汝
而汝返食渠。永沒了期。長爲怨債。生生互報。世
世相讎。回頭者還著家鄉。縱心者永沈地獄。儒



入頭。行得始能脫俗。步步踏著實地。頭頭頂戴虛空。用時則萬境全彰。放下則一塵不立。超生死不相關之地。了鬼神覷不破之機。是凡是聖而同入路頭。或冤或親而共一鼻孔。如斯實悟。尚滯半途。休說向上三玄。要了末後一著。且道卽今喚那箇做末後一著。

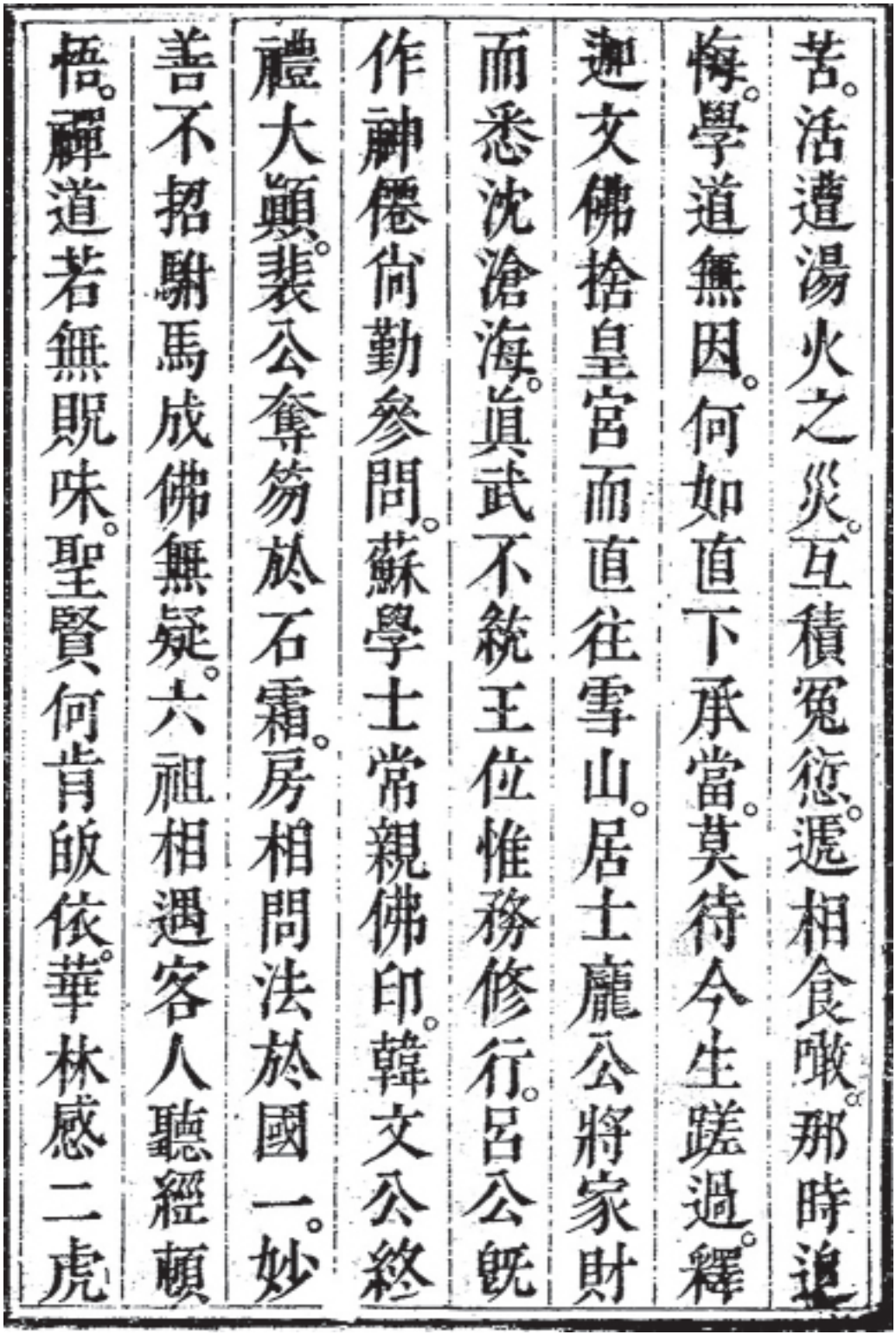
青山低處見天闊。　紅藕開時聞水香。

戒殺生文。食肉僧俗同體。

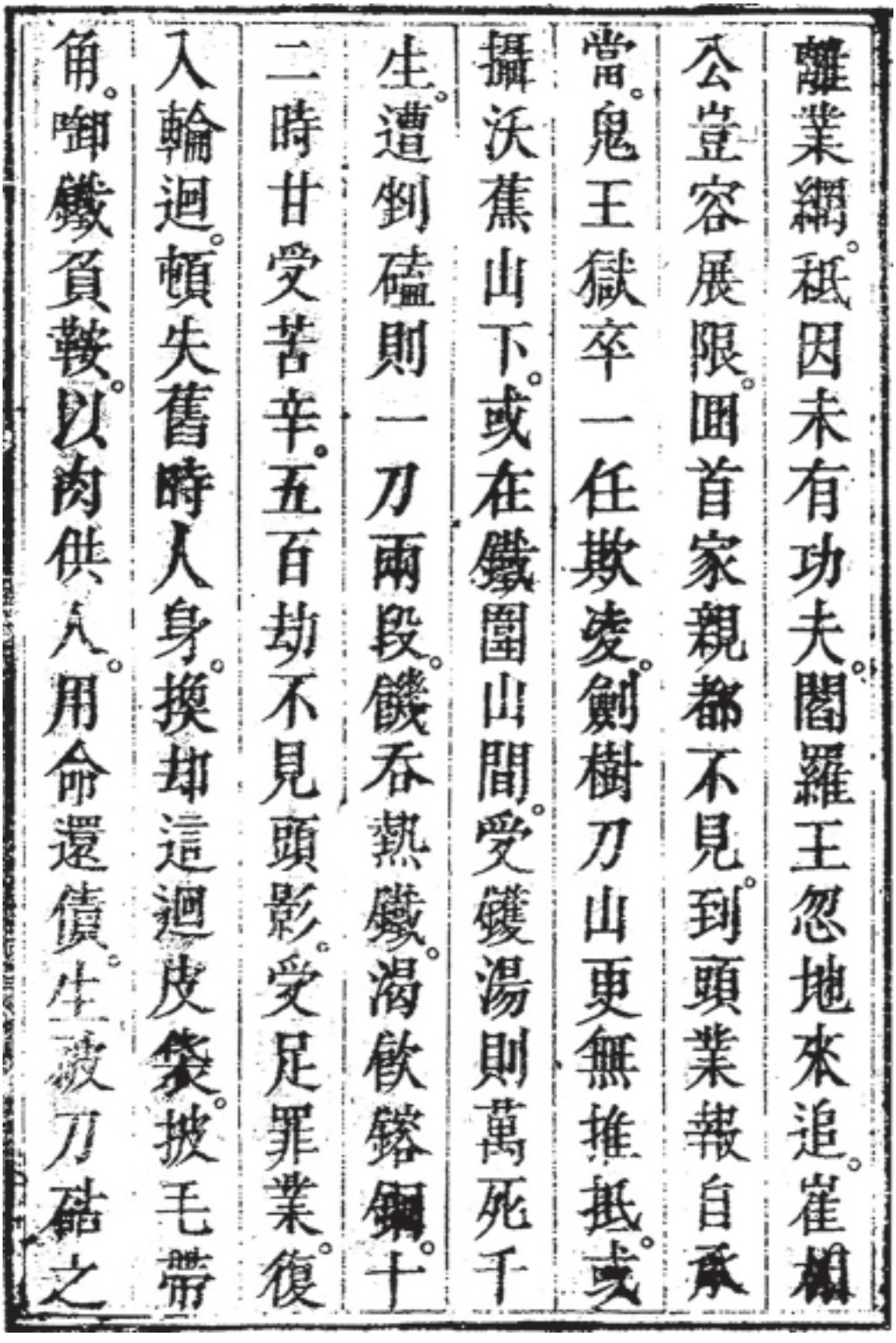


甯能領悟。況人何不回心。或有埋頭喫飯而空過一生。或有錯路修行而不省這意。豈識菩提覺性個個圓成。爭知般若善根人人具足。莫問大隱小隱。休別在家出家。不拘僧俗而秖要辨心。本無男女而何須著相。未明人妄分三教。了得底同悟一心。若能返照迴光。皆得見性成佛。又況人身易失。佛法難逢。欲超六道之周流。唯有一乘之捷徑。須求正見。莫信邪師。悟了方是

隨身。投子有三鴉報曉。李長者解經而天廚送食。須菩提打坐而帝釋散花。達磨隻履西歸。普化搖鈴騰去。羅漢來參於仰山和尚。岳帝受戒於思大禪師。徑山至今猶是龍王打供。雪峯往昔能使木人開山。此皆已驗之因由。切莫自生而退屈。野狐尚聽百丈法。螺螄猶護金剛經。千遊魚聞佛號化而爲天子。五百蝙蝠聽法音而總作聖賢。蟒聞懺以生天。龍聽經而悟道。彼物

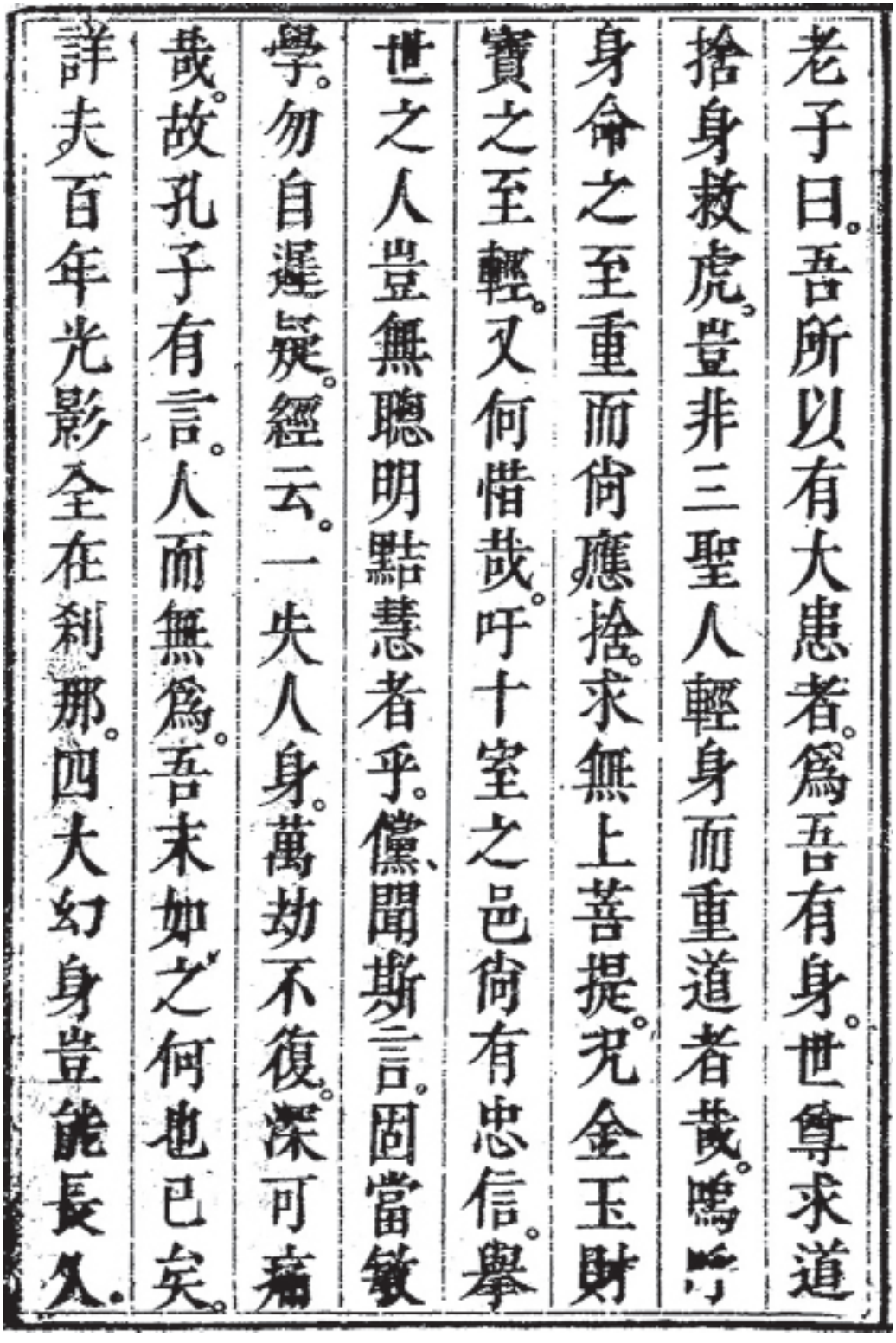


苦。活遭湯火之災。互積冤愆。遞相食噉。那時追
悔。學道無因。何如直下承當。莫待今生蹉過。釋
迦文佛捨皇宮而直往雪山。居士龐公將家財
而悉沈滄海。眞武不統王位惟務修行。呂公既
作神僊尚勤參問。蘇學士常親佛印。韓文公終
禮大顛。裴公奪笏於石霜。房相問法於國一。妙
善不招駙馬成佛無疑。六祖相遇客人聽經頓
悟。禪道若無貶味。聖賢何肯皈依。華林感二虎

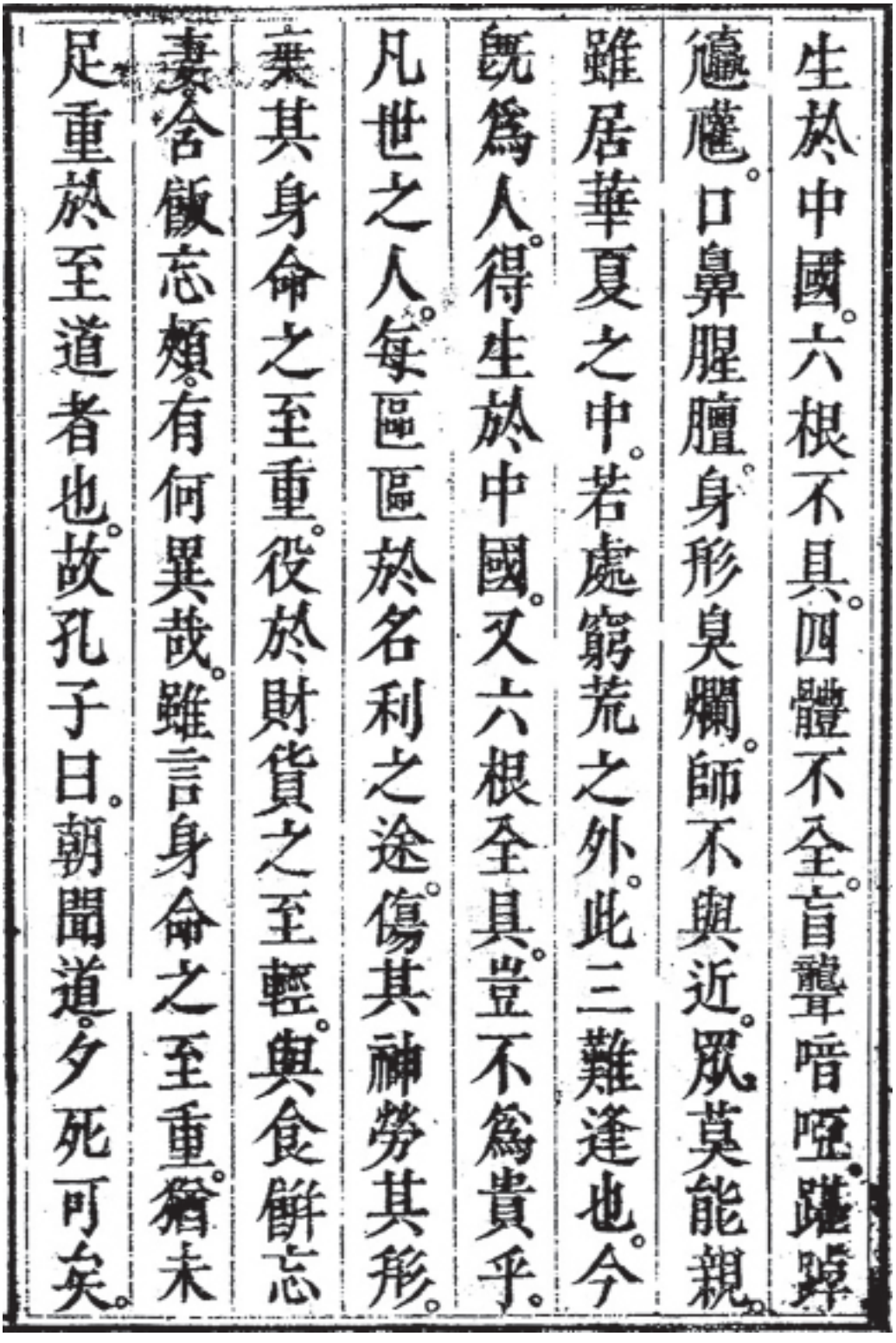


離業網。祇因未有功夫。閻羅王忽地來追。崔判公豈容展限。囘首家親都不見。到頭業報自承當。鬼王獄卒一任欺凌。劍樹刀山更無推抵。或攝沃蕉山下。或在鐵圍山間。受鑊湯則萬死千生。遭劒磕則一刀兩段。饑吞熱鐵。渴飲鎔銅。十二時甘受苦辛。五百劫不見頭影。受足罪業復入輪迴。頓失舊時人身。換却這迴皮袋。披毛帶角。嘶饑負鞍。以肉供人。用命還債。生被刀磕之

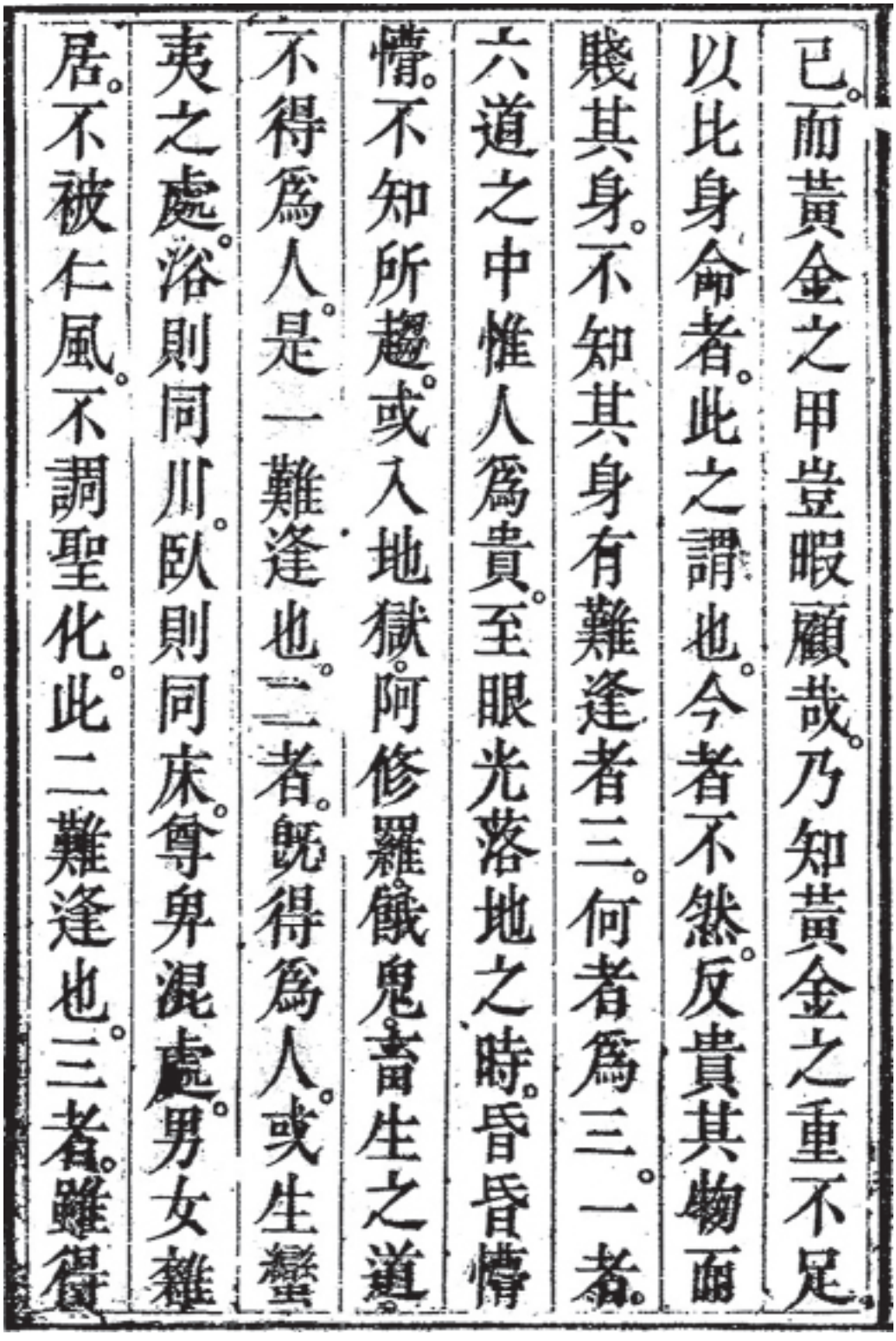
每日塵勞汨汨。終朝業識茫茫。不知一性之圓明。徒逞六根之貪欲。功名蓋世無非大夢一場。富貴驚人難免無常二字。爭人爭我到底成空。誇會誇能畢竟非實。風火散時無老少。溪山磨盡幾英雄。緣鬢未幾而白髮早侵。賀者纔臨而弔者隨至。一包膿血長年苦戀恩情。七尺髑髏忽意。慳貪財寶。出息難期入息。今朝不保來朝。愛河出沒幾時休。火宅憂煎何日了。不願出



老子曰。吾所以有大患者。爲吾有身。世尊求道捨身救虎。豈非三聖人輕身而重道者哉。嗚呼身命之至重而尙應捨。求無上菩提。況金玉財寶之至輕。又何惜哉。吁十室之邑尙有忠信。擧世之人豈無聰明黠慧者乎。儻聞斯言。固當敏學。勿自遲疑。經云。一失人身。萬劫不復。深可痛哉。故孔子有言。人而無爲。吾末如之何也已矣。詳夫百年光影。全在刹那。四大幻身豈能長久。



生於中國。六根不具。四體不全。盲聾喑啞。躃躄
尪羸。口鼻腥膻。身形臭爛。師不與近。眾莫能親。
雖居華夏之中。若處窮荒之外。此三難逢也。今
既爲人。得生於中國。又六根全具。豈不爲貴乎。
凡世之人。每區區於名利之途。傷其神勞其形。
棄其身命之至重。役於財貨之至輕。與食餅忘
妻。合飯忘頰。有何異哉。雖言身命之至重。猶未
足重於至道者也。故孔子曰。朝聞道。夕死可矣。



已。而黃金之甲豈暇顧哉。乃知黃金之重不足
以比身命者。此之謂也。今者不然。反貴其物而
賤其身。不知其身有難逢者三。何者爲三。一者。
六道之中惟人爲貴。至眼光落地之時。昏昏懵
懵。不知所趨。或入地獄。阿修羅餓鬼畜生之道。
不得爲人。是一難逢也。二者。既得爲人。或生蠻
夷之處。浴則同川。臥則同床。尊卑混處。男女雜
居。不被仁風。不調聖化。此二難逢也。三者。雖得

偈曰。

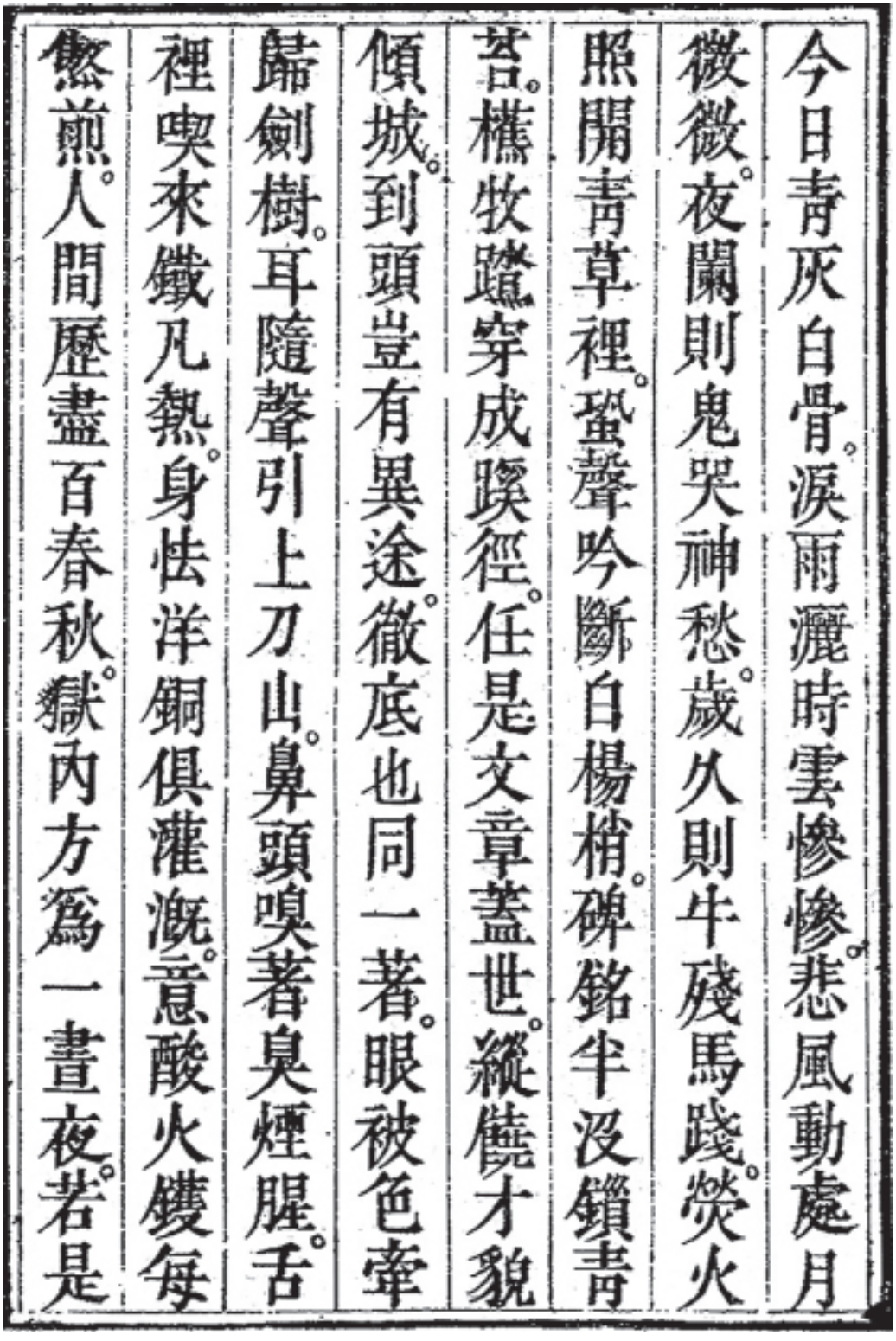
無位眞人赤肉團。 紅紅白白莫相瞞。

誰知雲卷長空淨。 翠露天邊一樣山。

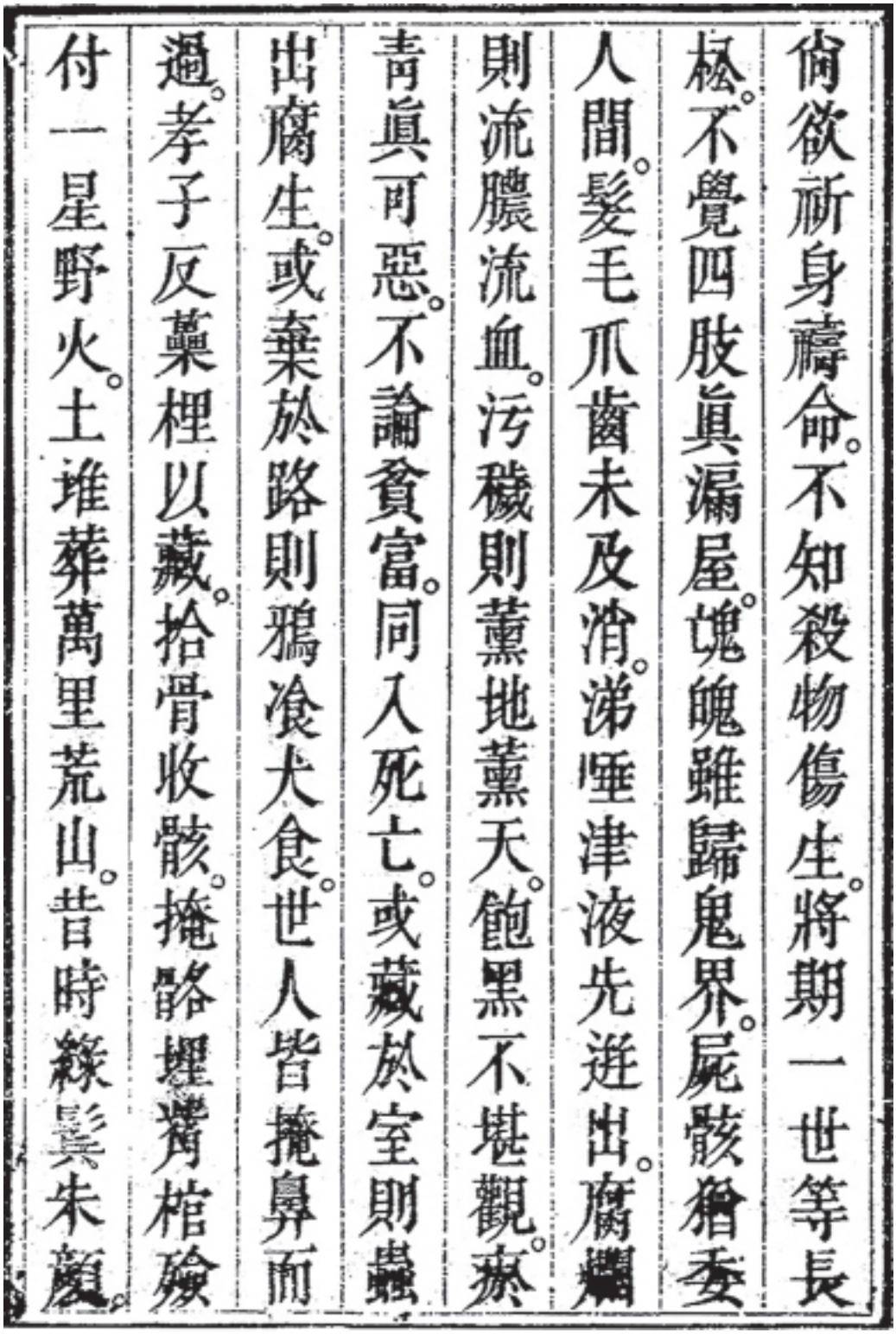
勸發心文。

夫世之至貴者。惟金玉耳。然察其所重。審其所惜。反不及於身命者也。假如有富貴家人拜爲大將。用黃金爲甲以備其身。至臨戰之日。兵刃旣攝之時。或棄甲曳兵而走。冀得全於一身而

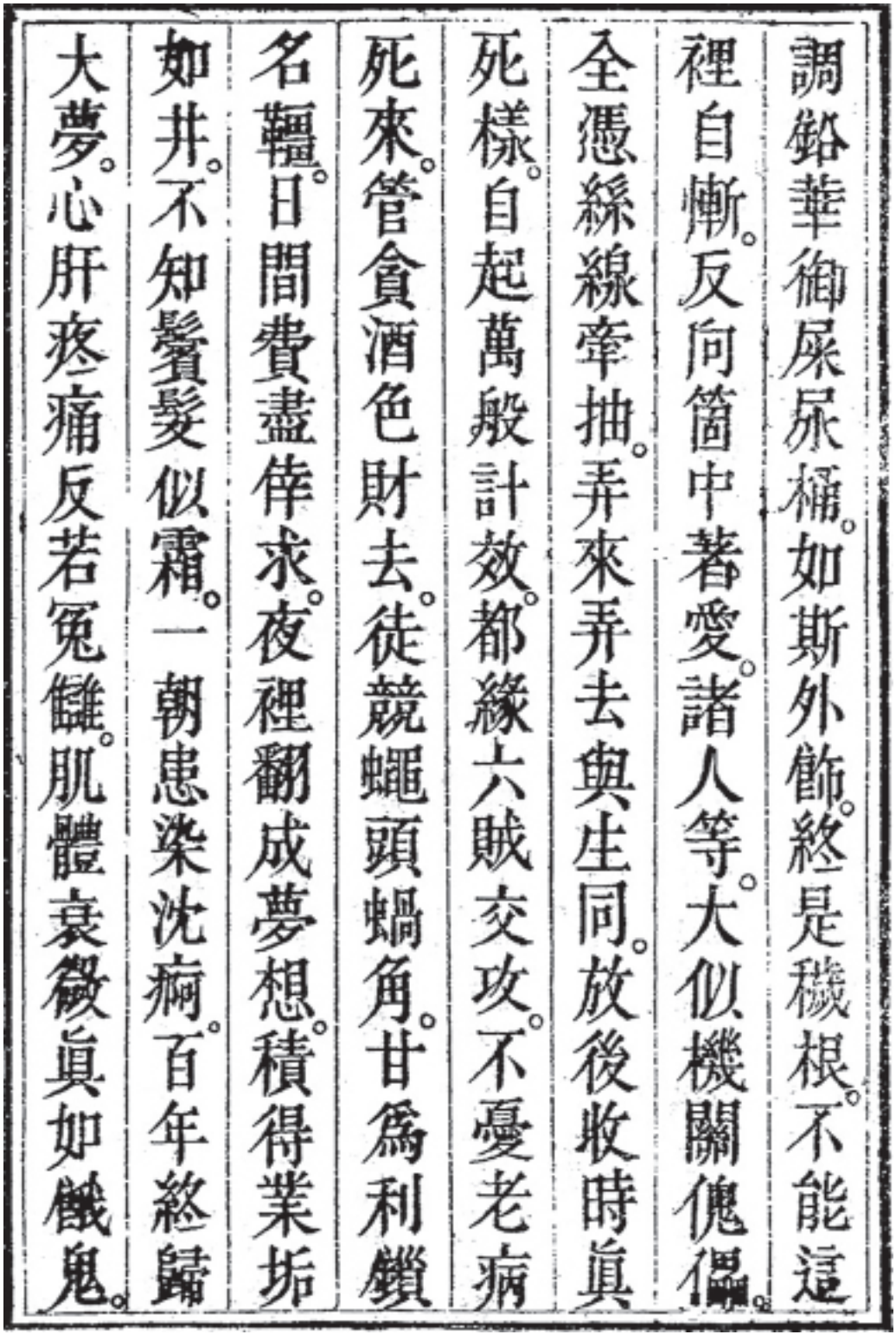
作家具眼。直須早急回觀。飜身跳出死生窠臼。指裂開恩愛網。縱儞男縱儞女總是堪修。任渠智任渠愚盡皆有分。若未達佛心祖意。且先憑持戒念經。及佛亦非祖亦非。則戒何持經何念。居幻色亦名眞色。處凡身也是法身。破六賊爲六神通遊八苦作八自在。雖言恁麼。而人人旣入這身裡。去也是難難。諸人等。只這色身。又什麼生脫也。若未能脫。須來聽取。



今日青灰白骨。淚雨灑時雲慘慘。悲風動處月微微。夜闌則鬼哭神愁。歲久則牛殘馬踐。焚火照開青草裡。蛩聲吟斷白楊梢。碑銘半沒鎖青苔。樵牧蹊穿成蹊徑。任是文章蓋世。縱儻才貌傾城。到頭豈有異途。徹底也同一著。眼被色牽歸劍樹。耳隨聲引上刀山。鼻頭嗅著臭煙腥。舌裡喫來鐵凡熱。身怯洋銅俱灌溉。意酸火鑊每煎熬。人間歷盡百春秋。獄內方爲一晝夜。若是



尙欲祈身禱命。不知殺物傷生。將期一世等長
柩。不覺四肢眞漏屋。魄雖歸鬼界。屍骸猶委
人間。髮毛爪齒未及消。涕唾津液先迸出。腐爛
則流膿流血。汚穢則薰地薰天。飽黑不堪觀。瘵
青眞可惡。不論貧富。同入死亡。或藏於室則蟲
出腐生。或棄於路則豺狼犬食。世人皆掩鼻而
過。孝子反藁裡以藏。拾骨收骸。掩骼埋胔棺殮
付一星野火。土堆葬萬里荒山。昔時綠鬢朱顏



調鉛華御屎尿桶。如斯外飾。終是穢根。不能這裡自慚。反向箇中著愛。諸人等。大似機關傀儡。全憑絲線牽抽。弄來弄去與生同。放後收時眞死樣。自起萬般計效。都緣六賊交攻。不憂老病死來。管貪酒色財去。徒競蠅頭蝸角。甘爲利鎖名韁。日間費盡俾求。夜裡翻成夢想。積得業垢如井。不知鬢髮似霜。一朝患染沈痾。百年終歸大夢。心肝疼痛反若冤讎。肌體衰微眞如餓鬼。

是認賊作子。你可仔細看來。秖這色身未入胞胎之日。那處得有。蓋由念起緣會。五蘊合成。體貌妄生。形容假出。忘眞忘本。現僞現虛。或女或男。或妍或醜。盡是縱心放去。都無退步回光。驅馳生死路頭。失卻本來面目。由是供眸外認。誰知顧首內看。來時生是化生。到處夢中說夢。波波漾漾。役役匆匆。以幻爲眞。背空趨色。骷髏架搋花簪玉。臭皮袋帶麝熏蘭。剪羅綺裹膿血囊。

氣潛消八水凝波增凜冽。

偈曰。

擺蕩在風括地生。漁翁醉裏釣舟橫。

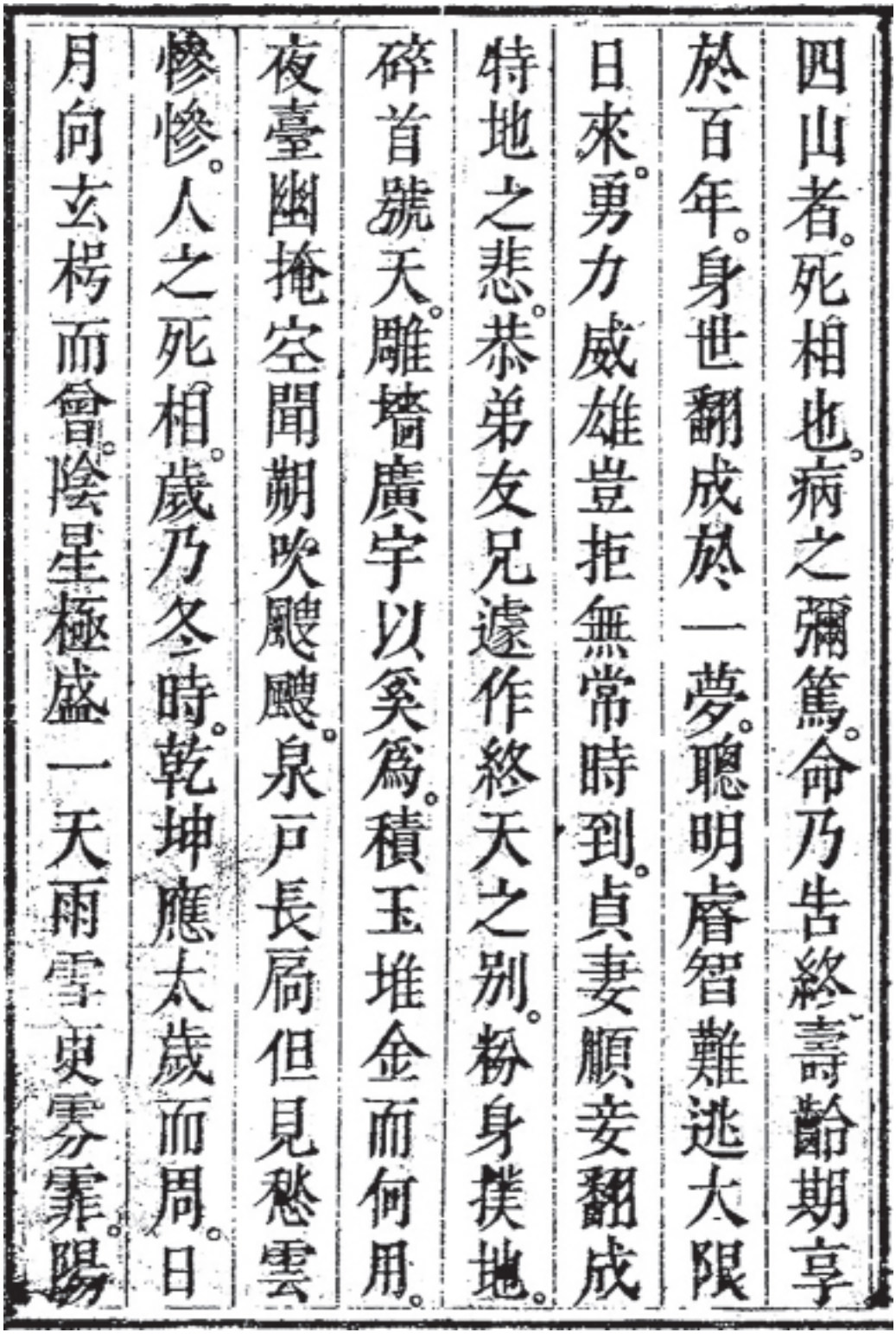
四垂雲合陰霾色。一派波翻鼓動聲。

雨脚陣催颼歷歷。雷車輪轉怒轟轟。

暫時塵斂天邊淨。月落長江夜幾更。

普說色身。

諸人等。身爲苦本。質是業因。若自以此爲眞。也

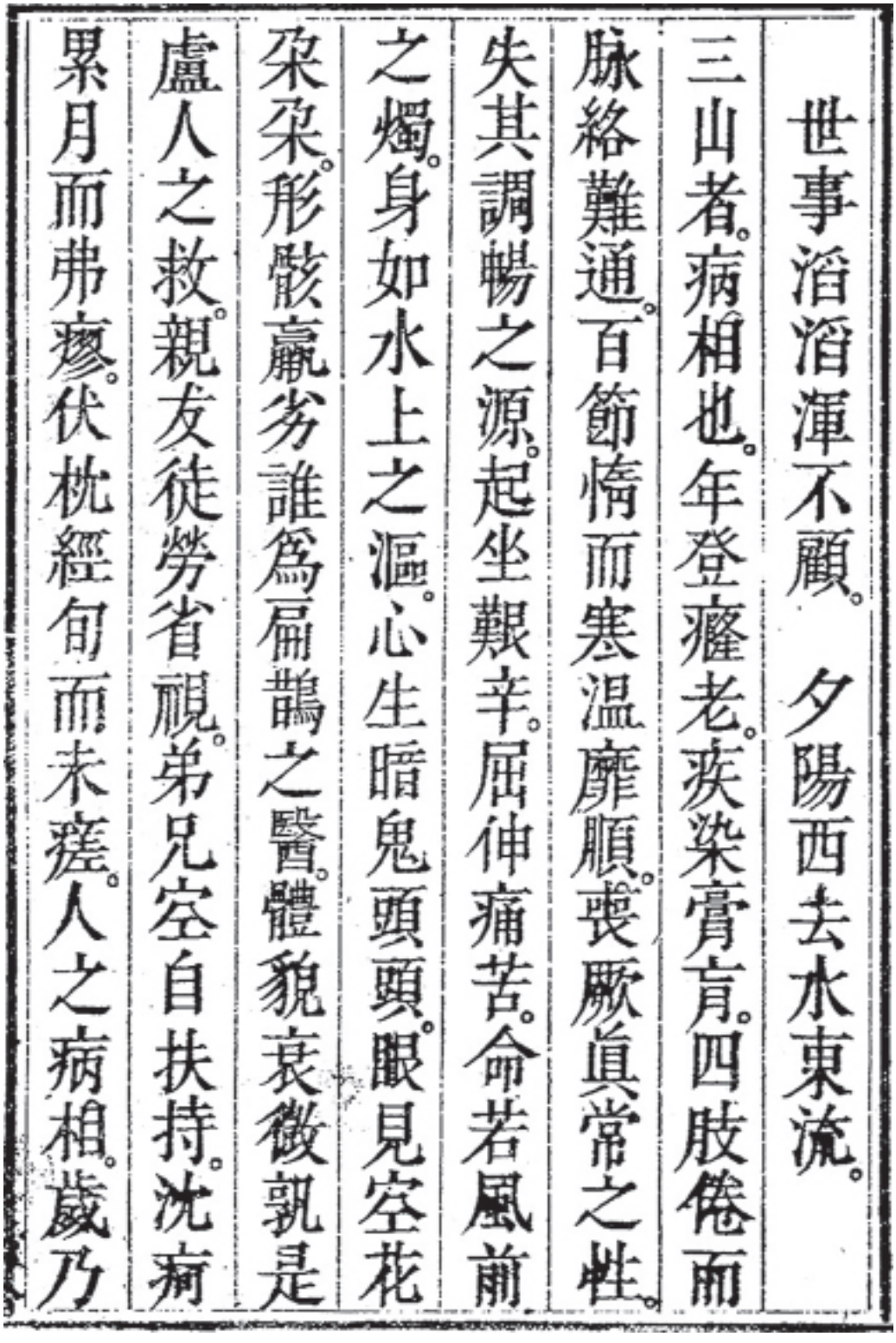


四山者。死相也。病之彌篤。命乃告終。壽齡期享於百年。身世翻成於一夢。聰明睿智難逃大限日來。勇力威雄豈拒無常時到。貞妻順妾翻成特地之悲。恭弟友兄遽作終天之別。粉身撲地。碎首號天。雕墻廣宇以奚爲。積玉堆金而何用。夜臺幽掩。空聞朔吹颼颼。泉戶長扃。但見愁雲慘慘。人之死相。歲乃冬時。乾坤應太歲而周。日月向玄枵而會。陰星極盛。一天雨雪更零。陽

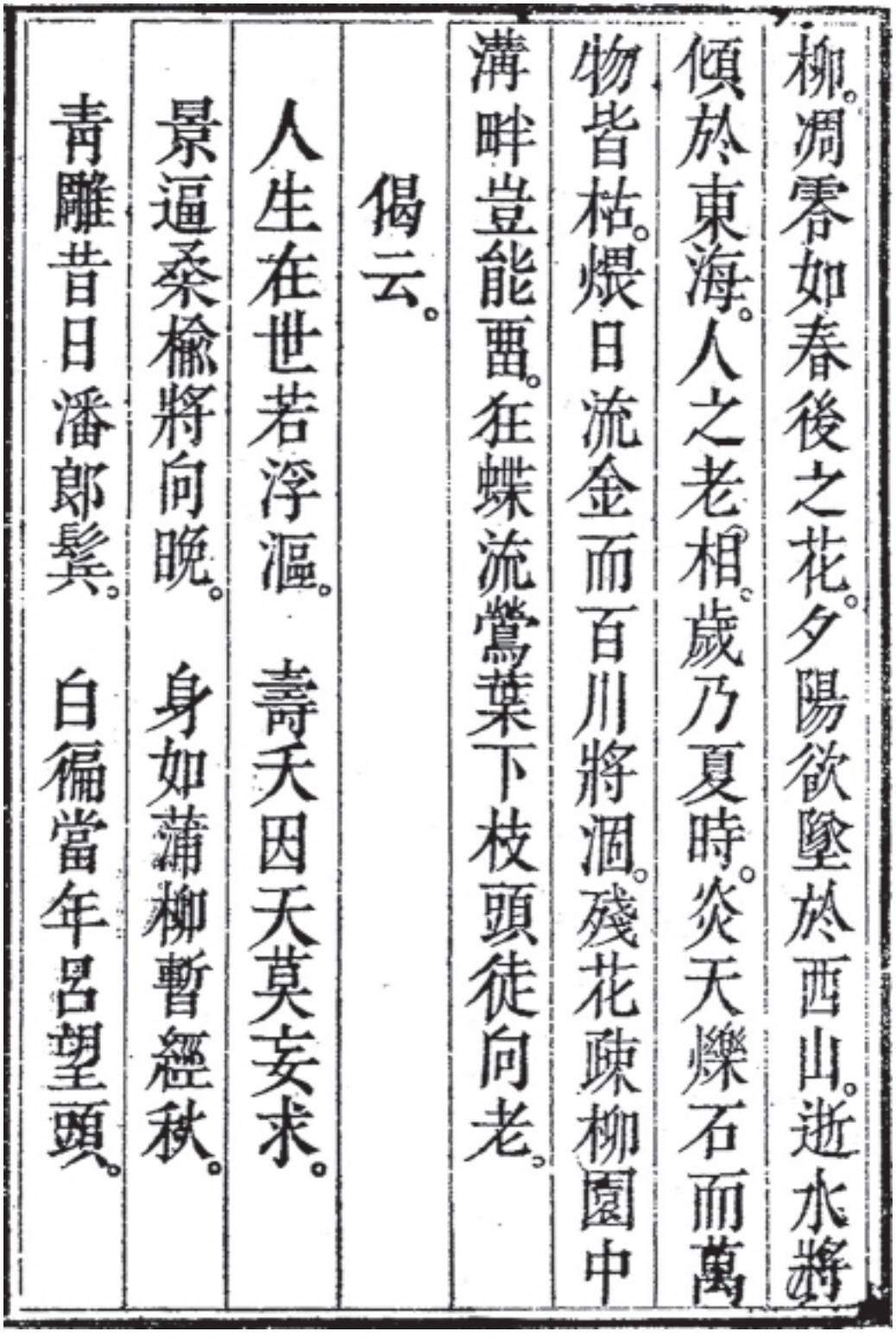
秋時。適嚴霜始降之辰。届眾草俱腓之候。密林茂樹金風一扇幾扶疎。青嶂翠峯玉露初垂增洽落。

偈曰。

陰陽愆德本相因。變作災危及世人。
大抵有身方有病。若還無病亦無身。
靈丹謾說長生術。良藥難希不死春。
早願遠離魔境界。回心向道養天眞。



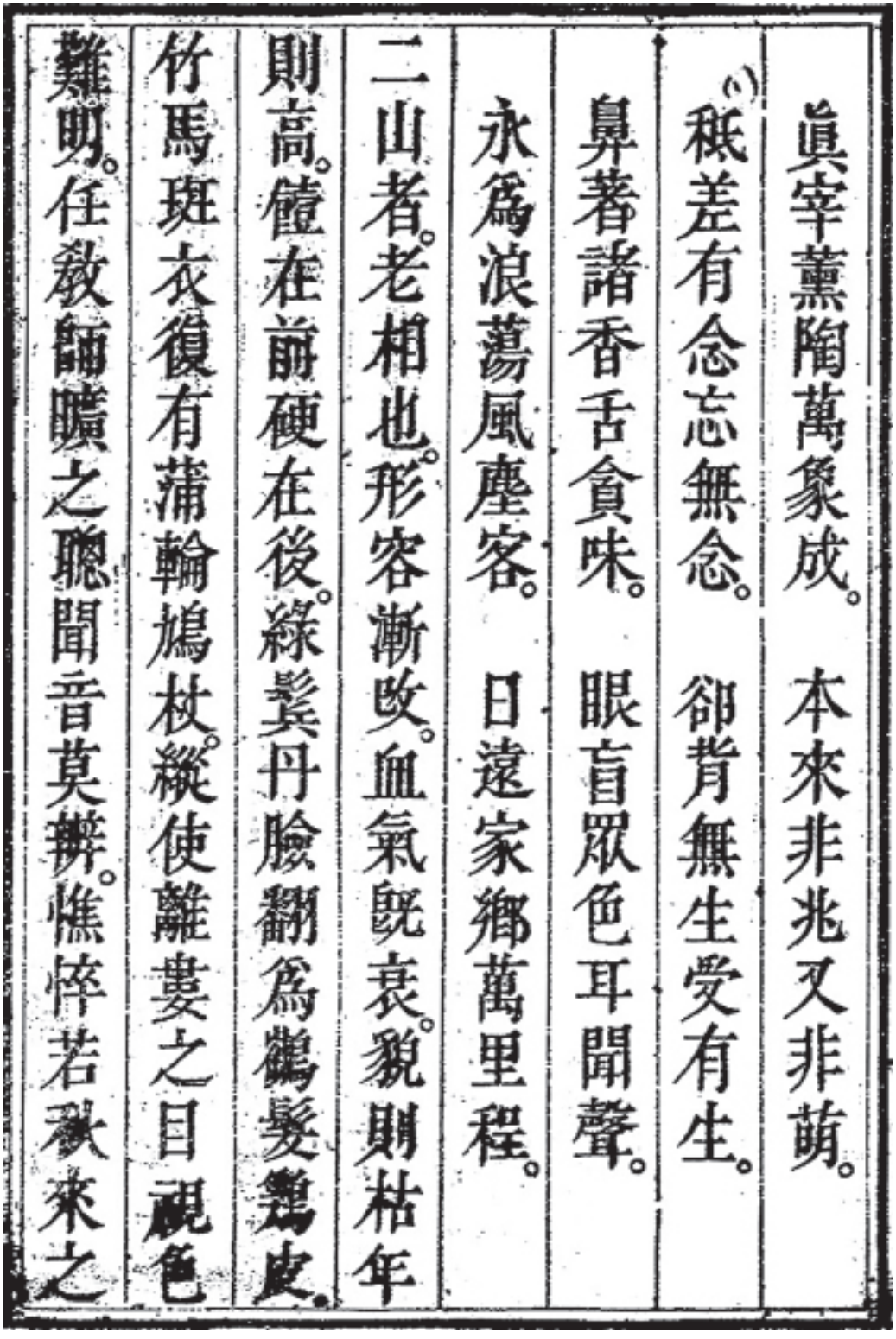
世事滔滔渾不顧。夕陽西去水東流。
三山者。病相也。年登癃老。疾染膏肓。四肢倦而脉絡難通。百節惰而寒温靡順。喪厥眞常之性。失其調暢之源。起坐艱辛。屈伸痛苦。命若風前之燭。身如水上之漚。心生暗鬼頭頭。眼見空花朵朵。形骸羸劣。誰爲扁鵲之醫。體貌衰微。孰是盧人之救。親友徒勞省視。弟兄空自扶持。沈痾累月而弗瘳。伏枕經旬而未瘥。人之病相。歲乃



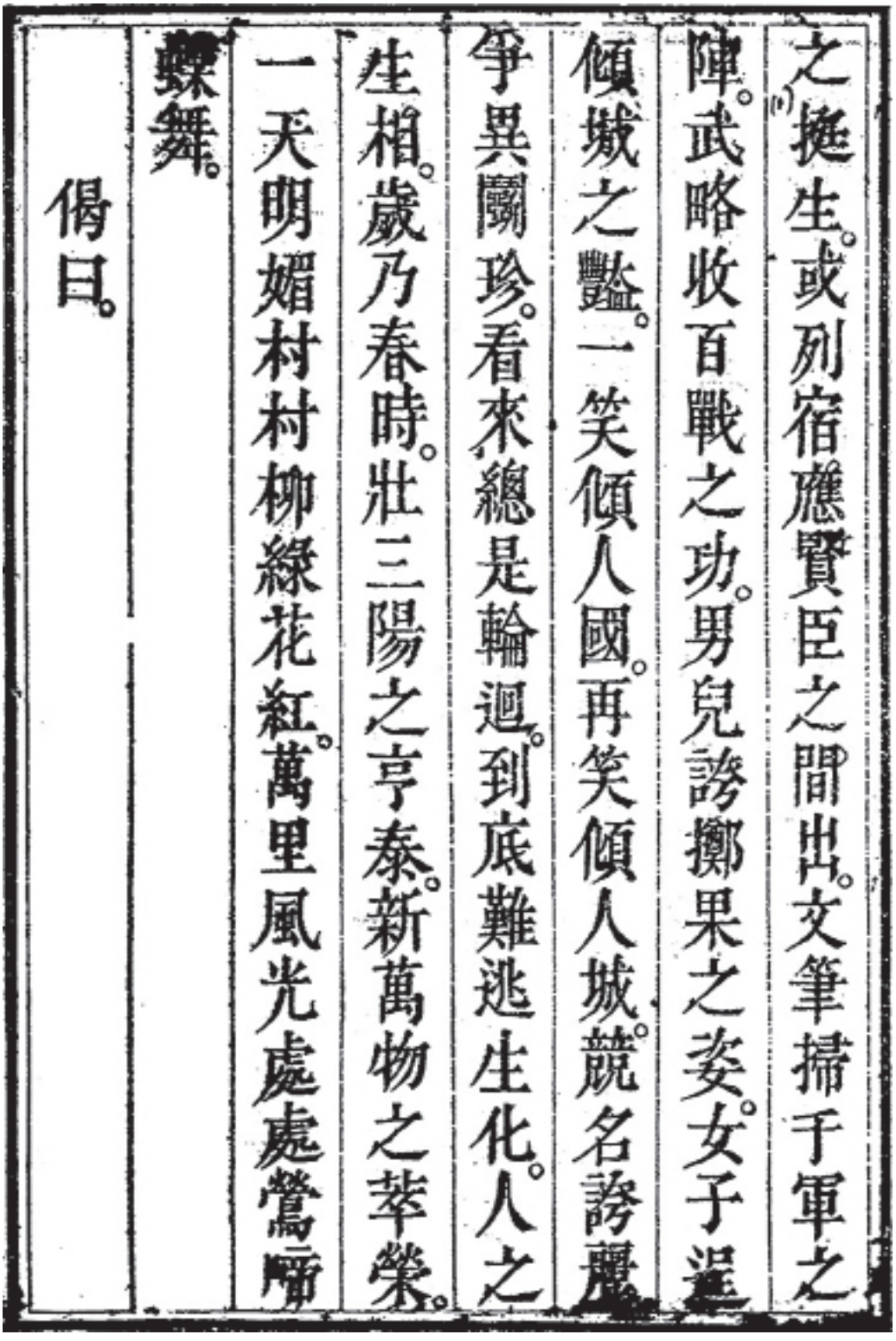
柳。凋零如春後之花。夕陽欲墜於西山。逝水將傾於東海。人之老相。歲乃夏時。炎天爍石而萬物皆枯。熯日流金而百川將涸。殘花疎柳園中溝畔豈能留。狂蝶流鶯葉下枝頭徒向老。

偈云。

人生在世若浮漚。壽夭因天莫妄求。
景逼桑榆將向晚。身如蒲柳暫經秋。
青雕昔日潘郎鬢。白徧當年呂望頭。

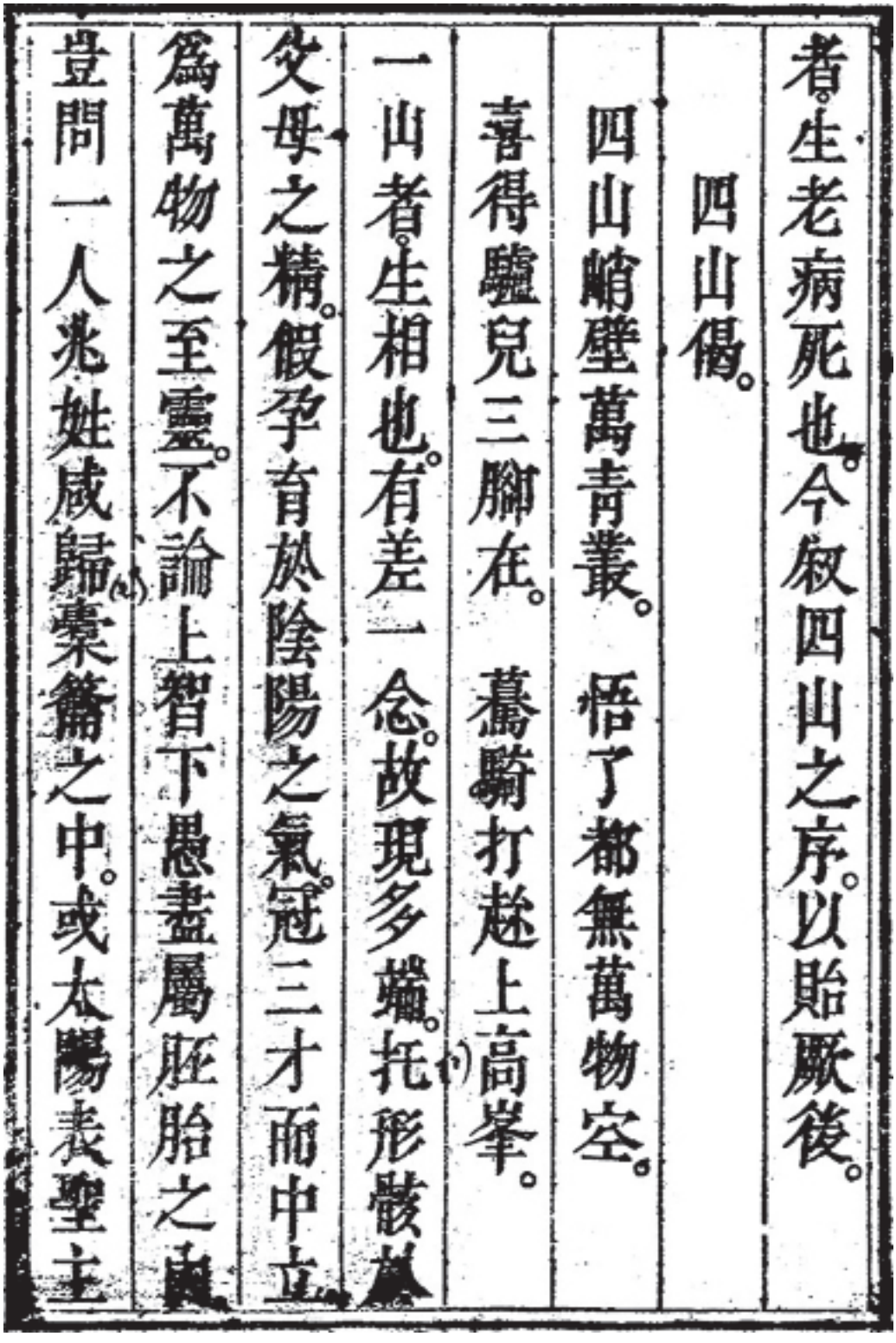


眞宰薰陶萬象成。本來非兆又非萌。
稊(1)差有念忘無念。卻背無生受有生。
鼻著諸香舌貪味。眼盲眾色耳聞聲。
永爲浪蕩風塵客。日遠家鄉萬里程。
二山者。老相也。形容漸改。血氣既衰。貌則枯年則高。饘在前硬在後。綠髮丹臉翻爲鸛髮鷄皮。竹馬斑衣復有蒲輪鳩杖。縱使離婁之目覩色難明。任教師曠之聰聞音莫辨。憔悴若秋來之



之捷生。或列宿應賢臣之間出。文筆掃千軍之陣。武略收百戰之功。男兒誇擲果之姿。女子逞傾城之豔。一笑傾人國。再笑傾人城。競名誇麗爭異鬬珍。看來總是輪迴。到底難逃生化。人之生相。歲乃春時。壯三陽之亨泰。新萬物之華榮。一天明媚村村柳綠花紅。萬里風光處處鶯啼蝶舞。

偈曰。



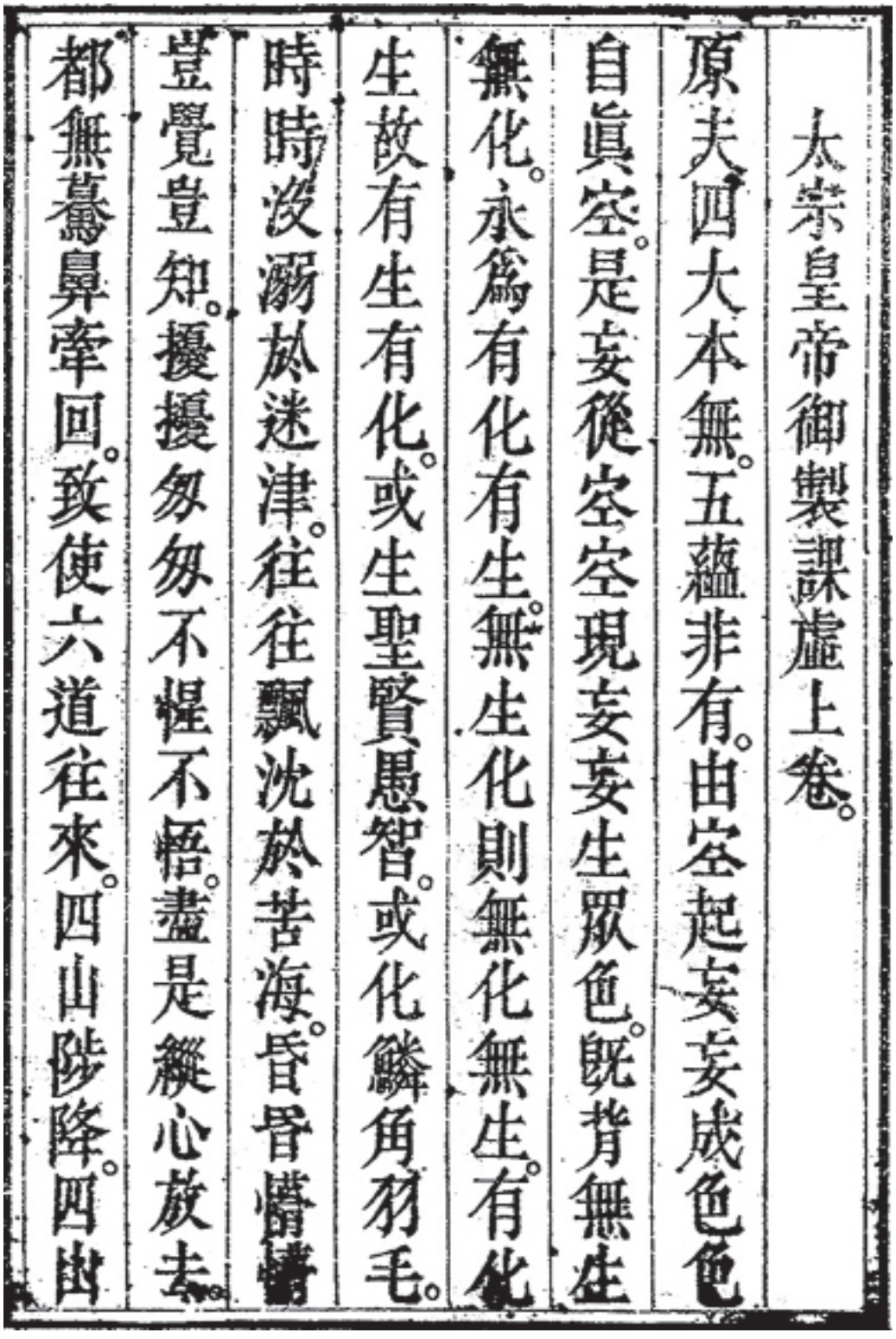
者。生老病死也。今叙四山之序。以貽厥後。

四山偈。

四山崩壞萬青叢。悟了都無萬物空。

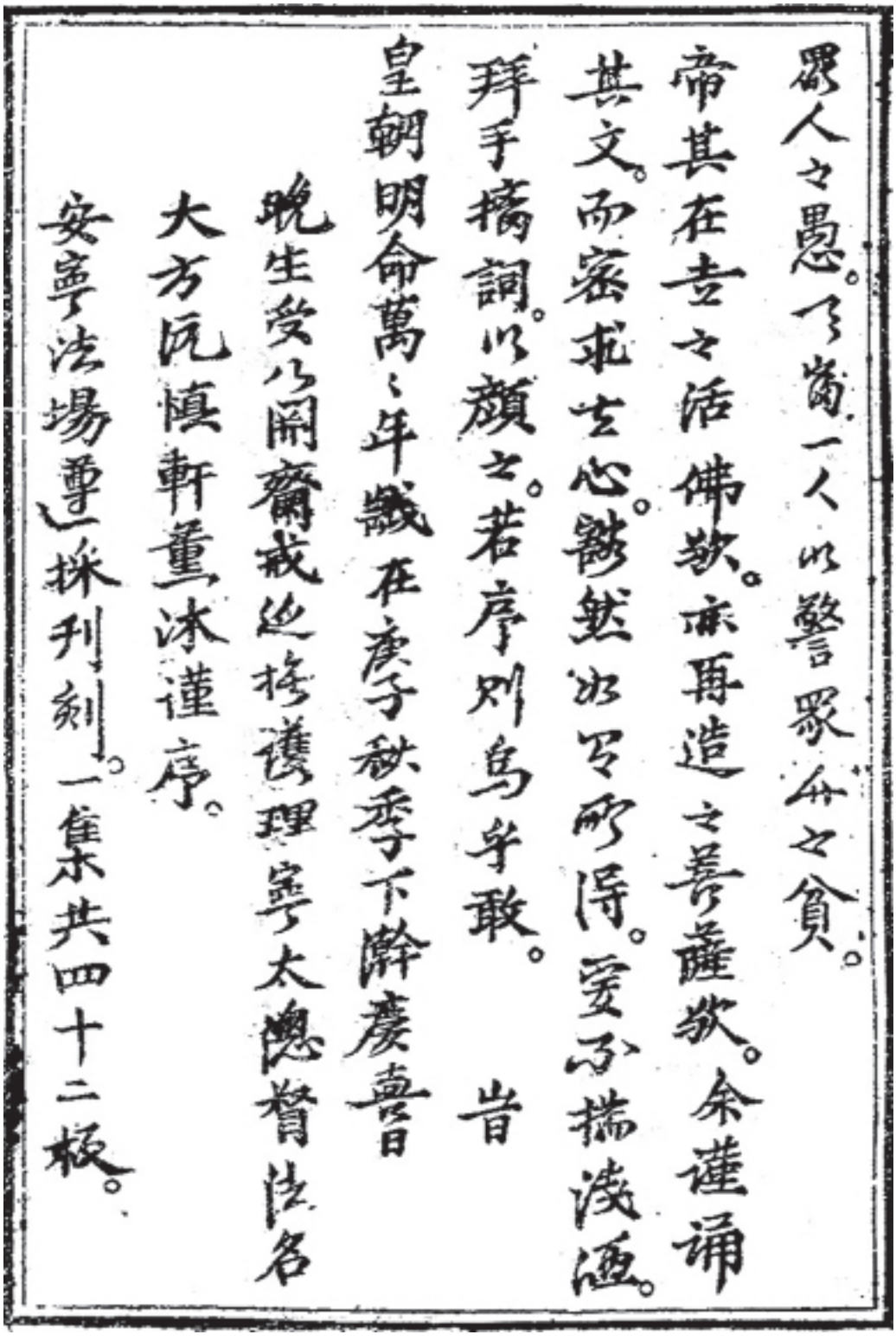
喜得驢兒三腳在。驀騎打趁上高峯。

一山者。生相也。有差一念。故現多端。托形骸於父母之精。假孕育於陰陽之氣。冠三才而中立。爲萬物之至靈。不論上智下愚。盡屬胚胎之內。豈問一人兆姓。咸歸橐籥之中。或太陽表聖主

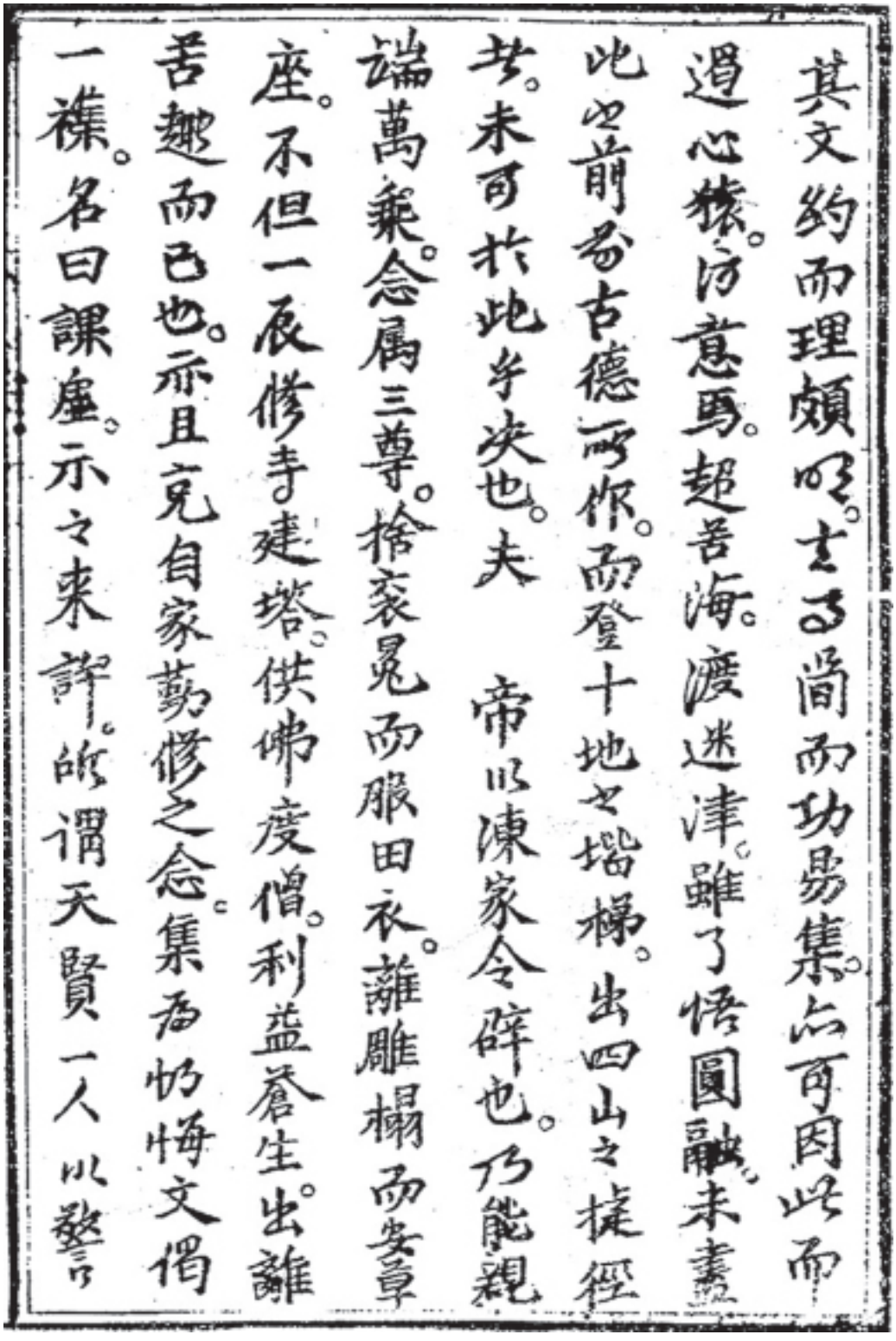


太宗皇帝御製課虛上卷。

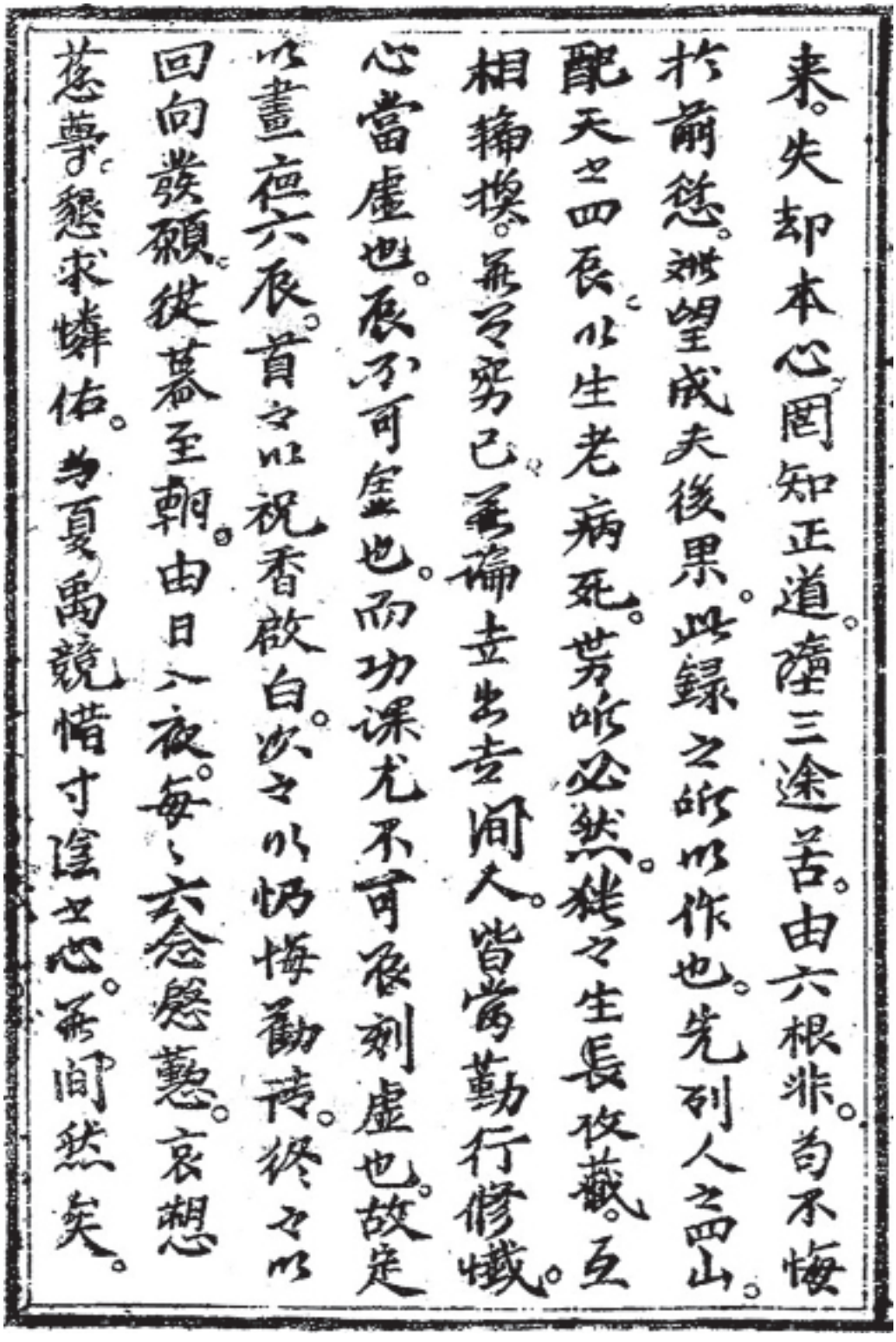
原夫四大本無。五蘊非有。由空起妄。妄成色色自眞空。是妄從空。空現妄妄生眾色。既背無生無化。永爲有化有生。無生化則無化無生。有化生故有生有化。或生聖賢愚智。或化鱗角羽毛。時時沒溺於迷津。往往飄沈於苦海。昏昏憒憒豈覺豈知。擾擾匆匆不惺不悟。盡是縱心放去。都無驀鼻牽回。致使六道往來。四山陟降。四出



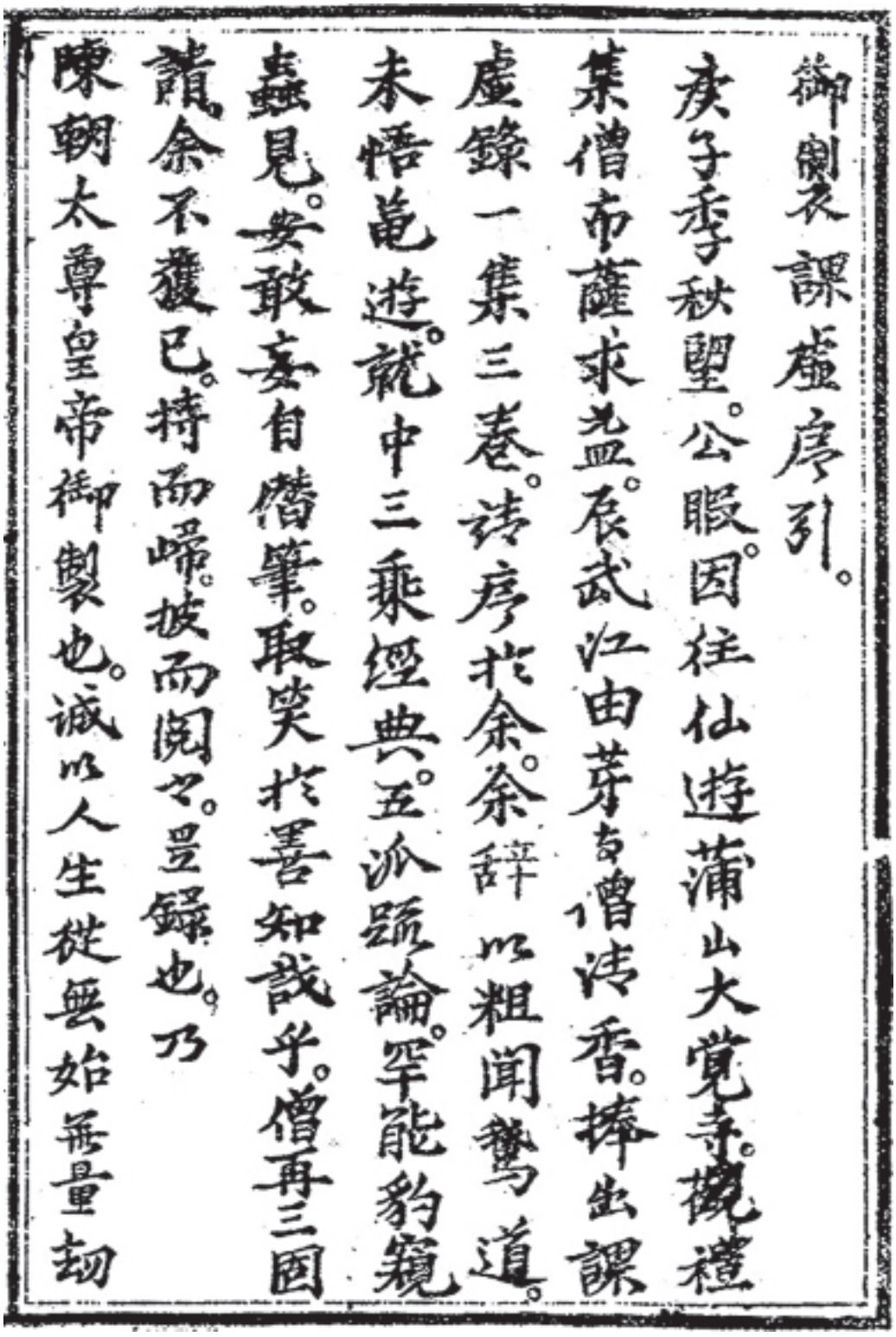
眾人之愚。乃嵩一人以警眾人之貪。
帝其在壹之活佛教。亦再造之善薩教。余謹誦
其文。而密求其心。鬱然如不可得。爰乃揣淺酒。
拜手摘詞。以頌之。若序則烏乎敢。 皆
皇朝明命萬〻年歲在庚子秋季下澣慶壽
晚生受乃開齋戒述修護理寧太總督法名
大方沉慎軒董沐謹序。
安寧法場重採刊刻。一集共四十二板。



其文約而理頗明。士子簡而功易集。亦可因此而過心猿。河意焉。超苦海。渡迷津。雖了悟圓融。未盡此心前劫古德所作。而登十地之堦梯。出四山之捷徑者。未可於此乎決也。夫　帝以凍家令辟也。乃能親端萬乘。念屬三尊。捨衮冕而服田衣。謝雕欄而安草座。不但一辰修寺建塔。供佛度僧。利益蒼生。出離苦趣而已也。亦且克自家勤修之念。集西竺悔文偈一葉。名曰課塵。示之來許。所謂天賢一人以警



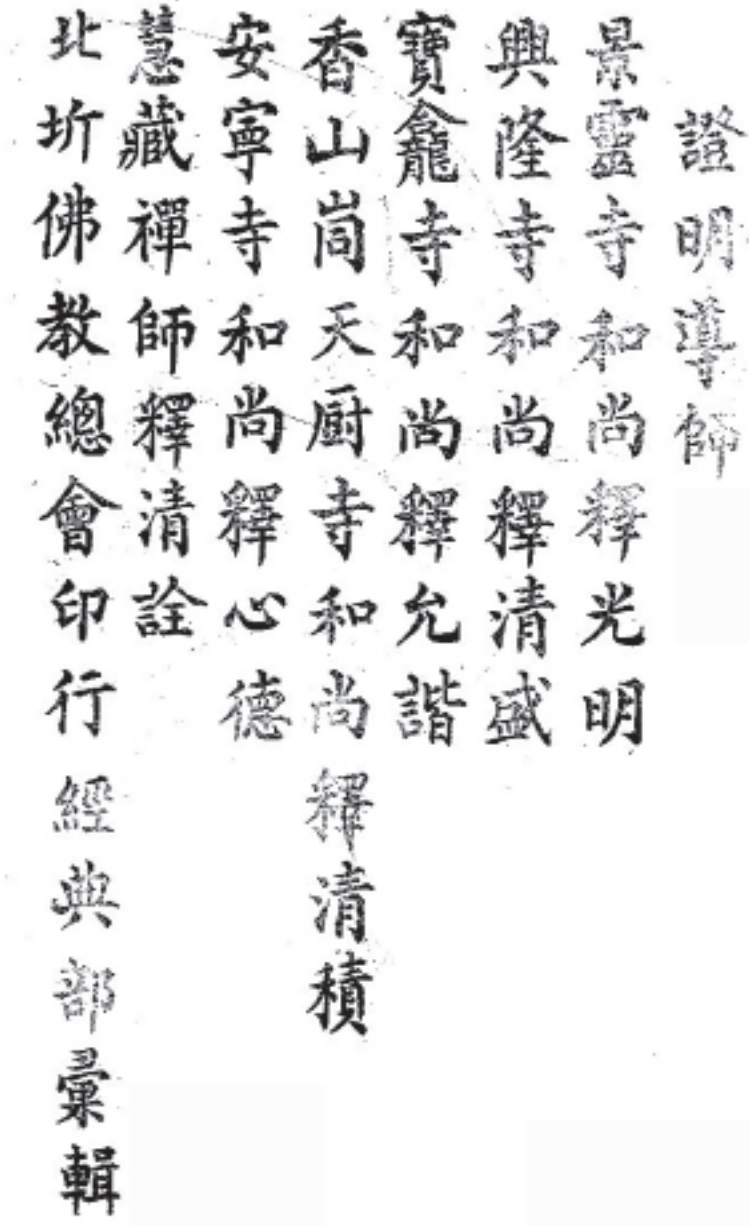
来。失却本心。罔知正道。墮三途苦。由六根非。苟不悔於前愆。瞬望成夫後果。此録之所以作也。先列人之四山。配天之四長。以生老病死。苦所必然。稚之生長收藏。互相捲換。甚可厭苦。而諭世之人。皆當勤行修懺。心當虚也。長不可空也。而功課尤不可長刻虚也。故定以晝夜六長。首之以祝香啟白。次之以悔勸誥。終之以回向發願。從暮至朝。由日入夜。每一六念懇懃。哀想慈尊。懇求憐佑。為夏禹競惜寸陰之心。甚明然矣。



御製衣課虛序引。
庚子季秋望。公暇。因往仙遊蒲山大覺寺。觀禮
集僧帝薩求益。辰武江由芽寺僧沽香。捧出課
虛錄一集三卷。請序於余。余辭以粗聞鄙道。
未悟竜遊。就中三乘經典。五泏頌論。罕能豹窺
蠡見。安敢妄自僭筆。取笑於暑知哉乎。僧再三固
請。余不獲已。持而歸。披而閱之。豈錄也。乃
陳朝太尊皇帝御製也。誠以人生從無始無量劫

陳太宗御製課虛

越南佛典發刊卷七


證明導師
景靈寺和尚釋光明
興隆寺和尚釋清盛
寶龍寺和尚釋允諧
香山崗天厨寺和尚釋清積
安寧寺和尚釋心德
慧藏禪師釋清詮
北圻佛教總會印行
經典部彙輯

河內遠東博古學院護刊

越南佛典叢刊

河內北圻佛教總會發行